ĐỖ TƯ NGHĨA

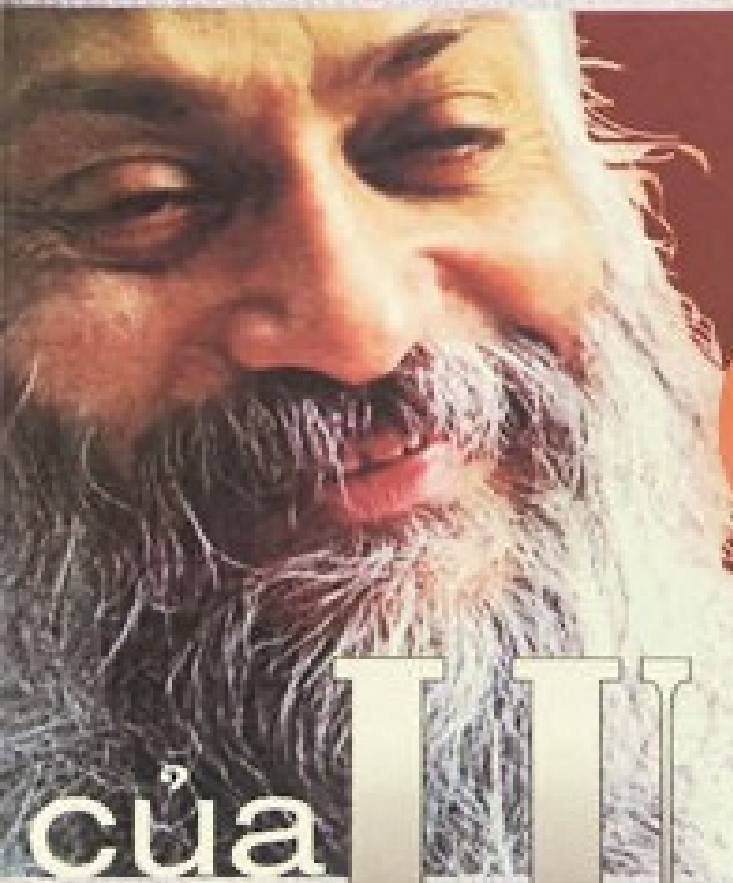

Cuộc đời của LUẬN SƯ

RAJNEESH CHANDRA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Table of Contents

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG CỦA OSHO

ĐÔI LỜI CỦA NGƯỜI DỊCH

LỜI NÓI ĐẦU

LỜI TỰA

PHẦN I: Chương I

PHẦN I: CHƯƠNG II

PHẦN I: CHƯƠNG III

PHẦN I: CHƯƠNG IV

PHẦN I: CHƯƠNG V

PHẦN I: CHƯƠNG VI

PHẦN I: CHƯƠNG VII

PHẦN II: Chương VIII

PHẦN II: CHƯƠNG IX

PHẦN II: CHƯƠNG X

PHẦN II: CHƯƠNG XI

PHẦN II: CHƯƠNG XII

PHẦN II: CHƯƠNG XIII

PHẦN II: CHƯƠNG XIV

PHẦN II: CHƯƠNG XV

PHẦN III: Chương XVI

PHẦN III: CHƯƠNG XVII

PHẦN III: CHƯƠNG XVIII

PHẦN III: CHƯƠNG XIX

APPENDIX (PHỤ LỤC)

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG CỦA OSHO

I

Osho (1931-1990) là một vị đạo sư hết sức kỳ lạ của thế kỷ hai mươi.

Tên thật của ông là Rajneesh Chandra Mohan Jain. Khoảng trong thập kỷ 70 người ta biết đến ông với tên Bhagwan Shree Raineesh. Tháng 2 năm 1989, ông tự đổi tên là Osho. Osho vốn là danh xưng tiếng Nhật Bản cổ, có nghĩa là "đạo sư" của một dòng Thiền. [1] Tác phẩm bạn đọc đang cầm trên tay, Tự Truyện Osho, kể lại cuộc đời lạ lùng và quan niệm của ông về nhiều vấn đề, thế tục cũng như tâm linh.

Osho để lại một số lượng tác phẩm đồ sộ với hàng trăm cuốn sách và vô số các bài thuyết giảng. Ông là một người gây nên rất nhiều tranh cãi trong số những ai quan tâm đến triết học phương đông, trong giới những người tầm cầu tôn giáo và đạo sư. Có thể nói, ông là một trong những người gây phân hóa cùng cực nhất về mặt đạo lý, nhưng cũng là người có sức thu hút mạnh mẽ nhất trong các bài giảng về tôn giáo và triết học.

Nhân cách của Osho có một sức thu hút mãnh liệt, nó biểu hiện trong những bài luận giải xuất chúng của ông về mọi vấn đề tôn giáo và triết học, kể cả về các bộ kinh lâu đời nhất mà nhiều vị luận sư đã dày công trình bày. Những ai đã gặp ông đều thừa nhận Osho có một tài hùng biện đầy ma lực, một sự hấp dẫn cá nhân mà người nghe hầu như không thể cưỡng lại.

Sự thật về con người Osho nằm ở đâu ? Chính ông cũng nói về triết học của mình là một thứ triết học phi triết học (philosophy of no

philosophy). Tuy thế, một khi độc giả đã cầm quyển sách này trong tay, một lời dẫn nhập ngắn nhằm giới thiệu con người và quan niệm của Osho có lẽ sẽ giúp độc giả hiểu được một phần con người kỳ dị này của thế kỷ trước. Đó là mục đích của bài này.

II

Trước hết, trong những năm 60, Osho là giáo sư triết học tại đại học Jabalpur, Ấn Độ. Về bản thể luận, ông là người có một quan niệm Nhất Thể (Monism) về vũ trụ. Đối với ông, Thượng đế nằm trong mọi vật, nằm trong mọi con người. Không hề có sự phân biệt nào giữa "Thượng đế" và "phi Thượng đế". Toàn thể mọi con người, dù là người tồi tệ nhất, đều thiêng liêng cả. Mọi dạng xuất hiện của một thứ năng lượng mang tên là "Thượng đế" đối với ông đều đáng ngưỡng mộ và điều này sẽ thể hiện trong quan niệm hành trì mà ông muốn truyền bá.

Đối với đời người, Osho cho rằng giá trị cao cả nhất của cuộc đời là lòng yêu thương, sự vui cười và thiền định. Niềm ân thưởng vô giá nhất của cuộc đời là trải nghiệm được sự giác ngộ tâm linh (spiritual enlightenment). Sự giác ngộ đó được ông miêu tả là nằm yên trong "trạng thái bình thường của sự hiện hữu của tất cả mọi vật đang dựng xây vũ trụ". Con người chúng ta lẽ ra ai cũng có thể trải nghiệm được trạng thái giác ngộ đó, nhưng sự thực là con người bị đánh lạc hướng do hoạt động tư duy cũng như do mong ước và dục vọng sinh ra bởi sự ràng buộc của xã hội. Vì thế, thay vì hưởng được niềm vui cao cả của sự hữu hiện, con người rơi vào một tình trạng của sợ hãi và ức chế. Ông quan niệm rằng, muốn trở lại trạng thái hồn nhiên và an lạc, con người phải tự mình giải thoát khỏi sợ hãi và ức chế.

Với nhận thức này Osho hoàn toàn nằm trọn vẹn trong truyền thống của triết học Ấn Độ, nhất là trong Đại thừa Phật giáo. Nếu nhớ đến tư tưởng của Mã Minh trong Đại thừa khởi tín luận, hay Thiền ngữ "Tâm bình thường là đạo" của Nam Tuyền, hay các phép hành trì của Phật giáo Tây Tạng, hay tư tưởng của các vị đạo sư của thời hiện đại như Aurobindo hoặc Krishnamurti, vân vân, ta dễ dàng thấy sự trùng hợp tuyệt đối về nhận thức luận giữa ông và các truyền thống đó. Chỉ có điều khác biệt là, Osho nói về các nhận thức này một cách hùng biện và mới mẻ, và nhất là với tính cách của một giáo sư triết học, trong các luận giải, ông phối hợp một cách tài tình những truyền thống của Phật giáo, Jaina giáo, Hindu giáo, Ky tô giáo, Sufism (một truyền thống của Hồi giáo), và triết học cổ của Hy Lạp. Thế nhưng, cũng như mọi nhà đạo học khác, ông không quên chỉ rõ, không một nền triết học nào có thể diễn bày được chân lý, có thể thay thế được sự chứng thực cá nhân.

Do đó sự trải nghiệm, sự chứng thực của trạng thái giác ngộ là cốt tủy của mọi sự. Ông tự nhận mình đã đạt trạng thái này năm 21 tuổi. Phương pháp khả dĩ đưa đến giác ngộ là phép thiền định. Nhưng thiền định là gì và hành trì thiền định như thế nào? Theo Osho thiền định là một trạng thái nằm ngoài tâm. Thiền định không phải là sự tập trung. Thiền định không hề là một dạng của sự tư duy có tính tâm linh mà là một tình trạng vắng bặt tư duy. Mọi triết lý về thiền định có thể ví như to tiếng bàn luận về sự lặng yên, còn thiền định là bản thân sự lặng yên. Đó là một tình trạng có thể xảy ra bất chợt, một tình trạng mà ta có thể ở trong đó, chứ không phải là một sản phẩm do ta tạo ra. Quan niệm này về thiền của Osho không hề khác với các phát biểu xưa nay của các vị Thiền sư của miền Đông Á, trong đó có Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam. Nhưng cách hành trì thiền định do Osho đề ra thì khác hẳn.

Osho cho rằng con người hiện đại, nhất là người phương Tây rất khó áp dụng phép tọa thiền, tìm sự an tĩnh và ngưng bặt tư tưởng bằng cách ngồi yên. Vì thế ông đề xuất những phép thiền tích cực (Active Meditation) và cho rằng những phép hành trì của thiền tích

cực sẽ đưa con người vào trạng thái thiền định một cách tự nhiên. Nội dung của các phép thiền tích cực này là cho phép con người rủ bỏ những gì ức chế mình bằng cách để cho chúng được thể hiện một cách tự nhiên. Trong các phép thiền tích cực do Osho đề ra ta có thể kể phép thiền năng động (Dynamic Meditation), thiền Kundalini, Nadabrahma, Natajai, trong đó phép thiền năng động được chú ý nhiều nhất. Trong phép thiền năng động, thường thường thiền sinh bắt đầu với những hoạt động mạnh mẽ về thể chất, sau đó là sự lặng yên và lễ hội“ (celebration). Phép thiền này tin rằng, qua đó con người sẽ vượt thắng sự sợ hãi, giảm bỏ sự ức chế, phát sinh được một dạng của không tính (state of emptiness) và đạt giác ngộ. Đối với Osho, muốn đối trị sự ức chế nào ta phải kích động nó lên, nếm trải, chứng nghiệm nó và cuối cùng trực nhận nó chỉ là "không" thì mới thực sự siêu việt được nó. Theo ông một con người giác ngộ sẽ là "phi quá khứ, phi tương lai, không ràng buộc, không tâm thức, vô ngã, vô bản chất".

Đó là những nét cơ bản về quan niệm của Osho về phép hành thiền. Thật ra thì phương pháp chủ động kích thích dục vọng của con người lên để chứng nghiệm, quán chiếu và siêu việt chúng không phải là một điều gì mới lạ. Trong truyền thống Ấn Độ, người ta vẫn còn nhắc đến 84 vị Đại Thành tựu giả (Mahasiddha), các vị được xem là sống trong khoảng thế kỷ thứ 8 đến thứ 12 sau công nguyên [2]. Đó là các vị hành giả lòng còn chất chứa đầy các loại dục vọng khác nhau, nhưng nhờ biết cách quán chiếu chúng chẳng qua đều là những dạng của Không tính mà đạt được thành tựu. Đọc tiểu sử các vị đó, ta sẽ thấy đó toàn là những người mang đầy thói hư tật xấu, thậm chí có kẻ là người chuyên đánh bạc hay ăn trộm, nhất là có rất nhiều vị đam mê tình dục. Thế nhưng, nhờ một cách hành trì thiền định, trong đó họ quán tưởng "đối tượng đam mê" và "người đam mê" đều chỉ là những dạng của "Không", họ đạt giác ngộ ngay trong đời này. Các vị đó là những người tiên phong của một truyền thống được mệnh danh là Kim cương thừa. Trong thời đại gần đây hơn, các vị tu sĩ trong truyền thống Kim cương thừa của Tây Tạng cũng là những người chủ trương "chuyển hóa" năng lực của dục vọng thành

động lực của sự giác ngộ. Thậm chí trong nền phân tâm học hiện đại của phương Tây người ta cũng biết đến phép chữa bệnh Gestal Therapy, trong đó bệnh nhân được khuyến khích hãy sống thực với nền tảng tâm lý của mình, hãy tận lực khóc cười hay la hét với những ức chế của mình với mục đích giải thoát ra khỏi sự đè nén của chúng.

III

Dĩ nhiên phương pháp của Osho có một tầm cỡ hoàn toàn khác so với phép chữa bệnh tâm lý nói trên vì ở đây nó có tính chất tôn giáo cao độ. Còn so với các truyền thống xưa thì điều kỳ lạ là ông dám đem ra áp dụng cho quảng đại quần chúng. Ở đây ta dễ dàng đoán biết điều gì sẽ xảy ra. Đó là khi con người bình thường được khuyến khích chủ động cho những ức chế của mình được vận hành thì một năng lực thuộc về bản năng sẽ vùng dậy, đó là tình dục.

Osho vốn là một con người "nổi loạn", luôn luôn chống lại qui tắc của xã hội. Không những ông không hề sợ bị xã hội lên án, xưa nay ông chuyên khiêu khích sự ổn định của một định chế có sẵn, kể cả một nền đạo lý chung của con người. Nhất quán với quan niệm thiền định tích cực của mình, khoảng cuối những năm 60 ông bắt đầu thuyết giảng một số bài về tình dục, được ghi lại dưới nhan đề Từ tình dục đến ý thức siêu việt [3] (From Sex to Superconsciouness), trong đó ông cho rằng "đối với phép Tantra thì mọi thứ đều thiêng liêng, không có gì không thiêng liêng" và mọi sự đè nén tình dục đều là sự tự hủy vì người ta không thể chuyển hóa tình dục nếu không nếm trải nó "một cách đích thực và đầy ý thức". Quả thực, trong phong trào của ông, môn đệ của ông thực hành lời dạy này một cách đầy hoan lạc. Liệu hành động của họ là "đích thực và đầy ý thức" như ông giảng giải, là một vấn đề khác. Thật ra phần nói về tình dục chỉ là phần nhỏ trong cuộc đời thuyết giảng của ông nhưng kể từ đó người ta gọi chủ trương của ông là “tự do tình dục” và gọi ông là “

đạo sư sex" (sex-guru) - nhưng đó chỉ là sự vu khống buồn cười và đầy ác ý, vì những ai chịu khó theo dõi tư tưởng ông, đều biết rằng ông không phàm tục như họ nghĩ !

Trên quan niệm đạo học phương Đông, tình dục là một dạng vận hành của năng lượng. Năng lượng hàm chứa trong con người biểu hiện dưới nhiều dạng của ái dục mà dạng ái dục quan trọng nhất là hữu ái (bhavatrsna), tức là sự khao khát được tồn tại. Trong sự khao khát đó thì tình dục là dạng ái dục cụ thể nhất, mang nặng tính vật chất nhất. Tình dục do đó là bản năng cơ bản nhất của mọi loài, nó không dính líu gì đến các giá trị do xã hội loài người đặt ra như thiện-ác, xấu-tốt, phải-trái. Sở dĩ tình dục hay bị lên án là vì mọi hoạt động xuất phát từ nó thường sinh ra những hậu quả phiền toái cho đời sống xã hội của con người. Cũng chính vì thế mà con người thường bị ức chế về tình dục, tuy luôn luôn nhớ nghĩ về nó nhưng cũng luôn luôn phải đè nén nó. Do đó tình dục là một trong những ức chế lớn nhất của con người, thật ra là ức chế chủ yếu của đời làm người. Nền tâm lý học phương Tây cũng đã có những phát hiện tương tự.

Vì vậy khi Osho chủ trương con đường giải thoát là phải đối diện, nếm trải mọi năng lực bị ức chế để có thể siêu việt và chuyển hóa chúng, thật ra ông không thể không nói đến tình dục, nếu ông thật sự nhất quán với chính mình. Và thực ra mỗi kẻ tầm đạo, một khi đã đi vào con đường tích cực và chuyển hóa, cũng phải tìm cho mình một phương thức riêng để chuyển hóa năng lực của tình dục, một con đường chứa nhiều hiểm nguy. Nhưng muốn "chuyển hóa" thì đó là con đường không thể tránh né, cũng như hoa sen không thể tỏa hương thơm nếu không bám chặt vào bùn đất để rút tỉa tinh hoa của năng lực nằm trong bóng tối. Và đó chính là con đường Kim cương thừa mà từ thế kỷ thứ 8, con người đã thực hành để đạt đến sự thành tựu.

Osho chỉ là người muốn thực hiện rộng rãi Kim cương thừa trong thế kỷ 20 tại phương Tây. Tuy là người vô cùng thông minh, nhưng

có lẽ ở đây ông đã phạm một sai lầm. Đó là Kim cương thừa chỉ dành cho những bậc thượng căn, không phải cho quần chúng.

Nếu xét Kim cương thừa và những vị tu sĩ cao cấp đã tu luyện theo phép này, người ta phát hiện lại một câu nói giản đơn của một người hẳn đã biết mức độ chọn lọc đối với người hành giả có thể theo học phép tu này. "Chỉ những ai đã xả bỏ tâm phân biệt, những ai mà đối với họ một đĩa thực phẩm sang trọng và một đĩa phân là như nhau, thì kẻ đó mới được theo học Kim cương thừa". Đó là lời của Đạt-lai lạt-ma thứ V (1617-1682).

Tiếc thay, nhiều môn đệ của ông tìm đến vì tò mò, không ít người phản bội ông. Trong quá khứ người ta cũng chỉ biết vỏn vẹn có 84 vị Thành tựu giả trong số hàng triệu người tu học tại Ấn Độ thì tại sao ngày nay lại có thể khác. Hơn thế nữa, con người của thời đại này lại càng vô cùng khó khăn hơn nữa khi muốn chuyển hóa một năng lực gắn liền với thân vật chất để thăng hoa, tiến gần với cái thiêng liêng. Thời đại này là kỷ nguyên của chủ nghĩa duy vật, những người tưởng như muốn tìm đến cái thiêng liêng thực chất cũng là môn đệ của chủ nghĩa duy vật tâm linh (spiritual materialism) như Chogyam Trungpa đã nói. Thời nào cũng thế, con người chỉ thấy những gì họ muốn thấy, chỉ tìm những gì họ khao khát.

IV

Trước khi ra đi, Osho đã có nhiều hoài bảo lớn. Chúng có trở thành hiện thực hay không, chỉ thời gian mới có thể trả lời.

Sinh thời, ông đã bị chỉ trích nhiều, nhưng công bằng mà nói, đó là điều dễ hiểu, bởi vì ông luôn “gây hấn", chống lại mọi định chế – là cái không bao giờ chấp nhận một sự tấn công nào.

Trong chiều kích tâm linh, hắn là ông đã đạt tới những đỉnh cao, và chắc không mấy ai nghi ngờ điều đó. Trong lãnh vực hình tướng, ông chủ trương nhập thế, và đã có nhiều kế hoạch cụ thể để làm đẹp cuộc đời. Về phương pháp hành thiền, ông cũng đã có nhiều phát minh đáng chú ý. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, việc ông muốn áp dụng Kim cương thừa - cụ thể, việc "chuyển hóa năng lượng sex thành năng lượng tâm linh" - rộng rãi cho quần chúng, có thể nói là một sai lầm đáng tiếc. Bởi vì, lịch sử cho thấy, Kim cương thừa tuyệt đối dành cho những bậc "thượng căn."

Với sự thận trọng và cảnh giác cần thiết, thì việc đọc tác phẩm của ông có thể là một nguồn cảm hứng vô tận, bởi ông có một tâm hồn không ngừng sáng tạo, và trái tim của một nhà nghệ sĩ. Nhưng, đã mang thân xác con người, thì dù thế nào đi nữa, không thể nói rằng ông không có những sai lầm – nhất là ở chiều kích của thế giới "hình tướng"

Có nhiều người than phiền rằng, sau khi ông ra đi, các "đệ tử" của ông đã làm nhiều điều sai trái, phản bội lại giáo huấn của ông. Thật có như vậy. Nhưng biết làm sao được? Những cuộc thánh chiến thời Trung cổ đâu phải là ý muốn của chúa Jesus, và Quốc xã của Hitler đâu phải là mong đợi của Nietzsche! Sự phản bội này, Osho biết rõ hơn ai hết. Có lần ông nói, " Khi bạn qua đời, bạn không thể ngăn cản những gì mà hậu thế sẽ làm. Nó nằm ngoài vòng kiểm soát của bạn."

Dĩ nhiên, ta có quyền "phán đoán" ông về những cái mà ông còn khiếm khuyết. Nhưng, phải thừa nhận rằng, những lời nói đầy minh triết của ông chắc chắn sẽ vẫn mãi còn giá trị, vẫn mãi là nguồn cảm hứng, chừng nào trên mặt đất này vẫn còn có chủng loại người. .

CHU PHƯƠNG VÂN

Chú thích

[1] Về sau, Osho còn liên hệ danh xưng này với từ oceani của William James. Ocani có nghĩa là đại dương. Như vậy, Osho còn có nghĩa là đại dương. (BT)

[2] Xem Keith Dowman, Master of Mahamudra, Songs and histories of Eightyfour buddhist Siddhas, NY 1985. Xin xem bản dịch Việt ngữ "Các bậc đạo sư của Đại Thủ Ấn" của Nguyên Thạnh Lê Trung Hưng tại http://www.quangduc.com/mattong/03mahamudra.html

[3] Superconsciousness: có nhiều cách dịch: 1. Siêu thức. 2. Siêu tâm thức. 3. Ý thức siêu việt. Hiện nay, chưa thống nhất. Cả 3 cách đều chấp nhận được. (BT)

ĐÔI LỜI CỦA NGƯỜI DỊCH

I

Trước khi đến với bạn đọc, bản thảo của Tự Truyện Osho đã qua tay một vài bằng hữu. Một người bạn, hiện đang sống ở nước ngoài, có nhã ý giúp "duyệt" qua bản thảo. Ban đầu, chàng hẹn sẽ hoàn tất trong vòng một tháng. Không ngờ, 5 ngày sau chàng gửi lại bản thảo, với một số "biên tập" và góp ý. Bảo rằng : " Mình cũng ham đọc cho hết Tự Truyện Osho. Nên 'vượt chỉ tiêu'." Tôi mừng quá, vậy là, cũng đã có một "độc giả" bị "hấp dẫn" bởi nội dung Tự Truyện này. Mà chàng không phải là một "độc giả bình thường." Chàng là một "độc giả có hạng" ! Một người nữa, cũng rất thân quen với NXB Trẻ, sau khi đọc xong bản thảo Tự Truyện Osho, đã gửi cho tôi những lời chân thành nói lên niềm yêu thích.

Đó là chưa kể hai "nữ nhân" - chị BTV (nxb Trẻ) và "cô chủ" của một nhà sách ở Sài gòn - mà đã dành cho tôi niềm giao cảm, bằng những tiếng cười vui trên phone.

Tôi có đủ "tỉnh táo" để biết rằng, sự hấp dẫn đó là dành cho cuộc đời của Osho, hơn là dành cho bản dịch. Dù vậy, người dịch cũng thấy được vui lây – vì đã được "ăn theo" Osho. Ông quả là một con người kỳ lạ! Thế mới biết, khi được ở gần một bông hoa thơm, thì dường như mình cũng vương một chút mùi hương trên áo!

II

Trong tập sách này đã có một bài giới thiệu của Chu Phương Vân cọng thêm một lời nói đầu của nguyên tác. Mặc dầu vậy, tôi vẫn không kìm được niềm ao ước bày tỏ một đôi điều.

Đọc Osho, đối với tôi, về một phương diện nào đó, cũng gần giống như đọc Nietzsche – mặc dù Osho là một đạo sư chứng ngộ, còn

Nietzsche thì “chỉ là” một triết gia, mà đã đi vào cơn điên dại suốt 10 năm cuối của đời mình. Nhưng họ giống nhau ở chỗ, cả hai đều nồng nàn như rượu mạnh, kích thích tâm trí của ta, bắt ta phải đặt lại nhiều vấn đề tưởng chừng như “nhất thành bất biến.” Cả hai đều có sự “nổi loạn” của một con người sáng tạo, không chấp nhận bất cứ sự nô lệ tinh thần nào, bất luận nó đến từ đâu. Mà thực vậy, đã “nô lệ” rồi, thì còn “sáng tạo” làm sao được nữa?

Đọc Osho, cũng không thể không liên tưởng đến Phật Gautama, Krishnamurti, Lão Tử … Đây cũng là những kẻ "nổi lọan" chính hiệu. Tuy họ không có tiếng gầm sư tử, nhưng họ có sự im lặng sấm sét. Cho dẫu trên bình diện “hình tướng” tất cả họ đều rất khác nhau, nhưng hình như họ rất gần nhau ở suối nguồn sâu thẳm nhất.

Một người bạn của tôi ở Dalat - một “fan” của Krishnamurti - có lần nói với tôi rằng, Krishnamurti “thuần khiết” hơn Osho. Tôi không nghĩ vậy. Tôi tin rằng, Osho là người đã chứng ngộ và đã thể nhập trạng thái “vô ngã” – và há chẳng phải đây chính là trạng thái thuần khiết hay sao? Nhưng, có thể nói, Krishnamurti và Osho có nhiều chỗ khác nhau, mà những ai đã đọc nhiều tác phẩm của hai vị đều phải công nhận. Họ khác nhau rất nhiều – nhất là ở phong cách sống, phương pháp hành thiền, và cách “trao truyền” kinh nghiệm tâm linh của họ tới con người hiện đại. Nhưng thể nghiệm về chân lý của họ cơ bản là giống nhau.

Riêng với bản thân tôi, tôi xem Tự Truyện này như một “CẨM NANG” đáng tin cậy, để đi vào những tác phẩm của ông. Sau khi may mắn đọc được Tự Truyện, tôi cảm thấy mình “hiểu” Osho nhiều thêm bội phần.

III

Và sau cùng, cũng không thể nào không nói một đôi lời cám ơn với những người đã góp phần đưa bản dịch này ra đời. Họ rất tâm huyết, nhưng họ lại không muốn phô bày danh tánh của mình. Mong rằng, khi đọc những dòng này, họ sẽ cảm nhận một niềm vui thầm lặng. Trong thời đại hiện nay, lòng tri ân dường như đã trở thành moät caùi gì … "xa hoa", "cổ lỗ", và có chút "ngây thơ" !

Có một lúc nào đó trong đời, bỗng nhiên ta chợt nhận ra là mình đã mắc nợ cuộc đời quá nhiều –những món nợ không tài nào trả nổi! Đôi khi "chủ nợ" có thể là một bông hoa nở sớm mai, một giọt sương trên lá cỏ, một nụ cười của em bé thơ ngây, một trang sách nuôi dưỡng tâm hồn – chưa kể đến những hạt gạo mình ăn, những giọt cà phê mình uống … Nhìn đâu cũng thấy những "chủ nợ" dễ thương như vậy, những "chủ nợ" không biết mình là "chủ nợ"!

Cho nên, dù sao, cũng xin được gửi một đôi lời cám ơn – nhờ gió mang đi khắp nơi, đến những kẻ đã cho đi mà không bao giờ mong đáp lại …

ĐỖ TƯ NGHĨA

Dalat. 4.11.2006

Mùa quỳ vàng.

Vâng, tôi là sự khởi đầu của một cái gì đó mới mẻ

Nhưng không phải là sự khởi đầu của một tôn giáo mới.

Tôi là sự khởi đầu của một loại tính tôn giáo mới,
mà không hề biết đến tính từ nào, ranh giới nào;
nó chỉ biết đến sự tự do của tinh thần,
sự im lặng của bản thể bạn, sự tăng trưởng của tiềm năng bạn,
và sau cùng, kinh nghiệm về Thượng đế tính bên trong chính bạn –
không phải về một Thượng đế bên ngoài bạn,
mà là một Thượng đế tính
tuôn trào ra từ bạn.

OSHO

LỜI NÓI ĐẦU

Nhiều lần Osho được hỏi, tại sao ông không viết một tự truyện, hay ít nhất, cho phép một loạt những cuộc phỏng vấn, để cho một ai khác có thể chấp bút viết một bản tường thuật lịch sử (historical account) về đời ông. Ông thường xua tay gạt đi những câu hỏi này. Ông thường nói, những chân lý phi thời gian mới là quan trọng, chứ không phải là những mẩu cắt ra từ nhật báo, mà chúng ta thu thập và gọi là "lịch sử." Hoặc, ông thường nói, tiểu sử của ông phải được tìm thấy trong tổng số tác phẩm của ông – trong hằng trăm những tập sách được xuất bản, ghi lại những bài nói chuyện của ông, và trong những cuộc đời được chuyển hoá - những người mà ông đã "chạm đến" (touched).

Tuy nhiên, tâm trí con người khao khát muốn hiểu ý nghĩa của những biến cố xảy ra trong thời gian. Chúng ta muốn nắm bắt một bối cảnh (context) mà trong đó chúng ta có thể tự thuyết phục mình rằng chúng ta hiểu ý nghĩa của những điều đã xảy ra – nhất là khi những "cái xảy ra" (happenings) này có vẻ như mâu thuẫn, gây thảng thốt, bất thường. Tập sách này là một sự thừa nhận rằng, thời gian đã chín muồi cho việc cung cấp cái bối cảnh đó, để hiểu Osho và sự nghiệp của ông.

Mười năm [1] đã trôi qua kể từ khi Osho chuẩn bị cho việc rời bỏ cái thân xác đã phục vụ ông 59 năm – như lời bác sĩ riêng của ông - "một cách bình thản, như thể ông đang chuẩn bị hành lý cho một kỳ nghỉ cuối tuần ở vùng quê." Xét về mặt thực tế, thì chất liệu cho cuốn tự truyện này có lẽ đã không được thu thập, nếu không có khoảng cách 10 năm đó, và những thay đổi sâu xa vốn là hệ quả của nó. Từ khi Osho chuẩn bị hành lý cho "kỳ nghỉ cuối tuần ở vùng quê," thì cả CNN lẫn Internet đã ra đời.

Cái "thị kiến không tưởng" [2] mà Osho đã thường hay nói tới – về một thế giới không có những chia cắt về ranh giới quốc gia, về sắc tộc hay tôn giáo, giới tính hay tín điều – thì bây giờ ít ra cũng có thể tưởng tượng được, ngay cả nếu nó chưa là một hiện thực. Thiền định - mà Osho nhấn mạnh trở đi trở lại, và nằm ở chính cốt lõi thông điệp của ông - không chỉ là mối quan tâm bí hiểm (obscure) và khó hiểu (puzzling) của một vài kẻ lập dị (eccentrics), mà đã trở nên ngày càng được công nhận vì cái tiềm năng của nó trong việc mang đến lợi lạc cho mọi người, từ những ủy viên hội đồng quản trị (executive) doanh nghiệp bị stress nặng, cho đến những bệnh nhân ung thư. Nói khác đi, mặc dù, không nghi ngờ gì nữa, Osho vẫn là một người đi trước thời đại của mình, thời đại ít rađã bắt kịp ông, đủ để cho có thêm nhiều người thấu hiểu (comprehend) cái "tầm nhìn xa" (perspective) và cái nhãn quan vô song (unique) của ông.

Trên một cấp độ thực tiễn hơn, thời gian và khoa học kỹ thuật đã cho phép những người lưu giữ sự nghiệp đồ sộ của ông số-hoá (digitize) [3] và đưa vào nghiên cứu những bài nói chuyện được ghi âm của ông (gần 5000 giờ) bằng Anh ngữ, cọng thêm hằng trăm những bài nói chuyện khi chúng được dịch từ tiếng Hindi. Điều này có nghĩa là, trong vòng vài giây đồng hồ, người ta có thể biết rằng trong những bài nói chuyện này, Osho dùng những biến thể của từ "meditation" (thiền định) 25 ngàn lần, và từ "love" (tình yêu) gần 42 ngàn lần. Những biến thể của từ "sex" (tình dục), được xem là một chủ đề "khó coi" (unseemly) khi một nhà thần bí nói về nó vào những năm ' 60 (của thế kỷ 20) tại Ấn độ, xuất hiện đúng 9.300 lần – nhiều hơn 2000 lần, so với việc đề cập tới chính trị và chính trị gia.

Dĩ nhiên, việc nghiên cứu – trong số tài liệu đồ sộ ấy - để tìm ra những chỗ mà Osho trực tiếp nói về đời tư của mình, đòi hỏi nhiều trí tuệ con người hơn là phần mềm của máy computer có thể cung cấp. Nếu không có 3 năm đặc biệt dành riêng cho nhiệm vụ đó, thì cuốn sách này đã không thể ra đời. Và sau cùng, xây dựng một tự truyện từ tài liệu có được – một tự truyện tôn vinh tri kiến (understanding) của Osho về tầm quan trọng của chân lý (truth) so với (versus) sự kiện (fact), về cái phi thời gian so với cái khoảnh khắc (tạm thời) – đòi hỏi một lòng sốt sắng liều lĩnh để đảm nhận cái bất khả.

Thí dụ: Trong một số năm sau khi tốt nghiệp đại học, Osho dạy triết học. Cái tâm trí ưa lấy sự kiện làm tiêu chí để xếp loại (fact – oriented mind) dán cho ông nhãn hiệu giáo sư triết học, để rồi tự thỏa mãn rằng, mình biết một cái gì đó quan trọng về ông. Riêng về phần ông, thì Osho cũng đã có thể là một thợ đóng giày, hay một thợ mộc. Điều quan trọng không phải là cái mà ông làm, mà là việc ông là ai. Cái tâm trí ưa lấy sự kiện làm định hướng, muốn định nghĩa con người qua cái mà họ làm, hơn là qua việc họ là ai; qua những vật sở hữu mà họ chiếm được trong đời, hơn là những tri kiến (understandings) mà họ mang theo với họ khi họ qua đời. Nhưng cái mối quan tâm cốt tủy của Osho chính là chiều kích của là [4] (being) – không phải là chiều kích của làm (doing) hay có (having). Chừng nào mà chúng ta

còn phán đoán dựa trên những giá trị riêng của mình về "làm" và "có", để rồi quá xem trọng những biến cố bên ngoài của đời ông, thì chúng ta nhất thiết sẽ hiểu lầm ông.

Nhưng, đặt sang một bên những chân lý phi thời gian, sự thực là Osho đã tự rèn luyện mình không phải để đóng giày hay làm đồ đạc, mà là để tự biểu hiện mình qua lời nói. Cả những bạn bè ông lẫn kẻ thù ông đều đồng ý rằng, ông làm việc này với tài hùng biện, với tuệ giác (insight), và tính hài hước (humor) khác thường. Việc chọn những từ đúng để tái hiện cuộc đời ông có thể là khả dĩ, thậm chí dễ dàng, nếu Osho đã có một triết lý nhất quán (consistent) mà ông đang cố dạy mọi người. Nhưng ông không hề có một triết lý như vậy. Có lẽ việc ấy đã có thể được, nếu ông đã là thành phần (part) của một truyền thống mà ông đang cố gìn giữ (uphold), hoặc tuyên bố rằng, ông là một loại thiên sứ hay nhà tiên tri đã giáng thế để sáng lập ra một truyền thống mới. Không có gì xa với sự thật hơn. Trái lại, một cách lặp đi lặp lại, ông nhấn mạnh rằng, ông không những không là thành phần của bất cứ truyền thống nào, mà ông còn làm mọi thứ có thể được – trong khả năng của con người – để ngăn cản việc sáng tạo ra một truyền thống xung quanh ông một khi ông đã ra đi.

Do vậy, những dòng chữ trong tập sách này không được dự định – không thể, bởi vì đây chỉ là một tự truyện, như chính cái nhan đề của nó – là câu trả lời dứt khoát cho câu hỏi: " Osho là ai?" Đúng hơn, đây chỉ là một "hướng dẫn viên" (guide) cho một cuộc truy tầm tương lai về câu hỏi đó, trong bối cảnh của cái phi thời (timeless), cũng như cái hợp thời (timely), trong cái bối cảnh của "là" (being) cũng như "làm" (doing). Sau cùng, Osho nói, chúng ta sẽ đi tới chỗ biết ông là ai, chỉ khi nào chúng ta đi tới chỗ biết chúng ta là ai. Khi trao cho chúng ta sự thách thức đó, ông mời chúng ta học từ cuộc đời ông cái mà chúng ta có thể. Nhưng việc học hỏi từ đời ông chỉ thực sự có ý nghĩa, là khi nó động viên chúng ta học hỏi nhiều hơn về chính mình.

SARITO CAROL NEIM

Chú thích

[1] Cuốn Tự Truyện này xuất bản lần đầu tiên vào năm 2000. Osho mất vào năm 1990. Xin lưu ý bạn đọc: TẤT CẢ NHỮNG GHI CHÚ TRONG BẢN DỊCH NÀY ĐỀU LÀ CỦA NGƯỜI DỊCH (trừ những chỗ có GHI RÕ là của nguyên tác Anh ngữ). Cũng xin nói rõ, rằng những GHI CHÚ NÀY CHỈ CÓ MỘT SỐ MỤC ĐÍCH SAU ĐÂY:

1. Làm rõ hơn một số từ, khái niệm, mà do hạn chế của mình, người dịch chưa thể tìm ra một từ tương đương trong tiếng Việt.

2. Cung cấp thêm thông tin về một số trường hợp mà người dịch thấy có thể là cần thiết.

3. "Chia sẻ" với độc giả một số SUY NGHĨ RIÊNG của mình về một số điều mà văn bản của Tự Truyện đã khơi dậy – chứ không dám "áp đặt" chi cả! Nếu không "cảm hứng", bạn đọc có thể bỏ qua. Nhưng, người dịch sẽ rất vui, nếu được chia sẻ những suy nghĩ riêng tư đó. Xin bạn đọc nhận nơi đây "lời mời" chân thành của tôi. Cũng xin nói thêm, tôi "học" được cách "ghi chú ngẫu hứng" này từ nhà thơ Bùi Giáng, và anh Phan Huy Đường, trong cuốn "Tư Duy Tự Do" (penser librement) rất thú vị của Anh, mà tôi mới được đọc gần đây (ĐTN).

[2] Utopian vision: "thị kiến không tưởng." Từ "thị kiến" tôi mượn của Nguyễn Duy Cần trong "Tinh hoa đạo học Đông Phương", trong đó ông dịch "vision déformée" là "thị kiến méo mó." Từ "vision" trong tiếng Pháp cũng có một số nghĩa tương tự như từ "vision" trong tiếng Anh. "Diễn nôm" ra, thì "vision" có nghĩa là "tầm nhìn, cái nhìn, nhãn quan …"

[3] Digitize: số hóa; chuyển thành văn bản điện tử

[4] Đây là 3 phạm trù quan trọng trong triết học của Gabriel Marcel, triết gia hiện sinh hữu thần Pháp. 3 phạm trù đó là: Être (là), Avoir (có), Faire (làm).

LỜI TỰA

Điều trước tiên bạn phải hiểu là sự khác nhau giữa sự kiện (fact) và sự thật [1] (chân lý - the truth). Lịch sử thông thường (chỉ) quan tâm về sự kiện – cái thực sự xảy ra trong thế giới vật chất, những "cái xảy ra". Nó không quan tâm về "sự thật", bởi vì sự thật không xảy ra trong thế giới vật chất, nó xảy ra trong "ý thức" (consciousness)[2]. Và con người thì chưa đủ trưởng thành, chín muồi để quan tâm về những biến cố của ý thức.

Chắc chắn là con người chú ý đến những biến cố xảy ra trong thời gian và không gian; đó là những sự kiện. Nhưng "hắn" chưa đủ trưởng thành, chưa đủ tuệ giác (insight), để nhận biết cái xảy ra vượt quá thời gian và (vượt quá) không gian – nói khác đi, cái xảy ra vượt quá tâm trí (mind), cái xảy ra trong "ý thức". Một ngày kia chúng ta sẽ phải viết lại toàn bộ lịch sử với một định hướng (orientation) hoàn toàn khác, bởi vì những sự kiện là những cái vặt vãnh (trivia) – mặc dù chúng có tính vật chất (material), chúng không quan trọng (matter) [3]. Và những chân lý thì "phi vật chất" (immaterial) nhưng chúng lại quan trọng (matter). Cái định hướng mới cho một cuốn sử tương lai sẽ quan tâm đến cái xảy ra bên trong Phật Gautama [4] khi Ngài chứng ngộ, cái đã tiếp tục diễn ra trong khi Ngài ở trong thân thể suốt 42 năm sau khi chứng ngộ. Và cái (mà) xảy ra trong 42 năm đó, thì sẽ không bị đứt quãng chỉ vì cái thân xác chết đi. Nó không có quan hệ (concern) nào với thân xác, nó là một hiện tượng trong ý thức – và ý thức thì không chết đi, nó vẫn tiếp tục. Cuộc hành hương của ý thức là vô cùng, vô tận (endless). Do vậy, cái đang xảy ra trong ý thức - bên trong thân xác - sẽ tiếp tục xảy ra bên ngoài thân xác. Đó là một điều đơn giản, dễ hiểu (that is a simple understanding).

Đây là một câu chuyện về những " những cái xảy ra bên trong" (inner happings), có tính nội tại .

[1] Bạn đọc cần lưu ý: Osho phân biệt “sự kiện” và “sự thật”. Đây là một phân biệt hết sức quan trọng.

[2] Consciousness:Tạm dịch là “ Ý thức.” Bạn đọc cần hiểu cách dùng từ của Osho trong từng văn cảnh cụ thể. Nghĩa của từ “ý thức” ở đây chắc hẳn không trùng khớp với nghĩa của từ “ý thức” (thường được hiểu) trong triết học phương Tây. Rất nhiều từ khác, như “tôn giáo”, “Thượng đế”, “tâm trí” … - cũng đều như vậy.

[3] Although they are material, they don’ t matter. Hình như Osho : như “chơi chữ”: To matter: quan trọng. Matter (n): vật chất. Material (adj): thuộc về vật chất.

[4] Gautam Buddha: Phật Gautama. Trước đây thường được dịch là “Phật Cù Đàm” tức là Phật Thích ca.

PHẦN I:

CHỈ LÀ MỘT CON NGƯỜI BÌNH THƯỜNG

LỊCH SỬ ĐẰNG SAU TRUYỀN THUYẾT

PV: Ông là ai?*

Osho: Tôi chỉ là chính mình. Không là kẻ tiên tri, không là messiah (Đấng Cứu Thế), không là Christ. Chỉ là một hữu thể người [1] bình thường… giống y như bạn.

PV: Ồ, không hoàn toàn như thế !

Osho: Đúng … không hoàn toàn như thế! Bạn vẫn còn ngủ – nhưng cái đó không khác biệt bao nhiêu. Trước đây, tôi cũng đã ngủ; một ngày kia, bạn sẽ có thể tỉnh dậy. Bạn có thể tỉnh dậy ngay khoảnh khắc này, không ai đang ngăn cản điều đó. Cho nên sự khác biệt chỉ là vô nghĩa.

*Từ một cuộc phỏng vấn với Robert Green, Santa Anna Register, Orange County, California.

CHƯƠNG I

NHỮNG THOÁNG NHÌN VỀ MỘT THỜI THƠ ẤU VÀNG SON

Tôi chưa bao giờ là người “tâm linh” (spiritual) theo cái nghĩa mà bạn thường hiểu. Tôi chưa bao giờ đi lễ đền, hoặc đi nhà thờ, hoặc đọc kinh điển, hoặc theo những pháp môn tu tập (practice) nào đó để

tìm ra chân lý, hoặc phụng thờ Thượng đế, hoặc nguyện cầu Thượng đế. Đó không phải là cách của tôi chút nào. Do vậy, chắc chắn bạn có thể nói, rằng tôi không đang làm một cái gì "tâm linh." Nhưng đối với tôi, tính tâm linh (spirituality) có một nội dung (connotation) hoàn toàn khác. Nó cần một tính cá thể (individuality) trung thực. Nó không chấp nhận bất cứ loại lệ thuộc nào. Nó tạo ra một sự tự do cho chính mình, bất luận phải trả giá nào. Nó không bao giờ ở giữa đám đông, nhưng một mình, bởi vì đám đông chưa bao giờ tìm thấy bất cứ chân lý nào. Chân lý đã từng được tìm thấy chỉ trong sự cô độc của con người. *

Do vậy, tính tâm linh, theo quan niệm của tôi, có một nghĩa khác với ý tưởng của bạn về nó. Những câu chuyện về thời thơ ấu của tôi, nếu bạn có thể hiểu chúng, sẽ trỏ vào tất cả những phẩm chất (quality) này trong cách này hay cách khác. Không ai có thể gọi chúng là tâm linh. Tôi gọi chúng là "tâm linh" bởi vì với tôi, chúng đã cho con người tất cả những gì mà họ có thể hoài vọng đạt tới.

Trong khi lắng nghe những câu chuyện tuổi thơ của tôi, bạn nên cố tìm phẩm chất nào đó – không chỉ là câu chuyện, mà phẩm chất nội tại (intrinsic) nào đó - nó chạy như một sợi chỉ mỏng qua suốt tất cả những tự thuật (memoir) của tôi. Và cái sợi chỉ mỏng đó là "tính tâm linh."

Tính tâm linh, đối với tôi, chỉ đơn giản có nghĩa là tìm kiếm [2] (finding) chính mình. Tôi không bao giờ cho phép bất cứ ai làm công việc này thay tôi – bởi vì không ai có thể làm công việc này thay cho bạn; bạn phải tự làm lấy cho mình.

1931 - 1939

KUCHWADA, MADHYA PRADESH, ẤN ĐỘ

Tôi nhớ lại ngôi làng nhỏ nơi tôi ra đời. Tại sao sự hiện hữu [3] (existence) lại chọn ngôi làng nhỏ đó, trước hết, thì không thể giải thích được. Nó xảy ra như nó phải thế. Đó là một ngôi làng đẹp. Tôi đã du hành rộng khắp, nhưng tôi chưa bao giờ tình cờ gặp lại cái vẻ đẹp ấy một lần nữa. Người ta không bao giờ gặp lại cái y như cũ (the same). Những sự thể đến và đi, nhưng chúng không bao giờ nguyên như cũ.

Tôi có thể hình dung lại ngôi làng nhỏ, tĩnh mịch (still) đó. Chỉ có vài túp lều gần một cái ao, và một vài cây cao nơi mà tôi thường chơi đùa. Không có trường học nào trong làng. Điều đó là hết sức quan trọng, bởi vì tôi nằm trong tình trạng không được học hành (uneducated) trong thời gian gần 9 năm, mà đó là những năm quan trọng nhất cho việc hình thành tính cách (most formative years). Sau đó, cho dẫu bạn cố gắng, bạn cũng không thể "được" giáo dục. Do vậy, trên một phương diện, tôi vẫn không "được" giáo dục, mặc dù tôi có nhiều học vị – và không chỉ là bất cứ học vị nào, mà là một bằng M.A hạng nhất. Bất cứ gã khùng nào cũng có thể làm cái đó; quá nhiều gã khùng làm việc đó hằng năm, đến nỗi nó không còn ý nghĩa gì nữa. Cái có ý nghĩa, là trong những năm đầu tiên của đời mình, tôi đã không "bị" [4] giáo dục. Không có trường học, không đường sá, không đường xe lửa, không bưu điện. Thật là một phúc lành! Cái làng nhỏ đó tự mình là một thế giới [5]. Ngay cả trong nhiều lần ở xa ngôi làng đó, tôi vẫn ở trong thế giới đó, không "bị" giáo dục.

Và tôi đã gặp hằng triệu người, song những người dân của làng đó thì chất phác hơn bất cứ ai, bởi vì họ rất bán khai. Họ không biết gì về thế giới. Thậm chí, cũng chưa bao giờ có lấy một tờ nhật báo vào làng đó – bây giờ bạn có thể hiểu tại sao không có trường học nào. Thậm chí, không có lấy một trường tiểu học – thật là một phúc lành! Không một đứa trẻ hiện đại (modern) nào có thể có được cái "may mắn" đó. (No modern child can afford it).

Trong quá khứ, có những đứa trẻ kết hôn trước khi chúng lên mười. Đôi khi, có những đứa trẻ đã kết hôn thậm chí khi chúng còn nằm trong bụng mẹ. Hai người bạn thường quyết định, " Vợ chúng ta đang mang thai, vậy, nếu một người sinh con trai, và người kia sinh con gái, thì chúng mình kết thông gia." Không hề có vấn đề hỏi ý kiến bé trai hay bé gái; chúng chưa ra đời! Nhưng nếu một đứa là trai, và đứa kia là gái, thì hôn sự được giải quyết. Và người ta giữ lời của họ.

Chính mẹ tôi kết hôn khi bà lên bảy. Cha tôi thì chưa tới chín tuổi, và ông không hiểu cái gì đang xảy ra. Tôi thường hỏi ông, " Điều có ý nghĩa nhất – mà cha khoái chí - trong đám cưới của mình là gì?"

Ông nói, " Cỡi một con ngựa." Thật là tự nhiên! Lần đầu tiên ông được ăn vận như một vị vua, với một con dao treo lủng lẳng cạnh sườn, và ông ngồi trên một con ngựa trong khi mọi người đi bộ xung quanh ông. Ông khoái chí hết sức. Đó là cái mà ông khoái nhất trong đám cưới của mình. Tuần trăng mật là điều không thể có. Bạn sẽ đưa một cậu trai 10 tuổi và một bé gái 7 tuổi đi hưởng tuần trăng mật ở đâu? Do vậy, tại Ấn độ, tuần trăng mật không bao giờ có, và trong quá khứ, không nơi nào khác trên thế giới có chuyện đó.

Khi cha tôi mười tuổi, và mẹ tôi bảy tuổi, thì bà nội tôi mất. Sau hôn lễ, có lẽ một hay hai năm sau đó, toàn bộ trách nhiệm đổ lên vai mẹ tôi, bà chỉ mới lên chín. Bà nội tôi đã để lại hai đứa bé gái , và hai bé trai. Do vậy, có bốn đứa trẻ, và trách nhiệm chăm sóc chúng đổ lên vai một bé gái chín tuổi, và một cậu trai mười hai tuổi. Ông nội tôi không bao giờ thích sống trong thành phố, nơi mà ông có một cửa tiệm. Ông yêu vùng quê, và khi bà nội tôi mất, ông hoàn toàn tự do. Chính phủ thường cấp đất cho dân, bởi vì có quá nhiều đất và không có nhiều người canh tác. Do vậy, ông tôi có 50 mẫu đất từ chính phủ, và ông chuyển nhượng toàn bộ cửa tiệm cho con cái mình – cha tôi và mẹ tôi – lúc ấy cha tôi chỉ mới có 12 tuổi, còn mẹ tôi thì 9 tuổi. Ông ưa thích dựng một khu vườn, xây một nông trại, và ông thích sống ở nơi không khí thoáng đãng. Ông ghét thành phố.

Cho nên, cha tôi không bao giờ có được bất cứ kinh nghiệm nào về tự do của những người trẻ hôm nay. Ông không bao giờ trở nên một thanh niên trong cách đó. Trước khi ông có thể trở nên một thanh niên, ông đã già giặn, phải chăm sóc những đứa em trai, em gái và trông coi cửa tiệm. Và ở tuổi 20, ông đã sắp xếp việc hôn nhân cho những đứa em gái, lo việc học hành và cưới vợ cho những đứa em trai của mình.

Tôi chưa bao giờ gọi mẹ tôi là "Mẹ," bởi vì trước khi tôi ra đời, bà đang chăm sóc bốn đứa trẻ, chúng thường gọi bà là bhabhi. Bhabhi có nghĩa là "vợ của anh trai" (chị dâu) . Và bởi vì bốn đứa trẻ đang gọi mẹ tôi là bhabhi, tôi cũng bắt đầu gọi bà là bhabhi. Tôi đã học cái danh xưng đó ngay từ đầu, khi bốn đứa trẻ gọi bà như vậy.

* * * * * * * * * * *

Tôi được nuôi nấng bởi ông bà ngoại tôi [6]. Hai vị ở một mình và muốn (có) một đứa trẻ để vui cửa vui nhà trong những ngày cuối đời của họ. Do vậy, cha mẹ tôi đồng ý: Tôi là đứa con trai cả, đứa con đầu lòng; tôi được gởi đến sống với ông bà ngoại.

Tôi không nhớ bất cứ mối quan hệ nào với gia đình cha tôi trong những năm đầu tiên của thời thơ ấu của mình. Tôi đã trải qua những năm bé dại với ông bà ngoại tôi và một người lão bộc già - ông ta rất đẹp lão. Ba người này… và khoảng cách thì quá lớn, nên tôi hoàn toàn cô độc. Họ đều đã già, họ không phải là bè bạn, không thể là bè bạn của tôi. Và tôi không có ai khác để làm bạn, bởi vì trong ngôi làng đó gia đình tôi là giàu nhất; và ngôi làng thì lại quá nhỏ - tổng cọng không quá 200 người – và quá nghèo, đến nỗi ông bà tôi thường không cho phép tôi chơi chung với lũ trẻ trong làng. Chúng bẩn thỉu, và dĩ nhiên, chúng gần như là những đứa ăn xin. Cho nên, không cách nào để có bạn. Cái đó tạo ra một ảnh hưởng lớn. Trong suốt đời

mình, tôi chưa từng biết ai là bạn. Vâng, tôi có những người quen biết.

Trong những năm đầu tiên sớm sủa ấy, tôi quá cô đơn (lonely), đến mức tôi bắt đầu ưa thích nó (sự cô đơn) – và nó thực sự là một niềm vui. Cho nên nó không phải là một sự nguyền rủa đối với tôi, nó cho thấy đó là một phúc lành. Tôi bắt đầu ưa thích nó, và tôi bắt đầu cảm thấy tự đủ; tôi không lệ thuộc vào bất cứ ai.

Tôi chưa bao giờ quan tâm đến những trò chơi, vì lý do đơn giản, là ngay từ thuở ấu thơ, không có cách nào để chơi; không có ai để chơi cùng. Tôi vẫn có thể hình dung chính tôi trong những năm thơ ấu đó: chỉ ngồi một mình. Ngôi nhà tọa lạc tại một địa điểm đẹp, ngay đằng trước một cái hồ. Nó trải ra xa nhiều dặm … và nó quá đẹp và quá yên tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng bạn mới thấy một đàn sếu trắng đang bay, hay cất lên những tiếng kêu gọi tình, và sự thanh bình sẽ bị khuấy động; nếu không, thì đó là nơi lý tưởng nhất cho việc thiền định. Thỉnh thoảng một tiếng chim gọi tình khuấy động sự thanh bình (peace) … sau tiếng gọi của nó, sự thanh bình lại càng sâu thêm.

Cái hồ đầy hoa sen, và tôi thường ngồi hằng giờ, quá tự hài lòng (self – content), như thể thế giới (bên ngoài) không thành vấn đề; những hoa sen, những con sếu trắng, sự tĩnh mịch …

Và ông bà ngoại tôi trở nên rất ý thức về một điều – rằng tôi rất ưa thích sự cô độc của mình. Họ đã thấy rằng, tôi không hề ao ước đi vào làng để gặp bất cứ ai, hay nói chuyện với bất cứ ai. Cho dù họ muốn nói chuyện, thì những câu trả lời của tôi chỉ là “vâng” ” và “không”; tôi cũng không quan tâm đến việc nói chuyện nữa. Họ trở nên ý thức về một điều – rằng tôi ưa thích sự cô độc của mình, và bổn phận thiêng liêng của họ, là không quấy rầy tôi.

Do vậy, trong 7 năm liên tục, không ai cố làm hỏng (corrupt) sự hồn nhiên của tôi; không có ai cả. Ba người già này, sống trong nhà -

người lão bộc và ông bà ngoại tôi - tất cả họ đều che chở tôi trong mọi cách có thể được, sao cho đừng ai quấy rầy tôi. Quả thực, khi tôi lớn lên, tôi bắt đầu cảm thấy một chút áy náy, rằng vì tôi mà họ đã không thể chuyện trò, họ đã không thể (sống) bình thường như mọi người khác. Bình thường, người lớn thường nói, " Hãy im nào, cha đang suy nghĩ, ông (bà) đang nghỉ ngơi. Hãy im nào, hãy ngồi im." Trong thời thơ ấu của tôi, sự thể đã xảy ra một cách ngược lại. Bây giờ tôi không thể trả lời tại sao và như thế nào; nó chỉ đơn giản đã xảy ra. Cái công lao (credit) đó không thuộc về tôi.

Tất cả những người già này đều đang ra dấu cho nhau: "Đừng quấy rầy nó – nó đang rất thích thú." Và họ bắt đầu yêu thích sự im lặng của tôi.

Sự im lặng có tần số rung động (vibe) của nó; nó dễ lây lan, (infectious), nhất là sự im lặng của một đứa trẻ không bị cưỡng bách: không phải là bởi vì nó bị đe nẹt, "Ta sẽ đánh con, nếu con gây phiền hà hay làm ồn." Không, đó không phải là sự im lặng. Nó sẽ không tạo ra sự rung động vui sướng mà tôi đang nói về, khi một đứa trẻ tự mình im lặng, yêu thích nó mà không có lý do; niềm hạnh phúc của nó là không nguyên nhân. Cái đó tạo ra những gợn sóng lớn lan tỏa khắp xung quanh.

Cho nên, do một sự tình cờ ngẫu nhiên, mà trong suốt bảy năm, tôi không hề bị ai quấy rầy – không ai cằn nhằn, chuẩn bị cho tôi vào thế giới của kinh doanh (business), chính trị, ngoại giao. Ông bà ngoại tôi quan tâm hơn đến việc để cho tôi được tự nhiên như có thể được – nhất là bà ngoại tôi. Bà là một trong những nguyên nhân – những điều nhỏ nhặt này ảnh hưởng đến toàn bộ mẫu mực sống của bạn – đã tạo ra cho tôi niềm kính trọng đối với toàn bộ nữ giới. Bà là một người phụ nữ chất phác (simple - giản dị), không được học hành, nhưng vô cùng nhạy cảm. Bà làm rõ với ông tôi và người lão bộc: " Tất cả chúng ta đều đã sống một loại cuộc sống mà đã không đưa chúng ta tới đâu cả. Chúng ta vẫn trống rỗng như bao giờ, và bây giờ cái chết đang đến gần." Bà nhấn mạnh, "Hãy để cho đứa bé này

không bị ảnh hưởng bởi chúng ta. Chúng ta có thể có ảnh hưởng gì nào ? Chúng ta chỉ có thể khiến cho nó giống như chúng ta, mà chúng ta thì chả là gì cả. Hãy cho nó một cơ hội được là chính mình."

Ông ngoại tôi – tôi nghe họ bàn bạc trong đêm, nghĩ rằng tôi đang ngủ – thường nói với bà, " Bà đang bảo tôi làm điều này và tôi đang làm nó; nhưng mà thằng bé là con trai của người khác, và chẳng sớm thì muộn, nó phải về với cha mẹ nó. Họ sẽ nói gì? ' Ông bà đã không dạy cháu một chút xíu nào về phép lịch sự, (manner) về phép xã giao, (etiquette) nó hoàn toàn hoang dã'."

Bà nói, " Đừng lo lắng về chuyện đó. Trên toàn thế giới, mọi người đều bị "văn minh hoá" (civilized) – người ta được cái gì từ đó? Tối đa thì cha mẹ nó sẽ giận chúng ta. Vậy thì đã sao nào? Cứ để cho họ giận. Họ không thể làm gì đến chúng ta, và vào lúc đó, đứa bé này sẽ đủ mạnh mẽ đến mức họ không thể thay đổi dòng đời của nó."

Tôi vô cùng biết ơn bà cụ đó. Ông tôi thì thỉnh thoảng lại lo lắng rằng, chẳng sớm thì muộn, ông sẽ phải chịu trách nhiệm: " Họ sẽ nói, 'Chúng con giao nó cho ông bà, và ông bà chả dạy nó cái gì cả.'"

Bà tôi thậm chí không cho phép thuê một gia sư. Có một người đàn ông trong làng, ông ta ít nhất có thể dạy tôi kiến thức sơ đẳng về ngôn ngữ, toán, một chút địa lý. Ông chỉ mới học đến lớp bốn - "lớp bốn thấp nhất," (the lowest four) như tại Ấn người ta gọi bậc tiểu học – nhưng ông là người được học hành nhiều nhất tại thị trấn đó. Ông tôi năn ni': " Ông ta có thể đến và ông ta có thể dạy nó. Ít nhất, nó sẽ biết cách đánh vần, một chút toán, để khi nó về lại với cha mẹ nó, họ sẽ không bảo rằng, bảy năm của thằng bè đã hoàn toàn bị lãng phí."

Nhưng bà tôi nói, " Hãy để cho họ làm bất cứ cái gì mà họ muốn làm sau bảy năm. Trong bảy năm, thằng bé phải là bản ngã tự nhiên (natural self) của nó, và chúng ta sẽ không can thiệp vào." Và luận cứ của bà luôn luôn là, "Ông biết cách đánh vần, thì sao nữa? Ông biết

toán, thì sao nữa ? Ong đã kiếm một ít tiền; ông có muốn nó cũng kiếm một ít tiền và sống hệt như ông?"

Chừng đó là đủ để giữ cho ông già đó im lặng. Phải làm gì? Ông bị kẹt, bởi vì ông không thể biện luận (argue) – và ông biết rằng, ông sẽ phải nhận chịu trách nhiệm, chứ không phải bà, bởi vì cha tôi thường hỏi ông, " Cha đã làm gì". Và thực ra, cái đó có lẽ đã xảy ra, nhưng may thay, ông mất trước khi cha tôi kịp hỏi.

Về sau, cha tôi luôn nói, " Ông cụ (phải) chịu trách nhiệm, cụ đã làm hỏng thằng bé." Nhưng bấy giờ tôi đã đủ mạnh, và tôi làm rõ ra với ông: " Trước mặt con, xin đừng nói một lời nào chống lại ông ngoại. Ông đã cứu thoát con khỏi bị cha mẹ làm hỏng – cái đó là mới là nguyên nhân chính khiến cha tức giận. Nhưng cha còn những đứa con khác - cha cứ làm hỏng họ, và cuối cùng, cha sẽ thấy là ai bị làm hỏng."

Ông có những đứa con khác, và ngày càng nhiều thêm những đứa trẻ ra đời. Tôi thường trêu ông, " Xin làm ơn mang đến thêm một đứa, cho đủ một tá. Mười một đứa con ? Người ta hỏi, ' Bao nhiêu đứa con ? Mười một có vẻ không tròn trịa; một tá thì ấn tượng hơn'." Và trong những năm về sau, tôi thường nói với ông, "Cha hãy tiếp tục làm hỏng tất cả những đứa con của cha đi; con thì hoang dã, (wild) và con sẽ vẫn mãi hoang dã." Một cách nào đó, tôi vẫn ở ngoài cái vòng cương tỏa (grip) của văn minh.

* * * * * * * * * * * *

Ông ngoại tôi là một người hào phóng. Ông nghèo, nhưng rất giàu sự hào phóng. Ông cho mỗi người và mọi người bất cứ cái gì mà ông có. Tôi đã học nghệ thuật "cho" từ nơi ông; tôi không bao giờ thấy ông nói "không" với người hành khất nào, hay bất cứ ai.

Tôi gọi ông là Nana; đó là cách mà tại Ấn người ta gọi người cha của mẹ mình. Bà ngoại, được gọi là Nani. Tôi thường hỏi ông tôi, " Nana, ông kiếm ở đâu một người vợ xinh đẹp như thế?" Những đường nét của bà không có vẻ Ấn độ, bà giống người Hy lạp, và bà là một phụ nữ mạnh mẽ, rất mạnh mẽ. Khi ông ngoại tôi mất, bà chưa quá 50. Bà ngoại tôi sống đến 80, và bà hoàn toàn khỏe mạnh. Ngay cả lúc đó, không ai nghĩ rằng bà sắp chết. Tôi hứa với bà một điều, rằng, khi bà mất tôi sẽ về. Và đó là lần viếng thăm cuối cùng của tôi dành cho gia đình – bà mất vào năm 1970. Tôi phải chu toàn lời hứa của mình.

Trong những năm đầu tiên của đời mình, tôi biết bà ngoại tôi như là mẹ mình; đó là những năm khi mà người ta bắt đầu phát triển. Người mẹ đẻ của tôi đến sau đó; lúc ấy tôi đã lớn lên, đã hình thành một phong cách sống nhất định. Và bà ngoại tôi đã giúp tôi hết sức nhiều. Ông ngoại tôi yêu thương tôi, nhưng không thể giúp tôi nhiều. Ông dành cho tôi nhiều mến thương, nhưng muốn giúp đỡ, thì phải cần thêm nhiều thứ – một loại sức mạnh nào đó. Ông luôn luôn sợ bà tôi. Theo một nghĩa nào đó, thì ông là người sợ vợ. Nhưng mà ông thương yêu tôi, ông giúp đỡ tôi … tôi có thể làm gì nếu ông là một người chồng sợ vợ? 99.9 % [7] những ông chồng đều sợ vợ. Cho nên, cũng không sao cả.

Tôi có thể hiểu ông tôi, và sự rắc rối mà những trò nghịch ngợm của tôi đã gây ra cho ông. Suốt ngày ông thường ngồi trên cái gaddi [8] của mình, ít lắng nghe những khách hàng của ông cho bằng lắng nghe những kẻ than phiền! Nhưng ông thường nói với họ: " Tôi sẵn sàng bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào mà thằng bé đã gây ra, nhưng hãy nhớ, tôi sẽ không phạt nó."

Có lẽ chính sự kiên nhẫn của ông đối với tôi, một đứa trẻ nghịch ngợm … ngay cả tôi cũng không thể tha thứ nó. Nếu một đứa trẻ giống như thế được giao cho tôi trong nhiều năm … trời đất ơi! Thậm chí trong vài phút, hẳn tôi sẽ ném nó ra khỏi cửa mãi mãi. Có lẽ những năm đó tạo ra một phép lạ cho ông tôi; sự kiên nhẫn to lớn đó

phải trả giá. Ong trở nên ngày càng im lặng hơn. Tôi thấy nó tăng trưởng lên từng ngày. Thỉnh thoảng tôi thường nói, " Nana, ông có thể phạt con. Ông không cần phải quá khoan dung như thế." Và, bạn có tin được không, ông thường khóc! Nước mắt ông chảy ra, và ông thường nói, "Phạt con ư? Ta không thể làm điều đó. Ta có thể phạt chính mình, nhưng không thể phạt con."

Tôi chưa bao giờ – trong một khoảnh khắc riêng lẻ – từng thấy ông giận tôi, dù chỉ là một thoáng giận dữ trong mắt ông – và hãy tin tôi, tôi đã làm mọi thứ mà một ngàn (1000) đứa trẻ có thể làm. Vào buổi sáng, ngay cả trước bữa điểm tâm, tôi đã bắt đầu những trò nghịch ngợm cho đến tận khuya. Đôi khi tôi về nhà quá muộn – 3 giờ sáng – nhưng ông là một người kỳ lạ! Ông không bao giờ nói : " Con về muộn quá, đây không phải là lúc để cho một đứa trẻ về nhà." Không, thậm chí không một lần. Thật ra, trước mặt tôi, ông thường tránh nhìn chiếc đồng hồ trên tường.

Ông không bao giờ đưa tôi đến ngôi đền mà ông thường đến. Tôi cũng thường đi tới ngôi đền đó, nhưng chỉ khi nó đóng cửa, chỉ để ăn cắp những tấm lăng kính (prism) , bởi vì trong ngôi đền ấy có nhiều chiếc đèn chùm (chandelier) với những tấm lăng kính đẹp. Tôi nghĩ, chẳng bao lâu, tôi đã ăn cắp hầu hết trong số chúng. Khi người ta mách với ông về chuyện đó, ông nói, " Vậy thì sao nào! Tôi đã tặng (donated) những cái đèn chùm, nên tôi có thể tặng những cái khác. Nó không ăn cắp; đó là tài sản của ông ngoại nó. Tôi xây ngôi đền đó." Vị tu sĩ (priest) hết than phiền. Để làm gì chứ? Ông ta chỉ là một thuộc hạ (servant) của Nana.

Nana thường đi lễ đền mọi buổi sáng, thế nhưng ông không bao giờ nói: " Hãy đi với ông." Ông không bao giờ "truyền giáo" cho tôi. Cái vĩ đại là … không truyền giáo. Thật là quá đổi "con người" (human – phàm tục) khi cưỡng bách một đứa trẻ cô thế (helpless) theo những tín ngưỡng của bạn, nhưng ông vẫn không bị cám dỗ. Vâng, tôi gọi nó là cám dỗ lớn nhất. Cái khoảnh khắc mà bạn thấy

một ai đó lệ thuộc vào bạn trên bất cứ phương diện nào đó, bạn sẽ bắt đầu truyền giáo. Thậm chí ông không bao giờ nói với tôi : “Con là một người Jaina.”

Tôi nhớ rất rõ – đó là thời điểm mà cuộc điều tra dân số đang được tiến hành. Một viên chức đã đến nhà tôi. Ông ta điều tra về nhiều thứ. Ông ta hỏi về tôn giáo của ông tôi; ông nói, “ đạo Jaina.” Rồi ông ta hỏi về tôn giáo của bà tôi. Nana nói : “ Ông có thể hỏi chính bà ấy. Tôn giáo là một vấn đề riêng tư. Chính tôi chưa bao giờ hỏi bà ấy.” Thật là một người kỳ lạ!

Bà tôi trả lời : “ Tôi không tin vào bất cứ tôn giáo nào. Mọi tôn giáo đều nom có vẻ trẻ con với tôi.” Viên chức này bị sốc. Ngay cả tôi cũng bị bất ngờ. Bà không tin vào tôn giáo nào cả! Tại Ấn, tìm ra một người phụ nữ mà không tin vào bất cứ tôn giáo nào, thật là không thể được. Nhưng bà sinh ra tại Khajuraho, có lẽ trong một gia đình có những tantrikas, mà họ không bao giờ tin vào bất cứ tôn giáo nào. Họ đã thực hành thiền định, nhưng họ chưa bao giờ tin vào tôn giáo nào.

Thiền định mà không tôn giáo? Điều này nghe có vẻ rất không logic với một tâm trí phương Tây. Vâng… thật ra, nếu bạn tin vào bất cứ tôn giáo nào, bạn không thể thiền định (meditate). Tôn giáo là một sự can thiệp vào trong thiền định của bạn. Thiền định không cần Thượng đế nào, thiên đường, địa ngục nào, không sợ hãi sự trừng phạt, và không có sự luyến chấp vào lạc thú. Thiền định không dính dáng gì tới tâm trí (mind); thiền định vượt quá nó, trái lại, tôn giáo chỉ là tâm trí,[9] nó ở bên trong tâm trí.

Tôi biết Nani không bao giờ đi lễ đền, nhưng bà dạy tôi một mantra (câu thần chú) mà tôi sẽ tiết lộ lần đầu tiên. Nó là một mantra của đạo Jaina, nhưng nó không dính dáng gì tới đạo Jaina như cách mọi

người hiểu. Chỉ hoàn toàn ngẫu nhiên mà nó có quan hệ với đạo Jaina mà thôi …

Cái mantra này quá đẹp; sẽ rất khó dịch nó, nhưng tôi sẽ cố để có một bản dịch tốt nhất (hay tệ nhất)… Trước hết, hãy lắng nghe cái mantra trong vẻ đẹp nguyên gốc của nó:

Namo arihantanam namo namo/ Namo siddhanam namo namo/ Namo uvajjhayanam namo namo/ Namo loye savva sahunam namo namo / Aeso panch namukaro/ Savva pavrappanano/ Mangalam cha savvesam padhamam havai mangalam/ Arihante saranam pavajjhami/ Siddhe sananam pavajjhami/ Sahu saranam pavajjhami/ Namo arihantanam namo namo/ Namo siddhanam namo namo / Namo uvajhayanam namo namo / Om, shantih, shantih, shantih…

Bây giờ, là nỗ lực dịch thuật của tôi:

“ Tôi đến bên hai bàn chân của những vị arihanta, và cúi xuống đảnh lễ các ngài …” Arihanta, trong đạo Jaina, cũng như chữ “A la hán” trong Phật giáo, dùng để chỉ người đã đã đạt tới cái (chân lý) tối hậu, nhưng không quan tâm đến bất cứ ai khác. Ông đã về tới nhà và quay lưng lại với thế gian. Ông không tạo ra một tôn giáo, ông thậm chí không thuyết pháp, ông thậm chí không tuyên bố (sự chứng ngộ của mình). Dĩ nhiên, ông phải được nhớ đến trước tiên. Cái sự tưởng nhớ (remembrance) đầu tiên là dành cho tất cả những ai đã biết (chân lý) và giữ im lặng. Sự tôn kính (respect) đầu tiên không phải dành cho lời nói, mà dành cho sự im lặng. Không phải dành cho việc phục vụ kẻ khác, mà đơn thuần dành cho sự thành tựu chân ngã. Việc có phục vụ kẻ khác hay không, thì không quan trọng; cái đó là thứ yếu, không phải là chủ yếu (primary.) Cái chủ yếu, là người ta đã đạt tới chân ngã, và đạt tới chân ngã là việc thật khó trên thế gian này. Những người Jaina gọi arihanta là người đã đạt tới chính mình (chân ngã) và vì quá chìm đắm (drowned), quá say sưa với phúc lạc của việc thành tựu ấy, đến nỗi vị ấy quên toàn bộ thế gian. Cái từ

arihanta, theo nghĩa đen, là “người đã giết kẻ thù” – và kẻ thù đó là cái ego (“cái tôi”). Phần thứ nhất của mantra có nghĩa là: “Tôi sờ vào hai bàn chân của vị đã đạt tới chân ngã.”

Phần thứ hai là: “ Namo siddhanam namo namo.” Cái mantra này là bằng tiếng Prakrit, chứ không phải Sanskrit. Prakrit là ngôn ngữ của người Jaina; nó cổ xưa hơn tiếng Sanskrit. Chính từ “sanskrit” có nghĩa là “được tinh lọc” (refined). Qua từ “sanskrit” (refined), bạn có thể hiểu rằng ắt phải có một cái gì đó trước nó, nếu không, thì bạn “tinh lọc” cái gì? Prakrit có nghĩa là “chưa tinh lọc”, tự nhiên, sống sít, và những người Jaina có lý khi họ nói ngôn ngữ của họ là cổ xưa nhất trên thế giới. Tôn giáo của họ cũng là tôn giáo cổ xưa nhất. Cái mantra đó thì bằng tiếng Prakrit, sống sít và chưa tinh lọc. Dòng thứ hai là: Namo siddhanam namo namo – “Tôi sờ vào hai bàn chân của người đã trở thành bản thể (being) của chính mình.” Vậy thì, đâu là sự khác biệt giữa dòng một và hai? Vị arihanta không bao giờ nhìn lại đằng sau, không bao giờ bận tâm về bất cứ loại phục vụ (service) nào, có tính Kytô giáo hay thuộc tôn giáo nào khác. Vị siddha (thành tựu) thỉnh thoảng chìa tay ra cho nhân loại đang chìm đắm – nhưng chỉ thỉnh thoảng thôi, không phải luôn luôn. Đó không phải là một điều tất yếu; nó không có tính bắt buộc. Ông ta có thể, hay không.

Kế đó, dòng thứ ba: Namo uvajjhaya namo namo – “ Tôi sờ vào hai bàn chân của những vị đạo sư, những uvajjhaya.” Họ đã đạt tới cùng một điều, nhưng họ hướng mặt (face) về thế gian, họ phục vụ thế gian. Họ ở trong thế gian, và không thuộc về nó… nhưng vẫn ở trong nó.

Dòng thứ tư: Namo loye savva sahunam namo namo – “ Tôi sờ vào hai bàn chân của những vị “giáo thụ” (the teacher). Bạn biết, có một khác biệt tinh tế giữa vị “đạo sư” (master) và vị “giáo thụ” (teacher). Bậc “đạo sư” đã biết (chân lý), và trao truyền lại cái mà vị ấy biết. Còn vị “giáo thụ” thì chỉ tiếp nhận từ người đã biết, và trao truyền nó lại y nguyên cho thế gian, nhưng chính ông ta chưa biết. Những soạn giả của cái mantra này thật sự có một cái tâm rất đẹp;

họ thậm chí sờ vào hai bàn chân của những người (mà) chưa biết chính mình, nhưng ít ra họ đang mang cái thông điệp của những bậc đạo sư tới quần chúng.

Dòng thứ năm là một trong những câu có ý nghĩa nhất mà tôi từng gặp trong suốt đời mình. Thật kỳ lạ, là nó được trao cho tôi bởi bà ngoại tôi khi tôi còn là một đưa trẻ nhỏ. Khi tôi giải thích nó cho bạn, bạn cũng sẽ thấy vẻ đẹp của nó. Chỉ có bà mới có khả năng trao nó cho tôi. Tôi không biết bất cứ ai khác mà đã có gan để thực sự công bố nó, mặc dù tất cả những người Jaina lặp lại nó trong các ngôi đền của họ. Nhưng lặp lại là một chuyện; trao truyền nó cho người mà bạn yêu thương, lại hoàn toàn là một chuyện khác.

" Tôi sờ vào hai bàn chân của những ai mà đã biết chính mình…" không phân biệt họ là người Hindu, Jaina, hay Phật giáo, Kytô giáo, Hồi giáo. Cái mantra nói, " Tôi sờ vào hai bàn chân của tất cả những ai đã biết chính mình." Đây là cái mantra duy nhất, theo như tôi biết, là hoàn toàn phi tông phái.

Bốn phần kia cũng không khác biệt với phần thứ năm; tất cả chúng đều được chứa đựng trong nó, nhưng nó có một sự bao la mà những phần khác không có. Phần năm phải được viết ra trên tất cả những ngôi đền, tất cả nhà thờ, bất luận chúng thuộc về ai, bởi vì nó nói, " Tôi sờ vào hai bàn chân của tất cả những ai mà đã biết nó." Nó không nói, " những ai đã biết Thượng đế," ngay cả chữ "nó" (it) cũng có thể bỏ đi: tôi chỉ đặt "nó" thêm vào trong bản dịch. Nguyên bản chỉ có nghĩa " sờ vào hai bàn chân của những ai mà đã biết." – không có chữ "nó". Tôi đang đưa vào từ "nó" chỉ là để theo đúng ngữ pháp trong ngôn ngữ của các bạn; nếu không, một ai đó sẽ hỏi "Biết/ Biết cái gì? Đâu là đối tượng của sự biết?" Không có đối tượng nào của sự biết; không có cái gì để biết, chỉ có người biết mà thôi.

Cái mantra này là cái điều tôn giáo duy nhất, nếu bạn gọi nó là tôn giáo, đã được bà ngoại trao cho tôi – không phải bởi ông tôi, mà là bà

tôi. Một đêm bà nói : " Con đang thức. Con không ngủ được à? Con đang lập kế hoạch cho chuyện nghịch ngợm ngày mai phải không?"

Tôi nói, " Dạ không. Nhưng, một cách nào đó, một câu hỏi đang khởi lên trong con. Mọi người đều có một tôn giáo, và khi người ta hỏi con, ' Cháu theo đạo nào?' thì con nhún vai. Nhưng, nhún vai không phải là một tôn giáo, nên con muốn hỏi bà, con nên nói gì?"

Bà nói : " Chính ta không thuộc về một tôn giáo nào, nhưng ta yêu cái mantra này, và đây là tất cả những gì mà ta có thể cho con – không phải bởi vì nó thuộc về đạo Jaina theo truyền thống, nhưng chỉ vì ta đã biết vẻ đẹp của nó. Ta đã lặp lại nó hằng triệu lần, và ta luôn tìm thấy sự bình an to lớn … chỉ là cái cảm nhận (feeling) của việc sờ vào hai bàn chân của tất cả những ai mà đã biết. Ta chỉ có thể cho con cái mantra này; nhiều hơn thế, ta không thể cho con."

Bây giờ tôi có thể nói rằng, người phụ nữ này là thực sự vĩ đại, bởi vì trong chừng mực có liên quan đến tôn giáo, thì mọi người đều đang nói dối. Những người Kytô, Do Thái giáo, Hồi giáo – mọi người đều đang nói dối. Tất cả họ đều nói về Thượng đế, thiên đàng và địa ngục, thiên thần và đủ loại vớ vẩn, mà chả biết cái gì cả. Bà vĩ đại, không phải bởi vì bà đã biết (chân lý), mà bởi vì bà không thể nào dối trá với một đứa trẻ.

Không ai nên nói dối – ít ra, với một đứa trẻ; cái đó là không thể tha thứ được. Trẻ con đã bị khai thác (bóc lột – exploited) qua nhiều thế kỷ chỉ vì chúng sẵn sàng tin cậy. Bạn có thể nói dối chúng rất dễ dàng, và chúng sẽ tin cậy bạn. Nếu bạn là một người cha, người mẹ, chúng sẽ nghĩ bạn nhất thiết phải đúng. Đó là cách mà toàn bộ nhân loại sống trong bại hoại (corruption), trong một vũng bùn rất nhớp nháp (slippery) của những lời dối trá được nói ra với trẻ con trong nhiều thế kỷ. Nếu chúng ta chỉ có thể làm một điều, một điều đơn giản – không nói dối trẻ con và tự thú (confess) với chúng sự ngu dốt của chúng ta – rồi thì chúng ta sẽ có tính tôn giáo và chúng ta sẽ đặt

chúng trên lối đi của tôn giáo. Trẻ con chỉ là sự hồn nhiên; hãy để lại cho chúng không phải là cái gọi là kiến thức của bạn. Nhưng trước hết, chính bạn phải hồn nhiên, chân thật, không dối trá.

Đạo Jaina là tôn giáo khổ hạnh nhất trên thế giới, hay nói khác đi, là tôn giáo khổ dâm (masochistic) và bạo dâm (sadistic) nhất. Những tu sĩ Jaina tra tấn chính mình quá nhiều, đến mức người ta tự hỏi, họ có điên không. Họ không điên. Họ là những doanh nhân, và những tín đồ của những tu sĩ Jaina đều là doanh nhân. Thật kỳ lạ, toàn bộ cọng đồng những người Jaina chỉ bao gồm những doanh nhân – nhưng thực ra, cũng không có gì kỳ lạ, bởi vì chính bản thân tôn giáo này về cơ bản là có động cơ về lợi nhuận (profit) trong thế giới bên kia. Người Jaina tự tra tấn mình để đạt tới một cái gì đó trong thế giới bên kia, mà y biết mình không thể đạt tới trong thế giới này.

Hẳn tôi chỉ mới vào khoảng 4 – 5 tuổi, khi tôi thấy ông thầy tu Jaina trần truồng đầu tiên, được mời vào nhà bà tôi. Tôi không nhịn được, phải cười to lên. Ông tôi bảo tôi, “Im nào! Ta biết con là một đứa gây rối, (nuisance), ta có thể tha thứ cho con khi con là cái gai đối với láng giềng, nhưng ta không thể tha thứ cho con, nếu con nghịch phá guru của ta. Ông ấy là đạo sư của ta; ông điểm đạo cho ta được vào trong những bí mật bên trong (inner - nội tại) của tôn giáo.”

Tôi nói, “ Con không quan tâm về những bí mật ‘bên trong’ (inner), con quan tâm về những bí mật ‘bên ngoài’ (outer) mà ông ta đang phô bày quá rõ ràng. Tại sao ông ta lại ở truồng chứ? Ông ta không thể ít ra mặc một cái khố hay sao?”

Ngay cả ông tôi cũng cười to. Ông nói, “Con không hiểu đâu.”

Tôi nói, “ Được rồi, con sẽ hỏi ông ta.”

Tất cả dân làng đã tụ họp để dự cái darshan của ông thầy tu Jaina. Giữa cái gọi là bài giảng đạo (sermon), tôi đứng dậy. Việc đó diễn ra

cách đây chừng bốn mươi năm, và từ đó, tôi vẫn liên tục chống lại những tên ngu xuẩn (idiot) như thế này. Ngày đó, một cuộc chiến tranh bắt đầu, mà nó sẽ chỉ chấm dứt khi tôi không còn trên thế gian này nữa. Có lẽ ngay cả lúc đó, nó cũng sẽ không chấm dứt; người của tôi có thể tiếp tục nó.

Tôi đã hỏi những câu hỏi đơn giản mà ông ta không thể trả lời. Tôi ngỡ ngàng (puzzled). Ông tôi xấu hổ. Bà tôi vỗ nhẹ lên lưng tôi và nói, “Tuyệt! Con đã làm được điều đó! Ta biết con có thể làm được mà.”

Tôi đã hỏi cái gì? Chỉ là những câu hỏi đơn giản trong đạo Jaina, bởi vì đạo Jaina không là gì khác hơn ngoài nỗ lực để đừng bị tái sinh một lần nữa. Nó là một khoa học dốc toàn bộ nỗ lực vào việc ngăn cản sự tái sinh. Cho nên tôi đã hỏi ông câu hỏi căn bản, “ Có phải ông không muốn bị tái sinh?”

Ông ta nói, “ Ừ, không bao giờ.”

Rồi, tôi hỏi, “ Vậy, tại sao ông không tự sát? Tại sao ông vẫn đang thở? Tại sao ăn? Tại sao uống nước? Chỉ cần biến đi, tự sát đi. Tại sao làm ầm ĩ về một điều đơn giản như thế?” Ông chưa quá tuổi bốn mươi. Tôi nói với ông, “Nếu ông tiếp tục trong cách này, ông có thể sống thêm bốn mươi năm hay hơn nữa.” Thuở đó, tôi chưa biết một sự kiện khoa học, là ai ăn ít đi, sẽ sống lâu hơn …

Do vậy, tôi nói với ông thầy tu – lúc đó, tôi không biết những sự kiện này – “ Nếu ông không muốn bị tái sinh trở lại, tại sao ông đang sống? Chỉ để chết? Vậy thì, tại sao không tự sát đi ?” Tôi không nghĩ rằng có ai đã hỏi ông một câu hỏi như thế. Trong xã hội lịch sự, không ai từng hỏi một câu hỏi thực sự, và câu hỏi về sự tự sát là câu hỏi thực nhất.

Marcel [10] nói, " Tự sát là vấn đề triết học thực thụ duy nhất." Thuở đó tôi không có khái niệm nào về Marcel. Có lẽ, vào thời điểm đó, không có Marcel nào, và sách của ông chưa được viết ra. Nhưng đây là điều mà tôi đã nói với ông thầy tu Jaina: " Nếu ông không muốn bị tái sinh một lần nữa, là điều mà ông nói là ông ước muốn, thì tại sao ông lại (tiếp tục) sống? Vì mục đích gì? Hãy tự sát đi! Tôi [11] sẽ chỉ cho ông một cách. Mặc dù tôi không biết nhiều về chuyện thế gian (the ways of the world), về chuyện tự sát, tôi có thể cho ông một chút lời khuyên. Ông có thể nhảy từ trên đồi ở cuối làng, hay ông có thể nhảy xuống sông."

Tôi nói với ông thầy tu : " Vào mùa mưa, ông có thể nhảy xuống sông với tôi. Chúng ta có thể làm bạn một lát, rồi ông có thể chết, và tôi sẽ bơi sang bờ bên kia. Tôi bơi khá tốt."

Ông nhìn tôi một cách dữ tợn, quá giận dữ, đến nỗi tôi phải bảo ông, "Hãy nhớ, ông sẽ bị tái sinh lần nữa, nếu ông vẫn còn đầy sân hận. Đây không phải là cách để thoát khỏi cái thế giới đầy lo âu này. Tại sao ông nhìn tôi một cách giận dữ như thế? Hãy trả lời câu hỏi của tôi một cách thân thiện và trầm tĩnh. Hãy trả lời một cách vui sướng! Nếu ông không thể trả lời được, thì hãy cứ nói, ' Tôi không biết.' Nhưng xin đừng giận dữ."

Ông thầy tu nói, " Tự sát là một tội ác. Ta không thể tự sát. Nhưng ta muốn sẽ không bao giờ bị tái sinh trở lại. Ta sẽ đạt tới trạng thái này bằng cách chậm rãi từ bỏ mọi thứ mà ta sở hữu."

Tôi nói, " Làm ơn cho tôi xem một cái gì đó mà ông sở hữu – bởi vì, như tôi có thể thấy, thì ông trần truồng và không sở hữu cái gì cả. Ông có những tài sản gì nào?"

Ong tôi cố ngăn tôi lại. Tôi chỉ tay về phía bà tôi và rồi nói với ông ngọai: “Xin hãy nhớ, con đã xin phép Nani, và bây giờ không ai có thể ngăn cản, ngay cả chính ông. Con đã nói với bà về ông, bởi vì con lo rằng nếu con cắt ngang lời guru của ông, và cái gọi là bài giảng đạo rác rưởi của ông ta, thì ông sẽ giận con. Bà nói, ‘ Chỉ cần chỉ tay về phía ta, chừng đó là đủ. Đừng lo lắng: ta chỉ cần liếc nhìn ông, thì ông sẽ im miệng lại.’” Và thật kỳ lạ… đúng như vậy! Ông tôi im lặng, thậm chí Nani không cần liếc nhìn ông.

Về sau, cả tôi lẫn Nani tôi đều cười lớn. Tôi nói với bà, “ Thậm chí ông ngoại không dám nhìn bà.”

Bà nói, “ Ông không thể, bởi vì hẳn ông đã sợ rằng ta sẽ nói, “Mình im đi! Đừng can thiệp vào đứa trẻ đó.’ Cho nên, ông tránh mắt ta. Cách duy nhất để tránh ta là đừng can thiệp vào chuyện của con.”

Thật vậy, ông nhắm mắt lại, như thể là đang thiền định. Tôi nói với ông, “Nana, tuyệt lắm! Ông đang giận dữ, sôi sục, có lửa bên trong ông, thế mà ông ngồi nhắm mắt như thể là ông đang thiền định. Guru của ông đang giận dữ bởi vì nhưng câu hỏi của con đang làm ông ta bực mình. Ông giận dữ bởi vì guru của ông không đủ năng lực để trả lời. Nhưng con nói, người đàn ông đang giảng đạo ở đây chỉ là một gã đần độn (imbecile).” Và lúc đó tôi chưa quá bốn, năm tuổi. [12]

Từ lần đó về sau, đó vẫn là thứ ngôn ngữ của tôi. Tôi lập tức nhận ra một tên ngu xuẩn (the idiot), bất cứ y ở đâu, bất luận y là ai. Không ai có thể thoát khỏi đôi mắt X- quang của tôi.

* * * * * * * * * * * *

Tôi không nhớ tên của ông thầy tu Jaina đó, có lẽ tên ông là Shanti Sagar, có nghĩa là ‘ đại dương của phúc lạc.’ Chắc chắn ông không phải là cái đó. Đó là lý do tại sao tôi đã quên ngay cả tên ông. Ông ta chỉ là một vũng bùn dơ bẩn, không phải là một đại dương của phúc

lạc hay bình an. Và chắc chắn ông không phải là một người của sự im lặng, bởi vì ông trở nên rất giận dữ.

Shanti có thể hàm ý nhiều điều. Nó có thể có nghĩa là sự bình an, hoặc sự im lặng, đó là hai nghĩa căn bản. Cả hai đều thiếu vắng nơi ông. Ông không bình an, cũng không im lặng, không chút nào cả. Bạn cũng không thể nói rằng không có sự xáo động (turmoil) nào bên trong ông, bởi vì ông quá giận dữ, đến mức ông quát to bảo tôi ngồi xuống.

Tôi nói, " Không ai có thể bảo tôi ngồi xuống trong ngôi nhà của chính tôi. Tôi có thể bảo ông đi ra, nhưng ông không thể bảo tôi ngồi xuống. Nhưng tôi sẽ không bảo ông đi ra, bởi vì tôi có thêm một vài câu hỏi nữa. Làm ơn đừng giận dữ. Hãy nhớ cái tên của ông, Shanti Sagar – đại dương của bình an và im lặng. Ông ít ra có thể là một vũng nước nhỏ. Và đừng bị khuấy động (disturbed) bởi một đứa trẻ nhỏ."

Không bận tâm về chuyện ông có im lặng (silent) hay không, tôi hỏi bà tôi, bây giờ đang cười thích thú. " Bà nói gì, Nani? Con có nên hỏi ông ta thêm vài câu hỏi, hay bảo ông ra khỏi nhà?"

Đó là người phụ nữ mà tôi yêu quý. Đó là người phụ nữ (mà) đã khiến cho tôi trở thành một kẻ nổi loạn. Ngay cả ông tôi cũng bị sốc, khi thấy bà ủng hộ tôi trong một cách thức như vậy. Cái gã mệnh danh là 'đại dương của phúc lạc' ngay tức thì câm như hến ngay khi ông ta thấy rằng bà tôi ủng hộ tôi. Không chỉ có bà, mà những người dân làng ngay lập tức đứng về phía tôi. Cái gã thầy tu Jaina khốn khổ đó bị bỏ lại hoàn toàn cô độc.

Tôi hỏi ông ta thêm vài câu hỏi nữa. Tôi hỏi, " Ông đã nói, ' Đừng tin bất cứ điều gì , trừ khi bạn đã tự mình thể nghiệm nó.' Tôi thấy chân lý trong câu nói đó, do vậy, tôi có câu hỏi này…"

Những người Jaina tin rằng có 7 tầng địa ngục. Lên tới tầng thứ sáu, vẫn có khả năng sẽ trở lại, nhưng tầng thứ bảy thì vĩnh cửu. Có lẽ tầng thứ bảy là địa ngục của người Kytô giáo, bởi vì, một khi bạn đã ở đó, thì bạn cũng sẽ ở đó mãi mãi. Tôi tiếp tục, " Ông đã nói đến bảy tầng địa ngục, nên câu hỏi khởi lên, là ông đã viếng thăm tầng thứ bảy chưa? Nếu đã, thì ông không thể có mặt ở đây. Nếu chưa, thì dựa trên thẩm quyền nào mà ông bảo rằng nó hiện hữu? Ông nên nói rằng, chỉ có sáu tầng địa ngục, chứ không phải bảy. Bây giờ, xin hãy chính xác: Hãy nói rằng, chỉ có sáu tầng địa ngục, hay nếu ông muốn khăng khăng rằng có bảy, thì hãy chứng minh rằng ít nhất một người, Shanti Sagar, đã trở về từ tầng thứ bảy."

Ông chết điếng. Ông không thể tin rằng, một đứa trẻ lại có thể hỏi một câu hỏi như thế. Hôm nay, chính tôi cũng không thể tin được! Làm thế nào mà tôi đã có thể hỏi một câu hỏi như thế? Câu trả lời duy nhất mà tôi có thể đưa ra, là bởi vì tôi không được học hành, và hoàn toàn không có chút kiến thức nào cả. Kiến thức khiến cho bạn rất tinh ranh (cunning). Tôi không tinh ranh. Tôi chỉ đơn thuần hỏi cái câu hỏi mà bất cứ đưa trẻ nào cũng đã có thể hỏi, nếu nó không được học hành. Sự "giáo dục" là tội ác lớn nhất mà con người đã phạm đối với những đứa trẻ đáng thương. Có lẽ sự giải phóng lớn nhất trong thế giới này, là sự giải phóng trẻ con. [13]

Tôi hồn nhiên, ngây thơ, hoàn toàn không có kiến thức. Lúc ấy tôi chưa biết đọc, hoặc viết, thậm chí cũng không biết đếm quá mười ngón tay mình. Ngay cả hôm nay, khi tôi phải đếm một cái gì đó, tôi bắt đầu với những ngón tay của tôi, và nếu tôi bỏ sót một ngón tay, thì tôi trở nên lẫn lộn.[14] Ông ta không thể trả lời. Bà tôi đứng lên và nói : " Ông phải trả lời câu hỏi đó. Đừng nghĩ rằng chỉ một đưa trẻ đang hỏi, chính tôi cũng đang hỏi, và tôi là nữ chủ nhân của ông."

Bây giờ, tôi phải giới thiệu với bạn một quy ước của người Jaina. Khi một tu sĩ Jaina đến một gia đình để nhận thực phẩm của mình,

sau khi thọ thực xong, như là một sự ban phúc cho gia đình, ông cho một bài giảng. Bài pháp thoại được nói (trước hết) với người nữ chủ nhân. Bà tôi nói, " Tôi là nữ chủ nhân của ông hôm nay, và tôi cũng đang hỏi câu hỏi đó. Ông đã viếng thăm tầng địa ngục thứ bảy chưa? Nếu chưa, hãy nói một cách thành thật rằng chưa, nhưng, nếu vậy, ông không thể nói là có bảy tầng địa ngục."

Ông thầy tu trở nên quá bối rối – càng khó xử hơn, vì bị đối đầu bởi một người phụ nữ đẹp – đến nỗi ông quay người định bỏ đi. Bà tôi quát to lên, " Hãy dừng lại! Đừng bỏ đi! Ai sẽ trả lời câu hỏi của cháu tôi? Và nó vẫn còn một vài câu nữa để hỏi. Ông là loại người gì, mà chạy trốn những câu hỏi của một đứa trẻ!"

Ông thầy tu dừng lại. Tôi nói với ông tôi, " Con bỏ câu hỏi thứ hai, bởi vì ông thầy tu này không thể trả lời nó. Ông ta cũng chưa trả lời câu hỏi thứ nhất, cho nên con sẽ hỏi ông ta câu hỏi thứ ba; có lẽ ông ta sẽ có thể trả lời câu hỏi đó."

Ông ta nhìn tôi. Tôi nói, " Nếu ông muốn nhìn tôi, hãy nhìn vào đôi mắt tôi." Mọi người bỗng im phăng phắc, không ai nói một lời nào. Ông thầy tu cụp mắt xuống, và rồi tôi nói, " Bây giờ tôi không muốn hỏi nữa. Hai câu hỏi đầu tiên của tôi không được trả lời, và tôi không muốn hỏi câu hỏi thứ ba, bởi vì tôi không muốn ông khách mời bị xấu hổ. Tôi rút lui." Và tôi thực sự rút lui khỏi đó, và tôi quá vui sướng khi thấy bà tôi đi theo tôi.

Gã thầy tu được ông tôi tiễn ra về, nhưng ngay khi ông ta đi khỏi, ông tôi lao vụt vào trong nhà và hỏi bà tôi, " Mình có điên không đấy? Trước tiên, mình ủng hộ đứa bé trai này, nó là một kẻ gây rối bẩm sinh, rồi mình đi với nó, thậm chí không nói lời chào ông đạo sư của tôi."

Bà tôi nói, " Ong ta không phải là đạo sư của tôi, nên tôi không quan tâm một chút xíu nào. Vả lại, người mà ông nghĩ là một kẻ gây rối bẩm sinh, nó là hạt giống. Không ai biết cái gì sẽ mọc ra từ nó."

Bây giờ tôi biết cái gì đã mọc ra từ nó. Nếu người ta không phải là một kẻ gây rối bẩm sinh, thì người ta không thể trở nên một vị Phật. Và tôi không chỉ là một vị Phật, như Phật Gautama; cái đó thì quá truyền thống. Tôi là Phật Zorba.[15] Tôi là một sự gặp gỡ của phương Đông và phương Tây. Thật ra, tôi không phân chia Đông và Tây, thấp và cao, đàn ông và phụ nữ, thiện và ác, Thượng đế và quỷ sứ. Không, một ngàn lần không – tôi không phân chia. Tôi kết nối lại với nhau tất cả những gì cho tới nay đã từng bị phân chia. Đó là công việc của tôi.

Cái ngày đó thì vô cùng có ý nghĩa để hiểu những gì đã xảy ra trong suốt cuộc đời tôi, bởi vì, nếu bạn không hiểu cái hạt giống, bạn sẽ bỏ mất cái cây, sự trổ hoa, và có lẽ ánh trăng xuyên qua những cành cây.

Từ cái ngày đó, tôi đã luôn luôn chống lại bất cứ cái gì có tính thống dâm (masochistic). Dĩ nhiên, mãi sau này tôi mới biết cái từ (word) đó, nhưng điều đó không quan trọng. Tôi vẫn luôn chống lại tất cả những gì khổ hạnh; thuở đó, tôi chưa hề biết cái từ đó, nhưng tôi đã có thể ngửi thấy một cái gì đó thối tha. Bạn biết tôi dị ứng với mọi loại tự tra tấn. Tôi muốn mọi con người sống cho tới mức đầy đủ nhất; sự tối thiểu không phải là phương cách của tôi. Sống cho tới mức tối đa, hay nếu bạn có thể, đi quá cái tối đa, rồi cái kỳ ảo (fantastic). Hãy đi! Đừng đợi! Và đừng lãng phí thời gian đợi chờ Thượng đế … Tôi không chống lại ý tưởng về việc kết liễu cuộc sống. Nếu người ta quyết định kết thúc nó, thì dĩ nhiên đó là quyền của y. Nhưng chắc chắn tôi chống lại việc biến nó thành một cuộc tra tấn lâu dài. Khi ông thầy tu Shanti Sagar này chết, ông ta nhịn ăn 110 ngày. Một người, nếu khỏe mạnh bình thường, có thể tồn tại 90 ngày không ăn, một cách dễ dàng. Nếu khỏe mạnh một cách phi thường, thì y có thể sống thêm lâu hơn nữa.

Do vậy, hãy nhớ, tôi đã không lỗ mãng (rude) với người đàn ông đó. Trong bối cảnh đó, câu hỏi của tôi là hoàn toàn đúng, có lẽ càng như thế, bởi vì ông ta đã không thể trả lời nó. Và, thật kỳ lạ khi kể lại với bạn hôm nay, cái đó là sự khởi đầu không chỉ của sự tra vấn của tôi, mà cũng là sự bắt đầu của những ai không (thể) trả lời. Tôi đã gặp nhiều người mệnh danh là tâm linh, nhưng chưa ai từng trả lời bất cứ câu hỏi nào của tôi. Trên một phương diện, cái ngày đó quy định toàn bộ cái phong vị (flavor) của tôi, toàn bộ đời tôi.

Shanti Sagar bỏ đi, rất bực bội, nhưng tôi thì vô cùng vui sướng, và tôi không giấu ông tôi điều đó. Tôi nói với ông, " Nana, có lẽ ông ta bỏ đi với sự bực bội, nhưng con đang cảm thấy rằng mình hoàn toàn đúng đắn. Guru của ông chỉ (là) xoàng thôi. Ông nên chọn một ai đó khá hơn một chút."

Ngay cả ông cũng cười to và nói, " Có lẽ con nói đúng, nhưng bây giờ, ở tuổi ta, thì việc thay đổi guru là không mấy thực tế." Ông hỏi Nani tôi, " Mình nghĩ sao?"

Bà tôi, bao giờ cũng trung thực với bản tính của mình, nói, "Không bao giờ quá muộn để thay đổi. Nếu ông thấy cái mình đã chọn là không đúng, thì hãy thay đổi nó. Thực vậy, hãy nhanh lên, bởi vì ông đang già thêm. Đừng nói. ' Tôi già rồi, nên tôi không thể thay đổi.' Một chàng trai trẻ nói vậy thì còn khả thứ, nhưng một ông già thì không được - và ông thì đủ già rồi. "

Và chỉ một vài năm sau thì ông mất, nhưng ông không thể thu hết can đảm để thay đổi guru của mình. Ông tiếp tục trong cùng khuôn mẫu cũ. Bà tôi thường nói khích ông, nói, " Bao giờ thì ông mới thay đổi guru và những phương pháp (tu tập) của mình?"

Ông thường nói, "Vâng, tôi sẽ, tôi sẽ."

Một hôm, bà tôi nói, " Hãy thôi đi tất cả những thứ vớ vẩn này! Không ai từng thay đổi trừ khi người ta thay đổi ngay bây giờ. Đừng nói, 'Tôi sẽ, tôi sẽ.' Hoặc thay đổi hoặc không, nhưng hãy rõ ràng."

Người phụ nữ ấy đã có thể trở thành một lực (force) hết sức hùng mạnh. Bà sinh ra đời không phải chỉ để sống trong cái ngôi làng nhỏ đó. Lẽ ra, toàn bộ thế giới nên biết về bà. Có lẽ tôi là cái "kênh chuyển tải" (vehicle) của bà; có lẽ bà đã rót chính mình vào trong tôi. Bà yêu thương tôi quá sâu xa, đến mức tôi chưa bao giờ xem bà mẹ đẻ ra tôi là mẹ ruột. Tôi luôn xem Nani là người mẹ đích thực của tôi.

Bất cứ khi nào tôi phải thú nhận một cái gì đó, bất cứ sự sai trái nào đó mà tôi đã làm cho ai đó, thì tôi chỉ có thể thú nhận với bà, chứ không ai khác. Bà là người mà tôi trao trọn tâm tư của mình (my trust). Tôi có thể tâm sự bất cứ cái gì với bà, bởi vì tôi đã dần nhận thức ra một điều, và đó là, bà có khả năng để hiểu.

… Cái khoảnh khắc đó trong đời tôi, khi tôi hỏi ông thầy tu Jaina những câu hỏi kỳ lạ, chọc tức ông và quấy rầy ông, tôi không cho rằng mình đã làm một cái gì đó sai trái. Có lẽ tôi đã giúp ông. Có lẽ, một ngày nào đó ông sẽ hiểu. Nếu ông đã có lòng can đảm, thì có lẽ ông đã hiểu, ngay buổi đó, nhưng ông là một kẻ hèn nhát – ông chạy trốn. Và từ đó, cái này đã là kinh nghiệm của tôi. Những người mệnh danh là mahatma và những vị thánh, tất cả họ đều là những kẻ hèn nhát. Tôi chưa từng gặp một mahatma nào – Hindu, Hồi giáo, Kytô, Phật giáo – mà ông ta có thể được gọi là một tâm hồn nổi loạn . Trừ khi người ta nổi loạn, người ta không là người tôn giáo. Sự nổi loạn chính là nền tảng của tôn giáo.[16]

Nana không chỉ là một ông ngoại. Thật khó định nghĩa ông là gì đối với tôi. Ông thường gọi tôi là Rajah – rajah có nghĩa là " vị vua" – và

trong bảy năm đó, ông xoay xở thành công để cho tôi sống như một ông hoàng. Vào ngày sinh nhật của tôi, ông thường mang đến một con voi từ một thị trấn gần đó… Tại Ấn, thời đó, voi thường được nuôi, hoặc là bởi những ông vua – bởi vì nó rất tốn kém, việc bảo dưỡng, thức ăn, và dịch vụ mà con voi đòi hỏi – hoặc là bởi những vị thánh. Hai loại người này thường nuôi chúng. Những vị thánh có thể nuôi voi bởi vì họ có quá nhiều đệ tử. Những đệ tử chăm sóc con voi cẩn thận, y như họ đã chăm sóc vị thánh. Sống gần đó là một vị thánh, ông ta có một con voi, cho nên, vào sinh nhật của tôi, ông ngoại tôi thường đặt tôi lên con voi với hai cái túi, mỗi túi ở một bên, đầy những đồng tiền xu.

Trong thời thơ ấu của tôi, tiền giấy chưa xuất hiện tại Ấn độ; bạc (kim loại) vẫn còn được dùng cho những đồng rupee. Ông tôi thường đổ đầy hai túi lớn, treo lủng lẳng ở hai bên, với những đồng xu, và tôi thường đi xung quanh làng ném những đồng xu đó. Đó là cách mà ông thường cử hành sinh nhật của tôi … Một khi tôi đã khởi hành, ông thường đến trong cái xe bò của ông, với thêm nhiều đồng rupee, và ông thường luôn miệng nói với tôi, " Đừng hà tiện – Ta còn đủ tiền. Con không thể ném nhiều hơn ta có. Cứ ném đi."

Ông tìm đủ mọi cách có thể được, để tạo cho tôi ý tưởng rằng tôi thuộc về một gia đình hoàng tộc nào đó.

****

Sự chia ly có cái chất thơ (poetry) của riêng nó, người ta chỉ cần học cái ngôn ngữ của nó, và người ta phải sống trong chiều sâu của nó. Rồi từ trong nỗi buồn, xuất hiện một loại niềm vui … mà nom có vẻ như là không thể được, nhưng mà nó xảy ra. Tôi đã biết nó, do cái chết của Nana tôi. Nó là một sự chia ly toàn diện. Chúng tôi sẽ không gặp lại nhau nữa, thế nhưng có một vẻ đẹp trong nó. Ông già rồi, và đang chết dần, có lẽ từ một cơn đột quỵ nghiêm trọng. Chúng tôi không ý thức về nó, bởi vì ngôi làng không có bác sĩ, thậm chí một

dược sĩ cũng không, không thuốc men, cho nên chúng tôi không biết nguyên nhân cái chết của ông, nhưng tôi nghĩ nó là một cơn đột quỵ nghiêm trọng.

Tôi hỏi nhỏ vào tai ông, " Nana, ông có cái gì để nói trước lúc ra đi? Có lời trăn trối sau cùng nào không? Hoặc, ông có muốn cho con cái gì đó để nhớ ông mãi mãi?" Ông tháo chiếc nhẫn và đặt nó vào tay tôi. Bây giờ cái nhẫn đó đang ở trong tay một sannyasin [17] nào đó; tôi đã tặng nó cho một ai đó. Nhưng mà cái nhẫn đó luôn là một bí ẩn. Suốt đời ông, ông thường không cho phép bất cứ ai thấy cái gì trong nó, thế nhưng, ông cứ thỉnh thoảng lại nhìn vào nó. Chiếc nhẫn đó có một cái cửa sổ bằng thủy tinh ở cả hai mặt, mà bạn có thể nhìn xuyên suốt qua. Trên đỉnh là một hạt kim cương; ở mỗi mặt của nó, có một cái cửa sổ thủy tinh.

Ông không cho phép bất cứ ai thấy cái mà ông thường nhìn vào, xuyên qua cái cửa sổ. Bên trong có một bức tượng Mahavira, tirthankara của người Jaina, và hai cửa sổ đó là những thấu kính phóng đại. Chúng phóng đại nó (bức tượng) và nó có vẻ thực sự khổng lồ.

Với những giọt lệ trong mắt, ông nói, " Ta không có cái gì khác để cho con, bởi vì tất cả những gì ta cho con, đều sẽ bị tước mất khỏi con, y như nó đã bị tước đi khỏi ta. Ta chỉ có thể cho con tình yêu mà ta dành cho kẻ đã biết chính mình."

Mặc dù tôi không giữ chiếc nhẫn đó, tôi đã chu toàn ước muốn của ông. Tôi đã biết vị đó, và tôi đã biết chân lý (it) trong chính mình. Trong một chiếc nhẫn, thì có gì là quan trọng? Nhưng cụ già đáng thương, ông yêu vị minh sư (thầy) của mình, Mahavira, và ông trao tình yêu đó cho tôi. Tôi kính trọng tình yêu của ông dành cho vị thầy của mình, và dành cho tôi. Những lời nói cuối cùng của ông, trên môi ông là, " Đừng lo lắng, bởi vì ta không hề đang chết (dying)."

Tất cả chúng tôi chờ để xem ông có định nói cái gì khác nữa không, nhưng đó là tất cả. Đôi mắt ông khép lại, và ông không còn nữa.

Tôi vẫn còn nhớ sự im lặng đó. Cái xe bò [18] đang đi băng qua một lòng sông (riverbed). Tôi nhớ chính xác mỗi chi tiết. Tôi không nói gì bởi vì tôi không muốn khuấy động bà tôi. Bà không nói một lời. Có một vài lời bình phẩm của ai đó, rồi tôi trở nên lo lắng một chút về bà, và nói, " Hãy nói một cái gì đi, Nani ; xin đừng im lặng quá như vậy, thật không thể chịu đựng nổi."

Bạn có tin được không, Nani hát một bài ca! Đó là cách mà tôi đã học được, rằng cái chết phải là lễ hội. Bà hát chính bài ca mà bà đã từng hát khi yêu ông tôi lần đầu.

Điều sau đây cũng đáng được ghi nhận: cách đây chín mươi năm, tại Ấn, Nani đã có dũng cảm để "buông rơi" (fall) vào tình yêu. Bà vẫn chưa lấy chồng cho đến tuổi hai mươi tư . Cái đó là rất hiếm. Có một lần, tôi đã hỏi bà, tại sao bà không chịu lấy chồng trong một thời gian dài như thế. Bà là một người phụ nữ đẹp … Tôi chỉ nói đùa với bà, rằng ngay cả vua của Chattarpur, tiểu bang Khajuraho, có thể đã phải lòng bà.

Bà nói, " Thật kỳ lạ, là con đã đề cập đến chuyện đó, bởi vì chính ông ta đã phải lòng bà. Nhưng bà đã từ chối ông ta, không chỉ ông ta, mà còn rất nhiều người khác nữa." Vào thời đó, tại Ấn, những cô gái kết hôn khi họ mới bảy tuổi, hay tối đa, là chín tuổi. Chỉ vì sợ tình yêu … nếu họ lớn thêm, họ có thể phải lòng một ai đó. Nhưng bố của bà tôi là một nhà thơ; những bài ca của ông vẫn còn được hát tại Khajuraho và những làng gần đó. Ông cương quyết rằng, trừ khi bà đồng ý, ông sẽ không gả con gái mình cho bất cứ ai. Như một sự tình cờ, bà phải lòng ông tôi.

Tôi hỏi, " Cái đó lại càng kỳ lạ hơn; bà từ chối vua của Chattarpur, và thế nhưng bà lại phải lòng người đàn ông nghèo này. Vì lý do gì? Chắc chắn ông không đẹp trai cho lắm, cũng không phi thường trên bất cứ phương diện nào. Tại sao bà lại phải lòng ông?"

Bà nói, " Con đang hỏi một câu hỏi sai. Việc 'phải lòng' không có 'tại sao'. Ta chỉ đơn giản thấy ông, chừng đó là đủ. Ta thấy đôi mắt ông, và một niềm tin cậy (trust) khởi lên trong ta, mà nó không bao giờ lung lay."

Tôi cũng đã hỏi ông tôi, " Nani bảo bà phải lòng ông. Cái đó là ổn về phần bà, nhưng tại sao ông cho phép cuộc hôn nhân xảy ra?"

Ông nói, " Ta không phải là một nhà thơ hay một nhà tư tưởng, nhưng ta có thể nhận ra cái đẹp khi ta thấy nó."

Tôi chưa bao giờ thấy một phụ nữ nào đẹp hơn Nani tôi. Chính tôi yêu bà, và tôi yêu bà suốt đời bà. Khi bà mất ở tuổi 80, tôi vội vã về nhà và thấy bà đang nằm ở đó, đã chết. Tất cả họ đều chỉ chờ một mình tôi, bởi vì bà đã bảo họ rằng, họ không nên đặt thi thể bà lên giàn hỏa cho tới khi tôi về. Bà đã nhấn mạnh rằng, tôi sẽ châm lửa vào giàn hỏa táng của bà, do vậy, họ đang chờ tôi. Tôi đi vào, vén khăn liệm lên … và bà vẫn còn đẹp! Thật vậy, đẹp hơn bao giờ cả, bởi vì tất cả đều im lặng, ngay cả cái náo động của hơi thở, của sự sống cũng không có ở đó. Bà chỉ là một sự hiện diện.

Châm lửa vào giàn hỏa táng là nhiệm vụ khó khăn nhất mà tôi từng làm trong đời mình. Nó như thể là tôi đang châm lửa vào một trong những bức họa đẹp nhất của Leonard de Vinci, hay Vincent Van Gogh. Dĩ nhiên, đối với tôi, bà quý giá hơn cả Mona Lisa, đẹp hơn cả Cleopatra. Đó không phải là một sự phóng đại. Tất cả những gì đẹp trong cái nhìn (vision) của tôi, một cách nào đó, đều đã đến

bằng cách thông qua bà. Bà giúp tôi trên mọi phương diện, để tôi có thể sống theo cách của mình. Không có bà, có lẽ tôi đã là một chủ tiệm hay một bác sĩ, hay một kỹ sư, bởi vì khi tôi đỗ kỳ thi tuyển sinh, thì cha tôi quá nghèo, thật khó để cho tôi vào đại học. Nhưng mà ông sẵn sàng vay tiền để làm điều đó. Ông cương quyết rằng tôi phải vào đại học. Tôi sẵn sàng, nhưng tôi sẽ không học ngành y, và tôi cũng sẽ không vào trường kỹ sư. Tôi thẳng thừng từ chối trở thành bác sĩ, hay kỹ sư. Tôi bảo ông, " Nếu cha muốn biết sự thật, thì con muốn là một sannyasin, một hobo [19]."

Ông nói, " Cái gì? Một hobo?"

Tôi nói, " Vâng, con muốn học triết, để có thể trở thành một hobo triết học."

Ông từ chối : " Trong trường hợp đó, ta sẽ không vay tiền và hãy nhận lấy mọi sự rắc rối."

Bà tôi nói, " Đừng lo lắng, con trai. Con cứ vào đại học và làm bất cứ cái gì mà con muốn làm. Ta còn sống, và ta sẽ bán mọi thứ mà ta có, chỉ để giúp con là chính mình. Ta sẽ không hỏi là con muốn đi đâu, và con muốn học cái gì."

Bà không bao giờ hỏi, và bà gởi tiền cho tôi một cách liên tục, ngay cả khi tôi đã trở thành một giáo sư đại học. Tôi phải bảo bà rằng, bây giờ tôi đang tự kiếm được tiền, và tôi gởi tiền cho bà thì đúng hơn.

Bà nói, " Đừng lo lắng, ta không cần dùng món tiền này, và con hẳn đang dùng nó tốt đẹp hơn."

Người ta thường tự hỏi, tôi lấy đâu ra tất cả số tiền để mua sách, bởi vì tôi có hằng ngàn cuốn sách. Ngay cả khi tôi mới chỉ là một học sinh trung học, tôi đã có hằng ngàn cuốn sách trong nhà. Khắp nhà đầy sách, và mọi người tự hỏi tôi kiếm đâu ra tiền để mua. Bà tôi đã

bảo tôi, “Đừng bao giờ nói với ai là con lấy tiền ở đâu, bởi vì nếu cha con và mẹ con biết rằng con lấy tiền từ nơi ta, thì họ sẽ bắt đầu hỏi xin tiền ta, và ta sẽ khó lòng từ chối.”

Bà tiếp tục gởi tiền cho tôi. Bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng, ngay cả trong cái tháng mà bà mất, bà đã gởi món tiền thường lệ cho tôi. Vào buổi sáng trong ngày bà mất, bà đã ký tờ ngân phiếu. Bạn cũng sẽ kinh ngạc khi biết rằng, đó là số tiền cuối cùng mà bà có trong ngân hàng. Có lẽ, bằng cách nào đó, bà biết rằng sẽ không có ngày mai nào nữa.

Tôi may mắn trên nhiều phương diện, nhưng may mắn nhất, là tôi đã có ông bà ngoại tôi … và những ngày thơ ấu vàng son đó.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Human being: con người. Dịch như trên để theo sát cách dùng từ của Osho hơn. Độc giả cần lưu ý: cụm từ “hữu thể người” có tính khái quát cao hơn từ “con người.” Bởi vì từ “hữu thể” (being) dùng để chỉ tất cả những gì “hiện hữu” : vật vô tri giác, và cả vật có sự sống (thảo mộc, thú vật, con người)…

[2] To find: tìm kiếm (cái đã mất). Cũng còn có nghĩa là “tìm thấy”.

[3] Existence: Sự hiện hữu; sự “tồn tại.” Đây cũng là một từ mà Osho ưa dùng. Nó có ý nghĩa rất bao la., rất thiêng liêng.

[4] Về sau, bạn đọc sẽ biết, tại sao tôi dùng từ “bị”. Thật ra, Osho không phê phán “sự giáo dục” nói chung; ông chỉ phê phán những “nền giáo dục” hiện hành, tại Ấn độ và khắp thế giới ; theo Osho, chúng không “giải phóng” con người, mà chỉ “nô lệ hóa” con người theo những “khuôn mẫu” nào đó. Thông điệp cốt tủy của Osho: giải

phóng con người ra khỏi mọi hình thức nô lệ - bất luận nó thuộc lãnh vực nào (tôn giáo, ý thức hệ, chính trị, kinh tế, xã hội …)

[5] Ý nói, ngôi làng này tách biệt hẳn "thế giới văn minh" ở bên ngoài – xem như bên ngoài nó không có "thế giới" nào nữa.

[6] Đây là một chi tiết hết sức quan trọng, nó góp phần rất lớn trong việc tạo nên một "Osho nổi loạn" về sau.

[7] Không rõ Osho lấy ở đâu ra con số thống kê này ? (!). Nếu đúng vậy, thì … "hạnh phúc" cho các đức ông chồng quá!

[8] gaddi: tại Ấn, chỗ ngồi của người giàu có được gọi là gaddi.

[9] Trong "thuật ngữ" của Osho, từ "tâm trí" (mind) thường có nghĩa là "trí năng", hoặc "thức thứ 6" trong Duy Thức Học, hoặc "ý thức" trong tâm lý học phương Tây. Ngược lai, "vô trí" (no – mind) là vượt ra ngoài "tâm trí". Cần lưu ý: "tâm trí" và "vô trí" là 2 "từ chìa khóa" trong "tư tưởng" của Osho.

[10] Gabriel Marcel (1889 – 1973) : triết gia Pháp, thuộc phái "hiện sinh hữu thần".

[11] Trong tiếng Anh, đại từ "I" để chỉ ngôi thứ nhất, số ít. Lẽ ra, trong tình huống này, cậu bé Rajneesh (Osho) phải xưng là… "cháu" ! Nhưng, ở đây, nếu xưng "cháu" thì… "thân mật" quá, nên tôi đành "bấm bụng " mà dịch là… "tôi". Xin độc giả tìm giúp một đại từ khác, thích hợp hơn.

[12] Mới 4 – 5 tuổi, mà "lý luận" được như cậu bé này, thì thật là… đáng sợ!

[13]Theo tôi, đây là một câu nói rất đáng cho chúng ta suy nghĩ

[14] Hóa ra, Osho rất … "dốt" toán!

[15] Osho tự "vẽ chân dung" của mình bằng 2 từ "Phật Zorba." Về sau, bạn đọc sẽ biết tại sao.

[16] Từ "nổi loạn" (rebellious) trong ngôn ngữ của Osho, thường chỉ có nghĩa là " chống lại mọi sự áp đạt" để tự giải phóng mình ra

khỏi mỏi hình thức nô lệ, trên bất cứ phương diện nào.

[17] Sannyasin: theo truyền thống, thì một sannyasin là một "kẻ tìm kiếm chân lý" (spiritual seeker), từ bỏ thế tục. Với Osho thì khác: sannyasin là một "kẻ tìm kiếm" hay một "đệ tử" mà vẫn ở trong thế gian, nhưng cố mang "thiền" và sự nhận biết vào trong mọi sự mà anh ta (hay cô ta) làm. (Chú thích của bản Anh ngữ).

[18] Bởi vì trong làng không có y bác sĩ, nên người ta phải đưa ông về thành phố, trên một chiếc xe bò kéo, có lúc phải đi qua một lòng sông (cạn). Trong cuốn "Demension beyond the known", Osho cho biết, khi vào tới gần thành phố, thì ông (ngọai) đã chết một nửa. Ông chết một cách chậm rãi: mê man trong ba ngày rồi mới tắt thở.

[19] Hobo: kẻ lang thang, sống nay đây mai đó

PHẦN I: CHƯƠNG II

TÂM HỒN NỔI LOẠN

(The rebellious spirit)

Theo như tôi có thể nhớ được, thì tôi chỉ ưa thích một trò chơi duy nhất, tranh luận – tranh luận (argue) về mọi sự. Do vậy, ít người lớn nào có thể thậm chí chịu đựng được tôi – chứ còn hiểu [1] tôi, đó là chuyện không thể được.

Tôi không bao giờ thiết đi tới trường. Đó là nơi chốn tồi tệ nhất. Sau cùng, tôi bị cưỡng bức đi học, nhưng tôi đã kháng cự ở mức có thể; bởi vì ở đó chỉ có những đứa trẻ không quan tâm đến những điều mà tôi quan tâm, và những điều mà tất cả chúng quan tâm, thì tôi lại chẳng thèm ngó ngàng. Do vậy, tôi là một "kẻ ngoại cuộc" (outsider).

Mối quan tâm của tôi vẫn luôn trước sau như một: (tìm) biết chân lý tối hậu là cái gì, ý nghĩa cuộc đời là cái gì, tại sao tôi lại ở đây, và không ở nơi nào khác. Và tôi quyết tâm rằng, trừ khi tôi tìm ra câu trả lời, tôi sẽ không chịu yên nghỉ, và tôi sẽ không để cho bất cứ ai xung quanh tôi yên nghỉ (rest).

1939 – 1951

GADARWADA, MADHYA PRADESH, ẤN ĐỘ.

Cái chết của ông tôi là cuộc đối mặt (encounter) đầu tiên của tôi với cái chết. Vâng, một cuộc đối mặt, và một cái gì hơn thế nữa;

không chỉ là một cuộc đối mặt, nếu không thế, có lẽ tôi đã bỏ mất cái ý nghĩa đích thực của nó. Tôi thấy cái chết, và một cái gì hơn nữa, mà không đang chết, và đang trôi bồng bềnh bên trên nó, thoát ra khỏi cơ thể… tứ đại. Cuộc đối mặt đó quyết định toàn bộ dòng đời của tôi. Nó cho tôi hướng đi, hay đúng hơn, một chiều kích, mà trước đó tôi chưa hề biết tới.

Tôi đã nghe nói về cái chết của những người khác, nhưng mà chỉ mới nghe thôi. Tôi chưa thấy, và cho dẫu tôi đã thấy, thì chúng cũng không có ý nghĩa nào với tôi. Trừ khi bạn yêu một ai đó và rồi người ấy chết; nếu không, thì bạn không thể thực sự đối mặt với sự chết. Hãy gạch chân điều đó:

Cái chết chỉ có thể được đối mặt trong cái chết của một kẻ thân yêu.

Khi tình yêu cọng với cái chết tôi đã bỏ mất vẻ đẹp của cái chết, bởi vì tình yêu và cái chết thì quá đơn giản, có lẽ là một. Bà yêu thương tôi. Bà rải tình yêu như mưa lên tôi, và cái chết thì ở đó, xảy ra một cách chậm rãi. Một cái xe bò – giờ đây, tôi vẫn còn nghe văng vẳng âm thanh của nó – tiếng lạch cạch của những bánh xe lăn trên những hòn đá, người đánh xe liên tục quát to lên với những con bò đực, âm thanh của tiếng roi quất vào chúng… Những âm thanh đó vẫn như còn văng vẳng đâu đây. Nó đã ăn rễ quá sâu trong trải nghiệm của tôi, đến nỗi, tôi nghĩ rằng, ngay cả cái chết của tôi cũng không thể xóa nhòa nó được. Ngay cả trong khi đang hấp hối, chắc hẳn tôi sẽ vẫn có thể nghe lại âm thanh của cái xe bò đó.

Nani tôi đang nắm lấy tay tôi, và tôi hoàn toàn choáng váng, không biết cái gì đang xảy ra vào khoảnh khắc đó. Cái đầu của ông tôi tựa vào lòng tôi. Tôi giữ tay tôi trên ngực ông, và một cách chậm rãi, hơi thở biến đi. Khi tôi cảm thấy rằng ông không còn thở nữa, tôi nói với bà tôi: “ Con rất tiếc, Nani, nhưng có vẻ như ông không còn thở nữa.”

Bà nói, " Cái đó hoàn toàn tốt thôi. Con không cần phải lo lắng. Ong đã sống đủ, không cần phải hỏi xin thêm." Bà cũng bảo tôi, " Hãy ghi nhớ, bởi vì có những khoảnh khắc không được phép quên: đừng bao giờ hỏi xin thêm. Những gì đang hiện hữu, cũng đủ lắm rồi."

Bảy năm đầu tiên là những năm quan trọng nhất trong đời, bạn sẽ không bao giờ có lại cái cơ hội đó một lần nữa. Bảy năm đó quyết định bảy mươi năm của đời bạn, tất cả những viên đá nền móng đã được đặt trong bảy năm đó. Do vậy, bởi một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, tôi được cứu thoát khỏi cha mẹ tôi – và vào lúc tôi về với họ, tôi hầu như đã độc lập, tôi đã bay rồi. Tôi biết tôi đã có cánh. Tôi biết rằng, tôi có thể bay mà không cần sự giúp đỡ của bất cứ ai. Tôi biết rằng, toàn bộ bầu trời là của tôi.

Tôi không bao giờ hỏi xin sự hướng dẫn của họ, và nếu bất cứ sự hướng dẫn nào được cho tôi, tôi luôn vặn lại (retort): " Đây là điều sỉ nhục. Có phải cha mẹ nghĩ rằng con không thể tự mình xoay xở? Con hiểu rằng, cho lời khuyên bảo không phải là một ý định xấu – con cám ơn về điều đó – nhưng cha mẹ không hiểu một điều, rằng con có khả năng làm nó, tự mình. Hãy đơn giản cho con một cơ hội để chứng tỏ cái khí phách (mettle) của con. Xin đừng can thiệp vào."

Trong bảy năm đó, tôi đã thực sự trở nên một người theo " chủ nghĩa cá nhân" (individualist) mạnh mẽ, trung kiên. Bây giờ, thật không thể nào xoay chuyển được tôi.

Cửa tiệm của cha tôi thì ở đằng trước nhà, nơi mà gia đình sống. Tại Ấn độ, nhà và cửa tiệm thường ở cùng một nơi, nên dễ dàng quản lý. Tôi có thói quen đi băng qua cửa tiệm của cha tôi, với đôi mắt nhắm lại.

Ông hỏi tôi, " Đây là điều kỳ lạ. Bất cứ khi nào con băng qua cửa tiệm vào trong nhà, hay từ nhà đi ra" - khoảng cách chỉ độ bốn mét – "con đều nhắm mắt lại. Con đang thực tập nghi thức gì vậy?"

Tôi nói, " Con chỉ đang thực tập, để sao cho cái cửa tiệm này không hủy diệt con như nó đã hủy diệt cha. Con không muốn nhìn thấy nó chút nào cả; con tuyệt đối không quan tâm, hoàn toàn không quan tâm." Và nó là một trong những cửa tiệm vải vóc tầm cỡ nhất tại thành phố đó – những loại vải tốt nhất có thể có được ở đó – nhưng tôi không bao giờ nhìn phía nào, tôi chỉ đơn giản nhắm mắt lại và đi ngang qua.

Ông nói, " Nhưng mở mắt ra, cũng không hại gì mà. "

Tôi nói, " Làm sao biết được – người ta có thể bị chia trí . Con không muốn bị xao lãng (distracted) bởi cái gì cả."

Một cách tự nhiên – tôi là con trai cả của ông – ông muốn tôi giúp ông. Ông muốn tôi, sau khi học xong, trở về quản lý cửa tiệm. Ông đã quản lý tốt; cửa tiệm đã dần dần, dần dần trở thành một nơi sầm uất. Ông nói, " Dĩ nhiên, ai khác sẽ trông coi nó? Cha mỗi lúc một già thêm; con muốn cha ở đây mãi mãi sao?"

Tôi nói, " Không, con không muốn, nhưng cha có thể về hưu. Cha có những em trai, họ quan tâm đến cửa tiệm, thật ra, họ rất quan tâm – thậm chí, họ còn sợ rằng cha sẽ chuyển giao cửa tiệm lại cho con. Con đã nói với họ, 'Đừng sợ tôi; tôi không phải là kẻ cạnh tranh của các vị.' Cha hãy chuyển giao cửa tiệm này cho những em trai của cha đi."

Nhưng tại Ấn độ, theo truyền thống, thì đứa con trai cả thừa kế tất cả. Cha tôi là con trai cả; ông thừa hưởng tất cả. Tất cả những gì mà ông có bây giờ, được giả định là của tôi, để tôi trông coi. Đương nhiên, ông lo lắng… nhưng không có cách nào khác. Ông cố bằng mọi cách để làm cho tôi quan tâm.

Ong thường nói với tôi, " Cho dẫu con trở thành bác sĩ, thì con cũng không thể kiếm được nhiều tiền trong một tháng, như ta có thể kiếm trong một ngày. Nếu con trở thành kỹ sư, con sẽ có lương bổng bao nhiêu? Nếu con trở thành giáo sư đại học – ta có thể mướn những giáo sư của con, không có vấn đề gì. Và con biết, có quá nhiều, hằng nghìn những sinh viên tốt nghiệp, sau tốt nghiệp, những Ph. D, họ đều bị thất nghiệp."

Trước hết, ông cố thuyết phục tôi đừng vào đại học, bởi vì ông rất sợ rằng, việc sống xa nhà sẽ khiến cho tôi hoàn toàn độc lập trong 6 năm. Lúc đó, ông sẽ thậm chí không thể để mắt đến tôi. Ông đã và vẫn đang hối tiếc về bảy năm đó, mà ông đã để tôi sống với ông bà ngoại tôi. Tôi nói với ông, " Cha đừng sợ. Cái mà cha sợ, đã xảy ra với con: Con đã 'tốt nghiệp' rồi ! Bảy năm đó… Không trường đại học nào được cần đến để làm hỏng con thêm; con đã bị hỏng hoàn toàn – thoát khỏi bàn tay cha. Những phương tiện thuyết phục đó – tiền lương, sự nể trọng, tiền bạc – không có giá trị gì đối với con. Và con sẽ không trở thành bác sĩ hay kỹ sư, nên đừng lo lắng. Thực ra, con dự định sẽ vẫn là một vagabond [2] suốt đời con."

Ông nói, " Cái đó thậm chí còn tệ hơn! Tốt hơn, con nên trở thành một kỹ sư hay bác sĩ, nhưng một vagabond? Đó không phải là một nghề mới. Nhưng con lại thích nghĩ về những điều như thế – con muốn trở thành một vagabond! Ngay cả những ai là vagabond, họ cũng cảm thấy bị sỉ nhục nếu con nói, 'Bạn là một vagabond' ; nhưng mà con đang nói với chính cha đẻ của mình, rằng suốt đời, con chỉ muốn mình là một vagabond!"

Tôi nói, " Đó là cái sắp xảy ra."

Ông nói, " Vậy, tại sao con lại muốn vào đại học?"

Tôi nói, " Con muốn là một vagabond có giáo dục, không phải là một vagabond do yếu đuối. Con không muốn làm bất cứ cái gì trong

đời con chỉ vì sự yếu đuối. Bình thường, khi người ta không thể là bất cứ cái gì khác, họ trở thành một vagabond – nhưng đó không phải là cách của con. Trước hết, con muốn chứng tỏ cho thế giới rằng, con có thể là bất cứ cái gì mà con muốn trở thành, nhưng con vẫn muốn trở thành một vagabond – do sức mạnh. Rồi, cho dẫu mình là một vagabond, thì mình vẫn được nể trọng, bởi vì sự "khả kính" (respectability) không dính dáng gì đến nghề nghiệp của mình; sự "khả kính" nằm ở hành động xuất phát từ sức mạnh, sự sáng suốt, trí tuệ (clarity, intelligence).

" Do vậy, xin hãy nhận biết một cách rõ ràng, rằng con sẽ vào đại học, nhưng không phải để có thể tìm một chỗ làm tốt. Con không sinh ra để làm những điều ngu xuẩn như thế; vả lại, đã có nhiều người để làm những điều đó. Nhưng một vagabond rất có văn hoá, lịch lãm (sophisticated), có giáo dục, thì rất được cần đến, bởi vì chưa ai từng thấy một người như thế. Có những vagabond, nhưng họ là những con người hạng ba, họ là những kẻ thất bại. Con muốn, trước hết, tuyệt đối thành công, và rồi đá vào tất cả sự thành công đó và để chỉ là một vagabond."

Ông nói, " Ta không thể hiểu cái logic của con, nhưng, nếu con đã quyết định trở thành một vagabond, thì ta biết không có cách nào để thay đổi con."

Bảy năm đó… ông cứ gợi tôi nhớ, lặp đi lặp lại, " Đó là lỗi lầm cơ bản của chúng ta. Đó là thời gian mà chúng ta có thể xoay xở để biến con thành một cái gì đó có giá trị. Nhưng Nana và Nani của con, hai vị đó, đã hủy hoại con hoàn toàn."

Và sau cái chết của Nana tôi, Nani không bao giờ trở lại ngôi làng; bà quá đau lòng. Tôi đã thấy hằng ngàn cặp vợ chồng rất thâm tình với nhau, bởi vì, lang thang vòng quanh Ấn độ, tôi đã lưu lại với rất nhiều gia đình, nhưng tôi không bao giờ có thể tìm thấy bất cứ ai có thể so sánh với ông cụ, bà cụ đó: Họ thực sự yêu thương nhau.

Bà lưu lại trong thành phố của cha tôi, nhưng bà là một phụ nữ rất độc lập. Bà không thích cái đại gia đình, dính kết với nhau; những em trai của cha tôi, những người vợ của họ, con cái của họ – nó là một caravan (đoàn người) khổng lồ. Bà nói, " "Đây không phải là một nơi dành cho ta. Ta đã sống suốt đời với chồng ta, trong im lặng. Con chỉ ở đó trong bảy năm, nếu không, hẳn đã không có nhiều chuyện trò, bởi vì không có gì để nói. Chúng ta đã nói về tất cả những điều đó trước kia, nên không có gì để nói – chúng ta chỉ đơn giản ngồi im lặng." Bà nói, " Ta muốn sống một mình." Do vậy, họ tìm cho bà một ngôi nhà gần con sông, nơi mà bà thường tìm thấy sự tương tự nào đó với cái nơi mà bà đã sống với ông tôi; trong thị trấn này, chúng tôi không có hồ, nhưng chúng tôi có một con sông đẹp.

Suốt ngày tôi ở trường hay đi rong vòng quanh thị trấn hay làm một ngàn lẻ một thứ, và ban đêm, tôi luôn lưu lại với Nani tôi. Nhiều lần bà nói, "Cha mẹ con có thể cảm thấy khó chịu. Chúng ta đưa con ra khỏi họ trong bảy năm, về chuyện đó, họ không thể tha thứ cho chúng ta. Chúng ta nghĩ, chúng ta nên trả con lại tinh khôi (clean) như khi chúng ta nhận con, không cố áp đặt bất cứ cái gì lên con. Nhưng mà họ tức giận; họ không nói ra như vậy, nhưng ta có thể cảm thấy điều đó, và ta nghe từ những người khác, rằng chúng ta đã làm hỏng con. Và bây giờ, con không ngủ ở nhà với cha mẹ con, và gia đình con; con đến đây mọi đêm. Họ sẽ nghĩ rằng, việc "làm hư hỏng" (spoiling) con vẫn đang tiếp tục – ông già đã ra đi, nhưng bà già thì vẫn còn đây."

Tôi nói với bà, " Nhưng nếu con không đến, bà có thực sự ngủ được không? Bà chuẩn bị cho ai cái giường thứ hai mọi đêm trước khi con đến? Bởi vì con không nói với bà rằng ngày mai con sẽ đến. Về ngày mai, ngay từ đầu, con đã không chắc chắn, bởi vì ai biết cái gì sẽ xảy ra ngày mai? Tại sao bà lại chuẩn bị cái giường thứ hai? Và không chỉ cái giường thứ hai…"

Tôi có một thói quen cố hữu, mà bác sĩ của tôi bằng cách nào đó phải tìm cách loại bỏ; ông ta phải mất hai, ba năm. Ngay từ thời thơ ấu, như tôi có thể nhớ được, thì tôi cần kẹo trước khi đi ngủ; nếu không, tôi không thể ngủ được. Do vậy, bà không chỉ đang chuẩn bị cái giường của tôi, mà bà có thói quen đi ra ngoài mua thứ kẹo (sweets) mà tôi thích. Và bà thường giữ những cái kẹo bên cạnh giường tôi, để tôi có thể ăn – ngay cả giữa đêm, nếu tôi lại cảm thấy thích ăn, thì tôi có thể ăn.

Tôi hỏi bà, " Bà giữ những cái kẹo này cho ai? Bà không ăn chúng; từ khi Nana mất, bà không động tới kẹo." Nana tôi ưa thích kẹo. Thật ra, có vẻ như ông đã truyền cái tật này cho tôi; ông cũng có thói quen ăn trước khi đi ngủ. Điều đó không xảy ra trong bất cứ gia đình Jaina nào. Người Jaina không ăn vào ban đêm; họ thậm chí không uống nước hay sữa, hay bất cứ cái gì. Nhưng ông sống trong một ngôi làng nơi mà ông là người Jaina duy nhất, nên không có vấn đề gì. Có lẽ, từ ông mà tôi có thói quen đó; hẳn là ông, ông ăn và gọi tôi ăn cùng với ông. Hẳn tôi đã tham gia với ông, và dần dần, nó trở nên một lề thói. Trong bảy năm đó, ông đã huấn luyện tôi!

Cho nên, tôi không thể ngủ ở nhà vì hai lý do. Một, là vì những cái kẹo đó – bởi vì tại chỗ mẹ tôi, đó là điều không thể được: có quá nhiều trẻ con, đến nỗi, nếu cho phép một đứa, thì mọi đứa khác sẽ xin. Và dù sao đi nữa, điều đó đi ngược lại đạo Jaina, thậm chí, bạn cũng không được phép hỏi xin. Nhưng cái khó khăn của tôi, là tôi không thể đi ngủ, mà không có kẹo.

Thứ hai, tôi cảm thấy, " Nani hẳn phải đang cảm thấy cô độc – và ở trong ngôi nhà này của cha, thật khó mà được ở một mình, quá nhiều người, nó luôn là một nơi họp chợ. Không ai sẽ cảm thấy thiếu mình nếu mình không có mặt ở đây." Không ai từng (cảm thấy) thiếu vắng tôi; họ đơn giản chắc chắn rằng, tôi đang ngủ tại nhà Nani tôi, cho nên, cũng chẳng có vấn đề gì.

Do vậy, ngay cả sau bảy năm đó, tôi cũng không ở dưới ảnh hưởng của cha mẹ tôi. Thật tình cờ, ngay từ đầu, tôi đã độc lập. Làm đúng hay sai – đó không phải là điều quan trọng, nhưng làm một cách độc lập, tự mình. Và, một cách từ từ, cái đó trở thành kiểu sống của tôi, về mọi sự – thí dụ, về y phục.

Trong thị trấn (town) của tôi, thì tôi là người phi Hồi giáo duy nhất ăn mặc giống như một người Hồi giáo. Cha tôi nói, " Con có thể làm bất cứ cái gì, nhưng ít nhất, đừng làm điều này, bởi vì cha phải sống trong xã hội, cha phải nghĩ về những đứa con khác. Và con có ý tưởng này từ đâu thế?"

Những người Hồi giáo trong thị trấn của tôi dùng một loại pajama được gọi là salvar, thay vì cái dhoti mà người Ấn thường dùng. Cái đó được dùng bởi những người Pakhtoon tại Afghanistan và Pakhtoonistan – những nơi xa xôi gần Hy mã lạp sơn, phía bên kia Hy mã lạp sơn. Nhưng nó là một bộ pajama đẹp, và không được may một cách hà tiện vải giống như một bộ pajama bình thường; nó có quá nhiều nếp gấp. Nếu bạn có một cái salvar thực thụ, thì bạn có thể may ít nhất mười cái pajama từ nó, nó có quá nhiều nếp gấp. Những nếp gấp đó tạo cho nó vẻ đẹp của nó, khi tất cả chúng được gom lại với nhau. Và tôi mặc một cái kurtha (của người Pakhtoon), không phải loại kurtha của Ấn độ. Kurtha kiểu Ấn thì ngắn, và những tay áo thì không quá rộng. Kurtha kiểu Pakhtoon có tay áo rất rộng, và cái kurtha thì rất dài; nó xuống tận đầu gối. Và tôi có một cái mũ lưỡi trai Thổ Nhĩ Kỳ.

Cha tôi thường bảo tôi, " Con bước vào cửa tiệm với mắt nhắm, và nhắm mắt đi ra. Tại sao không dùng cửa sau?" Ông nói, " Con có thể đi vào từ cửa sau, con có thể đi ra từ cửa sau; con có thể có chìa khoá riêng, bởi vì không ai dùng cửa sau. Ít nhất, chúng ta sẽ khỏi phải mất công trả lời mọi khách hàng, ' Người Hồi giáo đang đi vào, mắt nhắm lại, là ai thế?' Thế mà con lại có những ý tưởng kỳ lạ này. Chúng ta có một cửa tiệm vải vóc – đủ loại vải đều có ở đây, y phục

may sẵn đều có ở đây, con có thể có bất cứ kiểu nào, nhưng kiểu … Hồi giáo?"

Tại Ấn, kiểu (y phục) Hồi giáo được xem là kiểu tồi tệ nhất. Tôi nói, " Đây là lý do tại sao, bởi vì tất cả mọi người đều nghĩ rằng kiểu Hồi giáo là kiểu tồi tệ nhất. Con đang phản đối tất cả mọi người, con cho rằng y phục của người Hồi giáo là y phục đẹp nhất. Và người ta có thể thấy điều đó; bất cứ nơi nào con đi, chỉ có con là được chú ý, không ai khác được chú ý. Bất cứ khi nào con bước vào phòng học, con được chú ý; bất cứ nơi nào con đi, con được chú ý ngay lập tức."

Và cái cách mà tôi đang sử dụng cái trang phục (dress) đó… Nó thực sự là một cái trang phục đẹp, và với một cái mũ lưỡi trai Thổ Nhĩ Kỳ. Cái mũ lưỡi trai thì dài và có một cái tua treo lủng lẳng một bên; mọi người Thổ Nhĩ Kỳ giàu có đều dùng nó. Tôi còn quá bé, nhưng cái trang phục đó giúp tôi trong nhiều cách.

Tôi có thể đi gặp ông ủy viên hội đồng (commissioner) của thị trấn, và người gác cổng thường chỉ nhìn tôi và nói, "Mời vào," khi nhìn thấy cái trang phục đó… Có lẽ ông sẽ không cho phép tôi, một cậu trai nhỏ, bước vào, nhưng, " Với cái trang phục này, hẳn cậu ta là một sheik [3] hay một ai đó rất quan trọng." Và ngay cả ông ủy viên hội đồng cũng thường đứng lên, khi nhìn thấy cái trang phục của tôi. " Sheik" được dùng cho những người rất đáng tôn trọng, và ông thường nói, "Sheikji, betye – Sheikji, mời ngồi xuống."

Tôi nói với cha tôi, " Cái trang phục này giúp con trên nhiều phương diện. Chỉ mới hôm kia, con đến gặp một ông mục sư (minister); và ông cũng nghĩ rằng con là một sheik thuộc về một gia đình Ả rập hay Ba tư. Thế mà cha lại muốn con bỏ cái trang phục này, chỉ dùng một dhoti và kurtha, mà sẽ không có ai chú ý đến ư?"

Tôi tiếp tục mặc cái trang phục đó cho tới kỳ thi tuyển sinh vào đại học. Họ cố hết sức để tôi không mặc nó nữa, nhưng họ càng cố

sức… tôi nói, “ Nếu cha mẹ ngừng cố sức, thì có lẽ con có thể bỏ nó; còn như nếu cha mẹ tiếp tục cố sức, thì con là người cuối cùng bỏ nó.”

Một hôm, cha tôi đặt tất cả salvar, kurtha và ba cái mũ lưỡi trai Thổ Nhĩ Kỳ của tôi thành một gói, và đi xuống nhà kho ở tầng hầm, và đặt chúng ở đó, nơi cất giữ mọi loại vật dụng bị vỡ, vô dụng. Khi ra khỏi phòng tắm, chẳng thấy quần áo đâu cả, nên tôi chỉ đơn giản trần truồng, mắt nhắm lại, cứ thế mà đi vào trong cửa tiệm. Trong khi tôi đang đi ra ngoài, cha tôi nói, “ Hãy đợi! Hãy trở lại. Mặc áo quần vào đi.”

Tôi nói, “ Cha hãy mang chúng đến, bất kể chúng đang ở đâu.”

Ông nói, “ Ta chưa bao giờ nghĩ rằng con sẽ làm điều này. Ta nghĩ rằng con sẽ nhìn quanh tìm áo quần và con sẽ không tìm thấy chúng, bởi vì ta đã đặt chúng trong một nơi mà con sẽ không tìm thấy chúng. Rồi, tự nhiên con sẽ mặc những y phục bình thường mà con được mong đợi sẽ mặc. Ta chưa bao giờ nghĩ rằng con sẽ làm việc này.”

Tôi nói, “ Con làm hành động trực tiếp. Con không tin vào lời nói không cần thiết.”

Tôi thậm chí cũng không hỏi bất cứ ai, là áo quần của tôi ở đâu. Tại sao lại phải hỏi chứ? Sự trần truồng của tôi sẽ phục vụ mục đích tương tự. Ông nói, “ Con có thể lấy lại quần áo của mình, và không ai sẽ quấy rầy con về chúng nữa. Nhưng, hãy làm ơn, đừng ở truồng mà đi, vì điều đó sẽ tạo ra thêm sự rắc rối – rằng một nhà buôn vải vóc, mà lại có một đứa con trai không có y phục để mặc. Con là người tai tiếng, và con sẽ làm cho chúng ta bị tai tiếng lây; ‘ Hãy nhìn đứa trẻ đáng thương!’ Mọi người sẽ nghĩ rằng ta không cho con y phục.”

Nó tiếp tục – tôi không bao giờ bỏ lỡ một cơ hội để mài sắc trí thông minh của mình. Tôi xoay mọi cơ hội khả dĩ về hướng mài sắc trí thông minh, tính cá nhân của tôi. Bây giờ bạn có thể hiểu, khi nhìn vào bức tranh toàn bộ, nhưng chỉ nhìn từng mảnh … (thì khó mà hiểu được) Dĩ nhiên, những người tiếp xúc với tôi thì không thể hiểu tôi thuộc loại người nào – điên, khùng – nhưng mà tôi đang tiến hành nó một cách có phương pháp.

****

Tôi nói với cha tôi : 'Không'. Đó là cái từ đầu tiên của tôi trước khi bước vào trường tiểu học. Tôi nói với cha tôi, " Không, con không muốn bước vào chiếc cổng này. Đây không phải là một trường học, nó là một nhà tù." Chính cái cổng, và màu của tòa nhà… Thật kỳ lạ, đặc biệt tại Ấn độ, những nhà tù và trường học được sơn cùng một màu, và chúng đều được xây bằng gạch đỏ. Thật khó mà biết một tòa nhà là một nhà tù hay trường học. Có lẽ xưa kia một kẻ thích đùa đã thành công trong việc làm một cú chơi khăm, nhưng ông đã chơi một cách hoàn hảo.

Tôi nói, " Hãy nhìn ngôi trường này – cha gọi nó là một ngôi trường ư? Hãy nhìn chiếc cổng này! Thế mà, cha lại ở đây để cưỡng bách con bước vào học ít nhất trong bốn năm."

Cha tôi nói, " Ta luôn e rằng…" - lúc đó chúng tôi đang đứng ở cổng, dĩ nhiên ở phía bên ngoài, bởi vì tôi đã không cho phép ông dẫn tôi vào. Ông nói tiếp, " … Ta luôn e rằng, ông của con, và nhất là người phụ nữ này, bà của con, sắp làm hỏng con."

Tôi nói, " Nỗi lo sợ của cha là đúng, nhưng công việc đã được làm xong rồi, và bây giờ không ai có thể hủy bỏ nó, nên chúng ta hãy đi về nhà thôi."

Ông nói, " Cái gì! Con phải được giáo dục."

Tôi nói, " Đây là loại khởi đầu gì vậy? Con thậm chí không được tự do để nói đồng ý hay không. Cha gọi nó là sự giáo dục à? Nhưng nếu cha muốn điều đó, thì làm ơn đừng yêu cầu con: Đây là bàn tay con, hãy lôi xệch con vào. Ít ra, con sẽ có sự thỏa mãn rằng, con không bao giờ tự mình bước vào cái "tổ chức" (định chế- institution) xấu xa này. Làm ơn, ít nhất hãy cho con ân huệ này."

Dĩ nhiên, cha tôi đang rất bực mình, nên ông lôi xệch tôi vào. Mặc dù ông là một người rất chất phác, ông lập tức hiểu rằng, điều đó là không đúng. Ông nói với tôi, " Mặc dù ta là cha của con, nhưng lôi xệch con vào, ta cảm thấy không đúng ."

Tôi nói, " Xin đừng cảm thấy tội lỗi chút nào cả. Điều mà cha đã làm, là hoàn toàn đúng, bởi vì trừ khi một ai đó lôi con vào, con sẽ không tự ý quyết định đi vào. Quyết định của con là 'không'. Cha có thể áp đặt quyết định của mình lên con, bởi vì con phải lệ thuộc cha về y phục, nơi ở, và mọi sự. Tự nhiên, cha ở trong một vị thế có đặc quyền."

Việc đi vào trường là khởi đầu của một cuộc sống mới. Trong nhiều năm, tôi đã sống y hệt một con thú hoang dã. Vâng, tôi không thể nói là một con người hoang dã, bởi vì không có con người nào là hoang dã. Chỉ thỉnh thoảng một người trở thành một con người hoang dã. Bây giờ tôi là con người hoang dã; Buddha đã từng là con người hoang dã, Zarathustra, Jesus họ đã từng là những con người hoang dã – nhưng vào thuở đó, hoàn toàn đúng khi nói rằng, trong nhiều năm, tôi đã sống như một con thú hoang dã.

Tôi không bao giờ đi học một cách tự ý. Và tôi hạnh phúc, rằng tôi đã bị lôi xệch vào, rằng tôi không bao giờ vào một cách tự ý, do tự chọn. Trường học thực sự là xấu xa – mọi trường học đều xấu xa. Thực ra, tạo ra một tình huống nơi mà trẻ (có thể) học tập là tốt,

nhưng giáo dục chúng là không tốt. Sự giáo dục tất yếu là phải xấu xa.[4]

Và tôi đã thấy gì như là cái đầu tiên tại trường? Cái đầu tiên, là một cuộc "đụng độ" với ông thầy lớp một của tôi. Tôi đã thấy những người đẹp và những người xấu, nhưng tôi chưa bao giờ thấy một cái gì giống như thế này, một lần nữa! Ông là ông thầy, và ông sắp dạy tôi. Tôi không thể thậm chí nhìn vào người đàn ông đó. Thượng đế chắc hẳn đã sáng tạo ra khuôn mặt ông trong một tình thế rất "khẩn trương." Có lẽ cái bàng quang của Ngài đang đầy ắp, và chỉ để hoàn tất công việc, Ngài tạo ra người đàn ông này, và lao vội vào toilet. Ngài đã sáng tạo ra một con người quái dị làm sao! Ông ta chỉ có một mắt, và một cái mũi khoằm. Một con mắt đó là đủ, nhưng cái mũi khoằm đã thực sự làm tăng thêm vẻ xấu xí cho khuôn mặt ông. Và ông rất khổng lồ! Chắc hẳn ông phải cân nặng tới 400 pound (180kg), không kém hơn.

Ông là người "thầy" đầu tiên của tôi – tôi muốn nói là "giáo viên", bởi vì tại Ấn, những giáo viên được gọi là "thầy". Ngay cả bây giờ, nếu tôi thấy người đàn ông đó, chắc chắn tôi bắt đầu run rẩy. Ông không phải là một con người chút nào; ông là một con ngựa!

Người giáo viên đầu tiên đó – tôi không biết tên thực của ông, và không ai trong trường biết, nhất là lũ trẻ; chúng chỉ đơn giản gọi ông là Thầy Kantar. Kantar có nghĩa là 'một mắt'; chừng đó là đủ cho lũ trẻ, và nó cũng là một sự kết án đối với ông ta. Trong tiếng Hindi, kantar không chỉ có nghĩa là 'một mắt', nó còn được dùng như là một lời nguyền rủa. Nó không thể được dịch trong cách đó, bởi vì một vài sắc thái tinh tế bị mất trong khi dịch. Cho nên, tất cả chúng tôi gọi ông là Thầy Chột , trước sự hiện diện của ông, và khi ông không có mặt ở đó, chúng tôi chỉ đơn thuần gọi ông là Kantar – cái gã Chột.

Ong không chỉ xấu xí; mọi cái mà ông làm đều xấu xa. Và dĩ nhiên, vào chính ngày học đầu tiên của tôi, một cái gì đó bắt buộc phải xảy ra. Ông thường phạt lũ trẻ một cách tàn nhẫn. Tôi chưa bao giờ thấy hoặc nghe về ai khác đã làm những điều như thế với trẻ con.

Ông đang dạy số học. Tôi đã biết một ít bởi vì ông ngoại tôi thường dạy tôi ở nhà; đặc biệt, một chút về ngôn ngữ, và một chút số học. Do vậy, tôi đang nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn cây pipal đẹp đang lóng lánh trong nắng. Không có cây nào khác chiếu sáng quá đẹp như thế dưới mặt trời, bởi vì mỗi cái lá nhảy múa một cách riêng rẽ, và toàn bộ cái cây trở nên gần như một dàn đồng ca – hằng nghìn vũ công và ca nhân chói sáng cùng nhau. Nhưng cũng độc lập nhau. Tôi nhìn cái cây với những chiếc lá của nó đang nhảy múa trong gió nhẹ, và mặt trời đang chiếu sáng trên mỗi ngọn lá, và hằng trăm con vẹt (hundreds of parrots) đang nhảy từ cành nọ sang cành kia, hân hoan thích thú, không vì lý do nào cả. Sung sướng thay, chúng không phải đi học!

Khi tôi đang nhìn ra ngoài cửa sổ , thì Thầy Chột nhảy bổ lên tôi.

Ông nói, " Tốt hơn, là nên chỉnh đốn mọi sự ngay từ lúc ban đầu."

Tôi nói, " Em hoàn toàn đồng ý về điều đó. Em cũng muốn chỉnh đốn mọi thứ, ngay từ ban đầu."

Ông nói, " Tại sao mày nhìn ra cửa sổ khi tao đang giảng số học?"

Tôi nói, " Số học phải được nghe, chứ không phải để thấy. Em không cần phải thấy bộ mặt xinh đẹp của thầy. Em đang nhìn ra cửa sổ, để tránh điều đó. Chừng nào có liên quan đến số học, thầy có thể hỏi em; em nghe nó, và em biết nó."

Ông ta hỏi tôi, và cái đó là khởi đầu của một sự rắc rối rất lâu dài – không phải cho tôi, mà là cho ông. Cái rắc rối, là tôi trả lời đúng. Ông

không thể tin điều đó, và nói, " Dù mày đúng hay sai, tao sẽ vẫn phạt mày, bởi vì nhìn ra cửa sổ khi thầy đang giảng bài, là sai trái."

Tôi được gọi ra đằng trước mặt ông. Từ bàn giáo viên, ông lấy ra một hộp bút chì. Tôi đã nghe nói về những cây bút chì nổi tiếng này. Ông thường đặt một trong những cây bút chì này giữa mỗi trong số những ngón tay của bạn, rồi xiết chặt hai bàn tay bạn, và hỏi, " Có muốn thêm một chút nữa không? Có cần thêm không?" – với những đứa trẻ bé nhỏ!

Tôi nhìn những cây bút chì và nói, "Em đã nghe nói về những cây bút chì này, nhưng trước khi thầy đặt chúng giữa những ngón tay em, hãy nhớ rằng nó sẽ bắt thầy trả một giá rất đắt, có lẽ thậm chí là chỗ làm của thầy."

Ông cười lớn. Tôi có thể nói với bạn rằng, nó giống như một con quái vật trong một cơn ác mộng đang cười vào bạn. Ông nói, " Ai có thể ngăn cản tao?"

Tôi nói, " Đó không phải là điều then chốt. Em muốn hỏi: nhìn ra ngoài cửa sổ có phạm nội qui không, khi số học đang được giảng? Và nếu em có thể trả lời những câu hỏi về những gì đang được dạy, và em sẵn sàng lặp lại từng từ một, thì nhìn ra cửa sổ là có gì sai, về phương diện nào? Vậy thì, tại sao cửa sổ trong phòng học được tạo ra? Vì mục đích gì? Bởi vì suốt ngày một ai đó đang dạy một cái gì đó, và cửa sổ thì không cần đến vào ban đêm, khi mà không có ai nhìn ra khỏi nó."

Ông ta nói, " Mày là một đứa gây rối."

Tôi nói, " Đúng chính xác như thế, và em sắp đi gặp thầy hiệu trưởng để xem, liệu thầy có hợp pháp không: thầy phạt em khi em trả lời những câu hỏi của thầy một cách chính xác."

Ông trở nên “xuống nước” (mellow) một chút. Tôi ngạc nhiên, bởi vì tôi đã nghe nói rằng, ông không phải là người mà có thể chịu khuất phục trong bất cứ cách nào.

Rồi tôi nói, “ Và rồi em sẽ đi gặp ông chủ tịch hội đồng thành phố, là người điều hành ngôi trường này. Ngày mai, em sẽ đến với một cảnh sát trưởng (police commissioner), để cho ông ta có thể thấy tận mắt cái kiểu tra tấn đang diễn ra ở đây.”

Ông rùng mình. Những người khác không thấy được, nhưng tôi có thể thấy những điều như thế, những điều mà những người khác có thể bỏ sót. Tôi có thể không thấy những bức tường, nhưng tôi không thể bỏ sót những cái bé nhỏ, gần như cực vi. Tôi bảo ông, “Thầy đang run rẩy, mặc dù thầy sẽ không dám thừa nhận điều đó. Nhưng, để rồi xem. Trước hết, hãy để cho em đi gặp thầy hiệu trưởng.”

Tôi đến, và ông hiệu trưởng nói, “ Ta biết người đàn ông này tra tấn trẻ con. Điều đó là trái pháp luật, nhưng ta không thể nói gì được, bởi vì ông ta là giáo viên già nhất trong thị trấn, và cha, ông của hầu hết mọi người đều đã một lần là học trò của ông. Do vậy, không ai dám nhấc một ngón tay lên chống lại ông.”

Tôi nói, “ Em không quan tâm. Cha em đã từng là học trò của ông, ông của em cũng vậy. Em không quan tâm hoặc về cha em, hoặc về ông em; thật ra, em không thực sự thuộc về gia đình đó. Em sống xa cách họ từ lâu. Em là một người lạ mặt ở đây.”

Ông hiệu trưởng nói, “ Ta có thể thấy ngay rằng trò hẳn là một người lạ ở đây, nhưng cậu trai ạ, đừng nên dây vào sự rắc rối không cần thiết. Ông ta sẽ tra tấn trò.”

Tôi nói, “ Điều đó không dễ đâu. Hãy để cho việc này là khởi đầu của cuộc đấu tranh của em chống lại mọi sự tra tấn. Em sẽ chiến đấu.”

Và, với nắm tay – dĩ nhiên, chỉ là nấm đấm của một đứa trẻ nhỏ – tôi đấm lên bàn và tôi nói với ông, " Em không quan tâm về giáo dục hay bất cứ cái gì, nhưng em phải quan tâm về sự tự do của em. Không ai có thể sách nhiễu em một cách không cần thiết. Thầy phải cho em xem bộ luật giáo dục. Em không biết đọc, và thầy sẽ phải chỉ cho em xem, là nhìn ra cửa sổ có trái luật không, trong khi em có thể trả lời đúng mọi câu hỏi."

Ông nói, " Nếu trò trả lời đúng, thì việc nhìn ra chỗ nào cũng không thành vấn đề."

Tôi nói, " Thầy hãy đi với em."

Ông đến với bộ luật giáo dục, một cuốn sách cổ xưa (ancient) mà ông luôn mang theo. Tôi không nghĩ rằng có ai đã từng đọc nó. Ông hiệu trưởng nói với Thầy Chột, " Tốt hơn là đừng sách nhiễu cậu bé này, bởi vì có vẻ như nó có thể dội ngược lại ông. Cậu ta không bỏ cuộc dễ dàng."

Nhưng Thầy Chột không phải là týp người dễ phục thiện. Sợ hãi, ông trở nên thậm chí càng gây hấn và bạo động hơn. Ông nói, " Tôi sẽ cho thằng bé này sáng mắt ra … – ông không cần lo lắng. Và ai quan tâm về cái bộ luật đó? Tôi đã là một giáo viên ở đây suốt đời tôi và phải chăng thằng bé này sắp dạy tôi về bộ luật giáo dục?"

Tôi nói, " Ngày mai, hoặc là em sẽ ở trong tòa nhà này hoặc là thầy, nhưng cả hai chúng ta không thể cùng nhau tồn tại ở đây. Hãy đơn giản đợi tới ngày mai."

Tôi lao vội về nhà, kể lại sự việc với cha tôi. Ông nói, " Ta lo lắng, liệu ta có đã đưa con vào trường chỉ để mang rắc rối đến cho kẻ khác và chính con, và cũng lôi kéo ta vào chuyện đó?"

Tôi nói, " Không, con chỉ đơn giản tường thuật sự việc, để sau này cha sẽ không nói rằng cha không hề hay biết."

Tôi đi gặp ông cảnh sát trưởng, ông là một người đáng yêu; tôi đã không mong đợi rằng một cảnh sát lại có thể dễ mến như vậy. Ông nói, "Ta đã nghe nói về người đàn ông này. Thật ra, chính con trai ta cũng đã bị ông ta tra tấn. Nhưng không ai phàn nàn. Tra tấn là trái phép, nhưng nếu không có người khiếu nại, thì sẽ không làm được gì cả, và chính ta cũng không dám khiếu nại, bởi vì biết chắc rằng ông ta sẽ đánh trượt con ta. Do vậy, tốt hơn là cứ để cho ông ta tiếp tục tra tấn. Chỉ vài tháng nữa thôi, rồi con ta sẽ chuyển sang một lớp khác."

Tôi nói, " Cháu ở đây là để khiếu nại, và cháu không quan tâm đến việc chuyển sang lớp khác chút nào. Cháu sẵn sàng lưu lại trong lớp này suốt đời mình."

Ông nhìn tôi, vỗ nhẹ lên lưng tôi và nói, " Ta đánh giá cao cái mà cháu đang làm. Ngày mai ta sẽ đến."

Rồi tôi lao đi gặp ông chủ tịch hội đồng thành phố, ông ta tự chứng tỏ mình chỉ là một đống phân bò. Ông nói với tôi, " Ta biết. Không thể làm gì được về chuyện đó. Trò phải sống với nó, hay trò phải học cách chịu đựng nó."

Tôi nói với ông, và tôi nhớ những lời của tôi một cách chính xác, "Cháu sẽ không tha thứ cho bất cứ cái gì mà lương tâm cháu thấy là sai trái." Ông nói, " Nếu sự việc đúng như thế, thì ta không thể đảm trách việc này. Hãy đi gặp ông phó chủ tịch, có lẽ ông ta sẽ trợ giúp hiệu quả hơn." Và tôi phải cám ơn cái đống phân này về điều đó, bởi vì ông phó chủ tịch của làng đó, Shambhu Dube, tỏ ra là người duy nhất có bản lãnh trong toàn làng, trong kinh nghiệm của tôi. Khi tôi gõ cửa – tôi chỉ mới tám, chín tuổi, và ông là phó chủ tịch – ông nói to,

“Vâng, mời vào.” Ong đang chờ đợi gặp một gentleman nào đó, và ngay khi thấy tôi, ông nom có vẻ hơi bối rối.

Tôi nói, “ Cháu tiếc rằng, cháu không lớn tuổi hơn một chút – xin thứ lỗi cho cháu. Vả lại, cháu không được học hành chút nào, nhưng cháu phải khiếu nại về người này, Thầy Chột.”

Ngay khi ông nghe câu chuyện của tôi – rằng người đàn ông này tra tấn trẻ nhỏ lớp một bằng cách đặt những cây bút chì giữa những ngón tay và rằng ông ta có những cái ghim mà ông ta kẹp vào dưới những móng tay – ông không thể tin được.

Ông nói, “ Ta đã nghe những lời đồn đại, nhưng tại sao không có ai khiếu nại?”

Tôi nói, “ Người ta sợ rằng con cái họ sẽ bị tra tấn thêm nữa.”

Ông nói, “ Cháu không sợ sao?”

Tôi nói, “ Không, bởi vì cháu sẵn sàng bị đánh trượt. Đó là tất cả những gì mà ông ta có thể làm.” Tôi nói rằng, tôi sẵn sàng chấp nhận bị trượt, và tôi không tha thiết sự thành công, nhưng tôi sẽ chiến đấu cho đến tận cùng: “ Hoặc là người đàn ông này hoặc là cháu – cả hai không thể ở đó trong cùng một tòa nhà.”

Shambhu gọi tôi đến sát bên ông. Nắm lấy tay tôi, ông nói, “ Ta luôn luôn yêu mến những con người nổi loạn , nhưng ta không bao giờ nghĩ rằng một đứa trẻ ở tuổi cháu lại có thể là một kẻ nổi loạn . Ta chúc mừng cháu. ”

Chúng tôi trở thành “bạn” của nhau, và tình bạn này kéo dài cho đến khi ông mất. Ngôi làng đó có dân số hai mươi ngàn người, nhưng tại Ấn, nó vẫn là một làng. Tại Ấn, trừ khi một thị trấn có một trăm ngàn người, nó không được xem là một thị trấn. Khi có trên một

triệu rưỡi người, thì nó là một thành phố. Trong suốt đời tôi, tôi không bao giờ gặp được một ai khác trong làng đó có cùng tầm cỡ (caliber), phẩm chất, hay tài năng như Shambhu Dube. Nếu bạn hỏi tôi, thì tôi sẽ nói rằng, trong toàn bộ Ấn độ, tôi chưa bao giờ tìm thấy một Shambhu Dube thứ hai – thoạt nghe, có vẻ như là một sự phóng đại, nhưng thật đúng như vậy. Thật hiếm có một người như ông.

Khi tôi đang du hành khắp Ấn độ, ông thường đợi hằng tháng để chờ tôi đến thăm ngôi làng đó chỉ trong một ngày. Ông là người duy nhất mà đã từng đến để nhìn tôi khi xe lửa tôi chạy qua làng. Dĩ nhiên, tôi không bao gồm trong đó cha tôi hay mẹ tôi; họ phải đến. Nhưng Shambhu Dube không phải là bà con thân thích của tôi; ông chỉ đơn giản yêu mến tôi. Và tình yêu này khởi đầu ở buổi tao ngộ (meeting) đó, vào ngày đó, khi tôi đến để phản đối Thầy Chột.

Shambhu Dube là phó chủ tịch hội đồng thành phố, và ông nói với tôi, "Đừng lo lắng, cái gã đó sẽ bị trừng phạt; thật ra, thời gian phục vụ của ông ta đã hết. Ông làm đơn xin gia hạn, nhưng chúng ta sẽ không duyệt cho ông. Từ ngày mai, cháu sẽ không còn thấy ông ta trong cái trường đó nữa."

Tôi nói, " Đây có phải là một lời hứa không?"

Chúng tôi nhìn vào mắt nhau. Ông cười thành tiếng và nói, " Ừ, đó là một lời hứa."

Ngày kế đó, Thầy Chột biến đi. Sau đó, ông ta không dám nhìn mặt tôi. Tôi cố liên hệ với ông, gõ cửa nhà ông nhiều lần, chỉ để nói lời tạm biệt, nhưng mà ông ta thực sự là một kẻ hèn nhát, một con cừu dưới lốt hổ. Nhưng ngày đầu tiên đó tại trường hoá ra là khởi đầu của nhiều, nhiều chuyện khác…

****

Điều đầu tiên mà cha tôi đã dạy tôi – và điều duy nhất mà ông đã từng dạy tôi – là một tình yêu dành cho con sông nhỏ chảy dọc theo thị trấn của tôi. Ông dạy tôi mỗi một việc này – bơi trên sông. Đó là tất cả những gì mà ông đã từng dạy tôi, nhưng tôi vô cùng biết ơn ông, bởi vì cái đó mang lại quá nhiều thay đổi trong đời tôi. Y hệt như Siddharta [5], tôi phải lòng con sông này.

Cái thói quen hằng ngày của tôi, là ở cùng con sông ít nhất từ năm đến tám tiếng mỗi ngày. Từ ba giờ sáng, tôi thường ở cùng con sông; bầu trời thường đầy sao, và những ngôi sao phản chiếu trên mặt nước. Và đó là một con sông đẹp; nước sông quá ngọt, đến nỗi người ta đã đặt tên nó là Shakkar – shakkar có nghĩa là "đường". Nó là một hiện tượng đẹp.

Tôi đã nhìn thấy nó trong bóng đêm với những vì sao, nhảy múa chảy về đại dương. Tôi đã nhìn thấy nó với bình minh. Tôi đã nhìn thấy nó - ngồi một mình trên bờ, hay với những người bạn, thổi sáo, nhảy múa trên bờ nó, thiền định trên bờ nó, bơi xuồng trong nó, hay bơi lội băng qua nó. Dưới cơn mưa, vào mùa đông, vào mùa hạ.

Tôi có thể hiểu Siddharta của Hermann Hesse và kinh nghiệm của nhân vật này với con sông. Nó đã xảy ra với tôi: quá nhiều cái diễn ra, bởi vì một cách chậm rãi, chậm rãi, với tôi, toàn bộ hiện hữu trở thành một con sông. Nó mất vẻ rắn chắc của nó; nó trở nên lỏng, dễ thay hình đổi dạng.

Và tôi vô cùng biết ơn cha tôi. Ông không bao giờ dạy tôi toán, ngôn ngữ, địa lý, ngữ pháp, lịch sử. Ông không bao giờ quan tâm nhiều đến sự giáo dục của tôi. Ông còn có mười đứa con khác… Và tôi đã thấy xảy ra nhiều lần, khi mà người ta thường hỏi, " Con trai ông đang học lớp mấy?" Và ông thường phải hỏi một ai đó bởi vì ông không biết. Ông không bao giờ quan tâm đến việc giáo dục của tôi,

và sự giáo dục duy nhất mà ông đã cho tôi, là niềm giao cảm (communion) với con sông. Chính ông cũng yêu sâu sắc con sông đó.

Bất cứ khi nào bạn yêu những sự vật đang tuôn chảy, những sự vật đang di động, bạn có một nhãn quan (vision) khác biệt về cuộc đời. Con người hiện đại sống với những con đường nhựa, những tòa nhà xi măng cốt sắt. Đây là những danh từ, hãy nhớ, đây không phải là những động từ. Những tòa nhà chọc trời không tiếp tục phát triển; con đường vẫn là một (như cũ) dù ngày hay đêm, dù là một con trăng rằm hay là một đêm tối mịt. Bất luận cái gì xảy ra, nó không thành vấn đề đối với con đường nhựa, nó không thành vấn đề đối với những tòa nhà ximăng cốt sắt.

Con người đã tạo ra một thế giới của những danh từ, và rồi dính kẹt vào trong thế giới của chính mình. Hắn đã quên đi thế giới của cỏ cây, của sông suối, núi non, và của những vì sao. Ở đó, chúng không biết về bất cứ danh từ nào, chúng chưa từng nghe về những danh từ; chúng chỉ biết có những động từ. Mọi sự là một tiến trình. Thượng đế không phải là một sự thể (a thing), mà là một tiến trình (process).

****

Trong thị trấn của tôi chỉ có một nhà thờ. Có rất ít người Kytô giáo, có lẽ bốn, năm gia đình, và tôi là người phi Kytô duy nhất thường viếng thăm nhà thờ đó. Nhưng đó không phải là (trường hợp) đặc biệt; tôi có thói quen viếng thăm những đền thờ Hồi giáo (mosque), gurudwara, những ngôi đền Hindu, những ngôi đền Jaina. Tôi luôn có ý tưởng rằng, mọi thứ đều thuộc về tôi. Tôi không thuộc về nhà thờ nào, tôi không thuộc về bất cứ ngôi đền nào, nhưng bất cứ ngôi đền, nhà thờ nào hiện hữu trên trái đất, đều thuộc về tôi.

Thấy một người phi Kytô chủ nhật nào cũng đến, ông linh mục trở nên quan tâm đến tôi. Ông nói với tôi, “Con có vẻ rất quan tâm. Thật ra, trong toàn cọng đồng của ta – nó là một cọng đồng quá bé nhỏ – con là người quan tâm nhất. Những người khác thì đang ngủ, đang ngáy, nhưng mà con thì quá tỉnh táo (alert) và chú ý lắng nghe và quan sát mọi sự. Con có muốn trở nên giống như Jesus Christ không?” và ông cho tôi xem hình Chúa Jesus, dĩ nhiên là của ông, đang treo trên thánh giá.

Tôi nói, “ Không, tuyệt đối không! Tôi không có ước vọng bị đóng đinh. Và một người bị đóng đinh, hẳn có một cái gì đó không ổn (wrong - sai trái) với ông ta; nếu không thế, thì ai quan tâm đến việc đóng đinh ai? Nếu toàn đất nước ông ta, nhân dân ông ta quyết định đóng đinh ông ta, thì điều đó có nghĩa là, trong người đàn ông này phải có một cái gì đó không ổn (wrong). Ông có thể là một người dễ mến, có thể là người tốt, nhưng hẳn một cái gì đó đã dẫn ông đến việc bị đóng đinh. Có lẽ ông có một bản năng tự vẫn. Những người có bản năng tự vẫn thường không đủ can đảm để tự vẫn; nhưng họ có thể xoay xở (manage) để người khác mưu sát họ.[6] Và rồi ta sẽ không bao giờ phát hiện ra rằng họ có một bản năng tự vẫn, rằng họ xúi giục ta giết họ, để cho trách nhiệm đổ xuống ta.”

Tôi nói, “ Tôi không có bản năng tự vẫn nào trong tôi. Có lẽ ông ta không phải là một người (muốn) tự vẫn, nhưng chắc chắn ông ta là một loại người có bệnh thống dâm (masochist). Chỉ đơn giản nhìn vào khuôn mặt ông ta – và tôi đã thấy nhiều bức hình ông ta – tôi thấy ông ta nom quá khốn khổ, vô cùng khốn khổ, đến nỗi tôi đã thử đứng trước một tấm gương soi và làm ra vẻ khốn khổ như ông ta, nhưng tôi đã thất bại. Tôi đã gắng sức nhiều, nhưng tôi đã không thể thậm chí bắt chước khuôn mặt của ông ta; làm thế nào tôi có thể trở thành Jesus Christ được? Cái đó dường như không thể được. Và tại sao tôi lại phải trở thành Jesus Christ chứ ?”

Ông bị sốc. Ông nói, “ Ta nghĩ rằng con quan tâm đến Chúa Jesus.”

Tôi nói, " Tôi chắc chắn quan tâm, quan tâm hơn ông, bởi vì ông chỉ là một giảng sư (preacher), được trả lương. Nếu ông không nhận lương trong ba tháng, ông sẽ bỏ đi, và tất cả lời giảng của ông sẽ biến mất." Và sau cùng, đó là điều đã xảy ra, bởi vì những gia đình Kytô giáo đó không phải là cư dân thường trú của thị trấn – tất cả họ đều là những công nhân đường sắt, nên chẳng sớm thì muộn họ sẽ bị thuyên chuyển. Ông bị bỏ lại một mình với một nhà thờ nhỏ mà họ đã xây lên. Bây giờ, không có ai để tài trợ, để chu cấp cho ông, không có ai để lắng nghe ông trừ tôi.

Vào những ngày chủ nhật, ông thường nói, " Các bạn thân mến –"

Tôi thường nói, " Xin hãy đợi! Đừng dùng số nhiều. Không có "những" người bạn, chỉ "bạn thân mến" cũng đủ rồi. Nó gần như đôi tình nhân đang tâm tình với nhau; nó không phải là một công đồng (congregation). Ông có thể ngồi xuống – không có ai ở đó. Chúng ta có thể có một cuộc tán gẫu vui vẻ. Tại sao lại cứ đứng một cách không cần thiết trong một giờ, la to, và…?"

Và đó là cái đã xảy ra. Trong vòng ba tháng, ông bỏ đi, bởi vì nếu bạn không trả lương cho ông … Mặc dù Jesus nói, " Con người không thể chỉ sống bằng bánh mì thôi," con người cũng không thể sống mà không có bánh mì. Ông cần bánh mì. Nó có thể là không đủ, ông cần nhiều thứ khác nữa, nhưng nhiều thứ khác là chuyện sau này; trước nhất, phải có bánh mì . Con người chắc chắn có thể chỉ sống bằng bánh mì. Y sẽ chưa thành ra một con người - nhưng mà ai mới ra một con người? Nhưng không ai có thể sống mà không có bánh mì, ngay cả Jesus.

Tôi thường đi vào trong đền thờ Hồi giáo, và họ cho phép tôi. Những người Kytô, Hồi giáo – những người này đang cải đạo người khác; họ muốn những người từ những tôn giáo khác đến với tôn giáo của họ. Họ rất hạnh phúc thấy tôi ở đó – nhưng lại vẫn câu hỏi tương tự. " Con có muốn trở nên giống như Hazrat Mohammed?" Tôi ngạc

nhiên khi biết rằng không ai quan tâm đến việc chỉ đơn giản là chính mình, giúp tôi trở thành chính mình.

Mọi người quan tâm đến một ai đó khác, lý tưởng, lý tưởng của họ, và tôi chỉ phải là một bản copy? Phải chăng Thượng đế đã không cho tôi một khuôn mặt gốc? Tôi phải sống với một khuôn mặt vay mượn, với một mặt nạ, biết rằng tôi không có khuôn mặt nào cả? Như vậy, làm thế nào đời bạn là một niềm vui được? Ngay cả khuôn mặt bạn cũng không phải là của bạn.

Nếu bạn không là chính mình, làm sao hạnh phúc được?

Toàn bộ sự hiện hữu thì đầy phúc lạc, bởi vì tảng đá là tảng đá, cây là cây, sông là sông, đại đương là đại dương. Không cái nào đang bận tâm (muốn) trở nên một cái khác; nếu không, tất cả chúng đều sẽ phát khùng (go nuts). Và đó là cái đã xảy ra với con người.

Ngay từ thơ ấu, bạn đã được dạy để không là chính mình, nhưng cái cách mà nó được nói ra thì rất khôn khéo, tinh ranh (cunning). Họ nói, " Con phải trở nên giống như Krishna, Buddha," và họ vẽ Buddha và Krishna trong một cách thức sao cho nó khơi dậy trong bạn ước muốn trở thành một Buddha, một Jesus, một Krishna. Ước vọng này là nguyên nhân gốc rễ của sự khốn khổ của bạn. Tôi cũng đã được dạy bảo cùng một điều như bạn đượcdạy bảo, nhưng ngay từ thơ ấu, tôi đã nhấn mạnh rằng, dù bất cứ hậu quả nào xảy ra, tôi sẽ không để cho mình đi chệch khỏi chính mình. Đúng hay sai, tôi sẽ vẫn cứ là chính mình. Cho dù tôi kết thúc tại địa ngục, tôi sẽ ít nhất có sự thỏa mãn rằng tôi đi theo dòng chảy của đời tôi. Nếu nó dẫn về địa ngục, thì nó cứ về địa ngục. Theo lời khuyên của người khác, lý tưởng, những pháp môn tu tập (discipline) của người khác, thì cho dù kết thúc tại thiên đường, tôi sẽ không hạnh phúc ở đó, bởi vì tôi bị cưỡng bách chống lại ý muốn của mình.

Hãy cố hiểu cái điểm then chốt đó. Nếu nó trái với ý muốn của bạn, thì ngay cả khi ở trên thiên đường, bạn cũng sẽ thấy đó là địa ngục.

Nhưng đi theo cái dòng hiện hữu tự nhiên của bạn, thì ngay cả khi bạn ở địa ngục, bạn vẫn thấy như ở trên thiên đường.

Thiên đường là nơi mà sự tồn tại đích thực của bạn nở hoa.[7]

Địa ngục là nơi mà bạn bị chà đạp và một cái gì khác bị áp đặt lên bạn.

****

Tại làng tôi, như khắp miền Đông Ấn, hằng năm vở kịch Ram-leela - đời của Rama - được diễn. Người đàn ông thường đóng vai Ravana - kẻ thù của Rama, đánh cắp vợ của Rama - là một tay đô vật có hạng. Anh ta là vô địch của toàn địa hạt (district), và năm tới, anh ta sắp thi đấu để tranh chức vô địch toàn quốc gia. Chúng tôi thường tắm trên sông hầu như đồng thời vào buổi sáng, nên chúng tôi trở thành bạn của nhau. Tôi bảo anh ta, " Hằng năm anh đóng vai Ravana, và hằng năm anh bị lừa gạt. Ngay lúc mà anh sắp bẻ gãy cây cung của Shiva, để có thể cưới Sita, con gái của Janaka, thì một người đưa tin chạy đến, báo tin rằng thủ đô Sri Lanka của anh đang bốc cháy. Cho nên anh phải đi, vội vã trở lại đất nước. Và trong khi đó, Rama thành công bẽ gãy cây cung và cưới cô gái. Anh không thấy chán, năm nào cũng chừng đó chuyện ư?"

Anh ta nói, " Nhưng câu chuyện nó như vậy mà."

Tôi nói, " Câu chuyện là ở trong tay chúng ta, nếu anh nghe theo những gợi ý của tôi. Anh hẳn đã thấy rằng, hầu hết mọi người đều ngủ gục bởi vì họ đã xem đi xem lại cùng một điều, năm này sang năm nọ, thế hệ này sang thế hệ nọ – hãy làm cho nó thú vị (juicy) một chút."

Anh ta nói, " Ý cậu là gì?"

Tôi nói, " Lần này, anh làm một điều mà tôi nói ..." Và anh ta đã làm đúng như thế!

Khi người đưa tin (sứ giả) đến với với thông điệp: " Thủ đô của ngài, Sri Lanka vàng son, đang bốc cháy; ngài phải về ngay." Thì anh ta nói, "You shut up, idiot" (im mồm đi, đồ ngốc) – anh ta nói bằng tiếng Anh!

Đó là cái mà tôi đã xúi anh ta làm! [8] Tất cả mọi người đang ngủ bỗng tỉnh dậy: " Ai đang nói tiếng Anh trong vở Ramleela thế nhỉ?"

Và Ravana nói, " Ngươi hãy đi đi. Ta cóc cần nghe. Ngươi đã lừa gạt ta hằng năm. Lần này, ta sẽ cưới Sita."

Rồi anh ta đi và bẻ gãy cây cung của Shiva thành từng mảnh, và ném nó vào những ngọn núi – nó chỉ là một cây cung bằng tre. Và anh ta hỏi Jankana, "Con gái ngươi đâu? Hãy mang lại đây! Máy bay (jumbo) của ta đang đợi!"

Thật là buồn cười, vui nhộn! Ngay cả sau bốn mươi năm, bất cứ khi nào tôi gặp một ai đó từ làng tôi, họ đều nhớ cái vở kịch Ramleela đó. Họ nói, "Chưa từng có cái gì như thế xảy ra."

Người quản lý (manager) phải cho màn hạ. Và người đàn ông này (đóng vai Ravana) là một nhà đô vật to con, ít nhất 12 người đã phải khiêng anh ta ra ngoài.

Ngày đó, Ramleela không thể diễn được. Và ngày kế, họ đã phải đổi Ravana; họ tìm một người khác.

Bên bờ sông, “Ravana” gặp tôi. Anh ta nói, “ Cậu làm xáo trộn hết mọi sự.”

Tôi nói, “ Nhưng anh có thấy, người ta vỗ tay, thích thú? Trong nhiều năm, anh đã diễn vai đó, nhưng không ai vỗ tay, không ai cười lớn. Thật đáng bõ công!”

Tôn giáo cần một phẩm chất tôn giáo. Một vài phẩm chất bị thiếu. Một trong những phẩm chất quan trọng nhất là một cảm thức hài hước.

Người ta ngăn không cho tôi gặp những diễn viên của họ. Họ làm rõ với mọi diễn viên, rằng nếu bất cứ ai nói chuyện với tôi hay gặp tôi, thì người đó sẽ không được phép diễn. Nhưng họ quên nói với một người, anh ta không phải là một diễn viên …

Anh ta là thợ mộc. Anh cũng thường đến làm một công việc nào đó trong nhà tôi. Do vậy, tôi nói với anh, “ Tôi không thể đến gần những diễn viên năm nay. Năm ngoái là đủ! Mặc dù tôi không làm hại ai – mọi người yêu thích nó, cả thành phố đánh giá cao nó. Nhưng bây giờ họ đang canh gác mọi diễn viên, và họ không cho phép tôi đến gần diễn viên. Nhưng anh không là diễn viên, chức năng của anh là công việc khác. Anh có thể giúp tôi.”

Anh ta nói, “ Bất cứ cái gì tôi làm được, tôi sẽ làm, bởi vì năm ngoái nó thật là tuyệt. Tôi có thể giúp một chút chứ?”

Tôi nói, “ Chắc chắn rồi.” Và anh ta đã làm nó!

Trong chiến tranh, Lakshmana, em trai của Rama, bị thương bởi một mũi tên độc. Nó rất nguy kịch. Những y sĩ nói rằng, nếu không mang về một loại dược thảo nào đó từ núi Arunachal, thì anh ta không thể được cứu sống, và vào trước buổi sáng anh ta sẽ chết. Anh ta đang nằm xuống bất tỉnh trên sân khấu. Rama đang kêu khóc.

Hanuman, kẻ thuộc hạ (follower) tận tụy nhất của anh ta, nói, “Đừng lo lắng. Tôi sẽ đi ngay lập tức đến Arunachal, tìm dược thảo, mang về trước buổi sáng. Tôi chỉ cần một y sĩ cho một số chỉ dẫn, làm thế nào để tìm nó, hình dáng nó ra sao. Có thể có quá nhiều loại dược thảo trên núi Arunachal, và thời gian thì quá gấp rút, sắp tối rồi.”

Vị y sĩ nói, “ Không có gì khó khăn. Loại dược thảo đặc biệt đó có một tính chất độc đáo. Ban đêm, nó phát xạ và rực sáng, đến mức ngươi có thể thấy nó. Do vậy, bất cứ nơi nào ngươi thấy một loại cỏ phát sáng, ngươi có thể mang về.”

Hanuman đi tới núi Arunachal, nhưng hắn bị bối rối, bởi vì toàn bộ núi Arunachal đầy những dược thảo phát sáng. Không chỉ một loại cỏ có tính chất đặc biệt đó. Nhiều loại cỏ khác cũng có đặc tính phát sáng trong đêm.

Bây giờ Hanuman đáng thương – hắn chỉ là một con khỉ – bối rối không biết phải làm gì. Do vậy, hắn quyết định mang toàn bộ ngọn núi về, và đặt núi ở đó, đằng trước vị y sĩ để ông tìm ra thứ dược thảo cần thiết.

Người thợ mộc thì đang ở trên chóp mái nhà. Anh ta phải kéo sợi dây thừng mà trên đó Hanuman đến với một ngọn núi bằng các-tông với những ngọn nến đang cháy. Và trước đó, tôi đã bảo anh ta, “ Hãy ngừng ngay giữa chừng. Hãy để cho nó treo lủng lẳng ở đó, với ngọn núi và mọi thứ.” Và anh ta làm đúng như thế!

Người quản lý lao vụt ra ngoài. Toàn bộ đám đông xôn xao hào hứng trước những gì đang xảy ra. Và Hanuman đang đầm đìa mồ hôi, bởi vì “hắn” đang treo lủng lẳng trên những sợi dây thừng cùng với ngọn núi, ở bàn tay kia. Người quản lý lao vụt lên sân khấu. Ông

ta hỏi người thợ mộc, và anh ta nói, “Tôi không biết cái gì bị trục trặc. Sợi dây thừng bị kẹt ở một nơi nào đó.”

Một cách vội vã, không tìm thấy gì, người quản lý cắt những sợi dây thừng và Hanuman với ngọn núi của hắn rơi xuống trên sân khấu. Và đương nhiên, “hắn” rất tức giận. Nhưng hằng ngàn người thì vô cùng vui sướng. Nó càng khiến cho anh ta (người diễn vai Hanuman) thêm tức giận.

Rama tiếp tục lặp lại những lời thoại của vai diễn. Anh ta nói, “Hanuman, người bạn tận tụy của tôi …"

Hanuman nói, “ Quỷ tha ma bắt những người bạn của ông! Có lẽ tôi bị gãy xương.”

Rama tiếp tục nói, “ Em trai tôi đang hấp hối.”

Hanuman nói, “ Anh ta muốn chết lúc nào, cứ việc chết! Cái mà tôi muốn biết, là ai đã cắt sợi dây thừng? Tôi sẽ giết hắn ta!”

Một lần nữa, màn phải được hạ xuống, Ramleela phải hoãn lại. Và người quản lý và những người đang tổ chức cho vỡ diễn, tất cả đến gặp cha tôi và nói, “ Con trai ông đang phá hủy mọi sự. Nó đang bêu rếu tôn giáo của chúng tôi.”

Tôi nói, “ Tôi không bêu rếu tôn giáo của quý vị. Tôi chỉ đơn giản đem lại cho nó một chút hài hước.”

Tôi muốn mọi người cười lớn. Cứ lặp lại hằng năm một câu chuyện cổ để làm gì? Rồi thì, mọi người đều ngủ gật bởi vì họ biết rõ câu chuyện, họ biết mọi lời thoại của nó. Nó hoàn toàn vô nghĩa.”

Nhưng thật khó cho những kẻ theo chủ nghĩa truyền thống già nua, những người chính thống, chấp nhận được tiếng cười.[9] Bạn không thể cười lớn trong một nhà thờ.

****

Ông nội tôi rất yêu tôi, chỉ vì những trò nghịch ngợm của tôi. Thậm chí trong tuổi già của mình, ông vẫn rất nghịch ngợm. Ông không bao giờ thích cha tôi hay những ông chú tôi, bởi vì họ chống lại cái tính nghịch ngợm của ông lão này. Tất cả họ đều nói với ông, " Bây giờ cha đã 70 rồi, cha phải hành xử đúng đắn. Bây giờ những con trai của cha đều đã 50, 55, con gái cũng đã 50, con cái họ đều đã thành gia thất, cháu của họ cũng đang ở đó – thế mà cha vẫn cứ tiếp tục làm những điều khiến cho chúng con cảm thấy xấu hổ."

Tôi là bạn "tri kỷ" duy nhất của ông, và tôi yêu cụ già này, vì lý do đơn giản, là ông đã không đánh mất tuổi thơ của mình. Thậm chí ở tuổi 70, ông vẫn nghịch ngợm như bất cứ đứa trẻ nào. Và ông thường nghịch ngợm với chính con trai, con gái của mình, với cả con rể, và họ đều bị sốc.

Tôi cũng người "tâm phúc" (confidant) duy nhất của ông, bởi vì chúng tôi âm mưu cùng nhau. Dĩ nhiên, nhiều điều ông không thể làm – tôi phải làm các thứ đó. Thí dụ, con rể ông đang ngủ trong phòng, và ông không thể leo lên mái nhà, nhưng tôi có thể. Do vậy, chúng tôi cùng âm mưu với nhau; ông sẽ giúp tôi, ông trở thành một "cái thang" để tôi leo lên mái nhà và dở một tấm ngói. [10] Và ban đêm, chỉ với một cây tre và một cái bàn chải gắn vào nó, chạm vào mặt của người con rể… Anh ta sẽ hét lên, và cả nhà sẽ chạy đến đó… " Có chuyện gì thế?" Nhưng vào lúc đó, chúng tôi đã biến đi, và

anh ta sẽ nói, " Có một con ma nào đó, hoặc một ai đó chạm vào mặt tôi. Tôi cố chụp bắt nó, nhưng không thể; trời quá tối."

Ông tôi vẫn còn hoàn toàn hồn nhiên, và tôi thấy sự tự do lớn lao mà ông có được. Trong gia đình tôi, ông là niên trưởng. Lẽ ra, ông phải là người nghiêm túc nhất, và bị chất đầy với quá nhiều vấn đề và lo lắng, nhưng không có gì chạm được tới ông. Mọi người đều nghiêm trang và lo lắng khi có những vấn đề; chỉ có ông là không lo lắng. Nhưng một điều mà tôi không bao giờ thích, đó là ngủ chung với ông. Ông có thói quen ngủ che kín mặt, và tôi cũng sẽ phải ngủ che kín mặt, rất ngột ngạt.

Tôi nói với ông một cách rạch ròi, " Về mọi sự, thì con đồng ý, nhưng chuyện này thì con không thể chịu được. Ông ngủ, che kín mặt; con không thể ngủ che kín mặt – nó làm cho con ngộp thở. Ông có cử chỉ rất trìu mến " – ông thường giữ tôi sát bên quả tim ông và che kín tôi hoàn toàn – " cái đó thì hoàn toàn tốt, nhưng vào buổi sáng, quả tim con sẽ không còn đập! Ý định của ông là tốt, nhưng vào buổi sáng thì ông sẽ còn sống, còn con thì sẽ tắt thở. Do vậy, tình bạn của chúng ta là ở ngoài cái giường."

Ông muốn tôi ở đó, bởi vì ông yêu thương tôi và ông nói, " Tại sao con không đến ngủ với ta?"

Tôi nói, " Ông biết hoàn toàn rõ, rằng con không muốn bị ngộp thở bởi bất cứ ai, cho dù ý định của họ là tốt." Chúng tôi cũng thường đi dạo – một cuộc đi dạo dài – vào buổi sáng, và đôi khi ban đêm, lúc có trăng. Nhưng tôi không bao giờ cho phép ông nắm tay tôi. Và ông thường nói, "Nhưng tại sao? Con có thể ngã, con có thể vấp vào một hòn đá hay một cái gì đó."

Tôi nói, " Như vậy tốt hơn. Hãy để cho con va vấp, điều đó sẽ không giết chết con. Nó sẽ dạy cho con làm sao để khỏi va vấp, làm sao để cảnh giác, làm sao để nhớ là nơi nào có những tảng đá.

Nhưng ông lại nắm tay con – ông còn có thể nắm tay con bao lâu nữa? Ông định ở với con bao lâu nữa? Nếu ông có thể bảo đảm rằng ông sẽ luôn luôn ở cùng con, thì dĩ nhiên, con sẽ sẵn lòng."

Ông là một người rất thành thật. Ông nói, " Ta không thể bảo đảm điều đó; ta không thể thậm chí nói về ngày mai. Và một điều chắc chắn, là con sẽ còn sống lâu và ta sẽ chết trước, do vậy, ta sẽ không thể ở đây mãi mãi để nắm tay con."

"Vậy thì," - tôi nói – " tốt hơn, con nên học từ bây giờ, bởi vì một ngày nào đó, ông sẽ rời bỏ con giữa chừng, không ai trợ giúp. Cho nên, hãy cứ để con một mình, cứ để cho con té ngã. Con sẽ cố đứng dậy. Ông cứ đợi; ông chỉ cần quan sát, và cái đó sẽ từ bi đối với con, hơn là việc nắm tay con."

Và ông hiểu. Ông nói, " Con nói đúng – một ngày nào đó, ta sẽ không còn ở đó nữa."

Thật là tốt khi ngã một vài lần, bị đau, lại đứng lên – đi lạc đường một đôi lần. Không có hại gì cả. Cái khoảnh khắc mà bạn phát hiện ra rằng bạn đã đi lạc đường, hãy quay trở lại. Cuộc đời phải được học thông qua thử nghiệm và sai lầm.

Tôi thường nói với cha tôi, " Đừng cho con bất cứ lời khuyên nào, ngay cả nếu con hỏi xin. Cha phải rất thẳng thắn về chuyện đó. Cha chỉ cần nói, ' Hãy tự tìm lấy đường mà đi.' Xin đừng cho con lời khuyên." Bởi vì khi có thể có một lời khuyên với giá rẻ, thì ai còn bận tâm tìm kiếm con đường riêng của mình?

Tôi vẫn luôn nói một cách nhất quán với những thầy giáo của tôi, "Làm ơn nhớ một điều: em không cần sự khôn ngoan của quý vị – xin cứ đơn thuần dạy môn học của quý vị." Với giáo viên địa lý: " Thầy là giáo viên địa lý, thế mà Thầy lại đang cố dạy em về đạo đức à? Đâu là mối liên hệ giữa đạo đức và địa lý?"

Tôi nhớ người đàn ông đáng thương là giáo viên địa lý của tôi. Ông bị rắc rối bởi vì tôi đã lấy một cái gì đó từ cái túi của một học sinh

ngồi cạnh tôi. Tôi đã lấy tiền của cậu ta, và ông thầy bảo tôi, " Đừng làm thế."

Tôi nói, " Đó không phải là việc của Thầy. Thầy là giáo viên địa lý, và đây là một vấn đề đạo đức. Nếu Thầy muốn, em sẵn sàng đi tới phòng hiệu trưởng; Thầy cùng đi với em. Không có chỗ nào trong chương trình địa lý… Em đã đọc nó, và không có chỗ nào nói rằng bạn không thể lấy tiền của một ai đó khác. Và tiền bạc chỉ là tiền bạc; bất cứ ai có nó, nó là của người ấy. Ngay lúc này nó là của em. Cậu ta phải cảnh giác hơn. Nếu Thầy muốn cho lời khuyên, thì hãy cho cậu ta."

" Trước hết, có cần phải đem quá nhiều tiền tới giờ học địa lý không? Không có gì để mua; sẽ không có chuyện mua sắm ở đây. Tại sao bạn ấy đem tiền đến đây? Rồi, nếu đã đem theo tiền, thì bạn ấy nên cảnh giác. Đó không phải là lỗi của em, mà là lỗi của bạn ấy, và em chỉ đơn giản lợi dụng thời cơ, đó là quyền của em. Tận dụng tình huống là quyền của mọi người."

Tôi còn nhớ người đàn ông đáng thương này. Ông luôn gặp khó khăn, và luôn gặp khó khăn với tôi. Ông thường gặp tôi bên ngoài lớp, và nói, "Trò có thể làm bất cứ cái gì mà trò muốn, chỉ đừng mang quá nhiều triết lý vào trong môn địa lý khốn khổ. Và tôi không biết gì về triết lý – tôi chỉ biết về địa lý. Và trò xoay hướng câu hỏi, đến mức mà thậm chí trong đêm, tôi cứ mãi suy nghĩ, không biết nó thuộc về địa lý, tôn giáo, hay triết học."

Ngay trước trường tôi có hai cây kadamba đẹp. Cây kadamba có hoa rất thơm, và tôi thường ngồi trên cây đó bất cứ khi nào tôi có thể trốn thoát khỏi những giờ học. Đó là nơi tốt nhất, bởi vì những giáo viên thường đi qua bên dưới - ông hiệu trưởng cũng thường đi qua, và không ai nghĩ rằng tôi có thể đang nấp trong cây. Những cây này có thân rất to. Nhưng bất cứ khi nào ông thầy địa lý này đi qua, tôi

không thể cưỡng lại việc ném ít nhất một hai hòn đá vào đầu ông ta. [11] Và ông thường nhìn lên, và nói, " Trò đang làm gì ở đó?"

Một hôm, tôi nói, " Đây không phải là giờ địa lý. Thầy quấy rầy việc thiền định của em."

Và ông ta nói, " Còn hai hòn đá rơi trên đầu ta thì sao?"

Tôi nói, " Đó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Em đã ném những hòn đá; thật kỳ lạ, làm sao mà thầy lại xuất hiện chính xác vào lúc đó. Bây giờ, em đang tự hỏi về điều đó. Chắc Thầy cũng đang tự hỏi về điều đó, làm sao mà nó xảy ra một cách chính xác như vậy."

Ông thường đến mách với cha tôi. " Sự việc đang đi quá xa." Ông là một người hói đầu; và trong tiếng Hindi, người hói đầu gọi là munde. Tên ông ta là Chotelal, nhưng ông được biết đến như là Chotelal Munde. Chotelal thì hiếm khi được dùng, chỉ Munde là đủ, bởi vì ông là người duy nhất hói đầu hoàn toàn. Khi ở ngay trước cửa nhà ông, tôi thường gõ cửa và vợ ông hay một ai đó thường mở cửa, và họ thường nói, " Tại sao trò tra tấn ông ta? Trò tra tấn ông tại trường, trò tra tấn ông tại chợ, trò tra tấn ông trên sông khi ông đi tắm."

Một hôm vợ ông mở cửa và nói, " Trò có chịu ngừng tra tấn ông Hói (Munde) hay không?" – lúc ấy, ông ta ở đó, đằng sau bà!

Ông túm lấy vợ và nói, " Bà cũng gọi tôi là Hói (Munde) ! Cậu trai này đã loan truyền khắp thành phố cái ý tưởng rằng tên tôi là Chotelal Hói – và bây giờ, chính vợ tôi cũng bị cậu ta "cải đạo". Tôi có thể tha thứ mọi người khác, nhưng chính vợ tôi, ngay trong nhà tôi …"

Nhưng tôi nhấn mạnh với những ông giáo viên của tôi: " Xin vui lòng đi theo lối đi của quý vị và đừng cho em bất cứ lời khuyên nào

mà không thuộc về môn học của quý vị, để cho em có thể thám hiểm đời em trong cách của riêng em. Vâng, em sẽ phạm nhiều sai lầm, nhiều khuyết điểm. Em sẵn sàng phạm lỗi lầm, bởi vì đó là cách duy nhất để học hỏi."

* * * * * * * *

Ông nội tôi không phải là một người tôn giáo, không chút nào. Ông gần gũi với Alexis Zorba [12] hơn: ăn, uống, và vui chơi; không có thế giới nào khác, tất cả mọi thứ đó đều là vớ vẩn. Cha tôi là một người rất tôn giáo; có lẽ vì ông tôi – một phản ứng, khoảng cách thế hệ. Nhưng mà có một sự lộn ngược trong gia đình tôi: Ông tôi là một người vô thần và có lẽ bởi vì sự vô thần của ông, cha tôi trở thành người hữu thần. Và bất cứ khi nào cha tôi đi lễ đền, ông tôi thường cười to và nói, " Lại nữa! Hãy cứ tiếp tục, hãy cứ lãng phí thời gian của con đằng trước những bức tượng ngu xuẩn đó!"

Tôi yêu Zorba vì nhiều lý do; một trong những lý do, là qua Zorba, tôi tìm thấy lại ông tôi. Ông quá yêu thực phẩm, đến nỗi ông thường không tin cậy bất cứ ai; ông thường tự mình chuẩn bị thức ăn. Trong đời tôi, tôi đã từng là một vị khách trong hằng ngàn gia đình tại Ấn, nhưng tôi chưa bao giờ nếm một cái gì quá ngon lành như những cái do ông tôi nấu. Và ông quá yêu nó, đến mức hằng tuần nó là một tiệc tùng cho tất cả những người bạn của ông – và ông thường chuẩn bị suốt ngày.

Mẹ tôi, các cô tôi và những tôi tớ, đầu bếp – tất cả đều bị ném ra khỏi bếp. Khi ông tôi đang nấu nướng, không ai được quấy rầy ông. Nhưng ông rất thân thiện với tôi; ông cho phép tôi quan sát và ông nói, "Hãy học, đừng nương nhờ vào người khác. Chỉ có mình mới biết được khẩu vị của mình. Ai khác có thể biết nó chứ?"

Tôi nói, " Cái đó thì quá sức con; con quá lười biếng, nhưng con có thể quan sát. Nấu nướng suốt ngày ư? Con không thể làm chuyện đó." Cho nên, tôi đã không học được cái gì, nhưng chỉ quan sát đã là một niềm vui – cái cách mà ông làm việc, hầu như là một nhà điêu khắc hay một nhạc sĩ hay họa sĩ. Nấu nướng không chỉ là nấu nướng, nó là nghệ thuật với ông. Và nếu một cái gì đó dưới tiêu chuẩn một chút, ông thường ném đi ngay. Ông thường nấu nó lại, mặc dù tôi thường nói, " Nó hoàn toàn ngon mà."

Ông thường nói, " Con biết rằng nó không ngon một cách hoàn hảo, nó chỉ tàm tạm thôi; nhưng ta là người theo chủ nghĩa hoàn hảo. Chừng nào nó chưa đạt tiêu chuẩn của ta, ta sẽ không mời ai ăn. Ta yêu thực phẩm của ta."

Ông thường làm nhiều loại thức uống … và bất cứ cái gì ông làm, cả gia đình đều chống lại ông: Họ nói rằng ông là một kẻ gây phiền hà. Ông không cho phép bất cứ ai ở trong bếp, và vào buổi chiều tối, ông tụ họp tất cả những kẻ vô thần của thị trấn. Và chỉ để thách thức đạo Jaina, ông thường ngồi cho đến khi mặt trời lặn. Ông thường không ăn trước đó, bởi vì đạo Jaina nói: hãy ăn trước mặt trời lặn; sau mặt trời lặn, không được phép ăn. Ông thường sai tôi đi xem là mặt trời đã lặn hay chưa.

Ông làm cho cả nhà bực mình. Và họ không thể giận ông – ông là gia trưởng, niên trưởng – nhưng họ giận tôi. Cái đó dễ hơn. Họ nói, "Tại sao con cứ chốc chốc lại đi xem là mặt trời đã lặn hay chưa? Ông già đó đang làm cho con cũng bị "mất linh hồn" (lost), hoàn toàn mất."

Tôi rất buồn bởi vì tôi tình cờ gặp một cuốn sách là Zorba người Hy lạp ngay vào lúc ông tôi đang hấp hối. Điều duy nhất mà tôi cảm thấy tại lễ hỏa táng của ông là, có lẽ ông đã yêu nó, nếu tôi dịch và

đọc nó cho ông nghe. Tôi đã đọc nhiều cuốn sách cho ông nghe. Ong không được học hành. Ông chỉ có thể viết chữ ký của mình, chỉ chừng đó. Ông không biết đọc, biết viết – nhưng ông rất tự hào về điều đó.

Ông thường nói, " Thật tốt là cha của ta không cưỡng bách ta đi học, nếu không, có lẽ ông cụ ấy đã làm hỏng ta. Những cuốn sách này đã làm hỏng người ta quá nhiều." Ông thường nói với tôi, " Hãy nhớ, cha của con đã bị làm hỏng, chú con bị làm hỏng; họ đang liên tục đọc những cuốn sách tôn giáo, kinh điển, và tất cả chúng đều là rác rưởi. Trong khi họ đang đọc, thì ta đang sống; và thật tốt khi biết thông qua kinh nghiệm sống."

Ông thường bảo tôi, " Họ sẽ gởi con đến trường đại học – họ sẽ không chịu nghe ta. Và ta không thể giúp nhiều, bởi vì nếu cha con và mẹ con cứ khăng khăng, họ sẽ gởi con vào đại học. Nhưng hãy cẩn thận: Đừng để bị lạc lối (lost) trong những cuốn sách."

Ông khoái những vật nhỏ bé. Tôi hỏi ông. " Mọi người tin vào Thượng đế, tại sao ông không tin, Baba?" Tôi gọi ông là baba; tại Ấn, ông nội được gọi là baba.

Ông nói, " Bởi vì ta không sợ."

Một câu trả lời rất đơn giản: " Tại sao ta lại phải sợ? Không cần gì phải sợ; ta không làm điều gì sai trái, ta không làm hại ai. Ta chỉ đơn giản sống đời ta một cách vui sướng. Nếu có một Thượng đế, và ta gặp Ngài một lúc nào đó, thì Ngài không thể giận ta. Ta sẽ giận Ngài: 'Tại sao Ngài lại tạo ra cái loại thế giới này?' Ta không sợ."

Khi ông đang hấp hối, tôi lại hỏi ông, bởi vì những bác sĩ nói rằng ông chỉ còn sống thêm vài phút nữa thôi. Mạch của ông đang trở nên yếu hơn, quả tim ông đang lụi dần, nhưng ông hoàn toàn minh mẫn. Tôi hỏi ông, " Baba, một câu hỏi …"

Ông mở mắt ra, và nói, " Ta biết câu hỏi của con: ' Tại sao ông không tin vào Thượng đế?' Ta biết rằng con sắp hỏi ta câu hỏi đó khi ta đang hấp hối. Có phải con nghĩ rằng cái chết khiến cho ta sợ? Ta đã sống quá vui sướng và quá hoàn toàn, ta chết mà không có gì phải nuối tiếc.

" Ngày mai ta sẽ làm cái gì khác? Ta đã làm hết mọi thứ, và không còn sót lại gì. Và nếu mạch của ta đang chậm lại và tiếng đập quả tim ta đang chậm lại, ta nghĩ mọi sự sẽ hoàn toàn tốt đẹp, bởi vì ta đang cảm thấy rất bình an, rất trầm tĩnh, rất im lặng. Bất luận ta chết một cách vĩnh viễn hay tiếp tục sống (ở một thế giới khác.ND), ta không thể nói ngay bây giờ. Nhưng một điều mà con nên nhớ: Ta không sợ."

* * * * * * * * * * * * * *

Khi tôi đỗ kỳ thi tuyển sinh vào đại học, cả gia đình tôi nháo nhào cả lên, bởi vì tất cả đều muốn một cái gì đó. Một ai đó muốn tôi trở thành bác sĩ, một ai đó muốn tôi là nhà khoa học, một ai đó muốn tôi là kỹ sư – bởi vì tại Ấn, đây là những công việc được trọng vọng, lương cao. Bạn trở nên giàu có, bạn trở nên nổi tiếng, bạn được tôn vinh. Nhưng tôi nói, " Con sẽ học triết học."

Tất cả họ đều nói, " Chỉ vớ vẩn! Không người nào có tâm lý bình thường mà lại đi học triết. Con sẽ làm gì sau đó? Sáu năm lãng phí ở đại học, học những thứ chả có ích lợi gì. Chúng không có giá trị gì, con thậm chí sẽ không có được một chỗ làm nho nhỏ."

Và họ có lý. Tại Ấn độ, nếu bạn nộp đơn xin công việc nhỏ nhất, giống như một thư ký tại bưu điện, thì chỉ cần chứng chỉ trúng tuyển

đại học là đủ. Nhưng, nếu bạn có bằng M.A triết học, bạn xếp hạng ưu ở đại học, bạn có một huy chương vàng – thì bạn sẽ bị từ chối. Chỉ vì bạn đã có những cái đó! Đây là những cái "phản tác dụng", cho thấy bạn là một con người "khó tính" (difficult)! Một thư ký không nên là một triết gia; nếu không, tất yếu phải có những khó khăn.

Cho nên họ nói, " Con sẽ chịu khổ suốt đời. Hãy suy nghĩ kỹ lại."

Tôi nói, " Con không bao giờ suy nghĩ, các vị biết điều đó. Con chỉ đơn giản nhìn thấy. Và không có vấn đề lựa chọn, con biết con sẽ học cái gì. Đó không phải là vấn đề cân nhắc là công việc nào sẽ có nhiều lợi nhuận hơn. Cho dẫu con trở thành một kẻ hành khất, con cũng sẽ học triết."

Họ bối rối. Tất cả đều hỏi tôi, " Nhưng tại sao con lại muốn học triết?"

Tôi nói, " Lý do là, suốt đời con, con sẽ chiến đấu chống lại những triết gia. Con phải biết mọi thứ về họ."

Họ nói, " Trời ơi! Đây là ý tưởng của con? Chúng ta chưa bao giờ tưởng tượng rằng một người học triết bởi vì anh ta sẽ chiến đấu chống lại những triết gia suốt đời mình." Nhưng họ biết rằng tôi 'điên điên.' Họ nói, "Chúng ta cũng đã đoán trước một cái gì như thế này." Tuy nhiên, họ vớt vát: "Vẫn còn thời gian, con có thể suy lại nghĩ về chuyện đó. Những trường đại học sẽ khai giảng trong vòng một tháng nữa; con vẫn còn có thể thay đổi ý định của mình."

Tôi nói, " Một tháng, một năm, một đời cũng thế thôi, bởi vì con không có bất cứ sự lựa chọn nào. Nó là trách nhiệm tất yếu của con – không có lựa chọn nào khác."

Một trong những ông chú tôi, đã tốt nghiệp đại học, nói, "Thật không thể nào nói chuyện với nó – nó dùng những từ có vẻ như

không mang ý nghĩa gì. Trách nhiệm… tất yếu, không có lựa chọn nào khác… những thứ này có dính dáng gì tới cuộc sống? Người ta sẽ cần tiền bạc, sẽ cần một cái nhà, sẽ cần phải chu cấp cho một gia đình."

Tôi nói, " Cháu sẽ không có một gia dình. Cháu sẽ không có một cái nhà, và cháu sẽ không chu cấp cho một ai cả!" Và quả thực, tôi đã không chu cấp cho bất cứ ai, không xây bất cứ cái nhà nào. Tôi là người nghèo nhất thế giới!

Họ không thành công trong việc cưỡng bách tôi trở thành bác sĩ, kỹ sư, nhà khoa học, nhưng tất cả họ đều tức giận. Và khi tôi trở thành một "du sư" (wandering teacher) vòng quanh đất nước - làm cái công việc mà vì nó tôi đã nghiên cứu logic và triết học bởi vì tôi muốn hoàn toàn quen thuộc với kẻ thù - chẳng bao lâu không có lấy một người sẵn sàng chấp nhận sự thách thức của tôi. Rồi gia đình tôi bắt đầu cảm thấy tội lỗi, cảm thấy rằng, thật tốt là họ đã không thể buộc tôi trở thành bác sĩ, kỹ sư, nhà khoa học. Tôi đã chứng minh rằng, họ đã sai lầm. Họ bắt đầu yêu cầu tôi, "Hãy tha thứ cho chúng ta."

Tôi nói, " Không có vấn đề gì, bởi vì con không bao giờ xem trọng tất cả lời khuyên của các vị. Con không bao giờ bận tâm! Bất cứ cái gì mà con muốn làm, thì con sẽ làm, mặc dù mọi sự đi ngược lại con. Cho nên, đừng cảm thấy tội lỗi. Con chưa bao giờ xem trọng lời khuyên của các vị; con nghe các vị nói, nhưng không nghe theo. Con đã có một quyết định riêng, không lay chuyển."

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Osho "chơi chữ" : to stand: chịu đựng. To understand: hiểu.

[2] Vagabond: người lang thang, lêu lổng; du đãng

[3] Sheik: (Ả rập) : tộc trưởng, thôn trưởng, hay một người thuộc "danh gia, vọng tộc".

[4] Osho thường có những câu nói có vẻ "không bình thường" kiểu này, nhưng có lẽ chúng ta đừng nên vội phán đoán . Nếu đặt chúng vào trong "bối cảnh" tư tưởng của ông, ta sẽ hiểu là ông muốn nói gì.

[5] Siddharta: nhân vật nam trong tiểu thuyết Siddharta, của Hermann Hesse. Siddharta rất yêu con sông, và đã học ờ nó nhiều điều sâu xa và huyền nhiệm. Xem bản dịch "Câu chuyện của dòng sông", Trí Hải dịch, NXB Hội Nhà Văn tái bản.

[6] Cậu bé này đã có những ý tưởng khá "phạm thánh" và ngược đời – ngay từ lúc còn rất nhỏ!

[7]Như vậy, "thiên đường" có thể ở khắp mọi nơi … Nhưng, trước hết, nó ở giữa tâm hồn ta, phải không?

[8] Nghịch ngợm kiểu này, thì chắc ngoài cậu trai (Osho) này ra, toàn cõi Ấn độ không ai dám làm!

[9] Osho luôn có một "cảm thức hài hước" (a sense of humor). Trang Tử cũng có một nụ cười rất thâm trầm. Chogyam Trungpa, một đạo sư Mật tông Tây Tạng, cũng vậy. Tôi rất "tâm đắc" với nụ cười của các vị này.

[10] Ông già này cũng nghịch ngợm… "quá cỡ" !

[11] Chỗ này, cậu bé này thật … quá đáng. Phải "đánh đòn" thôi!

[12] Alexis Zorba : tên của nhân vật (nam) chính của tác phẩm Zorba the Greek của Nikos Kazantzakis. Zorba "tận hưởng" cuộc sống (thiên về nhục cảm), xem cuộc sống là thiêng liêng, chứ không ưa "lý luận" và tích lũy nhiều kiến thức sách vở. Tại VN, trước 1975, đã có bản dịch "Con Người Chịu Chơi" của Nguyễn Hữu Hiệu (Saigon). Sau 1975, có bản dịch " Alexis Zorba, Con Người Hoan Lạc." Dương Tường, NXB Trẻ, 1989.

PHẦN I: CHƯƠNG III

TÌM KIẾM CÁI BẤT TỬ

Hỏi: Ông biết rằng kiếp sau mình sẽ sống trong một hình tướng (form) nào đó?

Đáp: Không ở trong bất cứ hình tướng nào. Tôi sẽ sống mà không có hình tướng.

Hỏi: Một cách vĩnh cửu?

Đáp: Một cách vĩnh cửu. Tôi đã từng ở đây một cách vĩnh cửu và tôi sẽ ở đây một cách vĩnh cửu.

Hỏi: Phải chăng ông sẽ có "ý thức" [1] (consciousnesss) siêu việt (beyond – vượt quá) cái chết ?

Đáp: Vâng, bởi vì cái chết không dính dáng gì tới " ý thức."

Hỏi: Ông sẽ có "nhân dạng" (identity) [2] siêu việt cái chết chứ?

Đáp: Không có "nhân dạng."

Từ một cuộc phỏng vấn với

John McCall, Seattle Post – Intelligence.

Tại phương Đông, chúng ta đã từng quan sát kinh nghiệm chết của thiên hạ. Việc bạn chết như thế nào phản ánh toàn bộ cuộc đời bạn, cách mà bạn đã sống. Nếu tôi có thể thấy cái chết của bạn, tôi có thể viết toàn bộ tiểu sử của bạn – bởi vì trong cái khoảnh khắc đó, toàn bộ cuộc đời bạn được cô đọng lại. Trong cái khoảnh khắc độc nhất vô nhị đó, giống như một làn chớp, bạn phô bày mọi sự.

Một kẻ hà tiện sẽ chết với tay nắm chặt – vẫn nắm giữ và đeo níu, vẫn cố để không chết, vẫn cố để không buông bỏ. Một người giàu

lòng yêu thương, sẽ chết với hai bàn tay mở rộng, chia sẻ… thậm chí, chia sẻ sự chết của mình, như đã chia sẻ cuộc đời mình. Bạn có thể thấy mọi sự được viết trên khuôn mặt đó – liệu người này đã sống đời mình tỉnh giác hoàn toàn (fully alert), có "nhận biết" (aware) hoàn toàn hay không. Nếu có, thì trên khuôn mặt người ấy sẽ có một làn ánh sáng chiếu rọi; xung quanh cơ thể người ấy sẽ có một vầng hào quang. Nếu bạn đến kề sát bên người ấy, thì bạn sẽ cảm thấy im lặng – không buồn, nhưng im lặng. Nếu một người đã chết một cách vui sướng, thì bạn thậm chí sẽ đột nhiên cảm thấy vui sướng khi ở gần bên người ấy.

Nó đã xảy ra trong thời thơ ấu của tôi. Một người thánh thiện trong làng tôi qua đời. Tôi đã dành cho ông một niềm thương mến nào đó. Ông là một tư tế (priest) trong một ngôi đền nhỏ, một người rất nghèo. Bất cứ khi nào tôi đi qua – khi đi học gần ngôi đền, tôi thường đi qua đó, hai lần một ngày – ông thường gọi tôi và ông luôn cho tôi một ít trái cây, một ít bánh kẹo.

Khi ông chết, tôi là đứa bé duy nhất đến viếng ông. Toàn thị trấn tụ họp lại. Bỗng nhiên, tôi không thể tin cái đã xảy ra – tôi bắt đầu cười lớn. Cha tôi ở đó; ông cố ngăn tôi lại, bởi vì ông thấy ngượng. Một tang lễ không phải là thời điểm để cười. Ông cố bịt miệng tôi lại. Ông cứ lặp đi lặp lại, " Im đi nào!"

Nhưng tôi chưa bao giờ cảm thấy lại sự thôi thúc đó. Từ đó, tôi chưa bao giờ cảm thấy nó một lần nữa; trước kia, tôi chưa bao giờ cảm thấy nó – cười quá to, như thể một cái gì đó rất đẹp đã xảy ra. Và tôi không thể kìm nén được. Tôi cười lớn, và mọi người đều giận dữ. Tôi bị đuổi về, và cha tôi bảo tôi, " Sẽ không bao giờ con được phép có mặt trong bất cứ một tình huống trang nghiêm nào! Ngay cả ta cũng đang cảm thấy ngượng vì con. Tại sao con lại cười? Cái gì đang xảy ra ở đó? Có gì đáng cười trong cái chết chứ? Mọi người đều đang khóc, thế mà con thì lại cười lớn."

Và tôi nói với ông, " Một cái gì đó đã xảy ra. Ong già đó đã phóng thích một cái gì đó và nó hết sức đẹp. Ông ta chết một cái chết cực khoái (orgasmic)." [3] Không chính xác là những lời này, nhưng tôi đã nói với ông rằng tôi đã cảm thấy người này chết rất hạnh phúc, rất vui sướng, và tôi muốn tham dự vào tiếng cười của ông ta. Ông ta đang cười to, năng lượng của ông đang cười.

Người ta nghĩ rằng tôi điên. Làm thế nào một người chết lại cười to được? Từ đó, tôi đã từng quan sát nhiều cái chết, nhưng tôi không thấy lại kiểu chết đó một lần nào nữa. Khi bạn chết, bạn phóng thích năng lượng của bạn, và với năng lượng đó, toàn bộ kinh nghiệm của đời bạn. Bất luận bạn đã từng ra sao – buồn, hạnh phúc, giận dữ, đam mê, từ bi – bất luận bạn ra sao – cái năng lượng đó mang những rung động của toàn bộ cuộc đời bạn. Bất cứ khi nào một vị thánh đang hấp hối, thì việc được ở gần bên ông ta là một món quà vĩ đại; chỉ đơn giản được tắm với năng lượng của ông, rơi xuống như mưa rào, là một nguồn cảm hứng lớn lao. Bạn sẽ được đặt vào trong một chiều kích hoàn toàn khác. Bạn sẽ được đánh thuốc mê (drugged) bởi năng lượng của ông, bạn sẽ cảm thấy say. Cái chết có thể là một sự thành tựu viên mãn, nhưng điều đó chỉ có thể được, nếu cuộc sống đã được sống thích đáng.

~~000~~

Trong thời thơ ấu của tôi, một trong những trò "tiêu khiển" (pastime) của tôi là đi theo mọi tang lễ. [4] Cha mẹ tôi liên tục lo lắng, "Con không biết người chết là ai, con không có liên hệ nào, tình bạn nào với họ. Tại sao con lại bận tâm và lãng phí thời gian của mình?" Bởi vì tang lễ Ấn độ kéo dài ba, bốn, hoặc năm tiếng đồng hồ.

Trước tiên, đi ra khỏi thành phố, đám rước đi bộ, mang theo thi hài người chết, và rồi hỏa thiêu thi hài trên giàn hỏa … Và bạn biết những người Ấn độ, họ không thể làm bất cứ cái gì một cách có hiệu

năng. Giàn hỏa sẽ không bắt lửa, nó sẽ chỉ cháy một cách nửa vời, và rồi thi hài sẽ không cháy, và mọi người làm đủ cách để cho nó cháy, bởi vì họ muốn rời xa khỏi đó càng nhanh càng tốt. Nhưng những người chết thì cũng nhiều “mưu mẹo (tricky)" . Họ sẽ cố hết sức để giữ bạn ở đó càng lâu càng tốt.

Tôi nói với với cha mẹ tôi, “ Có liên quan đến ai, cái đó không phải là vấn đề. Chắc chắn là con có liên quan tới cái chết, là điều mà người ta không thể chối cãi. Việc ai chết thì không quan trọng – đối với con, nó chỉ có ý nghĩa biểu tượng. Một ngày nào đó con sẽ chết. Con phải biết người ta hành xử với người chết ra sao, người chết hành xử với người sống ra sao; nếu không, thì con sẽ học hỏi như thế nào?”

Họ nói, “ Con đưa ra những luận cứ thật kỳ lạ.”

“Nhưng,” - tôi nói - “ cha mẹ phải thuyết phục con rằng, cái chết là không có liên hệ với con, rằng con sẽ không chết. Nếu cha mẹ có thể thuyết phục con về điều đó, thì con sẽ ngừng đi theo sau tang lễ; nếu không, hãy để cho con thám hiểm.” Họ không thể nói với tôi rằng, tôi sẽ không chết, nên tôi nói, “ Vậy thì, xin hãy giữ im lặng. Con không đang bảo cha mẹ phải đi theo tang lễ. Và con thích mọi thứ xảy ra ở đó.”

Điều đầu tiên mà tôi quan sát được, là không ai nói về cái chết, ngay cả ở đó. Giàn hỏa đang đốt cháy cha của ai đó, anh của ai đó, chú của ai đó, bạn, kẻ thù của một ai đó: ông ta có liên hệ với nhiều người trong nhiều cách. Ông đã chết – thế mà tất cả họ đều nói về những chuyện vặt vãnh.

Họ thường nói về những bộ phim, họ thường nói về chính trị, về thị trường. Họ thường nói về đủ thứ chuyện – trừ cái chết. Họ thường tụ họp thành những nhóm nhỏ, và ngồi xung quanh giàn hỏa. Tôi thường đi từ nhóm này sang nhóm kia: Không ai nói về cái chết. Và

tôi biết chắc rằng, họ đang nói về những chuyện khác để giữ cho mình bận rộn, để khỏi thấy thi hài đang cháy – bởi vì (rồi đây) nó cũng (có thể) là thi thể của họ, nữa.

Họ có thể thấy, nếu họ có một cái nhìn sâu (insight) vào trong những sự thể, rằng họ đang cháy trên giàn hỏa – chứ không ai khác. Đó chỉ là một vấn đề thời gian. Ngày mai một ai khác trong số những người này sẽ ở trên giàn hỏa; ngày sau nữa, một ai khác sẽ… hằng ngày có những người được đưa tới giàn hỏa. Một ngày nào đó, tôi sẽ được đưa tới giàn hỏa táng, và đây là sự đối xử mà những người này sẽ dành cho tôi. Đây là lời từ biệt cuối cùng của họ: họ đang nói về giá cả đang lên, đồng rupee xuống giá - trước cái chết. Và tất cả họ đang ngồi xây lưng lại với giàn hỏa táng.

Họ có trách nhiệm phải đến, nên họ đến – nhưng họ không bao giờ muốn đến. Do vậy, họ muốn có mặt ở đó một cách hầu như vắng mặt, chỉ để làm trọn một sự "tuân thủ xã hội" (social conformity), chỉ để chứng tỏ rằng họ có mặt. Và cái đó cũng để chắc chắn rằng, khi họ chết, họ sẽ không đơn giản được đưa đi bởi công ty xe tải thành phố. Bởi vì họ đã tham dự quá nhiều tang lễ của thiên hạ, đương nhiên thiên hạ bắt buộc phảiï đến "trả lễ". Họ biết tại sao họ ở đó – họ ở đó, bởi vì họ muốn người ta ở đó khi họ ở trên giàn hỏa táng.

Nhưng những người này đang làm gì? Tôi hỏi những người mà tôi quen biết. Đôi khi, một trong những thầy giáo của tôi ở đó, đang nói về những điều ngu xuẩn – rằng một ai đó thì đang tán tỉnh vợ ai đó… Tôi nói, " Phải chăng đây là lúc để nói về vợ của ai đó và bà ta đang làm gì? Hãy nghĩ về người vợ của người đàn ông đã chết này. Không có ai lo lắng về điều đó, không ai đang nói về điều đó.

" Hãy nghĩ về vợ của quý vị khi quý vị qua đời. Với ai cô ấy sẽ lăng nhăng? Cô ấy sẽ làm gì? Quý vị đã làm những sắp xếp nào cho điều đó chưa? Và, quý vị không thể thấy cái sự ngu xuẩn hay sao? Cái chết đang có mặt, thế mà quý vị thì lại đang cố tránh nó trong mọi

cách có thể được.” Nhưng mà tất cả mọi tôn giáo đều đã (và đang) làm cái đó, và những người này đang đơn giản đại diện cho những truyền thống nào đó của những tôn giáo nào đó.”

Ông ngoại tôi thường bảo tôi rằng, khi tôi sinh ra, ông đã nhờ một chiêm tinh gia danh tiếng nhất thời đó xem tử vi cho tôi. Nhà chiêm tinh phải làm một bản tử vi hoàn chỉnh, nhưng ông nghiên cứu nó và nói, “Nếu đứa trẻ này sống sót sau 7 năm, thì tôi sẽ làm bản tử vi đầy đủ. Có vẻ như thằng bé này không thể sống sót hơn 7 năm, và nếu đứa bé sẽ chết, thì làm bản tử vi đầy đủ là vô ích; nó sẽ không có ích gì. Nhà chiêm tinh nói, “ Và thói quen của tôi, là nếu tôi không chắc chắn rằng bản tử vi sẽ có ích lợi, thì tôi sẽ không bao giờ làm nó.”

Ông chết trước khi ông làm nó, nên con trai ông phải chuẩn bị bản tử vi. Nhưng mà ông ta cũng bối rối; ông ta nói, “ Hầu như chắc chắn rằng, đứa bé này sẽ chết ở tuổi 21. Cứ mỗi 7 năm, cậu ta sẽ đối diện với cái chết.” Cho nên, cha mẹ tôi, gia đình tôi, luôn luôn lo lắng về cái chết của tôi. Cứ đến cuối mỗi chu kỳ 7 năm của tôi, họ trở nên sợ hãi. Và ông ta nói đúng. Khi lên 7, tôi sống sót, nhưng tôi có một kinh nghiệm sâu sắc về cái chết – không phải của chính tôi, mà của ông ngoại tôi. Và tôi đã quá gắn bó với ông, đến nỗi cái chết của ông có vẻ như là cái chết của chính tôi.

Trong cách trẻ con của riêng tôi, tôi bắt chước cái chết của ông. Tôi thường không ăn 3 ngày, không uống nước, bởi vì tôi cảm thấy, nếu tôi ăn và uống, thì nó sẽ là một sự phản bội. Ông là một phần không thể thiếu của tôi. Tôi đã lớn lên với sự hiện diện của ông, với tình yêu của ông.

Khi ông chết, tôi cảm thấy việc ăn uống sẽ là một sự phản bội. Tôi không muốn sống nữa. Nó là trẻ con, nhưng thông qua nó, một cái gì rất sâu xa xảy ra. Trong 3 ngày tôi nằm trên giường; tôi không chịu ra khỏi giường. Tôi nói, “ Bây giờ, ông đã mất, và con không còn muốn sống nữa.” Tôi sống sót, nhưng mà 3 ngày đó trở thành một kinh

nghiệm về cái chết. Tôi đã chết trên một phương diện nào đó, và tôi đi tới chỗ nhận thức – bây giờ tôi có thể kể cho bạn nghe về nó, mặc dù vào thời điểm đó, nó chỉ là một kinh nghiệm mơ hồ – tôi đi tới chỗ cảm thấy rằng, cái chết là không thể được. Đây chỉ là một cảm giác. Khi tôi tới tuổi 14, gia đình tôi lại trở nên lo lắng rằng tôi sẽ chết. Tôi sống sót, nhưng rồi, một lần nữa, tôi thử nghiệm (try) nó một cách có ý thức. Tôi nói với họ, " Nếu cái chết sẽ xuất hiện như lời nhà chiêm tinh đã nói, thì tốt hơn là hãy chuẩn bị cho nó. Và tại sao lại không dành cho mình quyền chủ động? Tại sao con không đi và gặp nó giữa đường? Nếu con sắp chết, thì tốt hơn, là nên chết một cách có ý thức."

Do vậy, tôi bỏ học trong 7 ngày. Tôi đi gặp ông hiệu trưởng và nói với ông, " Em sắp chết."

Ông nói, " Trò nói vớ vẩn gì thế? Trò sắp tự vẫn à? Trò muốn nói gì, khi bảo rằng trò sắp chết?"

Tôi nói với ông về sự tiên đoán của nhà chiêm tinh, rằng cứ 7 năm, cái chết lại đối mặt với tôi. Tôi bảo ông, " Em đang ẩn cư (retreat) trong 7 ngày để chờ đợi cái chết. Nếu cái chết đến, thì tốt hơn nên gặp nó một cách có ý thức, để cho nó trở thành một kinh nghiệm."

Tôi đi tới một ngôi đền ngay bên ngoài làng tôi. Tôi sắp xếp với vị tư tế, rằng ông sẽ không quấy rầy tôi. Đó là một ngôi đền rất hoang vắng, không ai thăm viếng – cũ kỹ, đổ nát. Không ai từng đến đó. Tôi nói với ông, "Cháu sẽ lưu lại trong ngôi đền. Ông chỉ đơn giản cho cháu một cái gì đó để ăn và một cái gì đó để uống, mỗi ngày một lần, và suốt ngày cháu sẽ nằm ở đó chờ chết." [5]

Trong bảy ngày, tôi đợi. Bảy ngày đó đã trở thành một kinh nghiệm đẹp. Cái chết không bao giờ đến, nhưng về phần tôi, tôi đã cố bằng mọi cách để chết. Thật kỳ lạ, những cảm giác kỳ dị xảy ra. Nhiều điều xảy ra, nhưng cái nét căn bản là điều sau đây: nếu bạn đang cảm

thấy là bạn sẽ chết, bạn trở nên trầm tĩnh và im lặng. Không có gì tạo ra bất cứ lo lắng nào lúc đó, bởi vì tất cả mọi lo lắng đều có quan hệ với sự sống. Sự sống là nền tảng của mọi lo lắng. Nói gì thì nói, một ngày nào đó bạn sẽ chết, vậy, khi bạn sắp chết, tại sao lại lo lắng chứ?

Tôi đang nằm ở đó. Vào ngày thứ ba hay thứ tư gì đó, một con rắn bò vào ngôi đền. Nó ở trong tầm nhìn, tôi đang thấy con rắn, nhưng không có chút sợ hãi nào. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy rất kỳ lạ. Con rắn đang đến mỗi lúc một gần hơn, và tôi cảm thấy rất kỳ lạ. Không có chút sợ hãi nào, nên tôi nghĩ, " Khi cái chết đến, nó có thể đến qua con rắn này, nên tại sao phải sợ? Hãy chờ đợi!"

Con rắn bò ngang qua tôi và bỏ đi. Sợ hãi đã biến mất. Nếu bạn chấp nhận cái chết, thì không có nỗi sợ hãi nào. Nhưng nếu bạn đeo níu vào cuộc sống, thì mọi sợ hãi hiện diện ở đó.

Nhiều lần những con ruồi bay đến xung quanh tôi. Chúng thường bay xung quanh, chúng thường bò qua tôi, trên mặt tôi. Đôi khi tôi cảm thấy ngứa, và tôi đã muốn ném chúng đi, nhưng rồi tôi nghĩ, " Để làm gì? Sớm hay muộn, mình cũng sẽ chết, và rồi có không ai sẽ ở đây để bảo vệ thi thể của mình. Do vậy, cứ để chúng tự do."

Cái khoảnh khắc tôi để cho chúng tự do, cảm giác ngứa biến mất. Chúng vẫn còn ở trên cơ thể, nhưng dường như tôi không bị dính líu vào. Cơ hồ như chúng đang cử động, đang bò trên cơ thể một ai khác. Có một khoảng cách ngay tức thì. Nếu bạn chấp nhận sự chết, một khoảng cách được tạo ra. Sự sống di chuyển ra xa với tất cả những lo âu của nó, sự bực bội, mọi thứ. Tôi đã chết trong một cách nào đó, nhưng tôi đi đến chỗ biết rằng một cái gì đó bất tử đang ở đó. Một khi bạn chấp nhận sự chết một cách hoàn toàn, bạn trở nên ý thức về nó.

Rồi ở tuổi 21, một lần nữa gia đình tôi lại chờ đợi. Cho nên tôi bảo họ, “Tại sao các vị cứ tiếp tục chờ đợi? Đừng chờ đợi. Bây giờ con sẽ không chết.”

Về mặt vật lý, một ngày nào đó tôi sẽ chết, dĩ nhiên. Tuy vậy, sự tiên đoán này của nhà tiên tri đã giúp tôi rất nhiều, bởi vì ông làm cho tôi ý thức rất sớm về cái chết của mình. Tôi đã có thể thiền định và chấp nhận rằng nó đang đến.

~~000~~

Chú thích của chương:

[1] Consciousness: ý thức. Tạm dịch như trên, và cũng xin nhắc lại, từ “ý thức” mà Osho dùng ở đây có một nghĩa riêng, không có nghĩa thường dùng trong tâm lý học phương Tây.

[2] Identity: 1. Tính đồng nhất. 2. Dấu hiệu để nhận dạng. Tạm dịch như trên – bởi vì, trong một “cảnh giới” nào đó, thì sẽ khơng còn “nhân” (người) nào nữa!

[3] Orgasmic (tính từ) : “cực khóai.” Đi từ danh từ “orgasm” (khóai lạc cực độ). Từ này thường dùng để chỉ “cực khóai tình dục.” Người ta nói rằng, trong thiền định, khi đạt tới môt giai đọan nào đó, sẽ có một trạng thái “cực khóai” tương tự, và còn lớn hơn nhiều, so với “cực khóai tình dục.”

[4] Có lẽ trong suốt lịch sử nhân loại, chỉ có một mình cậu bé này mới có một “trò tiêu khiển” kỳ quái như thế ! Thật là “vô tiền khoáng hậu.” !

[5] Lúc này, cậu bé Rajneesh (Osho) mới 7 tuổi – mà đã nằm chờ chết một cách “chủ động”. Thật hiếm có!

PHẦN I: CHƯƠNG IV

CHỨNG NGỘ : CẮT ĐỨT VỚI QUÁ KHỨ

Có một câu chuyện Phật giáo thật hay:

Tại một thị trấn nọ, bỗng xuất hiện một người phụ nữ rất trẻ đẹp, như xuống từ trên mây. Không ai biết nàng đến từ đâu; cũng không ai biết trú xứ của nàng. Nhưng nàng quá đẹp, đẹp mê hồn, đến mức thậm chí không ai nghĩ đến việc nàng từ đâu đến. Người ta tụ họp lại, toàn bộ thị trấn – và tất cả những chàng trai, hầu như ba trăm chàng trai, đều muốn kết hôn với nàng.

Người phụ nữ nói, " Xem kìa, em chỉ có một, mà các anh lại có đến ba trăm. Em chỉ có thể kết hôn với một người thôi; do vậy, các anh hãy làm một điều. Ngày mai em sẽ lại đến; em cho các anh hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Nếu một trong các anh có thể tụng thuộc lòng Kinh Pháp Hoa của đức Phật, em sẽ kết hôn với người ấy."

Tất cả những chàng trai trẻ lao vội về nhà; họ không ăn, không ngủ, họ tụng kinh Pháp Hoa suốt đêm, họ cố nhét nó vào đầu. Mười người thành công. Sáng hôm sau, người phụ nữ đến, và mười người này tình nguyện tụng lên. Người phụ nữ lắng nghe. Họ đã thành công.

Nàng nói, " Tốt lắm, nhưng em chỉ có một. Làm thế nào có thể cưới mười chàng? Em lại cho các anh hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Người nào có thể giải thích ý nghĩa của Kinh Pháp Hoa, em sẽ cưới người ấy. Do vậy, các anh hãy cố hiểu – bởi vì việc đọc tụng là một điều đơn giản, các anh chỉ đang máy móc lặp lại một cái gì đó, và các anh không hiểu ý nghĩa của nó."

Chẳng có chút thời gian nào cả – chỉ một đêm!- mà Kinh Pháp Hoa là một bộ kinh dài. Nhưng khi bạn đã si mê, bạn có thể làm bất cứ cái gì. Họ chạy vội về nhà, họ cố hết sức. Ngày kế đó, ba người xuất hiện. Họ đã hiểu ý nghĩa của kinh.

Và người phụ nữ nói, " Lại vẫn còn rắc rối. Số lượng đã giảm xuống, nhưng vẫn còn rắc rối. Từ 300 giảm xuống tới 3, là một cải thiện lớn, nhưng một lần nữa, em không thể cưới cả ba chàng – em chỉ có một. Do vậy, thêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa … Người nào không những hiểu nó, mà còn nếm được hương vị của nó nữa, thì em sẽ cưới người đó. Bởi vậy, trong hai mươi bốn giờ, hãy cố nếm cái ý nghĩa của nó. Các anh đang giải thích, nhưng sự giải thích này là chỉ có tính chất trí năng (intellectual). Em muốn thấy một ít hương vị thiền, một ít hương thơm. Em muốn thấy rằng, hoa sen đã đi vào sự hiện diện của các anh, rằng các anh đã trở thành một cái gì đó của hoa sen. Em muốn ngửi hương thơm của nó. Do vậy, ngày mai em sẽ lại đến."

Chỉ có một người đến, và chắc chắn là anh ta đã thành công. Người phụ nữ đưa chàng trai tới nhà nàng ở bên ngoài thị trấn. Chàng trai chưa bao giờ thấy ngôi nhà đó; nó rất đẹp, gần như là một cõi mơ (dreamland). Và song thân của người phụ nữ đang đứng ở cổng. Họ tiếp chàng trai và nói, "Chúng tôi rất vui sướng."

Người phụ nữ đi vào bên trong, và chàng trai chuyện vãn một chút với song thân cô gái. Rồi họ nói, " Hãy vào đi. Con gái chúng ta hẳn đang đợi anh. Đây là phòng của nó." Họ chỉ đường cho chàng. Chàng trai bước đi, chàng mở cánh cửa, nhưng không có ai ở đó. Đó là một căn phòng trống rỗng. Nhưng có một cửa lớn mở ra khu vườn. Do vậy, chàng đưa mắt nhìn – có thể nàng đã đi vào trong khu vườn. Vâng, chắc hẳn nàng đã đi qua đó, bởi vì trên lối đi có những dấu chân. Chàng bước đi gần một dặm. Khu vườn chấm dứt và bây giờ chàng đang đứng trên bờ của một con sông đẹp – nhưng người phụ nữ không có ở đó. Những dấu chân cũng đã biến mất. Chỉ có hai chiếc hài, những chiếc kim hài (golden shoes) của người phụ nữ.

Bây giờ chàng bối rối. Cái gì đã xảy ra? Chàng nhìn lại đằng sau – không có khu vườn nào, ngôi nhà nào, cũng không còn song thân của cô gái. Tất cả đã biến mất. Chàng lại nhìn lần nữa. Những chiếc hài cũng đã biến mất, con sông đã biến mất. Tất cả chỉ có sự trống rỗng [1] (emptiness) – và một tiếng cười lớn vang lên.

Và chàng cũng cười to. Chàng đã kết hôn.

Đây là một câu chuyện Phật giáo đẹp đẽ. Chàng kết hôn với sự trống rỗng, kết hôn với hư vô (cái không – nothingness) . Đây là cuộc hôn nhân mà tất cả những vị thánh đều đã và đang tìm kiếm. Đây là khoảnh khắc khi mà bạn trở thành " cô dâu của Christ" hay một gopi của Krishna. Nhưng mọi sự biến mất – lối đi, khu vườn, ngôi nhà, người phụ nữ, ngay cả những dấu chân. Mọi sự biến mất. Chỉ có một tiếng cười, một tiếng cười cất lên từ chính cái "bụng" (belly) của vũ trụ.

~~000~~

Ngay từ thời thơ ấu, tôi đã yêu sự im lặng. Bất cứ khi nào có thể được, tôi thường chỉ ngồi im lặng. Đương nhiên, gia đình tôi có thói quen nghĩ rằng tôi sẽ trở thành một "kẻ vô tích sự" – và họ có lý! Chắc chắn tôi đã chứng tỏ mình là vô tích sự, nhưng tôi không hối tiếc điều đó.

Cái vô tích sự của tôi đã đi tới chỗ hiển nhiên: đôi khi, khi tôi đang ngồi im, mẹ tôi thường đến và nói một cái gì đó như, " Có vẻ như không có ai trong nhà. Mẹ cần một ai đó đi chợ để mua một ít rau ráng." Tôi đang ngồi đằng trước bà, và tôi thường nói, " Nếu con thấy một ai, con sẽ bảo họ."

Mọi người (trong gia đình) đều chấp nhận rằng sự hiện diện của tôi không có nghĩa gì cả; tôi có mặt ở đó hay không, điều ấy cũng không quan trọng gì cả. Một, hai lần họ thử nghiệm, và họ phát hiện ra rằng, "Tốt hơn là nên loại trừ nó ra, và đừng để tâm đến nó nữa." Vào buổi sáng, họ thường sai tôi đi mua rau. Và buổi chiều, tôi thường nói, " Con đã quên, không nhớ con được sai đi mua cái gì, và bây giờ thì chợ đã đóng cửa …"

Mẹ tôi nói, " Đó không phải là lỗi của con, mà là lỗi của chúng ta. Suốt ngày chúng ta chờ đợi, nhưng trước hết, lẽ ra chúng ta không nên nhờ con. Từ sáng tới giờ con ở đâu?"

Tôi nói, " Khi con ra khỏi nhà, ngay gần nhà có một cây bồ đề rất đẹp … " – loại cây mà dưới đó Phật Gautama đã chứng ngộ. Cây đó có tên "bồ đề" là vì Phật Gautama. Trước Phật Gautama, người ta không biết nó thường được gọi là cây gì; hẳn nó cũng có tên, nhưng sau khi Phật Gautama ngồi ở đó, nó mang tên Ngài.

Có một cây bồ đề đẹp, và nó quá cám dỗ với tôi. Bên dưới nó thường rất im lặng, rất mát mẻ, không ai quấy rầy tôi, đến nỗi tôi không thể nào đi qua nó mà không ngồi dưới nó một thời gian nào đó. Và những khoảnh khắc bình an đó, tôi nghĩ, đôi khi trải dài ra suốt ngày.

Sau chỉ một ít thất vọng, họ nghĩ, " Tốt hơn, là đừng quấy rầy nó." Và tôi vô cùng hạnh phúc vì họ chấp nhận cái sự kiện rằng tôi hầu như không hiện hữu (nonexistent). Nó cho tôi sự tự do to lớn. Không ai chờ đợi bất cứ cái gì ở tôi. Khi không ai mong đợi cái gì ở bạn, bạn rơi vào trong một sự yên lặng. Thế giới đã chấp nhận bạn; bây giờ không ai mong đợi gì ở bạn.

Một đôi khi, khi tôi về nhà trễ, họ thường tìm kiếm tôi tại hai chỗ. Một là nhà Nani tôi, và chỗ kia, là cây bồ đề – và bởi vì họ bắt đầu tìm

kiếm tôi dưới cây bồ đề, tôi bắt đầu leo lên cây và ngồi trên đỉnh của nó. Họ thường đến, thường nhìn xung quanh và nói, " Hình như nó không có ở đây."

Và chính tôi thường gật đầu và nói, " Vâng, đúng rồi. Con không có ở đây."

~~000~~

Kinh nghiệm đầu tiên của tôi về việc hồn ra khỏi xác, là khi bị rơi từ trên cây xuống. Tôi thường có thói quen tọa thiền ngay đằng sau trường đại học, nơi đó có một cái gò đẹp và ba cây cao, rất yên lặng, và không ai đến đó. Tôi thường ngồi trên một trong ba cây này và thiền định. Một hôm bỗng nhiên tôi thấy rằng tôi đang ngồi trên cây, và đồng thời, thân xác tôi đã rơi xuống và tôi đang nằm trên đất. Trong một khoảnh khắc, tôi không biết làm sao để nhập xác trở lại. Chỉ do ngẫu nhiên, một người phụ nữ thường mang sữa vào trường đại học, từ làng gần đó, đã thấy tôi đang rơi xuống, nên bà đến sát bên. Chắc hẳn bà đã nghe nói rằng, trong những tình huống khi mà cái " cơ thể bên trong" (inner body) lìa khỏi cơ thể bên ngoài, nếu bạn cọ xát khoảng giữa hai mắt - con mắt thứ ba, đó là cánh cửa – thì cái thần thức đã thoát ra, sẽ có thể nhập vào.

Do vậy, bà chà xát vào con mắt thứ ba của tôi. Tôi có thể thấy bà đang chà xát lên trán tôi. Khoảnh khắc kế tiếp, tôi mở mắt ra, cám ơn bà, và hỏi bà, làm sao bà biết làm như vậy.

Bà chỉ đơn giản nghe nói về nó. Đó là một làng bán khai, nhưng bà đã nghe cái ý tưởng truyền thống rằng, con mắt thứ ba là nơi mà

thần thức thoát ra, và cũng là nơi mà nó có thể nhập xác trở lại.

Theo như tôi nhớ được, thì tôi đã từng (had been looking) tìm kiếm cánh cửa dẫn đến sự chứng ngộ – ngay từ trong thời thơ ấu của tôi. Chắc hẳn tôi đã mang cái ý tưởng đó từ kiếp trước của mình, bởi vì tôi không nhớ có một ngày (riêng lẻ) nào – trong tuổi thơ của tôi trong kiếp này – mà tôi lại không đang tìm kiếm nó. Một cách tự nhiên, mọi người đều nghĩ rằng tôi đã phát rồ. Tôi không bao giờ chơi với bất cứ đứa trẻ nào. Tôi không bao giờ có thể tìm thấy cách nào để truyền thông với lũ trẻ cùng trang lứa. Đối với tôi, chúng có vẻ ngu xuẩn, làm mọi loại điều ngu ngốc. Tôi không bao giờ gia nhập đội bóng nào: bóng đá, bóng chuyền, bóng hockey. Dĩ nhiên, tất cả họ đều nghĩ rằng tôi đã phát rồ. Về riêng phần tôi, khi tôi lớn lên, tôi bắt đầu thấy rằng toàn bộ thế giới mới thật là điên rồ.

Năm cuối cùng (của những chu kỳ 7 năm) - khi tôi 21 tuổi - là một thời gian của một cơn suy sụp thần kinh (nervous breakdown) và đột phá (breakthrough). Một cách tự nhiên, những ai thương yêu tôi – gia đình tôi, bạn bè tôi, những giáo sư của tôi – có thể hiểu một chút về cái gì đang diễn ra trong tôi. Tại sao tôi quá khác biệt với những đứa trẻ khác, tại sao tôi thường cứ mãi ngồi hằng giờ – với đôi mắt nhắm; tại sao tôi ngồi trên bờ sông và cứ nhìn lên bầu trời hằng giờ, đôi khi suốt đêm. Đương nhiên, những người không thể hiểu những điều như thế - và tôi cũng không mong đợi họ hiểu – đều nghĩ rằng tôi điên (mad).

Trong gia đình tôi, tôi đã trở nên gần như vắng mặt. Chẳng bao lâu, họ thôi không nhờ tôi (làm) bất cứ cái gì, và dần dần, họ bắt đầu cảm thấy như thể là tôi không có mặt ở đó. Và tôi ưa thích điều đó, cái cách mà tôi đã trở thành một "hư vô" (nothingness), một "kẻ-không-là-ai" (nobody), một sự vắng mặt.

Cái năm đó thật là ghê gớm (tremendous). Tôi bị bao vây bởi hư vô (nothingness), sự trống rỗng. Tôi đã mất hết mọi liên hệ với thế

giới. Nếu ai đó nhắc tôi đi tắm, tôi thường (sẽ) tắm hằng giờ. Rồi, họ phải gõ cửa: "Nào, hãy ra khỏi phòng tắm. Con đã tắm đủ cho một tháng! Ra thôi!" Nếu họ nhắc tôi ăn, thì tôi ăn; nếu không, tôi sẽ không ăn trong nhiều ngày. Không phải là tôi đang nhịn ăn – tôi không có ý niệm nào về việc ăn hay nhịn ăn. Toàn bộ mối quan tâm của tôi, là đi mỗi lúc một sâu hơn vào trong chính mình! Và cánh cửa thì quá nhiều từ tính (magnetic), sức hút quá mãnh liệt – giống như cái mà những nhà vật lý gọi là những lỗ đen.

Người ta nói có tồn tại những lỗ đen. Nếu một ngôi sao tình cờ có một lỗ đen, thì nó bị hút vào đó; không có cách nào cưỡng lại sức hút đó, và đi vào trong lỗ đen là đi vào trong sự hủy diệt. Chúng ta không biết cái gì xảy ra ở phía bên kia. Ý kiến của tôi – mà nhà vật lý nào đó phải tìm chứng cớ - là: lỗ đen (black hole) ở phía bên này, là một lỗ trắng (white hole) ở phía bên kia. Cái lỗ không thể chỉ có một bên; nó là một đường hầm. Tôi đã trải nghiệm nó trong chính mình. Có lẽ trên một phạm vi lớn hơn, cái tương tự xảy ra trong vũ trụ. Ngôi sao chết đi; trong chừng mực mà chúng ta có thể thấy, nó biến đi. Nhưng trong mọi khoảnh khắc, những ngôi sao mới được ra đời. Từ nơi đâu? Cái "tử cung" (womb) của nó ở đâu? Đó chỉ là số học đơn giản, rằng cái lỗ đen chỉ là một cái "tử cung" – ngôi sao cũ biến đi vào nó và ngôi sao mới ra đời.

Điều này, tôi đã trải nghiệm trong chính mình – tôi không phải là một nhà vật lý. Cái năm với sức hút ghê gớm đó đưa tôi mỗi lúc một xa hơn khỏi mọi người, quá xa, đến nỗi, tôi thường không nhận ra mẹ tôi, tôi cũng không nhận ra cha tôi; có những lúc tôi quên luôn cái tên của chính mình. Tôi đã cố hết sức, nhưng không có cách nào khám phá ra tên tôi vốn là gì. Tất nhiên, trong cái năm đó, với mọi người khác, thì tôi đã phát điên. Nhưng với riêng tôi, thì trạng thái điên ấy trở thành thiền định, và cái đỉnh điểm của trạng thái điên ấy đã mở cánh cửa.

Tôi được đưa tới một vaidya, một y sĩ ayurvedic. Thật ra, tôi đã được đưa tới nhiều bác sĩ và y sĩ, nhưng chỉ có một vaidya nói với

cha tôi, " Nó không bệnh. Đừng lãng phí thời gian của ông." Dĩ nhiên, họ đang lôi xệch tôi từ nơi này sang nơi nọ. Và nhiều người (people) thường cho tôi những loại thuốc và tôi thường nói với cha tôi, " Tại sao mọi người lo lắng? Con hoàn toàn không sao cả." Nhưng không ai tin những gì tôi nói. Họ thường nói, " Con im đi. Con uống thuốc đi, nó có hại gì đâu nào?" Nên tôi thường uống đủ loại thuốc.

Chỉ có một vaidya duy nhất là một người có tuệ giác (insight) – tên ông là Pundit Bhaghirath Prasad. Bây giờ cụ già đó đã qua đời, nhưng ông là một người có tuệ giác hiếm hoi. Ông nhìn tôi và nói, " Nó không bệnh." Và ông bắt đầu khóc to lên và nói, " Tôi đã từng tìm kiếm trạng thái này, chính tôi. Nó may mắn. Trong kiếp này, tôi đã bỏ lỡ trạng thái này. Đừng đưa nó tới ai cả. Nó đang về tới nhà." Và ông khóc những giọt nước mắt hạnh phúc.

Ông là một "kẻ tìm kiếm" (seeker). Ông đã từng tìm kiếm khắp đất nước từ đầu này đến đầu kia. Suốt đời ông là một cuộc tìm kiếm và một cuộc thăm dò (enquiry). Ông đã có một ý niệm nào đó về cái chân lý mà ông đang tìm kiếm. Ông trở thành người bảo vệ của tôi – bảo vệ tôi chống lại những bác sĩ và y sĩ khác. Ông nói với cha tôi, " Ông cứ để nó cho tôi. Tôi sẽ lo liệu." Ông không bao giờ cho tôi bất cứ thuốc men nào. Khi cha tôi năn nỉ, ông chỉ cho tôi những viên thuốc đường (sugar pills) và bảo tôi, "Đây là những viên thuốc đường. Chỉ để họ yên tâm là cháu đã uống chúng. Chúng sẽ không có hại, nhưng cũng không trợ giúp. Thật ra, không thể có được sự giúp đỡ nào."

Khi bạn bắt đầu bước vào thế giới của "vô trí" (no- mind) [2], nó trông giống như trạng thái điên (madness) – "đêm tối của linh hồn," đêm điên của linh hồn. Tất cả mọi tôn giáo đều đã ghi nhận sự kiện đó; do vậy, tất cả mọi tôn giáo đều nhấn mạnh việc tìm kiếm một vị thầy trước khi bạn khởi sự bước vào thế giới của "vô trí" – bởi vì ông sẽ ở đó để giúp bạn, nâng đỡ bạn. Bạn sẽ tan ra từng mảnh, nhưng ông sẽ ở đó để động viên bạn, cho bạn hy vọng. Ông sẽ ở đó để thuyết minh cái mới lạ (the new) cho bạn. Đây là cái ý nghĩa của một

vị thầy: minh giải cái không thể minh giải được, chỉ ra cái không thể nói ra được, diễn đạt cái không thể diễn đạt. Ông sẽ có mặt ở đó; ông sẽ chế tác ra những phương pháp và những cách thức để (giữ cho) bạn tiếp tục trên lối đi – nếu không, có thể bạn sẽ chạy trốn khỏi nó.

Và hãy nhớ, không có cách nào để trốn thoát cả. Nếu bạn khởi sự trốn chạy, bạn chỉ đơn giản trở nên hung tợn, phá hoại. Những người Sufi gọi những người đó là mastas. Tại Ấn độ, họ được biết đến như là những paramahansas điên. Bạn không thể quay trở lại bởi vì nó không còn ở đó, và bạn không thể tiến về phía trước, bởi vì tất cả đều tối đen. Bạn bị kẹt. Đó là lý do tại sao Phật nói, "May mắn thay cho ai đã tìm ra một vị thầy."

Chính tôi đang làm việc mà không có một vị thầy. Tôi đã tìm kiếm và tôi đã không thể tìm ra một vị nào. Không phải là bởi vì tôi đã không tìm kiếm; tôi đã tìm kiếm lâu rồi, nhưng tôi không thể tìm thấy một vị thầy nào. Hãn hữu lắm mới tìm thấy một vị thầy (đích thực), một hữu thể mà đã trở thành một "vô-thể" (nonbeing), hiếm khi tìm thấy một sự hiện diện mà gần như là một sự vắng mặt. Hiếm khi tìm thấy một người mà chính người đó là một cánh cửa dẫn vào cái "thiêng liêng" (divine), mà nó sẽ không cản trở bạn, xuyên qua đó bạn có thể băng qua. Rất khó khăn.

Những người Sikh gọi ngôi đền của họ là gurudwara, cánh cửa của vị thầy. Đó chính xác là cái mà vị thầy phải là – cánh cửa. Jesus lặp đi lặp lại, " Ta là cánh cửa, ta là con đường, ta là chân lý. Hãy đến và theo ta, hãy đi xuyên qua ta. Và nếu các ngươi không đi xuyên qua ta, thì các ngươi sẽ không thể nào đạt tới (chân lý). "

Vâng, đôi khi một người phải "tự thân vận động" mà không có một vị thầy. Nếu không kiếm được một vị thầy, thì người ta phải làm lấy một mình, nhưng khi đó, cuộc hành trình sẽ rất bấp bênh nguy hiểm (hazardous).

Suốt cái năm đó, tôi đã ở trong một trạng thái (mà) gần như không thể biết là cái gì đang xảy ra. Trong một năm, liên tục, thậm chí khó mà giữ cho mình tồn tại. Chỉ đơn giản giữ cho chính mình tồn tại, đã là một điều rất khó khăn – bởi vì mọi sự thèm ăn đều biến mất. Nhiều ngày trôi qua, và tôi thường không cảm thấy đói, cũng chẳng thấy khát. Tôi phải tự cưỡng bức mình ăn, uống. Cơ thể quá "không tồn tại" (nonexistential), đến nỗi tôi đã phải tự làm đau mình, để cảm thấy rằng tôi vẫn còn ở trong thân thể. Tôi phải đập đầu vào tường, để xem (liệu) cái đầu có còn đó hay không. Chỉ đến lúc nó đau, thì tôi mới ở trong thân thể được một chút.

Mọi buổi sáng và mọi buổi chiều tối, tôi thường chạy bộ từ 5 đến 8 dặm. Người ta thường nghĩ rằng tôi điên. Tại sao tôi lại chạy quá nhiều như vậy? 16 dặm một ngày! Chỉ để cảm thấy rằng tôi vẫn còn hiện hữu, để không mất liên lạc với chính mình – chỉ để đợi cho đến khi đôi mắt tôi trở nên hòa nhịp với cái mới (lạ) đang diễn ra.

Và tôi đã phải giữ cho mình gần gũi với (close to) chính mình. Tôi thường không nói chuyện với bất cứ ai, bởi vì mọi sự đã trở nên quá rời rạc, đến nỗi thậm chí hình thành một câu cũng khó khăn. Giữa một câu, tôi thường quên là tôi đang nói cái gì. Giữa đường, tôi thường quên là tôi đang đi đâu. Do vậy, tôi thường phải quay trở lại. Tôi thường đọc một cuốn sách - tôi thường đọc 50 trang và rồi bỗng tự hỏi, "Mình đang đọc cái gì thế? Mình không nhớ chút nào cả." Tình huống của tôi giống như cái tình huống sau đây:

Cánh cửa lớn phòng mạch của nhà tâm liệu pháp mở tung, và một người đàn ông chạy vụt vào. " Bác sĩ ơi!" ông ta kêu lên, " Ông phải giúp tôi. Tôi chắc rằng tôi đang mất trí. Tôi không thể nhớ cái gì cả – cái đã xảy ra cách đây một năm, hay thậm chí cái mới xảy ra hôm qua. Chắc hẳn tôi đang phát điên!"

“Hừm …” ông bác sĩ trầm ngâm. “ Lần đầu tiên anh ý thức về vấn đề này là khi nào?”

Người đàn ông nom có vẻ lúng túng. “ Vấn đề gì vậy?”

Đây chính là tình huống của tôi! Thậm chí để hoàn tất một câu nói, cũng đã là khó. Tôi phải tự nhốt mình trong phòng. Tôi cẩn thận tự nhắc nhở mình, là đừng nói, đừng nói cái gì cả, bởi vì nói một cái gì, là tự phô bày cái “điên” của mình. Trong một năm, nó cứ dai dẳng. Tôi thường chỉ nằm trên sàn và nhìn lên trần nhà, đếm từ 1 đến 100, rồi từ 100 đến 1. Chỉ đơn giản còn có khả năng đếm, ít nhất nó cũng là một cái gì đó. Tôi thường quên, cứ thường xuyên như thế. Phải mất một năm, tôi mới có thể tập trung trí óc trở lại, có một viễn ảnh, một định hướng cho tương lai.

Nó xảy ra. Nó là một phép mầu. Nhưng mà nó khó khăn. Không có ai để hỗ trợ tôi, không có ai để nói cho tôi biết là tôi đang đi đâu, và cái gì đang xảy ra. Thật ra, mọi người đều chống lại nó – những thầy giáo của tôi, bạn bè tôi, những người muốn điều tốt cho tôi. Tất cả đều chống lại nó. Nhưng họ không thể làm gì, họ chỉ có thể kết án, họ chỉ có thể hỏi là tôi đang làm cái gì.

Tôi không đang làm cái gì cả! Bây giờ, nó vượt ra ngoài tầm kiểm soát của tôi; nó đang diễn ra. Tôi đã làm một cái gì đó; một cách không hay biết, tôi đã gõ vào cánh cửa, và bây giờ cánh cửa đã mở. Tôi đã từng thiền định trong nhiều năm, chỉ đơn thuần ngồi yên lặng mà không làm gì cả, và chẳng bao lâu, tôi bắt đầu đi vào trong cái khoảng không gian đó, nơi mà bạn [3] là (tồn tại), và bạn không đang làm cái gì cả; bạn chỉ đơn thuần ở đó, một sự hiện diện, một kẻ quan sát.

Bạn thậm chí không phải là một kẻ quan sát, bởi vì bạn không đang quan sát – bạn chỉ đơn thuần là một sự hiện diện. Ngôn từ tỏ ra

bất cập, bởi vì bất cứ từ nào được dùng, dường như nó đều diễn tả một "việc làm" nào đó.

Không, tôi không đang làm gì cả. Tôi chỉ nằm, ngồi, và đi bộ – sâu bên dưới, không có "người làm" [4] (doer) nào cả. Tôi đã mất tất cả mọi tham vọng; không có niềm ao ước trở thành bất cứ ai, không có ao ước đạt tới cái gì cả. Tôi đơn giản bị ném vào trong chính mình. Tôi là một sự trống rỗng, và sự trống rỗng đưa người ta đến sự điên loạn. Nhưng sự trống rỗng là cánh cửa duy nhất dẫn đến Thượng Đế. Điều đó có nghĩa là, những ai mà sẵn sàng chịu điên loạn, mới có thể đạt tới (chân lý), chứ không phải ai khác.

* * * * * * * * * * *

Bạn hỏi tôi, "Cái gì xảy ra khi ông hốt nhiên chứng ngộ?"

Tôi cười to, một tiếng cười ầm ĩ (uproriously) thực sự, vì thấy toàn bộ cái buồn cười (absurdity) của việc cố đạt tới sự chứng ngộ. Toàn bộ sự việc thật là buồn cười, bởi vì ngay từ lúc mới sinh ra, ta đã chứng ngộ rồi, [5] và cố đạt một cái gì mà đã bạn đã có, là điều buồn cười (absurb) nhất. Nếu bạn đã có nó rồi, thì thành tựu cái gì? Bạn chỉ có thể đạt tới cái mà bạn không có; nhưng cái mà bạn đạt tới đó, nó không phải là những phần nội tại (intrinsic) của tồn tại bạn. Mà sự chứng ngộ lại chính là bản chất (tự nhiên) của bạn.

Tôi đã phấn đấu để đạt tới nó (sự chứng ngộ) trong nhiều kiếp sống – nó đã là cái đích nhắm duy nhất trong nhiều, nhiều kiếp. Và tôi đã làm tất cả những gì có thể, để đạt tới nó, nhưng tôi đã luôn luôn thất bại. Tất yếu phải thế – bởi vì nó phải là một "thành tựu"

(attainment). Nó là bản chất của bạn, cho nên, không thể gọi nó là một " thành tựu ". Bạn không thể biến nó thành một tham vọng.

Tâm trí [6] (mind) thì đầy tham vọng – tham vọng có tiền bạc, quyền lực, uy tín. Và rồi một hôm, khi nó trở nên chán ngấy với những hoạt động hướng ngoại, nó trở nên tham vọng được chứng ngộ, được giải thoát, đạt tới niết bàn, Thượng Đế. Nhưng, cùng một tham vọng đã trở lại; chỉ có cái đối tượng là thay đổi. Ban đầu, cái đối tượng là ở bên ngoài, bây giờ, đối tượng là ở bên trong. Nhưng thái độ của bạn, cái cách tiếp cận của bạn thì chưa thay đổi; bạn vẫn là cùng một con người, trong cùng một cái vết xe đổ, trong cùng một cái lề thói.

" Cái ngày tôi hốt nhiên chứng ngộ" chỉ đơn giản có nghĩa là, cái ngày mà tôi nhận thức rằng, không có cái gì để thành tựu cả, không có nơi nào để đi, không có gì phải được làm. Chúng ta đã có sẵn cái thiêng liêng (divine), và chúng ta đã hoàn hảo rồi – như chúng ta đang là (as we are). Không có sự cải thiện nào được cần đến, không cần sự cải thiện nào cả. Thượng Đế không bao giờ sáng tạo ra một người nào bất toàn. Ngay cả nếu bạn tình cờ gặp một người bất toàn, bạn sẽ thấy sự bất toàn của anh ta là hoàn hảo. Thượng Đế không bao giờ sáng tạo một sự thể (thing) bất toàn.

Tôi đã nghe nói về một vị đạo sư Zen (master), Bokuju, ông đang nói sự thật này cho các đệ tử của mình, rằng tất cả đều hoàn hảo. Một người đứng lên – một kẻ gù lưng, rất già – và ông ta nói, " Còn về con thì sao? Con là một kẻ gù lưng. Thầy nói gì về con ?" Bokuju nói, " Ta chưa bao giờ thấy một người hoàn hảo như thế trong đời ta."

Khi tôi nói, " cái ngày tôi chứng ngộ," tôi đang dùng ngôn ngữ sai – bởi vì không có ngôn ngữ nào khác, bởi vì ngôn ngữ của chúng ta

được sáng tạo bởi chúng ta. Nó gồm có những từ như “sự thành tựu”, “sự cải thiện”, “sự tiến bộ”, “sự tiến hoá”. Ngôn ngữ của chúng ta không được sáng tạo ra bởi những người chứng ngộ; và thật ra, họ không thể sáng tạo ra ngôn ngữ, cho dẫu họ muốn thế, bởi vì sự chứng ngộ xảy ra trong im lặng. Làm thế nào bạn diễn đạt cái im lặng đó bằng ngôn từ? Và bất luận bạn diễn đạt bằng cách nào, thì những từ ngữ cũng sẽ tiêu diệt một cái gì đó của cái im lặng đó.

Lão Tử đã nói, “ Cái khoảnh khắc mà chân lý được nói ra (asserted), nó trở nên sai lầm (false).” [7] Không có cách nào truyền thông chân lý cả. Nhưng ngôn ngữ phải được dùng; không có cách nào khác. Cho nên, chúng ta luôn luôn phải dùng ngôn ngữ, nhưng ta phải hiểu được giới hạn của nó – nó luôn bất cập trong việc diễn đạt cái kinh nghiệm đó. Do vậy, tôi nói, “ cái ngày mà tôi chứng ngộ.” Nhưng nó không phải là một thành tựu, nó cũng không phải là của tôi.

Tôi đã cười to ngày hôm đó, cười vào những nỗ lực ngu xuẩn, buồn cười của tôi để mong đạt tới nó. Ngày đó, tôi cười to, cười vào chính mình, và ngày đó, tôi đã cười vào toàn bộ nhân loại, bởi vì mọi người đều đang cố thành tựu, mọi người đều đang cố đạt tới, mọi người đều đang cố cải thiện.

Trong trường hợp của tôi, nó xảy ra trong một trạng thái buông xả hoàn toàn – nó luôn xảy ra trong trạng thái đó. Tôi đã thử nghiệm mọi thứ. Và rồi, thấy sự vô ích của mọi nỗ lực, tôi đã từ bỏ toàn bộ cái “dự phóng” (project) đó. Tôi quên mọi thứ về nó. Trong 7 ngày, tôi đã sống càng bình thường như có thể.

Những người thường sống gần gũi với tôi, đã rất ngạc nhiên, bởi vì đây là lần đầu tiên mà họ thấy tôi sống một cuộc sống bình thường. Trở về trước, toàn bộ cuộc đời tôi là một kỷ luật (discipline) hoàn hảo.

Trong 2 năm, tôi đã sống với gia đình đó [8] , và họ đã biết rằng, tôi thường dậy vào lúc 3 giờ sáng, rồi tôi thường đi bộ, hay chạy khoảng 5 – 6 dặm, và rồi tôi thường tắm trên sông. Mọi thứ thì tuyệt đối đều đặn. Ngay cả khi tôi bị sốt, hay bị bệnh, thì cũng không có sự khác biệt nào: mọi thói quen đều vẫn được giữ nguyên, không thay đổi.

Họ đã biết tôi ngồi thiền trong nhiều giờ. Cho tới ngày đó, tôi đã không ăn nhiều thứ. Tôi thường không uống cà phê, trà; tôi có một kỷ luật chặt chẽ về cái gì phải ăn, cái gì không nên ăn. Khi tôi "thư giãn" (relaxed) trong 7 ngày, khi tôi vứt bỏ toàn bộ sự việc và ngày đầu tiên tôi thức dậy vào lúc 9 giờ sáng và uống trà, gia đình tôi hết sức ngạc nhiên. Họ nói, "Cái gì đã xảy ra vậy? Có phải con đã sa sút rồi chăng?" Họ thường xem tôi là một yogi vĩ đại.

Vẫn còn một tấm hình của những ngày đó. Tôi thường dùng chỉ vỏn vẹn một mảnh vải và đó là tất cả. Ban ngày, tôi thường che thân với nó, ban đêm tôi dùng nó như là một tấm chăn để đắp. Tôi ngủ trên tấm chiếu tre. Đó là toàn bộ sự tiện nghi của tôi – cái chăn đó, cái chiếu tre đó. Tôi không có cái gì cả – không có tài sản nào khác. Họ rất ngạc nhiên khi tôi thức dậy lúc 9 giờ sáng. Họ nói, " Một cái gì đó không ổn. Có phải con đang rất bệnh, bệnh trầm trọng?"

Tôi nói, " Không. Con không bệnh trầm trọng. Con đã bệnh trong nhiều năm; bây giờ con hoàn toàn khỏe mạnh. Bây giờ con sẽ thức dậy khi nào giấc ngủ rời bỏ con, và con sẽ đi ngủ khi giấc ngủ đến với con. Con sẽ không còn là một tên nô lệ cho cái đồng hồ. Con sẽ ăn bất cứ cái gì mà cơ thể con cảm thấy muốn ăn, và con sẽ uống bất cứ cái gì con cảm thấy muốn uống." Tôi nói, "Đủ là đủ." Và trong bảy ngày tôi quên toàn bộ cái "dự phóng" và tôi quên nó mãi mãi.

Và ngày thứ bảy, nó xảy ra – nó xảy ra từ không nơi nào cả. Và khi tôi cười to, người làm vườn nghe tiếng cười. Ông thường nghĩ rằng

tôi hơi điên một chút, nhưng ông chưa bao giờ nghe tôi cười to trong cách đó. Ông chạy đến. Ông nói, " Có chuyện gì vậy?"

Tôi nói, " Đừng lo lắng. Bác biết là tôi điên – bây giờ tôi đã phát điên hoàn toàn! Tôi đang cười vào chính tôi. Đừng phật lòng. Bác hãy đi ngủ tiếp đi."

Trong nhiều kiếp, tôi đã từng làm việc – làm việc trên [9] chính mình, vùng vẫy, làm bất cứ cái gì có thể được làm – và không có gì xảy ra. Bây giờ tôi hiểu tại sao đã không có gì xảy ra. Chính nỗ lực (đó) là cái rào chắn, chính cái thang đang ngăn trở, chính sự thôi thúc tìm kiếm, là trở lực. Không phải là người ta có thể đạt tới (chân lý. ND) mà không tìm kiếm – sự tìm kiếm là cần thiết – nhưng rồi tới một điểm, mà tại đó sự tìm kiếm phải bị vứt bỏ. Con thuyền được cần đến để qua sông, nhưng rồi, đến một khoảnh khắc, mà tại đó bạn phải ra khỏi con thuyền và quên hết mọi thứ về nó, và để nó lại đằng sau. Nỗ lực là cần thiết, không có nỗ lực, thì không có gì khả dĩ. Nhưng chỉ với nỗ lực, thì không có gì khả dĩ (possible).

Ngay trước ngày 21/3/1953, bảy ngày trước đó, tôi ngừng làm việc trên chính mình. Một khoảnh khắc đến, khi mà bạn thấy toàn bộ sự vô ích của nỗ lực. Bạn đã làm tất cả những gì mà bạn có thể làm, và không có gì xảy ra. Bạn đã làm tất cả những gì có thể được, trong giới hạn khả năng của con người. Rồi, bạn có thể làm cái gì khác? Trong sự bất lực (helpless) hoàn toàn, người ta buông bỏ mọi tìm kiếm. Và cái ngày đó, sự tìm kiếm đã ngừng lại, vào ngày mà tôi không đang tìm kiếm cái gì cả, cái ngày tôi không đang mong đợi một cái gì xảy ra, thì nó bắt đầu xảy ra. Một năng lượng mới khởi lên – từ "không - nơi - nào". Nó không đang đến từ một nguồn nào cả. Nó đang đến từ không nơi nào và mọi nơi. Nó ở trong cây cỏ, trong những tảng đá, bầu trời, mặt trời và không khí – nó ở mọi nơi. Tôi đã từng tìm kiếm quá căng thẳng, và nghĩ rằng nó ở rất xa xôi – nhưng, nó lại quá gần và quá kề sát! Đôi mắt đã trở nên chú mục vào cái xa xăm, chân trời, và chúng đã đánh mất khả năng thấy cái ở sát gần bên.

Cái ngày mà nỗ lực ngừng lại, tôi cũng ngừng lại (cease) – bởi vì bạn không thể tồn tại mà không nỗ lực, và bạn không thể tồn tại mà không có ước vọng, và bạn không thể tồn tại mà không phấn đấu. Hiện tượng của cái ego, của cái tôi, thì không phải là một "sự thể" (thing) – nó là một quá trình (process). Nó không phải là một bản thể (substance) nằm ở đó bên trong bạn; bạn phải sáng tạo ra nó từng khoảnh khắc. Nó giống như việc đi xe đạp: nếu bạn đạp, thì nó cứ chạy, nếu bạn không đạp, thì nó ngừng. Nó có thể tiếp tục một chút nhờ cái đà, nhưng cái khoảnh khắc mà bạn ngừng đạp, thật ra, cái xe đạp đã ngừng lại. Nó không còn năng lượng, không còn sức để đi một nơi nào cả. Nó sẽ loạng choạng và đổ xuống.

Cái ego hiện hữu bởi vì chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng dục vọng, (desire) bởi vì chúng ta tiếp tục phấn đấu để đạt một cái gì đó, bởi vì chúng ta tiếp tục nhảy bổ về phía trước chính mình. Đó là chính hiện tượng của cái ego – cái nhảy bổ về phía trước chính bạn, cái nhảy vào trong tương lai, vào trong ngày mai. Cú nhảy vào trong cái "phi hiện hữu" (nonexistential) tạo ra cái ego. Bởi vì nó đi ra từ cái phi hiện hữu, nó giống như một ảo ảnh. Nó chỉ bao gồm cái ước vọng, dục vọng (desire) và không gì khác. Nó chỉ bao gồm sự khao khát (thirst) và không gì khác.

Cái ego không ở trong hiện tại, nó ở trong tương lai. Nếu bạn ở trong tương lai, thì cái ego có vẻ như rất thực hữu (substantial). Nếu bạn ở trong hiện tại, thì cái ego là một ảo ảnh ; nó bắt đầu biến mất.

Cái ngày mà tôi ngừng tìm kiếm … và cũng không đúng khi nói rằng tôi ngừng tìm kiếm; sẽ đúng hơn, nếu nói rằng, cái ngày mà sự tìm kiếm ngừng lại. Hãy để cho tôi lặp lại điều đó. Cách nói tốt hơn, là nói rằng, cái ngày mà sự tìm kiếm ngừng lại. Bởi vì nếu "tôi" làm cho nó ngừng lại, thì "tôi" lại ở đó một lần nữa. [10] Bây giờ, sự ngừng lại trở thành nỗ lực của tôi, bây giờ sự ngừng lại trở thành ước vọng

(desire) của tôi, và cái ước vọng tiếp tục hiện hữu trong một thể cách tế nhị.

Bạn không thể chận đứng ước vọng lại, bạn chỉ có thể hiểu nó. Khi bạn hiểu nó, tự nhiên nó ngừng lại. Hãy nhớ, không ai có thể làm ngừng lại việc ước vọng – và thực tại xảy ra khi ước vọng ngừng lại.

Bởi vậy, đây là cái nan đề (dilemma). Phải làm gì? Ước (dục) vọng thì ở đó, và những vị Phật tiếp tục nói rằng ước vọng phải được chận lại, và họ tiếp tục nói, trong hơi thở tiếp theo, rằng, bạn không thể làm cho ước vọng ngừng lại. Vậy, phải làm gì? Bạn đặt người ta vào một nan đề. Họ đang ở trong ước vọng, chắc chắn rồi. Bạn nói, nó phải được chận lại – ok. Và rồi bạn nói rằng nó không thể được chận lại. Rồi, phải làm gì?

Cái ước (dục) vọng phải được thấu hiểu. Bạn có thể hiểu nó, bạn có thể đơn giản nhìn thấy sự vô ích của nó. Một "tri giác" trực tiếp được cần đến, và một sự thâm nhập (penetration) tức thì được cần đến.

Cái ngày mà sự ước vọng chấm dứt, tôi cảm thấy rất "vô hy vọng" [11](hopeless) và "cô thế" (helpless). Không có hy vọng, bởi vì không có tương lai. Không có gì để hy vọng, bởi vì mọi sự hy vọng đều tỏ ra vô ích, nó không dẫn tới đâu cả. Bạn đi vòng quanh. Nó tiếp tục lủng lẳng đằng trước mắt bạn, nó tiếp tục tạo ra những ảo ảnh mới, nó tiếp tục gọi bạn, "Nào, chạy nhanh lên, bạn sẽ tới đích." Nhưng dù bạn chạy nhanh bao nhiêu đi nữa, bạn sẽ không bao giờ tới đích. Nó giống như cái chân trời mà bạn thấy vòng quanh trái đất. Nó hiện ra, nhưng nó không có mặt ở đó. Nếu bạn đi về phía nó, nó tiếp tục chạy xa khỏi bạn. Bạn chạy càng nhanh, nó di chuyển càng xa khỏi bạn. Bạn càng đi chậm, nó càng di chuyển chậm ra xa. Nhưng một điều chắc chắn – cái khoảng cách giữa bạn và chân trời vẫn tuyệt đối không đổi. Thậm chí, bạn không thể rút ngắn một phân cái khoảng cách giữa bạn và chân trời.

Bạn không thể rút ngắn khoảng cách giữa bạn và hy vọng của bạn. Hy vọng là chân trời. Bạn cố bắc cầu chính mình với chân trời, với hy vọng, với một ước vọng đã được "dự phóng." Cái ước vọng là một cây cầu – một cây cầu trong mơ, bởi vì chân trời không hiện hữu. Cho nên, bạn không thể làm một cây cầu dẫn tới nó, bạn chỉ có thể mơ về cây cầu. Bạn không thể được kết nối với cái "phi hiện hữu".

Cái ngày mà ước vọng ngừng lại, cái ngày mà tôi nhìn vào nó và nhận thức rằng nó chỉ là vô ích, tôi bất lực và vô hy vọng. Nhưng chính cái khoảnh khắc đó, một cái gì đó bắt đầu xảy ra. "Cái đó" bắt đầu xảy ra, chính là cái mà vì nó tôi đã làm việc trong nhiều đời kiếp nhưng nó đã không xuất hiện. Trong sự vô vọng của bạn, ẩn chứa niềm hy vọng duy nhất của bạn, và trong cái "vô sở cầu" (desirelessness) của bạn, ẩn chứa sự viên mãn duy nhất của bạn, và trong sự vô vọng to lớn của bạn, bỗng nhiên toàn bộ hiện hữu bắt đầu trợ giúp bạn.

Sự hiện hữu (existence) đang chờ đợi. Khi nó thấy rằng, bạn đang làm việc trên chính bạn, nó không can thiệp vào. Nó chờ đợi. Nó có thể chờ đợi một cách vô hạn, bởi vì không có gì vội vã đối với sự hiện hữu. Nó là vĩnh cửu. Cái khoảnh khắc mà bạn không có đó – cái khoảnh khắc mà bạn buông bỏ, cái khoảnh khắc bạn biến đi – thì toàn bộ hiện hữu lao vụt về phía bạn, đi vào bạn. Và lần đầu tiên, những sự việc bắt đầu xảy ra.

Trong 7 ngày đó, tôi đã sống trong một tình trạng không có hy vọng và sự trợ giúp, nhưng, đồng thời, một cái gì đó đang khởi lên. Khi tôi nói "không hy vọng", tôi không muốn nói "vô vọng" theo nghĩa thông thường, có tính tiêu cực, bi quan. Tôi chỉ đơn giản muốn nói rằng, không có niềm hy vọng nào trong tôi. Hy vọng vắng mặt. Tôi không nói rằng, tôi vô vọng và buồn. Tôi hạnh phúc, thật vậy, tôi rất bình an, trầm tĩnh, và tập trung. "Vô vọng" nhưng trong một nghĩa hoàn toàn

mới. Không có niềm hy vọng nào, cho nên, làm thế nào có sự " vô vọng" được? Cả hai đều biến mất.

Sự không hy vọng này thì tuyệt đối và toàn diện. Hy vọng đã biến mất, và với nó, sự "vô vọng" – "đối tác" của nó, cũng biến mất. Nó là một kinh nghiệm hoàn toàn mới – của trạng thái không hy vọng (không mong cầu). Nó không phải là một trạng thái tiêu cực. Tôi phải dùng từ "vô vọng", nhưng nó không phải là một trạng thái tiêu cực. Nó hoàn toàn tích cực. Nó không chỉ là một sự vắng mặt đơn thuần, mà nó là một sự có mặt được cảm nhận. Một cái gì đó đang chảy tràn bên trong tôi, tràn ngập tôi như cơn lụt.

Và khi tôi nói tôi "vô vọng", tôi không dùng từ "vô vọng" theo nghĩa thông thường của từ điển. Tôi chỉ đơn giản nói rằng tôi không có "cái tôi" – hoàn toàn "vô ngã. " Đó chính là điều tôi muốn nói, khi tôi nói "không có trợ giúp". Tôi đã nhận thức sự kiện rằng, tôi "không là" (I am not) – cho nên, tôi không thể nương tựa (depend) vào chính mình, cho nên tôi không thể đứng trên cái " nền đất" (ground) của riêng mình. Không có cái nền tảng nào bên dưới cả, tôi đang ở trong một vực thẳm … một vực thẳm không đáy. Nhưng không có sự sợ hãi nào, bởi vì không có cái gì cần bảo vệ. Không có sợ hãi, bởi vì không có chủ thể để cảm nhận sự sợ hãi.

Trong bảy ngày đó, đã diễn ra một sự chuyển hoá to lớn, sự chuyển hoá toàn bộ. Và vào ngày cuối, thì sự hiện diện của một năng lượng hoàn toàn mới, một ánh sáng mới và niềm hoan lạc mới trở nên quá mãnh liệt, đến nỗi nó hầu như không thể chịu nổi – như thể tôi đang nổ tung ra, như thể tôi đang phát điên với phúc lạc. Thế hệ trẻ tại phương Tây có một thành ngữ đúng cho nó : "bliss out" (sướng điên lên) – tôi sướng điên lên.

Thật không thể nào giải thích được nó – cái đang xảy ra. Nó là một thế giới " vô nghĩa" (nonsense) – khó cắt nghĩa, khó xếp nó vào một phạm trù nào, khó dùng từ ngữ, ngôn ngữ, những lời giải thích. Mọi

kinh điển nom có vẻ như chết, và tất cả những từ ngữ được dùng để diễn tả kinh nghiệm này đều nom có vẻ nhợt nhạt, thiếu máu. Nó sống động. Nó giống như một đợt sóng phỉ lạc.

Suốt ngày tôi ở trong trạng thái kỳ lạ, choáng váng, và đó là một kinh nghiệm bùng vỡ. Quá khứ đang biến đi, như thể là nó chưa bao giờ thuộc về tôi, cơ hồ như tôi đã đọc về nó ở một nơi nào đó. Như thể là tôi đã nằm mơ thấy nó, như thể nó là câu chuyện của một ai đó mà tôi đã nghe. Nó đang trở nên tuột ra khỏi quá khứ của tôi, tôi đang bị bật gốc khỏi lịch sử của mình. Tôi đang đánh mất tự truyện về mình. Tôi đang trở nên một phi – thể (nonbeing), cái mà đức Phật gọi là "vô ngã" , anatta. Những ranh giới đang biến đi, những phân biệt đang biến mất.

Tâm trí (mind) đang biến đi; nó ở cách xa hằng triệu dặm. Thật khó mà chụp bắt nó, nó đang mỗi lúc càng lao đi xa hơn, và không có động lực nào để giữ cho nó kề sát. Nó chỉ đơn giản lãnh đạm với mọi sự. Nó tốt đẹp, không sao cả. Không có động lực muốn giữ sự liên tục với quá khứ. Vào khoảng chiều tối, thật khó lòng chịu đựng nó – nó đang gây đau đớn, thật đau đớn. Nó giống như khi một người phụ nữ đi vào cơn sinh nở, khi một đứa bé được sinh ra, và người phụ nữ chịu cơn đau dữ dội – cơn đau sinh nở.

Trong những ngày đó, tôi thường đi ngủ vào khoảng 12 đêm hoặc 1 giờ sáng, nhưng ngày hôm đó, thật không thể giữ cho mình thức. Hai mắt cứ díu lại, khó lòng giữ cho nó mở. Một cái gì đó đang lơ lửng, một cái gì đó sắp xảy ra. Thật khó mà nói nó là cái gì – có lẽ nó sẽ là cái chết của tôi – nhưng không có chút sợ hãi nào. Tôi sẵn sàng đợi nó. Bảy ngày đó quá đẹp, đến nỗi tôi sẵn sàng chết; không có gì được cần đến. Chúng hết sức phúc lạc, tôi quá mãn nguyện, đến mức nếu cái chết đang đến, thì nó được chào đón.

Nhưng một cái gì đó đang xảy ra – một cái gì đó giống như cái chết, một cái gì đó mãnh liệt, một cái gì đó mà sẽ hoặc là một cái

chết, hoặc là một sự tái sinh, một sự đóng đinh, hoặc một phục sinh – một cái gì đó có tầm quan trọng to lớn, nó đang gần kề. Thật không thể nào mở mắt, tôi bị đánh thuốc mê.

Tôi đi ngủ vào khoảng 8 giờ tối. Nó không giống như giấc ngủ. Bây giờ thì tôi có thể hiểu Patanjali muốn nói gì, khi ông nói samadhi (định) và giấc ngủ thì tương tự như nhau – vừa thức vừa ngủ cùng một lúc. Toàn cơ thể thư giãn, mọi tế bào của cơ thể hoàn toàn thư giãn, mọi sự vận hành ngừng lại, và một làn ánh sáng của ý thức cháy lên bên trong bạn… quang đãng (clear), không có chút hoả mù (smoke) nào. Bạn vẫn tỉnh táo, nhưng thư giãn, buông lỏng nhưng hoàn toàn tỉnh thức. Cơ thể ở trong giấc ngủ sâu nhất có thể được, và ý thức của bạn đang ở đỉnh điểm của nó. Cái đỉnh của ý thức và cái thung lũng của cơ thể gặp nhau.

Tôi đi ngủ. Đó là một giấc ngủ kỳ lạ. Cơ thể thì ngủ, nhưng tôi thì tỉnh thức. Nó thật hết sức kỳ lạ – như thể nó bị xé rách thành hai hướng, hai chiều kích; như thể hai cực đã trở nên đồng qui một cách hoàn toàn, như thể tôi là cả hai cực cùng một lúc… cực dương và âm đang gặp nhau, giấc ngủ và ý thức đang gặp nhau, cái chết và sự sống đang gặp nhau. Đó là khoảnh khắc khi mà bạn có thể nói rằng, kẻ sáng tạo và vật thụ tạo (được sáng tạo) gặp nhau.

Nó thật là kỳ khôi. Lần đầu tiên, nó chấn động tới gốc rễ, nó lay động bạn tận nền móng của bạn. Bạn không bao giờ có thể còn như cũ sau cái kinh nghiệm đó; nó mang đến một tầm nhìn (vision) mới cho đời bạn, một chất lượng mới.

Khoảng 12 giờ đêm, hai mắt tôi bỗng mở ra – trước đó, mắt tôi chưa mở được. Giấc ngủ bị phá vỡ bởi một cái gì đó khác. Tôi cảm thấy một sự hiện diện vĩ đại xung quanh tôi trong căn phòng. [13] Đó là một căn phòng rất nhỏ. Tôi cảm thấy một sự sống phập phồng khắp xung quanh mình, một sự rung động lớn – gần như một trận

cuồng phong, một cơn bão lớn của ánh sáng, niềm vui, cơn xuất thần. Tôi đang chết chìm trong nó.

Nó vô cùng thực, đến nỗi mọi thứ khác đã trở thành không thực. Những bức tường của căn phòng trở nên không thực, căn nhà trở nên không thực, cơ thể của chính tôi trở nên không thực. Mọi sự đều không thực bởi vì bây giờ, lần đầu tiên, có thực tại (reality).

Đó là lý do tại sao đức Phật và Shankara nói rằng, thế giới là maya, một huyễn cảnh, chúng ta khó mà hiểu được. Bởi vì chúng ta chỉ biết cái thế giới này, chúng ta không có bất cứ sự so sánh nào. Đây là cái "thực tại" duy nhất mà chúng ta biết được. Những vị này đang nói về cái gì – đây là maya, huyễn cảnh? Theo chúng ta, đây là "thực tại" duy nhất. Trừ khi bạn biết cái thực tại đích thực, thì những lời nói của họ là không thể hiểu được. Những lời nói của họ vẫn còn là lý thuyết, chúng nom có vẻ như những giả thiết. Có lẽ người đàn ông này đang đưa ra một triết lý – "Thế giới là không thực."

Khi Berkeley ở phương Tây nói rằng, thế giới này là phi thực (unreal), ông đang đi dạo với một trong số những người bạn của ông, một người rất "logic"; người bạn đó gần như là một kẻ theo thuyết hoài nghi. Anh ta nhặt một hòn đá từ đường lộ và đánh mạnh vào bàn chân Berkeley. Berkeley hét lên, máu trào ra, và kẻ hoài nghi nói, " Nào, thế giới có phi thực không? Bạn nói thế giới là phi thực ư ? Vậy tại sao bạn hét lên? Vậy thì tại sao bạn hét lên? Hòn đá này là phi thực ư? Vậy tại sao bạn hét lên? Tại sao bạn ôm lấy chân và nét mặt bạn lộ vẻ quá đau đớn? Tất cả nó đều là phi thực ư ?"

Loại người này không thể hiểu đức Phật nói gì, khi Ngài nói thế giới là một huyễn cảnh. Ngài không ngụ ý rằng bạn có thể đi xuyên tường. Ngài không đang nói, rằng bạn có thể ăn những hòn đá, và

việc bạn ăn bánh mì hay ăn đá, cũng không có gì khác nhau. Ngài không nói điều đó.

Ngài đang nói rằng, có một thực tại (đích thực) : một khi bạn đi tới chỗ biết nó, thì "cái mệnh danh là thực tại" này, chỉ đơn giản nhạt nhòa đi, đơn giản trở thành phi thực. Khi ta "nhìn thấy" một thực tại cao hơn, thì sự so sánh khởi lên, chứ không phải ngược lại.

Trong giấc mơ, thì giấc mơ là thực. Bạn mơ hằng đêm, và buổi sáng thức dậy, bạn nói rằng nó là không thực, và rồi ban đêm khi bạn nằm mơ, thì giấc mơ lại trở nên thực. Trong giấc mơ, thật khó mà nhớ rằng nó là một giấc mơ, nhưng vào buổi sáng, thì thật dễ. Cái gì xảy ra? Bạn vẫn là một con người đó. Trong giấc mơ, chỉ có một thực tại. Làm thế nào để so sánh? Làm thế nào để nói rằng nó không thực? So sánh với cái gì? Trong mơ, nó là thực tại duy nhất; mọi sự đều không thực như mọi thứ khác, cho nên không có sự so sánh nào. Vào buổi sáng, khi bạn mở mắt ra, một thực tại khác đang ở đó. Bây giờ bạn có thể nói, rằng giấc mơ là hoàn toàn không thực. So sánh với thực tại này, giấc mơ trở thành không thực.

Có một sự "thức tỉnh" (awakening) – so sánh với cái thực tại của sự "thức tỉnh " đó, thì toàn bộ thực tại (mà ta đang thấy. ND) trở nên phi thực.

Đêm đó, lần đầu tiên, tôi hiểu ý nghĩa của từ maya. Không phải là trước đó tôi không biết cái từ đó, không phải là tôi không nhận biết được cái nghĩa của từ đó. Như bạn nhận biết được, tôi cũng nhận biết được cái ý nghĩa của nó – nhưng trước đó, tôi chưa bao giờ hiểu nó. Làm thế nào bạn hiểu nếu không có kinh nghiệm? Đêm đó, một thực tại khác mở ra cánh cửa của nó, một chiều kích mới trở nên khả dĩ. Bỗng nhiên, nó ở đó, cái thực tại khác (the other reality), cái thực tại "riêng biệt" (separate) – cái thực tại đích thực, hay bất cứ cái gì mà bạn muốn gọi nó. Hãy gọi nó là Thượng đế, chân lý, hãy gọi nó là Pháp (dhamma), hãy gọi nó là Đạo, hay bất cứ cái gì mà bạn

muốn. Nó không có tên. Nhưng nó ở đó – quá trong suốt, và thế nhưng, quá rắn chắc (solid) đến nỗi bạn có thể sờ vào nó. Nó hầu như làm tôi nghẹt thở, trong cái phòng đó. Nó quá tràn ngập, và tôi không đủ sức để hấp thu (absorb) nó.

Một thôi thúc sâu xa (deep urge) khởi lên trong tôi, muốn lao ra khỏi phòng, đi dưới bầu trời – nó đang làm tôi nghẹt thở. Nó quá tràn ngập ! Nó sẽ giết chết tôi! Nếu nó còn lưu lại thêm chỉ một vài khoảnh khắc nữa thôi, có lẽ nó đã làm tôi nghẹt thở – có vẻ như thế. Tôi lao ra khỏi phòng, đi vào đường phố. Một thôi thúc lớn đang ở đó, chỉ muốn ở dưới bầu trời, với những vì sao, với cây cỏ, với đất … với thiên nhiên. Và khi tôi ra tới bên ngoài, cái cảm giác bị nghẹt thở lập tức biến mất. Căn phòng là một nơi quá nhỏ bé cho một hiện tượng quá lớn lao như thế. Ngay cả bầu trời cũng là một nơi chốn nhỏ bé đối với một hiện tượng to lớn như thế. Nó lớn hơn cả bầu trời. Ngay cả bầu trời cũng không bao trùm được nó. Nhưng rồi, tôi cảm thấy thanh thản. Tôi đi bộ về phía khu vườn gần nhất. Đó là một cuộc đi dạo hoàn toàn mới mẻ, như thể trọng lực đã biến mất. Tôi đang bước đi, hay tôi đang chạy, hay tôi chỉ đơn thuần đang bay; thật khó mà quyết định. Không có trọng lực, tôi đang cảm thấy mình nhẹ tênh, không trọng lượng – như thể năng lượng nào đó đang chiếm lĩnh tôi. Tôi đang ở trong tay của của một năng lượng nào khác. Lần đầu tiên tôi không cô độc, lần đầu tiên tôi không còn là một cá thể, lần đầu tiên giọt nước đã rơi vào đại dương. Bây giờ, toàn bộ đại dương là của tôi, tôi là đại dương. Không có biên độ (limitation) nào. Một quyền năng to lớn (tremendous) khởi lên, như thể tôi có thể làm bất cứ cái gì. Tôi không có mặt ở đó, chỉ có cái quyền năng nọ là ở đó.

Tôi đến khu vườn nơi mà tôi có thói quen đi tới mọi ngày. Khu vườn đóng cửa, nó đóng cửa vào ban đêm. Đã quá khuya, đã gần 1 giờ sáng. Người làm vườn đã ngủ. Tôi đã phải lẻn vào như một tên trộm, tôi phải trèo qua cổng. Nhưng một cái gì đó đang kéo tôi về phía khu vườn. Tôi không đủ khả năng để tự ngăn mình lại. Tôi chỉ đơn thuần đang trôi bồng bềnh.

Đó là cái mà tôi ngụ ý, khi tôi lặp đi lặp lại, " Hãy trôi bồng bềnh với dòng sông, đừng đẩy dòng sông." Tôi được thư giãn, tôi đang ở trong một sự buông bỏ (let – go). Tôi không ở đó, nó đang ở đó, hãy gọi nó là Thượng đế – Thượng đế đang ở đó. Tôi muốn gọi nó là nó, bởi vì Thượng đế là một từ quá "phàm tục" (too human) và đã trở thành quá dơ bẩn do bị dùng quá nhiều, đã trở nên quá ô nhiễm do bị quá nhiều người lạm dụng. Những người Kytô, Hindu, Mahommed, và những chính trị gia – tất cả họ đã làm hỏng vẻ đẹp của từ đó. Do vậy, hãy để tôi gọi nó là nó. Nó ở đó và tôi chỉ đơn thuần bị cuốn đi … cuốn đi bởi một đợt thủy triều.

Khoảnh khắc mà tôi bước vào khu vườn, mọi sự trở nên chói lọi, nó tràn ngập khắp nơi – ơn phước, sự diễm phúc (blessedness). Tôi có thể thấy những cái cây lần đầu tiên – màu xanh lá cây của nó, sự sống của nó, chính cái chất nhựa đang chảy. Toàn bộ khu vườn đang ngủ, cây cỏ đang ngủ. Nhưng tôi có thể thấy toàn bộ khu vườn đang sống động, ngay cả những lá cỏ bé nhỏ cũng quá đẹp.

Tôi nhìn quanh. Một cái cây thì quá chói sáng – cây maulshree. Nó hấp dẫn tôi, nó hút tôi về phía chính nó. Tôi đã không chọn nó, chính Thượng đế đã chọn nó. Tôi đi tới cái cây, tôi ngồi dưới cây đó. Trong khi tôi ngồi ở đó, những sự việc bắt đầu ổn định lại. Toàn bộ vũ trụ trở nên một ơn phước.

Thật khó mà nói, là tôi đã ở trong trạng thái đó bao lâu. Khi tôi về đến nhà, đã 4 giờ sáng, cho nên chắc hẳn là tôi đã ở đó ít nhất là 3 tiếng, theo thời gian đồng hồ, nhưng mà nó là cái vô hạn. Nó không dính dáng gì tới thời gian đồng hồ. Nó là phi thời gian.

Ba tiếng đồng hồ đó trở thành toàn bộ vĩnh cửu, vĩnh cửu vô chung. Không có thời gian, không có sự trôi đi của thời gian; nó là thực tại trinh nguyên – không bị hoen ố, không thể xúc chạm, không thể đo lường.

Và ngày đó một cái gì đó đã xảy ra, mà đã tiếp tục – không phải là một sự tiếp diễn hiển lộ (not a continuity) nhưng nó vẫn tiếp tục như là một dòng nước ngầm (undercurrent). Không phải như là một sự thường hằng, bất biến (permanency) – mỗi khoảnh khắc, nó vẫn đang xảy ra (has been happening), lặp đi lặp lại. Mỗi khoảnh khắc, nó là một phép mầu.

Và, từ đêm đó, tôi chưa bao giờ ở trong thân thể mình. Tôi đang bay lượn (hovering) xung quanh nó. Nó trở nên vô cùng hùng mạnh, và đồng thời, rất mong manh dễ vỡ. Nó trở nên rất mạnh mẽ, nhưng sức mạnh đó không phải là sức mạnh của Muhammad Ali. Sức mạnh đó không phải là sức mạnh của một tảng đá; đó là sức mạnh của một bông hồng – quá mỏng manh về mặt vật lý, quá mẫn cảm (sensitive), quá dễ vỡ.

Tảng đá sẽ có thể ở đó, nhưng bông hoa thì có thể biến đi bất cứ khoảnh khắc nào. Nhưng, mặc dù vậy, bông hoa mạnh mẽ hơn tảng đá, bởi vì nó sinh động hơn. Hay, đó là sức mạnh của một giọt sương trên một lá cỏ, chỉ đơn giản chiếu sáng dưới mặt trời buổi sáng – quá đẹp, quá quý giá, và thế nhưng, nó có thể tan đi bất cứ khoảnh khắc nào. Quá vô song trong sự duyên dáng của nó, nhưng một ngọn gió nhẹ có thể đến và giọt sương có thể tan đi và chìm mất mãi mãi.

Những vị Phật (the Buddhas – chư Phật) có một sức mạnh, mà nó không thuộc về thế giới này. Sức mạnh của họ thì hoàn toàn xuất phát từ tình yêu … giống như bông hồng hay một giọt sương. Sức mạnh của họ thì rất mỏng manh, dễ bị thương tổn. Sức mạnh của họ là sức mạnh của sự sống, không phải của sự chết. Quyền lực của họ không phải là quyền lực dùng để giết hại; quyền lực của họ là quyền lực sáng tạo. Quyền lực của họ không phải là của sự bạo động, sự gây hấn; quyền lực của họ là quyền lực của từ bi.

Nhưng tôi chưa bao giờ có mặt lại trong cơ thể, tôi chỉ đơn thuần bay lượn xung quanh cơ thể. Và đó là lý do tại sao tôi nói rằng, nó đã là một phép mầu lớn lao. Mỗi khoảnh khắc, tôi ngạc nhiên rằng tôi vẫn còn ở đây. Lẽ ra, tôi đã rời bỏ - bất cứ khoảnh khắc nào - vậy mà tôi vẫn còn ở đây. Mọi buổi sáng, tôi mở mắt ra, và tôi nói, " Như vậy, tôi vẫn còn ở đây sao?" Bởi vì điều đó xem ra không thể được. Phép mầu đó chưa chấm dứt, nó vẫn tiếp tục.

Chỉ mới hôm kia, một ai đó hỏi một câu hỏi, " Osho, thầy đang trở nên quá mỏng manh và dễ vỡ, và quá nhạy cảm với mùi của dầu xức tóc và dầu gội đầu, đến nỗi, có vẻ như chúng con sẽ không thể thấy thầy, trừ khi tất cả chúng con trở nên sói đầu." Nhân thể, không có gì sai với việc sói đầu – sói đầu là đẹp! Cũng như đen là đẹp, thì sói đầu là đẹp. Nhưng điều ấy đúng, và bạn phải cẩn thận về nó.

Tôi mỏng manh, dễ vỡ, và nhạy cảm. Đó là sức mạnh của tôi. Nếu bạn ném một tảng đá vào một bông hoa, thì không có gì xảy ra với tảng đá, nhưng bông hoa sẽ tan tác. Bông hoa sẽ tan tác, bởi vì bông hoa thì sống động, đang sống. Và tảng đá – không có gì sẽ xảy ra với nó, bởi vì nó chết. Bông hoa sẽ tan tác, bởi vì bông hoa không có sức mạnh hủy diệt. Bông hoa chỉ đơn giản "biến đi " (be gone), và nhường chỗ cho tảng đá. Tảng đá có một quyền lực hủy diệt, bởi vì tảng đá chết, không có sự sống.

Hãy nhớ, từ ngày đó, tôi chưa bao giờ ở trong thân thể một cách thực sự; chỉ có một sợi chỉ mong manh nối kết tôi với thân thể mình. Và tôi ngạc nhiên một cách liên tục, rằng bằng cách này hay cách khác, cái toàn bộ [14] (the whole) ắt muốn tôi có mặt ở đây – bởi vì tôi không còn ở đây với sức mạnh của riêng tôi, tôi không còn ở đây một cách tự ý. Hẳn ý chí của cái toàn bộ đã giữ tôi lại đây, cho phép tôi nán lại thêm một chút trên bờ này. Có lẽ cái toàn bộ muốn chia sẻ một cái gì đó với bạn, thông qua tôi.

Từ ngày đó, thế giới là không thực. Một thế giới khác đã được "mặc khải" (tiết lộ). Khi tôi nói, thế giới là không thực, tôi không ngụ ý rằng, những cái cây này là không thực. Những cái cây này là "thực" một cách tuyệt đối - nhưng cái cách mà bạn nhìn những cái cây thì không thực. Những cây này là không thực trong tự thân chúng – chúng hiện hữu trong Thượng đế [15] (God) chúng hiện hữu trong thực tại tuyệt đối – nhưng trong cách nhìn của bạn, thì bạn không bao giờ thấy chúng. Bạn đang nhìn một cái gì đó khác, một ảo ảnh (mirage).

Bạn tạo ra giấc mơ của chính mình xung quanh bạn, và trừ khi bạn trở nên tỉnh thức (awake), bạn sẽ tiếp tục mơ. Thế giới là không thực, bởi vì cái thế giới mà bạn biết, là thế giới của những giấc mơ của bạn. Khi buông bỏ những giấc mơ, bạn chỉ đơn thuần gặp gỡ cái thế giới ở đó [16] , thì thế giới thực xuất hiện.

Không phải có hai cái, Thượng đế và thế giới. Thượng đế là thế giới, nếu bạn có mắt, đôi mắt trong (clear), không có chút bụi nào của những giấc mơ, không có bất cứ màn sương mù (haze) nào của giấc ngủ. Nếu bạn có đôi mắt sáng, sự trong suốt, có khả năng tri nhận, thì chỉ có Thượng đế mà thôi.

Khi đó, một nơi nào đó, Thượng đế là một cái cây màu xanh, và một nơi nào đó khác, Thượng đế là một vì sao đang chiếu sáng, và một nơi nào đó, Thượng đế là một con chim cu, và một nơi nào đó, Thượng đế là một bông hoa, một nơi nào đó khác, là một đứa trẻ, một dòng sông – rốt cục, chỉ có Thượng đế hiện hữu. Cái khoảnh khắc mà bạn bắt đầu "thấy", thì chỉ có Thượng đế hiện hữu.

Nhưng ngay bây giờ, bất cứ cái gì mà bạn thấy, đều không phải là Thượng đế, nó là một sự dối gạt được phóng chiếu (a projected lie). Đó là ý nghĩa của một ảo ảnh. Và một khi bạn thấy – thậm chí trong

một tích tắc, nếu bạn có thể thấy, nếu bạn có thể tự cho phép mình thấy – bạn sẽ tìm thấy ơn phước (benidiction) bao la, hiện diện khắp nơi, mọi nơi, trong những đám mây, trong mặt trời, trên mặt đất.

Đây là một thế giới đẹp đẽ. Nhưng tôi không đang nói về thế giới của bạn, tôi đang nói về thế giới của tôi. Thế giới của bạn thì rất xấu xa, thế giới của bạn là thế giới được tạo ra bởi "cái tôi", thế giới của bạn là một thế giới được phóng chiếu. Bạn đang dùng cái thế giới thực như là một màn hình (screen) và đang phóng chiếu những ý tưởng của riêng bạn lên nó.

Khi tôi nói, thế giới là thực, thế giới đẹp tuyệt vời, thế giới chói ngời với sự vô hạn, thế giới là ánh sáng và niềm hoan lạc, nó là một lễ hội (celebration), tôi ngụ ý rằng, đó là thế giới của tôi – hoặc, thế giới của bạn, nếu bạn từ bỏ những giấc mơ của bạn.

Đêm đó, tôi trở nên trống rỗng và trở nên tràn đầy. Tôi trở nên phi hiện hữu và đồng thời, trở nên hiện hữu. Đêm đó, tôi chết đi và tái sinh. Nhưng cái con người mà được tái sinh, thì không có dính dáng gì với con người đã chết, đó là một sự cắt đứt hoàn toàn. Trên bề mặt, nó trông có vẻ liên tục, nhưng mà nó không liên tục. Cái người đã chết, hắn chết hoàn toàn; không có gì của hắn còn lại.

Tôi đã biết nhiều những cái chết khác, nhưng chúng không là cái gì cả; so với "cái chết" của tôi, thì chúng chỉ là những cái chết từng phần.

Đôi khi cơ thể chết đi, đôi khi một phần của tâm trí (mind) chết đi, đôi khi một phần của cái ego chết đi, nhưng về cơ bản, thì nó vẫn còn đó. Được canh tân (renovated) nhiều lần, được trang trí nhiều lần, thay đổi một chút ở đây, một chút ở kia, nhưng mà nó vẫn còn tồn tại, sự liên tục vẫn còn đó.

Đêm đó, cái chết là hoàn toàn. Nó là một nhật kỳ mà ở đó cái chết và Thượng đế có mặt cùng một lúc.

Sự chứng ngộ là một quá trình cá nhân. Bởi vì tính cá nhân của nó, nó đã tạo ra nhiều vấn đề. Trước hết, không có những giai đoạn cố định mà một người (chứng ngộ) nhất thiết phải trải qua. Mọi người đi qua những giai đoạn (phase) khác biệt nhau, bởi vì mọi người trong nhiều kiếp đã thu thập (gather) những loại "quy định" (conditionings) khác nhau.

Do vậy, chính những "quy định" mới là cái định hình con đường của bạn, chứ không phải là sự chứng ngộ. Và mỗi người có những điều kiện [17] (conditions – duyên) khác nhau, cho nên, không có cùng một lối đi cho hai người. Đó là lý do tại sao tôi cứ lặp đi lặp lại: Không có siêu xa lộ, chỉ có những con đường nhỏ – và ngay cái đó nữa, cũng không được làm sẵn. Không phải là bạn tìm thấy chúng sẵn sàng ở đó, và bạn chỉ phải đi trên chúng – không. Trong khi bạn bước đi, bạn làm ra chúng. Chính sự bước đi của bạn tạo ra chúng.

Người ta nói rằng, con đường chứng ngộ thì giống như một con chim đang bay trên bầu trời: nó không để lại dấu chân nào đằng sau nó; không ai có thể đi theo những dấu chân của con chim. Mọi con chim sẽ phải tạo ra những dấu chân của riêng nó, nhưng chúng lập tức biến đi trong khi con chim tiếp tục bay. Sự chứng ngộ cũng ở trong một tính huống tương tự, đó là lý do tại sao không thể có một "kẻ dẫn dắt" (leader - lãnh tụ, giáo chủ) và "kẻ đi theo" (follower - môn đệ). Đó là lý do tại sao những người nói," Ngươi chỉ đơn giản tin ta và đi theo ta" - giống như Jesus, Moses, Mohammed, Krishna - những người đó không biết gì về sự chứng ngộ.

Nếu họ đã biết (chân lý), thì lời phát biểu này là không thể được. Bất cứ ai mà đã chứng ngộ, đều biết rằng mình không để lại dấu chân nào đằng sau; cho nên nói, " Hãy đến và theo ta," thì thật là phi lý.

Do vậy, cái gì xảy ra cho tôi, thì bất cứ ai khác không cần thiết phải trải qua. Có thể là, người ta có thể vẫn ở trạng thái bình thường và hốt nhiên chứng ngộ.

Nếu có 50 người trong cùng một phòng, và nếu tất cả chúng ta đi ngủ, thì mỗi người sẽ có giấc mơ của riêng mình. Các bạn không thể có chung một giấc mơ, đó là điều không thể được. Không có cách nào để tạo ra một giấc mơ chung. Giấc mơ của bạn sẽ là của bạn, giấc mơ của tôi sẽ là của tôi, và trong những giấc mơ khác nhau, chúng ta sẽ ở trong những nơi chốn khác nhau. Và khi chúng ta tỉnh dậy, tôi có thể thức dậy tại một giai đoạn nào đó trong giấc mơ của tôi, và bạn có thể thức dậy tại một giai đoạn nào đó trong giấc mơ của bạn. Làm thế nào chúng giống nhau được?

Sự chứng ngộ không là gì khác hơn sự "tỉnh dậy" (awakening). Đối với người chứng ngộ, cuộc đời của hết thảy chúng ta đều chỉ là những giấc mơ. Chúng có thể là những giấc mơ tốt lành, chúng có thể là những giấc mơ chẳng lành; chúng có thể là những ác mộng, chúng có thể rất dễ thương, và đẹp, nhưng dù sao, đó cũng chỉ là những giấc mơ.

Bạn có thể tỉnh dậy bất cứ khoảnh khắc nào. Cái đó luôn là khả tính của bạn. Đôi khi bạn có thể làm một nỗ lực để tỉnh dậy, và bạn thấy rằng nó khó. Có thể bạn đã có những giấc mơ mà trong đó bạn đang cố la lớn, nhưng bạn không thể. Bạn muốn thức dậy và ra khỏi giường, nhưng bạn không thể, toàn thân bạn cơ hồ như bị tê liệt.

Vào buổi sáng, bạn thức dậy, và bạn đơn giản cười vào toàn bộ sự việc, nhưng vào khoảnh khắc khi mà nó đang xảy ra, thì nó không

phải là một cái gì đó để cười nhạo. Nó thực sự nghiêm túc. Toàn bộ cơ thể bạn hầu như chết, bạn không thể cử động hai bàn tay mình, bạn không thể nói, bạn không thể mở mắt. Bạn biết rằng, bây giờ đời bạn đã kết thúc (were finished) ! Nhưng vào buổi sáng, bạn không còn ngó ngàng gì đến nó; bạn thậm chí không xem xét lại (reconsider) nó, xem nó là cái gì. Chỉ cần biết rằng nó là một giấc mơ, thì nó trở nên vô nghĩa. Một khi bạn đã tỉnh thức, thì những giấc mơ (là) tốt hay xấu, cái đó không quan trọng.

Với sự chứng ngộ, tình huống cũng tương tự. Tất cả những phương pháp đã được dùng, dù sao, chỉ là để tạo ra một tình huống mà trong đó giấc mơ của bạn bị phá vỡ. Việc bạn bị luyến chấp bao nhiêu vào giấc mơ, cái đó sẽ khác biệt nhau, từ cá nhân này sang cá nhân khác. Giấc ngủ của bạn sâu bao nhiêu, sẽ khác biệt, từ cá nhân này sang cá nhân nọ. Nhưng tất cả mọi phương pháp đều chỉ để lay động bạn, để sao cho bạn thức dậy. Vào điểm nào bạn sẽ thức dậy, cái đó không quan trọng chút nào cả.

Cho nên, cái "suy sụp và đột phá" (breakdown and breakthrough) của tôi thì không nhất thiết phải xảy ra cho mọi người. Nó xảy ra với tôi trong cách đó. Có những lý do tại sao nó xảy ra trong cách đó. Tôi đang làm việc một mình trên chính tôi (on myself), không bè bạn, không có những bạn đồng hành, không có cọng đồng (commune – công xã). Để làm việc một mình, người ta nhất thiết phải bước vào trong nhiều sự rắc rối, bởi vì có những khoảnh khắc mà chỉ có thể được gọi là những đêm tối của linh hồn. Quá tối đen và quá nguy hiểm, như thể bạn đã đến hơi thở cuối cùng của đời bạn, đây là cái chết, không là cái gì khác. Kinh nghiệm đó là một sự suy sụp thần kinh.

Đối mặt với sự chết, không có ai hỗ trợ và động viên bạn … không có ai để khuyên bạn đừng lo lắng, rằng cái này rồi sẽ qua đi. Hoặc, "Đây chỉ là một ác mộng, và buổi sáng thì gần, rất gần. Đêm càng tối, thì bình minh càng gần hơn. Đừng lo lắng." Xung quanh bạn, không có ai mà bạn có thể tin cậy, cũng không có ai tin cậy bạn - đó là lý do

cho sự suy sụp. Nhưng nó không nguy hại. Nó trông có vẻ nguy hại vào khoảnh khắc đó, nhưng chẳng bao lâu đêm đen sẽ biến đi, và bình minh ở đó, sự suy sụp đã trở thành sự đột phá.

Đối với mỗi cá nhân, nó (sự chứng ngộ) sẽ xảy ra một cách khác nhau. Và điều tương tự cũng đúng sau sự chứng ngộ: Việc diễn đạt về sự chứng ngộ sẽ khác nhau. Cái đó cũng tạo ra một khó khăn lớn.

Vì sự chứng ngộ xảy ra một cách khác nhau ở mỗi cá nhân, nó đã tạo ra một khó khăn lớn. Chẳng hạn, nếu tôi có ý định tạo ra một tôn giáo, thì điều sau đây sẽ là một điều căn bản trong nó: rằng bất cứ ai đạt tới chứng ngộ, trước hết sẽ phải trải qua một cơn suy sụp thần kinh, chỉ khi đó, anh ta mới có một sự đột phá. Đó là cách mà tất cả mọi tôn giáo được tạo ra: những cá nhân áp đặt kinh nghiệm riêng của họ lên toàn bộ nhân loại, không xét đến tính độc đáo của mỗi cá nhân. Và rồi, sau sự chứng ngộ, vấn đề cũ vẫn ở đó. Mahavira vẫn trần truồng; do vậy, những đệ tử của Mahavira trong 20 thế kỷ, những người đã đi theo Ngài tới cùng, họ vẫn giữ nguyên trạng thái trần truồng. Tình trạng trần truồng đã trở nên tuyệt đối cần thiết. Những người Jaina không nghĩ rằng, Buddha chứng ngộ bởi vì Ngài không trần truồng! Một hiện tượng cá nhân bây giờ trở thành một tiêu chí phổ quát – cái đó, cũng là sai lầm.

Cái đã xảy ra cho Mahavira là sự nở hoa (mang tính) cá nhân trong cách đó. Ngài thực sự là một trong số những người đàn ông đẹp từng hiện hữu, và hẳn sẽ là một điều đáng tiếc, nếu Ngài đã sử dụng y phục. Cơ thể của Ngài thật đáng chiêm ngưỡng.

Ngài là con trai của một vị vua, và phụ vương Ngài hết sức ưa thích nghệ thuật đô vật Ấn độ, và ông chuẩn bị cho Ngài về môn đó. Ông muốn Ngài là nhà vô địch của toàn đất nước – và Ngài đã có thể là nhà vô địch, cơ thể Ngài rắn chắc như thép. Ngài đã được nuôi dạy sao cho 24 giờ một ngày được dành cho một chủ đề duy nhất: trở thành nhà đô vật quán quân của toàn đất nước. Một cách tự

nhiên, cơ thể Ngài được chuẩn bị. Nó có sự cân đối, mọi phân đều được chăm sóc, tính đến. Những nhà đô vật vĩ đại huấn luyện cho Ngài, người ta tẩm quất Ngài, những chuyên gia cho Ngài uống dược thảo và thuốc men – trên mọi phương diện, Ngài được chuẩn bị.

Và rồi, Ngài từ bỏ thế gian. Thay vì trở thành một nhà đô vật, Ngài trở thành một thiền giả. Và khi Ngài hốt nhiên chứng ngộ, Ngài trút hết y phục. Ngài chỉ có một mảnh vải mà Ngài dùng để che thân, và sau khi chứng ngộ, trong khi Ngài đi xuống đồi, một người hành khất hỏi xin Ngài một cái gì đó, bởi vì trời quá lạnh, và ông ta thì không có gì cả. Và Mahavira nhìn vào chính mình: Ngài chỉ có một cái khăn quàng, bởi thế, Ngài xé cái khăn quàng thành hai mảnh, và cho người ăn xin một nửa. Một nửa, Ngài giữ lại cho chính mình – bây giờ, nó không đủ cho thân, và ngay khi Ngài đang đi từ ngọn đồi xuống thung lũng, gai của một bụi hoa hồng vướng vào cái mảnh khăn quàng của Ngài. Ngài ngoái nhìn ra sau, cười to, và nói, " Tệ quá! (this is too much) ! Ta chưa bao giờ từ chối ai cái gì, cho nên, ngươi (you) [18] có thể lấy luôn mảnh này. Dù sao, nó cũng không có ích gì. Ta đã hà tiện một cách không cần thiết với người hành khất đó, bởi vì anh ta sẽ làm gì với cái nửa đó? Nó đã không đủ che cho chính ta, thì hẳn nó cũng không đủ che cho anh ta. Ngươi (you) có thể lấy nó. Có lẽ người hành khất đó sẽ đi qua lối này, và anh ta sẽ lấy luôn mảnh này." Đó là cách mà Ngài trở nên trần truồng.

Nhưng Ngài tận hưởng mặt trời buổi sáng và làn không khí mát mẻ trong vùng quê nóng bức, vùng nóng nhất của Ấn độ, Bihar. Và nó cho cảm giác quá nhẹ nhàng, đến nỗi Ngài nghĩ, " Đâu là cái cần thiết?" Và Ngài đã không bao giờ hỏi xin bất cứ cái gì từ bất cứ ai. Ngài vẫn cứ ở trong tình trạng trần truồng đó. Nhưng cái này không nhất thiết là một giai đoạn mà mọi con người chứng ngộ phải đi qua. Đức Phật không bao giờ trần truồng, Lão Tử, Kabir không bao giờ trần truồng.

Do vậy, nó đã từng là một vấn đề rất có ý nghĩa cho những tôn giáo. Chúng (những tôn giáo) không thể chấp nhận những người chứng ngộ, chỉ vì những lý do nhỏ bé: họ không "ăn khớp" (fit – trùng khít) với những ý tưởng của các tôn giáo đó. Họ phải "ăn khớp" với một khái niệm nào đó, và cái khái niệm này thì được phái sinh từ chính người sáng lập ra chúng (các tôn giáo). Và không ai có thể trùng khít với cái khái niệm đó, cho nên mọi người (chứng ngộ) khác bị tố cáo như là không chứng ngộ.

Sự chứng ngộ là một bài ca rất cá nhân – luôn luôn không được biết đến, luôn luôn mới mẻ, luôn luôn độc nhất. Nó không bao giờ đến như là một sự lặp lại. Cho nên, đừng bao giờ so sánh hai người chứng ngộ với nhau; nếu không, bạn nhất thiết phải bất công với người này hoặc người kia, hay cả hai. Và đừng có bất cứ định kiến nào. Hãy đơn giản nhớ những phẩm chất rất "lỏng". Tôi nói " những phẩm chất lỏng, lưu chuyển" (liquid) , chứ không phải là những "tiêu chí cố định" (set qualification).

Thí dụ, mọi người chứng ngộ sẽ có sự im lặng sâu – hầu như sờ mó được. Trong sự có mặt của ông, những ai có tâm hồn rộng mở, dễ tiếp nhận, sẽ trở nên im lặng. Kẻ chứng ngộ sẽ có một sự mãn nguyện (contentment) bao la, bất luận cái gì xảy ra, nó không tạo ra sự khác biệt nào đối với sự mãn nguyện của vị ấy.

Ông sẽ không còn để lại bất cứ câu hỏi nào, mọi câu hỏi đã tự giải tan – không phải là ông biết mọi câu trả lời, nhưng mọi câu hỏi đã tự giải tan. Và trong trạng thái này, của sự im lặng hoàn toàn, vô trí (no – mind), ông có khả năng trả lời bất cứ câu hỏi nào, với sự sâu sắc cực lớn. Nó không cần sự chuẩn bị nào. Chính ông không biết là ông sẽ nói gì, nó đến một cách hồn nhiên; đôi khi, chính ông cũng ngạc nhiên. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông có những câu trả lời bên trong chính mình, được chuẩn bị sẵn. Ông không có câu trả lời nào cả. Ông chỉ đơn giản có sự "sáng tỏ" (clarity), một làn ánh sáng mà có thể được tập trung trên bất cứ câu hỏi nào, và (trên) tất cả

những hàm ý (implication) của câu hỏi, và tất cả những khả tính về câu trả lời trở nên rõ ràng.

Bạn có thể phát hiện rằng, đôi khi bạn hỏi một cái gì đó, và người chứng ngộ trả lời một cái gì khác. Điều đó xảy ra, bởi vì bạn không nhận biết về những hàm ý của câu hỏi của chính bạn. Ông không chỉ trả lời cho những từ ngữ của bạn. Ông trả lời bạn. Ông trả lời cho cái tâm trí mà đã làm phát sinh câu hỏi. Cho nên, nhiều lúc câu hỏi và câu trả lời có vẻ như không ăn nhập với nhau, nhưng chắc chắc là chúng gặp gỡ nhau. Chỉ có điều, là bạn sẽ phải đào sâu một chút vào trong câu hỏi, và bạn sẽ phát hiện rằng, đó chính xác là câu hỏi. Nhiều lần, bạn phát hiện ra rằng, bạn hiểu câu hỏi của bạn lần đầu tiên, khi nó được trả lời, bởi vì bạn không nhận biết được cái chiều kích đó, bạn không nhận biết được chính cái tâm trí của bạn, cái vô thức của bạn, từ đâu mà những từ ngữ của bạn đã sinh ra.

Nhưng người chứng ngộ không có câu trả lời nào cả, không có kinh điển, không có dấu chấm hỏi nào. Ông chỉ đơn giản là "có sẵn" (available) ở đó, y như một tấm gương, ông đáp ứng, và ông đáp ứng với sự nồng nàn và sự toàn bộ.

Cho nên, có những tính chất uyển chuyển, không phải là "tiêu chí cố định." Đừng nhìn vào những điều nhỏ nhặt – ông mặc cái gì, ông ăn cái gì, ông sống ở đâu – tất cả những cái này đều không ăn nhập. Hãy đơn giản tìm kiếm lòng từ bi của ông, sự tin cậy (trust) của ông. Ngay cả khi bạn lợi dụng lòng tin cậy của ông, thì cái đó cũng không làm thay đổi cái lòng tin cậy của ông. Ngay cả khi bạn lạm dụng (misuse) lòng từ bi của ông, lừa gạt tình yêu của ông, thì cái đó cũng không tạo ra sự khác biệt nào. Đó là vấn đề của bạn. Sự tin cậy của ông, lòng từ bi của ông, tình yêu của ông vẫn y nguyên như cũ.

Nỗ lực duy nhất của ông trong đời, sẽ là, làm thế nào cho bạn tỉnh giấc. Bất luận cái gì ông làm, cái này là mục đích duy nhất đằng sau mọi hành vi: làm thế nào cho mỗi lúc càng thêm nhiều người tỉnh

thức, bởi vì, qua sự tỉnh thức, ông đã đi tới chỗ biết được cái phúc lạc tối hậu của cuộc sống.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Sự trống rỗng: tạm dịch như trên. Nhưng trong văn cảnh này, nó chính là "tánh không" trong Phật giáo. Mà đã là "tánh không" – thì dĩ nhiên nó không còn là sự "trống rỗng" thông thường. Các bậc giác ngộ thường nói" "chân không, diệu hữu."

[2] No – mind" : Tạm dịch là "vô – trí." Đây là một trong những "từ chìa khóa" của Osho., chỉ "trạng thái" hoàn toàn vượt ra ngoài sự khống chế của "tâm trí". Trước đây, nó thường được dịch là "vô tâm". Gần đây, nhiều người dịch nó là "vô trí." Theo tôi, cả 2 cách dịch đều có thể "chấp nhận được." Tôi chọn cách dịch "vô trí", bởi tôi thấy chữ "tâm" có nghĩa quá rộng.

[3] You: từ "bạn" ở đây có nghĩa là "người ta" – dùng theo nghĩa bất định.

[4] Theo kinh điển Phật giáo, thì đây chính là trạng thái "vô ngã."

[5] Osho muốn nói: "trạng thái" giác ngộ đã có sẵn ngay trong mỗi người, nhưng ta không nhận biết mà thôi. Do vậy, chỉ cần "tìm lại", chứ không cần chạy tìm ở bên ngoài. Kinh điển Phật giáo cũng nói tương tự: Phật tính có sẵn trong mọi người, nhưng do "vô minh" che lấp, nên ta không nhận biết. Cho nên, ta chỉ cần "tìm lại" cái đã có sẵn bên trong mình. Sự chứng ngộ mà Osho nói ở đây, dĩ nhiên nó chỉ ở thế tiềm năng, chứ chưa phải là hiện thực.

[6] Từ "tâm trí" (mind) ở đây phải hiểu là "trí năng" biện biệt, không phải là "trí tuệ Bát nhã" vượt lên "trí năng."

[7] Có lẽ Osho muốn "diễn nôm" câu nói của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh: " Đạo khả đạo phi thường Đạo, danh khả danh phi thường

danh.” Câu này ý nghĩa rất sâu xa. Ơ đây, tạm hiểu rằng: không thể dùng ngôn ngữ - là cái tương đối – để diễn đạt chân lý, là cái Tuyệt đối.

[8] Bạn đọc hẳn còn nhớ: sau 7 năm sống với ông bà ngoại, Osho về sống với cha mẹ đẻ của mình

[9] Nguyên tác: “ I had been working upon myself.” Ý nói, đối tượng của sự “làm việc” là chính mình

[10] Osho muốn nói: khi hốt nhiên chứng ngộ, ông đã thoát ra ngoài “cái tôi” – đã “trở thành” vô ngã., cho nên, không thể nói “tôi làm cho nó ngừng lại.” – vì nói như vậy, là vẫn còn cái tôi, chưa đạt tới “vô ngã.”

[11]Hopeless: “ vô vọng”, “vô hy vọng.” Bạn đọc lưu ý: từ “vô hy vọng” ở đây có nghĩa rất “tích cực”. Có thể nói, có 2 loại “vô vọng”: 1. Cái “vô vọng” của người còn bị “bản ngã.”chi phối. Nó có nghĩa “tiêu cực”, nó đồng nghĩa với “tuyệt vọng”, khổ đau. 2. Cái “vô vọng” của người đã thoát ra khỏi “bản ngã” – đã trở thành “vô ngã.” Đây là cái “vô vọng” của Osho, và của những vị đã chứng ngộ khác. Từ “vô hy vọng” ở đây đồng nghĩa với “vô cầu”, ”vô sở cầu.”

[13] Trong cuốn “Krishnamurti‘s Note Book” (bản dịch Việt ngữ của Ẩn Hạc, nhan đề “Bút Hoa”), Krishnamurti cũng có một “kinh nghiệm” tương tự - dĩ nhiên, cũng có chỗ khác nhau

[14] The whole: “cái toàn bộ.” Theo Osho – và rất nhiều triết gia, nhiều nhà thần bí – thì mỗi “cá thể” đều là thành phần của “cái toàn bộ”, không độc lập, không tách rời khỏi “cái toàn bộ”, như một giọt nước là thành phần của đại dương. Theo họ, “ cái tôi” chỉ là một ảo ảnh, không hề có thực. “ Cái tôi” chỉ là một sản phẩm của ý thức con người.

[15] Bạn đọc lưu ý: từ “Thượng đế” ở đây không có cái nghĩa thông thường , có lẽ nó gần với chữ “Đạo” của Lão tử nhiều hơn.

[16] Ý nói: khi ta “nhìn” thế giới một cách trực tiếp, hồn nhiên, không qua “khái niệm”, thì thế giới sẽ xuất hiện đúng như “bản lai diện mục” của nó. Đây hẳn là cái được gọi là “kiến tánh” theo ngôn ngữ Phật giáo.

[17] Theo Phật giáo, thì những “điều kiện” ấy được gọi là “duyên.” (có khi là “nhân.”

[18] Những câu này, hình như Mahavira vừa “nói thầm với mình”, vừa nói với người hành khất (những dòng in nghiêng), lúc này đã không còn ở đó.

PHẦN I: CHƯƠNG V

MÀI SẮC THANH GƯƠM

Ngay từ thời thơ ấu, tôi đã ưa thích kể những câu chuyện, thật và bịa. Tôi không hề ý thức rằng, việc kể chuyện này sẽ cho tôi một khả năng diễn đạt khúc chiết (articulateness) và cái đó sẽ là một trợ giúp rất lớn cho tôi sau khi chứng ngộ.

Nhiều người trở nên chứng ngộ, nhưng không phải tất cả họ đều trở thành đạo sư – vì lý do đơn giản, là họ không có "biện tài" (articulate), họ không thể diễn đạt cái mà họ cảm thấy, không thể truyền đạt cái mà họ đã thể nghiệm. Bây giờ, với tôi, chỉ là sự tình cờ ngẫu nhiên mà tôi trở thành đạo sư, và tôi nghĩ, với một số ít người mà đã trở thành đạo sư thì hẳn là cũng vậy - bởi vì không hề có một khoá huấn luyện nào dành cho việc đó. Và chỉ tôi dám chắc chắn về chính mình.

Khi sự chứng ngộ đến, trong bảy ngày đầu tiên tôi không thể nói ra lời; sự im lặng thì quá sâu xa, đến nỗi ngay cả ý tưởng nói một cái gì về nó đã không khởi lên. Nhưng sau bảy ngày, một cách chậm rãi, khi tôi trở nên quen với sự im lặng, quen với niềm phúc lạc to lớn, thì ước vọng muốn chia sẻ nó – một khao khát lớn lao, muốn chia sẻ nó với những người mà tôi mến yêu – là rất tự nhiên.

Tôi bắt đầu nói với những người mà tôi có quan hệ trong một cách nào đó, những bạn hữu. Trước đây, tôi vẫn thường nói chuyện với những người này trong nhiều năm, nói về đủ thứ chuyện. Tôi đã chỉ ưa thích một loại "bài tập", và do trau dồi kỹ năng nói chuyện, cho nên, không khó khăn mấy khi bắt đầu nói về sự chứng ngộ – mặc dù phải mất nhiều năm để "tinh luyện" (refine), đưa vào lời nói một cái gì đó về sự im lặng của tôi, một cái gì đó về niềm vui của tôi.

1953 – 1956

SINH VIÊN ĐẠI HỌC

Những học giả thì cực kỳ "sở trường" trong việc hủy diệt tất cả những gì đẹp đẽ bằng những bình luận của họ, những thuyết minh của họ, cái mệnh danh là sự học vấn (learning) của họ. Họ làm cho mọi thứ trở nên nặng nề, đến nỗi với họ, ngay cả thi ca cũng trở nên phi thi ca (nonpoetic). Chính tôi không bao giờ dự bất cứ giờ học thi ca nào tại trường đại học. Tôi cứ thường xuyên bị ông khoa trưởng gọi lên, và ông nói, " Anh dự những giờ học khác, tại sao anh không đến dự những giờ học thi ca?"

Tôi nói, " Bởi vì em muốn giữ cho cái lòng yêu thích của em đối với thi ca được sống. Em yêu thi ca, đó là lý do tại sao. Và em biết một cách hoàn toàn rõ, rằng những giáo sư của đại học này thì tuyệt đối phi thi ca (unpoetic); họ chưa bao giờ biết chút thi ca nào trong đời họ. Em biết họ một cách hoàn toàn rõ. Sáng nào người đàn ông dạy thi ca tại trường đại học cũng đi bộ với em Em chưa bao giờ thấy ông nhìn cây cỏ, lắng nghe tiếng chim, ngắm bình minh đẹp."

Và ở trường đại học mà tôi đang theo học, bình minh và hoàng hôn là một cái gì đó vô cùng đẹp. Trường đại học nằm trên một ngọn đồi, vây quanh bởi những cái gò (hillock) nhỏ xung quanh. Tôi đã du hành khắp Ấn độ, và tôi chưa bao giờ thấy ở đâu có bình minh và hoàng hôn đẹp như vậy. Vì lý do huyền bí và ẩn mật nào đó, đại học Sagar có một địa thế đặc biệt, nơi mà những đám mây trở nên quá nhiều màu sắc vào buổi bình minh và hoàng hôn, đến mức ngay cả một người mù cũng sẽ (trở nên) nhận biết, rằng một cái gì đó hết sức đẹp đang xảy ra.

Nhưng tôi chưa bao giờ thấy ông giáo sư đang dạy thi ca tại trường đại học nhìn hoàng hôn, hay dừng lại thậm chí trong một khoảnh khắc. Và bất cứ khi nào ông thấy tôi ngắm bình minh hay

hoàng hôn, hay cây cỏ, hay chim chóc, ông thường hỏi tôi, " Tại sao anh lại ngồi ở đây? Anh đến để đi bộ buổi sáng cơ mà– hãy tập thể dục đi."

Tôi nói, " Đối với em, đây không phải là một bài tập thể dục. Thầy đang tập thể dục; với em, nó là một chuyện tình."

Và khi trời mưa, ông thường không bao giờ ra ngoài. Bất cứ khi nào trời mưa, tôi thường đến gõ cửa phòng ông và nói, " Ta đi nào!"

Ông nói, " Nhưng trời đang mưa mà!"

Tôi nói, " Đây là thời điểm đẹp nhất để đi bộ, bởi vì những đường phố thì tuyệt đối trống không. Và đi bộ mà không có ô trong khi trời mưa, thì quá đẹp, quá thơ mộng!"

Ông nghĩ là tôi điên – nhưng một người chưa bao giờ đi dưới mưa, dưới cây, thì không thể nào hiểu được thi ca. Tôi nói với ông trưởng khoa, "Người đàn ông này không có hồn thơ (poetic), ông ta hủy diệt mọi thứ. Ông ta quá "học giả" (scholarly) mà thi ca là một hiện tượng quá "phi học giả" (unscholarly) đến nỗi không có cái mảnh đất chung nào giữa ông ta và thi ca."

Những trường đại học hủy diệt cái mối quan tâm (interest) và lòng yêu thi ca của người ta.[1] Chúng hủy diệt toàn bộ ý tưởng của bạn về ý nghĩa cuộc đời - sống thế nào cho ra sống; chúng càng ngày càng biến nó thành một thứ hàng hoá. Chúng dạy bạn làm thế nào để kiếm nhiều tiền hơn, nhưng chúng không dạy bạn làm thế nào để sống sâu sắc, làm thế nào để sống một cách toàn bộ – và đây là nơi mà bạn có thể có được những thoáng nhìn. Đây là nơi có những cánh cửa nhỏ mở vào cái (chân lý) tối hậu. Bạn được nói cho biết giá trị của tiền bạc, nhưng không được nói cho biết giá trị của một bông hồng. Bạn được dạy cho biết giá trị của một vị thủ tướng hay tổng thống, nhưng không được bảo cho biết giá trị của một nhà thơ, một

họa sĩ, một ca sĩ, một vũ công. Người ta nghĩ rằng, những cái đó là dành cho những người điên. [2]

Sau khi nhận bằng B.A, tôi rời Jabalpur, bởi vì một trong các vị giáo sư tại đại học Sagar, S. S Roy, khẩn khoản (persistently) yêu cầu tôi, viết thư, gọi điện cho tôi để nói, " Sau khi đỗ B.A, anh hãy vào đại học này, để học chương trình sau đại học."

Từ đại học Jabalpur đến đại học Sagar, cũng không xa mấy – 100 dặm. Nhưng đại học Sagar, trên nhiều phương diện, thì rất độc đáo, có một không hai (unique). Nó là một đại học nhỏ so với đại học Benares hay Aligarh, là những đại học có 10 – 12 ngàn sinh viên. Chúng cũng giống y như đại học Oxford hay Cambridge – những đại học lớn, những tên tuổi lớn. Đại học Sagar chỉ có 1000 sinh viên, và gần 300 giáo sư, do vậy, cứ 3 sinh viên, thì có 1 giáo sư. Nó là một nơi hiếm hoi; có lẽ không nơi nào trên thế giới mà bạn có thể tìm thấy một đại học khác, nơi mà có 1 giáo sư cho 3 sinh viên.

Người đã sáng lập trường đại học này quen biết tất cả những giáo sư giỏi nhất khắp thế giới. Sagar là nơi sinh của ông; Tiến sĩ Harisingh Gaur là tên ông. Ông là một thẩm quyền nổi tiếng thế giới về luật học, và ông kiếm được quá nhiều tiền – và không bao giờ bố thí một đồng pisa nào cho hành khất, cho bất cứ tổ chức nào, cho hội từ thiện nào. Ông được biết đến như là người hà tiện nhất trong toàn bộ nước Ấn độ. Và rồi ông sáng lập trường đại học này, và hiến tặng toàn bộ tiền dành dụm suốt đời của mình. Nó lên tới hằng triệu Mỹ kim.

****

Ông nói với tôi, " Đó là lý do tại sao tôi là một người hà tiện; nếu không thế, thì không có cách nào khác – tôi là một người nghèo, tôi xuất thân là một người nghèo. Nếu tôi làm việc từ thiện, và tài trợ cho

bệnh viện này hay người hành khất này, và kẻ mồ côi nọ, thì trường đại học này đã không thể nào hiện hữu." Suốt đời mình, ông chỉ cưu mang một ý tưởng, rằng nơi sinh của ông phải có một trong những trường đại học tốt nhất trên thế giới. Và chắc chắn là ông đã tạo ra một trong những trường đại học tốt nhất. Trong thuở sinh thời, ông xoay xở thành công trong việc đưa những giáo sư từ khắp thế giới về đó. Ông trả lương gấp đôi, gấp ba, bao nhiêu tùy họ ở họ - và không có công việc (no work), bởi vì chỉ có 1000 sinh viên. Và ông mở tất cả mọi phân khoa – không có sinh viên, nhưng với một ban giảng huấn (staff) đầy đủ: trưởng khoa, giáo sư phụ giảng, giảng viên. Ông thường nói, " Đừng lo lắng. Trước hết, cứ tạo ra trường đại học – và làm cho nó trở thành tốt nhất. Sinh viên sẽ đến, sẽ phải đến."

Do vậy, những vị giáo sư và những trưởng khoa đều đang tìm kiếm những sinh viên giỏi nhất. Và vì lý do nào đó vị giáo sư này, S,S Roy, là trưởng khoa triết, đã để mắt đến tôi.

Hằng năm, tôi thường đến đại học Sagar để dự cuộc thi hùng biện (debating competition) liên đại học. Trong 4 năm, tôi đều đoạt giải, và trong 4 năm, trên cương vị giám khảo, ông lắng nghe tôi nói – ông là một trong những vị giám khảo. Năm thứ tư, ông mời tôi về nhà ông, và nói, "Hãy nghe đây, tôi đợi anh suốt năm. Tôi biết rằng, sau một năm, khi cuộc thi hùng biện liên đại học kế tiếp được tổ chức, thế nào anh cũng sẽ có mặt ở đó.

" Cái cách mà anh trình bày những luận cứ của mình thật kỳ lạ. Đôi khi nó quá kỳ khôi, đến nỗi tôi tự hỏi … làm thế nào anh có thể nhìn từ góc độ này? Chính tôi đã từng suy nghĩ về một vài vấn đề, nhưng tôi không bao giờ nhìn từ khía cạnh đó. Tôi có ấn tượng rằng anh tiếp tục vứt bỏ đi bất cứ khía cạnh nào mà có thể xuất hiện với một tâm trí bình thường, và anh chỉ chọn cái khía cạnh mà có lẽ không một ai nghĩ tới.

“ Trong 4 năm, anh đã đoạt giải, vì lý do đơn giản là cái luận cứ (của anh) thì độc đáo, và không có ai sẵn sàng trả lời nó. Thậm chí, họ chưa hề nghĩ về nó, cho nên họ đơn giản bị sốc. Những đối thủ của anh – anh làm cho họ bé lại một cách thê thảm, người ta cảm thấy thương hại họ, nhưng chúng tôi có thể làm gì được? Và tôi vẫn cho anh 99 điểm trên 100. Tôi muốn cho anh điểm trên 100, nhưng ngay cả 99… Người ta đã cho rằng tôi thiên vị.. Họ nói rằng, số điểm này là quá nhiều, bởi vì không có ai vượt quá 50.

“ Tôi đã gọi anh tới nhà dùng bữa tối, để mời anh rời đại học Jabalpur và đến đây. Bây giờ, đây là năm thứ tư của anh, anh sẽ hoàn tất chương trình cử nhân khi anh tốt nghiệp. Để học tiếp chương trình sau đại học, anh sẽ đến đây. Tôi không thể thiếu anh với tư cách là sinh viên của tôi; nếu anh không đến đây, thì tôi sẽ đến dạy tại đại học Jabalpur.”

Và ông là một thẩm quyền nổi tiếng; nếu ông muốn đến, trường đại học Jabalpur hẳn đã vô cùng vui sướng tiếp nhận ông vào chức vụ trưởng khoa. Tôi nói, “ Không, không cần phải rắc rối như thế. Em có thể đến đây, và em yêu nơi này.” Nó có lẽ là trường đại học có địa thế đẹp nhất trên thế giới, trên những ngọn đồi gần một cái hồ hết sức mênh mông. Nó quá yên tĩnh – những cây rất cao, rất cổ xưa – đến nỗi chỉ cần đưa sinh viên đến đó thôi, cũng đủ cho việc giáo dục rồi.

Và Tiến sĩ Harisingh Gaur hẳn là một người mê sách vĩ đại. Ông hiến tặng toàn bộ thư viện của mình, và ông xoay xở để kiếm được càng nhiều sách càng tốt, từ mọi xó xỉnh của thế giới. Nỗ lực của một người đơn lẻ… thật là hiếm hoi; ông tạo ra “Oxford,” hoàn toàn một mình, đơn thương độc mã. Oxford được tạo ra trong hơn một ngàn năm; hằng ngàn người đã từng làm việc. Công trình của người đàn ông này thực sự là một tác phẩm nghệ thuật. Hoàn toàn đơn độc, với tiền túi của mình, ông đem chính bản thân mình ra đặt cược.

Cho nên tôi yêu nơi này. Tôi nói, " Thầy đừng lo lắng, em sẽ đến – nhưng Thầy chỉ mới thấy em trong những cuộc thi. Thầy không biết nhiều về em; em có thể gây rắc rối cho Thầy, em là một kẻ gây phiền hà. Em muốn Thầy biết mọi thứ trước khi Thầy quyết định."

Giáo sư S.S Roy nói, " Tôi không muốn biết bất cứ cái gì về anh. Một chút ít mà tôi đã biết, chỉ bằng cách nhìn thấy anh, đôi mắt anh, cách nói của anh, cách anh tiếp cận thực tại, là đủ. Và đừng cố hù dọa tôi về sự phiền hà rắc rối – anh có thể làm bất cứ cái gì mà anh muốn."

Ngày đầu tiên tôi đến dự giờ học của ông, giáo sư Roy đang giảng về khái niệm Cái Tuyệt Đối. Ông là một thẩm quyền về Bradley và Shankara. [3] Cả hai đều tin vào Cái Tuyệt Đối – đó là tên gọi mà họ dành cho Thượng đế.

Tôi hỏi ông một điều, mà đã khiến cho ông đối xử rất thâm tình với tôi, và ông mở trọn vẹn trái tim mình ra với tôi trong mọi cách có thể được. Tôi chỉ hỏi, "Cái Tuyệt Đối của Thầy có hoàn hảo không? Nó đã đến một chỗ ngừng hoàn toàn, hay nó vẫn đang phát triển? Nếu nó còn đang phát triển, thì nó không tuyệt đối, nó bất toàn – chỉ khi đó nó mới phát triển được. Nếu có thể thêm vào (nó) một cái gì đó - thêm một vài cành, thêm một vài bông hoa – thì nó sống. Nếu nó là hoàn chỉnh, vẹn toàn - đó là nghĩa của từ tuyệt đối – thì, sẽ không có khả tính nào cho sự tăng trưởng, thì nó chết." Cho nên tôi hỏi ông, " Xin hãy rõ ràng, bởi vì với Bradley và Shankara, Cái Tuyệt Đối đại diện cho Thượng đế; đó là tên gọi triết học của họ dành cho Thượng đế. Vậy Thượng đế của Thầy còn sống hay đã chết? Thầy phải trả lời câu hỏi này."

Ông thực sự là một người trung thực. Ông nói, " Xin cho tôi thời gian để suy nghĩ." Ông có một học vị tiến sĩ về Bradley [4] từ Oxford, một học vị tiến sĩ nữa về Shankara từ Benares, và người ta nghĩ rằng ông là thẩm quyền lớn nhất về hai triết gia này, bởi vì ông đã cố

chứng minh rằng Bradley, từ phương Tây, và Shankara, từ phương Đông, đã đi tới cùng một kết luận như nhau. Ông nói, “Xin cho tôi thời gian để suy nghĩ.”

Tôi nói, “ Suốt đời, Thầy đã viết về Bradley và Shankara, và về Cái Tuyệt Đối – em đã đọc những cuốn sách của Thầy, em đã đọc luận án chưa xuất bản của Thầy. Và Thầy đã giảng dạy suốt đời mình – thế mà chưa ai từng hỏi Thầy một câu hỏi đơn giản như thế hay sao?”

Ông nói, “ Chưa ai từng hỏi tôi; không chỉ thế, ngay cả chính tôi cũng chưa bao giờ nghĩ về nó – nhưng chắc chắn, nếu một cái gì đó là hoàn hảo, thì nó phải chết. Bất cứ cái gì còn sống, thì nó phải bất toàn. Ý tưởng này chưa bao giờ xuất hiện ra với tôi. Do vậy, hãy cho tôi thời gian suy nghĩ.”

Tôi nói, “Thầy có thể để ra bao nhiêu thời gian tùy ý. Hằng ngày em sẽ đến và hỏi cùng một câu hỏi.” Và nó cứ tiếp tục trong 5 – 6 ngày. Mỗi ngày, tôi sẽ bước vào lớp và ông thường đến, run rẩy, và tôi thường đứng lên và nói, “Câu hỏi của em.”

Ông nói, “ Xin tha thứ cho tôi, tôi không thể quyết định được. Với cả hai phía, đều có một khó khăn. Tôi không thể nói Thượng đế là bất toàn; tôi cũng không thể nói rằng Thượng đế chết. Nhưng mà anh đã chinh phục trái tim tôi.”

Ông dời những vật dụng của tôi từ nhà trọ đến nhà ông. Ông nói, “Anh không thể sống tại nhà trọ lâu hơn nữa. Anh phải đến sống với tôi và gia đình tôi. Tôi có nhiều cái phải học từ anh – bởi vì một câu hỏi đơn giản như thế chưa từng hiện ra với tôi. Tất cả những học vị của tôi đã bị hủy bỏ.” [5]

Tôi sống với ông gần 6 tháng trước khi ông chuyển sang một đại học khác. Ông muốn tôi di chuyển với ông, nhưng ông phó viện trưởng (vice – chancelor) của tôi thì không chịu. Ông ta nói, " Giáo sư Roy, ông có thể đi. Các vị giáo sư có thể đến và đi, nhưng chúng tôi có thể sẽ không tìm thấy một sinh viên như thế một lần nữa. Cho nên, tôi sẽ không cấp chứng chỉ cho anh ta và tôi sẽ không cho phép anh ta rời trường đại học. Và tôi sẽ viết thư cho đại học của ông, bảo họ rằng không được nhận sinh viên của tôi vào học ở đó!"

Nhưng ông (giáo sư Roy) tiếp tục yêu mến tôi. Đó là một hiện tượng hiếm hoi. Ông thường đến hầu như hằng tháng, để thăm tôi, từ đại học của ông, cách xa gần 200 dặm. Nhưng ông thường đến ít nhất một lần một tháng, chỉ để thăm tôi, chỉ để ngồi với tôi. Và ông nói, " Bây giờ tôi đang kiếm được một số lương khá hơn, và ở đó mọi sự thoải mái hơn, nhưng tôi nhớ (miss) anh. Lớp học có vẻ như chết. Không ai hỏi những câu hỏi như anh, những câu hỏi mà không thể nào trả lời."

Và tôi đã nói với ông, " Đây là một thỏa thuận giữa em và Thầy, rằng em gọi một câu hỏi là câu hỏi, chỉ khi nào nó không thể được trả lời. Nếu nó có thể được trả lời, thì nó là loại câu hỏi gì chứ?"

* * * * * * * * * * * *

Tôi thường đi bộ, mang sandal Ấn làm bằng gỗ. Nó đã được dùng bởi những sannyasin trong nhiều thế kỷ, hầu như 10 ngàn năm, hay có lẽ lâu hơn. Một đôi sandal gỗ… bởi vì nó tránh bất cứ loại da thuộc nào, phải đến từ một con vật mà có thể đã bị giết, và bị giết cho một mục đích duy nhất này – và da thuộc tốt nhất đến từ những con vật còn rất non. Do vậy, những sannyasin đã tránh điều đó và họ dùng sandal gỗ. Nhưng nó gây ra quá nhiều tiếng ồn khi bước đi, bạn có thể nghe âm thanh của nó – dù cách xa một dặm. Và khi đi bộ

trên một con đường bằng xi-măng, hay trên veranda của đại học… thì cả đại học đều biết. Toàn thể trường đại học thường biết là tôi đang đến hay đang đi; không cần phải thấy tôi, chỉ cần nghe tiếng sandal là đủ.

Vào ngày đầu tiên khi tôi bước vào lớp triết của trường đại học, tôi gặp Tiến sĩ Saxena lần đầu tiên. Tôi thực sự dành lòng yêu mến và kính trọng đặc biệt cho một vài vị giáo sư. Đây là hai vị giáo sư mà tôi yêu mến nhất – giáo sư S.K. Saxena và giáo sư S.S. Roy – và vì lý do đơn giản, là họ không đối xử với tôi như là một sinh viên.

Khi tôi bước vào lớp của tiến sĩ Saxena ngày đầu tiên, với đôi sandal gỗ, ông nom có vẻ hơi bối rối một chút. Ông nhìn vào đôi sandal của tôi và hỏi tôi, "Tại sao anh dùng sandal gỗ? Nó gây quá nhiều tiếng ồn."

Tôi nói, " Chỉ để làm cho ý thức của em được tỉnh giác (alert)."

Ông nói, " Ý thức? Có phải là anh đang cố giữ cho ý thức anh tỉnh giác trong nhiều cách khác nữa?"

Tôi nói, " 24 giờ một ngày em đang cố làm cái đó, trong mọi cách có thể được: đi, ngồi, ăn, và ngay cả ngủ. Và Thầy có thể tin hay không, rằng chỉ mới gần đây, em đã thành công trong việc nhận biết (aware) và tỉnh giác ngay cả trong giấc ngủ."

Ông nói, " Giờ học được bãi bỏ – anh hãy đi với tôi đến văn phòng." Cả lớp nghĩ rằng tôi đã gây rắc rối cho chính mình vào ngày đầu tiên. Ông đưa tôi vào phòng làm việc của mình và lấy từ kệ sách cái luận án tiến sĩ của ông, mà ông đã viết cách đó ba năm. Nó nói về ý thức. Ông nói, "Cầm lấy nó. Nó đã được xuất bản bằng tiếng Anh, và rất nhiều người tại Ấn đã xin phép dịch sang tiếng Hindi – những học giả lớn, rất thông thạo tiếng Anh và tiếng Hindi. Nhưng tôi đã không cho phép một ai, bởi vì vấn đề không phải là việc bạn có tinh

thông về ngôn ngữ hay không; tôi đang tìm một người biết ý thức là cái gì – và tôi có thể thấy trong mắt anh, trên khuôn mặt anh, qua cách mà anh trả lời … anh phải dịch cuốn sách này."

Tôi nói, " Đây là điều khó, bởi vì em không thạo tiếng Anh, em cũng không thạo tiếng Hindi. Hindi là tiếng mẹ đẻ của em, nhưng em chỉ biết ở mức độ như mọi người biết tiếng mẹ đẻ của mình. Em tin vào định nghĩa của "tiếng mẹ đẻ." Tại sao mọi ngôn ngữ được gọi là "tiếng mẹ đẻ?" Bởi vì người mẹ nói và người cha lắng nghe – và đó là cách mà con cái học. Đó là cách mà em đã học." [6]

" Cha em là một người ít nói; mẹ em nói và ông lắng nghe – và em học thứ ngôn ngữ đó. Nó chỉ đơn giản là tiếng mẹ đẻ, em không biết nhiều. Hindi chưa bao giờ là môn học của em. Tiếng Anh, thì em chỉ biết chút ít, và cái đó chỉ vừa đủ cho những cái mệnh danh là những kỳ thi của quý vị, nhưng để dịch môt cuốn sách mà nó lại là một luận án tiến sĩ … Thế mà, Thầy lại giao nhiệm vụ ấy cho một sinh viên à?"

Ông nói, " Đừng lo lắng – tôi biết anh có khả năng làm việc đó."

Tôi nói, " Nếu Thầy tin cậy em, em sẽ cố hết sức. Nhưng có một điều em phải nói với Thầy, rằng nếu em phát hiện ra một cái gì sai trong đó, thì em sẽ ghi chú bên dưới, và nó nên được sửa lại như thế nào. Nếu em thấy một cái gì đó thiếu sót, thì em sẽ sẽ làm một footnote [7] rằng một cái gì đó bị thiếu, và đây là cái phần bị thiếu."

Ông nói, " Tôi đồng ý. Tôi biết có nhiều cái bị thiếu trong nó. Nhưng mà anh làm tôi ngạc nhiên: anh thậm chí chưa thấy cuốn sách, anh thậm chí chưa mở nó ra. Làm thế nào mà anh biết rằng sẽ có nhiều cái bị thiếu sót trong nó?"

Tôi nói, " Bằng cách nhìn Thầy. Chỉ cần nhìn em, Thầy có thể thấy rằng rằng em là người thích hợp để dịch nó - qua sự kiện đó, em có

thể thấy một cách hoàn toàn, Tiến sĩ Saxena ạ, rằng Thầy không phải là người thích hợp để viết nó!"

Và ông quá ưa thích cuộc đối thoại đó, đến nỗi ông kể lại với mọi người! Cả trường đại học đều biết về cuộc đối thoại đã diễn ra giữa ông và tôi. Trong kỳ nghỉ hè hai tháng kế đó, tôi đã dịch cuốn sách, và làm những ghi chú. Khi tôi đưa ông xem, có những giọt nước mắt vui sướng trong mắt ông. Ông nói, " Tôi biết chắc chắn rằng có một cái gì đó bị thiếu ở đây, nhưng tôi không thể phát hiện ra, bởi vì tôi chưa bao giờ thực tập nó. Tôi chỉ đơn thuần đang sưu tầm tất cả thông tin về "ý thức," từ những kinh điển phương Đông. Tôi đã thu thập nhiều, và rồi, từ đó tôi bắt đầu sắp xếp và phân loại. Tôi phải mất gần 7 năm để hoàn tất luận án của mình." Ông đã làm một công trình có tính hàn lâm rất lớn – nhưng chỉ có tính hàn lâm thôi. Tôi nói, " Nó có tính hàn lâm, nhưng nó không phải là công trình của một thiền giả. Và em đã làm những ghi chú này – rằng luận án này chỉ có thể được viết bởi một học giả, chứ không phải là một thiền giả."

Ông nhìn vào tất cả những trang đó, và nói với tôi, " Nếu anh là một trong những giám khảo của luận án này, chắc hẳn là tôi đã không có được học vị tiến sĩ! Anh đã phát hiện chính xác những chỗ mà tôi đã thấy nghi nghi, nhưng mà những gã khùng đã chấm nó thì thậm chí không nghi hoặc gì cả. Nó đã được khen ngợi rất nhiều."

Ông là một giáo sư tại Mỹ trong nhiều năm, và cuốn sách của ông thực sự là một tác phẩm hàn lâm bất hủ (monumental); nhưng không ai phê bình ông, không ai chỉ ra những điều đó. Cho nên tôi hỏi ông, " Bây giờ Thầy định làm gì với bản dịch này?"

Ông nói, " Tôi không thể xuất bản nó. Sau cùng tôi đã tìm thấy một dịch giả – nhưng mà anh là một giám khảo nhiều hơn là dịch giả! Tôi sẽ cất giữ nó nhưng tôi không thể xuất bản nó. Với những ghi chú của anh, và với lời bình luận của anh, nó sẽ hủy hoại toàn bộ uy tín

của tôi – nhưng tôi đồng ý với anh." Thật ra, ông nói, " Nếu tôi có quyền hạn, tôi sẽ tặng anh một học vị tiến sĩ, chỉ dành cho những ghi chú biên tập và những ghi chú cuối trang, bởi vì anh đã phát hiện một cách chính xác những chỗ mà chỉ một thiền giả mới có thể phát hiện; một phi thiền giả (nonmeditator) không có cách nào phát hiện ra chúng."

Do vậy, ngay từ đầu, toàn bộ đời tôi đã quan hệ tới hai điều: 1. không bao giờ cho phép bất cứ một điều thiếu trí tuệ nào áp đặt lên mình, chiến đấu chống lại tất cả mọi loại ngu xuẩn, bất chấp hậu quả nào, và 2. hợp lý (rational), hợp logic (logical), cho đến cùng. Đây là một mặt, mà tôi thường sử dụng với tất cả những người mà tôi tiếp xúc. Và mặt kia, là hoàn toàn riêng tư, của riêng tôi: trở nên ngày càng tỉnh giác hơn, để mà sau cùng tôi không chỉ là một "nhà trí thức" (intellectual).

Tôi nhớ lại một trong những phó viện trưởng của tôi. Ông là một nhà sử học nổi tiếng thế giới. Ông đã là một giáo sư sử học tại Oxford gần 20 năm, và sau khi về hưu khỏi Oxford, ông trở về Ấn độ. Ông nổi danh thế giới, và ông được bầu làm phó viện trưởng của trường đại học mà tôi đang theo học. Ông là một người dễ mến, một nhân cách đẹp, có uy tín lớn, với một kiến thức bao la, uyên thâm – đã xuất bản rất nhiều cuốn sách mang lại uy tín cho ông.

Do tình cờ, ngày ông nhậm chức phó viện trưởng, lại đúng vào ngày Phật đản. Và ngày sinh nhật của Đức Phật Gautama thì quan trọng hơn sinh nhật của bất cứ ai khác, bởi vì ngày sinh nhật của Phật cũng là ngày thành đạo (chứng ngộ) của Ngài, và cũng là ngày Ngài rời bỏ thân thể. Cùng ngày đó Ngài sinh ra, cùng ngày đó Ngài chứng ngộ, và cùng ngày đó Ngài nhập diệt.

Toàn thể trường đại học tụ họp lại để nghe người đàn ông này nói chuyện về Đức Phật Gautama. Và ông là một nhà sử học lớn, ông đã viết về Phật Gutama; và ông nói với cảm xúc dâng trào. Với những giọt lệ trong mắt, ông nói, "Tôi vẫn luôn cảm thấy rằng, nếu tôi được

sinh ra trong thời của Phật Gautama, có lẽ tôi đã không bao giờ rời hai bàn chân Ngài.”

Theo thói quen của mình, tôi đứng lên, và tôi nói, “ Xin làm ơn rút lại lời nói của Thầy.”

Ông nói, “ Nhưng tại sao?”

Tôi nói, “ Bởi vì đó là những lời giả dối. Thầy đã từng sống trong thời của Raman Maharshi. [8] Ngài cũng là cùng một loại người, có cùng một sự chứng ngộ tương tự – và em biết rằng Thầy chưa hề viếng thăm Ngài. Do vậy, Thầy định lừa gạt (befool) ai? Có lẽ Thầy cũng đã không viếng thăm Phật Gautama. Hãy lau những giọt nước mắt của Thầy đi, đó là những giọt nước mắt cá sấu. Thầy chỉ là một học giả và Thầy không biết gì về sự chứng ngộ hay những người như Phật Gautama.”

Thính đường bỗng im phăng phắc. Các vị giáo sư của tôi sợ rằng tôi có thể bị đuổi học; họ luôn luôn sợ rằng tôi có thể bị đuổi bất cứ lúc nào. Họ yêu mến tôi và muốn tôi ở đó. Nhưng tạo ra một tình huống như thế, một tình huống oái oăm (awkward) như thế… và không ai biết phải làm gì, làm thế nào để phá vỡ tảng băng. Trong vài giây đó, cơ hồ như nhiều giờ đã trôi qua. Vị phó viện trưởng đang đứng ở đó - ông chắc chắn là người có phẩm chất ưu việt. Ông lau nước mắt, và xin được tha thứ – có lẽ ông đã sai. Và ông mời tôi đến nhà để ông có thể thảo luận một cách chi tiết hơn.

Nhưng ông nói, trước toàn thể trường đại học, “ Anh nói đúng. Có lẽ tôi đã không đến thăm đức Phật Gautama, tôi biết như vậy. Tôi đã không có ý thức khi tôi nói ra điều đó; tôi chỉ đơn giản là đang xúc động, tôi bị lôi kéo đi. Vâng, tôi không bao giờ viếng thăm Raman Maharshi khi Ngài còn sinh tiền, mặc dù tôi đã có mặt gần chỗ của Ngài nhiều lần. Tôi thường diễn thuyết tại Đại học Madras, từ đó chỉ

mất vài giờ để tới chỗ Ngài tại Arunachal. Nhiều người bạn đã bảo tôi, 'Anh nên đi thăm vị này' – và tôi luôn tiếp tục trì hoãn cho đến khi Ngài mất."

Toàn thể trường đại học đã không thể nào tin chuyện đó. Các vị giáo sư của tôi đã không thể tin được. Sự kính nể dành cho ông tăng trưởng rất lớn, và chúng tôi trở thành bạn của nhau. Ông khá già – gần 60 – còn tôi thì chỉ mới 24, nhưng chúng tôi trở thành bạn của nhau. Và ông không bao giờ, dù chỉ trong một khoảnh khắc, cho phép tôi cảm thấy rằng ông là một học giả lớn, rằng ông là phó viện trưởng, rằng ông ở tuổi ông tôi.

Trái lại, ông nói với tôi, " Tôi không biết cái gì đã xảy ra ngày đó; tôi không phải là một người khiêm cung. Là một giáo sư tại Oxford trong 20 năm, là một giáo sư thỉnh giảng tại nhiều trường đại học của thế giới, tôi đã trở nên rất kiêu mạn (egoistic). Nhưng mà anh đã hủy diệt tất cả, chỉ bằng một cú đánh. Tôi sẽ mãi biết ơn anh suốt đời tôi: Nếu anh đã không đứng lên, thì có lẽ tôi vẫn tiếp tục tin rằng hẳn tôi đã viếng thăm Ngài. Nhưng bây giờ, tôi muốn như vậy… nếu anh có thể tìm thấy một ai đó (chứng ngộ), thì tôi muốn ngồi bên cạnh bàn chân vị ấy và lắng nghe vị ấy."

Tôi nói, " Vậy thì Thầy hãy ngồi xuống và lắng nghe." [9]

Ông nói, " Cái gì?"

Tôi nói, " Chỉ đơn giản nhìn em. Đừng để tâm đến tuổi tác của em, hãy ngồi xuống và lắng nghe em." Và bạn sẽ không tin điều đó – cụ già đó ngồi xuống và lắng nghe tôi, nghe bất cứ cái gì mà tôi muốn nói với ông. Nhưng thật hiếm người có nhiều dũng cảm và quá nhiều sự cởi mở như vậy.

Sau ngày đó, ông thường đến nhà trọ để thăm tôi. Mọi người đều thắc mắc – cái gì đã xảy ra vậy? Tôi đã tạo ra cho ông một tình huống

bối rối như thế! Ong thường đưa tôi về nhà ông và chúng tôi thường ngồi với nhau và ông thường yêu cầu tôi, " Hãy nói một cái gì đi – tôi muốn lắng nghe. Suốt đời tôi, tôi chỉ biết nói; tôi đã quên lắng nghe. Và tôi đã từng nói những điều mà tôi không biết." Và ông lắng nghe theo cách mà một đệ tử lắng nghe vị đạo sư của mình.

Những vị giáo sư của tôi đều rất thắc mắc. Họ nói, " Có phải anh đã 'bỏ bùa' ông già đó? Hay là ông đã trở nên lẩm cẩm rồi? Hay là có chuyện gì xảy ra? Để gặp ông, chúng tôi phải xin một cuộc hẹn và chúng tôi phải đợi trên một danh sách dài. Khi đến lượt, chỉ lúc đó chúng tôi mới có thể gặp ông. Thế mà ông lại đến thăm anh – không chỉ thế, ông còn lắng nghe anh nói. Cái gì đã xảy ra vậy?"

Tôi nói, " Cái tương tự có thể xảy ra cho quý vị, nhưng quý vị không thông minh được như vậy, và không nhạy bén được như vậy, không hiểu biết được như vậy. Cụ già đó thực sự là hiếm hoi."

1957 – 1966
GIÁO SƯ ĐẠI HỌC

Tôi vui hưởng (enjoy) cuộc đời sinh viên của mình vô cùng; bất luận người ta chống lại tôi, ủng hộ tôi, thờ ơ với tôi, hay yêu mến tôi, thì tất cả những kinh nghiệm đó đều đẹp. Tất cả mọi cái đó đã giúp tôi khi chính tôi trở thành giáo sư, bởi vì tôi có thể thấy quan điểm của sinh viên một cách đồng thời khi tôi đang trình bày quan điểm của tôi.

Và những giờ học của tôi trở thành những câu lạc bộ tranh luận. Mọi người đều được phép nghi ngờ, tranh luận. Thỉnh thoảng một ai đó bắt đầu lo lắng về cái gì sẽ xảy ra với khoá học, bởi vì trên một điểm riêng lẻ, có quá nhiều tranh cãi (argument) . Tôi nói, " Đừng lo

lắng. Tất cả những gì được cần đến là (việc) mài sắc trí thông minh của bạn. Giáo trình là một chuyện nhỏ – bạn có thể đọc nó trong một đêm. Nếu bạn có một tâm trí sắc bén, thì thậm chí không cần đọc giáo trình, bạn cũng có thể trả lời. Nhưng nếu bạn không có một tâm trí sắc bén, thì ngay cả khi có cuốn sách trong tay, bạn cũng sẽ không thể tìm ra câu trả lời nằm ở đâu. Trong một cuốn sách 500 trang, câu trả lời hẳn phải ở đâu đó trong một đoạn."

Do vậy, những giờ học của tôi thì hoàn toàn khác. Mọi sự phải được thảo luận, mọi sự phải được xem xét, trong cách sâu nhất có thể được, từ mọi góc, từ mọi khía cạnh – và chỉ được chấp nhận nếu trí tuệ của bạn cảm thấy được thỏa mãn. Bằng không, không cần phải chấp nhận nó; chúng tôi có thể tiếp tục cuộc thảo luận vào ngày kế tiếp.

Và tôi kinh ngạc khi biết rằng, khi bạn thảo luận một cái gì đó và khám phá ra cái "mô hình logic (logical pattern), toàn bộ cái "kết cấu" (fabric), thì bạn không cần phải nhớ nó. Nó là khám phá của bạn; nó lưu lại với bạn. Bạn không thể quên nó.

Chắc hẳn là sinh viên của tôi yêu mến tôi, bởi vì không ai khác sẽ cho họ quá nhiều tự do, không ai khác sẽ dành cho họ quá nhiều sự tôn trọng như thế. Không ai khác sẽ cho họ quá nhiều tình yêu thương, không ai khác sẽ giúp họ mài sắc trí tuệ của họ.

Mọi giáo sư đều quan tâm về tiền lương của mình. Chính tôi không bao giờ đi nhận lương. Tôi thường chỉ đơn giản trao quyền lại cho một sinh viên và nói, " Bất cứ khi nào đến ngày đầu tháng, bạn nhận lương và bạn có thể mang nó đến cho tôi. Và nếu bạn cần bất cứ phần nào của nó, bạn có thể giữ nó."

Suốt những năm tôi ở trường đại học, một người này hay người nọ sẽ mang lương đến cho tôi. Người đàn ông phát lương một lần đến thăm tôi chỉ để nói, " Anh không bao giờ xuất hiện. Tôi vẫn cứ hy

vọng rằng, có một lúc nào đó, anh sẽ đến và tôi sẽ thấy anh. Nhưng thấy rằng có lẽ anh sẽ không bao giờ đến văn phòng, tôi đã đến nhà anh chỉ để xem anh thuộc loại người nào – bởi vì, vào ngày đầu tháng, có những vị giáo sư, họ bắt đầu xếp hàng từ sáng sớm để nhận lương. Anh luôn vắng mặt. Bất cứ sinh viên nào sẽ xuất hiện với chữ ký và ủy quyền của anh, và tôi không biết liệu tiền lương có đến tay anh hay không."

Tôi nói, " Ông không cần phải lo lắng, nó luôn luôn đến tay tôi." Khi bạn tin cậy ai, thật khó cho anh ta lừa dối bạn.

Suốt những năm tôi là giáo sư, không có một sinh viên nào – được ủy quyền nhận lương – đã từng lấy bất cứ phần nào trong số đó, mặc dù tôi đã bảo họ, " Tùy ở bạn. Nếu bạn cảm thấy muốn lấy hết, thì bạn có thể lấy. Nếu bạn muốn giữ một phần của nó, bạn có thể giữ nó. Và nó không phải là tiền cho vay, và phải hoàn lại, bởi vì tôi không muốn bận tâm về việc phải nhớ ai đã vay tôi bao nhiêu tiền. Nó chỉ đơn giản là của bạn; không thành vấn đề. " Nhưng không có một sinh viên nào từng lấy một phần nào trong số lương đó.

Tất cả những giáo sư đều chỉ quan tâm đến tiền lương, đến việc bon chen để giành những chức vụ cao hơn. Tôi chưa từng thấy ai thực sự quan tâm đến sinh viên và tương lai của họ, và nhất là (quan tâm) đến sự phát triển tâm linh của họ.

Nhìn thấy điều đó, tôi mở một trường thiền định nhỏ. Một trong những người bạn của tôi hiến tặng cái bungalow (nhà gỗ một tầng) và khu vườn đẹp của anh, và anh xây một thiền thất bằng đá cẩm thạch cho tôi, cho những buổi thiền định, nên ít nhất 50 người có thể ngồi và thiền định trong cái thất đó. Nhiều sinh viên, nhiều giáo sư – ngay cả những vị phó viện trưởng – đến để hiểu thiền định là gì.

Tại Ấn độ, người Hồi giáo có một loại trang phục (dress) nhất định, người Hindu, người Punjab, người Nam Ấn, người Bengal, cũng vậy.

Chẳng hạn, tại Nam Ấn, bạn có thể mặc một cái lungi ; chỉ một cái dhoti mà bạn có thể trùm quanh người. Và không chỉ thế, người ta kéo nó lên và gấp nó lại, để nó lên tới đầu gối. Ngay cả tại các trường đại học, những vị giáo sư thường đi dạy trong cái trang phục đó.

Tôi ưa thích cái lungi, bởi vì nó rất giản dị, giản dị nhất: không cần thợ may, không cần thiết kế, không gì cả; chỉ cần bất cứ miếng vải nào cũng có thể được làm thành một cái lungi rất dễ dàng. Nhưng mà tôi lại không sống tại Nam Ấn, tôi sống tại Trung Ấn, nơi mà lungi chỉ được mặc bởi những vagabond, những du thủ du thực (loafer), những phần tử "phi xã hội" (unsocial). Nó là một biểu tượng rằng cá nhân đó "bất cần đời", rằng y không bận tâm về việc bạn nghĩ gì về y.

Khi tôi bắt đầu đi tới trường đại học trong cái lungi, mọi sự ngừng lại trong một lát: những sinh viên đi ra khỏi lớp, những giáo sư đi ra khỏi lớp. Trong khi tôi đi dọc theo hành lang, mọi người đang đứng ở đó quan sát, và tôi vẫy tay chào mọi người – một sự tiếp đón tốt đẹp !

Vị phó viện trưởng đi ra ngoài: " Có chuyện gì thế? Những giờ học ngừng nửa chừng, các giáo sư ra ngoài, và có một sự im lặng…" Ông thấy tôi và tôi vẫy tay chào ông, và ông thậm chí không có gan để đáp lại cái vẫy tay của tôi.

Tôi nói, " Ít ra Thầy nên vẫy tay chào tôi. Tất cả những người này đã đến để xem cái lungi của tôi." Tôi nghĩ rằng họ ưa thích nó, bởi vì hằng ngày các vị giáo sư đến trường với trang phục đẹp, trang phục đắt tiền. Vị phó viện trưởng rất chăm chút về y phục của ông, và rất nổi tiếng ăn mặc đẹp. Nếu bạn đã vào nhà ông, có lẽ bạn đã ngạc nhiên: không có gì ngoài quần áo treo la liệt khắp nhà, ông, người giúp việc và y phục của ông.

Tôi nói, " Ngay cả khi Thầy đi vào, không ai ra khỏi lớp. Nhưng một cái lungi nghèo nàn – những người nghèo nhất mặc nó – đã đưa họ

ra ngoài! Và tôi dự định sẽ đến trường hằng ngày trong cái lungi này.”

Ông nói, “ Một trò đùa thì không sao cả, một ngày thì không sao cả, nhưng đừng đi quá xa.”

Tôi nói, “ Khi tôi làm một cái gì đó, tôi sẽ làm tới cùng.”

Ông nói, “ Anh muốn nói gì? Anh muốn nói, rằng anh thực sự định đến hằng ngày trong một cái lungi à?”

Tôi nói, “ Ngay bây giờ, đó là cái mà tôi có ý định làm. Nếu tôi bị can thiệp vào, tôi có thể đến thậm chí không có một cái lungi. Thầy có thể tin lời tôi về chuyện đó. Nếu tôi bị can thiệp trong một cách nào đó, nếu Thầy cố nói rằng nó không thích hợp cho một giáo sư, hay bất luận Thầy nói cái gì, tôi không bận tâm … Nếu Thầy có thể giữ im lặng, tôi sẽ vẫn mặc cái lungi; nhưng nếu Thầy bắt đầu làm một cái gì chống lại tôi, thì cái lungi sẽ biến đi. Tôi sẽ đến … và rồi, Thầy sẽ thấy cái cảnh (scene) thực!” [10]

Và đó là một màn trào lộng (hilarious scene), bởi vì tất cả sinh viên bắt đầu vỗ tay khi họ nghe điều này và ông cảm thấy quá bối rối, đến nỗi ông không biết làm gì hơn là đi trở lại phòng mình. Ông không bao giờ nói một lời nào về cái lungi nữa. Tôi dò hỏi nhiều lần, “ Về cái lungi của tôi thì sao? Có hành động nào chống lại nó hay không?”

Ông nói, “ Anh chỉ cần để cho tôi yên – hãy làm bất cứ cái gì mà anh muốn. Và tôi không muốn nói bất cứ điều gì, bởi vì nói với anh bất cứ điều gì đều nguy hiểm, người ta không bao giờ biết là anh sẽ xử lý nó ra sao. Tôi không nói, ‘Hãy trút bỏ cái lungi’, tôi nói, ‘Hãy trở lại y phục cũ của anh’.”

Tôi nói, “ Những cái đó đã ra đi, và cái gì ra đi là ra đi – tôi không bao giờ nhìn lại đằng sau. Bây giờ tôi dự định mặc một cái lungi.”

Do vậy, ban đầu tôi ra ngoài với một cái lungi, với một cái robe (áo thụng) dài. Rồi một hôm, tôi bỏ cái robe và chỉ dùng một cái khăn quàng. Một lần nữa, lại có một "tấn tuồng " (drama) lớn, nhưng ông giữ bình tĩnh. Mọi người đi ra ngoài, nhưng ông không đến – có lẽ bởi vì ông sợ rằng tôi đã trút bỏ cái lungi! Ông không ra khỏi phòng mình. Tôi gõ cửa phòng ông. Ông nói, "Anh đã làm chuyện đó?"

Tôi nói, " Chưa. Thầy có thể đi ra ngoài."

Ông mở cửa và chỉ nhìn ra ngoài để xem tôi có mặc y phục hay là tôi đã trút bỏ mọi thứ. Ông nói, " Vậy, bây giờ anh đã thay đổi – cái robe cũng vậy?"

Tôi nói, " Tôi cũng đã thay đổi cái đó. Thầy có điều gì để nói không?"

Ông nói, " Tôi không muốn nói một lời nào. Tôi thậm chí không nói chuyện với những người khác, về anh. Những nhà báo thường gọi điện và hỏi, 'Tại trường đại học, người ta được phép ăn mặc ra sao? Bởi vì cái đó sẽ trở thành một tiền lệ và sinh viên có thể bắt đầu đến trường trong cái lungi, và những giáo sư khác cũng vậy.' " Tôi bảo họ, ' Bất cứ cái gì xảy ra, ngay cả khi mọi người bắt đầu mặc lungi đến trường, nó ok với tôi. Tôi không định quấy rầy anh ta, bởi vì anh ta dọa tôi rằng, nếu tôi quấy rầy anh ta, trong cách nào đó, thì anh ta có thể đến trường, trần truồng. Và anh ta nói, rằng sự trần truồng là một lối sống tâm linh được chấp nhận tại Ấn độ. Mahavira trần truồng, 24 tirthankara của đạo Jaina cũng trần truồng, hằng ngàn tu sĩ vẫn còn trần truồng, và nếu một tirthankara có thể trần truồng, thì tại sao một giáo sư lại không thể? Tại Ấn độ, thì sự trần truồng không thể bị đối xử bất kính (disrespected) trên bất cứ phương diện nào'."

Rồi ông nói tiếp: " Tôi nói với mọi người, ' Nếu anh ta muốn thực sự tạo ra sự hỗn loạn (chaos) … và anh ta có những môn đệ tại trường đại học; có nhiều sinh viên sẵn sàng làm bất cứ điều gì mà anh ta bảo họ làm. Do vậy, tốt nhất là cứ để anh ta yên'."

Tôi đã phát hiện – suốt đời mình – rằng, nếu bạn chỉ đơn giản sẵn sàng (chút đỉnh) hy sinh cái sự "khả kính" (respectability), thì bạn có thể làm theo ý mình một cách rất dễ dàng. Xã hội đã chơi một trò chơi với bạn. Nó đã đặt cái sự "khả kính" lên một cái bệ quá cao trong tâm trí bạn, và đối diện với nó, tất cả những điều mà nó muốn bạn đừng làm. Do vậy, nếu bạn làm chúng, bạn đánh mất cái sự "khả kính". Một khi bạn sẵn sàng nói, " Tôi không quan tâm đến sự khả kính," thì xã hội hoàn toàn bất lực trong việc làm bất cứ cái gì chống lại ý muốn của bạn.

Khi tôi trở thành một giáo sư tại trường đại học, việc đầu tiên mà tôi làm là … Khi tôi bước vào, tôi thấy những cô gái đang ngồi trong một góc. Đằng trước mặt tôi là bốn, năm dãy ghế trống rỗng, còn những cậu trai thì đang ngồi ở một góc đằng kia. Tôi nói, " Tôi sắp dạy ai, những cái bàn và ghế này chắc? Và cái thứ vớ vẩn gì thế này? Ai đã bảo các bạn ngồi như vậy? Hãy ngồi chung lại với nhau và xích lại gần trước mặt tôi."

Họ lưỡng lự. Họ chưa bao giờ nghe một giáo sư bảo họ ngồi chung. Tôi nói, " Ngồi chung lại ngay lập tức; nếu không, tôi sẽ báo cáo lại với ông phó viện trưởng rằng một cái gì đó hoàn toàn trái tự nhiên, phi tâm lý học, đang diễn ra."

Họ di chuyển một cách chậm rãi, một cách lưỡng lự… Tôi nói, "Đừng do dự! Chỉ đơn giản di chuyển, ngồi chung lại với nhau. Trong giờ học của tôi, các bạn không thể ngồi tách rời nhau. Và tôi không quan tâm nếu bạn chạm vào cô gái và cô gái kéo áo sơ mi của bạn; bất cứ cái gì tự nhiên, đều được chấp nhận. Cho nên, tôi không muốn bạn ngồi ở đó, đóng băng, co rúm. Cái đó sẽ không xảy ra

trong giờ học của tôi. Hãy tận hưởng việc ở cùng nhau. Tôi biết các bạn đang ném những mảnh giấy nhỏ (slip), những hòn đá, những lá thư. Không cần thiết. Chỉ đơn giản (đến) ngồi bên cạnh cô gái, trao lá thư cho cô ta, và bất cứ cái gì mà bạn muốn làm – bởi vì, thực ra thì các bạn đã trưởng thành về giới tính; bạn nên làm một cái gì đó. Thế mà bạn lại đang học triết, bạn hoàn toàn điên rồ (insane) ! Phải chăng đây là thời gian để học triết ? Đây là thời gian để đi ra ngoài và làm tình (make love). [11] Triết học là dành cho tuổi già, khi bạn không thể làm bất cứ cái gì khác – lúc đó, bạn có thể học triết học."

Tất cả họ đều sợ. Một cách chậm rãi, một cách từ từ, họ trở nên thư giãn, nhưng những lớp khác bắt đầu cảm thấy ghen tỵ với họ. Những giáo sư khác bắt đầu báo cáo với ông phó viện trưởng, " Người đàn ông này thật nguy hiểm. Anh ta đang cho phép con trai và con gái làm những điều mà tất cả chúng ta đều đã và đang cấm. Thay vì ngăn chận chúng giao tiếp với nhau, anh ta lại đang 'vẽ đường cho hươu chạy'! Anh ta nói, 'Nếu bạn không biết cách viết thư tình, hãy đến với tôi. Tôi sẽ dạy bạn. Triết học là thứ yếu – nó không nhiều. Chúng ta sẽ hoàn tất khoá học 2 năm trong vòng 6 tháng. Một năm và 6 tháng còn lại, hãy tận hưởng, nhảy múa, ca hát. Đừng lo lắng.'"

Sau cùng, ông phó viện trưởng phải gọi tôi đến, và ông nói, " Tôi đã nghe mọi thứ này. Anh nói gì?"

Tôi nói, " Hẳn Thầy đã từng là một sinh viên tại trường đại học."

Ông nói, " Vâng. Nếu không, làm thế nào tôi có thể là phó viện trưởng được?"

Tôi nói, " Vậy thì, hãy lùi lại một chút và nhớ lại những ngày đó, khi mà những cô gái và Thầy đang ngồi cách xa nhau. Cái gì đang diễn

ra trong tâm trí Thầy lúc đó?”

Ông nói, “ Anh có vẻ là một gã kỳ lạ. Tôi đã yêu cầu anh đến để dò hỏi về một cái gì đó.”

Tôi nói, “ Cái đó, sẽ tính sau. Trước hết, hãy trả lời câu hỏi của tôi. Và hãy thành thật; nếu không, Thầy sẽ phải chịu cuộc thách thức công khai ngày mai, trước toàn thể trường đại học, tất cả giáo sư, tất cả sinh viên. Chúng ta có thể thảo luận vấn đề này và để cho họ bỏ phiếu.”

Ông nói, “ Xin đừng bị kích động. Có lẽ anh nói đúng. Quả thực, tôi còn nhớ. Bây giờ tôi đã già, và tôi hy vọng rằng anh sẽ không nói chuyện này với bất cứ ai – lúc đó tôi đang nghĩ về các cô gái. Tôi không đang nghe giảng, và không ai lắng nghe vị giáo sư cả. Những cô gái thì đang ném những mẩu giấy nhỏ, chúng tôi đang ném những mẩu giấy nhỏ, những lá thư đang được trao đổi.”

“Vậy,” tôi nói, “ tôi có thể đi rồi chứ?”

Ông nói, “ Dĩ nhiên. Anh chỉ đơn giản đi và làm bất cứ cái gì anh muốn. Tôi không muốn một cuộc chạm trán công khai với anh, tôi biết anh sẽ thắng. Anh có lý. Nhưng tôi là một gã đáng thương; tôi phải chăm lo cho cái chức vụ của mình. Nếu tôi bắt đầu làm một điều như thế, thì chính phủ sẽ ném tôi ra khỏi chức vụ phó viện trưởng.”

Tôi nói, “ Tôi không quan tâm đến cái chức phó viện trưởng của Thầy. Thầy vẫn là phó viện trưởng, nhưng hãy nhớ: đừng bao giờ gọi tôi một lần nữa. Nhiều lời phàn nàn sẽ đến, nhưng tôi làm rõ - ngay bây giờ - rằng, mọi lúc tôi đều sẽ đúng.”

Ông nói, “ Tôi đã hiểu rồi.”

Những sinh viên – nam và nữ, họ không phải là sinh viên thuộc môn học của tôi – bắt đầu hỏi tôi, " Chúng em có thể đến dự học không?"

Tôi nói, " Triết học chưa bao giờ quá hấp dẫn như vậy. Hãy đến! Bất cứ ai đều được hoan nghênh. Tôi không bao giờ điểm danh. Hằng tháng, khi cuốn sổ điểm danh trở lại, tôi chỉ đơn giản phết vào - vắng, có mặt, vắng, có mặt. Tôi chỉ phải nhớ rằng mọi người có mặt trên 75% trong tổng số buổi học, để họ có thể dự kỳ thi. Tôi không bận tâm. Do vậy, các bạn có thể đến."

Những lớp học của tôi thì quá đông đúc. Sinh viên ngồi cả trên các cửa sổ. Nhiều người trong số họ lẽ ra phải đang ngồi tại một lớp nào khác.

Rồi lại có những than phiền, và ông phó viện trưởng nói, " Đừng bắt tôi phải nghe những lời than phiền về người đàn ông đó. Đó là vấn đề của quý vị nếu sinh viên không đến lớp quý vị. Tôi có thể làm gì nào? Anh ta có thể làm gì, nếu họ ưa thích anh ta hơn? Và họ không phải là sinh viên triết, nhưng họ không muốn đến lớp sử học, kinh tế học, chính trị học của quý vị. Tôi có thể làm gì được nào? Và anh ta đã thách tôi, 'Đừng bao giờ gọi tôi đến một lần nữa, nếu không, Thầy sẽ phải đối mặt với một cuộc chạm trán công khai.'"

Nhưng quá nhiều lời than phiền đến từ mọi khoa, đến nỗi sau cùng ông lại phải đến. Ông biết rằng, tốt hơn là đừng triệu tôi đến; nhưng ông đã phải đến lớp tôi. Ông đã không thể tin có chuyện đó.

Trong môn triết học, thường có rất ít sinh viên, bởi vì triết học không phải là một môn học kiếm nhiều tiền. Nhưng mà lớp triết (của tôi) thì quá tải; không có chỗ thậm chí cho ông bước vào. Tôi thấy ông đang đứng ở cửa lớn phía sau sinh viên. Tôi bảo họ, " Hãy để Thầy phó viện trưởng vào. Hãy để cho ông cùng thưởng thức (enjoy) toàn bộ cái "cảnh" (scene) đang diễn ra ở đây."

Ông đi vào. Ông không thể tin ở mắt mình, rằng tất cả những cô gái và những cậu trai đều đang ngồi chung với nhau và đang lắng nghe một cách quá vui sướng. Không có một nhiễu loạn (disturbance) nào, bởi vì tôi đã ngăn cản mọi sự nhiễu loạn ngay từ gốc rễ. Bây giờ chàng trai đang ngồi bên cạnh cô bạn gái của mình; không cần phải ném đá, ném thư. Không cần thiết.

Ông nói, " Tôi không thể tin rằng một lớp đông đúc như thế, mà lại im lặng như tờ."

Tôi nói, " Nhất thiết phải thế, bởi vì không có sự trấn áp, đè nén (repression) nào. Tôi đã bảo sinh viên rằng, khi họ muốn rời, họ không cần xin phép tôi, họ chỉ đơn giản bỏ đi; khi họ muốn đến, họ cứ việc đến. Họ không cần xin phép tôi. Họ có mặt ở đây hay không, đó không phải là việc của tôi. Tôi yêu thích việc giảng dạy. Tôi sẽ tiếp tục dạy – nếu bạn muốn ngồi ở đây, hãy cứ ngồi; nếu không, hãy 'biến đi' (get lost). Nhưng không ai bỏ đi."

Vị phó viện trưởng nói, " Việc này nên diễn ra cho mọi lớp học. Nhưng tôi không phải là một người mạnh mẽ như anh; tôi không thể nói với chính phủ rằng, đây là cách nên làm."

* * * * * * * * *

Tôi được mời đến một seminar, nhiều phó viện trưởng và viện trưởng đại học đã tụ họp ở đó. Họ rất lo lắng về sự thiếu kỷ luật trong các trường phổ thông, cao đẳng, và đại học, và họ lo lắng về thái độ bất kính của thế hệ trẻ đối với các thầy cô.

Tôi lắng nghe những quan điểm của họ, và tôi nói với họ, " Tôi thấy rằng, một nơi nào đó, cái cơ sở (nền tảng) bị thiếu mất. Một vị thầy là một người được kính trọng một cách tự nhiên, cho nên một vị thầy không thể đòi hỏi (demand) sự kính trọng. Nếu người thầy đòi hỏi sự kính trọng, thì ông ta chỉ đơn giản chứng tỏ rằng ông ta không phải là một vị thầy; ông đã chọn sai nghề, nó không phải thiên chức của ông. Định nghĩa của một ông thầy chính là : một người được kính trọng một cách tự nhiên – không phải là bạn phải kính trọng ông. Nếu bạn phải kính trọng ông, thì đây là loại kính trọng nào vậy? Hãy nhìn xem: ' phải kính trọng' – toàn bộ vẻ đẹp bị đánh mất, sự kính trọng không còn sống (động). Nếu nó bị cưỡng bách, thì nó không có mặt ở đó. Khi nó (sự kính trọng) có mặt ở đó, không ai tự ý thức về nó. Nó chỉ đơn giản tuôn chảy. Bất cứ khi nào một vị thầy có mặt ở đó, nó chỉ đơn giản tuôn chảy một cách tự nhiên."

Cho nên, tôi hỏi seminar: " Thay vì yêu cầu sinh viên học sinh kính trọng người thầy, xin quý vị hãy nhìn lại – hẳn quý vị đang chọn nhầm những người thầy, họ không phải là vị thầy chút nào cả."

Những người thầy thì cũng như những nhà thơ bẩm sinh, và nghề giáo là một nghệ thuật. Không phải ai cũng có thể là một người thầy, nhưng bởi vì việc giáo dục phổ thông, hằng triệu "người thầy" được cần đến. Hãy thử nghĩ về một xã hội mà cho rằng mọi người đều phải được dạy thi ca và thi ca phải được dạy bởi những nhà thơ. Rồi thì hằng triệu nhà thơ sẽ được cần đến. Dĩ nhiên, sẽ có những đại học đào tạo các nhà thơ. Những nhà thơ đó sẽ là nhà thơ "dổm" (bogus), và rồi họ sẽ yêu cầu, " Hãy vỗ tay hoan nghênh chúng tôi! – bởi vì chúng tôi là những nhà thơ. Tại sao các anh (chị) không chịu kính trọng chúng tôi?"

Điều này cũng đã xảy ra với những "người thầy (teacher).

Trong quá khứ, có rất ít "người thầy." Người ta thường đi hằng ngàn dặm để tìm một người thầy, để được ở bên cạnh ông ta. Có sự

kính trọng rất to lớn, nhưng sự kính trọng tùy thuộc vào phẩm chất của vị thầy. Môn đệ hay học trò không bị bắt buộc phải kính trọng thầy. Sự kính trọng khởi lên một cách hồn nhiên.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Theo tôi được biết, thì đây là một hiện tượng phổ biến, có tính toàn cầu – nhất là trong thời đại mà chúng ta đang sống. Chắc chắn Việt Nam không phải là ngoại lệ… Hình như có nhiều vị thầy dạy văn, họ "giết văn" mà không hề thấy lương tâm "cắn rứt" ! Tuy chúng ta không nên "vơ đũa cả nắm", nhưng câu nói này của Osho thật đáng cho ta suy nghĩ.

[2] Tôi chắc nhiều người sẽ tâm đắc với ý kiến này của Osho. Hình như trong thời đại này, rất ít người biết được giá trị của một nhà thơ, một nhà nghệ sĩ. Dĩ nhiên, phải là nhà thơ, nghệ sĩ chân chính. Không có gì phải bàn cãi, một xã hội chưa thể gọi là văn minh được, nếu nó không biết quý trọng những giá trị tinh thần. Nếu chỉ biết sống bằng kinh tế, vật chất, e rằng, con người cũng chưa "cao" hơn con vật bao nhiêu!

[3] Shankara: (700? -750?). Nhà triết học và luận sư nổi tiếng của Aán độ. Là đại biểu kiệt xuất của phái Avaita Veda.

[4] F.H.Bradley: (1846 – 1924). Triết gia Anh có ảnh hưởng lớn của phái "duy tâm tuyệt đối."

[5] Sinh viên kiểu chàng trai này, còn ai dám … "dạy" nữa!

[6] Cách định nghĩa "tiếng mẹ đẻ" của Osho thật là độc đáo!

[7] Footnote: chú thích ở cuối trang

[8] Raman Maharshi: (1879 – 1950). Nhà yogi của Hindu giáo. Ông được gọi là "Vị Đạo Sư Vĩ đại" (Great Master).

[9] Bạn đọc cần nhớ, lúc này, "sinh viên" này đã chứng ngộ rồi. Chàng đi "học" chỉ là để hiểu con người hiện đại, để dễ bề "dạy" họ mà thôi.

[10] Ai chứ chàng "giáo sư" trẻ này chắc chắn sẽ làm đúng như chàng nói!

[11] Hình như ở đây Osho hơi "cương" một chút! Theo tôi, các bạn trẻ nên cẩn thận trước lời "xúi dại" này của ông – nhất là các bạn nữ!

PHẦN I: CHƯƠNG VI

TRÊN ĐƯỜNG

Hãy thử nghĩ về tôi – vân du tại Ấn độ trong nhiều năm, và để đáp lại, chỉ nhận được những hòn đá, những chiếc giày, những con dao ném vào tôi. Và bạn không biết hệ thống xe lửa Ấn độ, những phòng đợi; bạn không biết cái cách mà người Ấn sống. Nó thiếu vệ sinh, xấu xa, nhưng họ quen với nó. Tôi đã chịu khổ cho những năm đó nhiều, bằng, hoặc nhiều hơn Jesus đã chịu khổ trên thập giá. Ở trên thập giá chỉ là vấn đề của một vài giờ. Bị mưu sát, thì càng nhanh chóng hơn. Nhưng là một "đạo sư lang thang" (wandering master) tại Ấn độ, thì không phải là một trò đùa.

Tình hình thế giới đã thay đổi một cách đầy kịch tính. Chỉ mới 300 năm về trước, thế giới rất rộng lớn. Vào thời của Phật Gautama, cho dẫu Ngài muốn tiếp cận tất cả mọi con người, thì cũng không thể được; chỉ vì không có phương tiện giao thông. Thuở đó, người ta sống trong nhiều thế giới, hầu như tách biệt khỏi nhau. Cái đó có một sự đơn giản.

Với tư cách là một người Do Thái, Jesus đã phải đối mặt (face) với những đồng bào Do Thái của mình, chứ không phải toàn thế giới. Ngồi trên lưng con lừa của mình, đi vòng quanh thế giới, hẳn là không thể được. Cho dẫu Ngài đã xoay xở được việc du hành qua cái vương quốc Judea nhỏ bé, chừng đó cũng đã là quá nhiều. Việc giáo dục của con người thì rất bị hạn chế. Họ thậm chí còn chưa biết tới sự hiện hữu của nhau.

Phật Gautama (tại Ấn độ), Lão Tử tại Trung quốc, Socrates tại Athens – tất cả họ đều là những kẻ đồng thời với nhau, nhưng họ không có ý niệm nào về nhau.

Trước cuộc cách mạng khoa học về giao thông vận tải, có nhiều thế giới, tự túc bên trong chính mình. Họ không bao giờ nghĩ về những thế giới khác (others – những vùng đất khác.ND), họ không hề có ý niệm rằng những thế giới khác cũng hiện hữu. Khi người ta ngày càng trở nên quen biết nhau, thế giới trở nên nhỏ hơn. Bây giờ một vị Phật sẽ không có thể xoay xở, một Jesus cũng không, một Moses, một Khổng Tử cũng không. Tất cả họ đều sẽ có tâm trí và thái độ rất địa phương. [1]

Bây giờ chúng ta may mắn, vì thế giới đã trở nên quá nhỏ, đến mức bạn không thể địa phương được. Dù thế nào, bạn cũng không thể địa phương; bạn phải có tính đại đồng (universal). Bạn phải nghĩ đến Khổng Tử, phải nghĩ đến Krishna, bạn phải nghĩ đến Socrates, đến Bertrand Russel. Trừ khi bạn xem thế giới như là một đơn vị duy nhất, và tất cả là những đóng góp của những thiên tài khác nhau, bạn sẽ không thể nói chuyện với con người hiện đại. Cái khoảng cách (gap) thì quá lớn – 25 thế kỷ, 20 thế kỷ… hầu như không thể nào bắc cầu qua nó được.

Cách duy nhất để bắc cầu nó, là : người nào đi tới chỗ "biết" (know), thì không nên ngừng lại ở sự biết của riêng mình, không nên thỏa mãn với việc diễn đạt chỉ cái mà y đã biết được. Y phải làm một nỗ lực rất to lớn để học mọi ngôn ngữ.

Công việc thì bao la nhưng hào hứng – việc khám phá thiên tài (genius) của con người từ những chiều kích khác nhau. Nếu bạn có bên trong chính mình cái ánh sáng của sự hiểu biết, bạn có thể sáng tạo, không khó khăn gì, một sự "tổng hợp" (synthesis). Và cái tổng hợp này thì sẽ không chỉ dựa trên tất cả những nhà thần bí tôn giáo – cái đó là phiến diện. Cái tổng hợp này phải bao gồm tất cả những nghệ sĩ và những thị kiến (insight) của họ – tất cả những nhạc sĩ, những thi sĩ, tất cả những vũ công, những thị kiến của họ. Tất cả những con người sáng tạo mà đã đóng góp vào cuộc đời, đã làm cho

nhân loại giàu có hơn, phải được tính đến. Không ai từng nghĩ rằng sự đóng góp của những con người nghệ sĩ cũng có tính tôn giáo.

Và quan trọng nhất, là sự phát triển của khoa học. Trong quá khứ, việc có một nhãn quan tổng hợp - bao gồm khoa học, trái tim (nghệ thuật) và tôn giáo - là không thể được. Trước hết, không có khoa học – và nó đã làm thay đổi một ngàn lẻ một điều. Cuộc sống không bao giờ có thể như cũ được nữa.

Trong nhãn quan của tôi, nó là một hình tam giác – khoa học, tôn giáo, nghệ thuật. Và chúng là những chiều kích quá khác biệt nhau – chúng nói những ngôn ngữ khác nhau, chúng mâu thuẫn với nhau; chúng không hòa điệu trên bề mặt, trừ khi bạn có một thị kiến sâu xa mà trong đó tất cả chúng có thể hòa tan vào nhau, và trở thành một.

Nỗ lực của tôi , từ trước tới nay, vẫn là làm cái hầu như bất khả.

Trong những ngày còn là sinh viên đại học, những giáo sư của tôi đều thắc mắc. Tôi là một sinh viên triết, thế mà tôi lại đang dự những khoá học về khoa học – vật lý, hoá học, và sinh vật học. Các vị đó đều cảm thấy rất thắc mắc: “ Anh ở đây, tại trường đại học, để học triết học. Tại sao lãng phí thời gian của mình với hoá học?”

Tôi nói, “ Em không dính dáng gì tới hoá học; em chỉ muốn có một cái nhìn minh bạch về cái mà hoá học đã làm, cái mà vật lý học đã làm. Em không muốn đi vào chi tiết, em chỉ muốn biết cái sự đóng góp cơ bản của chúng.”

Tôi hiếm khi ở trong những lớp của mình, tôi chủ yếu ở trong thư viện. Những giáo sư của tôi liên tục nói, “ Anh làm gì suốt ngày trong thư viện? Người thủ thư than phiền quá, rằng anh là người đầu tiên bước vào thư viện, và gần như phải kéo anh ra khỏi đó cuối ngày.

Suốt cả ngày anh ở đó – và không chỉ trong khu vực triết học, anh lòng vòng (roam) khắp thư viện, trong tất cả những khu vực mà không dính dáng gì tới anh."

Tôi nói với họ, " Em thật khó giải thích với các thầy, nhưng nỗ lực của em trong tương lai, sẽ là: đưa tất cả những gì có chút giá trị nào đó vào trong một toàn bộ có tính tổng hợp. Sáng tạo ra một lối sống mà bao gồm tất cả; nó không đặt nền tảng trên những luận cứ và những mâu thuẫn, mà đặt nền tảng trên một thị kiến sâu sắc (deep insight) về cái "lõi cốt yếu" (essential core) của tất cả mọi đóng góp - mà đã từng được làm - vào kiến thức con người, vào minh triết của con người."

Họ nghĩ rằng tôi đã phát điên – nhiệm vụ mà tôi đã chọn có thể dẫn bất cứ ai đến sự điên loạn, nó quá bao la. Nhưng họ không ý thức rằng, sự điên loạn là không thể được với tôi, rằng tôi đã để "tâm trí" (the mind) lại xa đằng sau; tôi chỉ đơn thuần là một kẻ quan sát.

Và tâm trí là một cái computer hết sức tinh tế và phức tạp. Con người đã làm ra những cái computer vĩ đại, nhưng chưa có cái nào so sánh được với tâm trí con người. Chỉ một tâm trí con người đơn lẻ cũng có khả năng chứa đựng tất cả những thư viện của thế giới. Và chỉ một thư viện đơn lẻ – chẳng hạn, Thư viện British Museum – có những cuốn sách, mà nếu bạn tiếp tục xếp chúng như một bức tường, cuốn này bên cuốn kia, thì chúng sẽ đi 3 lần vòng quanh trái đất. Và đó chỉ là một trong nhiều thư viện lớn. Moscow cũng có loại thư viện tương tự, có lẽ còn lớn hơn. Harvard có loại thư viện tương tự. Nhưng một tâm trí riêng lẻ của con người có khả năng chứa đựng tất cả những gì được viết trong tất cả những cuốn sách này, có khả năng ghi nhớ nó. Trong một bộ não riêng lẻ, là hằng tỷ tế bào, và mỗi tế bào đơn lẻ có khả năng chứa đựng hằng triệu mảnh thông tin. Chắc chắn là người ta sẽ phát điên nếu người ta đã không đứng bên ngoài tâm trí. Nếu bạn chưa đạt tới trạng thái thiền, thì sự điên loạn là chắc chắn. Họ không sai, nhưng họ không biết những nỗ lực của tôi về thiền định.

Như vậy, tôi đang đọc những cuốn sách lạ, những kinh điển lạ (strange) từ khắp nơi trên thế giới; thế nhưng tôi chỉ là một kẻ quan sát, bởi vì riêng phần tôi, thì tôi đã về tới nhà. [2] Tôi không có gì để học từ việc đọc sách đó; việc đọc là dành cho một mục đích khác, và cái mục đích đó là để làm cho thông điệp của tôi được phổ quát, đại đồng, để tránh khỏi những giới hạn địa phương. Và tôi luôn hạnh phúc rằng tôi đã đạt được mục đích đó, một cách hoàn toàn.

Bởi vì người ta yêu mến tôi, họ đã gọi tôi là ‘ đạo sư của những đạo sư.’ Đó là do lòng yêu mến của họ. Riêng về phần tôi, tôi nghĩ mình chỉ đơn thuần là một con người bình thường, mà đủ bướng bỉnh để giữ độc lập, chống kháng mọi sự qui định, không bao giờ thuộc về bất cứ tôn giáo nào, bất cứ đảng phái chính trị nào, bất cứ tổ chức, sắc tộc nào. Tôi đã cố trong mọi cách có thể, chỉ để là chính mình, không có tính từ nào đi kèm. Và cái đó đã cho tôi quá nhiều sự nguyên vẹn (integrity), tính cá nhân, sự đích thực (authenticity), và niềm phúc lạc to lớn của sự thành tựu viên mãn.

Nhưng nó đã là nhu cầu của thời đại . (Thời đại đã buộc Osho phải làm như vậy. ND) Sau tôi, bất cứ ai cố trở thành một đạo sư, sẽ phải nhớ rằng, người ấy phải trải qua tất cả những điều mà tôi đã trải qua; nếu không thế, người ấy không thể được gọi là đạo sư. Người ấy sẽ vẫn ở trong tình trạng cục bộ địa phương – một đạo sư Hindu, nhà truyền giáo Kytô, một tu sĩ Hồi giáo – nhưng không phải là một đạo sư cho những hữu thể được gọi là con người (as such). Sau tôi, sẽ thật sự khó khăn để trở thành một đạo sư.

* * * * * * * * *

Người chứng ngộ hiểu con người (nhân tính - humanity) quá sâu sắc. Bằng cách hiểu chính mình, ông đã hiểu trạng thái khốn khổ của

tất cả hữu thể người. Ong cảm thấy thương xót con người; ông từ bi. Ông không lấy oán báo oán, vì lý do đơn giản là, trước hết, ông không cảm thấy bị phật ý. Thứ hai, ông cảm thấy thương xót bạn; ông không cảm thấy thù nghịch với bạn.

Một lần nọ, "sự cố" xảy ta tại Baroda, khi tôi đang nói chuyện với một đám đông lớn. Một ai đó đang ngồi dãy phía trước trở nên quá bực tức (disturbed) bởi những điều tôi đang nói, ông bị mất bình tĩnh; ông bị mất trí. Ông ném một trong hai chiếc giày vào tôi. Vào khoảnh khắc đó, tôi nhớ rằng tôi thường chơi bóng chuyền khi còn là sinh viên, nên tôi bắt được chiếc giày của ông, và hỏi xin ông chiếc thứ hai. Ông bị khó xử! Tôi nói, " Xin ném luôn chiếc còn lại – tôi sẽ làm gì với chỉ một chiếc giày? Nếu ông muốn tặng tôi một cái gì đó…" Ông chờ đợi. Tôi nói, " Tại sao ông chờ đợi? Hãy ném luôn chiếc kia, bởi vì, theo cách này, cả tôi lẫn ông đều không thể dùng nó. Và tôi không định trả nó lại, bởi vì không nên lấy oán báo oán. Cho nên, xin cho luôn chiếc kia."

Ông ta quá bị sốc, bởi vì ông ta không thể tin điều đó. Trước hết, cái mà ông ta đã làm, ông ta không thể tin – ông ta là một người tốt, một học giả, một học giả Sanskrit nổi tiếng, một pundit. Hành xử như thế là không phù hợp với tư cách của ông, nhưng mà nó đã xảy ra – con người thì quá đỗi vô ý thức. Nếu tôi đã hành động theo cách mà ông ta đang mong đợi một cách vô thức, thì mọi sự có lẽ đã ổn. Nhưng tôi hỏi xin chiếc giày kia, và điều đó khiến cho ông ta bị sốc rất nhiều. Ông bị choáng. Tôi nói với ai đó đang ngồi bên cạnh ông ta, " Hãy cởi giùm chiếc giày kia. Tôi sẽ không để yên cho ông ta, tôi muốn cả hai chiếc giày. Thật ra, tôi đang nghĩ đến việc mua một đôi giày, và người đàn ông này có vẻ rất hào phóng!" Và chiếc giày đó thật là mới.

Người đàn ông đó đến vào ban đêm, quỳ xuống hai bàn chân tôi và xin tha thứ. Tôi nói, " Hãy quên hết chuyện đó đi, không có vấn đề gì cả... Tôi không giận, nên tại sao tôi lại phải tha thứ? Để tha thứ, trước hết người ta phải giận. Tôi không giận, tôi ưa thích cái cảnh đó.

Thật ra, nó là một cái gì đó quá đẹp, đến nỗi nhiều người đã thiếp ngủ bỗng nhiên thức dậy! Trên đường đi, tôi cứ nghĩ : hay đấy, nên "cài" một vài người của mình, để thỉnh thoảng họ có thể ném một chiếc giày vào mình, và tất cả những người đang ngủ sẽ thức dậy. Ít nhất, trong một vài khoảnh khắc, họ sẽ tỉnh táo, bởi vì một cái gì đó đang xảy ra! Tôi biết ơn ông!"

Trong nhiều năm, ông ta tiếp tục viết thư cho tôi, " Xin tha thứ cho tôi! Trừ khi anh tha thứ cho tôi, tôi sẽ tiếp tục viết thư."

Nhưng tôi nói với ông ta, " Trước hết, tôi phải giận. Tha thứ cho ông chỉ có nghĩa là tôi chấp nhận rằng tôi đã giận. Nhưng tôi không giận ông, nên biết tha thứ cái gì? Ông nên tha thứ cho tôi, vì tôi đã không thể nào giận ông.!" Tôi không biết ông ta đã tha thứ cho tôi hay chưa, nhưng ông ta đã quên tôi. Bây giờ ông ta không còn viết thư cho tôi nữa.

Nếu không vì một mục đích riêng, thì hẳn là tôi không bao giờ muốn bị dính dáng về bất cứ phương diện nào với " tôn giáo". Toàn bộ lịch sử của tôn giáo chỉ bốc mùi thối tha (simply stinks). Nó xấu xa, và nó cho thấy sự suy thóai (xuống cấp) và sự phi nhân tính của con người, và mọi thứ đó đều xấu ác. Và điều này thì không riêng cho một tôn giáo đơn lẻ nào, mọi tôn giáo trên thế giới đều lặp lại một câu chuyện tương tự : con người bóc lột con người nhân danh Thượng đế. Tôi vẫn cảm thấy khó chịu (uneasy) khi bị dính dáng với từ "tôn giáo." Nhưng có một vài vấn đề: trong đời, đôi khi ta phải chọn những điều mà mình ghét.

Trong tuổi trẻ của tôi, tại trường đại học, tôi được biết đến như là một kẻ vô thần, phi tôn giáo, chống lại tất cả những hệ thống đạo đức. Đó là lập trường của tôi, và nó vẫn còn là lập trường của tôi. Tôi chưa thay đổi thậm chí một phân; lập trường của tôi vẫn y nguyên như cũ. Nhưng việc được biết đến như là một kẻ vô thần, phi tôn giáo, phi luân (amoral), trở thành một vấn đề. Thật khó mà truyền

thông với những người khác, hầu như không thể bắc cầu, không thể có bất cứ loại quan hệ nào với những con người. Trong việc thông giao (communing) của tôi với người khác, những từ này – kẻ vô thần, phi tôn giáo, phi luân (amoral) – vận hành như những bức tường không thể xuyên thấu. Nếu không cần phải truyền thông với người khác, thì có lẽ tôi đã giữ nguyên như vậy – với tôi, không có vấn đề nào cả – nhưng tôi thấy rằng, thật không thể nào quảng bá kinh nghiệm của tôi, thật không thể nào chia sẻ.

Cái khoảnh khắc mà người ta nghe (nói) rằng tôi là một kẻ vô thần, phi tôn giáo, phi luân, [3] họ hoàn toàn đóng (cửa) lại. Rằng tôi không tin vào Thượng đế, rằng tôi không tin vào thiên đàng và địa ngục – chừng đó cũng đủ cho họ rút lui khỏi tôi. Ngay cả chính những người có ăn học (educated) – bởi vì tôi là một giáo sư đại học, và đang được vây quanh bởi hằng trăm giáo sư, những học giả, những người có ăn học, thông minh – họ đơn giản tránh mặt tôi bởi vì họ không có dũng cảm để bảo vệ cái mà họ tin tưởng; họ không có luận cứ nào cho chính mình.

Và tôi liên tục tranh luận trên những góc phố, tại trường đại học, tại cửa tiệm pan walla – bất cứ nơi nào tôi có thể tóm lấy một ai đó. Tôi thường bổ búa vào (hammer) tôn giáo và cố tẩy sạch tất cả mọi thứ vớ vẩn này khỏi đầu óc họ. Nhưng toàn bộ kết quả, là tôi trở thành một hòn đảo; thậm chí không ai muốn nói chuyện với tôi, bởi vì ngay cả việc chào hỏi tôi cũng là nguy hiểm: nó sẽ dẫn tới đâu? Sau cùng, tôi đã phải thay đổi sách lược của mình.

Tôi trở nên ý thức rằng, thật kỳ lạ, những người quan tâm đến việc kiếm tìm chân lý, họ đều dính líu với những tôn giáo. Bởi vì họ nghĩ rằng tôi là phi tôn giáo, nên tôi không thể thông giao (commune) với họ; và họ mới là những người thực sự quan tâm, thực sự muốn biết. Họ là những người (mà) sẵn sàng du hành với tôi tới những không gian chưa được biết đến. Nhưng mà họ đã dính líu với một tôn giáo nào đó, một tông phái nào đó, một triết học nào đó; chỉ nội cái việc nghĩ rằng tôi là phi tôn giáo, vô thần, cũng trở thành một rào cản. Thế

mà, họ chính là những người mà tôi phải tìm nhặt họ ra (seek them out).

Có những người không dính líu với tôn giáo, nhưng họ không phải là "kẻ tìm kiếm" (seeker) chút nào. Họ chỉ quan tâm đến những cái vặt vãnh (trivia) của cuộc sống: kiếm nhiều tiền hơn, trở thành một lãnh tụ – một nhà chính trị, thủ tướng, tổng thống. Những mối quan tâm của họ rất thế tục. Họ không có ích gì cho tôi, và họ cũng không quan tâm đến cái mà tôi có để tặng họ. Người nào muốn trở thành thủ tướng của đất nước thì không quan tâm đến việc tìm kiếm (find) chân lý. Nếu chân lý và chức vụ thủ tướng cả hai được tặng cho ông ta, thì ông ta sẽ chọn chức vụ thủ tướng. Ông ta sẽ nói về chân lý, " Không có gì phải vội vàng. Chúng ta có thể làm cái đó – toàn bộ vĩnh cửu là có sẵn (available) – nhưng cái cơ hội của chức vụ thủ tướng thì có thể hay không thể đến một lần nữa. Nó hiếm khi đến, và chỉ đến với rất ít người, thỉnh thoảng mà thôi. Chân lý là bản chất tự nhiên (nature) của mọi người, cho nên bất cứ ngày nào chúng ta cũng có thể tìm kiếm nó. Cho nên, trước hết, chúng ta hãy làm những gì phù du (temporal), chóng qua. Giấc mơ đẹp này có thể không xảy ra một lần nữa. Thực tại sẽ không chạy đi đâu cả, nhưng giấc mơ này thì chóng qua."

Họ ưa mơ mộng, tưởng tượng. Họ không phải là người của tôi. Và việc truyền thông với họ cũng là bất khả, bởi vì những mối quan tâm của họ và (những người như) tôi là hoàn toàn đối nghịch với nhau. Tôi đã cố sức nhiều, nhưng những người này không quan tâm đến tôn giáo, không quan tâm đến chân lý, không quan tâm đến bất cứ cái gì có ý nghĩa.

Những người thực sự quan tâm, họ là người Kytô giáo, Ấn độ giáo, Hồi giáo, Jaina giáo, Phật giáo. Họ đã và đang theo một ý thức hệ nào đó, một tôn giáo nào đó. Rồi thì sự thể hiển nhiên với tôi rằng, tôi phải chơi trò chơi, đóng vai một người tôn giáo; không có cách

nào khác. Chỉ như vậy, tôi mới có thể tìm thấy những con người mà họ là những kẻ tìm kiếm đích thực.

Tôi ghét cái từ tôn giáo, tôi vẫn luôn ghét nó, nhưng tôi phải nói về tôn giáo. Nhưng cái mà tôi đang nói về - dưới chiêu bài tôn giáo – thì không giống như người ta thường hiểu cái từ này. Bây giờ, việc này chỉ đơn giản là một sách lược. Tôi đang dùng những từ ngữ của họ – Thượng đế, tôn giáo, sự giải thoát, moksha – và tôi đang gán cho chúng những ý nghĩa của tôi. [4] Trong cách này, tôi có thể bắt đầu tìm thấy những con người, và họ bắt đầu đến với tôi.

Tôi phải mất vài năm để thay đổi hình ảnh của tôi trong mắt mọi người. Nhưng mà người ta chỉ lắng nghe những từ ngữ, họ không hiểu nghĩa của chúng. Người ta chỉ hiểu cái mà bạn nói, họ không hiểu cái không được nói ra, ẩn dưới những từ ngữ. Cho nên tôi dùng những vũ khí của chính họ, để chống lại họ! Tôi bình luận về những kinh điển (tôn giáo) và tôi đưa vào đó một nghĩa hoàn toàn là của tôi.

Nếu không vì mục đích riêng, thì có lẽ tôi đã nói cùng một điều mà không cần bình luận về ai cả – sẽ dễ dàng hơn nhiều, bởi vì lúc đó tôi đã có thể nói một cách trực tiếp với họ. Không cần phải lôi vào Krishna, Mahavira, và Jesus và rồi làm cho các vị ấy nói cái mà họ đã không bao giờ nói. [5] Nhưng đó là sự ngu xuẩn của con người: trước đây tôi đã từng nói những điều tương tự, nhưng họ thậm chí không thèm nghe nó… bây giờ, hằng ngàn người bắt đầu tụ họp lại xung quanh tôi, bởi vì tôi đang nói về Krishna.

Nhưng mà, tôi có dính dáng gì với Krishna? Ngài đã làm gì cho tôi? Tôi có quan hệ gì với Jesus? Nếu tôi đã gặp Ngài khi Ngài còn sinh thời, có lẽ tôi đã nói với Ngài, " Ngài là một kẻ cuồng tín (fanatic), và chắc hẳn Ngài không ở trong trạng thái tâm lý bình thường. Tôi

không thể nói rằng, những người muốn đóng đinh Ngài là hoàn toàn sai trái, bởi vì họ không có cách nào khác để hành xử với Ngài."

Cho nên, đây là cách duy nhất. Khi tôi bắt đầu nói về Jesus, những đại học Kytô giáo và những viện thần học bắt đầu mời tôi nói chuyện. Và tôi cứ liên tục cười khúc khích bên trong, bởi vì những gã khờ đó nghĩ rằng đây là cái mà Jesus đã nói. Vâng, tôi dùng những từ ngữ của Jesus – người ta chỉ cần hiểu một trò chơi nhỏ với những từ ngữ, và người ta có thể gán cho bất cứ từ nào một nghĩa nào đó – và họ nghĩ rằng, đây là thông điệp thực thụ của Jesus … "Những nhà truyền giáo và linh mục Kytô giáo của chúng tôi chưa làm được nhiều cho Jesus như anh đã làm."

Và tôi đã phải "giữ bí mật, " biết rằng tôi chẳng dính dáng gì tới Jesus, và rằng, cái mà tôi đang nói, thì có thể là Jesus cũng không có khả năng thậm chí để hiểu. [6] Những cái mà tôi nói trên danh nghĩa của Jesus, thì tôi đã từng nói trước đây, nhưng không có cọng đồng Kytô giáo nào, không có trường đại học Kytô giáo nào, không có viện thần học nào mời tôi. Mời tôi ư? Trước kia, nếu tôi có muốn bước vào những nơi đó, thì có lẽ họ đã đóng cửa với tôi. Tình huống là như vầy: Tôi bị cấm không được vào cái đền thờ trung tâm của chính thành phố tôi, và họ có sự hỗ trợ của cảnh sát để ngăn tôi lại. Cho nên, bất cứ khi nào có một tu sĩ Hindu đang nói chuyện bên trong, thì một người cảnh sát đứng gác bên ngoài, để ngăn không cho tôi đi vào.

Tôi nói, " Tôi muốn nghe người đàn ông đó."

Người cảnh sát viên nói, " Chúng tôi biết, và mọi người biết rằng khi anh có mặt ở đó, mọi người đều muốn nghe anh nói. Và chúng tôi được gọi đến đây chỉ để ngăn cản anh, không ai khác; mọi người khác đều được phép. Nếu anh ngừng đến, chúng tôi sẽ không phải

bận tâm, bởi vì chúng tôi đang đứng đây một cách không cần thiết trong 2 – 3 tiếng đồng hồ hằng ngày. Trong khi bài pháp thoại tiếp tục, tôi sẽ đang đứng đây chỉ vì anh, một người duy nhất."

Nhưng bây giờ, chính ngôi đền đó bắt đầu mời tôi. Một lần nữa, cảnh sát đã có mặt ở đó – để ngăn tình trạng quá đông đúc! Một cảnh sát mà vẫn (thường) có mặt ở đó nói với tôi, " Anh là một cái gì đó! (you are something!) Trước kia, chúng tôi đã ở đây để giữ không cho anh vào, bây giờ, thì chúng tôi lại đang đứng ở đây bởi quá nhiều người ùa vào thì rất nguy hiểm – cái ngôi đền đã quá cổ."

Nó có những bao lơn lớn, và ít nhất 5 ngàn người có thể ngồi bên trong. Nhưng khi tôi nói chuyện ở đó, gần 50 ngàn người thường đến nghe. Do vậy, người ta thường lên những bao lơn, mà bình thường không bao giờ được dùng. Một hôm, sự thể trở nên quá nghiêm trọng, đến nỗi có thể là những bao lơn sẽ bị sập xuống – quá nhiều người trên bao lơn, mà ngôi đền thì lại quá cổ. Rồi, tự nhiên là người ta phải sắp xếp sao cho ngày kế đó sẽ chỉ có một số lượng người được phép vào.

Cái đó tạo ra sự rắc rối. Người cảnh sát nói, " Bây giờ có sự rắc rối mới! Anh nói ở đó trong 2 tiếng đồng hồ, nhưng người ta lại đến sớm 2 giờ trước đó, nếu họ đến trễ, họ sẽ không thể vào." Ông ta nói với tôi, "Nhưng anh là một cái gì đó! Tôi nghĩ rằng anh chống lại Thượng đế!"

Tôi nói nhỏ vào tai ông ta, " Tôi vẫn chống – đừng nói với ai bởi vì không ai sẽ tin điều đó. Và tôi vẫn luôn chống lại Thượng đế. Trước khi tôi rời bỏ trần gian, tôi sẽ phanh phui mọi sự. Nhưng ông đừng nói với ai, bởi vì sẽ không ai tin ông, và tôi sẽ thẳng thừng phủ nhận rằng tôi đã từng nói bất cứ cái gì với ông."

Nhưng tôi đã phải tìm ra những cách thức của riêng mình. Tôi thường nói về Thượng đế và rồi tôi bảo người ta rằng, " Thượng đế tính" (godliness) là một từ tốt hơn nhiều. Đó là một cách để hủy bỏ (dispose of) Thượng đế. Nhưng bởi vì tôi đang nói về Thượng đế, những người có dính líu – họ là những kẻ tìm kiếm đích thực đang bị khai thác (bóc lột) bởi giới tăng lữ – bắt đầu trở nên quan tâm đến tôi. Tôi tìm kiếm "cái tinh hoa" [7] (cream) - từ tất cả mọi tôn giáo.

Không có cách nào khác. Và nếu không dùng cách này, thì có lẽ tôi đã không thể bước vào "chuồng trại" (fold) của họ, và có lẽ họ cũng đã không thể nào đến với tôi. Chỉ cần một vài lời thôi, cũng đủ ngăn cản họ. Và có lẽ tôi không thể trách cứ họ, có lẽ tôi nên trách chính mình. Tôi đã phải tìm cách nào đó để có thể tiếp cận họ. Và tôi đã tìm ra cách; nó rất đơn giản. Tôi chỉ nghĩ, "Hãy dùng từ ngữ của họ, hãy dùng ngôn ngữ của họ, hãy dùng kinh điển của họ. Và nếu bạn đang dùng súng của một ai khác, thì cái đó không có nghĩa là bạn không thể đặt ổ đạn của riêng bạn vào trong nó. Hãy cứ tạm dùng súng của một ai đó, nhưng ổ đạn là của mình! Bởi vì cái tác dụng thực sự sẽ xảy ra xuyên qua những ổ đạn, chứ không phải súng. Do vậy, có hại gì nào?"

Và nó dễ dàng, rất dễ dàng, bởi vì tôi có thể dùng những từ ngữ Hindu và chơi cùng một trò chơi; tôi có thể dùng những từ ngữ Hồi giáo và chơi cùng một trò chơi; tôi có thể dùng những từ ngữ Kytô giáo và chơi cùng một trò chơi.

Không chỉ những người này đang đến với tôi, mà cả những tu sĩ Jaina, những nữ tu, những tu sĩ Hindu, Phật giáo, những nhà truyền giáo Kytô giáo cũng đến với tôi – mọi loại người bắt đầu đến với tôi. Và bạn sẽ không thể tin điều ấy… bạn chưa thấy tôi cười lớn bởi vì

tôi đã cười lớn quá nhiều bên trong, đến nỗi không cần thiết nữa. Tôi đã và đang kể cho bạn những câu chuyện đùa, nhưng tôi đã không cười, bởi vì tôi đã và đang chơi một trò đùa suốt đời tôi! Cái gì có thể buồn cười hơn? Và tôi thành công trong việc "đánh lừa" (befool) tất cả những giáo sĩ và những học giả lớn đó một cách quá dễ dàng. Họ bắt đầu đến với tôi và hỏi tôi những câu hỏi. Tôi chỉ đơn giản phải cảnh giác ở lúc đầu, để dùng vốn từ của họ, và ngay giữa những dòng chữ, giữa những từ, tiếp tục đưa vào cái "thứ" thực thụ mà tôi quan tâm đến.

Tôi học cái nghệ thuật này từ một người đi câu.

Tôi thường ngồi trên bờ của con sông hằng giờ bởi vì đó là nơi đẹp nhất trong làng tôi. Đẹp vào buổi sáng, đẹp vào buổi chiều tối; và thậm chí trong mùa hè nóng bức, có những địa điểm nơi mà có những cây to, cành vươn ra trên sông. Bạn có thể đơn giản dầm mình trong con sông, quá mát mẻ đến nỗi bạn quên rằng lúc đó đang là mùa hè.

Tôi chỉ ngồi nhìn mặt trời buổi sáng, và những người câu cá thì ở đó. Họ thường lấy mồi ra. Và họ thường cắt những côn trùng thành từng mảnh ngon lành với những loài cá, và câu chúng bằng cần câu của mình. Những con cá sẽ đến cắn mồi, và với mồi là lưỡi câu; lưỡi câu sẽ bắt con cá. Con cá sẽ đến để bắt con mồi, nhưng một khi nó nuốt mồi, nó bị kẹt vào lưỡi câu và được kéo lên ngay lập tức.

Nhìn người câu cá này, tôi nghĩ, " Mình phải tìm ra cách nào đó để có thể "bắt" những người của mình. Ngay bây giờ, họ đang ở trong những doanh trại khác nhau, không ai là của mình cả." Tôi đơn độc: Không ai can đảm đủ để thậm chí giao du (associate) với tôi hay đi dạo với tôi bởi vì người ta sẽ nghĩ rằng, gã đó là người "bỏ đi", hư hỏng một cách vô phương cứu chữa.

Tôi đã phát hiện ra mồi: Hãy dùng từ ngữ của họ. [8] Ban đầu, người ta thực sự bị sốc. Những người đã biết tôi nhiều năm, những người đã biết rằng tôi luôn chống lại Thượng đế, họ thực sự thắc mắc, hoàn toàn thắc mắc. Và điều này xảy ra một cách lặp đi lặp lại.

Một lần tôi đang nói chuyện ở một học viện (institute) Hồi giáo, tại Jabalpur. Một trong những ông giáo sư Hồi giáo của tôi đã trở thành viện trưởng của cái viện này, và ông ta không ngờ rằng người "diễn giả" này chính là cái người mà ông đã biết khi anh ta còn là sinh viên. Một ai đó đã bảo ông rằng, họ đã nghe tôi nói chuyện về những nhà Sufi, và đó là một điều không thể tin được: " Chúng ta đã không nghĩ về những nhà Sufi theo cách đó, và viện (institute) của chúng ta sẽ rất hân hạnh nếu người đàn ông này đến."

Nếu một người Hồi giáo đến và nói về Thánh Kinh, thì những người Kytô sẽ cảm thấy rất được vuốt ve, cái tự ngã (ego) của anh ta sẽ phồng lên một cách cực kỳ. Hay, nếu một người Hồi giáo, một người Ấn độ giáo, Phật giáo đang nói về Jesus, ca ngợi Ngài và những lời nói của Ngài … Và đặc biệt tại Ấn độ, nơi mà những người Hồi giáo và Ấn độ giáo liên tục giết hại nhau, thì nếu một ai đó không phải Hồi giáo mà có thể nói chuyện về giáo phái Sufi … Ông thầy cũ của tôi rất vui sướng và ông mời tôi nói chuyện. Tôi đang tìm kiếm tất cả những lời mời này, bởi vì tôi muốn tìm kiếm người của tôi, và họ đang ẩn nấp trong những nơi khác nhau.

Khi ông thầy của tôi thấy tôi, ông nói, " Tôi chỉ mới nghe nói về những phép mầu, nhưng quả thật đây là một phép mầu! Anh đang nói về giáo phái Sufi, về đạo Hồi, về triết học cơ bản của đạo Hồi?"

Tôi nói, " Với Thầy, tôi sẽ không nói dối – Thầy là thầy cũ của tôi. Tôi sẽ chỉ nói về triết học của tôi. Vâng, tôi đã học được nghệ thuật của việc ném cho người ta cái từ ' Hồi giáo', thỉnh thoảng. Tôi sẽ làm, trong mức độ đó."

Ong nói, " Trời ơi! Nhưng bây giờ không có cách nào thoát ra – người ta đang đợi trong thính đường. Và anh vẫn là con người nghịch ngợm, anh chưa thay đổi. Anh có đang đùa cợt hay gì đó không? Bởi vì một trong những vị thầy được tin cậy của chúng tôi, là một thẩm quyền về giáo phái Sufi, đã ca ngợi anh. Bởi vì lời ca ngợi của ông, tôi đã mời anh."

Tôi nói, " Ông ta đã nói đúng, và Thầy cũng sẽ ca ngợi cái mà tôi nói. Nhưng hãy luôn nhớ, tôi sẽ chỉ nói cái mà tôi muốn nói. Nó không quan trọng, nó là một điều quá đơn giản: nếu một người Phật giáo mời tôi, tôi chỉ phải thay đổi một vài từ. Và khởi đi từ Sufi, tôi sẽ nói về Zen, không phải về Sufi. Tôi nói cùng một điều; nó chỉ là: Sufi được thay đổi chỗ này một chút, chỗ kia một chút. Và tôi phải cảnh giác – tôi không nên quên về việc tôi đang nói với ai, tất cả chỉ có vậy."

Và tôi nói. Dĩ nhiên, ông đã ngồi ở đó rất khổ sở, nhưng khi ông nghe tôi nói, ông quá vui sướng. Ông đến ôm hôn tôi và nói, " Chắc hẳn là anh đã nói đùa."

Tôi nói, " Tôi luôn nói đùa – đừng xem trọng nó."

Ông nói, " Anh đúng là một người Sufi."

Tôi nói, " Đó là cái mà người ta thường nói!"

Một lần, tôi nói chuyện tại Amritsar, ở Đền Vàng của người Sikh. Mọi nơi, khắp đất nước, người ta đã hỏi tôi hằng ngàn lần, " Tại sao ông lại để râu." Tôi đã trở nên quen với câu hỏi đó, và tôi ưa thích trả lời trong nhiều cách khác nhau với những người khác nhau. Nhưng tại Đền Vàng, khi tôi đang nói về Nanak và thông điệp của ông, thì một sardar rất già đến với tôi, sờ vào hai bàn chân tôi và nói, " Sardarji, tại sao anh lại cắt đi mái tóc của mình?" Đó là một câu hỏi mới mẻ, được hỏi lần đầu tiên. Ông nói, "Bộ râu của anh thì hoàn

toàn không sao cả, nhưng tại sao anh lại cắt đi mái tóc của mình! Và anh là một người quá tôn giáo như thế."

Để là một người Sikh, chỉ cần có 5 điều – những điều rất đơn giản, bạn có thể làm được, bất cứ ai cũng có thể. Chúng được gọi là "5 k", bởi vì mỗi từ bắt đầu bằng con chữ "k". Kesh có nghĩa là tóc, katar có nghĩa là một con dao; kachchha có nghĩa là đồ lót – cái này thì tôi vẫn chưa thể nào hiểu ra. Nó là câu hỏi duy nhất mà tôi không thể trả lời. Triết lý nào đang được dạy? Thật kỳ lạ, nhưng hẳn phải có lý do nào đó. Tôi hỏi những giáo sĩ người Sikh và vị giáo sĩ chức sắc cao của họ, " Mọi thứ đều ổn – hãy để tóc và có một thanh kiếm, hay một con dao – nhưng cái kachchha này… ? Kachchha có ý nghĩa gì về mặt thần học, triết học, thông thiên học (theosophical)?"

Họ nói, " Không ai từng hỏi về nó; chúng tôi chỉ đơn giản phải theo 5 chữ "k" này."

Vị sardar già này đã nghĩ rằng tôi là một sardar, bởi vì không ai là một phi - sardar mà lại từng nói chuyện trong Đền Vàng. Nó là điều vô tiền khoáng hậu. Chắc chắn ông thắc mắc, về việc tại sao tôi, một người tôn giáo như thế, lại cắt tóc của mình đi. Và tôi chỉ mới 30 tuổi vào thời điểm đó.

Do vậy, tôi nói với ông, " Có lý do nào đó trong việc này. Tôi chưa cảm thấy mình là một sardar hoàn hảo, và tôi không muốn tự nhận bất cứ cái gì mà tôi không là. Cho nên tôi đã giữ 4 điều, nhưng mà tôi vẫn cắt tóc của mình. Tôi sẽ để tóc khi nào tôi trở thành một sardar hoàn hảo."

Ông ta nói, " Đúng rồi. Thật vô cùng có ý nghĩa khi một người nghĩ đến việc này, rằng anh ta không nên tự nhận mình là một sardar hoàn hảo. Anh là một sardar tốt hơn chúng tôi! Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi hoàn hảo bởi vì chúng tôi có tất cả 5 điều này."

Từ giữa những người này, tôi tìm kiếm người của tôi. Nó không khó, nó rất dễ. Tôi đang nói ngôn ngữ của họ, dùng những thành ngữ tôn giáo của họ, trích dẫn kinh điển của họ, và gởi thông điệp của tôi. Những người thông minh (có trí tuệ) ngay lập tức hiểu và họ bắt đầu tụ họp xung quanh tôi.

Khắp Ấn độ, tôi bắt đầu tạo ra những nhóm trong số những người của riêng tôi. Bây giờ thì tôi không cần phải nói về đạo Sikh, đạo Hindu, đạo Jaina; không cần, nhưng trong 10 năm, tôi đã liên tục nói về chúng. Một cách chậm rãi, khi tôi đã có người của riêng mình, tôi thôi không nói về những người khác (others). Tôi cũng ngừng du hành, bởi vì không cần thiết. Bây giờ tôi đã có người của tôi: nếu họ muốn đến với tôi, họ có thể đến.

Do vậy, phương sách đó đã là một sự cần thiết tuyệt đối; không có cách nào khác để "câu" những người của tôi. Mọi người đều đã bị chia cắt, nó không phải là một thế giới rộng mở: ai đó là một người Kytô giáo, ai đó là một người Hindu giáo, ai đó là một người Hồi giáo. Thật khó mà tìm một người không-là-ai-cả. Tôi đã phải tìm kiếm người của tôi từ những "bầy đàn" (flock) đóng kín, nhưng để bước vào "bầy đàn" của họ, tôi đã phải nói ngôn ngữ của họ. Chầm chậm, chầm chậm, tôi từ bỏ ngôn ngữ của họ. Theo tỉ lệ tương xứng, khi thông điệp của tôi ngày càng trở nên rõ ràng hơn, tôi dần dần từ bỏ ngôn ngữ của họ.

Trong những ngày đó, tôi đã phải nói dưới chiêu bài tôn giáo, dưới chiêu bài Thượng đế. Nó là bắt buộc, có tính cưỡng bách, không có lựa chọn nào khác. Không phải là tôi đã không cố thử nghiệm (tried) nó – tôi đã cố thử, nhưng tôi phát hiện rằng, nó chỉ đơn giản đóng chặt cánh cửa của người ta.

Ngay cả cha tôi cũng thắc mắc, hơn bất cứ ai khác, bởi vì ông biết tôi ngay từ thuở ấu thơ – rằng tôi chống lại tôn giáo, chống lại những

giáo sĩ. Khi tôi bắt đầu nói tại những hội nghị tôn giáo, ông hỏi tôi, " Cái gì đang xảy ra vậy? Có phải là anh đã thay đổi rồi ?"

Tôi nói, " Không chút nào cả. Con chỉ thay đổi sách lược của mình thôi; nếu không, thật khó mà nói chuyện tại Hội Nghị Hindu Thế giới. Người ta sẽ không cho phép một kẻ vô thần lên sân khấu; một kẻ phi luân (amoralist), một người phi-Thượng đế, họ sẽ không cho phép. Nhưng mà họ đã mời con – và nhân danh tôn giáo, [9] con đã nói mọi thứ chống lại tôn giáo."

Vị shankaracharya, chủ tịch cọng đồng Hindu, đang chủ tọa hội nghị. Vua của Nepal – Nepal là vương quốc Hindu giáo duy nhất trên thế giới – khai mạc hội nghị. Vị shankaracharya đang gặp khó khăn lớn, bởi vì những gì tôi đang nói thì hoàn toàn phá hoại toàn bộ hội nghị, nhưng cái cách mà tôi đang trình bày nó, đã gây ấn tượng cho thính giả. Ông trở nên quá giận dữ, đến nỗi ông đứng dậy và cố giựt cái micro – người đàn ông già này. Trong khi ông đang cố giựt nó đi, tôi nói, " Chỉ một phút, tôi sẽ xong ngay thôi." Do vậy, trong một phút ông dừng lại – và trong một phút tôi đã xoay xở thành công!

Tôi hỏi những người có mặt – hẳn có ít nhất là 100 ngàn người – tôi hỏi họ, " Quý vị muốn cái gì? Ông ta là chủ tịch, ông ta có thể ngăn chận tôi nếu ông ta muốn, và chắc chắn là tôi sẽ ngừng. Nhưng quý vị là những người đến đây để nghe. Nếu quý vị muốn nghe tôi nói, thì xin đưa tay lên – và hãy làm rõ, bằng cách đưa cả hai tay lên."

Hai trăm ngàn bàn tay… Tôi nhìn gã đàn ông già và nói, " Bây giờ ông hãy ngồi xuống đi. Ông không còn là chủ tịch nữa: hai trăm ngàn bàn tay đã hủy bỏ ông một cách hoàn toàn. Ông đại diện cho ai? Ông là chủ tịch – những người này đã bầu ông làm chủ tịch, nhưng bây giờ những người này đã hủy bỏ ông. Bây giờ tôi sẽ nói chuyện lâu bao nhiêu tùy ý."

Đó là cách "bắt" người của tôi – có lẽ không thể nào khác được. Và tôi tìm thấy hằng trăm người từ cuộc tụ họp đó; Bihar trở thành

một nguồn cung cấp nhiều trong số những sannyasin của tôi.

Trong cách tương tự, tôi đang lưu động khắp đất nước, đi vào trong những hội nghị tôn giáo và "chụp bắt" người. Và một khi tôi đã có nhóm của riêng mình trong thành phố đó, thì tôi không bao giờ bận tâm về những hội nghị của họ; rồi thì nhóm của tôi tổ chức những hội nghị của chính mình, những cuộc gặp gỡ của riêng mình. Nhưng cũng cần phải mất thời gian.

Có một lần, tôi diễn thuyết trong một hội nghị cùng với Chandan Muni, một tu sĩ Jaina rất được nể trọng giữa những người Jaina. Ông ta nói trước, và ông nói về cái ngã, sự thành tựu chân ngã, và sự phúc lạc của chân ngã … Tôi đang ngồi bên cạnh người đàn ông này, quan sát ông. Tất cả những lời nói đó đều trống rỗng; không có sự hỗ trợ từ kinh nghiệm của ông. Tôi có thể thấy trong mắt ông, không có chiều sâu.

Tôi nói sau ông, và điều đầu tiên tôi nói, là: " Bất cứ những gì mà Chandan Muni đã nói chỉ là một sự lặp lại kinh điển, như con vẹt. Ông đã làm một công trình tốt. Trí nhớ của ông tốt, nhưng kinh nghiệm của ông chỉ là con số không."

Có rắc rối lớn, bởi vì đó là hội nghị của người Jaina. Một vài người bắt đầu đứng lên và bỏ đi. Tôi nói, "Hãy đợi! Quý vị sẽ phải lắng nghe tôi ít nhất 5 phút và rồi quý vị có thể đi. Tôi là người mới đối với quý vị; quý vị không biết tôi. Ít nhất 5 phút chỉ để có một chút giới thiệu về loại người nào mà quý vị sẽ bỏ lại đằng sau, và rồi quý vị tự do; mọi người có thể đi."

Nói trong 5 phút là đủ, và sau 5 phút, tôi hỏi, " Bây giờ, bất cứ ai muốn đi, nên rời đây ngay lập tức."

Không có một người nào bỏ đi. Tôi nói gần 2 tiếng đồng hồ. Theo kế hoạch, tôi không được phép nói lâu như thế, tôi chỉ được yêu cầu nói trong 10 phút. Nhưng thấy rằng bây giờ người ta đang lắng nghe và không ai bỏ đi, ông chủ tịch sợ. Ngay cả Chandan Muni cũng đang lắng nghe một cách nồng nhiệt và cảnh giác (intensely và alertly). Ông chủ tịch sợ quấy rầy tôi bởi vì ông biết rằng, tôi không phải là người mà có thể bị chận lại. Và tôi không định ngừng lại, tôi định ném ông chủ tịch ra ngoài. Ông hiểu điều đó, cho nên ông đang ngồi im lặng.

Nhưng sau khi nghe tôi nói trong 2 tiếng đồng hồ, Chandan Muni gởi cho tôi một lời nhắn chiều hôm đó, nói, " Tôi muốn gặp anh một mình, riêng tư. Tôi không thể đến cái nơi mà anh đang lưu lại, bởi vì một tu sĩ Jaina không thể đi bất cứ nơi đâu trừ ra đền thờ Jaina. Do vậy, xin vui lòng tha thứ cho tôi, anh sẽ phải đến đây."

Tôi nói, " Không có vấn đề gì. Tôi sẽ đến."

Tôi đến, và ít nhất 200 người đã tụ họp ở đó. Nhưng ông muốn sự riêng tư tuyệt đối, nên ông dẫn tôi vào phòng, đóng cửa lại, ngồi xuống với tôi trên sàn và nói, " Anh nói đúng. Tôi không có đủ can đảm để nói ra điều ấy một cách công khai trước công chúng, nhưng tôi muốn nói với anh rằng anh có lý. Tôi không có bất cứ kinh nghiệm nào về chân ngã, tôi không có kinh nghiệm nào về sự thành tựu chân ngã. Tôi không biết là điều như thế có hiện hữu hay không – và anh tuyệt đối đúng khi nói rằng tôi chỉ là một con vẹt lặp lại những kinh điển.

" Nhưng xin hãy giúp tôi. Tôi bị giam tù, tôi không thể đi đâu cả. Tôi là chủ tịch của một cọng đồng; tôi không thể thậm chí hỏi anh những câu hỏi trước mặt những người khác. Họ nghĩ rằng tôi đã chứng ngộ rồi, nên tại sao tôi lại hỏi những câu hỏi? Tôi hẳn đã biết câu trả lời, chính tôi." Và có những giọt lệ trong mắt ông.

Tôi nói, " Tôi sẽ cố hết sức để giúp ông, bởi vì tôi đã thấy nhiều lãnh tụ tôn giáo, nhưng họ không có được trái tim chân thành như thế. Và tôi biết hoàn toàn rõ rằng, ông không thể ở lâu trong sự trói buộc (bondage) này. Ông đã gặp một người nguy hiểm, và chính ông đã mời tôi!"

Và nó xảy ra trong vòng hai năm. Ông liên hệ với tôi – thư từ, học thiền định, thực hành thiền định – và sau hai năm, ông rút ra khỏi cọng đồng Jaina. Ông quá được nể trọng, và cọng đồng Jaina thì rất giàu có… thế mà ông rút ra.

Ông đến gặp tôi. Tôi không thể tin ở mắt mình. Khi ông đến nhà tôi, và nói, " Tôi là Chandan Muni," tôi nói, " Ông đã thay đổi quá nhiều!"

Ông nói, " Thoát khỏi một nhà tù, thoát khỏi kiến thức vay mượn đã là một sự nhẹ nhõm quá lớn đến nỗi tôi đã trẻ lại" – và ông đã 70 tuổi. Ông nói, "Bây giờ tôi sẵn sàng làm bất cứ cái gì mà anh muốn. Tôi đã đánh liều mọi thứ; tôi đã giàu có, tôi đã từ bỏ cái đó để trở thành một tu sĩ Jaina. Bây giờ tôi đã từ bỏ đạo Jaina, chức vị tu sĩ, chỉ để không là ai cả, để có toàn bộ tự do để thí nghiệm."

Nếu tôi thấy những người ngồi im lặng, chú ý, uống vào mọi lời nói, tập trung, trầm tư, tôi có thể nói những điều cao hơn; những điều phức tạp hơn nhiều có thể được giải thích cho họ.

Nhưng nếu không có người bạn nào đang ngồi trước mặt tôi, thì tôi luôn phải bắt đầu từ ABC. Rồi thì máy bay sẽ không bao giờ có thể cất cánh; rồi thì nó phải vận hành như một chiếc xe buýt. Bạn có thể dùng một máy bay như một xe buýt – nhưng nó chỉ có thể cất cánh khi nó tăng tốc độ; một tình huống nhất định được cần đến để nó tăng tốc độ.

Trước đây, tôi thường nói chuyện với hằng triệu người tại Ấn độ; rồi tôi đã phải ngừng lại. Tôi đã nói chuyện với hằng ngàn người – tại

một cuộc tụ họp (meeting) đơn lẻ, 50 ngàn người. Tôi đã du hành vòng quanh đất nước đó trong 15 năm, từ góc này đến góc kia. Tôi đơn giản trở nên chán ngấy toàn bộ sự việc, bởi vì mỗi ngày tôi thường phải khởi đầu từ ABC. Nó luôn luôn là ABC, ABC, ABC, và sự thể trở nên hoàn toàn rõ rằng, tôi sẽ không bao giờ đạt tới XYZ. Tôi đã phải ngừng du hành.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Nguyên tác: " Now a Buddha will not be able to manage, nor Jesus nor Mose nor Confucius. They will all have very localized minds and very localized attitude." Có lẽ ý Osho muốn nói: nếu bây giờ xuất hiện những người như Buddha, Jesus, Moses, Khổng Tử, thì họ dễ có tâm trí địa phương, nếu họ không có những cách để "thích nghi" với thời đại. Đó là cách hiểu của tôi, còn bạn đọc?

[2] Bạn đọc lưu ý: Osho đọc sách với tư cách là người đã "chứng ngộ." Ông không học để "mở mang kiến thức" như chúng ta. Mục đích của ông, chỉ là để "khế cơ" – nghĩa là, để dễ dàng truyền đạt "tư tưởng" của ông tới con người hiện đại mà thôi.

[3] Bạn đọc cẩn thận: Osho "nói dzậy, nhưng không phải dzậy" ! Thực ra, Osho "vượt lên" hữu thần và vô thần, "tôn giáo" và "phi tôn giáo", "đạo đức" và "phi đạo đức." Mọi cái đó đều chỉ là những "khái niệm giả danh" mà thôi.

[4] Bạn đọc cần lưu ý điều này – nếu muốn hiểu rõ Osho hơn.

[5] Có nghĩa là, Osho chỉ "mượn" những lời nói của những vị này, nhưng lại đưa vào những "tư tưởng" của riêng ông. Ta hãy cẩn thận để khỏi bị nhầm lẫn. Chính người dịch, ban đầu cũng bị… nhầm, nên muốn bạn đọc cẩn thận, vậy thôi!

[6] Osho muốn nói: chỉ "hiểu" thôi, đã là khó, huống chi là "nói" ra để truyền đạt tới người khác. Ăn nói kiểu này, thật dễ gây… sốc!

[7] "Cái tinh hoa" ở đây chỉ có nghĩa là "những con người tinh hoa."

[8] "Dùng từ ngữ của họ, để nói điều của riêng mình!" – Đọc Osho, ta nên cẩn thận !

[9] Bạn đọc cần nhớ rằng, Osho không chống lại "tính tôn giáo" – ông chỉ chống lại những "tôn giáo có tổ chức" (định chế) mà thôi. Mặc dù vậy, việc chống lại những "tôn giáo có tổ chức" cũng cần được thảo luận nhiều. Về mặt này, Osho hoàn toàn giống Krishnamurti. Tuy là có "hạt nhân hợp lý", nhưng, phải chăng cả hai vị đều có phần "cực đoan" ?

PHẦN I: CHƯƠNG VII

DIỄN ĐẠT CÁI BẤT KHẢ DIỄN ĐẠT: NHỮNG KHOẢNG IM LẶNG GIỮA LỜI NÓI.

Trong 35 năm, tôi đã liên tục nói mà không có mục đích gì cả. Với việc nói chuyện nhiều như vậy, tôi đã có thể trở thành một vị tổng thống, một thủ tướng; không có gì khó cả. Với việc nói chuyện nhiều như thế, tôi đã có thể làm một cái gì đó. Nhưng mà tôi đã đạt được cái gì?

Trước hết, tôi không nhằm vào lợi lộc – tôi ưa thích công việc của mình. Đây là hội họa của tôi, đây là ca khúc của tôi, đây là thi ca của tôi. Ngay những khoảnh khắc đó, khi tôi đang nói, và tôi cảm thấy sự giao cảm (communion) xảy ra, những khoảnh khắc khi mà tôi thấy đôi mắt bạn bừng sáng lên, khi tôi thấy rằng bạn đã hiểu điều mấu chốt … chúng cho tôi niềm vui quá lớn lao đến nỗi tôi nghĩ, nó tràn đầy quá rồi, không cần thêm gì vào nó nữa.

Bạn không biết về hằng ngàn những người chứng ngộ, họ đã sống và chết đi, bởi vì họ không có tài năng gì đặc biệt, để người bình thường thấy được họ. Có thể họ đã có một cái gì đó độc đáo; chẳng hạn, có thể họ đã đạt tới một "trạng thái" im lặng bao la, nhưng cái đó thường không được lưu ý nhiều.

Tôi biết một người chứng ngộ tại Bombay khi tôi ở đó, và tài năng duy nhất của ông là làm những bức tượng đẹp bằng cát. Tôi chưa bao giờ thấy những bức tượng đẹp như thế. Suốt ngày ông thường làm chúng trên bãi biển, và hằng ngàn người thấy chúng và ngạc nhiên. Họ đã nhìn thấy tượng Phật Gautama, Krishna, Mahavira, nhưng không có sự so sánh. Và ông không đang làm việc trên cẩm

thạch, chỉ bằng cát biển. Người ta thường ném những đồng rupee; ông không hề bận tâm. Tôi đã nhìn thấy những người khác lấy đi những tờ bạc đó; ông cũng không bận tâm về chuyện đó. Ông quá bị hút vào việc nắn những bức tượng. Nhưng những bức tượng đó không tồn tại lâu. Chỉ một làn sóng biển đến, và vị Phật (cát) biến đi.

Trước khi chứng ngộ, ông sinh sống bằng cách đó, di chuyển từ thành phố này sang thành phố nọ và làm những bức tượng cát. Và chúng quá đẹp, đến nỗi không thể không tặng ông một cái gì đó. Ông kiếm đủ sống, đủ cho một người.

Bây giờ ông đã chứng ngộ – nhưng ông chỉ có một tài năng duy nhất, làm tượng cát. Dĩ nhiên, ông sẽ làm những bức tượng cát, chúng trỏ (point) về phía sự chứng ngộ, nhưng đó là sự hiến tặng duy nhất mà ông có thể làm. Sự hiện hữu sẽ sử dụng cái đó. Những bức tượng của ông đều toát lên chất thiền (meditative). Chỉ đơn giản ngồi bên cạnh những bức tượng cát của ông, bạn có thể cảm thấy rằng, ông đem đến cho bức tượng một sự cân đối, một hình thể nào đó, một khuôn mặt nào đó, nó tạo ra một cái gì đó bên trong bạn.

Tôi hỏi ông, " Tại sao ông tiếp tục làm tượng Phật Gautama, Mahavira? Ông có thể làm tượng Rama, ông có thể làm tượng Krishna. Ông có thể kiếm được nhiều hơn – bởi vì đất nước này không phải là nước Phật giáo, và có rất ít người Jaina ... "

Nhưng ông nói, " Chúng sẽ không phục vụ cho mục đích của tôi; chúng không chỉ (point) mặt trăng. Chúng sẽ là những bức tượng đẹp – tôi đã làm tất cả những bức tượng đó trước đây – nhưng bây giờ, tôi chỉ có thể làm cái mà nó là một lời giáo huấn, cho dù nó sẽ không khả thị (invisible) đối với hằng triệu người, hầu như đối với tất cả mọi người."

Vào thời gian tôi đến sống thường trú tại Bombay, ông đã mất, nhưng trước đó, bất cứ khi nào tôi đến đó, tôi tự nhủ, thế nào cũng

phải đến viếng thăm ông. Ong làm việc trên bãi biển Juhu vào thời điểm đó. Suốt ngày nơi đó im lặng, người ta chỉ đến vào buổi chiều và vào lúc đó, bức tượng đã sẵn sàng. Suốt ngày, không có sự quấy rầy nào.

Tôi nói với ông, " Ông có thể làm những bức tượng, tại sao ông không dùng cẩm thạch? Chúng sẽ tồn tại mãi mãi."

Ông nói, " Không có gì thường hằng cả" – đó là một câu trích dẫn từ đức Phật – " và những bức tượng cát này tái hiện đức Phật tốt hơn bất cứ bức tượng cẩm thạch nào. Một bức tượng cẩm thạch có một sự thường hằng nào đó, còn những bức tượng này thì phù du - chỉ một cơn gió mạnh, và chúng biến đi, một làn sóng biển, và chúng biến đi. Một đứa trẻ chạy đến vấp vào bức tượng, và nó biến đi."

Tôi nói, " Ông không cảm thấy tiếc hay sao – khi ông làm việc suốt ngày, và bức tượng chỉ sắp xong, và rồi một cái gì đó xảy ra và công trình của một ngày biến mất?"

Ông nói, " Không. Tất cả mọi hiện hữu đều phù du; không có vấn đề phẫn chí. Tôi ưa thích việc tạo ra nó, và nếu một làn sóng biển ưa thích việc phá hủy (unmake) nó, thì cả hai chúng tôi đều thích thú! Tôi thích thú tạo ra nó, làn sóng thích thú phá hủy nó. Do vậy, trong hiện hữu luôn có những niềm vui kép, cả hai cùng vui – thì tại sao tôi lại phải phẫn chí? [1] Làn sóng có nhiều quyền lực đối với cát như tôi có; có lẽ có nhiều hơn."

Khi tôi đang nói chuyện với ông, ông nói.," Anh hơi kỳ lạ một chút, bởi vì không có ai nói chuyện với tôi. Người ta chỉ ném những đồng rupee. Họ ưa thích những bức tượng, nhưng không ai ưa thích tôi. Nhưng khi anh đến, tôi cảm thấy quá phúc lạc, vì có một ai đó ưa thích tôi, một ai đó không chỉ quan tâm đến bức tượng, mà còn quan tâm đến cái ý nghĩa bên trong của nó, đến việc tại sao tôi đang làm nó. Tôi không thể làm bất cứ cái gì khác. Suốt đời tôi vẫn chỉ làm

những bức tượng; đó là nghệ thuật duy nhất mà tôi biết. Và bây giờ tôi phó thác cho sự hiện hữu; bây giờ sự hiện hữu có thể sử dụng tôi."

Những người này sẽ vẫn mãi không được nhận ra. Một vũ công có thể là một vị Phật, một ca sĩ có thể là một vị Phật, nhưng những người này sẽ không được nhận ra, vì lý do đơn giản là những sự việc mà họ làm không thể trở thành một lời dạy. Nó không thể giúp người ta thực sự tỉnh dậy khỏi giấc ngủ của mình. Nhưng họ đang cố hết sức; bất cứ cái gì họ có thể làm, họ đang làm.

Số rất ít người mà trở thành đạo sư, là những người trong nhiều kiếp đã thủ đắc (earned) một biện tài nào đó, một tri kiến sâu sắc về từ ngữ, ngôn ngữ, âm của từ, sự đối xứng và thi ca của ngôn ngữ. Nó là một điều hoàn toàn khác. Nó không phải là vấn đề ngôn ngữ học hay ngữ pháp; đúng hơn, đó là vấn đề tìm ra trong ngôn ngữ bình thường một thứ âm nhạc phi thường nào đó, là vấn đề tạo ra phẩm chất của thi ca vĩ đại trong văn xuôi bình thường. Họ biết cách chơi với từ ngữ, để mà có thể giúp bạn vượt lên từ ngữ.

Không phải là họ đã chọn việc làm đạo sư, và cũng không phải là sự hiện hữu đã chọn họ làm đạo sư. Đó chỉ đơn giản là một trùng hợp ngẫu nhiên: trước khi chứng ngộ, họ đã là những "giáo thụ" (teacher) vĩ đại và họ trở nên đạo sư bởi vì họ đã chứng ngộ. Bây giờ họ có thể biến việc dạy của họ thành một "thiện nghệ" (mastery) – và chắc chắn đó là cái phần khó khăn nhất.

Những ai mà vẫn cứ im lặng và biến mất một cách bình an, mà không ai biết đến họ, những người đó có một con đường (way) dễ dàng; nhưng một người giống như tôi, không thể có một con đường dễ dàng. Nó không dễ dàng khi tôi là "giáo thụ" – làm thế nào nó có thể dễ dàng khi tôi là một đạo sư? Nó nhất thiết là phải khó khăn.

* * * * * * * * * *

Vấn đề nẩy sinh cho hầu hết mọi người, là cái cách tôi nói chuyện thì khá kỳ lạ. Không có diễn giả nào trên thế giới nói giống như tôi – về mặt kỹ thuật, nó sai; nó phải mất gần như gấp đôi thời gian! Nhưng những diễn giả đó có một mục đích khác hẳn – mục đích của tôi thì hoàn toàn khác với mục đích của họ. Họ nói bởi vì họ được chuẩn bị cho việc đó; họ chỉ đơn giản lặp lại một cái gì đó mà họ đã diễn tập. Thứ hai, họ đang nói để áp đặt một ý thức hệ nào đó, một ý tưởng nào đó lên bạn. Thứ ba, đối với họ, nói là một nghệ thuật – họ tiếp tục tinh luyện nó.

Trong trường hợp của tôi, thì tôi không phải là cái mà họ gọi là một diễn giả, hay một nhà hùng biện. Đối với tôi, nó không phải là một nghệ thuật, hay là một kỹ thuật; về mặt kỹ thuật, tôi tiếp tục trở nên càng ngày càng tệ! Nhưng những mục đích của tôi và của họ thì hoàn toàn khác nhau. Tôi không muốn gây ấn tượng lên bạn, để "thao túng" (manipulate) bạn. Tôi không nói với mục đích là để thuyết phục bạn. Tôi không nói để "cải đạo" bạn thành người Kytô giáo, thành người Hindu giáo, hay Hồi giáo, thành một người hữu thần hay vô thần – đây không phải là những mối quan tâm của tôi.

Việc nói năng của tôi thực sự là một trong những "thủ thuật" (device) của tôi cho việc thiền định. Việc nói năng chưa bao giờ được sử dụng trong cách này: tôi nói không phải để trao cho bạn một thông điệp, mà để làm cho tâm trí của bạn ngừng vận hành.

Tôi không nói điều gì đã được chuẩn bị trước [2] - chính tôi không biết cái từ kế tiếp sẽ là từ nào; do vậy, tôi không bao giờ phạm một sai lầm nào. Người ta phạm sai lầm nếu người ta được chuẩn bị. Tôi không bao giờ quên bất cứ cái gì, bởi vì người ta quên nếu người ta vốn hằng nhớ nó. Do vậy, tôi nói với một sự tự do mà có lẽ không ai từng có khi nói.

Tôi không quan tâm về việc mình có nhất quán [3] hay không, bởi vì đó không phải là mục đích của tôi. Một người mà muốn thuyết phục bạn, và thao túng bạn qua việc nói của y, thì y phải nhất quán, phải hợp logic, phải chinh phục lý trí của bạn. Y muốn thống trị qua lời nói.

Một trong những cuốn sách rất nổi tiếng của Dale Carnegie [4] là về việc nói và gây ảnh hưởng trên mọi người, xem đó là một nghệ thuật – nó được bán chạy chỉ sau Kinh Thánh – nhưng tôi sẽ rớt những kỳ thi của ông. Ông thường điều hành những khoá học tại Mỹ để huấn luyện những nhà truyền giáo, những giáo sư đại học, và những nhà hùng biện. Tôi sẽ rớt trên nhiều phương diện. Trước hết, tôi không có động cơ muốn cải đạo bạn; tôi không có ước muốn "gây ấn tượng" trên bạn, ở bất cứ nơi đâu. Và tôi không nhớ tôi đã nói gì ngày hôm qua, cho nên tôi không thể bận tâm về việc phải nhất quán – cái đó gây ra quá nhiều lo lắng. Tôi có thể tự mâu thuẫn một cách dễ dàng, bởi vì tôi không đang cố truyền thông với cái tâm trí mang tính tri thức, hợp lý tính của bạn.

Mục đích của tôi thì quá độc nhất vô nhị (unique) – tôi đang dùng những từ ngữ chỉ để tạo ra những khoảng trống im lặng. Những từ ngữ thì không quan trọng, cho nên tôi có thể nói bất cứ điều gì mâu thuẫn, bất cứ điều gì phi lý, bất cứ điều gì không ăn nhập, bởi vì mục đích của tôi chỉ là tạo ra những khoảng trống (gaps). Những từ ngữ là thứ yếu; những khoảng im lặng giữa những từ ngữ đó mới là chủ yếu. Đây chỉ là một "thủ thuật" để cho bạn một thoáng nhìn về thiền định. Và một khi bạn biết rằng nó là điều khả dĩ đối với bạn, thì bạn đã đi xa về hướng bản thể (being) của riêng bạn.

Hầu hết mọi người trên thế giới không nghĩ rằng tâm trí có thể im lặng. Bởi vì họ không nghĩ rằng nó có thể, họ không cố. Làm thế nào để cho người ta nếm một chút thiền vị – đó là lý do căn bản của tôi, tại sao tôi nói chuyện; do vậy, tôi có thể tiếp tục nói chuyện vĩnh viễn

– tôi nói cái gì, điều đó không quan trọng. Cái quan trọng, là tôi cho bạn một ít cơ hội để im lặng, một điều mà bạn thấy khó khăn khi ban đầu bạn thực tập một mình.

Tôi không thể cưỡng bách bạn im lặng, nhưng tôi có thể tạo ra một "thủ thuật" (device), trong đó một cách tự phát, bạn buộc phải im lặng. Tôi đang nói, và giữa một câu, khi bạn đang mong đợi một từ khác theo sau, thì không có gì theo sau, ngoài một khoảng trống im lặng. Tâm trí bạn đang chăm chú để lắng nghe, chờ đợi một cái gì đó theo sau, và không muốn bỏ sót nó – tự nhiên nó trở nên im lặng. Cái tâm trí đáng thương có thể làm gì? Nếu nó biết rõ tại những điểm nào tôi sẽ im lặng, nếu bạn được thông báo rằng, tại những điểm như thế, như thế, tôi sẽ im lặng, thì bạn có thể xoay xở để suy nghĩ – bạn sẽ không im lặng. Rồi bạn biết: "Đây là cái điểm nơi mà ông ấy sắp im lặng, bây giờ mình có thể tán gẫu một chút với chính mình." Nhưng bởi vì nó đến một cách hoàn toàn bất ngờ… Chính tôi không biết tại sao tôi ngừng lại tại những điểm nhất định nào đó.

Bất cứ cái gì giống như thế này, ở bất cứ một nhà hùng biện nào trên thế giới, sẽ bị chỉ trích. Bởi vì một nhà hùng biện mà cứ ngừng lại nhiều lần, thì có nghĩa là anh ta không được chuẩn bị tốt, anh ta đã không làm "bài làm ở nhà" (homework). Nó có nghĩa là, trí nhớ của anh ta là không đáng tin cậy, là đôi khi anh ta không thể tìm ra cái từ (thích hợp) phải dùng. Nhưng bởi vì nó không phải là hùng biện, tôi không quan tâm về những người mà sẽ chỉ trích tôi – tôi quan tâm đến bạn.

Và nó không chỉ ở đây, mà ở chốn xa xôi … bất cứ nơi nào trên thế giới mà ở đó người ta sẽ lắng nghe băng ghi hình hay ghi âm (của tôi), thì họ sẽ đi tới cùng một sự im lặng tương tự. Thành công của tôi không phải là việc thuyết phục bạn, thành công của tôi là cho bạn nếm một chút thiền vị thực thụ để mà bạn có thể trở nên tin chắc rằng thiền định không phải là một hư cấu (fiction); rằng trạng thái "vô-trí " (no – mind) không phải chỉ là một ý tưởng triết học, mà nó là một

thực tại; rằng bạn có khả năng hành thiền, và nó không cần bất cứ điều kiện chuyên môn (qualification) đặc biệt nào.

Có thể bạn là một kẻ tội lỗi, có thể bạn là một vị thánh – cái đó không thành vấn đề. Nếu kẻ tội lỗi có thể trở nên im lặng, hắn ta sẽ đạt tới cùng một "tâm thức" (consciousness) như vị thánh.

Sự hiện hữu thì không quá hà tiện, quá keo kiệt như các tôn giáo vẫn hằng dạy bạn. Sự hiện hữu thì không giống như KGB hay FBI – quan sát mọi người để xem bạn đang làm cái gì, để xem bạn có đang đi xem phim với chính vợ bạn không, hay với vợ ai khác. Sự hiện hữu không quan tâm chút nào cả. Đó chỉ là một vấn đề nhân tạo. Trong sự hiện hữu, không có cái gì giống như hôn nhân. Bất kể là bạn đang ăn cắp tiền, lấy từ két sắt của một ai đó, hay từ chính két sắt của mình, sự hiện hữu không và không thể quyết định sự khác biệt. Bạn đang lấy tiền từ két sắt – đó là một sự kiện – nhưng két sắt thuộc về ai, đó hoàn toàn không phải là mối quan tâm của sự hiện hữu.

Một lần George Bernard Shaw [5] được hỏi, " Một người có thể sống một cách quá lười biếng, chỉ đơn giản thọc tay vào túi mình và hưởng thụ không ?" Shaw trả lời, " Vâng, chỉ có điều, đó phải là cái túi của một ai khác!"

Thọc tay vào túi của riêng mình, bạn không thể sống sót! Và sự kiện là, hầu hết mọi người đều thọc tay vào túi của một ai khác. Và cái gã đó có thể thọc bàn tay của hắn vào túi của một ai khác, cho nên hắn không thể ngăn chận bạn, bởi vì, bằng cách ngăn chận bạn, hắn sẽ bị ngăn chận. Do vậy, hắn phải chấp nhận nó (it), và nếu hắn thọc bàn tay mình vào một cái túi "nặng" hơn, thì hắn không quan tâm về bạn: "Hãy cứ tiếp tục làm bất cứ cái gì mà bạn đang làm, chỉ đừng tạo ra một sự rối loạn."

Sự hiện hữu không có một "nền đạo đức" (morality) như thế – nó là "phi luân" (amoral). Đối với sự hiện hữu, không có gì sai và không có gì đúng. Chỉ có một điều đúng – việc bạn tỉnh giác (alert) và "tỉnh thức" (conscious). Rồi thì bạn được phúc lạc.

Thật kỳ lạ, rằng không có tôn giáo nào định nghĩa "cái đúng" như là phúc lạc, hay định nghĩa "đức hạnh" như là phúc lạc. Nếu họ định nghĩa nó y hệt như cách tôi đang định nghĩa nó, thì họ sẽ gặp khó khăn – bởi vì họ lo ngại khi thấy rằng, trên thế giới, những người mà họ nghĩ là những kẻ tội lỗi, thì lại có vẻ như hạnh phúc hơn những người mà họ nghĩ là những vị thánh! Những vị thánh nom có vẻ hoàn toàn bất hạnh. Và nếu họ nói rằng sự phúc lạc là tiêu chí để phân biệt đúng hay sai, thì họ sẽ phá hủy toàn bộ cái siêu cấu trúc (superstructure) của họ. Những vị thánh sẽ nom có vẻ giống như những kẻ tội lỗi, và những kẻ tội lỗi sẽ nom giống như những vị thánh.

Nhưng cái này là tiêu chí của tôi, bởi vì tôi không quan tâm về những kinh điển, tôi không quan tâm về những nhà tiên tri, tôi không quan tâm về quá khứ – đó là việc của họ, vấn đề của họ. Tôi có đôi mắt của riêng mình để nhìn, tại sao tôi lại phải lệ thuộc vào đôi mắt của ai khác? Và tôi có "ý thức" của riêng tôi, mà tôi phải nhận biết, thì tại sao tôi lại phải lệ thuộc vào Phật Gautama, hay Bồ đề đạt ma, hay Jesus Christ? Họ sống đời họ theo sự hiểu biết và thị kiến (insight) của họ; tôi sống đời tôi theo sự hiểu biết và thị kiến của tôi.

Nỗ lực của tôi ở đây – khi nói chuyện với bạn – là trao cho bạn một cơ may để thấy rằng bạn có khả năng trở thành một "vô-trí" (no - mind) như Phật Gautama – rằng, nó không phải là một phẩm chất đặc biệt ban cho một ít người, rằng nó không phải là một tài năng. Mọi người không thể là một họa sĩ và mọi người không thể là một nhà thơ – đó là những tài năng. Mọi người không thể là một thiên tài

– đó là những phẩm chất được ban cho từ lúc chào đời. Nhưng mọi người có thể chứng ngộ – đó là điều duy nhất mà về nó chủ nghĩa cọng sản có lý. Và thật khá kỳ lạ, đó là cái duy nhất mà chủ nghĩa cọng sản phủ nhận.[6]

Sự chứng ngộ là điều duy nhất, kinh nghiệm duy nhất, nơi mà mọi người đều bình đẳng – có khả năng ngang nhau (equally capable). Và nó không tùy thuộc vào những hành vi của bạn, nó không tùy thuộc vào những lời cầu nguyện của bạn, nó không tùy thuộc vào việc bạn có tin Thượng đế hay không. Nó chỉ tùy thuộc vào một điều, và đó là nếm một chút hương vị – và đột nhiên bạn trở nên tin chắc rằng bạn có khả năng thực hành nó. Việc nói chuyện của tôi chỉ là để trao cho bạn sự tin tưởng. Do vậy, tôi có thể kể một câu chuyện, tôi có thể buông ra một lời nói đùa (a joke) – hoàn toàn không ăn nhập!

Mọi người trí thức sẽ chê bai tôi; họ nói, " Đây là loại 'diễn văn' gì thế?" Nhưng mà anh ta đã không hiểu mục đích của tôi; nó không phải là một bài diễn văn, nó không phải là một bài diễn thuyết. Nó chỉ là một "dụng cụ" để mang niềm tin tưởng đến cho bạn và trái tim bạn, rằng bạn có thể im lặng. Bạn càng trở nên tin tưởng, bạn sẽ càng có năng lực để làm điều đó. Không có việc nói chuyện của tôi, bạn sẽ bắt đầu tự mình tìm kiếm những dụng cụ. Chẳng hạn, bạn có thể tiếp tục lắng nghe những con chim – chúng đột nhiên ngừng lại, chúng đột nhiên cất tiếng hót. Hãy lắng nghe… không có lý do tại sao con quạ này gây ra những tiếng ồn, rồi ngừng lại. Nó chỉ đơn giản trao cho bạn một cơ hội. Bạn có thể tìm thấy những cơ hội này, một khi bạn biết cách – thậm chí tại nơi họp chợ, nơi mà có quá nhiều sự ồn ào, mọi sự đang diễn ra, điên rồ (crazy).

Việc nói chuyện của tôi không có tính chất hùng biện; nó không phải là một học thuyết (doctrine) mà tôi đang rao giảng cho bạn. Nó chỉ là một dụng cụ võ đoán, để cho bạn nếm một chút , để biết "hương vị" của sự im lặng là gì, và để làm cho bạn xác tín rằng, nó

không phải là một tài năng – rằng nó không thuộc về những người có chuyên môn đặc biệt nào, rằng nó không thuộc về những sự khổ hạnh lâu dài, rằng nó không thuộc về những người tự gọi mình là đức hạnh. Nó thuộc về mọi người, không có điều kiện nào cả; bạn chỉ phải nhận biết nó. Đó là toàn bộ mục đích của tôi trong việc nói chuyện với bạn.

Một khi bạn đã chắc chắn rằng bạn có thể im lặng, thì toàn bộ tiêu điểm của bạn sẽ thay đổi. Nó không phải là một vấn đề kỷ luật, nó không phải là một vấn đề cầu nguyện, không phải là vấn đề tin vào Thượng đế và mọi loại vớ vẩn. Nó là vấn đề cảm nhận chính khả tính của bạn, và một khi (mà) đã biết khả tính đó và trở nên xác tín về nó, thì toàn bộ nhãn quan (vision) của bạn sẽ có một mầu sắc khác.

Kinh nghiệm của riêng tôi là, bạn có thể im lặng, và nếu bạn có thể vượt lên tâm trí, và "tâm thức" (consciousness) của bạn có thể tăng trưởng, thì không quan trọng vấn đề bạn đang làm cái gì; những hành động của bạn không được tính đến một chút nào, chỉ "tâm thức" của bạn mới là quan trọng. Hành động chỉ là những chuyện rất nhỏ, nhưng cho đến nay, mọi tôn giáo đều vẫn đang xem trọng những hành động của bạn, chứ không phải "tâm thức" [7] (consciousness) của bạn. Các tôn giáo đã và đang huấn luyện bạn cách nào để hành động đúng, và cái gì cần phải tránh. Nhưng không ai đang nói rằng, trừ khi "sự tỉnh thức" của bạn khởi lên, bạn sẽ không có tính tôn giáo đích thực.

Nhưng một điều ngạc nhiên với tôi, là, khi bạn trở nên im lặng, khi bạn trở nên có tỉnh thức, tỉnh giác hơn, thì những hành động của bạn bắt đầu thay đổi – chứ không phải ngược lại. Bạn có thể thay đổi những hành động của mình, nhưng cái đó sẽ không làm cho bạn tỉnh thức hơn. Khi bạn trở nên tỉnh thức hơn, thì hành động của bạn sẽ thay đổi – cái đó là hoàn toàn đơn giản và khoa học. Bạn đang làm một cái gì đó xuẩn ngốc; nhưng khi bạn trở nên tỉnh giác hơn, và nhiều tỉnh thức hơn, bạn không thể làm nó.

Nó không phải là một vấn đề thưởng và phạt. Chính sự tỉnh thức của bạn, sự im lặng của bạn, sự bình an của bạn, là cái khiến cho bạn nhìn thật xa và thật sâu sắc vào trong mọi sự mà bạn làm. Bạn không thể làm hại bất cứ ai; bạn không thể bạo động, bạn không thể giận dữ, tham lam, bạn không thể tham vọng. "Sự tỉnh thức" của bạn đã cho bạn quá nhiều phúc lạc… sự tham lam có thể cho bạn cái gì ngoài những lo âu? Lòng tham vọng có thể cho bạn cái gì? Chỉ là một cuộc đấu tranh liên tục để lên cao trên một chiếc thang nào đó.

Khi "tâm thức" của bạn trở nên càng ổn định, thì tất cả mọi mẫu mực sống của bạn sẽ thay đổi. Cái mà những tôn giáo đã gọi là tội lỗi, sẽ biến đi từ cuộc đời bạn, và cái mà chúng gọi là đức hạnh, sẽ tự động tuôn chảy từ bản thể của bạn, từ những hành động của bạn. Nhưng các tôn giáo đã và đang làm ngược lại: trước hết, thay đổi những hành vi. Nó như thể là bạn đang ở trong một ngôi nhà tối tăm và bạn đang té vấp vào đồ đạc, và bạn được bảo rằng, trừ khi bạn ngừng vấp té, thì không thể có ánh sáng. Cái mà tôi đang nói, là: hãy mang đến ánh sáng, và sự vấp té sẽ biến đi, bởi vì khi có ánh sáng, thì tại sao bạn lại vấp té vào đồ vật chứ? Mỗi lần mà bạn vấp té, mỗi lần mà bạn đụng đầu vào tường, nó gây đau đớn. Tự nó là một sự trừng phạt – một hành vi sai tự nó là một sự trừng phạt; không có ai đang ghi chép những hành vi của bạn cả. Và mọi hành động đẹp đẽ, tự nó là một phần thưởng. Nhưng trước hết, hãy mang ánh sáng vào cuộc đời bạn.

Thiền định là một nỗ lực mang lại ánh sáng, niềm vui, sự im lặng và phúc lạc, và từ thế giới đẹp đẽ này của thiền định, bạn không thể làm bất cứ điều gì sai.

Do vậy, tôi đã thay đổi nó một cách hoàn toàn. Những tôn giáo đang nhấn mạnh trên hành động; sự nhấn mạnh của tôi là trên "ý thức" (consciousness) – và "ý thức" chỉ tăng trưởng trong im lặng. Im lặng là miếng đất thích hợp cho sự "tỉnh thức". Khi bạn ồn ào, bạn không thể rất tỉnh giác (alert) và "tỉnh thức" (conscious). Khi bạn tỉnh

thức và tỉnh giác, bạn không thể ồn ào – chúng không thể đồng hiện hữu.

Do vậy, việc nói chuyện của tôi không nên được đưa vào một phạm trù với bất cứ loại hùng biện nào. Nó là một "thủ thuật" cho thiền định, để mang đến sự tin tưởng trong bạn, sự tin tưởng mà đã bị những tôn giáo lấy mất. Thay vì là sự tin tưởng, chúng đã cho bạn (mặc cảm) tội lỗi, nó kéo bạn xuống và kềm giữ bạn trong nỗi buồn. Một khi bạn đã trở nên tin tưởng rằng những điều vĩ đại đang ở trong tầm tay của bạn, bạn sẽ không cảm thấy tự ty, bạn sẽ không cảm thấy tội lỗi – bạn sẽ cảm thấy phúc lạc. Bạn sẽ cảm thấy rằng, sự hiện hữu đã chuẩn bị cho bạn trở thành một trong những đỉnh cao của "sự tỉnh thức".

Phải mất một ít thời gian để đạt tới sự tin tưởng – đó là lý do tại sao tôi đã và đang nói, sáng chiều, liên tục trong gần 30 năm. Có lẽ 2 – 3 lần trong 30 năm này, tôi đã ngừng lại bởi vì tôi không được khỏe; nếu không thế, thì đã không có đứt quãng. Nhưng bởi vì tôi không thể tiếp tục nói suốt ngày để giữ cho bạn ở trong những khoảnh khắc thiền định, tôi muốn bạn trở nên có trách nhiệm. Chấp nhận rằng bạn có khả năng im lặng, cái đó sẽ giúp bạn khi bạn thiền định một mình. Biết được năng lực của bạn … và người ta đi tới chỗ biết năng lực của mình chỉ khi người ta thể nghiệm nó. Không có cách nào khác.

Hãy chú ý nhiều hơn đến nó, đến việc tại sao bạn trở nên im lặng. Đừng bắt tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự im lặng của bạn, bởi vì điều đó sẽ tạo ra một khó khăn cho bạn. Một mình, bạn sẽ làm gì? Rồi thì nó trở thành một loại nghiện ngập, và tôi không muốn bạn bị "nghiện" tôi. Tôi không muốn mình là một loại ma túy đối với bạn.

Những người mệnh danh là đạo sư (master) và "giáo thụ" (teacher) của những tôn giáo trên toàn thế giới – tôi đã gặp hầu hết mọi loại và mọi phạm trù các vị giáo thụ (teacher) – đều muốn đệ tử của mình "nghiện" họ, lệ thuộc vào họ. Đó là cái " cái ngáng quyền

lực” (power trip) của họ. Tôi không muốn cái “ngáng quyền lực” nào cả. Tôi yêu mến bạn, bất luận bạn có ở cùng tôi hay không. Tôi muốn bạn độc lập, và xác tín rằng, bạn có thể đạt tới những khoảnh khắc quý giá này, một cách tự mình.

Nếu bạn có thể đạt tới chúng với tôi, thì không có lý do gì mà bạn lại không thể đạt tới chúng mà không có tôi, bởi vì tôi không phải là cái nguyên nhân tạo ra chúng (the cause). Bạn phải hiểu cái gì đang xảy ra : lắng nghe tôi, bạn đặt tâm trí bạn sang một bên. Lắng nghe đại dương, hay lắng nghe tiếng sấm của những đám mây, hay lắng nghe tiếng mưa đang rơi nặng hạt, chỉ đơn giản đặt cái ego của bạn sang một bên, bởi vì nó không cần thiết. Đại dương không định tấn công bạn, cây cối không định tấn công bạn – không cần phải tự vệ chút nào. Để cho mình mở ra – dễ bị tổn thương - với cuộc đời như nó là thế, với sự hiện hữu như nó là thế, bạn sẽ có được những khoảnh khắc này một cách liên tục – chẳng bao lâu, nó sẽ trở nên chính cuộc đời bạn.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Trừ những người chứng ngộ ra, ai dám nói một câu nhu vậy?

[2] Osho không chuẩn bị “giáo án” cho những bài nói của mình. Do vậy, dịch ông, đôi khi thật là … “khổ” ! Có nhiều chỗ ông nói hơi “dài dòng.” Có nhiều chỗ thoạt nghe như “mâu thuẫn.” Một đôi khi, phải “dịch thoát ý” thì mới đúng được “ý” của ông.

[3] Đọc Osho, nhiều khi ta cĩ cảm tưởng là ơng khơng “nhất quán.” Nhưng đĩ chỉ là trên bề mặt. Nếu đọc kỹ ơng, ta sẽ thấy cĩ một logic ngầm bên dưới.

[4] Đây là cuốn “ How to win friends and influence people.” Xem bản Việt ngữ “ Đắc Nhân Tâm” của Nguyễn Hiến Lê. Đã tái bản nhiều lần.

[5] G. Bernard Shaw: (1856 – 1950) Kịch tác gia Anh gốc Scotland. Nobel văn học. Nổi tiếng về những câu nói dí dỏm, hóm hỉnh.

[6] “But everybody can be enlightened – that is the only thing about which communism is right. And strangely enough, that is the only thing communism denies.” Đây chỉ là ý kiến riêng của Osho, tôi chỉ dịch đúng nguyên văn. Câu này, Osho diễn đạt hơi tối nghĩa.

[7] Từ “consciousness” có mấy nghĩa thông dụng: 1. Ý thức; tâm thức. 2. Sự “tỉnh thức.” Ở đây, Osho dùng từ quá “linh hoạt” – không rõ ông “muốn” dùng theo nghĩa nào. Bạn đọc có thể “cân nhắc” giữa 2 nghĩa đó.

PHẦN II:

NHỮNG PHẢN CHIẾU TRONG MỘT TẤM GƯƠNG TRỐNG RỖNG:

NHIỀU KHUÔN MẶT CỦA MỘT NGƯỜI ĐÃ KHÔNG BAO GIỜ HIỆN HỮU.

Hỏi: Ông là ai?

Đáp: Là bất cứ ai mà bạn nghĩ, bởi vì nó tùy thuộc vào bạn. Nếu bạn nhìn tôi với cái tâm trống rỗng toàn bộ, tôi sẽ khác. Nếu bạn nhìn tôi với những ý tưởng, thì những ý tưởng đó sẽ tô màu tôi; nếu bạn đến với tôi, mang theo một định kiến, thì tôi sẽ khác. Tôi chỉ là một tấm gương soi. Chính khuôn mặt của bạn sẽ được phản chiếu. Có một ngạn ngữ (saying), rằng nếu một con khỉ nhìn vào trong gương, nó sẽ không thấy một vị tông đồ đang nhìn nó xuyên qua tấm gương – nó chỉ thấy một con khỉ.

Do vậy, mọi sự tùy thuộc vào cái cách mà bạn nhìn tôi. Tôi đã biến mất hoàn toàn, [1] nên tôi không thể áp đạt mình lên bạn. Tôi không có gì để áp đặt. Chỉ có một "cái không" (hư vô – nothingness), một tấm gương soi. Bây giờ bạn có tự do hoàn toàn.

Nếu bạn thực sự muốn biết tôi là ai, bạn phải tuyệt đối trống rỗng như tôi. Rồi thì hai tấm gương sẽ phản chiếu lẫn nhau, và chỉ có sự trống rỗng sẽ được phản chiếu. Sự trống rỗng vô hạn sẽ được phản chiếu: hai tấm gương đối mặt với nhau. Nếu bạn có một ý tưởng nào đó, thì bạn sẽ thấy ý tưởng của riêng bạn trong tôi.

CHƯƠNG VIII

ĐẠO SƯ SEX.

Hỏi: Người ta đã viết, và đã nói về ông như là đạo sư rao giảng "tình dục tự do" (free sex), tin vào "tình dục lang chạ" (promiscuous sex) với những phiên " đối mặt dữ dội" (violent encounter sessions) và "kiểm soát tâm trí" (mind control). Đúng hay sai?

Đáp: Bạn có nghĩ rằng nên ấn định giá cả cho sex? Phải chăng nó không nên miễn phí ? Phải chăng nó phải được trả tiền?

Đối với tôi, sex là một hiện tượng đơn giản, đẹp đẽ, tự nhiên. Nếu hai người muốn chia sẻ năng lượng với nhau, thì sự can thiệp là vô lối. Và cụm từ " tình dục miễn phí " (free sex) [2] hàm ý rằng bạn muốn sex cũng là một thứ hàng hoá, rằng nó phải được mua – hoặc là từ một gái điếm cho một đêm, hoặc từ một người vợ trong suốt cuộc đời, nhưng nó phải được mua và được trả tiền.

Vâng, tôi tin vào "tình dục miễn phí." Tôi tin rằng, sex là quyền tự nhiên của mọi người, được chia sẻ, được hưởng thụ. Nó là trò vui thú (fun). Không có gì nghiêm trọng về nó cả. Những người đã và đang nói về tôi như là người dạy "tình dục miễn phí" , họ thực sự đáng thương. Họ là những người bị kìm nén về tình dục.

* Từ một cuộc phỏng vấn với Ken Kashiwahara, Good Morning, America.

Tôi đã viết một cuốn sách – không phải viết, những bài nói chuyện của tôi được tập hợp lại trong nó – nó được gọi là "From Sex to Superconsciousness" (Từ Tình dục tới Siêu thức). Từ đó, hằng trăm trong số những cuốn sách của tôi đã được xuất bản, nhưng dường

như không ai đọc bất cứ cuốn sách nào trong số đó – không, tại Ấn độ. Tất cả họ đều đọc " Từ Sex đến Siêu thức." Tất cả họ đều phê bình nó, tất cả họ đều chống lại nó. Những bài báo vẫn đang được viết, những cuốn sách được viết chống lại nó, và những mahatma (vị thánh) tiếp tục phản đối nó. Và không cuốn sách nào khác (của tôi) được đề cập, không có cuốn sách nào khác được để mắt đến. Bạn có hiểu không? Như thể là tôi đã chỉ viết một cuốn sách duy nhất.

Người ta đang chịu một vết thương. Sex đã trở nên một vết thương phải được chữa lành.

Cực khoái tình dục (sexual orgasm), theo tôi, cho bạn thoáng nhìn đầu tiên về "trạng thái thiền" (meditation) - bởi vì tâm trí ngừng lại, thời gian ngừng lại. Vào những khoảnh khắc ít ỏi đó, không có thời gian, vắng bặt tâm trí, bạn hoàn toàn im lặng và phúc lạc. Tôi nói điều đó – nó là sự tiếp cận khoa học của tôi với chủ đề, bởi vì không có cách nào khác để cho người ta phát hiện rằng, nếu vắng bặt tâm trí và không có thời gian, thì bạn bước vào một trạng thái phúc lạc. Ngoài sex ra, không có khả tính nào khác để cho tâm trí hiểu rằng, có một cách nào đó để vượt lên tâm trí, vượt lên thời gian. Chắc chắn là sex cho thoáng nhìn đầu tiên về "trạng thái thiền." Và tôi đang bị kết án khắp thế giới, bởi vì tôi đang nói sự thật với mọi người.

Không ai đã nghĩ ra ý tưởng nào khác để giải thích làm thế nào bạn đã tìm thấy "thiền" (meditation). Bạn không thể tìm thấy nó bằng cách chỉ đi dạo trên vệ đường – nó đang nằm ở đó và bạn đến nhặt thiền lên. Bạn đã tìm thấy thiền ở đâu?

Tôi đã là "đề tài thảo luận" khắp thế giới, bị kết án, chỉ vì tôi đang nói về việc đi từ sex đến siêu thức. Nhưng chưa ai đưa ra bất cứ lời giải thích nào, cắt nghĩa tại sao họ đang kết án tôi – vì tôi đã viết cuốn sách đó; nó được dịch ra 34 thứ tiếng, đã được tái bản mấy chục lần, và được đọc bởi tất cả những tu sĩ! Bất luận họ là người Hindu giáo, Jaina giáo, Kytô giáo, hay Phật giáo, những tu sĩ là

những khách hàng “số một” (best) của cuốn sách đó. Đã có một hội nghị Jaina giáo ở đây, tại Pune, chỉ cách đây vài tháng, và thư ký của tôi thông báo cho tôi, “ Thật kỳ lạ. Những tu sĩ Jaina đến và chỉ hỏi về một cuốn duy nhất, Từ Sex đến Siêu thức. Rồi họ giấu nó trong áo, và lặng lẽ đi ra, để cho không ai phát hiện ra họ.”

Cuốn sách, Từ Sex đến Siêu thức, không bàn về sex, nó bàn về Siêu thức. Nhưng cái cách duy nhất có thể được, cho người ta thấy rằng có một cánh cửa nào đó, cách nào đó để vượt lên tư tưởng vào trong sự im lặng vĩnh cửu, là cực khoái tình dục. Cho dẫu nó chỉ kéo dài một khoảnh khắc, thì cái khoảnh khắc đó là vĩnh cửu – mọi sự ngừng lại. Bạn quên tất cả những lo âu, tất cả mọi căng thẳng.

* * * * * * *

Tôi đã và đang nói với bạn rằng có thể đi từ sex tới siêu thức, và bạn đã rất vui sướng – bạn chỉ nghe thấy cụm từ “ từ sex”, bạn không nghe thấy cụm từ “ tới siêu thức.”

Và đây là trường hợp với những ai chống tôi và với những ai ủng hộ tôi – cũng tương tự như nhau! Con người hầu hết đều giống nhau; thù và bạn thì không mấy khác nhau. Tôi đang bị hiểu lầm bởi những đối thủ, và cái đó thì hiểu được. Nhưng tôi cũng đang bị hiểu lầm bởi những người ủng hộ; cái đó thật không hiểu được chút nào. Những đối thủ có thể được tha thứ, song những người ủng hộ thì không thể tha thứ được.

Bởi vì tôi đã nói rằng, sex là ngu xuẩn, nhiều câu hỏi giận dữ đã đến với tôi. Một trong những nữ sannyasin của tôi đã viết cho tôi, “ Thầy thật cả gan khi nói rằng sex là ngu xuẩn!” Chắc hẳn cô ta đã cảm thấy bị thương tổn. Và tôi có thể hiểu: khi bạn đang sống trong một cách nào đó, bạn không muốn nó bị mô tả như là ngu xuẩn. Không ai muốn bị gọi là ngu xuẩn. Không phải trên vấn đề sex mà

bạn bị khuấy động – chính cuộc sống của bạn (bị khuấy động); nếu nó là ngu xuẩn, và bạn đang sống nó, thì (có nghĩa là) bạn đang ngu xuẩn. Cái đó gây thương tổn. Nhưng tôi phải nói điều ấy cho dẫu nó gây thương tổn, bởi vì đó là cách duy nhất để làm cho bạn nhận biết rằng có một cái gì thêm trong đời, một cái gì đó cao hơn, một cái gì đó vĩ đại hơn, một cái gì đó phúc lạc hơn bội phần, cực khoái hơn bội phần.

Sex chỉ là một khởi đầu – không phải là kết thúc. Và không có gì sai, nếu bạn xem nó như là một khởi đầu. Nếu bạn khởi sự bám vào nó, thì sự việc bắt đầu đi sai đường. [3]

Sau khi làm tình, ít nhất trong một giờ, hãy ngồi thiền, và bạn sẽ thấy tôi đang nói cái gì. Bạn sẽ hiểu cái tôi muốn nói, khi tôi nói sex là ngu xuẩn. Sau khi làm tình, hãy nhớ ngồi thiền trong một tiếng đồng hồ, chỉ để quan sát cái gì đã xảy ra. Bạn là chủ nhân của nó, hay chỉ là một tên nô lệ? Nếu bạn là chủ nhân của nó, thì nó không ngu xuẩn. Nếu bạn là tên nô lệ, thì nó ngu xuẩn – bởi vì bằng cách lặp lại nó, bạn đang làm cho sự nô lệ của bạn ngày càng mạnh hơn, bạn đang nuôi nấng sự nô lệ của bạn.

Chỉ qua thiền định mà bạn sẽ có khả năng hiểu cái tôi đã và đang nói với bạn. Nó không phải là một vấn đề phải được quyết định bằng biện luận, nó chỉ có thể được quyết định bởi thiền định của riêng bạn, sự hiểu biết của riêng bạn, sự "nhận biết" (awareness) của riêng bạn.

* * * * * * * * * *

Tôi chưa bao giờ dạy "tình dục tự do" cả. Cái mà tôi đã và đang dạy, là sự thiêng liêng của sex. Tôi vẫn dạy rằng, không nên hạ thấp sex từ lãnh vực của tình yêu sang lãnh vực của luật pháp. Cái khoảnh khắc mà bạn phải yêu một người đàn bà bởi vì cô ta là vợ của bạn – chứ không phải là bởi vì bạn đơn giản yêu cô ta - thì nó là mãi dâm, mãi dâm được hợp pháp hoá. Tôi vẫn mãi chống lại mãi

dâm, bất luận nó là hợp pháp hoá hay phi pháp. Tôi tin tưởng vào tình yêu. Nếu hai người yêu nhau, thì họ có thể sống cùng nhau chừng nào họ còn yêu nhau. Cái khoảnh khắc mà tình yêu biến đi, thì họ nên chia tay một cách lịch sự.

Tôi chưa bao giờ dạy bất cứ cái gì liên quan đến "tình dục miễn phí" . Đây là cái thứ báo chí vàng vọt ngu xuẩn của Ấn độ, mà đã giản lược triết lý tòan bộ của tôi vào hai từ. Tôi đã xuất bản 400 cuốn sách – chỉ có một cuốn liên quan đến sex. 399 cuốn kia, không ai bận tâm về chúng; chỉ có một cuốn sách có liên quan đến sex – và cuốn sách đó cũng không dành cho sex. Cuốn đó cũng nói về việc làm thế nào để chuyển hoá năng lượng sex thành năng lượng tâm linh. Nó thực sự là phản sex!

Cái mà người ta đã và đang làm, là thông tin sai lạc và rồi kết án chính cái thông tin sai lạc của họ. Họ chưa bao giờ trình bày (tư tưởng của) tôi một cách công bằng; nếu không thế, thì tôi không nghĩ rằng Ấn độ lại quá thiếu thông minh như vậy. Một đất nước mà đã sản sinh ra triết học Mật tông, một đất nước mà đã xây những đền thờ như Khajuraho, Konarak, thì không thể quá ngu xuẩn đến nỗi nó không hiểu cái mà tôi đang nói. Khajuraho là bằng chứng của tôi. Tất cả văn học của Mật tông là bằng chứng của tôi. Và đó là đất nước duy nhất nơi mà một cái gì đó như Mật tông đã tồn tại. Không nơi nào khác trên thế giới có bất cứ nỗ lực nào được làm, để chuyển hoá năng lượng sex thành năng lượng tâm linh – và đó là điều mà tôi đang làm. Những những nhà báo thì không quan tâm đến thực tại; họ chỉ quan tâm đến "chuyện giật gân" (sensationalism).

Chú thích của chương

[1] Osho muốn nói: ông đã đạt tới trạng thái "vô ngã" – nên không còn có cái gọi là "Osho." Nếu Osho đang nói chuyện, thì không phải "Osho" đang nói, mà là cái "Đạo" (nói theo Lão Tử) nơi ông đang nói.

Cái đó, người ta thường gọi là " có hành động, nhưng không có người hành động." Kinh điển Phật giáo thường nói như vậy, và nhiều bậc chứng ngộ – chẳng hạn như Krishnamurti – đều nói như vậy.

[2] Free sex: Bình thường, có thể dịch là "tình dục tự do." Nhưng trong văn cảnh này, có vẻ như Osho muốn nói đến "tình dục miễn phí." ? Từ FREE (adj) vừa có nghĩa là "tự do", vừa có nghĩa là "miễn phí." Không rõ ông muốn dùng với nghĩa nào. Cả hai nghĩa, nghe ra đều … "có lý." !

[3] Hình như "giới trẻ"hiện nay – nhất là ở phương Tây – rất "thích" Osho, bởi vì nhiều người tưởng rằng Osho "ca tụng sex"! Nhưng họ nên đọc thật kỹ Osho. Đúng là, ông có "ca tụng sex" – nhưng ông xem sex là thiêng liêng, chứ không "phàm tục" như họ nghĩ! Ở phương Tây, có Henry Miller và D.H. Lawrence là những nhà văn "ca tụng sex" nổi tiếng. Nhưng họ đều "cao siêu" vô cùng. Theo tôi biết, tại Việt nam hiện nay, có nhiều nhà văn "khai thác" đề tài sex – nhất là các nhà văn nữ! Đúng là không nên "cấm kỵ" và "quay mặt" với đề tài này. Tuy nhiên, cần đặt câu hỏi: được mấy người thấy được sự "thiêng liêng" của sex? Và, những ai đang "khai thác" sex vì những mục đích phàm tục" ? Cho nên, đọc Osho, nhất là "giới trẻ", NÊN CẨN THẬN ! Nếu hiểu lầm ông, thì thật là oan uổng cho ông! Vả lại, chỉ có bậc "thượng căn" mới có khả năng " trải nghiệm tình dục" để rồi "thăng hoa" năng lượng đó. Đối với số còn lại, thì đó chỉ là một cách "đùa với lửa" – dễ bị nó "đốt cháy" như chơi. Xin hãy hết sức CẨN THẬN !

PHẦN II: CHƯƠNG IX

" GIÁO CHỦ THỜI THƯỢNG" [1]

Hỏi: Những cái đã "mọc lên" (grow) xung quanh ông đã được các nhật báo trình bày như là một "sự sùng bái" (cult), một giáo phái. Nó có phải là thế không? Và nếu không, ông có thể giải thích nó là cái gì không?

Đáp: Nó chỉ đơn giản là một phong trào; không phải là một "sự sùng bái" hay một giáo phái hay một tôn giáo, mà là một phong trào xiển dương thiền định, một nỗ lực để tạo ra một khoa học về cái bên trong. Nó là một khoa học của "ý thức" (consciousness). Y như khoa học (thực nghiệm) có đối tượng nghiên cứu là thế giới khách quan, phong trào này đang chuẩn bị một khoa học về thế giới chủ quan.

Nhà khoa học sẽ nghiên cứu mọi sự (bên ngoài), và chúng tôi dự định nghiên cứu nhà khoa học.

Nếu không thế, thì ông ta bị bỏ ra ngoài! Ông ta sẽ có khả năng biết mọi thứ trừ chính ông. Và sẽ là một sự đáng tiếc thật sự, rằng Albert Einstein biết quá nhiều về vật lý, đến nỗi trên toàn thế giới chỉ có 12 người hiểu được lý thuyết của ông, nhưng ông không biết gì về chính mình. Đây là một tình trạng rất xấu xa (ugly state of affairs).

Do vậy, công trình của tôi là một phong trào, nó không nhằm tạo ra (create) một tôn giáo, mà nhằm tạo ra "tính tôn giáo." (religiousness). Tôi xem tính tôn giáo như là một phẩm chất – không phải như một "tư cách hội viên" (membership) - trong một tổ chức, mà như là một kinh nghiệm nội tại (inner experience) của bản thể (being) một người.

* Từ một cuộc phỏng vấn với Private National Network, Italy.

Chắc chắn là bạn bị "tẩy não" (brainwashed) . Tôi dùng một cái máy tẩy khô, tôi không "cổ lỗ." Và tự nhiên là bạn bị nghiện. Ai sẽ không bị? Sự nghiện không phải luôn luôn xấu. Nếu bạn bị nghiện cái đẹp, thi ca, kịch nghệ, điêu khắc, hội họa, thì không ai bảo bạn phải bỏ sự nghiện đó. Sự nghiện phải được bỏ, chỉ khi nào nó khiến cho bạn không ý thức. Những người nghiện rượu được khuyên nên cai nghiện, nhưng ở đây lời dạy của tôi là về "ý thức" (consciousness) – hãy nghiện nó ngày càng nhiều hơn.

Và có gì sai khi bị "tẩy não?" Hãy rửa nó hằng ngày, hãy giữ nó sạch sẽ. Bạn có thích những con dán không? Khi tôi "tẩy não" người ta, tôi phát hiện ra những con dán. Dán là những con vật rất đặc biệt. Khoa đọc đã phát hiện ra rằng, bất cứ nơi nào bạn tìm thấy con người, thì bạn tìm thấy dán, và bất cứ nơi nào bạn tìm thấy dán, bạn tìm thấy con người. Người và dán luôn luôn ở cùng nhau, là những bạn đồng hành xa xưa nhất.

Bạn có gì trong não bạn? Do vậy, hãy tẩy rửa nó một cách triệt để. Nhưng người ta đã gán cho nó một hàm nghĩa rất sai; đó là những người sai trái.

Những người Kytô giáo sợ một ai đó tẩy não những người Kytô, bởi vì rồi thì họ sẽ không còn là người Kytô nữa. Những người Hindu giáo sợ, bởi vì rồi thì những người đó sẽ không còn là người Hindu. Những người Hồi giáo sợ, những người cọng sản sợ. Mọi người đều sợ bị tẫy não. Tôi hoàn toàn ủng hộ nó.

Có một câu ngạn ngữ xưa, " Ngay sau Thượng đế là sự sạch sẽ." Bây giờ không có Thượng đế, do vậy, chỉ còn lại sự sạch sẽ. Sự sạch sẽ là Thượng đế.

Tôi không sợ sự tẩy não, bởi vì tôi không đang đặt những con dán vào trong tâm trí bạn. Tôi đang cho bạn một cơ hội để trải nghiệm một tâm trí sạch sẽ, và một khi bạn biết một tâm trí sạch sẽ, thì bạn sẽ không bao giờ để cho bất cứ ai ném rác rưởi và nhồi nhét nó vào trong tâm trí bạn. Họ là những tội phạm.

Việc tẩy não không phải là một tội ác – ai đã làm cho nó dơ bẩn? Làm dơ bẩn tâm trí người khác là một tội ác, nhưng khắp thế giới tất cả những tôn giáo, tất cả những lãnh tụ chính trị, đang sử dụng tâm trí bạn như thể nó là một cái toilet. [2] Những gã xấu xa này đã kết án việc tẩy não; với mục đích như của tôi, thì việc tẩy não là một công việc hoàn toàn tốt.

Tôi là một kẻ tẩy não.

Và tất cả những ai đến với tôi, nên đến với khái niệm rõ ràng rằng, họ đang đến gặp một người mà y bắt buộc phải tẩy não họ, làm sạch tâm trí họ khỏi mọi loại dán. Những người Hindu, Kytô, Hồi giáo – tất cả họ đều chống lại tôi, vì lý do đơn giản: họ tiếp tục đặt vào những con dán của họ, và tôi thì cứ tiếp tục tẩy rửa tâm trí của con người.

Nó chỉ là một "tiệm giặt ủi tôn giáo" kiểu mới, được "cập nhật hóa" (up to date).

* * * * * * * * * *

Nỗ lực của tôi là cất bỏ tất cả mọi truyền thống, mọi chủ nghĩa chính thống, những mê tín, và những tín ngưỡng khỏi tâm trí bạn, để mà bạn có thể đạt tới một trạng thái " vô-trí " (no – mind), trạng thái im lặng tối hậu, nơi mà thậm chí không một tư tưởng nào di động

(move) – không có ngay cả một gợn sóng lăn tăn trong cái hồ của ý thức bạn.

Và toàn bộ sự việc phải được làm bởi chính bạn. Tôi không đang nói, “Chỉ đơn giản đi theo tôi, tôi là kẻ cứu chuộc. Tôi sẽ cứu rỗi bạn.” Tất cả mọi thứ đó chỉ là rác rưởi (crap). Không ai có thế cứu rỗi bạn cả, ngoài chính bạn. Và sự độc lập tâm linh là sự độc lập duy nhất đáng gọi là sự độc lập. Mọi sự độc lập khác – chính trị, kinh tế – chỉ là tàm tạm (so – so), bề mặt. Sự độc lập thực thụ và đích thực là, bạn không lệ thuộc vào bất cứ ai về sự tăng trưởng nội tại của bạn.

Những ai đã đến với tôi đều trở thành càng ngày càng độc lập, càng ngày càng là chính mình hơn. Đó là lý do tại sao họ yêu mến tôi. Tôi không đang biến họ thành một đám đông, tôi đang làm cho họ trở thành những cá nhân, tuyệt đối cá nhân. Tôi thậm chí không định cho họ những ý thức hệ để thực tập, những kỷ luật để thực tập – tôi chỉ đang chia sẻ kinh nghiệm của riêng tôi. Từ cái kinh nghiệm đó, họ phải tìm kiếm cái kỷ luật (discipline) của riêng họ.

Đây là một cọng đồng (company), không phải của vị thầy và những đệ tử, đây là một cọng đồng của đạo sư và những đạo sư tiềm năng.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Cult leader. Từ này hơi khó dịch. Tạm dịch như trên. Leader: Lãnh tụ. Cult: sự sùng bái; giáo phái (mang tính thời thượng, “mốt”).

[2] Đây có thể là một đề tài thảo luận rất … lý thú! Khó có ai nói được một câu “tuyệt vời” như thế này!

PHẦN II: CHƯƠNG X

KẺ LỪA BỊP

Tôi phải làm việc trên hai cấp độ: một là cấp độ nơi mà bạn đang sống, nơi mà bạn có mặt, và một là cấp độ nơi mà tôi có mặt và muốn bạn cũng ở đó.

Từ đỉnh của một ngọn đồi tôi phải đi xuống thung lũng nơi mà bạn có mặt; nếu không thế, bạn sẽ không lắng nghe, bạn sẽ không tin đỉnh đồi rực nắng. Tôi phải cầm lấy tay bạn trong tay tôi và thuyết phục bạn – và trên đường, kể những câu chuyện không có thật! Nhưng chúng giữ cho bạn chú ý tham dự, và bạn không tạo ra sự rắc rối nào trong khi bước đi; bạn tiếp tục đi, chú ý vào câu chuyện. Và khi bạn đã tới đỉnh đồi, bạn sẽ biết tại sao tôi đã kể những câu chuyện dài, và bạn sẽ cảm thấy biết ơn rằng tôi đã kể những câu chuyện; nếu không thế, có lẽ bạn đã không có khả năng leo lên đỉnh đồi , một quãng đường xa như vậy, dài như vậy.

Đây là điều cần phải được ghi nhớ: Tất cả những vị đạo sư của thế giới có lẽ đã và đang kể những câu chuyện, những ngụ ngôn – tại sao? Chân lý có thể được nói ra một cách giản dị, không cần gì phải kể cho bạn quá nhiều câu chuyện. Nhưng đêm thì dài, và bạn phải được giữ cho tỉnh thức; không có những câu chuyện, bạn sẽ ngủ thiếp đi.

Cho đến khi buổi sáng đến, cần thiết phải giữ cho bạn "dấn thân" (engaged), và những câu chuyện mà các vị đạo sư đã và đang kể, là những điều có tính "chiến lược" (intriguing) nhất có thể được.

Chân lý không thể được nói ra, nhưng bạn có thể được dẫn dắt tới cái điểm mà từ đó bạn có thể thấy nó.

Tôi nhớ lại một câu chuyện:

Một vị vua thường hằng đêm đi một vòng vào trong thành phố, để xem dân tình như thế nào – dĩ nhiên, bằng cách cải trang. Ông rất thắc mắc về một người đàn ông, một chàng trai rất trẻ, rất xinh trai, anh ta luôn luôn đứng dưới một gốc cây bên vệ đường, đêm nào cũng dưới cái cây đó.

Sau cùng, không nén được sự tò mò, vị vua dừng ngựa, và hỏi chàng trai, " Tại sao anh không đi ngủ?"

Chàng trai nói, " Người ta đi ngủ, bởi vì họ không có gì để canh giữ; còn tôi thì có những kho báu quá quý giá, nên tôi không thể đi ngủ, tôi phải canh giữ chúng."

Vị vua nói, " Thật kỳ lạ, tôi chẳng thấy kho báu nào ở đây cả."

Chàng trai nói, " Những kho báu ở bên trong tôi, ông không thể thấy chúng đâu. "

Nó trở thành một thói quen của vị vua, mỗi đêm ông đều dừng lại đó, bởi vì anh ta rất xinh trai, và bất cứ điều gì anh ta nói đều khiến cho nhà vua suy ngẫm trong nhiều giờ. Vị vua trở nên quá lưu luyến và quan tâm đến chàng trai, đến nỗi ông bắt đầu cảm thấy anh ta thực sự là một vị thánh, bởi vì sự " nhận biết" (awareness), tình yêu, sự bình an, sự im lặng, thiền định (meditation) và sự chứng ngộ, đây là những kho báu của anh ta mà anh ta đang canh giữ; anh ta không thể ngủ, anh ta không dám ngủ. Chỉ có những kẻ ăn xin mới an tâm mà ngủ (vì họ không có gì để canh giữ).

Câu chuyện bắt đầu chỉ do sự tò mò, nhưng dần dần, dần dần, vị vua bắt đầu kính nể và tôn vinh (honor) người chàng trai như là một

người hướng đạo tâm linh. Một hôm, ông nói với anh ta, " Tôi biết rằng anh sẽ không đến cung điện với tôi, nhưng tôi nghĩ về anh, ngày lại ngày. Anh hiện lên trong tâm trí tôi quá nhiều lần, nên tôi rất mong muốn anh sẽ là một vị khách trong cung điện của tôi."

Vị vua đang nghĩ rằng anh ta sẽ không đồng ý – ông có một định kiến rằng những vị thánh thường từ bỏ thế gian – nhưng chàng trai trẻ nói, "Nếu ngài quá lưu luyến tôi, tại sao trước đây ngài không nói? Vậy, hãy mang đến một con ngựa khác, và tôi sẽ đến với ngài.."

Vị vua trở nên ngờ vực, " Anh ta thuộc loại thánh gì thế, mà ưng chịu quá dễ dàng như vậy?" Nhưng bây giờ thì đã quá muộn, ông đã mời anh ta. Ông dành cho anh ta căn phòng tốt nhất trong cung điện, vốn chỉ được dành cho những bậc thượng khách, những vị hoàng đế khác. Và ông đang nghĩ rằng người chàng trai sẽ từ chối, rằng anh ta sẽ nói, " Tôi là một vị thánh, tôi không thể sống trong sự xa hoa này." Nhưng anh ta không nói điều gì như thế này. Anh ta nói, " Rất tốt."

Suốt đêm vị vua không ngủ, và ông nghĩ, " Có vẻ như gã này đã lừa gạt mình; anh ta chả phải là vị thánh hay là cái gì cả." Hai, ba lần ông đến bên cửa sổ, nhìn vào trong – vị thánh đang ngủ. Và trước đây, anh ta chưa bao giờ ngủ – anh ta luôn đứng dưới gốc cây. Bây giờ anh ta không đang canh giữ. Nhà vua nghĩ, " Mình đã bị lừa. Đây là một tay bịp thực thụ."

Ngày thứ hai anh ta ăn với vị vua – tất cả những sơn hào hải vị, không khổ hạnh – và anh ta thưởng thức những món ăn. Vị vua tặng anh ta những trang phục mới, xứng tầm với một hoàng đế, và anh ta ưa thích chúng. Và vị vua nghĩ, " Bây giờ, làm thế nào để tống khứ gã này đi?" Chỉ trong bảy ngày, ông đâm chán và nghĩ, " Đây là một gã đại bịp, anh ta đã gạt mình."

Vào ngày thứ bảy, ông nói với gã đàn ông kỳ lạ này, " Tôi muốn hỏi một câu hỏi."

Và người khách lạ nói, " Tôi biết câu hỏi của ngài. Ngài muốn hỏi câu đó bảy ngày trước đây, nhưng chỉ do lịch sự, mà ngài kìm nén lại – tôi đang quan sát. Nhưng tôi sẽ không trả lời ngài ở đây. Ngài có thể hỏi câu hỏi đó, và rồi chúng ta sẽ đi dạo một vòng buổi sáng, trên lưng ngựa, và tôi sẽ chọn cái nơi thích hợp để trả lời nó."

Vị vua nói, " Được. Câu hỏi của tôi là, bây giờ đâu là sự khác biệt giữa tôi và anh? Anh đang sống giống như một hoàng đế, nhưng trước đây anh vốn là một vị thánh. Bây giờ anh không còn là một vị thánh nữa."

Chàng trai nói, " Xin chuẩn bị ngựa sẵn sàng!" Họ đi ra ngoài, và vị vua nhiều lần nhắc anh ta, " Chúng ta sẽ đi bao xa ? Anh có thể trả lời được rồi. "

Sau cùng, họ đến con sông, là đường ranh giới của vương quốc ông. Vị vua nói, " Bây giờ, chúng ta đã đến biên giới. Phía bên kia là vương quốc khác. Đây là nơi thích hợp để trả lời."

Anh ta nói, " Vâng, tôi sắp trả lời. Ngài có thể lấy cả hai con ngựa, hay nếu ngài muốn, ngài có thể đến với tôi."

Vị vua nói, " Anh định đi đâu?"

Anh ta nói, " Kho báu của tôi ở cùng tôi. Bất cứ nơi nào tôi đi, kho báu của tôi sẽ ở cùng tôi. Ngài có đi với tôi hay không?"

Vị vua nói, " Làm sao tôi đi với anh được? Vương quốc của tôi, cung điện của tôi, công việc trọn đời của tôi đang ở phía sau tôi."

Người khách lạ cười to và nói, " Bây giờ, ngài thấy sự khác biệt không? Tôi có thể đứng trần truồng dưới một gốc cây, hay tôi có thể sống trong một cung điện giống như một vị hoàng đế, bởi vì kho báu

của tôi nằm ở bên trong tôi. Bất luận cái cây ở đó hay cung điện ở đó, không có gì khác biệt. Vậy ngài có thể quay về; tôi sẽ đi sang vương quốc khác. Bây giờ vương quốc của ngài không xứng đáng để tôi lưu lại trong đó."

Nhà vua cảm thấy hối hận. Ông sờ vào hai bàn chân người khách lạ và nói, " Hãy tha thứ cho tôi. Tôi đã nghĩ những điều sai về ngài. Ngài thực sự là một vị thánh vĩ đại. Xin đừng bỏ đi và bỏ tôi lại như thế này; nếu không, vết thương này sẽ làm tôi đau đớn suốt đời."

Người lạ nói, " Không có khó khăn nào cho tôi; tôi có thể trở lại với ngài. Nhưng tôi muốn ngài hãy cảnh giác. Cái khoảnh khắc mà chúng ta đến cung điện, câu hỏi sẽ lại khởi lên trong tâm trí ngài. Vậy – tốt hơn, hãy để cho tôi đi.

" Tôi có thể để cho ngài một thời gian suy nghĩ. Tôi có thể trở lại. Đối với tôi, nó không tạo ra sự khác biệt nào. Nhưng đối với ngài, tốt hơn, tôi nên rời vương quốc; như vậy tốt hơn. Trong cách này, ít nhất ngài sẽ nghĩ về tôi như là một vị thánh. Khi về lại cung điện, ngài sẽ lại bắt đầu ngờ vực: 'Đây là một gã bịp bợm.' Nhưng nếu ngài nài nỉ, tôi sẵn sàng. Tôi có thể lại bỏ đi sau bảy ngày khi câu hỏi trở nên quá nặng nề với ngài."

~~000~~

PHẦN II: CHƯƠNG XI

BHAGWAN TỰ PHONG

Những nhà phê bình mà đã viết chống lại tôi luôn nhấn mạnh, rằng tôi là một "bhagwan tự phong". Và tôi vẫn luôn tự hỏi, họ có biết bất cứ ai – Rama, Krishna, Buddha, Mohammed – mà được tấn phong bởi ai khác? Nếu Rama được tấn phong bhagwan bởi ai khác, thì chắc chắn kẻ có thẩm quyền đứng ra tấn phong phải cao hơn – và nếu bạn có thể được tấn phong, thì bạn cũng có thể bị truất bỏ!

Điều này là tuyệt đối ngu xuẩn. Về cơ bản, bạn chưa hiểu ý tưởng đó: bhagwan là một trạng thái kinh nghiệm – không dính dáng gì tới sự tấn phong, sự bình chọn, một chức vị, hay một học vị. Nó là kinh nghiệm về bhagwatta, về "Thượng đế tính" (godliness) [1], rằng toàn bộ hiện hữu thì đầy "Thượng đế tính," rằng không có gì khác hơn là "Thượng đế tính."

Không có Thượng đế (God) nào, nhưng trong mọi bông hoa và mọi cái cây, trong mọi hòn đá, có một cái gì đó mà chỉ có thể được gọi là "Thượng đế tính." Nhưng mà bạn chỉ có thể thấy nó khi bạn đã thấy nó bên trong chính bạn; ngược lại, bạn không biết cái ngôn ngữ đó.

Về một phương diện, thì tôi rất kỳ lạ, bởi vì bạn không thể phạm trù hoá được tôi. Có 3 phạm trù – hữu thần, vô thần, bất khả tri. Không có phạm trù thứ tư – và tôi thuộc về phạm trù thứ tư, phạm trù không được định danh. Tôi đã tìm kiếm, trông tìm. Tôi đã không tìm thấy Thượng đế, đúng, nhưng tôi đã tìm thấy một cái gì đó có ý nghĩa hơn nhiều: "Thượng đế tính."

Tôi không phải là một kẻ hữu thần, tôi không phải là kẻ vô thần, tôi không phải là một người bất khả tri. Lập trường của tôi thì tuyệt đối rõ ràng.

Vậy, nếu không có Thượng đế, tại sao tôi được người của tôi gọi là bhagwan?

Câu hỏi này hơi phức tạp. Bạn sẽ phải đi vào trong ngôn ngữ học của cái từ bhagwan. Nó là một từ rất kỳ lạ. Trong những kinh điển Hindu, bhagwan hầu như đồng nghĩa với Thượng đế. Tôi nói hầu như, bởi vì trong tiếng Anh, chỉ có một từ, "God" (Thượng đế.) Trong tiếng Sanskrit, người Hindu dùng ba từ: một là bhagwan, hai là iswar, ba là paramatma. Những người Hindu dùng ba từ này cho những lý do khác nhau.

Paramatma có nghĩa là "linh hồn tối thượng" ; param có nghĩa là "tối thượng", atma có nghĩa là "linh hồn". Do vậy, những ai thực sự hiểu, đều dùng từ paramatma để chỉ Thượng đế.

Từ thứ hai là iswar. Nó là một từ đẹp. Iswar có nghĩa là "người giàu có nhất"; theo nghĩa đen, là người có mọi thứ, là mọi thứ. Điều đó chắc chắn là đúng. Cái khoảnh khắc mà bạn thể nghiệm "Thượng đế tính," bạn có mọi thứ, mọi thứ có giá trị. Có thể (về vật chất) bạn không có cái gì cả. Cái đó không quan trọng, nhưng mà bạn có mọi thứ mà có ý nghĩa với cuộc sống.

Và từ thứ ba là bhagwan. Bhagwan là một từ rất khó hiểu, hay khó giải thích trong bất cứ ngôn ngữ nào. Trong những kinh điển Hindu … hãy nhớ cái đó, bởi vì bhagwan được dùng bởi hai loại người tại Ấn: một, những người Hindu, và hai, những người Jaina, những

người Phật giáo. Những người Jaina và Phật giáo không tin vào một Thượng đế, nhưng họ vẫn dùng từ bhagwan. Dành cho Đức Phật, những người Phật giáo dùng từ bhagwan – Bhagwan Gautama Buddha. Và những người Jaina cũng không tin vào một Thượng Đế, nhưng dành cho Mahavira, họ dùng từ Bhagwan Vardhman Mahavira. Do vậy, với họ, nó có một nghĩa hoàn toàn khác…

Những người Hindu thì rất "thực tế" (down to earth). Bạn sẽ ngạc nhiên, thậm chí bị sốc, nhưng trong đạo Hindu, cái căn ngữ của bhagwan là bhag – bhag có nghĩa là "âm đạo" [2] (vagina). Có lẽ bạn đã không thể nào tưởng tượng được! Và bhagwan có nghĩa là Đấng Sáng Tạo – " người đã dùng âm đạo của vũ trụ để sáng tạo." Người Hindu thờ phụng âm đạo của phụ nữ và biểu tượng dương vật, shivalinga. Nếu bạn đã thấy một shivalinga, cái phiến cẩm thạch nhô lên chỉ là một biểu tượng của dương vật, và nó đang đứng trong âm đạo. Bên dưới nó, nếu bạn đã nhìn, có một âm đạo bằng cẩm thạch, từ đó nó nhô ra. Những người Hindu đã thờ phụng nó một cách tượng trưng, và dường như sự ám chỉ của họ là rất có ý nghĩa: bất cứ sự sáng tạo nào đều bắt buộc phải là sự gặp gỡ giữa nam và nữ, dương và âm. Do vậy, để chỉ "Đấng Sáng Tạo," họ dùng từ bhagwan. Nhưng cái gốc của từ này thì rất kỳ lạ.

Những người Phật giáo và người Jaina không tin vào Thượng đế, không tin rằng bất cứ ai đã sáng tạo ra thế giới, nhưng họ cũng dùng từ bhagwan. Tuy nhiên, với họ, căn ngữ "bhag" có một nghĩa khác biệt. Đối với người Jaina và Phật giáo, bhag có nghĩa là "sự may mắn" (fortune), và bhagwan có nghĩa là " kẻ may mắn, kẻ diễm phúc;" kẻ đã đạt tới vận mệnh của mình, kẻ đã chín muồi.

Do vậy, khi tôi bắt đầu nói chuyện cách đây 34 năm, người ta bắt đầu dùng nó… bởi vì tại Ấn độ, nếu bạn kính trọng một người, bạn không dùng tên của vị ấy; cái đó được xem là bất kính. Cho nên khi

tôi bắt đầu nói chuyện, và người ta bắt đầu cảm thấy một cái gì đó đối với tôi, họ tự mình gọi tôi là “acharya.” Acharya có nghĩa là “ vị đạo sư” – nhưng không chỉ là đạo sư, nó là một cái gì hơn nữa. Thực ra, nó có nghĩa là người chỉ nói cái mà ông ta sống, một người mà những hành động và ý nghĩ của ông là hoàn toàn hòa điệu với nhau. Cho nên trong gần như 20 năm, người ta gọi tôi là acharya. Đây là trước khi tôi bắt đầu điểm đạo cho dân chúng.

Trong nhiều năm, người ta vẫn thường nói với tôi rằng, họ muốn được tôi điểm đạo để trở thành sannyasin, và tôi nói với họ, “ Hãy đợi. Hãy để cho cái khoảnh khắc ấy đến - khi mà tôi cảm thấy thích hợp.” Cái ngày đó đã đến. Lúc đó, tôi đang tổ chức một trại thiền sâu trong Hy Mã Lạp Sơn, tại Kulu-Manali – nó là một trong những nơi đẹp nhất trên thế giới. Nó được gọi là Thung Lũng của những vị Thần, nó hết sức đẹp, hết sức “siêu thế gian” (otherworldly). Một khi bạn bước vào Kulu-Manali, bạn bắt đầu cảm thấy rằng bạn đang bước vào một thế giới khác. Vào ngày cuối cùng của trại thiền, nó đến với tôi, “ Bây giờ khoảnh khắc đã đến.” Và tôi tuyên bố, “ Bất cứ ai muốn được điểm đạo, tôi sẵn sàng.” 21 người lập tức đứng lên. Họ bước vào sannyas. Bây giờ, câu hỏi với họ, là phải gọi tôi như thế nào. Mọi người khác thường gọi tôi là acharya; bây giờ, đối với họ, cái đó là không đủ. Đối với họ, tôi đã trở nên quan trọng hơn nhiều, có ý nghĩa hơn nhiều, thâm tình hơn nhiều. Họ đã đến rất gần bản thể của tôi, và họ quyết định rằng, họ sẽ gọi tôi là bhagwan.

Họ hỏi tôi. Tôi nói, “ Cái đó hoàn toàn tốt, bởi vì đó là một từ rất có ý nghĩa đối với tôi: kẻ diễm phúc.”

Đối với tôi, nó không có nghĩa là Thượng đế, nó không có nghĩa là Đấng Sáng Tạo, nó chỉ đơn thuần có nghĩa là kẻ diễm phúc – một kẻ ở tại nhà, đã tới; một người đã tìm thấy, đã gặp gỡ chính mình. Và rồi, không có gì khác ngoài những phúc lành, và những phúc lành tiếp tục mưa xuống người ấy. Ngày lại ngày, những phúc lành tiếp tục mưa rào xuống. Cho nên, hãy nhớ, bhagwan không dính dáng gì tới Thượng đế. Chắc chắn là nó có một cái gì đó dính dáng tới

“Thượng đế tính,” bởi vì đó là nghĩa của việc đến đích : về tới nhà. Đó là cái khiến cho bạn trở thành kẻ được chúc phúc.

Bhagwan là một thuật ngữ không có cấp độ so sánh, bạn không thể nhiều “Thượng đế tính” hơn Thượng đế; bạn không thể. Nó là một thuật ngữ không có cấp độ so sánh. Và nó không cho thấy bất cứ sự thành tựu nào; nó đơn giản cho thấy bản tính của bạn. Không phải là người ta phải trở thành Thượng đế; người ta là Thượng đế, người ta chỉ cần phải nhận ra điều đó mà thôi.

Nó không cho thấy bất cứ tài năng nào. Có ai đó là một nhà thơ lớn, một kẻ tiên tri, một kẻ “thấu thị” (visionary) lớn – ai đó là một họa sĩ lớn, nhạc sĩ lớn, vũ công lớn – tất cả đây đều là những tài năng. Tất cả (mọi người) không thể là những vũ công lớn; tất cả các bạn không thể đều là những Van Gogh. Và tất cả các bạn không thể đều là những nhà thơ lớn; tất cả các bạn không thể đều là những Tagore, và Pablo Neruda.

Nhưng tất cả các bạn đều là bhagwan. Nó không cho thấy một sự thành tựu; nó chỉ cho thấy tính đại đồng của bạn, chính bản chất của bạn. Bạn đã là Thượng đế.

Khi người ta gợi ý (muốn) gọi tôi là bhagwan, tôi yêu cái thuật ngữ đó. Tôi nói, “Cũng được. Ít nhất, cũng được, trong một số năm; rồi chúng ta có thể bỏ nó.”

Tôi chọn nó vì một mục đích riêng, và nó đã và đang phục vụ tốt, bởi vì những người mà thường đến với tôi để thu thập kiến thức, họ đã ngừng đến. Cái ngày tôi tự gọi mình là bhagwan, họ ngừng đến. Nó quá sức chịu đựng của họ, quá sức đối với những cái ego của họ. Một ai đó tự gọi mình là bhagwan ư ? Nó làm thương tổn cái ego. Họ ngừng đến. Họ thường đến với tôi để thu thập kiến thức. Bây giờ tôi đã thay đổi cái chức năng của tôi một cách tuyệt đối. Tôi bắt đầu làm việc trên một cấp độ khác biệt, một chiều kích khác biệt. Bây giờ tôi

cho bạn “bản thể” (being), không phải kiến thức. Trước đây, tôi đã là một arachya và họ là những “học viên”; họ đang học tập. Bây giờ tôi không còn là một “người dạy” (teacher) và các bạn không phải ở dây như là những học viên.

Nếu các bạn có mặt ở đây như là học viên, thì sớm hay muộn, bạn sẽ phải rời, bởi vì bạn sẽ thấy mình ở nhầm chỗ; bạn sẽ không thích hợp ở đây. Chỉ nếu bạn là một đệ tử (disciple), thì bạn sẽ thích hợp với tôi. Bởi vì bây giờ tôi đang trao tặng một cái gì hơn nữa. Nếu bạn có mặt ở đây để lấy kiến thức, thì chẳng sớm thì muộn, bạn sẽ thấy rằng bạn sẽ phải đi một nơi nào khác.

Tôi có mặt ở đây để trao truyền cái “bản thể” (“being). Tôi ở đây để làm cho bạn thức tỉnh. Tôi không định cho bạn “sự biết” (knowing) – và cái đó là một chiều kích hoàn toàn khác biệt. Việc tự gọi mình là bhagwan chỉ là biểu tượng – rằng bây giờ công trình của tôi đã bước vào một chiều kích khác. Và nó đã vô cùng hữu ích. Tất cả những người không thích hợp, họ tự động biến đi, và những con người với một phẩm chất hoàn toàn khác bắt đầu đến.

Nó làm việc tốt, nó lựa chọn tốt. Chỉ những ai sẵn sàng đặt sang một bên kiến thức của họ, những người ấy sẽ lưu lại, tất cả những người khác sẽ trốn chạy. Họ tạo ra khoảng không gian xung quanh tôi. Nếu không thế, thì họ đến quá đông đúc, và thật khó cho những kẻ tìm kiếm thực thụ đến gần tôi hơn. Đám đông biến mất. Cái từ bhagwan vận hành như một vụ nổ nguyên tử. Tôi vui sướng vì đã chọn nó.

Bây giờ những người đến với tôi không còn biện luận nữa. Bây giờ những người đến với tôi là những kẻ mạo hiểm vĩ đại của linh hồn, và họ sẵn sàng đánh liều – đánh liều bất cứ cái gì và mọi thứ.

Việc tự gọi mình là bhagwan là một phương sách. Chẳng sớm thì muộn, khi bạn đã trưởng thành và bạn đã hiểu vấn đề, và khi sự hiện

diện của bạn ở đây đã tạo ra một phẩm chất rung động khác biệt, tôi sẽ ngừng gọi mình là bhagwan. Rồi sẽ không cần thiết nữa. Rồi toàn bộ bầu khí sẽ phập phồng với "Thượng đế tính." Rồi những người nào sẽ đến, nó sẽ mưa rào xuống họ. Nó sẽ xuyên thấu trái tim họ. Sẽ không cần phải gọi tôi bằng tên gọi nào cả – bạn sẽ biết. Nhưng ban đầu, nó được cần đến, và nó đã có ích cực kỳ.

Điều sau cùng về nó:

Tôi không phải là một triết gia. Hãy luôn nhớ tôi như là một nhà thơ. Cách tiếp cận của tôi với cuộc sống là cách tiếp cận của thi ca, "tiểu thuyết lãng mạn" (romance). Nó lãng mạn, nó giàu tưởng tượng, sáng tạo (imaginative). Tôi muốn tất cả các bạn đều là những vị thần nam và thần nữ. Tôi muốn các bạn bộc lộ bản thể đích thực của mình. Tự gọi mình là Thượng đế, là một thách thức. Nó là một thách thức tinh tế (subtle). Chỉ có hai cách để giải quyết sự việc. Một là, bạn nói, " Người đàn ông này không phải là Thượng đế, vậy hãy bỏ đi – mình đang làm gì ở đây? Nếu người đàn ông này không phải là Thượng đế, thì tại sao mình lại lãng phí thời gian của mình?" Bạn bỏ đi. Hay bạn chấp nhận rằng người đàn ông này là Thượng đế, và rồi bạn bắt đầu ở lại với tôi và "Thượng đế tính" của riêng bạn bắt đầu nở hoa.

Một ngày nào đó bạn cũng sẽ là một nam thần và nữ thần.[3] Việc chấp nhận tôi như là Thượng đế, thực ra ở tận đáy sâu, là việc chấp nhận khả tính rằng, bạn cũng có thể là một "thượng đế" (god), chỉ có thế. Chính sự chấp nhận rằng, người đàn ông này có thể là một Thượng đế, sẽ khuấy động một cái gì đó mà vẫn hằng ngủ say bên trong bạn. Rồi bạn không thể cứ mãi giữ nguyên như bạn đang là; một cái gì đó phải được làm. Một cái gì đó phải được chuyển hoá, một cái gì đó phải được biết …

Nếu bạn quyết định đi với tôi, bạn sẽ trở nên ngày càng tỉnh giác (watchful) hơn. Và bạn càng trở nên tỉnh giác, bạn sẽ càng có khả

năng hiểu tôi, bạn càng có khả năng hiểu cái đã xảy ra, cái đã trải qua bên trong linh hồn tôi. Bạn ngày càng trở nên tham dự vào sự xảy ra này, trong vũ điệu này, trong sự ca hát này.

Và dần dần, bạn sẽ thấy – vị đạo sư đang đến. Nó không đến từ bên ngoài, nó đến từ cốt lõi nội tại nhất của bạn, nó đến từ những đáy sâu của bạn. Tôi đã nhìn vào bên trong, và tôi đã phát hiện ông ta ở đó. Thông điệp của tôi thì đơn giản – rằng tôi đã tìm thấy vị thần (the god – "Thượng đế") bên trong tôi. Toàn bộ nỗ lực của tôi là thuyết phục bạn nhìn vào bên trong. Vấn đề duy nhất là việc trở nên một kẻ quan sát trên đồi. Trở nên một kẻ chứng kiến – tỉnh giác, quan sát – và bạn sẽ được thành tựu viên mãn.

~~000~~

Tiện thể, việc tôi tự gọi mình là bhagwan chỉ như là một thách thức – đối với người Kytô, người Hồi giáo, người Hindu. Họ vẫn kết án tôi, nhưng không ai đủ can đảm để giải thích sự kết án đó. Từ những "nguồn" xa xôi, đã có những bài báo và những lá thư gởi cho tôi, nói, " Tại sao ông tự gọi mình là bhagwan?" Và tôi đã cười to, bởi vì tại sao Ram tự gọi mình là bhagwan? Phải chăng là ông được tấn phong bởi một ủy ban? Và một bhagwan được bầu bởi một ủy ban thì sẽ không mấy là một bhagwan, bởi vì cái ủy ban đó không bao gồm những bhagwan. Họ có quyền gì?

Phải chăng Krishna được người ta tấn phong cho là bhagwan? Phải chăng nó là một vấn đề bầu chọn? Ai đã tấn phong những vị này? Không người Hindu nào có câu trả lời. Và một người giống như Krishna, đã đánh cắp 16 ngàn phụ nữ từ những con người khác nhau – họ là những người mẹ, họ đã kết hôn, chưa kết hôn, không phân biệt – và thế nhưng, không có người Hindu nào đủ can đảm để phản đối rằng, một người đàn ông với một tính cách như thế, thì không có quyền được gọi là bhagwan. Họ có thể thậm chí gọi vị thần Kalki của họ - một con ngựa - là bhagwan. Những con người kỳ lạ!

Và người ta hỏi tôi, tại sao tôi tự gọi mình là bhagwan. Tôi không có chút kính trọng nào đối với cái từ này. Thực ra, tôi hoàn toàn kết án nó. Nó không phải là một từ đẹp – mặc dù tôi đã cố gắng trong cách riêng của mình để chuyển hoá cái từ đó, song những người Hindu ngu xuẩn không cho phép nó. Tôi đã cố cho nó một cái tên mới, một nghĩa mới, một ý nghĩa mới. Tôi đã nói rằng, nó có nghĩa là một kẻ diễm phúc, một người với một bản thể được chúc phúc, mặc dù nó là sự phát minh của tôi.

Từ bhagwan là một từ rất xấu xa. Song những người Hindu giáo thậm chí không nhận biết điều đó. Họ nghĩ rằng nó là một cái gì đó rất đặc biệt. Cái nghĩa gốc của nó – bhag có nghĩa là bộ phận sinh dục nữ. Và wan có nghĩa là bộ phận sinh dục nam. Một cách tượng trưng, cái từ bhagwan có nghĩa là "Kẻ Sáng Tạo" - một người mang lại sự sáng tạo, qua sự giao hợp giữa năng lượng "sô vanh" nam tính của ông và năng lượng nữ tính của sự tồn tại.

Tôi ghét cái từ đó! Tôi đã và đang chờ đợi một người Hindu ngu xuẩn nào đó xuất hiện, nhưng họ nghĩ rằng nó là một cái gì đó rất tôn nghiêm (dignified) và tôi không có quyền tự gọi mình là bhagwan. Hôm nay, tôi nói một cách tuyệt đối, "Vâng, nhưng tôi có mọi quyền để tố giác (denounce) cái từ đó." Không ai có thể ngăn tôi. Tôi không muốn bị gọi là bhagwan một lần nữa. Đủ là đủ! Trò đùa đã chấm dứt!

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Godliness: "thần tính" (divinity); "Thượng đế tính" – tôi chọn nghĩa này, trong ngữ cảnh này.

[2] Hóa ra, từ Bhawan (Thượng Đế) của người Hindu giáo có "quan hệ" với cái … "hồng nhan" của nữ sĩ Hồ Xuân Hương!

[3] Nguyên tác: " One day you will also be a god, a goddess." Từ "god" viết thường, có nghĩa là "vị thần." Viết hoa , "God" thường

được dịch là “Thượng đế,” Ơ đây, có thể dịch là “nam Thượng đế”, “nữ Thượng đế.” - nhưng dịch như vậy, có vẻ hơi … “lạ tai” !

PHẦN II: CHƯƠNG XII

GURU CỦA NGƯỜI GIÀU

Tôi luôn luôn chi tiêu trước khi tôi kiếm được tiền. Chỉ cần có ý tưởng rằng món tiền nào đó đang đến, là tôi bảo người của tôi: " Hãy chi tiêu! Bởi vì ai biết về ngày mai? Hãy chi tiêu hôm nay." Chúng tôi chẳng có đồng xu nào cả, nhưng chúng tôi hoàn toàn đủ. Không có gì thiếu, mọi thứ đều hoàn toàn ok. Và tiền bạc tiếp tục đến. Tôi đã sống 35 năm mà không có chút tiền bạc nào cả. Nó vẫn luôn luôn đến. Một ai đó, ở một nơi nào đó cảm thấy muốn gởi tiền, và nó đến. Và bây giờ, tôi đã bắt đầu tin rằng sự hiện hữu chăm sóc, ngay cả một người tốn kém như tôi.

Bạn hỏi, " Há chẳng phải ông là guru của một người giàu?" Đúng vậy - bởi vì chỉ một người giàu mới có thể đến với tôi. Nhưng khi tôi nói một người "giàu," tôi ngụ ý hai loại người giàu.[1] Loại thứ nhất, là người chỉ "giàu" vật chất, nhưng rất nghèo bên trong - anh ta có mọi thứ mà thế giới có thể ban cho, và đã thấy rằng nó vô dụng. Loại thứ hai, là người "giàu" trí tuệ, dù nghèo về vật chất.

Vâng, chỉ một người "giàu" (hoặc vật chất, hoặc trí tuệ) mới có thể trở nên tôn giáo. Tôi không đang nói rằng, một người nghèo (vật chất) không thể trở nên tôn giáo, nhưng điều đó thì hiếm hoi, ngoại lệ – anh ta phải "giàu" trí tuệ. Một người nghèo (bình thường) tiếp tục hy vọng. Một người nghèo chưa biết của cải là cái gì, anh ta chưa bị phẫn chí vì nó. Làm thế nào anh ta có thể vượt lên của cải nếu anh ta không bị nó làm cho phẫn chí ? Một người nghèo đôi khi cũng đến với tôi, nhưng lúc đó anh ta đến để tìm một cái gì đó mà tôi không thể cung ứng. Anh ta hỏi xin sự thành công. Con trai anh ta đang thất nghiệp; anh ta yêu cầu, " Xin hãy chúc phúc cho nó, Osho." Vợ anh ta lâm bệnh, hoặc anh ta đang sa sút trong việc làm ăn. Đây là những

triệu chứng của một người nghèo, một người đang cầu xin những điều của thế gian này.

Khi một người giàu đến với tôi, anh ta có tiền bạc, anh ta có việc làm, anh ta có nhà cửa, có sức khỏe – anh ta có mọi thứ mà một người có thể có. Và bỗng nhiên anh ta nhận thức rằng, không có cái gì thành tựu. Rồi thì cuộc tìm kiếm Thượng đế bắt đầu.

Vâng, đôi khi một người nghèo cũng có thể là tôn giáo, nhưng để có điều đó, cần đến một trí tuệ lớn. Một người giàu, nếu anh ta không tôn giáo, là kẻ ngu xuẩn. Một người nghèo, nếu anh ta tôn giáo, thì phải vô cùng thông minh. Nếu một người nghèo không tôn giáo, thì anh ta có thể được tha thứ. Nhưng nếu một người giàu mà không tôn giáo, thì tội lỗi của anh ta là không thể tha thứ được.

Tôi là guru của một người giàu. Tuyệt đối là như vậy.

Nếu không nhờ có tiền bạc, thì bạn đã không có mặt ở đây. Bạn ở đây, bởi vì bạn phẫn chí với tiền bạc của bạn. Bạn ở đây bởi vì bạn phẫn chí với sự thành công của bạn. Bạn ở đây bởi vì bạn phẫn chí với đời bạn. Một kẻ ăn xin không thể đến, bởi vì anh ta chưa bị phẫn chí vì những thứ đó.

Tôn giáo là một sự "xa hoa" (luxury) – tôi gọi nó là sự xa hoa tối hậu, bởi vì nó là giá trị cao nhất. Khi một người bị đói, anh ta không thể bận tâm về âm nhạc – anh ta không thể. Và nếu bạn bắt đầu chơi đàn sitar trước mặt anh ta, thì anh ta sẽ giết bạn. Anh ta sẽ nói, " Bạn đang sỉ nhục tôi! Tôi đang đói, thế mà bạn lại đang chơi đàn sitar – phải chăng đây là lúc chơi đàn sitar? Trước hết, hãy cho tôi ăn! Và tôi quá đói, tôi chẳng thể nào hiểu được âm nhạc. Tôi đang chết đói!" Khi một người đang chết đói, thì có ích gì một bức họa của Van Gogh, hay một bài pháp của Phật, hay những Upanisha đẹp đẽ, hay âm nhạc? Vô nghĩa. Anh ta cần bánh mì.

Khi một người đang hạnh phúc với thân thể mình, có đủ ăn, có nhà tốt để ở, thì anh ta bắt đầu trở nên quan tâm đến âm nhạc, thi ca, văn học, hội họa, nghệ thuật. Bây giờ một cơn đói khác nẩy sinh. Những nhu cầu thể xác được thoả mãn, bây giờ, những nhu cầu tâm lý nẩy sinh. Có một đẳng trật trong những nhu cầu: nhu cầu thứ nhất là cơ thể; nó là cơ sở, nó là tầng móng của bản thể bạn. Không có tầng móng, thì tầng một không thể hiện hữu.

Khi những nhu cầu thể xác của bạn được thỏa mãn, thì những nhu cầu tâm lý khởi lên. Khi những nhu cầu tâm lý của bạn được thỏa mãn, thì những nhu cầu tâm linh của bạn khởi lên. Khi một người đã lắng nghe mọi âm nhạc mà có thể nghe được trên thế giới, và đã thấy tất cả cái đẹp, và đã thấy rằng tất cả đó đều chỉ là một giấc mơ – đã lắng nghe tất cả những nhà thơ lớn, và đã thấy rằng thi ca chỉ là một cách để tự quên mình, để tự "gây say" (intoxicate) mình, nhưng nó không dẫn bạn tới đâu cả – đã thấy tất cả những bức họa và nghệ thuật vĩ đại, thú vị, dễ chịu … rồi, sao nữa? Hai bàn tay vẫn trống rỗng, càng trống rỗng hơn trước đây. Rồi âm nhạc và thi ca là không đủ. Rồi cái ước muốn thiền định, cái ước muốn cầu nguyện, sự khao khát Thượng đế, khao khát chân lý nẩy sinh. Một nỗi đam mê lớn xâm chiếm lấy bạn, và bạn bắt đầu cuộc tìm kiếm chân lý bởi vì bạn biết: Trừ khi bạn biết đâu là cái chân lý huyền bí nhất của vũ trụ, thì không có gì có thể thỏa mãn. Tất cả mọi thứ khác bạn đều đã thử, và nó đã thất bại.

Tôn giáo là sự xa hoa tối hậu. Hoặc là bạn phải rất giàu để đến với sự xa hoa này, hoặc là bạn phải hết sức thông minh. Nhưng trong cả hai trường hợp, bạn giàu có – giàu tiền bạc hoặc giàu trí tuệ. Tôi chưa bao giờ thấy một người thực sự nghèo – nghèo trí tuệ, nghèo của cải – mà đã từng trở nên tôn giáo.

Một Kabir trở nên tôn giáo. Ngài không phải là một triệu phú, nhưng ngài hết sức thông minh. Buddha trở nên tôn giáo bởi vì Ngài hết sức giàu có. Krishna và Ram và Mahavira trở nên tôn giáo bởi vì họ hết sức giàu có. Dadu, Raidas, Farid – họ trở nên tôn giáo bởi vì

họ hết sức thông minh. Nhưng một loại giàu có nào đó được cần đến.

Vâng, bạn nói đúng. Tôi là guru của người giàu. [2]

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Đoạn này tôi dịch “thoát ý” – để câu văn được rõ ràng hơn

[2] Kể ra, thì Osho cũng “có lý” !

PHẦN II: CHƯƠNG XIII

KẺ THÍCH ĐÙA

Hỏi: Ai là "bầu sô" (showman) [1] tốt hơn – trong thuật ngữ siêu hình (metaphical terms), nếu ông thích – ông hay là tổng thống Ronald Reagan?

Đáp: Không ai có thể đánh bại tôi ! Tôi là "bầu sô" cừ nhất trong toàn bộ lịch sử nhân loại.

Hỏi: Nếu điều này đúng, ông ưa thích loại "sô" (show) nào? Đây là nhà hát, hay rạp xiếc?

Đáp: Đây là rạp xiếc của tôi, lễ hội carnival của tôi. Và tôi thích nó vô kể!

*Từ một cuộc phỏng vấn với Jeff McMulen, 60 phút, Australia.

~~000~~

Hỏi: Trong một cuộc họp báo, ông đã mô tả "công xã" (commune) của ông như là một gánh xiếc và chính ông là một "bầu sô" lớn, lớn nhất trên thế giới. Có phải là ông đang tự giễu (mocking) chính mình và công xã của mình? Tại sao ông nói như vậy?

Đáp: Bạn đang mang quá khứ lại đây. Hãy quên tất cả mọi thứ vớ vẩn đó. Tôi là một "bầu sô" ư ? Và những người của tôi là một gánh xiếc? Tôi phủ nhận nó hoàn toàn.

Hỏi: Bây giờ ông sẽ mô tả nó như thế nào?

Đáp: Không có gánh xiếc nào ở đây cả. Đây là nơi duy nhất mà một gánh xiếc không đang diễn ra.

Hỏi: Và ông là một "vị thầy" (teacher) nghiêm túc?

Đáp: Tôi là một ông thầy rất không nghiêm túc! Và tôi đã quên cái cuộc họp báo mà bạn đang nói về! Tôi chỉ đáp ứng lại bạn. Tại sao lại kéo người chết một cách vô ích ra khỏi những nấm mồ của họ? Hãy để cho họ ngủ yên. Bạn đang sống, tôi đang sống, chúng ta có thể có một gặp gỡ (encounter) sống động, của người sống.

Và tôi thấy tính tiềm năng trong bạn, đó là lý do tại sao tôi đang nói điều đó. Có lẽ tôi đã không nói điều đó với một người khác. Tôi đã được phỏng vấn mọi buổi chiều tối, trong nhiều tuần, nhưng có lẽ tôi đã không nói điều đó với một nhà báo khác. Tôi không xem bạn chỉ như là một nhà báo, tôi xem bạn như là một kẻ tìm kiếm (chân lý) nhiều hơn. Tôi xem bạn như là một hữu thể người nhiều hơn. Và tôi thấy trái tim bạn đang đập phập phồng với tôi, đồng nhịp với tôi, đó là lý do tại sao tôi đang nói ra điều ấy. Nếu không, tôi có thể tiếp tục trả lời về quá khứ, bất cứ cái gì mà đến với tâm trí tôi, và không có vấn đề nào về nó cả.

Tôi yêu những chuyện đùa (joke). Và đùa giỡn trên những người khác thì không tốt lắm, không dễ thương. Do vậy, thỉnh thoảng, tôi đùa giỡn trên chính mình, trên những người của tôi. Nó chỉ là một trò đùa, và những ký giả (nhật báo) ngu xuẩn đó nghĩ rằng nó là một cái gì đó nghiêm túc. Bạn có nghĩ rằng một "bầu sô" sẽ ngồi ở đây trong một sa mạc? Phải chăng đây là nơi dành cho một "bầu sô" ? Nếu đúng vậy, có lẽ tôi đã chọn Hollywood! Nhưng trái lại, tôi đã kéo những người từ Hollywood về đây, và biến họ thành người của tôi.

Trong cái sa mạc này, 126 dặm vuông, tôi đang ngồi suốt ngày trong phòng tôi. Tôi chỉ ra ngoài hai lần : vào buổi sáng, để nói chuyện với những sannyasin của tôi, và vào buổi chiều tối, để nói

chuyện với một nhà báo. Bạn nghĩ tôi là loại "bầu sô" nào? Một "bầu sô" không làm theo cách đó.

Và tôi không có thời gian để làm "bầu sô." Tôi sẽ nói cho bạn biết cái lề thói hằng ngày (routine) của tôi, và bạn sẽ thấy: Tôi sẽ lấy thời gian ở đâu? Sáu giờ sáng, tôi thức dậy. Thêm vào đó, thị giả (caretaker) của tôi, Vivek, phải đánh thức tôi dậy; nếu không, tôi sẽ không thức dậy. Ai quan tâm đánh thức tôi một lần nữa? Tôi vẫn thức trong nửa thế kỷ, trở đi trở lại, đủ rồi!

Nhưng cô ấy đánh thức tôi, cho tôi một tách trà. Chỉ để tôn trọng cô ta, tôi uống trà. Trà của tôi không nhiều, chỉ có nước và lá trà. Không có đường, không có sữa – nếu loại trà đó được phục vụ trên thiên đường, thì tất cả các vị thánh sẽ bắt đầu di chuyển về phía địa ngục. Rồi – tôi vẫn luôn ưa thích nước, ngay từ thuở ấu thơ – trong một tiếng rưỡi vào buổi sáng, tôi ở trong phòng tắm, thưởng thức cái chậu tắm, cái vòi sen; và buổi chiều tối cũng tương tự, lại một tiếng rưỡi.

Tắm xong, ngay lập tức tôi phải vào trong xe và di chuyển đến thính đường nơi người của tôi đang chờ. Khi tôi trở về phòng, đã là giờ ăn trưa. Tôi dùng bữa trưa vào lúc 11 giờ và lại đi ngủ, cái việc mà tôi đã làm phần lớn cuộc đời mình. Tôi đã phải bỏ những giờ học khi tôi là một sinh viên – và các ông thầy của tôi cho phép việc đó, bởi vì nếu họ không cho phép, thì tôi thường ngủ trong lớp. Tôi nói, " Không có cách nào khác… Em phải ngủ hai giờ này."

Vào lúc 2 giờ chiều tôi thức dậy, và tôi lái xe dạo một vòng. Tôi ưa lái xe và chắc chắn tôi có một trong những con đường đẹp nhất, bởi vì nó được các sannyasin của tôi làm riêng cho duy nhất một mình tôi. Không có xe cộ, cho nên tôi không cần bận tâm là tôi đang lái bên phải hay bên trái. Toàn bộ con đường thuộc về tôi. Một giờ ở đó rồi trở về nhà.

Một tiếng rưỡi tôi chỉ đơn giản ngồi trong ghế, không làm gì cả, và "để cỏ tự mọc." Rồi đi tắm.

Sau khi tắm, tôi ăn bữa tối, và sau bữa ăn tối, tôi ở đây để trả lời phỏng vấn của báo giới. Tôi sẽ trở lại phòng mình vào khoảng 9 giờ, hoặc 9.30 đêm. Rồi thư ký của tôi sẽ đến với những lá thư từ khắp thế giới; những mảnh cắt từ báo mới, viết về tôi từ khắp thế giới, bất cứ cái gì mà cô thư ký riêng cảm thấy tôi cần biết – bởi vì tôi không đọc. Tôi đã ngừng đọc bất cứ cái gì – sách, nhật báo, tạp chí, bất cứ cái gì. Những đoạn cắt mà thư ký riêng của tôi mang đến, cô ấy phải đọc; tôi chỉ đơn giản lắng nghe. Khoảng gần 11 giờ đêm, tôi lại đi ngủ. Như vậy, tôi sẽ kiếm đâu ra thời gian để là một "bầu sô" ? Vâng, bạn có thể nhìn vào trang phục của tôi và nghĩ rằng nó trông giống như trang phục của một "bầu sô." Không phải vậy, đó là tình yêu thương của những người của tôi. Tôi đang "chưng diện" (dressing) là vì họ. Họ làm ra những trang phục đẹp, họ ưa thích làm chúng cho tôi; tôi không thể từ chối họ. Và tôi định "chưng diện" cho ai nhìn? Tôi không bao giờ ra khỏi nơi này.

Bạn thấy cái đồng hồ của tôi chứ ? Tôi có hằng trăm cái. Những người của tôi là những người thực sự thông minh – không có vị đạo sư nào trong toàn bộ lịch sử có thể có được một nhóm người thông minh như thế. Này nhé, cái đồng hồ này được làm bởi những sannyasin của tôi. Nó đã đánh bại Piaget – và nó thực sự được làm bằng đá, không phải kim cương.

Hỏi: Bằng đá ư?

Đáp: Đúng là đá, không phải kim cương. Cho nên đừng mang ý tưởng rằng, nó là một cái đồng hồ giả. Đá thực thì cũng thực như là kim cương thực, không có chuyện nó là đồ giả. Tôi vừa nghe trên TV rằng, một nhà báo ngu xuẩn bảo rằng tôi đã và đang dùng những chiếc đồng hồ giả. Tôi không thể hiểu: những hòn đá thực thụ như thế, mà bạn gọi nó là đồng hồ giả ư ? Nó chỉ giờ đúng một cách hoàn toàn chính xác; trong một năm, nó sẽ chậm chỉ một giây, và đó là mức tốt nhất mà bất cứ đồng hồ nào có thể làm được. Nó đẹp như

bất cứ viên kim cương nào. Cái đồng hồ tương tự từ Piaget có giá nửa triệu Mỹ kim, chỉ vì cái ý tưởng ngu xuẩn rằng kim cương thì có giá trị nào đó. Cái đồng hồ này không tốn đồng xu nào cả, nhưng tôi sẽ không bán nó thậm chí với giá 10 triệu Mỹ kim, bởi vì nó là vô giá. Nó được làm với tình yêu quá lớn, đến nỗi nó không phải là một vật có thể bán. Tình yêu không thể bán được.

Nhưng tôi định phô trương cái đồng hồ cho ai? Những người của tôi biết những trang phục của tôi, những người của tôi biết những cái đồng hồ của tôi, những người của tôi biết tôi. Tôi không giao thiệp (mix) với bất cứ ai khác, tôi không đi nơi nào khác. Đối với riêng tôi, thì thế chiến thứ ba đã xảy ra, và chỉ có nơi này mới được cứu thoát. Không có nơi nào khác để đi.

Tôi chỉ đang đùa thôi. Và những người của tôi đang làm việc chăm chỉ, 12 – 14 tiếng một ngày, chuyển hoá một sa mạc thành ra một ốc đảo (oasis) – bạn có nghĩ rằng những con người này tạo thành một gánh xiếc hay không? Bạn sẽ không tìm thấy bất cứ nơi đâu trên thế giới những con người cần cù như thế – và họ không đang được trả lương, bởi vì chúng tôi không tin tiền bạc cần được dùng bên trong công xã, trong bất cứ cách nào. Không có nhu cầu nào cả. Chúng tôi thỏa mãn nhu cầu của chúng tôi, thực phẩm, y phục, mọi thứ, cho nên không ai cần tiền bạc. Bất cứ cái gì anh ta cần, anh ta có thể có. Những người này đang làm việc hết sức chăm chỉ, và vì mục đích gì? Để chiêu đãi cho một ai đó ư? Những người này là những con người sáng tạo. Họ yêu mến tôi và bây giờ họ muốn biến cái "thị kiến" (vision) của tôi thành hiện thực.

*Từ một cuộc phỏng vấn với William Sheer, Pers Unie, The Hague, Netherlands.

~~000~~

Tôi phải kể những câu chuyện đùa bởi vì, tôi e rằng, tất cả các bạn đều là những người tôn giáo. Bạn có khuynh hướng ưa nghiêm túc. Tôi phải cù vào bạn để đôi khi bạn quên đi tính tôn giáo của bạn, bạn quên đi tất cả những triết gia của bạn, những lý thuyết, hệ thống của bạn, và bạn rơi xuống mặt đất. Tôi phải đem bạn trở lại mặt đất, lần này rồi lần khác; nếu không, bạn sẽ có khuynh hướng trở nên ngày càng nghiêm túc. Và tính "nghiêm túc" là một sự tăng trưởng có tính ung thư.

Bây giờ, ngay cả y học cũng nói rằng, tiếng cười là một trong những phương thuốc có tác dụng sâu xa nhất mà thiên nhiên đã cung cấp cho con người. Khi bạn bệnh, nếu bạn có thể cười, thì bạn sẽ bình phục sớm hơn. Nếu bạn không cười được, thì cho dù bạn khỏe mạnh, chẳng sớm thì muộn bạn sẽ đánh mất sức khỏe của mình và đổ bệnh.

Tiếng cười mang năng lượng nào đó từ cội nguồn nội tại của bạn lên bề mặt. Năng lượng bắt đầu tuôn chảy, nó theo sau tiếng cười như một cái bóng. Bạn đã quan sát điều đó chưa? Khi bạn thực sự cười, thì trong những khoảnh khắc ít ỏi đó, bạn ở trong một trạng thái thiền sâu. Sự suy nghĩ ngừng lại. Thật không thể cười và suy nghĩ cùng một lúc. Chúng hoàn toàn đối nghịch nhau: hoặc là bạn cười, hoặc là bạn suy nghĩ. Nếu bạn thực sự cười, thì sự suy nghĩ ngừng lại. Nếu bạn đang suy nghĩ, thì tiếng cười chỉ "vậy vậy", tụt lại (lagging) phía sau. Nó sẽ là một tiếng cười tàn tật.

Khi bạn thực sự cười, bỗng nhiên tâm trí biến mất. Toàn bộ "giáo học pháp" (methodology) của Zen là làm thế nào để đi vào "vô - trí" (no – mind) – tiếng cười là một trong những cánh cửa đẹp dẫn tới đó.

Theo như tôi biết, khiêu vũ và tiếng cười là những cánh cửa tốt nhất, tự nhiên nhất, dễ dàng nhất – có thể tiếp cận được. Nếu bạn thực sự nhảy múa, sự suy nghĩ ngừng lại. Bạn cứ đi, đi mãi, xoay vòng và xoay vòng, và bạn trở nên một "xoáy nước" (whirlpool) – mọi

ranh giới, mọi phân chia biến mất. Bạn thậm chí không biết nơi nào cơ thể bạn kết thúc, và nơi nào sự hiện hữu bắt đầu. Và bạn chảy tan vào sự hiện hữu và sự hiện hữu chảy tan vào trong bạn; có một sự "gối lên nhau" (overlapping) của những ranh giới. Và nếu bạn đang thực sự nhảy múa – không "quản lý" nó mà cho phép nó "quản lý" bạn, cho phép nó chiếm hữu bạn – nếu bạn bị chiếm hữu bởi sự nhảy múa, thì sự suy nghĩ ngừng lại.

Cái tương tự xảy ra với tiếng cười. Nếu bạn bị chiếm hữu bởi tiếng cười, sự suy nghĩ ngừng lại. Và nếu bạn biết một ít khoảnh khắc của "vô trí", những thoáng nhìn đó sẽ hứa hẹn bạn thêm nhiều phần thưởng (mà) sắp đến. Bạn chỉ phải trở nên ngày càng thấm nhập vào phẩm chất của "vô trí". Càng ngày sự suy nghĩ càng phải được vứt bỏ.

Tiếng cười có thể là một dẫn nhập đẹp đẽ vào một trạng thái "không suy nghĩ" (nonthinking).

Và tôi phải kể những câu chuyện đùa, bởi vì những điều mà tôi đang nói thì quá tinh tế, quá sâu xa, đến mức nếu tôi chỉ đơn thuần tiếp tục nói với bạn những điều này, thì bạn sẽ thiếp ngủ và bạn sẽ không có khả năng lắng nghe hay hiểu. Bạn sẽ cứ vẫn (remain) hầu như điếc.

Cái chân lý mà tôi nói với bạn càng sâu xa, thì lời nói đùa mà tôi chọn cho nó càng "tồi tệ" (worse) . Cái chân lý mà tôi đang cố trình bày càng cao, thì tôi phải tìm kiếm một chuyện đùa càng thấp. Đó là lý do tại sao ngay cả những chuyện đùa "bẩn thỉu" (dirty) [3] … tôi cũng không bận tâm. Ngay cả một chuyện đùa bẩn thỉu cũng có thể hữu ích – càng như thế, bởi vì nó có thể gây cho bạn sốc tới gốc rễ, tới gan ruột. Và đó là toàn bộ cái "chiến lược" của tôi! Nó giúp bạn – lặp đi lặp lại – đến với sự tỉnh táo của bạn. Khi tôi thấy bạn tỉnh táo, tôi lại tiếp tục kể với bạn những cái mà tôi muốn kể với bạn. Khi tôi lại

thấy bạn đang trượt vào giấc ngủ của bạn, tôi lại phải đưa vào một câu chuyện đùa.

Nếu bạn thực sự lắng nghe với sự tỉnh táo, thì sẽ không cần – tôi có thể nói ra chân lý một cách trực tiếp. Nhưng thật khó. Bạn bắt đầu ngáp … và cười thì tốt hơn là ngáp.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Showman: ông bầu của các "sô" diễn …

[3] Phải chăng, việc kể những "chuyện đùa bẩn thỉu" này, là một trong những nguyên nhân tạo cho người ta cảm giác rằng Osho không "thuần khiết" ? Nếu tôi không lầm, thì Osho vẫn thường khiêu vũ với những nữ "đệ tử" của ông. Có lẽ, một tâm trí "công thức" sẽ khó lòng "hiểu" được ông!

PHẦN II: CHƯƠNG XIV

ĐẠO SƯ ROLLS-ROYCE

Osho: Tôi muốn toàn thế giới sống thật xa hoa, đến nỗi người ta bắt đầu trở nên chán sự xa hoa. Bạn nên hỏi tôi, bằng cách mà tôi chán Rolls – Royce.

Hỏi: Ông chán Rolls – Royce như thế nào?

Đáp: 99 chiếc Rolls – Royce, bất cứ ai đều sẽ chán! Và những người của tôi sắp cố để có 365 chiếc.[1] Họ quyết tâm làm cho tôi chán. Bạn có thể làm gì? Và toàn bộ trái đất lần đầu tiên có thể trở nên quá xa hoa, đến mức bạn không cảm thấy bất cứ nhu cầu vật chất nào. Khi mọi nhu cầu vật chất được thỏa mãn, thì bạn định làm gì? Không có gì khác ngoài thiền định. Đó là cánh cửa duy nhất mà vẫn còn để ngỏ. Tất cả những cánh cửa khác, bạn đều đã gõ vào, và bạn thấy không có gì ở đó. Chỉ có một cánh cửa duy nhất còn bỏ ngỏ, đón mời.

Và bất cứ ai đã bước vào cánh cửa đó, sẽ không bao giờ trở lại mà bị phẫn chí, thất vọng – không có một trường hợp riêng lẻ nào trong toàn bộ lịch sử nhân loại, mà trong đó một người đã đạt tới trung tâm của bản thể mình, mà lại bị thất vọng, cảm thấy vô nghĩa, khốn khổ, để rồi tự vẫn. Không có một ngoại lệ riêng lẻ nào cả! Đó là lý do tại sao tôi nói thiền định là một điều khoa học. Đó là cách mà khoa học làm việc: Nếu bạn có thể tìm thấy một cái gì đó không có ngoại lệ, thì nó trở thành một qui luật. Thiền định là một phương pháp khoa học, bởi vì trong toàn bộ lịch sử, chưa từng có ai nói rằng nó không dẫn bạn tới phúc lạc tối hậu.

*Từ một cuộc phỏng vấn với Ted Viramonte, Madras Pioneer, Madra, Oregon.

1978. Pune, Ấn Độ.

Chỉ mới cách đây mấy hôm, tôi bảo thư ký của tôi, Laxmi, mua cái xe đắt nhất có thể được tại đất nước này. Một điều tốt về Laxmi, là cô ấy không bao giờ hỏi tại sao. Cô ấy đã mua nó. Nó tác dụng tốt – nó là một "mẹo vặt" (device). Laxmi đang gõ cửa những ngân hàng để kiếm tiền cho công xã mới. Chúng tôi cần nhiều tiền; gần khoảng một triệu Mỹ kim sẽ được cần đến. Ai sẽ cho tôi vay món tiền đó? Cái ngày mà cô ấy mua chiếc xe, thấy rằng chúng tôi có tiền, những ngân hàng bắt đầu đến văn phòng của cô, mời chào, " Hãy lấy bao nhiêu mà cô muốn." Bây giờ, cô ấy bối rối : lấy từ ai? Mọi người đều muốn cho vay trên những điều kiện tốt hơn, và họ theo đuổi cô.

Tôi đã làm việc tại Ấn độ liên tục trong 20 năm. Hằng nghìn người đã được chuyển hoá, hằng triệu người đã lắng nghe tôi nói, và thêm nhiều người đã và đang đọc cái mà tôi đang nói, nhưng tờ Times of India – tờ nhật báo công thức nhất của Ấn độ, vẫn có tính "Anh quốc" (British) nhất – chưa hề đăng tải một bài nào về tôi hay công trình của tôi. Nhưng cái ngày mà tôi mua chiếc xe, có một bài báo "nhớn" (big) – về chiếc xe, chứ không phải về tôi!

Bây giờ tất cả họ đều quan tâm. Tin tức về chiếc xe được đăng tải khắp nước, trong mọi tờ nhật báo, bằng mọi thứ tiếng. Vậy, đây là loại người nào? Sự quan tâm của họ không phải là về tôi, không phải về thiền định, không phải về hằng nghìn người mà đang thiền định ở đây. Họ hoàn toàn không nhận biết về cái gì đang xảy ra ở đây, nhưng họ trở nên quan tâm đến chiếc xe.

Họ đến đây. Nhiều người đến văn phòng, không phải để thăm tôi hay cái công xã – họ dò hỏi, " Chúng tôi có thể xem chiếc xe được không?" Laxmi nói với họ, " Bạn có thể đến nghe bài nói chuyện buổi sáng, và bạn có thể thấy chiếc xe." Và những gã đáng thương – họ

phải đến và lắng nghe 90 phút, chỉ để thấy chiếc xe. Thật là một cuộc tra tấn! Và đây là những người giàu có, được giáo dục. Bạn thử nghĩ xem, có đất nước nào "duy vật" hơn?

Và họ rất lo lắng, và những bài xã luận được viết về chiếc xe. Họ hỏi, " Tại sao? Tại sao ông không thể sống một cuộc sống giản dị chứ?" Cuộc đời tôi thì tuyệt đối giản dị – thực sự quá giản dị, đến mức tôi luôn thỏa mãn với những loại đồ vật tốt nhất. Nó tuyệt đối giản dị, còn gì giản dị hơn nữa? Có thể nói trong một câu ngắn gọn : những loại đồ vật tốt nhất. Không có sự phức tạp nào về nó cả. Tôi thích chất lượng. Tôi không quan tâm về việc nó giá bao nhiêu, mà tôi chỉ quan tâm về chất lượng. Tôi thích chất lượng trong con người, không phải số lượng. Tôi thích chất lượng trong mọi sự, chứ không phải số lượng. Chúng tôi đã có thể mua 30 chiếc xe Ấn độ, thay vì chiếc này, nhưng có lẽ đó chỉ là số lượng – và dẫu có mua 30 chiếc, thì hẳn cũng đã không ích lợi gì.

Nhưng tại sao họ cứ thắc mắc, tại sao họ không hiểu được chuyện đó? Bởi vì họ làm ra vẻ mình là tôn giáo, nhưng dưới sâu, toàn bộ sự ám ảnh của họ là có tính "duy vật". Họ mang giữ một thói đạo đức giả, và để chu toàn (fulfill) sự giả hình của họ, toàn bộ thế giới tôn giáo Ấn độ phải thỏa hiệp (compromise). Nếu ai đó muốn trở thành một vị thánh, y phải sống trong sự nghèo nàn hoàn toàn. Nó gần như là một bệnh thống dâm; y phải tự tra tấn mình. Càng tra tấn mình bao nhiêu, người ta càng nghĩ rằng y tôn giáo bấy nhiêu: " Trông kìa, ông ta đang sống tôn giáo làm sao!"

Sống một cách tôn giáo có nghĩa là sống một cách vui sướng, sống một cách tôn giáo có nghĩa là sống một cách thiền. Sống một cách tôn giáo có nghĩa là sống trong thế giới này như thể cuộc sống là một món quà của Thượng đế! Nhưng tâm trí họ bị ám ảnh và họ không thể hiểu. Một khi mục đích của chiếc xe được đạt tới, thì nó (chiếc xe) sẽ biến đi.

Tôi thậm chí có thể đến trong một cái xe bò. Có lẽ nó sẽ còn sặc sỡ hơn, và có lẽ tôi càng ưa ngồi trên đó hơn.

Họ đến đây và họ nhìn, và toàn bộ mối quan tâm của họ là, "Tại sao lại xây một cái ashram [2] đẹp như thế?" Họ muốn một cái gì đó dơ bẩn, tồi tàn – một nơi nhếch nhác, và rồi thì nó là một ashram. Họ không thể tin rằng cái ashram có thể sạch sẽ, đẹp, với cây cối và hoa, và tiện nghi. Họ không thể tin điều đó. Và không phải là họ không muốn tiện nghi cho chính mình; họ đang khao khát nó. Thật ra, họ ghen tỵ. Cái đầu óc Ấn độ đã trở nên "duy vật" , duy vật một cách dung tục.

Một "tâm trí tâm linh" (spiritual mind) không chút nào phân biệt giữa vật chất và tinh thần; nó không phân chia. Toàn bộ sự hiện hữu là một – đó là một tâm trí tâm linh. Người "duy vật", cho dù y yêu một người đàn bà, giản lược cô ta thành một sự vật. Vậy thì ai là một người tâm linh? Một người tâm linh là một người mà, cho dù y sờ vào một vật, chuyển hoá nó thành một con người.

Bạn sẽ ngạc nhiên bởi định nghĩa của tôi. Một người tâm linh là một người mà, ngay cả nếu y lái một chiếc xe, chiếc xe trở nên một con người. Y "giao cảm" với chiếc xe, y lắng tai để nghe tiếng rồ rồ của nó. Y dành cho nó tất cả sự yêu mến và quan tâm. Ngay cả một sự vật cũng bắt đầu trở thành một con người, sống động; y có mối giao cảm (communion) với sự vật ấy, nữa. Và một người duy vật là một người, cho dù y yêu một người đàn ông hay phụ nữ, một con người, thì ngay lập tức y giản lược người đó thành một sự vật. Người đàn bà trở thành một người vợ – người vợ là một sự vật. Người đàn ông trở thành người chồng – người chồng là một sự vật, một "định chế" (institution). Và mọi định chế đều xấu xa, chết cứng.

1981 – 1985. OREGON.

Người Mỹ nghĩ rằng họ là những người giàu nhất trên thế giới. Nhưng tôi đã tạo ra một trò đùa đơn giản với 93 cái Rolls – Royce, và tất cả sự tự hào của họ biến mất. Ngay cả vị tổng thống cũng trở nên ghen tỵ, vị thống đốc trở nên ghen tỵ, giới tăng lữ trở nên ghen tỵ. Một lần, một giáo sĩ tại Wasco County, mọi chủ nhật có lẽ ông ta đã quên Jesus Christ hoàn toàn, nhưng ông ta không thể quên 93 cái Rolls – Royce. Ông ta thường tìm cách nào đó để kết án chúng. Và bạn sẽ ngạc nhiên rằng, khi tôi được bảo lãnh ra khỏi nhà tù, ông viết một lá thư cho tôi. Ông hỏi, " Bây giờ ông sẽ trở lại vùng đất của riêng mình – ông sẽ hiến tặng ít nhất một cái Rolls – Royce cho nhà thờ của tôi chứ ? Nó sẽ là một hành vi từ thiện lớn." Bây giờ bạn có thể thấy cái tâm trí (the mind) … Tôi đã dạy thiền cho hằng nghìn người; nước Mỹ không quan tâm đến chuyện đó. Hằng nghìn người đang đến với công xã; nước Mỹ không quan tâm đến chuyện đó. Mỗi festival, có 20 nghìn người đang đến từ khắp thế giới; nước Mỹ không quan tâm đến chuyện đó. Toàn bộ giới truyền thông đại chúng đang liên tục nói về 93 cái Rolls – Royce.

Trước đây, tôi vẫn thường nghĩ, có lẽ trong một nước nghèo, điều này ắt phải diễn ra … nhưng tôi đã tiêu hủy niềm tự hào của nước Mỹ! Tôi không cần 93 cái Rolls – Royce. Nó chỉ là một trò đùa giỡn chơi, một "cú chơi khăm" (a practical joke).

Người ta buồn, ghen tỵ, và nghĩ rằng, những cái Rolls – Royce không thích hợp với tính tâm linh. Tôi không thấy có sự mâu thuẫn nào. Ngồi trong một cái Rolls – Royce tôi cũng từng "thiền" (meditative) như … Thật ra, ngồi trong một cái xe bò thì thật khó mà thiền được; một cái Rolls – Royce là cái tốt nhất cho sự phát triển tâm linh.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Đây hẳn là một “kỷ lục” mà khó có ai phá nổi – nhất là một đạo sư! Những bạn đọc chưa “quen” với phong cách của Osho, xin đừng vội phán đoán ông về “ba cái lẻ tẻ” này. Ông chỉ “đùa chút thôi” !

[2] Ashram: “ Đạo viện” - nơi tu tập của một đạo sĩ Ấn độ

PHẦN II: CHƯƠNG XV

NGƯỜI ĐẠO SƯ

Một buổi sáng đẹp, Phật Gautama đi dạo một vòng với thị giả của Ngài, Ananda. Trời đã vào thu; những thân cây đang trở nên hầu như trơ trụi, lá vàng đã rơi gần hết xuống lối đi. Gió đang lay nhẹ cành cây, tạo ra những âm thanh đẹp. Đi dạo trên những chiếc lá này, đức Phật vô cùng hạnh phúc… âm nhạc của những chiếc lá khô.

Ngài cầm lấy một vài chiếc lá. Ananda hỏi Ngài, " Bạch Thế tôn, con vẫn luôn muốn hỏi một điều, nhưng quá khó được riêng tư. Lúc nào Thế tôn cũng có người bao quanh. Hôm nay Thế tôn ở một mình trong khu rừng này, và con không thể cưỡng lại sự cám dỗ đó. Con muốn hỏi Thế tôn, " Có phải là Thầy đã nói hết mọi thứ cho chúng con, hay Thầy còn giữ lại một vài điều bí mật?"

Đức Phật nói, " Con có thấy những chiếc lá trong tay ta không? Và con có thấy những chiếc lá xung quanh khu rừng?"

Ananda nói, " Vâng, con thấy, nhưng con không hiểu …"

Đức Phật nói, " Con sẽ hiểu. Ta chỉ nói chừng này, và ta đã giữ bí mật về tất cả những chiếc lá khác ở trong toàn khu rừng."

Tình huống của tôi thì khác. Tôi đã nói toàn bộ khu rừng; chỉ có một điều tôi giữ bí mật, chỉ một chiếc lá.

Trước khi nhập diệt, Phật Gautama tuyên bố rằng Ngài sẽ trở lại sau 25 thế kỷ, và rằng tên Ngài sẽ là Maitreya (Di Lặc). Maitreya có

nghĩa là “người bạn.” Phật không trở lại; không có kẻ chứng ngộ nào từng trở lại, do vậy, đó chỉ là một cách nói mà thôi …

Cái mà Ngài đang nói thì có tầm quan trọng vô cùng lớn. Nó không dính dáng gì tới việc Ngài sẽ trở lại; Ngài không thể trở lại. Cái mà Ngài ngụ ý, là mối liên hệ cổ xưa (ancient) giữa vị đạo sư và đệ tử sẽ trở nên lỗi thời (irrelevant) sau 25 thế kỷ. Ngài không tiên đoán cái gì cả – chỉ nhờ tuệ giác, mà Ngài thấy rằng, như mọi sự đang thay đổi, như chúng đã thay đổi trong quá khứ và như chúng tiếp tục thay đổi, thì sẽ phải mất ít nhất 25 thế kỷ, để cho mối quan hệ giữa Thầy và đệ tử trở nên lỗi thời. Rồi thì vị thầy chứng ngộ sẽ chỉ là người bạn.

Tôi vẫn luôn không muốn là đạo sư đối với bất cứ ai. Nhưng người ta muốn có một đạo sư, họ muốn là đệ tử; do vậy, tôi đã đóng vai trò đó.

Những đạo sư không nói ra chân lý, cho dù họ muốn, họ cũng không thể; đó là điều bất khả. Vậy, chức năng của họ là gì? Họ tiếp tục làm cái gì? Họ không thể nói ra chân lý, nhưng họ có thể khơi gợi lên chân lý, nó đang thiếp ngủ trong bạn. Họ có thể khơi gợi nó, họ có thể thách thức nó. Họ có thể lay bạn dậy, họ có thể đánh thức bạn dậy. Họ không thể cho bạn Thượng đế, chân lý, niết bàn, bởi vì, trước hết, bạn đã có sẵn mọi cái đó trong mình. Bạn được sinh ra với nó. Nó là bẩm sinh, thuộc về bản tính. Nó chính là tính bản nhiên (nature) của bạn. Cho nên bất cứ ai mà làm ra vẻ như y cho bạn chân lý, thì y chỉ đơn giản đang khai thác sự ngu xuẩn của bạn, sự ngây thơ, sự khờ khạo (gullibility) của bạn. Y là kẻ tinh ranh – tinh ranh và hoàn toàn dốt nát, nữa. Y không biết gì; ngay cả một thoáng về chân lý cũng đã không xảy ra với y. Y là một đạo sư giả hiệu (pseudo).

Chân lý không thể được ban cho; nó đã có sẵn nơi bạn. Nhưng nó có thể được gợi dậy, nó thể được khơi gợi. Một “bối cảnh” (context) có thể được tạo ra, một không gian nào đó có thể được tạo ra mà

trong đó nó (chân lý) khởi lên trong bạn, và bạn không còn ngủ nữa, trở nên tỉnh thức.

Chức năng của vị đạo sư thì phức tạp hơn bạn nghĩ rất nhiều. Sự thể có lẽ đã dễ dàng hơn nhiều, đơn giản hơn nhiều, nếu chân lý có thể được truyền đạt. Nó không thể được truyền đạt; do vậy, những cách thức và phương tiện gián tiếp phải được chế tác.

Tân Ước có một câu chuyện đẹp đẽ về Lazarus. Những người Kytô giáo đã bỏ mất toàn bộ cái điểm then chốt (point) của nó. Christ thì quá không may – Ngài đã rơi nhầm chỗ, vào trong một đám người không phù hợp (wrong compary). Không có lấy một nhà thần học Kytô giáo nào đã từng có thể khám phá ra ý nghĩa của câu chuyện về Lazarus, cái chết và sự phục sinh của ông ta.

Lazarus chết. Ông ta là anh trai của Mary Magdalene và Martha, và là một kẻ rất sùng mộ Jesus. Jesus thì đang ở xa; vào lúc Ngài nhận được tin và lời mời – " Xin hãy đến ngay" – thì hai ngày đã trôi qua. Và lúc Ngài đến nơi của Lazarus, bốn ngày đã trôi qua. Nhưng Mary và Martha đang đợi Ngài – sự tin cậy của họ là như vậy. Cả làng đang cười nhạo họ. Trong mắt dân làng, họ ngu xuẩn, bởi vì họ đang giữ cái tử thi trong một cái hang; họ đang quan sát, ngày này qua ngày nọ, canh giữ tử thi. Cái tử thi bắt đầu bốc mùi; nó đang thối rữa.

Dân làng đang nói, " Các người là những những kẻ khờ! Jesus không thể làm gì được đâu. Khi ai đó chết, thì y đã chết rồi!"

Jesus đến. Ngài đến cái hang – Ngài không bước vào trong hang – Ngài đứng bên ngoài và gọi Lazarus ra. Dân làng đã tụ họp lại. Hẳn họ đang cười: " Người đàn ông này có vẻ điên!"

Ai đó nói với Ngài, " Ông đang làm gì thế? Ông ta chết rồi! Ông ta đã chết bốn ngày. Thật vậy, khó mà vào trong hang – thi thể ông ta đang bốc mùi. Không thể được! Ông đang gọi ai?"

Nhưng, một cách bình thản, Jesus cứ gọi đi gọi lại, " Lazarus, hãy đi ra!"

Và đám đông bị bất ngờ : Lazarus bước ra khỏi hang – lắc lư, bị sốc, như thể vừa ra khỏi một giấc ngủ say, như thể ông ta đã rơi vào trong một cơn hôn mê. Chính ông ta không thể tin cái đã xảy ra, tại sao ông ta đã ở trong hang.

Thật ra, đây chỉ là một cách nói lên chức năng của một vị đạo sư là cái gì. Bất luận Lazarus có thực sự chết hay không, đó không phải là vấn đề. Jesus có khả năng làm hồi sinh người chết hay không, đó không phải là vấn đề. Bị dính kẹt vào những câu hỏi ngu xuẩn này thì thật là buồn cười. Chỉ có những học giả mới có thể ngốc nghếch như vậy. Không người nào có hiểu biết sẽ nghĩ rằng đây là một cái gì đó có thực, có tính lịch sử. Ý nghĩa của nó còn phong phú hơn thế nhiều! Nó không phải là một sự kiện, nó là một chân lý. Nó không phải là một cái gì đó xảy ra trong thời gian, nó là một cái gì hơn thế – một cái gì đó xảy ra trong vĩnh cửu.

Tất cả các bạn đều chết. Tất cả các bạn đều ở trong tình huống như Lazarus. Các bạn đang sống trong những hang tối. Tất cả các bạn đang bốc mùi và đang phân hủy… bởi vì cái chết không phải là một cái gì đó mà một hôm xảy đến bất ngờ. Bạn đang chết mỗi ngày; ngay từ lúc sinh ra, bạn đã và đang chết. Nó là một tiến trình dài; phải mất 70, 80, 90 năm để hoàn tất nó. Cứ mỗi khoảnh khắc, một cái gì đó của bạn chết đi, nhưng bạn tuyệt đối không nhận thức về toàn bộ tình huống. Bạn tiếp tục như thể bạn đang sống; bạn tiếp tục như thể bạn biết cuộc sống là cái gì.

Chức năng của một đạo sư là gọi bạn ra: " Lazarus, hãy ra khỏi hang! Hãy ra khỏi nấm mồ của ngươi! Hãy ra khỏi cái chết của ngươi."

Vị đạo sư không thể cho bạn chân lý, nhưng ông ta có thể khêu gợi chân lý. Ông có thể khuấy động một cái gì đó bên trong bạn. Ông có thể khởi động trong bạn một tiến trình mà sẽ làm cháy lên một đốm lửa, một ngọn lửa. Bạn là chân lý – chỉ có điều, là quá nhiều bụi bặm đã bám quanh bạn. Chức năng của vị đạo sư là "thanh tẩy": ông phải cho bạn tắm rửa, một cái vòi sen, để cho bụi bặm biến mất.

Đó chính xác là ý nghĩa của lễ rửa tội Kytô giáo. Đó là cái mà John Tẩy Giả (the Baptist) đang làm tại sông Jordan. Nhưng người ta tiếp tục hiểu lầm. Ngày nay, lễ rửa tội cũng diễn ra trong những nhà thờ; nó là vô nghĩa. John Tẩy Giả đang chuẩn bị để người ta sẵn sàng cho một cuộc tắm rửa bên trong. Khi họ sẵn sàng, ông sẽ dẫn họ một cách biểu tượng vào trong sông Jordan. Việc tắm rửa đó có tính biểu tượng – biểu tượng rằng vị đạo sư có thể cho bạn một sự tắm rửa. Và bỗng nhiên mọi sự rõ ràng, mọi sự đều sáng tỏ. Sự sáng tỏ đó là sự chứng ngộ.

Thiền sư vĩ đại, Daie, nói, " Tất cả lời dạy của những hiền nhân, thánh nhân, những đạo sư, đều nhằm thuyết giảng duy nhất một điều: chúng là những bình luận về tiếng kêu hốt nhiên của bạn, " A, Cái Này!"

Khi đột nhiên bạn sáng tỏ, và một niềm vui và nỗi hân hoan lớn khởi lên trong bạn và toàn bộ bản thể bạn, mọi thớ thịt của cơ thể bạn, tâm trí bạn, và linh hồn bạn nhảy múa và bạn nói, " A, cái này, Alleluia![1]" – một tiếng kêu lớn của niềm vui khởi lên trong bản thể bạn – đó là sự chứng ngộ. Bỗng nhiên nước mắt chảy xuống từ những cái rui (rafter) trên mái nhà. Bạn trở nên một phần của vũ điệu vĩnh cửu của sự hiện hữu.

Auden [2] nói:

Hãy nhảy múa cho đến khi những vì sao đi xuống từ những cái rui mái nhà!

Nhảy múa, nhảy múa, cho đến khi bạn ngã xuống (drop)!

Vâng, nó xảy ra – nó không phải là cái gì đó mà bạn phải làm. Nó là cái gì đó mà cho dù bạn muốn mình không làm, bạn sẽ thấy là không thể được; bạn sẽ thấy rằng không thể cưỡng lại. Bạn sẽ phải nhảy múa.

Vẻ đẹp của cái này, của bây giờ, niềm vui rằng sự hiện hữu là (tồn tại) và sự gần gũi của nó… Vâng, những vì sao đi xuống từ những cái rui mái nhà. Chúng quá gần gũi, đến nỗi bạn có thể sờ vào chúng; bạn có thể nắm giữ chúng trong hai bàn tay bạn.

Daie có lý. Ông nói: Mọi lời dạy mà những hiền nhân thuyết giảng, không là gì ngoài những bình luận về tiếng kêu hốt nhiên của bạn, " A, Cái này!"

Toàn bộ trái tim đang nói, "Aha!" và sự im lặng theo sau nó, và sự bình an, và niềm vui, và sự gặp gỡ, và sự hợp nhất (the merger) và cái kinh nghiệm đại lạc, sự ngây ngất …

Những vị đạo sư không dạy chân lý; không có cách nào để dạy nó cả. Nó là một sự chuyển giao (tranmission) vượt lên kinh điển, vượt lên ngôn từ. Nó là một sự chuyển giao. Nó là năng lượng khơi gợi năng lượng bên trong bạn. Nó là một loại kinh nghiệm có tính "đồng đại" (synchronicity).

Vị đạo sư đã biến đi như là một ego; ông là một niềm vui thuần túy. Và một cách chậm rãi, người đệ tử ngồi cạnh vị đạo sư tham dự vào niềm vui của ông, của bản thể ông. Ăn và uống từ nguồn suối vĩnh cửu, không thể tát cạn đó – Aes Dhammo Sanatano. Một ngày nào đó – người ta không thể đoán trước khi nào ngày ấy đến; nó là không thể dự đoán – một ngày nó bỗng nhiên xảy ra. Một tiến trình đã bắt

đầu trong bạn, mà nó tiết lộ cái chân lý của bản thể bạn cho bạn. Bạn đối mặt với chính mình. Thượng đế không ở nơi nào khác, Ngài ở đây, bây giờ.

Bạn phải tiếp cận vị đạo sư với tình yêu lớn, với sự tin cậy lớn, với một trái tim cởi mở. Bạn không nhận biết bạn là ai. Nhưng ông nhận biết ông là ai, và ông nhận biết bạn là ai. Người ta nói rằng, con sâu bướm (caterpillar) có thể không nhận biết rằng nó có thể trở thành một con bướm. Các bạn là những con sâu bướm – những bồ tát. Tất cả mọi con sâu bướm đều là những bồ tát và tất cả những bồ tát đều (đã từng) là những con sâu bướm. Một bồ tát có nghĩa là một người mà có thể trở thành một con bướm, có thể trở thành một vị Phật, là một vị Phật trong hạt giống, trong yếu tính. Nhưng làm thế nào con sâu bướm có thể nhận biết rằng nó có thể trở thành một con bướm? Cách duy nhất là giao cảm (commune) với những con bướm, thấy những con bướm đang di chuyển trong gió, trong nắng. Thấy chúng bay vút lên cao, thấy chúng di chuyển từ bông hoa này sang bông hoa nọ, thấy vẻ đẹp của chúng, màu sắc của chúng, thì một ước vọng sâu xa, một hoài vọng có thể khởi lên trong con sâu bướm: "Mình cũng có thể giống như vậy không?" Trong chính khoảnh khắc đó, con sâu bướm đã bắt đầu tỉnh dậy, một tiến trình đã được khởi động.

Mối quan hệ thầy-trò là mối quan hệ giữa một con sâu bướm và một con bướm, một tình bạn giữa một con sâu bướm và một con bướm. Con bướm không thể chứng tỏ rằng con sâu bướm có thể trở thành một con bướm; không có cách nào, qua con đường thuần lý. Nhưng con bướm có thể khơi gợi một hoài bão trong con sâu bướm – cái đó là có thể được.

Vị đạo sư giúp bạn đạt tới kinh nghiệm của riêng bạn. Ông không cho bạn kinh Veda, kinh Koran, Kinh Thánh; ông ném bạn về với chính mình. Ông làm cho bạn nhận thức cái cội nguồn nội tại của bạn. Ông làm cho bạn nhận thức cái "tinh túy" (juice) của riêng bạn, thần tính của riêng bạn. Ông giải phóng bạn khỏi những kinh điển. Ông giải phóng bạn khỏi sự thuyết minh của những người khác. Ông

giải phóng bạn khỏi tất cả tin tưởng. Ong giải phóng bạn khỏi mọi tư biện, mọi sự phỏng đoán (guesswork). Ông giải phóng bạn khỏi triết học và tôn giáo và thần học. Ông giải phóng bạn, tóm lại, khỏi thế giới của ngôn từ – bởi vì ngôn từ là vấn đề.

Bạn đã trở nên bị ám ảnh quá nhiều với từ "tình yêu" (love), đến nỗi bạn quên rằng tình yêu là một kinh nghiệm, không phải là một từ. Bạn trở nên quá bị ám ảnh với từ "Thượng đế," đến nỗi bạn quên rằng Thượng đế là một kinh nghiệm, không phải là một từ. Từ "Thượng đế" thì không phải là Thượng đế, từ "lửa" không phải là lửa, và từ "tình yêu" cũng không phải là tình yêu.

Vị đạo sư giải phóng bạn khỏi những từ ngữ, ông giải phóng bạn khỏi mọi loại triết học tưởng tượng (imaginative philosophies). Ông mang bạn tới một trạng thái của sự im lặng không ngôn từ.

Sự thất bại của tôn giáo và triết học là, tất cả chúng đều trở nên những cái thay thế cho kinh nghiệm thực. Hãy đề phòng cái đó!

Vị đạo sư là một y sĩ – không phải của những bệnh thông thường của bạn, mà của những xung đột có tính hiện sinh (existential) [3] của bạn.

Đó là lý do tại sao tôi đã và đang chiến đấu trên hai mặt trận. Tôi phải chiến đấu chống lại những truyền thống cũ, những tôn giáo cũ, những tín ngưỡng chính thống cũ (old orthodoxies), bởi vì chúng sẽ không bao giờ cho phép bạn mạnh khỏe và toàn bộ. Chúng sẽ làm cho bạn tàn tật. Bạn càng tàn phế, bạn càng trở nên một vị thánh vĩ đại hơn. Do vậy, một mặt, tôi phải chống lại bất cứ loại tư duy hay thần học nào mà phân chia bạn.

Thứ hai, tôi phải làm việc nhằm làm tăng trưởng bản thể nội tại của bạn.

Cả hai đều là thành phần của một tiến trình duy nhất: làm thế nào để biến bạn thành một con người toàn bộ, làm thế nào để tiêu diệt mọi rác rưởi mà đang ngăn bạn trở nên toàn bộ – đó là phần "tiêu cực." Và phần tích cực, là làm thế nào để làm cho bạn cháy lên (aflame) với thiền, với sự tĩnh lặng, với tình yêu, với niềm vui, với bình an. Đó là phần tích cực trong "giáo huấn" của tôi.

Với phần tích cực của tôi thì không có vấn đề nào; tôi đã có thể đi vòng quanh thế giới dạy người ta thiền, sự bình an, tình yêu, sự tĩnh lặng – và có lẽ không ai đã chống đối tôi.

Nhưng nếu chỉ với phần tích cực đó, thì có lẽ tôi đã không có ích gì cho ai, bởi vì ai sẽ tiêu diệt mọi thứ rác rưởi đó? Và rác rưởi phải được loại bỏ trước tiên, nó đang làm tắc nghẽn lối đi.

Vị hiền nhân (wise man) chỉ muốn bạn có cái nhìn sâu (insight - tuệ giác) vào trong sự vật, để bạn có ánh sáng của riêng bạn. Nhưng bạn không muốn tuệ giác, bạn muốn những lời huấn thị rõ ràng, dứt khoát. Bạn không muốn tự mình nhìn thấy, bạn muốn được chỉ đạo. Bạn không muốn chấp nhận trách nhiệm của bạn đối với chính mình, bạn muốn ném toàn bộ trách nhiệm lên vai vị đạo sư, lên vai của hiền nhân. Rồi bạn cảm thấy thanh thản (at ease). Bây giờ ông chịu trách nhiệm; nếu một cái gì đó sai hỏng, ông chịu trách nhiệm. Và mọi sự nhất thiết sẽ bị sai hỏng, bởi vì trừ khi bạn nhận trách nhiệm của mình, thì sẽ không có gì đúng đắn.

Không ai có thể chỉnh đốn (put you right) bạn, ngoài chính bạn.

Một con người tôn giáo đích thực được sinh ra ngay trong khoảnh khắc mà bạn chấp nhận trách nhiệm của bạn về chính mình, trong cái khoảnh khắc bạn nói, " Bất cứ cái gì mà tôi là, là sự lựa chọn của tôi – không phải của quá khứ nhưng của hiện tại. Nó là lựa chọn của tôi trong khoảnh khắc này, và nếu tôi muốn thay đổi nó, tôi tuyệt đối

tự do để thay đổi nó. Không ai có thể ngăn trở tôi – không lực lượng xã hội nào, nhà nước nào, sử học nào, kinh tế học nào, vô thức [4] nào, có thể ngăn trở tôi. Nếu tôi quyết tâm thay đổi nó, thì tôi có thể thay đổi nó."

Ngay từ thời thơ ấu của bạn, bạn đã được dạy đừng chịu trách nhiệm. Bạn được dạy phải lệ thuộc. Bạn đã được dạy phải chịu trách nhiệm với cha bạn, mẹ bạn, gia đình bạn, tổ quốc bạn, mọi loại vớ vẩn. Nhưng bạn đã không được bảo cho biết rằng, bạn phải chịu trách nhiệm về chính mình, rằng không ai sẽ nhận trách nhiệm của bạn …

Tôi dạy bạn đừng chịu trách nhiệm với bất cứ ai – cha, mẹ, đất nước, tôn giáo, đường lối đảng, (party line), đừng chịu trách nhiệm trước bất cứ ai. Bạn không chịu trách nhiệm!

Hãy chỉ chịu trách nhiệm trước chính bạn. Hãy làm bất cứ cái gì mà bạn cảm thấy muốn làm. Nếu nó sai, sự trừng phạt sẽ lập tức theo sau. Nếu nó đúng, thì phần thưởng sẽ lập tức theo sau, một cách tức thời; không có cách nào khác. Trong cách này, bạn sẽ bắt đầu phát hiện ra cái gì đúng, cái gì sai - tự mình. Bạn sẽ phát triển một sự nhạy cảm mới – người Ấn gọi nó là con mắt thứ ba. Bạn sẽ bắt đầu thấy với một "nhãn quan" (vision) mới, một con mắt mới. Một cách tức thời, bạn sẽ biết cái gì sai, bởi vì trong quá khứ, quá nhiều lần bạn đã làm nó và luôn luôn chịu khổ vì hậu quả. Bạn sẽ biết cái gì đúng, bởi vì, bất cứ khi nào bạn làm, sự hiện hữu mưa rào xuống bạn những phúc lành. Nhân và quả luôn ở cùng nhau, chúng không bị tách rời bởi những tháng năm và những kiếp sống…

Đây là điều tôi ngụ ý, khi nói về việc chịu trách nhiệm trước chính bạn. Không có vị Thượng đế nào mà qua đó bạn có thể đổ (dump) trách nhiệm của bạn, nhưng bạn luôn tìm cách để đổ trách nhiệm lên ai đó, ngay cả một "kẻ khốn khổ" (poor man) như tôi, người liên tục

bảo bạn rằng, tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ cái gì, về bất cứ ai. Thế nhưng, một cách nào đó, tận đáy sâu, bạn tiếp tục mang giữ cái ảo tưởng rằng hẳn là tôi đang đùa. Tôi không đang nói đùa. " Ông ấy là đạo sư của chúng ta," hẳn bạn đang nghĩ, " làm sao ông có thể nói rằng, ông không chịu trách nhiệm ?" Nhưng bạn không hiểu. Đổ trách nhiệm của bạn lên tôi, bạn sẽ ở trong tình trạng chậm phát triển, trẻ con. Bạn sẽ không bao giờ phát triển.

Cách duy nhất để phát triển là chấp nhận mọi cái tốt, cái xấu, cái vui, cái buồn. Mọi sự mà xảy ra với bạn, bạn chịu trách nhiệm về chúng. Cái đó cho bạn tự do lớn..

Nếu tôi chịu trách nhiệm về một cái gì đó, thì chìa khoá những hành động của bạn là ở trong tay tôi. Tôi nói hãy nhảy múa, thì bạn nhảy múa; tôi nói hãy ngừng, thì bạn ngừng. Dĩ nhiên, con rối không thể chịu trách nhiệm về cái gì cả. Kẻ giật giây, đằng sau tấm màn (screen), luôn luôn chịu trách nhiệm. Thượng đế là kẻ giật giây vĩ đại.

Cái khoảnh khắc tôi nói không có kẻ giật giây, không có Thượng đế, không có thánh nhân, mọi thứ đó đều là rác rưởi, tôi đang cố cho bạn tự do toàn bộ. Tôi đang làm cho bạn tuyệt đối chịu trách nhiệm về mọi thứ xảy ra, hay không xảy ra, với bạn. Hãy vui sướng với sự tự do này. Hãy vui sướng với sự hiểu biết vĩ đại này, rằng bạn chịu trách nhiệm về mọi thứ trong đời bạn. Điều này sẽ làm cho bạn trở thành cái mà tôi gọi là một cá thể (individual). Và trở thành một cá thể, là biết tất cả những gì đáng phải được biết, là thể nghiệm tất cả những gì đáng được thể nghiệm. Là một cá thể là được giải phóng, là (trở nên) tỏ ngộ (enlightened).

Phong trào sannyas không phải là của tôi. Nó là của bạn. Nó đã có mặt ở đây khi tôi chưa có mặt ở đây, nó sẽ ở đây khi tôi sẽ không còn ở đây. Phong trào sannyas chỉ đơn giản có nghĩa là phong trào của những kẻ tìm kiếm chân lý. Họ vẫn luôn có mặt ở đây. Dĩ nhiên, họ vẫn luôn bị tra tấn bởi quần chúng dốt nát: bị giết, bị mưu sát, bị

đóng đinh – hay "bị" thờ phụng. Hãy nhớ: việc bạn đóng đinh hay bạn thờ phụng, thì cũng giống nhau thôi; cả hai đều là những cách để loại bỏ những người đó. Sự thờ phụng thì có văn hoá hơn. Chúng ta nói, " Ngài là hoá thân của Thượng đế, chúng tôi sẽ thờ phụng ngài. Nhưng chúng tôi sẽ không làm cái mà ngài nói – làm sao chúng tôi có thể làm được? Chúng tôi là những con người bình thường, còn ngài thì phi thường. Hoặc ngài là một vị tiên tri do Thượng đế phái đến, hoặc là một sứ giả, hoặc là đứa Con Một của Thượng đế, hoặc ngài là một hiện thân của Thượng đế – ngài có thể làm những phép mầu."

Chúng ta đã tạo ra mọi loại phép mầu vì một lý do duy nhất: tạo ra một khoảng cách giữa những người vẫn hằng tìm kiếm chân lý và những người sau cùng đã tìm ra chân lý. Chúng ta không sẵn sàng đi với họ.

Vẫn luôn có một dòng (line) gồm những kẻ tìm kiếm Thượng đế… Tôi gọi nó là sannyas. Nó vĩnh cửu. Nó không dính dáng gì đến tôi.

Hằng triệu người đã đóng góp vào nó. Tôi cũng đã góp phần của riêng mình. Nó sẽ trở nên ngày càng phong phú hơn. Khi tôi ra đi, ngày càng sẽ có thêm người đến và làm cho nó phong phú hơn. Cái sannyas cũ thì nghiêm nghị; tôi đã góp thêm vào đó một cảm thức về hài hước. Cái sannyas cũ thì buồn bã; tôi đã góp vào giọng hát, sự nhảy múa, tiếng cười … Tôi đã làm cho nó trở nên có tính người hơn.

Cái sannyas cũ thì, một cách nào đó, phủ định sự sống. Tôi làm cho nó khẳng định sự sống. Nhưng về bản chất, đó cũng là một sannyas. Cùng một sự tìm kiếm. Tôi đã làm cho nó phong phú hơn, tôi đã làm cho nó có nền móng nhiều hơn trong thế giới này, bởi vì toàn bộ giáo huấn của tôi là: "Hãy ở trong thế gian, nhưng đừng thuộc về thế gian."

Mỗi bước đi là một kỳ thi (examination). Mỗi bước mà bạn đang băng qua là một kỳ thi. Cuộc sống là một cơ hội.

Tôi sẽ ra đi. Nhưng điều đó không có nghĩa là phong trào sannyas sẽ ra đi. Nó không thuộc về ai cả.

Y như khoa học không thuộc về Albert Einstein – thì tại sao cuộc tìm kiếm chân lý lại phải thuộc về ai đó? Thuộc về Phật Gautama? Thuộc về J. Krishnamurti? Hoặc thuộc về tôi? Hoặc thuộc về bạn?

Hệt như khoa học tiếp tục phát triển và mọi thiên tài khoa học tiếp tục đóng góp vào nó và sông Hằng tiếp tục trở nên ngày càng lớn hơn và rộng hơn, trở thành đại dương – trong cách tương tự, thế giới nội tại cần một khoa học. Thế giới khách quan có một khoa học. Thế giới bên trong (nội tại) cũng cần một khoa học và tôi gọi sannyas là khoa học của thế giới nội tại. Nó đã và đang phát triển, nhưng bởi vì nó đi ngược lại sự luyến chấp, sự ngu dốt, những mê tín của con người – những cái mệnh danh là những tôn giáo, nhà thờ, tu sĩ, giáo hoàng, shankaracharya …[5] đây là những kẻ thù của cuộc tìm kiếm nội tại, bởi vì cuộc tìm kiếm nội tại không cần tổ chức.

Phong trào sannyas không phải là một tổ chức, đó là lý do tại sao tôi gọi nó là một phong trào. Nó có tính cá thể. Người ta gia nhập – tôi đã khởi xướng một mình và rồi người ta bắt đầu đến và nhập bọn với tôi và chầm chậm, chầm chậm, cái caravan (đoàn lữ hành) trở nên ngày càng lớn hơn. Nhưng nó không phải là một tổ chức, tôi không là lãnh tụ của ai cả. Không ai phải theo tôi. Tôi biết ơn rằng, bạn đã cho phép tôi chia sẻ cái phúc lạc của mình, tình yêu của mình, sự ngây ngất xuất thần của mình. Tôi biết ơn các bạn. Không ai là đệ tử của tôi, không ai là thấp hơn. Không có đẳng cấp. Nó không phải là một tôn giáo, nó là sự phi tôn giáo thuần túy, là chính cái yếu tính (essence). Không phải là một bông hoa, nhưng chỉ là một hương thơm; bạn không thể chụp bắt được nó. Bạn có thể có kinh nghiệm

về nó, bạn có thể được vây quanh bởi hương thơm nhưng bạn không thể chụp bắt được nó.

Những tôn giáo thì giống như những bông hoa chết mà bạn có thể tìm thấy trong những bộ Kinh Thánh, trong những Gita… Khi chúng được đặt vào trong Kinh Thánh, chúng đang sống, chúng tỏa hương, nhưng bây giờ chúng chỉ còn là xác chết. Mọi cuốn sách thánh đều là những tử thi, những bông hoa chết, và không là gì khác.

Chân lý, chân lý sống động, phải được khám phá bởi mỗi cá nhân, tự mình. Không ai có thể trao nó cho bạn.

Vâng, ai đó mà đã đạt tới nó có thể khơi lên một khao khát trong bạn, một ước vọng to lớn về nó. Tôi không thể cho bạn chân lý nhưng tôi có thể cho bạn ước vọng đạt tới nó.

Tôi không thể cho bạn chân lý, nhưng tôi có thể chỉ cho bạn mặt trăng. Cái ngón tay sẽ biến mất. Mặt trăng sẽ vẫn còn và cuộc tìm kiếm sẽ tiếp tục.

Bao lâu mà vẫn còn có một hữu thể người (human being) riêng lẻ trên trái đất, thì những bông hoa của sannyas sẽ tiếp tục nở hoa.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Alleluia: bài ca hoặc tiếng kêu ca tụng Thượng Đế.

[2] W.H. Auden (1907 – 1973). Nhà thơ Anh. Về sau, nhập quốc tịch Mỹ và sống tại Mỹ. Thơ ông thường nói lên sự trống rỗng tâm hồn, sự khắc khoải lo âu của đời sống hiện đại.

[3]. Existence :(n): sự hiện hữu. Existential (adj) : thuộc về sự hiện hữu. Ở đây, Osho muốn nĩi đến những xung đột phát sinh từ chính sự hiện hữu của con người – thuộc về bản tính – và đã là con người, thì đó là những xung đột tất yếu, khó tránh khỏi.

[4] Có lẽ Osho muốn nói đến những "học thuyết" về lịch sử, về kinh tế học … và về "vô thức" của phân tâm học, chẳng hạn.

[5] Câu này này thiếu một mệnh đề chỉ "hậu quả." Đúng ra, phải nói: " nhưng bởi vì… cho nên… Mệnh đề "cho nên" được hiểu ngầm.

PHẦN III:

DI SẢN

Tôi sẽ ra đi, nhưng tôi đang tạo ra một gợn sóng mà sẽ vẫn còn lại. Bạn sẽ ra đi, nhưng bạn đã yêu ai đó, và tình yêu ấy tạo ra một gợn sóng mà sẽ vẫn còn lại, vẫn còn lại, còn lại mãi. Nó không bao giờ có thể biến đi; nó sẽ có những âm vang của riêng nó… Nó sẽ tiếp tục rung động. Bạn ném một hòn sỏi nhỏ xuống hồ, và gợn sóng khởi lên. Hòn đá chìm rất nhanh xuống đáy hồ, song những gợn sóng vẫn tiếp tục. Chúng tiếp tục di chuyển về phía bờ – và sự hiện hữu này (this existence) thì không có bờ bến.

Tôi đang nói chuyện với bạn … Trong khoảnh khắc này, một cái gì đó đang trải qua giữa bạn và tôi. Tôi sẽ ra đi, bạn sẽ ra đi, nhưng cái mà đang trải qua, sẽ còn lưu lại. Cho nên những lời này sẽ tiếp tục âm vang, tái âm vang. Người nói sẽ không còn ở đó, người nghe sẽ không còn ở đó, nhưng cái mà đang trải qua giữa hai người trong khoảnh khắc này đã trở nên thành phần của vĩnh cửu. Và không có bờ bến nào, cho nên những gợn sóng này sẽ tiếp tục, tiếp tục, tiếp tục mãi.

~~000~~

CHƯƠNG XVI
TÔN GIÁO PHI TÔN GIÁO [1]

Tôi vẫn mãi không nhất quán, để cho bạn sẽ không bao giờ có thể tạo ra một giáo điều từ tôi. Bạn sẽ đơn giản “phát khùng” (go nuts) nếu bạn cố gắng. Tôi đang để lại một cái gì đó thật sự khủng khiếp cho những nhà học giả; họ sẽ không thể hiểu mô tê gì về nó. Họ sẽ

phát khùng – và họ đáng bị như thế, họ nên (should) phát khùng! Nhưng không ai có thể tạo ra một giáo điều "chính thống" (orthodoxy) từ tôi, điều đó là bất khả. Từ những lời của tôi, bạn có thể bị bỏng, nhưng mà bạn sẽ không thể tìm ra bất cứ loại thần học, chủ nghĩa giáo điều nào.

Bạn có thể tìm thấy một lối để sống, chứ không phải một giáo điều để rao giảng. Bạn có thể tìm thấy một phẩm chất nổi loạn để hấp thụ (imbibed), nhưng bạn sẽ không tìm thấy một chủ đề cách mạng để (theo đó mà) tổ chức. Những lời của tôi không chỉ đang bốc lửa, tôi cũng đang đặt thuốc nổ chỗ này chỗ kia, mà nó sẽ tiếp tục nổ trong nhiều thế kỷ. Tôi đang đặt (thuốc nổ) nhiều hơn số lượng cần thiết – tôi không bao giờ dựa vào những vận may. Hầu như mỗi câu (nói của tôi) đều có dự định tạo ra sự rắc rối cho bất cứ ai muốn tổ chức một tôn giáo xung quanh tôi. [2]

Vâng, các bạn có thể có một cọng đồng lỏng lẻo (loose), một công xã. Hãy nhớ cái từ "lỏng lẻo" : mọi người đều độc lập, mọi người đều tự do sống theo cách của riêng mình, thuyết minh tôi theo cách của riêng mình, tìm kiếm bất cứ cái gì anh ta muốn tìm kiếm. Anh ta có thể tìm kiếm cái cách mà anh ta muốn sống – và mọi người sống theo cách của chính mình.

Không cần phải quyết định tôn giáo của tôi là cái gì. Tôi đang để ngỏ nó – hai đầu. Bạn có thể "chế ra " (work out) một định nghĩa cho chính bạn – nhưng nó chỉ dành cho riêng bạn thôi, và bạn sẽ phải liên tục thay đổi nó. Bạn không thể tiếp tục nắm giữ nó như một vật chết trong tay bạn. Bạn sẽ phải thay đổi nó, và nó sẽ tiếp tục thay đổi bạn một cách đồng thời.

~~000~~

Kytô giáo, Hindu giáo, Jaina giáo, Phật giáo, Hồi giáo – đây chỉ là những ý thức hệ, những giáo điều, những tín điều; chúng chỉ là

những “tôn giáo sùng bái” (cults) [3]. Tôn giáo đích thực không có tên gọi, nó không thể có một cái tên nào. Phật sống nó, Jesus sống nó – nhưng hãy nhớ, Jesus không phải là một người Kytô giáo, và Phật không phải là một người Phật giáo, Ngài chưa bao giờ nghe về cái từ đó. Những người tôn giáo đích thực chỉ đơn giản là tôn giáo, họ chưa từng giáo điều. Có 300 tôn giáo trên thế giới – đó là một chuyện hết sức phi lý ! Nếu chân lý là một, làm thế nào có thể có đến 300 tôn giáo? Chỉ có 1 khoa học, nhưng (tại sao) lại có đến 300 tôn giáo?

Nếu khoa học về chân lý khách quan (bên ngoài) là một, thì tôn giáo cũng là một [4] , bởi vì nó nhằm vào chân lý chủ quan, phía “bên trong” của chân lý. Nhưng cái tôn giáo đó không thể có một cái tên nào, nó không thể có bất cứ ý thức hệ nào.

Tôi chỉ dạy (duy nhất) thứ tôn giáo đó. Do vậy, nếu một ai đó hỏi bạn, tóm lại “giáo pháp” của tôi là gì, bạn sẽ không thể trả lời – bởi vì tôi không dạy những nguyên lý, những ý thức hệ, những giáo điều, những học thuyết. Tôi dạy bạn một tôn giáo phi tôn giáo, tôi dạy bạn nếm một chút hương vị của nó. Tôi cho bạn cái phương pháp để trở nên dễ thụ cảm (receptive) hơn với cái thiêng liêng (the divine). Tôi không nói gì về cái thiêng liêng, tôi chỉ đơn giản nói với bạn, “ Đây là cái cửa sổ – hãy mở nó ra và bạn sẽ thấy bầu trời đêm đầy sao.”

Thế nhưng, cái bầu trời đêm đầy sao đó thì không thể định nghĩa được. Một khi bạn thấy nó xuyên qua cửa sổ mở, bạn sẽ biết nó. Thấy là tin – và “thấy “ (seeing) cũng nên là “là” (being) nữa. Không nên có niềm tin nào khác.

Do vậy, nỗ lực toàn bộ của tôi là có tính “hiện sinh” (existial), không có tính chất trí năng (intellectual) chút nào. Và chân lý đích thực thì có tính hiện sinh. Nó đã luôn xảy ra chỉ với một ít người và rồi nó biến đi khỏi trái đất bởi vì những “nhà trí thức” ngay lập tức chộp lấy nó và họ bắt đầu tạo ra những ý thức hệ đẹp đẽ từ nó – gọn gàng và sạch sẽ, hợp logic. Trong chính cái nỗ lực đó, họ hủy diệt vẻ đẹp của nó.

Họ tạo ra những triết học, và tôn giáo biến mất. “ Kẻ từ chương” (the pundit), nhà học giả, nhà thần học đều là kẻ thù của tôn giáo (đích thực).

Do vậy, hãy nhớ: bạn không đang được điểm đạo vào trong bất cứ một tôn giáo nào; bạn chỉ đang được điểm đạo vào trong tính tôn giáo. Nó bao la, mênh mông, không giới hạn – nó giống như toàn bộ bầu trời.

Ngay cả bầu trời cũng không phải là cái giới hạn (limit), cho nên hãy dang rộng đôi cánh của bạn mà không chút sợ hãi nào. Sự hiện hữu toàn bộ này thuộc về chúng ta; đây là đền thờ của chúng ta, đây là kinh điển của chúng ta. Ít hơn thế, thì chỉ là nhân tạo, được chế tạo bởi con người. Nó được chế tạo ở đâu, điều đó không quan trọng mấy – hãy cảnh giác về những tôn giáo nhân tạo để mà bạn có thể biết cái (tôn giáo) đích thực, cái không phải là nhân tạo. Và nó có sẵn trong cây cối, núi non, sông suối, tinh tú – trong bạn, trong những người vây quanh bạn – nó có mặt khắp nơi.

Khoa học là sự tìm kiếm chân lý trong thế giới khách quan và tôn giáo là sự tìm kiếm chân lý trong thế giới chủ quan. Thật vậy, chúng là hai cánh của một con chim, của một sự thăm dò (inquiry) – hai mặt. Rốt cùng, không cần phải có hai tên gọi. Sự gợi ý của riêng tôi, là: khoa học là một cái tên đẹp tuyệt vời, bởi vì nó có nghĩa là “sự biết.” (knowing). Cho nên khoa học có hai mặt, y như mọi đồng xu đều có hai mặt. Sự biết trong chiều kích của vật chất bạn có thể gọi là khoa học khách quan, và sự biết trong chiều kích của nội giới của bạn – về bản thể nội tại của bạn, về ý thức của bạn – bạn có thể gọi là khoa học chủ quan. Không cần phải có từ tôn giáo.

Hai mặt của “khoa học” đều hoàn toàn tốt – và nó cùng là một sự tìm kiếm, chỉ cái hướng là khác nhau. Và sẽ là tốt, nếu chúng ta tạo ra (make) một khoa học tối cao, mà là một tổng hợp, một sự đồng thời (synchronicity) của khoa học bên ngoài và khoa học bên trong.

Sẽ không cần quá nhiều tôn giáo như thế, và lúc đó, thậm chí không ai cần là một kẻ vô thần. Khi những kẻ hữu thần biến đi, thì không cần những kẻ vô thần nữa – họ chỉ là những phản ứng lẫn nhau. Có những kẻ tin vào Thượng đế, cho nên có những kẻ không tin vào Thượng đế. Khi những "kẻ tin tưởng" (believer) biến đi, thì đâu cần những kẻ "vô tín" (disbeliever) nữa?

Không cần phải tin vào bất cứ cái gì – đó là cái nền tảng của khoa học. Đó là sự tiếp cận (có tính) khoa học với thực tại: đừng tin, hãy tìm hiểu, thăm dò (inquire). Cái khoảnh khắc mà bạn tin, thì sự thăm dò ngừng lại. Hãy giữ cho tâm trí của bạn mở ra – đừng tin, cũng đừng không tin. Chỉ lưu lại trong tình trạng tỉnh táo và tra hỏi (search) và hoài nghi mọi sự cho đến khi bạn đến một điểm mà không thể nghi ngờ được nữa (indubitable) – đó là cái mà chân lý là. Bạn không thể hoài nghi nó. Đó không phải là vấn đề tin vào nó, đó là một hiện tượng hoàn toàn khác. Đúng hơn, nó là một sự chắc chắn, quá tràn ngập, đến nỗi bạn không có cách nào hoài nghi nó.

Đây là sự biết (knowing). Và sự biết chuyển hoá một người thành một vị Phật, thành một kẻ chứng ngộ. Đây là cái đích của mọi sự tăng trưởng (tâm linh) của con người.

Mang đến cho tôn giáo một bước nhảy lượng tử, công trạng đó phải dành cho Adinatha, người lần đầu tiên rao giảng một tôn giáo không có Thượng đế – trước Phật Gautama 25 thế kỷ. Đó là một cuộc cách mạng cực lớn, bởi vì trước đó, không nơi nào trên toàn bộ thế giới, tôn giáo được quan niệm là có thể hiện hữu mà không có Thượng đế. Thượng đế vốn là một phần cốt yếu – trung tâm – của tất cả mọi tôn giáo: Kytô giáo, Do thái giáo, Hồi giáo. Nhưng việc biến Thượng đế thành trung tâm của tôn giáo đã khiến cho con người chỉ còn là cái ngoại vi. Quan niệm Thượng đế như là đấng sáng tạo ra thế giới biến con người thành ra chỉ là một con rối.

Đó là lý do tại sao trong tiếng Hebrew - ngôn ngữ của đạo Do thái giáo (Judaism) cổ - con người được gọi là Adam. Adam có nghĩa là "bùn." Trong tiếng Ả rập, con người được gọi là admi; nó đi từ cùng một căn ngữ như adam, và một lần nữa, nó cũng có nghĩa là "bùn." Trong tiếng Anh, mà sau cùng đã trở thành ngôn ngữ của Kytô giáo, cái từ "human" (thuộc về con người) đến từ chữ humus, và humus có nghĩa là "bùn." Đương nhiên, nếu Thượng đế là đấng sáng tạo, thì Ngài phải sáng tạo từ một cái gì đó. Ngài phải tạo ra con người giống như một bức tượng, nên trước hết, Ngài lấy bùn để nặn ra con người và rồi thổi sự sống vào trong hắn. Nhưng nếu như vậy, thì con người mất hết mọi phẩm cách (dignity).

Và nếu Thượng đế là đấng sáng tạo ra con người và mọi thứ khác, thì toàn bộ ý tưởng đó là bốc đồng. Thượng đế đã từng làm cái gì trong vĩnh cửu, trước khi Ngài sáng tạo ra con người và vũ trụ? Theo Kytô giáo, Ngài chỉ mới tạo ra con người 4004 năm trước Jesus Christ. Vậy thì Ngài đã làm những gì qua suốt vĩnh cửu? Xem ra nó có vẻ bốc đồng. Hẳn không có bất cứ nguyên nhân nào; bởi vì, nếu Thượng đế phải tạo ra sự hiện hữu vì một nguyên nhân nào đó, thì có nghĩa là có những quyền lực cao hơn Thượng đế, có những nguyên nhân mà khiến cho Ngài sáng tạo. Hay có một khả năng, là đột nhiên ước vọng (sáng tạo) khởi lên trong Ngài – cái đó cũng không logic (sound) mấy về mặt triết học, bởi vì trong vĩnh cửu Ngài không có ước vọng nào – và không ước vọng thì quá chừng phúc lạc. Không thể tưởng tượng rằng, từ một kinh nghiệm về sự phúc lạc vĩnh cửu, một ước vọng lại khởi lên, khiến cho Ngài tạo ra thế gian. Ước vọng là ước vọng, bất luận bạn muốn làm một cái nhà hay trở thành thủ tướng, hay sáng tạo ra thế gian. Thượng đế không thể được quan niệm như là có những ước vọng, nên điều duy nhất còn lại, là Ngài bốc đồng, Ngài "lập dị" (eccentric). Vậy thì không cần một nguyên nhân và không cần ước vọng – chỉ là một sự bốc đồng.

Nhưng nếu toàn bộ hiện hữu chỉ được tạo ra từ một cơn bốc đồng, thì nó mất tất cả ý nghĩa, tất cả nghĩa lý. Và ngày mai một cơn bốc đồng khác có thể khởi lên trong Thượng đế, một ý muốn hủy diệt,

giải tan toàn bộ vũ trụ. Cho nên, chúng ta đơn giản chỉ là những con rối trong bàn tay của một Thượng đế độc tài, một kẻ có mọi quyền lực nhưng không có một tâm trí lành mạnh – tóm lại, một kẻ bốc đồng.

Chắc hẳn Adinatha phải là một thiền giả rất sâu sắc, trầm tưởng (contemplative), và chắc hẳn ông đã đi tới kết luận rằng, nếu có một vị Thượng đế, thì không có ý nghĩa nào trên thế gian. Nếu chúng ta muốn có ý nghĩa trên thế gian, thì Thượng đế phải được phế bỏ. Ông hẳn phải là một người có lòng dũng cảm to lớn. Người ta vẫn đang thờ phụng trong những nhà thờ, trong những synagogue [5], trong những đền thờ – thế nhưng con người Adinatha đó, 5 (năm) ngàn năm trước chúng ta, đã đi tới một kết luận rất dứt khoát, rõ ràng, khoa học, rằng không có gì cao hơn con người, và rằng, bất cứ sự tiến hoá nào sắp diễn ra, đều ở bên trong con người, và trong ý thức của hắn.

Adinatha là người đầu tiên trong số 24 vị đạo sư trong Jaina giáo, và đây là bước nhảy lượng tử thứ nhất – Thượng đế đã bị phế bỏ. Cái công trạng đó không dành cho đức Phật, bởi vì Đức Phật đến sau Adinatha 25 thế kỷ. Nhưng một công trạng khác dành cho Đức Phật – Adinatha phế bỏ Thượng đế, nhưng không xoay xở thành công trong việc đặt thiền định vào thay chỗ. Trái lại, ông tạo ra chủ nghĩa khổ hạnh (asceticism), sự khắc khổ (austerities), tra tấn thể xác – ăn kiêng, ở truồng, chỉ ăn một lần một ngày, không uống vào ban đêm, không ăn vào ban đêm, chỉ ăn những thực phẩm nhất định. Ông đã đi tới một kết luận triết học đẹp đẽ, nhưng cái kết luận đó chỉ là triết học, nó không có tính thiền định.

Khi bạn phế bỏ Thượng đế, bạn không thể có bất cứ nghi lễ nào (ritual), bạn không thể có sự thờ phụng, bạn không thể có sự cầu nguyện; một cái gì đó phải được thay thế. Ông thay vào đó sự khắc khổ, bởi vì con người trở thành trung tâm của tôn giáo của ông, và con người phải tự thanh tẩy mình. Sự thuần khiết trong quan niệm

của ông, là con người phải ly cách (detach himself from) khỏi thế gian, phải ly cách khỏi thể xác của riêng mình. Cái này làm méo mó mọi sự thể. Ông đã đi tới một kết luận rất có ý nghĩa, nhưng nó vẫn chỉ là một khái niệm triết học.

Adinatha đã phế bỏ Thượng đế nhưng để lại một khoảng chân không, và Đức Phật đổ đầy nó bằng thiền định. Adinatha đã tạo ra một tôn giáo không " Thượng đế" (godless religion). Đức Phật tạo ra một tôn giáo thiền định.

Thiền định là đóng góp của Đức Phật. Cái điểm then chốt không phải là tra tấn thể xác; vấn đề là trở nên im lặng hơn, trở nên thư giãn hơn, trở nên bình an hơn. Nó là một cuộc hành trình nội tại để đạt tới trung tâm ý thức của riêng mình, và trung tâm ý thức của riêng mình là trung tâm của toàn bộ hiện hữu.

25 thế kỷ, một lần nữa, lại qua đi. Khái niệm có tính cách mạng của Adinatha về tôn giáo không Thượng đế đã bị chìm mất trong sa mạc của sự khắc khổ và sự tự tra tấn. Y hệt như vậy, ý tưởng của Phật về thiền định – một cái gì đó nội tại, mà không ai khác có thể nhìn thấy, chỉ có bạn mới biết bạn ở đâu, chỉ có bạn mới biết là bạn có đang tiến bộ hay không – ý tưởng này cũng bị chìm mất trong một sa mạc khác, và đó là tôn giáo có tổ chức, có định chế.

Tôn giáo (có định chế. ND) nói rằng, không thể tin cậy những cá nhân riêng lẻ, bất luận họ có đang thiền định hay không. Người ta cần những cọng đồng, những đạo sư, những tu viện nơi mà họ có thể sống cùng nhau. Những ai mà ở trên một mức độ ý thức cao hơn, có thể quan sát những người khác và giúp họ. Đã trở thành cốt yếu, rằng những tôn giáo không nên bị rơi vào tay của những cá nhân; chúng nên được tổ chức và nên được ở trong tay của những ai (mà) đã đạt tới một mức thiền định cao.

Ban đầu, nó là tốt; trong khi Đức Phật còn sống, có nhiều người đạt tới sự chứng ngộ. Nhưng khi Đức Phật qua đời, và những người

này qua đời, thì chính cái tổ chức mà được giả định là để giúp người ta thiền định, lại rơi vào tay giới tu sĩ, và thay vì giúp bạn thiền định, họ bắt đầu tạo ra những nghi thức xung quanh hình ảnh của Đức Phật. Đức Phật trở thành một vị thần khác. Adinatha phế bỏ Thượng đế, Đức Phật không bao giờ chấp nhận rằng Thượng đế hiện hữu – nhưng giới tu sĩ này không thể tồn tại mà không có một Thượng đế. Cho nên, có thể không có một Thượng đế – theo nghĩa là đấng sáng tạo - nhưng Đức Phật đã đạt tới "Thượng đế tính [6]. Đối với những người khác, điều duy nhất là thờ phụng Đức Phật, có đức tin vào đức Phật, theo những nguyên lý của Đức Phật, sống cuộc sống theo "học thuyết" (doctrine) của Ngài; Đức Phật bị "chìm mất" (get lost) trong cái tổ chức, sự bắt chước. Và tất cả họ quên đi cái điều cơ bản, đó là thiền định.

Toàn bộ nỗ lực của tôi là tạo ra một tôn giáo phi tôn giáo. Chúng ta đã thấy cái gì đã xảy ra với những tôn giáo (mà) có Thượng đế như là trung tâm. Chúng ta đã nhìn thấy cái gì đã xảy ra với quan niệm của Adinatha, tôn giáo không Thượng đế. Chúng ta đã thấy cái gì đã xảy ra với Đức Phật, tôn giáo không Thượng đế, nhưng lại có định chế.

Bây giờ, nỗ lực của tôi - y như người ta đã giải tan Thượng đế - là giải tan luôn cả "tôn giáo" nữa. Hãy để lại chỉ thiền định, để cho nó không thể bị quên đi trong bất cứ cách nào. Không có cái gì khác để thay thế nó. Không có Thượng đế nào, không có "tôn giáo" nào cả. Bằng từ "tôn giáo" [7] , tôi ngụ ý một tôn giáo có định chế, tín điều, nghi thức, giới tu sĩ.

Tôi muốn, tôn giáo lần đầu tiên tuyệt đối có tính cá nhân. Bởi vì tất cả những tôn giáo có định chế, bất luận có Thượng đế hay không có Thượng đế, đã dẫn nhân loại đi sai đường (misled). Và nguyên nhân duy nhất chính là sự tổ chức, bởi vì sự tổ chức có những cách của riêng nó, mà đi ngược lại " tính thiền" (meditativeness). Sự tổ chức

thực sự là một hiện tượng chính trị, nó không phải là tôn giáo. Nó là một hình thức khác của quyền lực và ý chí quyền lực. Bây giờ mọi tu sĩ Kytô giáo đều hy vọng một ngày nào đó sẽ trở thành ít nhất một giám mục, trở nên một hồng y, trở nên một giáo hoàng. Đây là một đẳng trật mới, một chế độ thư lại mới – và bởi vì nó là tâm linh, không ai phản đối. Bạn có thể là một giám mục, bạn có thể là một giáo hoàng, bạn có thể là một cái gì đó. Nó không bị phản đối, bởi vì bạn không định cản trở cuộc sống của bất cứ ai; nó chỉ là một ý tưởng trừu tượng.

Nỗ lực của tôi là hủy diệt giới tu sĩ một cách hoàn toàn. Sau đó, chỉ còn lại Thượng đế, còn lại tôn giáo không Thượng đế; bây giờ, cách duy nhất là chúng ta nên phế bỏ Thượng đế và "tôn giáo" – cả hai, để cho giới tu sĩ không còn điều kiện nào để tồn tại. Rồi thì, con người được tuyệt đối tự do, hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự phát triển của riêng mình.

Cảm tưởng của tôi, là con người càng chịu trách nhiệm về sự phát triển của riêng mình, thì y càng khó trì hoãn nó (it) lâu. Bởi vì nó ngụ ý, nếu bạn khốn khổ, bạn chịu trách nhiệm. Nếu bạn căng thẳng, bạn chịu trách nhiệm. Nếu bạn không thư giãn, bạn chịu trách nhiệm. Nếu bạn khổ, bạn là nguyên nhân của nó. Không có Thượng đế, không có giới tu sĩ mà bạn có thể đến và hỏi xin một nghi thức nào đó. Bạn được để lại một mình với sự khốn khổ của bạn – và không ai muốn mình bị khốn khổ.

Những tu sĩ tiếp tục cho bạn thuốc phiện, họ tiếp tục cho bạn hy vọng, " Đừng lo lắng, nó chỉ là một trắc nghiệm về đức tin của bạn, sự tin cậy của bạn. Và nếu bạn có thể băng qua sự khổ đau một cách im lặng và kiên nhẫn, thì trong thế giới bên kia cái chết, bạn sẽ được thưởng một cách hậu hĩnh." Nếu không có giới tăng sĩ, bạn phải hiểu rằng, bất cứ cái gì bạn là, bạn trách nhiệm về nó – không ai khác. Và cái cảm nhận rằng, " Tôi chịu trách nhiệm về sự khốn khổ của tôi" mở ra cánh cửa. Rồi thì bạn bắt đầu tìm những phương pháp để ra khỏi trạng thái khốn khổ này.

Và đó chính là “thiền” (meditation). Nó đơn giản là trạng thái đối nghịch của khổ đau. Nó là trạng thái của sự nở hoa an bình, phúc lạc của bản thể (being), nó quá im lặng và quá phi thời gian, đến nỗi bạn không thể quan niệm rằng còn có thể có một cái gì tốt hơn thế. Và không có gì tốt hơn là trạng thái của một tâm thức thiền.

Do vậy, bạn có thể nói, rằng đây là những bước nhảy lượng tử:

Adinatha từ bỏ Thượng đế bởi vì ông thấy Thượng đế đang trở nên quá nặng nề trên con người; thay vì giúp con người trong sự phát triển của hắn, Thượng đế đã trở thành một gánh nặng. Nhưng ông quên thay thế Thượng đế bằng một cái gì đó. Con người sẽ cần cái gì đó trong những khoảnh khắc khốn khổ, trong sự khổ đau của hắn. Trước kia, hắn thường cầu nguyện Thượng đế – nhưng bạn đã lấy đi Thượng đế, bạn đã lấy đi sự cầu nguyện của hắn, và bây giờ, khi hắn khốn khổ, hắn sẽ làm gì? Trong Jaina giáo, thiền định không có chỗ nào cả.

Tuệ giác (insight) của Phật là: Thượng đế đã bị phế bỏ, bây giờ khoảng trống đó nên được đổ đầy; nếu không, khoảng trống đó sẽ hủy diệt hắn. Ngài đặt vào đó sự thiền định – một cái gì đó thực sự xác thực (authentic) - mà có thể làm thay đổi toàn bộ sự thể. Nhưng Ngài không ý thức – có lẽ Ngài đã không thể ý thức được, bởi vì có những điều mà bạn không thể ý thức trừ khi chúng xảy ra – rằng, không nên có tổ chức nào, rằng, không nên có giới tu sĩ, rằng, khi Thượng đế biến đi, thì tôn giáo cũng nên biến đi. Nhưng Ngài có thể được tha thứ, bởi vì Ngài đã không nghĩ về điều đó, và không có quá khứ nào để giúp Ngài thấy nó. Nó đến sau Ngài.

Vấn đề thực thụ nằm ở người tăng sĩ, và Thượng đế là phát minh của người tăng sĩ. Trừ khi bạn vứt bỏ người tăng sĩ, thì (dù) bạn có thể vứt bỏ Thượng đế, nhưng người tăng sĩ sẽ luôn luôn tìm kiếm những nghi thức mới, ông luôn tạo ra những vị thần mới.

Nỗ lực của tôi là để bạn lại một mình với thiền định, không có kẻ môi giới giữa bạn và sự hiện hữu. Khi bạn không ở trong thiền định, bạn bị tách khỏi sự hiện hữu, và đó là sự khổ đau của bạn. Cũng tương tự như khi bạn đem con cá ra khỏi đại dương, và ném nó lên bờ – sự khốn khổ và sự khổ đau và sự tra tấn mà nó trải qua, sự ao ước (hankering) và nỗ lực để trở lại đại dương bởi vì đó là nơi nó thuộc về, nó là một phần của đại dương và nó không thể sống tách rời. Bất cứ sự khổ nào chỉ là dấu hiệu cho thấy rằng, bạn không ở trong sự hội thông (communion) với hiện hữu, rằng con cá không ở trong đại dương.

Thiền định không là gì khác ngoài sự rút lui của tất cả mọi rào chắn – những tư tưởng, cảm xúc, tình cảm – cái đó tạo ra một bức tường giữa bạn và hiện hữu. Cái khoảnh khắc chúng rơi rụng đi, bạn đột nhiên tìm thấy chính mình hòa điệu với cái toàn bộ (the whole); không chỉ hòa điệu, bạn thực sự phát hiện rằng bạn là cái toàn bộ. Khi một giọt sương rơi từ một lá sen vào trong đại dương, nó không thấy (find) rằng nó là một phần của đại dương, nó phát hiện rằng nó là đại dương. Và phát hiện ra điều đó, là cùng đích tối hậu, sự thành tựu tối hậu. Không có cái gì vượt quá nó, cao hơn nó.

Như vậy, Adinatha phế bỏ Thượng đế nhưng không phế bỏ tổ chức, và bởi vì không có Thượng đế, tổ chức tạo ra những nghi thức. Nhìn thấy cái đã xảy ra cho Jaina giáo, rằng nó đã trở chủ nghĩa nghi thức, Đức Phật phế bỏ Thượng đế, Ngài bỏ tất cả nghi thức, và nhấn mạnh một cách chuyên nhất vào thiền định. Nhưng Ngài quên rằng, những tăng sĩ mà đã tạo ra những nghi thức trong Jaina giáo, thì định làm cái tương tự với thiền định. Và họ làm nó, họ biến chính Đức Phật thành một Thượng đế. Họ nói về thiền định, nhưng về cơ bản, những Phật tử là những kẻ thờ phụng Đức Phật – họ đi tới chùa, và thay vì Krishna hay Christ, có tượng Phật. Thượng đế không có mặt ở đó, khó tạo ra nghi thức – xung quanh thiền định, khó tạo ra nghi thức. Do vậy, họ đã tạo ra một bức tượng và họ bắt

đầu nói, trong cùng cách mà mọi tôn giáo vẫn hằng làm, " Hãy có đức tin vào Đức Phật, hãy tin cậy vào Đức Phật, và bạn sẽ được cứu rỗi."

Cả hai cuộc cách mạng đều đã bị "chìm mất" (lost).[8] Tôi muốn rằng, cái mà tôi đang làm thì không bị chìm mất. Cho nên tôi đang cố trong mọi cách có thể, phế bỏ tất cả những điều mà trong quá khứ đã từng là những rào chắn, để cho cuộc cách mạng tiếp tục và phát triển. Tôi không muốn ai đứng giữa cá nhân và sự hiện hữu. Không cầu nguyện, không tăng sĩ; một mình bạn là đủ để đối diện với bình minh, và bạn không cần ai thuyết minh cho bạn là bình minh nó đẹp ra sao.

Bạn ở đây, mọi cá nhân ở đây, toàn bộ hiện hữu là "có sẵn" (available) cho bạn. Tất cả những gì mà bạn cần, là chỉ im lặng và lắng nghe sự hiện hữu. Không cần bất cứ tôn giáo nào, không cần bất cứ Thượng đế nào, không cần bất cứ giới tăng sĩ nào, không cần tổ chức nào.

Tôi tin cậy vào cá nhân một cách vô điều kiện (categorically). Cho tới nay, không ai từng tin cậy vào cá nhân trong một cách thức như thế. Cho nên, mọi thứ ("râu ria") có thể được cất bỏ. Bây giờ, tất cả những gì được để lại cho bạn, là một trạng thái "thiền" - mà chỉ đơn giản có nghĩa là một trạng thái của sự im lặng hoàn toàn. Từ "thiền định" (meditation) làm cho nó có vẻ nặng nề hơn. Tốt hơn, nên gọi nó là một sự im lặng đơn giản, hồn nhiên và sự hiện hữu mở ra mọi vẻ đẹp với bạn.

Và khi nó tiếp tục phát triển, bạn tiếp tục phát triển, và sẽ đến một khoảnh khắc, khi mà bạn đã đạt tới chính chóp đỉnh của tiềm năng bạn – bạn có thể gọi nó là Phật tính, chứng ngộ, bhagwatta, "thượng đế tính", bất cứ cái gì – nó không có tên gọi nào, cho nên, bất cứ cái tên nào cũng được.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Đọc kỹ chương này, ta sẽ hiểu quan niệm về "tôn giáo" của ông rõ hơn.

[2] Những ai nghĩ rằng ông muốn tạo ra một "tôn giáo mới", xin nhớ KỸ lời nói này.

[3] Cult: Theo từ điển Webster (lớn), từ này có mấy nghĩa như sau: 1. Một hệ thống thờ phụng và nghi lễ tôn giáo. 2. Sự ngưỡng mộ quá mức đối với một người, một nguyên lý, vân vân – nhất là khi nó được xem như là một cái "mốt." 3. Một nhóm môn đệ; một "tông phái." . Chúng tơi tạm dịch như trên. Ở đây, Osho chỉ muốn nói đến khía cạnh "có tổ chức" , có "định chế" của các tôn giáo nêu trên .

[4] Theo Osho, có 2 loại "khoa học" : khoa học về chân lý khách quan (bên ngòai), và khoa học về chân lý chủ quan (bên trong). "Tôn giáo" là khoa học về chân lý "chủ quan", nên chỉ cần gọi nó là "khoa học" – không cần dùng từ "tôn giáo"; do vậy, theo Osho, không cần có nhiều "tôn giáo." Ý tưởng này có "cực đoan" quá chăng? Nhưng dù sao, Osho cũng buộc ta phải suy nghĩ…

[5] Synagogue: giáo đường Do Thái.

[6] Godhood: tạm dịch là "Thượng đế tính", nhưng từ "Thượng Đế" ở đây không có nghĩa thông thường, (nhất là của Kytô giáo) mà nó chỉ có nghĩa là "Cái Tuyệt Đối", "Tuyệt Đối Thể." …

[7] Xin bạn đọc lưu ý định nghĩa này của Osho. – để khỏi hiểu sai ý của ơng. Thật ra, Osho phân biệt hai loại "tôn giáo" : tôn giáo đích thực, thuần khiết, phát xuất trực tiếp từ thể nghiệm tâm linh, và "tôn giáo có định chế" – đã bị "ô nhiễm" do bị nhiều thế lực lợi dụng. Cho nên, ông không muốn dùng từ "tôn giáo." Để chỉ "tôn giáo đích thực", ông muốn dùng từ "tính tôn giáo" để phân biệt với "tôn giáo có định chế."

[8] Cần suy nghĩ về điều này. Tại sao chúng bị “chìm mất” ?

trang đỗ tư nghĩa

chân trần

art2all.net

 Converted with the trial version of Word Cleaner
To remove this message click here to buy the full version now.

PHẦN III: CHƯƠNG XVII

THIỀN ĐỊNH CHO THẾ KỶ 21 [1]

Tôi đang làm việc trong 10 năm liên tục, dạy sự thư giãn trực tiếp. Nó đơn giản với tôi, nên tôi nghĩ nó cũng sẽ đơn giản với mọi người. Rồi, dần dần, tôi trở nên nhận biết rằng điều đó là không thể được. Tôi bị sai lầm, điều đó không thể được. Tôi thường nói, " Hãy thư giãn," với những người mà tôi đang dạy. Họ thường có vẻ như hiểu nghĩa của từ đó, nhưng họ không thể thư giãn. Do vậy, tôi phải chế tác những phương pháp thiền định mới, mà trước tiên tạo ra sự căng thẳng – nhiều căng thẳng hơn. Chúng tạo ra căng thẳng quá lớn, đến nỗi bạn phát điên lên. Và rồi tôi nói, " Hãy thư giãn."

Khi bạn đã (căng thẳng) tới đỉnh điểm, toàn bộ thân xác bạn, toàn bộ tâm trí bạn trở nên khao khát được thư giãn. Với quá nhiều căng thẳng, bạn muốn ngừng lại, và tôi tiếp tục đẩy bạn tiếp tục, tiếp tục cho tới cuối. Hãy làm bất cứ cái gì bạn có thể làm để tạo ra căng thẳng, và rồi, khi bạn ngừng lại, bạn đơn giản rơi từ chóp đỉnh xuống một vực sâu. Vực sâu là cứu cánh, sự không nỗ lực là cứu cánh, nhưng bạn có thể dùng sự căng thẳng như phương tiện.

Khi tôi là giáo sư tại trường đại học, một trong số những đồng nghiệp của tôi muốn học thiền định. Tôi có một "trường học" (school) nhỏ gồm những hành giả ở đó. Anh ta tham gia, và ngày đầu tiên anh ta trải nghiệm sự im lặng, anh ta đơn giản nhảy ra khỏi cái thiền thất nhỏ nơi mà chúng tôi thường ngồi, và chạy đi mất! Tôi không thể hiểu cái gì đã xảy ra. Tôi đã phải đi theo anh ta. Anh ta quay lại nhìn tôi, và khi anh ta nhìn tôi đuổi theo, anh ta chạy càng nhanh hơn.

Tôi nghĩ, "Chắc có chuyện gì đó! Cái gì đã xảy ra với người anh chàng này?"

Tôi hét to lên, “Hãy đợi, Nityananda!” – tên anh ta là Nityananda Chatterji – “Chỉ một lát thôi!” Anh ta chỉ đơn giản vẫy tay, ngụ ý, “hết rồi” (finished), và nói, “Tôi không muốn thiền định. Anh là một người nguy hiểm!”

Sau cùng, tôi tóm được anh ta ngay khi anh ta bước vào nhà mình. Bây giờ anh ta không thể chạy đi đâu khác nữa. Tôi nói, “Tốt hơn, bạn nên kể cho tôi nghe cái gì đã xảy ra.”

Anh ta nói, “Tôi không biết anh đã làm cái gì, nhưng tôi trở nên quá im lặng – và anh biết đó, tôi là một kẻ ba hoa (chatterbox)” – Chatterji cũng là tên anh ta. Anh ta là một người Bengal. “Vào buổi sáng, tôi bắt đầu nói, và tôi nói cho đến khi tôi ngủ thiếp đi, hầu như giữa một câu – tôi nói liên tục. Nó giữ cho tôi bận rộn (engaged), không lo lắng, không vấn đề. Tôi biết có những vấn đề, nhưng việc nói chuyện với bất cứ ai … nếu không có ai ở đó, tôi nói với chính mình.“ Và ở đó, ngồi với anh, bỗng nhiên việc nói chuyện ngừng lại. Tôi bị trống rỗng (blank). Và tôi nhủ thầm: ‘Trời ơi, mình đang phát điên! Nếu việc này xảy ra với mình trong 24 giờ – tiêu đời ! Nityananda Chatterji ơi, đời mi đã chấm dứt. Nếu tâm trí không trở lại lần nữa … trước khi sự im lặng này đi xa hơn, thì hãy trốn khỏi nơi đây. Và tại sao 30, 40 người này lại đang ngồi nhắm mắt chứ? Nhưng đó là vấn đề của họ. Mọi người phải chăm sóc chính mình.’ Cho nên tôi trốn chạy.”

Tôi nói, “Đừng lo lắng. Im lặng không phải là cái gì đó hủy diệt tâm trí bạn, nó chỉ đơn giản giúp tâm trí nghỉ ngơi. Và với bạn nó xảy ra quá dễ dàng, bởi vì bạn là một kẻ ba hoa; tâm trí mệt mỏi. Với những người khác đang ngồi thiền, nó thường không xảy ra quá dễ dàng như vậy. Nhìn chung, khi lần đầu tiên ngồi thiền, tâm trí khó lòng trở nên im lặng.

“Trường hợp bạn thì khác: Bạn đã quấy rầy (bothered) tâm trí quá nhiều suốt đời bạn, người ta sợ bạn. Vợ bạn sợ, con cái bạn sợ. Tại trường đại học, các giáo sư sợ. Nếu bạn đang ngồi trong căn phòng

chung, toàn bộ căn phòng chung trở nên trống rỗng; mọi người (đều muốn) trốn thoát khỏi đó. Đó là bởi vì tâm trí bị sử dụng quá nhiều. Nó là một bộ máy, nó cần một chút nghỉ ngơi.

"Những nhà khoa học nói rằng, ngay cả kim loại cũng trở nên mệt mỏi; nó cũng cần nghỉ ngơi. Tâm trí là một hiện tượng rất phức tạp, tinh vi, là cái tinh tế (sophisticated) nhất trong toàn vũ trụ, và bạn đã sử dụng nó quá nhiều, đến nỗi khi tìm thấy một cơ hội để trở nên im lặng, thì nó ngay lập tức trở nên im lặng. Bạn nên vui sướng."

Anh ta nói, "Nhưng nó sẽ khởi động lại, hay là không?"

Tôi nói, "Nó sẽ, bất cứ khi nào bạn muốn."

Anh ta nói, "Tôi trở nên sợ rằng, nếu nó không khởi động lại … rồi thì, 'Nityananda Chatterji ơi, đời mi đã chấm dứt. Mi sẽ ở trong một nhà thương điên – tại sao, trước hết, mi lại hỏi người đàn ông này về thiền định chứ?'!"

Và tôi nói, "Tôi vẫn luôn tự hỏi, tại sao bạn muốn thiền định."

Anh ta nói, "Tôi chỉ đơn giản đang nói về nó, y như cái cách mà tôi nói về mọi sự – và anh tóm lấy tôi. Anh nói : 'Cái đó hoàn toàn ok. Bạn có thể đến với tôi trong xe.' Tôi đã chưa bao giờ có ý muốn … Tôi nói về mọi sự, bất luận tôi biết về nó hay không; điều đó không quan trọng, tôi có thể nói hằng giờ. Chỉ vì anh đang ngồi trong hội trường và không có ai khác, tôi nghĩ, 'Chủ đề nào sẽ thích hợp?' Thấy anh, tôi nghĩ thiền định là chủ đề duy nhất mà anh có thể thích nói về, nên tôi nói. Và anh tóm lấy tôi; anh đưa tôi vào trong xe … và tôi nghĩ : 'Nó có thể gây hại gì? Nhà mình chỉ cách nhà anh ta vài phút, cho nên ngồi trong xe chạy một vòng cũng tốt thôi. Và suốt dọc đường, mình sẽ nói.' Và suốt dọc đường, tôi đã nói về thiền định. Và đó là cách mà tôi rơi vào bẫy của anh, bởi vì lúc ấy tôi không thể nào quay trở lại. Anh đẩy tôi vào trong cái thiền thất đó, nơi mà 40 người đang ngồi, nên tôi đã phải ngồi. Ngay từ đầu, tôi đã muốn trốn thoát!

Tôi không bao giờ muốn thiền định, bởi vì tôi không muốn bước vào bất cứ cái gì, nếu tôi không biết nó sẽ dẫn tới đâu.

" Và ngay khi tôi đang ngồi ở đó, mọi sự trở nên im lặng. Tôi mở mắt ra, tôi nhìn quanh, và mọi người nhắm mắt, im lặng. Tôi nghĩ : ' Đây là thời điểm mà mình nên trốn chạy.' Và anh là một người quyết đoán, đến mức anh không để cho tôi thậm chí chạy thoát. Toàn con phố thấy rằng tôi đang trốn chạy và anh đang đuổi theo … và tôi đang nhủ thầm 'Mình sẽ không ngừng lại.' Chỉ là … tôi trở nên quá sợ hãi. Tôi sợ hãi sự im lặng. Việc nói chuyện là hoàn toàn ok."

Tôi nói, "Bạn may mắn, bởi vì bạn đã nói quá nhiều, đến nỗi tâm trí bạn sẵn sàng thư giãn. Đừng bỏ lỡ cơ hội này – và đừng sợ! Bạn không thấy tôi sao? Tôi có thể nói chuyện. Bạn sẽ có thể nói chuyện bất cứ khi nào bạn muốn. Ngay bây giờ, việc nói chuyện không ở trong quyền lực của bạn. Nó chỉ đơn giản tự mình diễn tiến, bạn chỉ là một cái máy hát. Sự im lặng sẽ biến bạn thành một "ông chủ" (master)."

Anh ta nói, "Ờ, nếu anh hứa … Tôi tin cậy anh và tôi sẽ đến mọi ngày. Nhưng hãy nhớ, tôi không muốn phát điên. Tôi có con cái. Tôi có một người vợ, tôi có cha mẹ già…"

Tôi nói, "Đừng lo lắng. Bạn sẽ không phát điên đâu."

Và bạn sẽ ngạc nhiên: anh chàng đó tiến bộ trong thiền định hơn bất cứ ai khác. Cái đó cho tôi cái ý tưởng về một cách thiền định đặc biệt, và tôi bắt đầu dùng một kỹ thuật mới, "nói lắp bắp" (gibberish). Nó không tuyệt đối mới, nhưng chưa ai từng dùng nó như là một "thủ thuật" để cho nhiều người thiền định.

Tôi nói với Nityananda Chatterji, "Bạn đừng lo lắng. Bạn đã nói lắp bắp quá nhiều, đến nỗi chắc chắn bạn sắp đạt tới một sự im lặng sâu."

Và anh ta trở nên rất im lặng. Toàn trường đại học bị sốc. Họ không thể tin điều đó – tôi đã làm gì với anh ta? Bây giờ người ta thường tiếp cận (approach) anh ta, muốn anh ta nói chuyện, và anh ta thường nói, “Không, đủ rồi. Trước đây, khi tôi thường nói ba hoa, tất cả các bạn đều muốn trốn. Việc ấy đã kết thúc rồi. Xin cứ để tôi yên.”

Anh ta được thăng chức, nhưng anh ta từ chối, và nhận tiền hưu trí, để vợ con anh ta có thể sống và anh ta có thể tiếp tục sự im lặng của mình. Tôi gặp anh ta sau 10 năm. Anh ta đã trở thành một người hoàn toàn mới, quá tươi mát, quá trẻ trung, như thể một cái nụ vừa đang nở ra, và trở nên một hoa hồng – với sự tươi mát đó. Và anh ta không nói chuyện; anh ta thường đến và chỉ ngồi đó hằng giờ, không nói một lời nào.

Tâm trí chỉ là một bộ máy – nó có thể nói chuyện, nó có thể im lặng. Vấn đề duy nhất là, nó không nên là chủ nhân; nó nên là đầy tớ. Là đầy tớ, nó vĩ đại; là người chủ, nó nguy hiểm. Bạn nên là người chủ của nó.

Bạn không thể “làm” thiền định, bạn chỉ có thể ở trong thiền định. Nó không phải là vấn đề “làm” một cái gì đó, đó là vấn đề “là” (being). Nó không phải là một hành vi, mà là một trạng thái.

Chuyện này xảy ra nhiều lần: một kẻ vô thần đến với tôi và hỏi, “Tôi cũng có thể thiền định chứ?” Bởi vì cái ý tưởng rằng, trừ khi (phi) bạn tin vào Thượng đế, bạn không thể thiền định, đã trở nên quá thịnh hành (prevalent.) Nhưng đó là một khái niệm ngốc nghếch (foolish). Thiền định không có dính dáng gì tới Thượng đế. Quả vậy, sự thực là, nếu bạn tin vào Thượng đế, sẽ khó mà thiền định. Chính niềm tin của bạn sẽ trở thành một sự vướng bận.

Người mà không tin vào bất cứ cái gì, có thể đơn giản vượt lên những ý tưởng; người mà tin tưởng (vào T.Đ, chẳng hạn. ND)) thường bám víu vào sự tư duy, bởi vì niềm tin của y là một ý tưởng. Sự tin tưởng là thành phần của tâm trí – nếu bạn tin quá nhiều vào Thượng đế, bạn không thể rời khỏi tâm trí, bởi vì việc rời tâm trí, hiển nhiên, có nghĩa là rời bỏ sự tin tưởng của bạn. Người nào không thể tin tưởng, y ở trong một tình huống tốt hơn.

Và hãy nhớ, từ "meditate" (thiền định) trong tiếng Anh cho một hàm nghĩa sai. Khi chúng ta dùng từ "thiền định" (meditation), nó cho một cảm tưởng rằng, bạn đang thiền trên một cái gì đó. Bạn phải có đối tượng nào đó để mà thiền trên đó – và đó là vấn đề. Tại phương Đông, chúng ta có một từ khác, dhyana. Dhyana đơn giản có nghĩa là không có vấn đề tập trung trên một cái gì đó; đúng hơn, nó đang vứt bỏ mọi nội dung của tâm trí và chỉ là "là" (being). Thiền định trong nghĩa dhyana không cần đối tượng nào; nó là một trạng thái ý thức không đối tượng, không nội dung. Bạn tiếp tục vứt bỏ – neti, neti, không cái này cũng không cái kia – bạn tiếp tục vứt bỏ tất cả mọi tư tưởng, tốt và xấu. Khi tất cả mọi tư tưởng đã bị loại bỏ, cái gì còn lại? Đó là bạn, và đó là "Thượng đế tính."

Nhưng bạn gọi nó là cái gì, không quan trọng. Bạn có thể gọi nó là Thượng đế nếu cái từ đó hấp dẫn với bạn; nếu nó không hấp dẫn với bạn, bạn có thể gọi nó là niết bàn, bạn có thể gọi nó là Đạo, hay bất cứ cái gì. Nhưng đừng lo lắng về chuyện đó, rằng bạn không thể tin vào Thượng đế. Điều đó là tốt! Đây là cái cách tiếp cận, phương pháp (approach) của tôi: Nếu ai đó nói, "Tôi tin vào Thượng đế," "Tôi không tin vào Thượng đế," thì tôi nói, "Điều đó là tốt. Bây giờ chúng ta hãy khởi đi từ đó."

Bạn phải khởi đi từ cái điểm nơi mà bạn đang ở. Và tất cả mọi điểm đều tốt, bởi vì mọi điểm đều ở trên cái chu vi của đường tròn, và từ mọi điểm trên chu vi, đều có thể tới trung tâm. Do vậy, hãy di chuyển về phía trung tâm, đừng lo lắng về nơi bạn đang ở.

Một buổi chiều, Nasruddin [2] đang hớt tóc trong một tiệm hớt tóc. Ông ta chú ý đến một bảng giá trên bức tường của tiệm và trên bảng giá là, “Làm cháy sém – 5 Mỹ kim.” Ông hỏi người thợ cạo tại sao nó giá cao quá như vậy.

Người thợ cạo nói, “Mọi sợi tóc trên đầu bạn là một cái ống lõm nhỏ, mở ra ở hai đầu, cho nên năng lượng của cơ thể phần nào chảy máu ra từ nó. Sau khi bạn hớt tóc xong, thật là tốt, nếu có một chút cháy sém, bởi vì nó đóng lại cái lỗ ở cuối mỗi sợi tóc, và phong kín cái năng lượng. Nếu không, tóc và toàn bộ cơ thể sẽ trở nên ngày càng yếu đi mỗi lần bạn hớt tóc.”

“Bây giờ, hãy đợi một phút,” Nasruddin nói, “còn về những sợi lông trên cằm tôi thì sao? Tôi cạo nó mỗi ngày và cắt hai đầu, thế mà nó chỉ tiếp tục trở nên ngày càng dày hơn và mạnh hơn. Ông giải thích thế nào chuyện đó?”

“Dễ ợt !” người thợ cạo nói, “Bạn đơn giản không phải là cái gã mà câu chuyện này bịa ra để kể!”

Đây tất cả đều là những câu chuyện. Nếu nó hấp dẫn, tốt; nếu nó không hấp dẫn, rất tốt! Không cần phải tin; bạn không cần phải làm bất cứ gì về nó; đừng lãng phí thời gian của bạn với Thượng đế. Chỉ vì từ này mà quá nhiều người tiếp tục lãng phí thời gian. Ai đó đang cố chứng minh, ai đó đang cố bác bỏ, những luận án (treatise) “vĩ đại” đang được viết. Nhiều sách được viết về Thượng đế, nhiều bằng số lượng sách viết về mọi thứ khác gộp lại – hằng triệu cuốn sách, những thư viện đầy sách. Đừng lãng phí thời gian của bạn. Nếu bạn không tin, thì câu chuyện đó không dành cho bạn. Nhưng chúng ta có những câu chuyện khác nữa, cho nên, tại sao lại lo lắng? Dành cho những người không (tin) Thượng đế nữa, cũng có một con đường.

Và con đường của tôi là cho tất cả. Bất cứ ai đến đều được chấp nhận. Người Hindu, Hồi giáo, Kytô giáo, Jaina giáo, người Sikh, Phật giáo, người Parsee – bất cứ ai đến đều được chấp nhận. Tôi yêu mọi loại câu chuyện! Bất cứ sự khởi đầu nào đều tốt, nhưng hãy bắt đầu. Đừng cứ bị kẹt ở nơi mà bạn đang là; hãy di chuyển về phía trung tâm. Hãy thiền định, và cái đó sẽ đưa bạn về tới nhà. Và rồi bạn có thể gọi nó là bất cứ cái gì mà bạn muốn; việc bạn gọi nó là cái gì, cái đó không phải là việc của tôi. Bạn có thể gọi nó bằng bất cứ cái tên nào tùy ý bạn.

Có 112 phương pháp thiền định;[3] chúng đã được khám phá cách đây 10 ngàn năm. Tôi đã tạo ra một vài phương pháp mới cho con người hiện đại, bởi vì những phương pháp (truyền thống) đó được tạo ra cho một loại nhân loại hoàn toàn khác, cho những con người rất đơn giản. Con người hiện đại không đơn giản, y rất phức tạp. Những phương pháp (cổ xưa) đó là dành cho những người không bị đè nén, họ hồn nhiên. Trong 10 ngàn năm này, những tôn giáo đã làm cho mọi người trở thành bị ức chế. Về mặt tình dục, và trong những phương diện khác, chúng đã đưa đẩy con người chống lại bản chất của riêng hắn.

Do vậy, tôi đã tạo ra những phương pháp mới (mà) có tính thanh tẩy, để các bạn có thể ném ra ngoài tất cả những ức chế, tất cả rác rưởi ra khỏi "bản thể" (being) của bạn, và có thể trở nên sạch sẽ, hoàn toàn trống rỗng (tabula rasa). Do vậy, 112 phương pháp đó – bất cứ phương pháp nào hấp dẫn với bạn sẽ là đủ để chuyển hoá cái "bản thể" (being) của bạn.

Trong 60 phút mọi ngày, chỉ cần quên về thế giới. Hãy để cho thế giới biến đi khỏi bạn, và bạn biến đi khỏi thế giới. Hãy xoay người lại, một cái xoay người 180 độ, và chỉ nhìn vào bên trong. Ban đầu, bạn sẽ chỉ thấy những đám mây. Đừng lo lắng về chúng; những đám mây đó được tạo ra bởi những ức chế của bạn. Bạn sẽ gặp sự giận dữ, sân hận (thù ghét), tham lam, và mọi loại lỗ đen. Bạn đã đè nén

chúng, nên chúng ở đó. Và những cái mệnh danh là những tôn giáo của bạn đã dạy bạn đè nén chúng, nên chúng ở đó như những vết thương. Bạn đã và đang che giấu chúng.

Đó là lý do tại sao sự nhấn mạnh của tôi trước hết là vào sự thanh tẩy.[4] Trừ khi bạn trải qua một cuộc thanh tẩy lớn, bạn sẽ phải băng qua nhiều đám mây. Nó sẽ rất mệt mỏi, và có thể bạn sẽ quá mất kiên nhẫn đến mức bạn có thể quay trở lại thế gian. Và bạn sẽ nói, "Không có gì cả. Không có hoa sen và chút hương thơm nào, chỉ có mùi hôi hám và rác rưởi."

Bạn biết điều đó. Khi bạn nhắm mắt lại, và bạn bắt đầu di chuyển vào bên trong, bạn gặp cái gì? Bạn không gặp những vùng đất xinh đẹp mà chư Phật thường nói về. Bạn gặp những địa ngục, những thống khổ, bị đè nén ở đó, đang chờ đợi bạn. Sân hận của nhiều kiếp, tích lũy – tất cả là một mớ tùng phèo ở đó, nên người ta muốn lưu lại bên ngoài. Người ta muốn đi xem phim, tới câu lạc bộ, gặp người khác và tán gẫu. Người ta muốn bận bịu cho đến khi mệt và ngủ thiếp đi. Đó là cái cách mà bạn đang sống, đó là lối sống của bạn.

Do vậy, khi người ta bắt đầu nhìn vào trong, tự nhiên người ta hết sức bối rối. Các vị Phật nói rằng, có ân phước (benediction) lớn, hương thơm cao cả – bạn gặp hoa sen đang nở và hương thơm ngào ngạt, vĩnh cửu. Họ nói về cái thiên đường này, họ nói về cái vương quốc này của Thượng đế, ở bên trong bạn. Và khi bạn đi vào, bạn chỉ gặp địa ngục. Bạn không thấy những vùng đất Phật (tịnh độ), mà gặp những trại tập trung của Adolf Hitler. Đương nhiên, bạn bắt đầu nghĩ rằng, mọi thứ này chỉ là vớ vẩn, tốt hơn là cứ ở bên ngoài. Và tại sao lại cứ tiếp tục đùa chơi với những vết thương của bạn? Nó gây đau đớn, nữa, và mủ bắt đầu chảy ra từ những vết thương, và nó dơ bẩn.

Nhưng sự thanh tẩy là hữu ích. Nếu bạn thanh tẩy, nếu bạn trải qua những lần thiền định hỗn loạn (chaotic) – bạn ném tất cả những đám mây này ra ngoài, tất cả bóng tối này ra ngoài – rồi chánh niệm trở nên dễ dàng hơn. Đó là lý do tại sao trước hết tôi nhấn mạnh vào thiền "hỗn loạn" rồi mới đến thiền im lặng. Trước hết, thiền "năng động," sau đó, thiền "thụ động". Bạn có thể đi vào thiền thụ động chỉ khi nào mọi cái phế tạp (junk) ở đó bị ném ra ngoài. Sân hận được ném ra ngoài, tham lam được ném ra ngoài … lớp này trên lớp kia, những thứ này có mặt ở đó. Nhưng một khi bạn đã ném chúng ra ngoài, bạn có thể "lẻn vào trong" (slip in) dễ dàng. Không có cái gì ngăn trở bạn.

Và bỗng nhiên – ánh sáng chói lọi của Phật quốc. Bỗng nhiên bạn ở trong một thế giới hoàn toàn khác.

~~000~~

1972: TRẠI THIỀN

MT. ABU, RAJASTHAN, ẤN ĐỘ

Thiền định buổi sáng có 4 giai đoạn. Trong 10 phút đầu tiên, bạn phải thực tập thở nhanh. Bạn phải bước vào trong hiện hữu thông qua việc thở, bạn phải mang lại sinh lực và năng lượng cho hơi thở. Bạn phải đặt chính đời mình vào trong hơi thở – quá nhiều đến nỗi khi hơi thở đi ra, chính linh hồn bạn đi ra với nó, và khi hơi thở đi vào, toàn bộ hiện hữu đi vào, toàn bộ hiện hữu đến với nó. Bạn phải thở quá sâu, đến mức bạn quên mọi thứ khác, chỉ có việc thở còn lại – như thể chính bạn trở thành hơi thở.

Việc thở sâu trong 10 phút này sẽ đánh thức mọi năng lượng đang ngủ bên trong bạn. Nó sẽ khơi dậy và kích hoạt mọi năng lượng đó, mà bạn chưa bao giờ thậm chí chạm tới. Nhưng sự "dè sẻn"

(miserliness) sẽ không tốt. Đừng nghĩ theo cách này, " Mình sẽ thở chậm. Dù sao đi nữa, nếu không nhiều, thì ít ra một năng lượng nào đó sẽ thức dậy." Không, không chút nào cả – bởi vì quá trình thức tỉnh chỉ bắt đầu sau khi một giới hạn nhất định đã được đạt tới. Nó cũng giống như khi bạn đun nước; nhiệt độ lên tới 100 độ C, và rồi trở thành hơi nước. Đừng nghĩ rằng ở 30 độ nó sẽ trở thành hơi nước "tới mức nào đó" hay "một ít sẽ biến thành hơi nước." Không, toán học sẽ không dùng được ở đây. Nước biến thành hơi nước ở 100 độ. Đừng nghĩ rằng ở 50 độ, ít nhất một nửa trong số đó sẽ biến thành hơi, không – không chút nào sẽ biến thành hơi. Nó sẽ bắt đầu biến thành hơi ở 100 độ.

Và 100 độ đó là cái gì? Đối với nước, thì bất cứ nơi nào nó cũng giống nhau. Bạn đun nước bất cứ nơi nào, ở bất cứ xó xỉnh nào của thế giới, và nó biến thành hơi ở 100 độ. Bất luận nó là nước từ ao, sông, hay một vòi nước, hay nước mưa – bất luận từ đâu – nước không khăng khăng rằng, " Tôi đến từ giếng" hay từ sông, nó đơn giản biến thành hơi ở 100 độ.

Với con người, có một sự khó khăn, bởi vì hắn có một nhân cách, một tính cá nhân. Mỗi cá nhân "biến thành hơi" ở những nhiệt độ riêng, tùy từng cá nhân – hay, nói khác đi, 100 độ của mỗi người đều khác nhau. Con người cũng vậy, hắn chỉ "biến thành hơi" ở 100 độ, nhưng 100 độ của mọi người đều khác nhau. Do vậy, thật khó mà nói cho bạn biết, ở điểm nào thì bạn sẽ "biến thành hơi." Một điều thì chắc chắn: Bạn có thể phán đoán cái điểm 100 độ của riêng bạn. Cái tiêu chuẩn là, nếu bạn không tự kìm mình lại (withhold) chút nào, thì bạn ở "bay hơi" ở 100 độ – nếu bạn đặt cược chính mình một cách hoàn toàn vào trong nỗ lực của bạn, nếu bạn tuyệt đối chắc chắn rằng bạn không tự kìm mình lại chút nào. Và người khác không dính dáng gì tới nó – nó là cái điều của riêng bạn. Do vậy, những người khác có thể biết hay không biết về nó; có thể họ nghĩ rằng bạn chưa đạt tới điểm nút. Chỉ mình bạn là cần phải biết, rằng bạn không đang tự kìm mình lại (withhold), và bạn đang đặt mình một cách hoàn toàn

vào trong nó. Nếu bạn đang đặt chính mình một cách hoàn toàn vào trong nó, thì bạn "bay hơi" ở 100 độ. Rồi, không có gì phải lo lắng cả.

Điều này cũng có thể xảy ra: có thể người ngồi bên cạnh bạn (neighboor) bạn đang làm nỗ lực nào đó nhiều hơn bạn, thế nhưng có thể anh ta không đạt tới 100 độ của chính mình. Có thể anh ta vẫn còn giữ lại (withold) một cái gì đó của chính mình. Và cũng có thể, là một ai đó khác làm ít nỗ lực hơn bạn, nhưng lại đạt tới 100 độ – anh ta đã đặt chính mình một cách hoàn toàn vào đó. Do vậy, bạn không cần phải quan tâm về những người khác; bạn hãy sáng tỏ về chính mình, xem bạn có đặt cược chính mình một cách hoàn toàn hay không.

Thiền định là một canh bạc. Trong những canh bạc khác, bạn đặt cược một cái gì đó, còn trong thiền định, bạn đặt cược chính mình. Nó chắc chắn là hành vi dành cho một con bạc, chứ không phải dành cho một doanh nhân, bởi vì mối quan tâm của doanh nhân là làm sao có sự rủi ro ít nhất, cho dù những món lợi thì nhỏ bé. Mối quan tâm của một con bạc là, sao cho được lợi lớn, cho dù có nguy cơ mất hết. Đây là sự khác biệt giữa một con bạc và một doanh nhân.

Thiền định không phải là một "công trình" (undertaking) dành cho một doanh nhân chút nào. Thiền định là tuyệt đối dành cho một con bạc. Y đặt cược toàn bộ chính mình, bất kể cái gì.

Có một khác biệt : Trong canh bạc bên ngoài, có lẽ một lợi lộc hiếm khi xảy ra. Tôi nói "có lẽ" bởi vì cái ảo tưởng rằng nó sẽ xảy ra, mặc dù nó không xảy ra. Nó không bao giờ xảy ra. Trong canh bạc bên ngoài, thì cho dù thắng, nó chỉ là khởi đầu cho một thất bại lớn hơn. Cho dù ban đầu thắng, nó chỉ là một cám dỗ cho một trận thua lớn hơn. Do vậy, một con bạc không bao giờ thắng; bất luận y thắng bao nhiêu lần, y vẫn không phải là kẻ thắng, bởi vì sau cùng y chỉ thua.

Canh bạc bên trong thì ngược lại: Ngay cả một thất bại, nó cũng chỉ là một khởi đầu cho nhiều thắng lợi sẽ đến. Một hành giả không

bao giờ thua một cách tối hậu – y thua nhiều lần, nhưng cuối cùng y thắng. Đừng nghĩ rằng một Mahavira hay một Buddha thắng ngay ngày đầu tiên, rằng một Mohammed hay một Christ thắng ngay trong ngày đầu tiên. Họ bị thua xiểng liểng! Nhưng sau cùng, họ thắng.

Do vậy, hãy thở sâu trong 10 phút, với toàn bộ con người bạn dấn thân trong nó.

Rồi, sau 10 phút thở sâu, khi năng lượng của bạn được đánh thức, nó phải được ném ra ngoài – từ bất cứ lộ trình nào mà nó muốn đi ra. Cơ thể bạn có thể nhảy bật lên, nhảy về phía trước, nhảy múa, la hét, tạo ra những âm thanh, có vẻ như nó đã hoàn toàn phát điên; bạn không nên làm cho nó ngừng lại. Bạn phải để cho nó hoàn toàn buông thả tự do và hỗ trợ nó. Nếu cơ thể bạn muốn phát điên hoàn toàn, cứ để cho nó làm như vậy.

Tại sao? Bởi vì có vô số sự điên rồ được tích lũy bên trong bạn. Bạn phải để cho nó phát điên một cách hoàn toàn. Hoàn toàn điên, có nghĩa là, bạn không mang giữ nỗi sợ nào cả – "Mình đang làm cái gì vậy?" Hay "Mình là bác sĩ, thế mà mình lại đang nhảy nhót và nhảy lò cò (hopping) ! Mình làm gì vậy? Cái gì sẽ xảy ra, nếu một bệnh nhân nào đó của mình thấy mình!"

Một bác sĩ vẫn cứ sợ bệnh nhân của mình, một giáo viên cứ sợ học trò mình, một chủ tiệm vẫn cứ sợ khách hàng của mình. Bất luận bạn sợ ai, phát điên có nghĩa là, bạn vứt bỏ mỗi trong số những nỗi sợ đó – bất luận nỗi sợ có quan hệ tới ai. Người chồng sợ người vợ, và người vợ sợ người chồng. Người cha sợ con trai, và con trai sợ cha mình – bất cứ nỗi sợ nào mà bạn có thể có, phát điên có nghĩa là, "Bây giờ, mình vứt bỏ mọi nỗi sợ." Không sợ hãi, bạn sẽ phải để cho bất cứ cái gì muốn xảy ra, cứ việc xảy ra.

Chúng ta tích lũy sự điên rồ ngày này qua ngày nọ. Nó như thể là có rác rưởi trong nhà và bạn cứ mãi giấu nó trong một xó. Việc này

sẽ làm cho toàn bộ ngôi nhà dơ bẩn! Một ngày nào đó, ngôi nhà bắt đầu bốc mùi hôi. Một ngày nào đó, tình huống sẽ đi tới chỗ, ngoài rác rưởi ra, trong nhà không còn có gì khác. Như chúng ta đang là bây giờ, đây là cái mà chúng ta làm với chính mình. Bất cứ rác rưởi nào đang tồn tại trong tâm trí, ta tiếp tục tích lũy nó. Bất luận nó là sự giận dữ, sự bất lương, hay sự thù ghét – ta tiếp tục chất đống bất cứ cái gì.

Chầm chậm, chầm chậm, sự tích lũy này trở nên quá lớn, đến nỗi suốt đời, ta chỉ bận rộn với việc làm thế nào để quản lý nó, nếu không nó sẽ tràn ra, nếu không nó sẽ rớt ra, bị phô bày – và ai đó sẽ thấy nó. Rồi chúng ta trở nên quá sợ hãi nó, đến nỗi chúng ta hoàn toàn ngừng nhìn vào bên trong chính mình. Bởi vì nỗi sợ đã trở nên quá lớn, và có quá nhiều rác rưởi. Chúng ta sợ rằng nó sẽ bị phơi bày.

Chỉ những ai sẵn sàng ném ra ngoài tất cả mọi rác rưởi này, mới có thể bước vào thiền định. Khi nó được ném ra ngoài, mọi sự trở nên nhẹ nhàng trong bạn. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn thanh tẩy, ném mọi thứ ra ngoài để cho một sự sạch sẽ "đáp xuống" (descend) bên trong. Nếu bạn không thu hết can đảm mà làm, bạn sẽ không thể ném mọi thứ ra ngoài. Nhưng một khi bạn có thể làm thế, bạn sẽ là một người hoàn toàn khác. Giai đoạn hai là giai đoạn của việc phát điên hoàn toàn.

Giai đoạn ba là giai đoạn tạo ra âm thanh "hoo." Bạn phải phát ra âm thanh "hoo" trong khi liên tục nhảy lên nhảy xuống trong 10 phút. Âm thanh "hoo" giống như một cái búa – bạn phải búa với nó. Trong cơ thể bạn, có một năng lượng cư ngụ ngay gần trung tâm sex của bạn và yoga gọi nó là kundalini – hay người ta có thể gọi nó bất cứ tên nào người ta muốn; những nhà khoa học bây giờ gọi nó là "sinh điện" (bioelectricity). Nó được ẩn giấu ở đó, và nếu một âm thanh sâu và mạnh của "hoo" được phát ra, thì cái năng lượng ngủ ngầm đó, cái năng lượng đang ngủ đó được kích hoạt. Những hiền nhân cổ xưa đã dùng cái sự ví von này: con rắn ngồi cuộn tròn lên – và khi

nó bị chạm vào, nó nhấc mình lên (rise) với miếng da trùm đầu (hood) mở ra, và cái khúc cuộn biến đi. Nếu một con rắn được đánh thức đủ, nó gần như đứng trên cái đuôi của nó. Y hệt như vậy, năng lượng này đang ngủ ngầm bên trong ta. Nếu nó bị đánh, nó khởi sự nhấc đầu lên.

Nhưng việc "đánh" này chỉ nên được làm khi bạn đã có cơ hội để ném ra ngoài sự điên rồ của bạn từ bên trong. Nếu không, nếu nó nhấc đầu lên giữa tất cả cái điên rồ của bạn, thì bạn thực sự phát điên. Do vậy, nhiều lần nhiều kẻ tìm kiếm (seeker) đã phát điên. Lý do là họ khởi sự đánh thức kundalini của họ mà không làm sạch (mình) một cách triệt để. Họ phát điên, là bởi vì họ không có một thái độ khoa học. Trước hết, phải thanh tẩy, làm sạch.

Do vậy, hai giai đoạn đầu là để thanh tẩy bạn một cách triệt để. Giai đoạn thứ nhất là để khơi dậy tất cả những năng lượng bên trong bạn, giai đoạn hai là để ném ra ngoài tất cả những thứ mà xung đột với những năng lượng được khơi dậy. Rồi giai đoạn thứ ba, là để đánh thức cái kundalini đang nằm ngủ bên dưới.

Do vậy, trong 10 phút, bạn phải dùng âm thanh "hoo" với cường độ cao nhất. Và rồi, trong giai đoạn bốn, bạn phải nằm xuống giống như một tử thi, như thể bạn không có mặt ở đó chút nào – hoàn toàn yên lặng. Bạn phải để cho cơ thể bạn thư giãn hoàn toàn, y như thể bạn đã chết. Với hai mắt nhắm, bạn phải ở trong tư thế chờ đợi, lặng lẽ bên trong. Nhiều cái sẽ xảy ra. Trong sự chờ đợi nội tại đó, nhiều cái sẽ xảy ra.[5]

Tôi hiểu rằng, chẳng sớm thì muộn, phương pháp thiền này, mà tôi đang trao cho bạn, sẽ là một liệu pháp có ý nghĩa lớn, và nó sẽ trở thành một cách chữa trị những người mắc bệnh tâm thần, và hồi phục sức khỏe cho họ. Và nếu mọi đứa trẻ trong trường đều có thể trải qua phương pháp thiền này, thì nó sẽ được cứu thoát khỏi chứng điên suốt đời mình. Nó sẽ không bao giờ phát điên; nó sẽ

được miễn dịch khỏi bệnh này, bởi vì lúc ấy nó sẽ là chủ nhân của riêng mình, chủ nhân của thể xác và tâm trí mình.

Khi một người thiền định, y rũ bỏ mọi sự bất an. Sự suy nghĩ của y ngừng lại, những cử động cơ thể y ngừng lại; y trở thành giống như một bức tượng cẩm thạch … hoàn toàn bất động. Trong khoảnh khắc đó, y là một hồ năng lượng. Y vô cùng hùng mạnh. Nếu bạn thấy ai đó đang thiền định, ngồi kề bên anh ta bạn sẽ được lợi lạc. Ngồi bên cạnh ai đó đang ở trong một trạng thái thiền, bạn cũng sẽ di chuyển vào trong thiền định. Năng lượng của anh ta sẽ kéo bạn ra khỏi mớ hỗn độn của bạn. Thiền định không là gì khác hơn sự nghỉ ngơi tuyệt đối.

Làm thế nào bạn đạt tới sự nghỉ ngơi tuyệt đối, việc ấy tùy thuộc vào nhiều điều. Có một ngàn lẻ một phương pháp để tạo ra sự nghỉ ngơi đó. Những phương pháp của riêng tôi là, trước tiên tôi muốn bạn trở nên càng bất an càng tốt, để cho không có gì treo lủng lẳng bên trong bạn; sự bất an đã được ném ra ngoài – rồi, di chuyển vào trong sự nghỉ ngơi. Và sẽ không có sự rối loạn, nó dễ dàng hơn.

Trong thời của Đức Phật, những phương pháp năng động như thế không được cần đến. Con người đơn giản hơn, chính thực (authenti) hơn. Họ sống một cuộc sống thực hơn. Bây giờ người ta đang sống một cuộc sống rất bị ức chế, rất không thực. Khi họ không muốn mỉm cười, họ mỉm cười. Khi họ muốn giận, họ bày tỏ sự từ bi. Con người trở nên giả dối, và toàn bộ khuôn mẫu sống đều giả dối. Toàn bộ nền văn hoá giống như một sự giả dối lớn. Người ta chỉ đang đóng kịch, chứ không phải sống. Nhiều cái bị để treo lủng lẳng, nhiều kinh nghiệm không hoàn chỉnh tiếp tục được thu thập, được chất đống, bên trong tâm trí họ.

Do vậy, chỉ ngồi một cách trực tiếp trong im lặng sẽ không giúp được gì. Cái khoảnh khắc mà bạn ngồi im lặng, bạn sẽ thấy đủ thứ "tạp pí lù" đang di chuyển bên trong bạn. Bạn sẽ cảm thấy hầu như

không thể nào im lặng được. Trước hết, hãy ném đi những cái đó, để đạt tới một trạng thái nghỉ ngơi tự nhiên. Nhưng thiền định thực thụ chỉ bắt đầu khi bạn ở trong sự nghỉ ngơi.

Tất cả những loại thiền năng động đều chỉ là chuẩn bị cho thiền thực thụ. Chúng chỉ là những đòi hỏi cơ bản cần phải được chu toàn để cho thiền định có thể xảy ra. Đừng xem chúng như là thiền định; chúng chỉ là sự dẫn nhập, chỉ là một lời tựa. Thiền thực thụ chỉ bắt đầu khi mọi hoạt động (activity) đã ngừng lại – hoạt động của cơ thể và hoạt động của tâm trí.

Thiền định không phải là "thiền trên" một cái gì đó, mà chỉ là "là" chính mình – không di chuyển khỏi trung tâm, không có sự di chuyển nào cả … chỉ là chính mình một cách toàn bộ, quá toàn bộ đến mức không có thậm chí một ánh lập loè (flickering) nào … Ngọn lửa bên trong vẫn cứ bất động. "Cái khác" (the other) đã biến đi; chỉ mình bạn có mặt. Không có một tư tưởng riêng lẻ nào ở đó. Toàn bộ thế giới đã biến đi. Tâm trí không còn ở đó; chỉ mình bạn có mặt, trong sự thuần khiết tuyệt đối của bạn.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Nếu đọc kỹ chương này, ta có thể biết Osho muốn "hiện đại hóa" những cách hành thiền như thế nào, và thiền định của thế kỷ 21, theo ông, sẽ có NHỮNG NÉT "MỚI" GÌ, so với các thế kỷ đã qua.

[2] Một nhân vật thông minh, lém lĩnh - hơi giống Trạng Quỳnh của Việt Nam

[3] Osho đã đưa ra những hướng dẫn chi tiết cho những phương pháp này trong cuốn The Book of Secrets (Chú thích của St. Martin' s Press).

[4] Bạn đọc cần lưu ý: sự "thanh tẩy" của Osho khác xa với sự "thanh tẩy" truyền thống. Osho là con người "hiện đại", nên ông muốn

vận dụng những cái từ tâm lý học phương Tây – nhất là phân tâm học. “Thiền Năng Động” (Thiền Động) mà ông phát triển sau này, chủ yếu dựa trên nguyên tắc về sự “thanh tẩy” này. Theo nghĩa nào đó, thì “Thiền Động” phần nào có tính “cách mạng” rõ rệt. Ông bị “phản đối” rất nhiều vì cái “Thiền Động” này. Nhưng, xét như là một “thử nghiệm”, thì hình như với loại thiền này, Osho có những “hạt nhân hợp lý.” Hiển nhiên, nó phải được hướng dẫn bởi một bậc chân sư đắc đạo, cho hàng đệ tử có “thượng căn.”

[5] Qua thời gian, Osho đã thay đổi giai đoạn bốn của Thiền Động, trở thành một sự “ngừng” đột ngột, chứ không phải nằm xuống, và thêm vào giai đoạn 5 phút, gồm có nhảy múa và “lễ hội” (celebration) ở cuối. Thiền Động phải được thực hiện vào buổi sáng, và Osho thiết kế một loại Thiền Kundalini, được thực hiện vào chiều tối. Hai kỹ thuật này, và một số những thiền năng động khác, đã được triển khai, kèm theo với âm nhạc, được soạn để hỗ trợ mỗi trong số những quá trình. Tất cả những cái này, với thêm nhiều phương pháp thiền định, đều được mô tả một cách chi tiết trong một cuốn sách khác của Osho, “ Thiền định: Tự do đầu tiên và cuối cùng. (Chú thích của St. Martin’ s Press).

PHẦN III: CHƯƠNG XVIII

TÂM LÝ HỌC THỨ BA:
TÂM LÝ HỌC CỦA CHƯ PHẬT

Tại công xã, tôi có hằng trăm "trường phái" (school) tâm liệu pháp đang làm việc, nhưng tôi đang làm việc để hủy bỏ mọi liệu pháp. Những nhà liệu pháp đang làm việc để tiêu diệt những vấn đề của bạn, và tôi đang cố tiêu diệt những liệu pháp và những nhà liệu pháp! – bởi vì một liệu pháp chỉ có thể là một sự giảm đau (relief) tạm thời, và nhà liệu pháp chỉ giúp ích rất hời hợt.

Sigmund Freund đưa phân tâm học vào thế giới. Nó có gốc rễ trong việc phân tích tâm trí. Nó bị giới hạn vào tâm trí. Nó không bước ra khỏi tâm trí, không, dù chỉ một phân. Trái lại, nó càng đi sâu hơn vào trong tâm trí, vào trong những tầng bị ẩn giấu của tâm trí, vào trong vô thức, để phát hiện ra những cách thức và phương tiện để cho tâm trí của con người có thể ít ra được bình thường.

Mục tiêu của phân tâm học Freud không lớn lắm.[1] Mục tiêu đó là giữ cho con người được bình thường. Nhưng chỉ bình thường thôi, là không đủ. Chỉ là bình thường thôi thì không có ý nghĩa gì; nó chỉ có nghĩa là "thích nghi" được với cái lề thói bình thường của cuộc sống và có năng lực đương đầu với nó. Nó không cho bạn ý nghĩa, nó không cho bạn "nghĩa lý" (significance). Nó không cho bạn "thị kiến" (insight) sâu vào trong thực tại của sự vật. Nó không đưa bạn vượt lên thời gian, vượt qua cái chết. Tối đa, nó là một công cụ hữu ích cho những ai mà đã trở nên quá bất bình thường đến nỗi họ đã không còn có khả năng đương đầu với cuộc sống hằng ngày – họ không thể sống với người khác, họ không thể làm việc, họ đã trở nên vỡ vụn. Tâm liệu pháp cung cấp cho họ một "sự ở cùng nhau" (togetherness) nào đó – không phải là tính toàn vẹn (integrity), bạn

nên lưu ý, nhưng chỉ là một "sự ở cùng nhau" nào đó. Nó gói họ lại thành một gói. Họ vẫn cứ bị phân mảnh; không có gì trở nên được kết tinh trong họ, không có linh hồn nào được sinh ra. Họ không trở nên phúc lạc, họ chỉ bớt đau khổ, bớt khốn khổ.

Tâm lý học giúp họ chấp nhận khổ đau. Nó giúp họ chấp nhận rằng, đây là tất cả những gì mà cuộc đời có thể cho bạn, cho nên đừng đòi hỏi nhiều hơn. Trên một phương diện, nó nguy hiểm cho sự phát triển nội tại của họ – bởi vì sự phát triển nội tại chỉ xảy ra khi có một sự bất mãn "thần thánh" (divine). Khi bạn tuyệt đối bất mãn với những sự việc như chúng là, chỉ khi đó bạn mới đi tìm kiếm; chỉ lúc đó bạn mới khởi sự vươn cao hơn, chỉ khi đó bạn mới làm những nỗ lực để tự kéo mình ra khỏi bùn lầy.

Jung đi xa hơn một chút, vào trong vô thức; ông đi vào trong vô thức tập thể. Đây là ngày càng đi sâu hơn vào trong nước bùn, và cái này sẽ không giúp ích. Assagioli đi sang cực đoan khác. Thấy được sự thất bại của phân tâm học, ông phát minh ra tâm lý học tổng hợp. Nhưng nó có gốc rễ trong cùng một ý tưởng. Thay vì phân tích, ông nhấn mạnh sự tổng hợp.

Tâm lý học của chư phật thì không phân tích cũng không tổng hợp; nó siêu việt, nó là sự đi vượt quá tâm trí. Nó không phải là sự làm việc bên trong tâm trí, nó là công việc đưa bạn ra bên ngoài tâm trí. Đó chính xác là nghĩa của từ tiếng Anh "ecstasy" [2] – đứng ra ngoài.

Khi bạn có khả năng đứng ra ngoài tâm trí bạn, khi bạn có khả năng tạo ra một khoảng cách giữa tâm trí bạn và "bản thể" (being) bạn, thì bạn đã đi bước đầu tiên của tâm lý học chư phật. Và một phép mầu xảy ra: khi bạn đang đứng ra ngoài tâm trí, tất cả những vấn đề của tâm trí biến mất bởi vì tâm trí chính nó biến mất; nó đánh mất sự "kiềm tỏa" (grip) của nó trên bạn.

Phân tâm học thì giống như tỉa lá của cây, nhưng những lá mới sẽ mọc ra. Đó không phải là việc chặt đứt rễ. Tâm lý học tổng hợp là dán những lá rụng vào lại trong cây – dán nó lại vào cây. Cái đó cũng sẽ không cho chúng sự sống. Chúng sẽ chỉ nom có vẻ xấu xí; chúng sẽ không sống, chúng sẽ không tươi xanh, chúng sẽ không là thành phần của cây, mà chỉ được dán vào một cách nào đó.

Tâm lý học của chư Phật thì chặt đứt rễ của cây, là cái tạo ra mọi loại bệnh loạn thần kinh (nerosis, psychose), tạo ra con người phân mảnh, con người robot.

Phân tâm học phải mất nhiều năm, và con người vẫn giữ nguyên như cũ. Nó là sự cách tân cái cấu trúc cũ, vá chỗ này chỗ kia, quét vôi cái ngôi nhà cũ. Nhưng nó vẫn là cái nhà đó, không có cái gì thay đổi một cách nền tảng. Nó không chuyển hoá ý thức của con người.

Tâm lý học chư Phật không làm cái công việc bên trong tâm trí. Nó không quan tâm chút nào đến việc phân tích và tổng hợp. Nó đơn giản giúp bạn ra khỏi tâm trí, để cho bạn có thể có một cái nhìn từ bên ngoài. Và chính cái nhìn đó là sự chuyển hoá. Cái khoảnh khắc bạn nhìn vào tâm trí bạn như là một đối tượng, bạn trở thành tách rời ra (detached) khỏi nó, bạn không còn bị đồng hoá với nó; một khoảng cách được tạo ra, và những cái rễ được cắt đi.

Những cái rễ được cắt như thế nào trong cách này? – bởi vì chính bạn là người tiếp tục cảm nhận tâm trí. Nếu bạn bị đồng hoá, thì bạn nuôi dưỡng tâm trí; nếu bạn không bị đồng hoá, bạn ngừng nuôi dưỡng nó. Nó tự mình chết đi.

Sau đây là một câu chuyện đẹp. Tôi rất yêu nó…

Một hôm Đức Phật đang băng qua một khu rừng. Đó là một ngày mùa hè nóng nực, và Ngài đang cảm thấy rất khát nước. Ngài nói với Ananda, thị giả của ngài, “Ananda, con hãy quay lại phía sau. Chỉ ba

hay bốn dặm, chúng ta đã băng qua một suối nước. Con hãy đi lấy một ít nước - cầm lấy bình bát của ta. Ta đang cảm thấy rất khát." Ngài đã già đi.

Ananda quay trở lại, nhưng vào lúc ông đến dòng suối, một vài cái xe bò đã băng qua nó, làm cho toàn bộ dòng suối đục ngầu. Những cái lá chết rơi xuống lòng suối, đã nổi lên; nước không còn uống được nữa – nó quá dơ bẩn. Ông trở lại, tay không, và nói, " Thế tôn sẽ phải đợi một chút. Con sẽ đi về phía trước. Con đã nghe nói rằng, chỉ hai, ba dặm đằng trước, có một con sông lớn. Con sẽ lấy nước từ đó."

Nhưng Đức Phật cương quyết. Ngài nói, " Hãy quay trở lại và lấy nước từ dòng suối đó."

Ananda không thể hiểu cái sự cương quyết này, nhưng thầy đã nói vậy, thì đệ tử phải vâng lời. Thấy sự vô lý của nó – rằng một lần nữa ông sẽ phải đi bộ ba, bốn dặm, và ông biết rằng nước đó không thể uống được – nhưng ông vẫn phải đi. Trong khi ông sắp đi, Đức Phật nói, "Và đừng trở lại nếu nước vẫn dơ. Nếu nó dơ, con chỉ đơn giản ngồi im lặng chờ trên bờ. Đừng làm gì cả, đừng bước vào dòng suối. Hãy ngồi im lặng trên bờ và quan sát. Không sớm thì muộn, nước sẽ trong trở lại. Con chỉ việc đổ nước đầy bình bát rồi trở về."

Ananda đi đến đó. Đức Phật nói đúng: nước gần như trong, những chiếc lá đã trôi đi, bụi đã lắng xuống. Nhưng nó chưa hoàn toàn trong, cho nên ông ngồi trên bờ, chỉ quan sát dòng suối chảy qua. Chầm chậm, chầm chậm, nó trở nên trong vắt. Rồi ông trở lại, nhảy múa. Rồi ông hiểu tại sao Đức Phật lại quá cương quyết như vậy. Có một thông điệp nào đó trong nó cho ông, và ông hiểu cái thông điệp đó. Ông trao nước cho Đức Phật, và cám ơn Đức Phật, sờ vào hai chân Ngài.

Đức Phật nói, "Con đang làm gì vậy? Ta nên cám ơn con đã mang nước về cho ta thì đúng hơn."

Ananda nói, “Bây giờ con có thể hiểu. Ban đầu, con tức giận; con không biểu lộ ra, nhưng con tức giận bởi vì quay lại là vô lý. Nhưng bây giờ con hiểu cái thông điệp đó. Đây là cái mà con đang cần vào khoảnh khắc này. Với tâm trí con, cũng tương tự – ngồi trên bờ dòng suối nhỏ đó, con trở nên nhận biết rằng, với tâm trí con, cũng như vậy. Nếu con nhảy vào dòng suối, con sẽ làm cho nó dơ bẩn trở lại. Nếu con nhảy vào tâm trí, thêm nhiều tiếng ồn sẽ được tạo ra, thêm nhiều vấn đề bắt đầu nổi lên bề mặt. Ngồi trên bờ, con đã học được cái kỹ thuật đó.

“Bây giờ con cũng sẽ ngồi bên bờ của tâm trí con, quan sát nó với tất cả sự dơ bẩn của nó, những vấn đề và những chiếc lá, những vết thương cũ của mình, những kỷ niệm, những dục vọng của mình. Một cách vô tư (unconcerned), con sẽ ngồi trên bờ và đợi chờ cái khoảnh khắc khi mọi sự trở nên trong trẻo.” [3]

Và nó tự mình xảy ra, bởi vì cái khoảnh khắc bạn ngồi trên bờ của tâm trí bạn, bạn không còn cung cấp năng lượng cho nó. Đây là thiền định thực thụ. Thiền định là nghệ thuật của sự siêu việt.

Freud nói về sự phân tích (tâm lý), Assagioli nói về sự tổng hợp. Đức Phật vẫn luôn luôn nói về thiền định, về sự “nhận biết” (awareness).

Thiền định, sự nhận biết, sự “tỉnh giác” (watchfulness), sự chứng kiến – đó là sự độc đáo của tâm lý học thứ ba. Không cần đến nhà phân tâm học nào. Bạn có thể tự mình làm nó – thực ra, bạn phải tự mình làm nó. Không cần “đường lối” (guideline) nào, nó là một quá trình cực kỳ đơn giản – đơn giản nếu bạn làm nó. Nếu bạn không làm nó, nó có vẻ như rất phức tạp. Ngay cả từ “thiền định” làm nhiều người khiếp sợ. Họ nghĩ nó là một cái gì đó rất khó khăn, gay go. Vâng, nếu bạn không làm nó, thì nó khó khăn và gay go. Nó giống như việc bơi. Nó khó khăn nếu bạn không biết bơi. Nhưng nếu bạn biết bơi, bạn biết rằng nó là một quá trình đơn giản. Không có gì đơn

giản hơn là bơi lội. Nó chẳng phải là một nghệ thuật chút nào; nó quá tự phát (spontaneous) và tự nhiên.

Hãy nhận biết nhiều hơn về tâm trí bạn. Và khi nhận biết về tâm trí bạn, bạn sẽ trở nên ý thức sự kiện rằng, bạn không phải là tâm trí, và cái đó là sự khởi đầu của cuộc cách mạng. Bạn bắt đầu chảy (flow) [4] mỗi lúc một cao hơn. Bạn không còn bị buộc chặt vào tâm trí. Tâm trí vận hành giống như một tảng đá và kéo bạn xuống. Nó giữ bạn lại bên trong trường trọng lực. Cái khoảnh khắc bạn không còn bị trói buộc vào tâm trí, bạn bước vào Phật trường. Khi trọng lực mất quyền lực trên bạn, bạn bước vào Phật trường. Bước vào Phật trường có nghĩa là bước vào thế giới của "sự bay bổng" (levitation). Bạn khởi sự bay lên. Tâm trí tiếp tục kéo bạn về phía dưới.

Cho nên, nó không phải là vấn đề phân tích hay tổng hợp. Nó đơn thuần là vấn đề trở nên nhận biết. Đó là lý do tại sao tại phương Đông chúng ta đã không phát triển một tâm liệu pháp nào giống như tâm liệu pháp của Jung, Freud, Adler – và bây giờ trên thị trường có quá nhiều tâm liệu pháp. Chúng ta đã không phát triển một tâm liệu pháp đơn lẻ nào, bởi vì chúng ta biết những tâm liệu pháp không thể chữa lành bệnh. Chúng có thể giúp bạn chấp nhận những vết thương của bạn, nhưng chúng không thể chữa lành. Sự hồi phục đến, khi bạn không còn bị ràng buộc vào tâm trí. Khi chúng ta được tách ra khỏi tâm trí, không bị đồng hoá, tuyệt đối không bị ràng buộc, khi sự trói buộc (bondage) kết thúc, thì sự hồi phục xảy ra.

Sự siêu việt là liệu pháp thực thụ, và nó không chỉ là tâm liệu pháp. Nó không phải chỉ là một hiện tượng bị giới hạn vào tâm lý học của bạn, nó còn hơn thế rất nhiều. Nó là tâm linh. Nó chữa lành bạn ngay trong bản thể của bạn. Tâm trí chỉ là cái chu vi của bạn, không phải là trung tâm của bạn.

Có hai kiểu phương pháp để tăng trưởng (tâm linh). Bạn có thể theo đuổi sự phát triển tâm linh của bạn một mình, hay bạn có thể

làm việc thông qua một nhóm, thông qua một trường phái (school). Cả hai kiểu đã từng luôn tồn tại ở phương Đông. Những phương pháp Sufi là theo nhóm. Tại Ấn độ cũng vậy, "phương pháp nhóm" đã tồn tại, nhưng chúng không bao giờ quá thịnh hành như trong phái Sufi.

Nhưng phương Tây hoàn toàn được định hướng theo phương pháp nhóm. Chưa bao giờ trước đây, đã có nhiều phương pháp nhóm như vậy, và có quá nhiều người đang làm việc thông qua chúng, như đang tồn tại ở phương Tây hiện nay. Do vậy, trên một phương diện, chúng ta có thể nói rằng, phương Đông đã nhấn mạnh những nỗ lực cá nhân và lưu lại với chúng, và phương Tây đã di chuyển nhiều hơn về phía phương pháp nhóm. Tại sao như vậy, và đâu là sự khác biệt? Và tại sao có sự khác biệt này?

Những phương pháp nhóm chỉ có thể tồn tại nếu cái ego (tự ngã) của bạn đã đến một điểm nơi mà việc mang giữ nó là một gánh nặng. Khi cái ego đã trở nên quá nặng nề đến nỗi ở một mình thì đau đớn, rồi thì những phương pháp nhóm trở nên có ý nghĩa – bởi vì trong một nhóm, bạn có thể giải tan cái ego của bạn.

Nếu cái ego chưa được tiến hoá nhiều lắm, thì những phương pháp cá nhân có thể giúp bạn. Bạn có thể lên núi, bạn có thể sống cô lập, hay thậm chí sống trong một ashram với một đạo sư, bạn cũng có thể làm việc một mình: bạn thực hành thiền định của bạn, những người khác thực hành thiền định của họ. Bạn không bao giờ làm việc cùng với người khác.

Tại Ấn độ, những người Hindu giáo không bao giờ cầu nguyện trong nhóm. Chỉ với Hồi giáo, sự cầu nguyện trong nhóm mới đi vào Ấn độ. Những người Hồi giáo cầu nguyện trong nhóm. Những người Hindu giáo luôn cầu nguyện một mình; cho dù họ đi tới đền thờ, họ thường đi một mình. Đó là một quan hệ một - một – bạn và Thượng đế của bạn.

Điều này là có thể được nếu cái ego chưa được trợ giúp để phát triển tới một điểm nơi mà nó đã trở thành một gánh nặng. Tại Ấn độ, nó chưa bao giờ được trợ giúp để phát triển – ngay từ đầu, chúng ta đã chống lại cái ego. Do vậy, bạn có đôi chút phát triển cái ego, nhưng cái ego vẫn còn mờ nhạt; bạn vẫn cứ khiêm cung (humble), bạn không thực sự là một egoist (kẻ vị kỷ). Nó không phải là một đỉnh cao (peak) trong bạn, nó là mặt đất bằng. Bạn là egoist, bởi vì mọi người phải là thế, nhưng không tuyệt đối egoist. Bạn luôn nghĩ rằng, nó là sai trái, và bạn tiếp tục tự kéo mình xuống. Trong những tình huống nhất định, bạn có thể bị khiêu khích, và cái ego của bạn nhô lên thành một chóp đỉnh – nhưng bình thường nó không phải là một cái chóp đỉnh, nó là mặt đất bằng.

Tại Ấn độ, cái ego thì giống y như sự giận dữ – nếu ai đó chọc tức bạn, bạn trở nên giận dữ; nếu không ai chọc tức bạn, bạn không giận dữ. Tại phương Tây, cái ego đã trở thành một vật cố hữu (fixture). Nó không giống như sự giận dữ, bây giờ nó giống như hơi thở. Không cần phải khơi dậy nó – nó ở sẵn đó, nó là một hiện tượng thường trực.

Bởi vì cái ego này, nhóm trở nên một điều hữu ích. Trong nhóm, làm việc với một nhóm, hòa mình với nhóm, bạn có thể dễ dàng đặt cái ego của bạn sang một bên. Đó là lý do tại sao không chỉ trong lãnh vực tâm linh, mà cả trong chính trị, một ít hiện tượng chỉ có thể tồn tại ở phương Tây: chủ nghĩa Phát xít có thể tồn tại, chẳng hạn, có thể trở nên khả dĩ tại Đức, là nước egoist nhất ở phương Tây. Không có gì có thể so sánh được với cái ego Đức quốc, bất cứ nơi nào khác trên thế giới. Đó là lý do tại sao, Hitler có thể trở nên khả dĩ; bởi vì mọi người đều quá egoist, mọi người đều có nhu cầu hòa nhập.

Những cuộc mít-tinh lớn (rallies) của Đức Quốc xã, hằng triệu người đi diễu hành – bạn có thể đánh mất chính mình, chính bạn

không cần phải ở đó. Bạn trở thành cuộc diễu hành, ban nhạc tấu lên, âm nhạc, tiếng động, "Hitler thôi miên", một nhân vật có sức hút mạnh mẽ (charismatic) … Mọi người đang nhìn Hitler, toàn bộ khối người (the mass) xung quanh bạn như một đại dương, bạn trở nên chỉ là một con sóng. Bạn cảm thấy dễ chịu, bạn cảm thấy tươi mát, bạn cảm thấy trẻ trung, bạn cảm thấy hạnh phúc. Bạn quên đi nỗi khổ sở, nỗi thống khổ, nỗi cô đơn của bạn, sự vong thân của bạn. Bạn không cô độc. Một khối người lớn như thế đang ở với bạn, và bạn ở với nó. Những nỗi lo lắng cá nhân, riêng tư của bạn rơi rụng. Bỗng nhiên, có một khỏang hở (opening) – bạn cảm thấy nhẹ nhàng, như thể là bạn đang bay.

Hitler đã trở nên thành công không phải bởi vì ông ta đã có một triết lý có ý nghĩa cho lắm – triết lý của ông ta là vớ vẩn; nó trẻ con, chưa chín. Không phải bởi vì ông ta đã có thể thuyết phục nhân dân Đức rằng ông ta đúng – đó không phải là điểm then chốt. Thật rất khó mà thuyết phục nhân dân Đức, một trong những điều khó khăn nhất, [5] bởi vì họ là những nhà logic học. Họ có logic trong tâm trí họ, hợp lý tính trên mọi phương diện. Thật khó mà thuyết phục họ, và việc bị Hitler thuyết phục có lẽ là bất khả. Không, ông không bao giờ cố thuyết phục họ. Ông tạo ra một hiện tượng nhóm có tính thôi miên. Và chính cái đó đã thuyết phục họ.

Vấn đề không phải là Hitler đã nói cái gì; vấn đề là, họ đang cảm thấy gì khi họ đang ở trong nhóm, trong "đám đông quần chúng" (the mass). Đó là một kinh nghiệm quá thoải mái – như trút gánh nặng – đến nỗi đi theo người đàn ông này thật là "đáng đồng tiền bát gạo." Bất luận ông ta đang nói gì – đúng hay sai, logic hay phi logic, ngốc nghếch – việc đi theo ông ta gây cảm giác thoải mái. Họ quá mệt mỏi với chính mình, họ muốn được thẩm thấu vào đám đông quần chúng. Đó là lý do tại sao chủ nghĩa Phát xít, Quốc xã, và mọi kiểu điên tập thể trở thành khả dĩ tại phương Tây.

Tại phương Đông, chỉ có Nhật bản có thể làm theo, bởi vì Nhật bản là "cái tương ứng" (counterpart) của Đức quốc tại phương Đông.

Nhật bản là đất nước “Tây phương” nhất tại phương Đông. Hiện tượng tương tự tồn tại ở đó, cho nên Nhật bản có thể trở thành một đồng minh với sự điên rồ kiểu Hitler.

Cái tương tự đang xảy ra trong những lãnh vực khác nữa – trong tôn giáo, trong tâm lý học. Thiền theo nhóm đang xảy ra, và chỉ thiền nhóm mới là cái sẽ xảy ra trong một giai đoạn dài sắp đến. Khi một trăm người ở cùng nhau – bạn sẽ ngạc nhiên, nhất là những ai không biết tâm trí phương Tây sẽ ngạc nhiên – chỉ đơn giản nắm tay, một trăm người đang ngồi, chỉ đơn giản nắm tay, xúc chạm nhau, và họ cảm thấy phấn chấn (elated).

Không có người Ấn độ nào sẽ cảm thấy phấn chấn. Anh ta sẽ nói, “Thật vớ vẩn! Chỉ đơn giản nắm tay nhau - với 100 người ngồi thành một vòng tròn - làm thế nào nó tạo ra sự phấn chấn được? Làm thế nào bạn trở nên xuất thần được? Tối đa, bạn chỉ có thể cảm nhận mồ hôi tay của người khác.”

Nhưng tại phương Tây, một trăm người nắm tay nhau thì rất phấn chấn, xuất thần. Tại sao? Bởi vì ngay cả việc nắm tay cũng đã trở thành bất khả do cái ego. Ngay cả vợ chồng cũng không ở cùng nhau (together). Cái đại gia đình là một hiện tượng nhóm, nó đã biến đi. Xã hội đã biến mất. Tại phương Tây hiện nay, không có xã hội tồn tại một cách thực sự. Bạn di chuyển một cách cô độc.

Tại Mỹ – tôi đang đọc những số liệu thống kê – cứ 3 năm mọi người di chuyển tới một thị trấn (town) khác. Bây giờ, một người trong một làng ở Ấn độ vẫn ở đó – không chỉ anh ta, mà cả gia đình anh ta đã lưu lại đó hằng trăm năm. Anh ta cắm rễ sâu trong mảnh đất ấy. Anh ta có quan hệ với mọi người, anh ta biết mọi người, mọi người biết anh ta. Anh ta không phải là một kẻ xa lạ, anh ta không cô độc. Anh ta sống như là thành phần của ngôi làng, anh ta luôn luôn sống như vậy. Anh ta sinh ra ở đó, anh ta sẽ chết ở đó.

Tại Mỹ, trung bình cứ mỗi 3 năm, người ta di chuyển. Đây là nền văn minh du mục nhất mà đã từng hiện hữu, những vagabond – không nhà cửa, không gia đình, không thành phố, không làng mạc, không quê hương - thực sự là như vậyï. Trong 3 năm, làm thế nào bạn có thế cắm rễ được? Bất cứ nơi nào bạn đi, bạn là một kẻ xa lạ. Đám đông ở xung quanh bạn, nhưng bạn không có quan hệ với nó. Khi người ta "vô quan hệ" (unrelated) , toàn bộ gánh nặng đổ xuống mỗi cá nhân.

Ngồi trong một nhóm, trong một "nhóm đối mặt" (encounter group) hay trong một "nhóm tăng trưởng" (growth group), chạm vào cơ thể người khác, bạn trở thành một phần của cọng đồng. Chạm tay nhau và nắm tay nhau, chỉ đơn giản nằm gần nhau, hay nằm lên nhau thành một "đống" (pile), bạn cảm thấy "tính nhất thể" (oneness) – một sự phấn chấn (có tính) tôn giáo xảy ra! Một trăm người nhảy múa, chạm vào nhau, di chuyển xung quanh nhau, trở thành một. Họ hòa tan, cái ego được giải tan trong vài khoảnh khắc. Cái "sự hòa nhập" (merger) đó trở thành một điều giống như sự cầu nguyện.

Những nhà chính trị có thể dùng nó cho những mục đích có tính hủy diệt. Tâm linh có thể dùng nó một cách rất sáng tạo – nó có thể trở thành thiền định.

Tại phươnng Đông, người ta ở trong cọng đồng quá nhiều. Do vậy, bất cứ khi nào họ muốn ở trong một không gian tâm linh, thì họ muốn đi tới Hy Mã Lạp Sơn. Xã hội thì quá tràn ngập, quá sức chịu đựng ở xung quanh. Họ không chán ngấy chính mình, họ chán ngấy xã hội! Đây là sự khác biệt.

Tại phương Tây, bạn chán ngấy chính mình, và muốn một cầu nối nào đó, làm thế nào để giao tiếp với xã hội, với người khác; làm thế nào để di chuyển tới người khác, để cho bạn có thể quên đi chính mình.

Tại phương Đông, người ta chán ngấy xã hội. Họ đã sống với nó quá lâu, và xã hội thì quá tràn ngập, đến nỗi họ không cảm thấy chút tự do nào. Do vậy, bất cứ khi nào ai đó muốn tự do, muốn im lặng, thì anh ta chạy tới Hy Mã Lạp Sơn.

Tại phương Tây, bạn chạy tới xã hội; tại phương Đông, người ta chạy khỏi xã hội. Đó là lý do tại sao những phương pháp cá nhân đã tồn tại ở phương Đông; những phương pháp nhóm tồn tại ở phương Tây.

Tôi đang làm cái gì? Phương pháp của tôi là một tổng hợp.[6] Trong những bước đầu tiên của Thiền năng động, bạn là một phần của nhóm; trong phần cuối cùng, nhóm biến đi, bạn cô độc một mình. Tôi đang làm việc này vì một lý do đặc thù, bởi vì bây giờ ranh giới giữa phương Đông và phương Tây đã trở nên không còn rạch ròi nữa. Phương Đông đang quay sang phương Tây; phương Tây đang quay sang phương Đông. Chẳng bao lâu, sẽ không có Tây và Đông – chỉ còn một thế giới.

Sự phân chia địa lý này đã tồn tại quá lâu; nó không còn có thể tồn tại nữa. Kỹ thuật đã giải tan nó, nó đã biến đi, nhưng bởi do thói quen trong tâm trí, nó cứ vẫn tiếp tục. Nó tiếp tục chỉ như một hiện tượng tâm trí (mental), nó thực sự không tồn tại nữa. Chẳng bao lâu, sẽ không có Đông, không có Tây – chỉ là một thế giới. Nó đã có mặt ở đó. Những ai có con mắt tinh tường, họ có thể thấy nó đã ở đó.

Một sự tổng hợp sẽ được cần đến – cả phương pháp nhóm và (phương pháp) cá nhân. Bạn làm việc trong một nhóm vào lúc ban đầu; cuối cùng, bạn trở nên hoàn toàn chính bạn. Khởi đi từ xã hội, và đạt tới chính bạn. Đừng chạy trốn khỏi cọng đồng – hãy sống trong thế gian nhưng đừng thuộc về nó. Hãy quan hệ, nhưng hãy cô độc một mình. Hãy yêu và hãy thiền định; thiền định và yêu – nhưng

đừng lựa chọn. Tình yêu cọng với thiền định là "phương pháp" (approach) của tôi.

~~000~~

Những phương pháp thiền định cổ xưa, tất cả đều được phát triển tại phương Đông. Chúng không bao giờ tính đến con người phương Tây; người phương Tây bị loại trừ. Tôi đang tạo ra những kỹ thuật mà không chỉ dành cho người phương Đông, mà là cho mọi người – Đông hay Tây. Có một khác biệt giữa truyền thống phương Đông và truyền thống phương Tây – và chính truyền thống là cái tạo ra tâm trí. Chẳng hạn, tâm trí phương Đông thì rất kiên nhẫn – trong hằng ngàn năm, người phương Đông được dạy phải giữ kiên nhẫn, dù bất cứ cái gì xảy ra. Cùng những kỹ thuật không thể được áp dụng cho cả hai.

Tâm trí phương Đông đã được điều kiện hoá để giữ một quân bình nào đó trong thành công hay thất bại, trong cảnh giàu hay nghèo, bệnh tật hay khỏe mạnh, trong đời sống hay cái chết. Tâm trí phương Tây không có khái niệm nào về cái quân bình đó; nó trở nên quá bị xáo động. Với thành công nó trở nên bị xáo động; nó bắt đầu cảm thấy mình ở chóp đỉnh của thế giới, bắt đầu cảm thấy một mặc cảm tự tôn. Trong thất bại, nó đi sang một thái cực khác; nó rơi xuống địa ngục thứ bảy. Nó khốn khổ, trong nỗi thống khổ sâu xa, và nó cảm thấy một mặc cảm tự ty to lớn. Nó bị xé rách ra hai mảnh.

Và cuộc sống bao gồm cả hai. Có những khoảnh khắc đẹp đẽ, và có những khoảnh khắc xấu xí. Có những khoảnh khắc khi mà bạn ở trong tình yêu, có những khoảnh khắc bạn giận dữ, thù hận. Tâm trí phương Tây đơn giản đi với tình huống. Nó luôn ở trong sự xáo động. Tâm trí phương Đông đã học tập … nó là một sự điều kiện hoá, nó không phải là một cuộc cách mạng, nó chỉ là một sự rèn luyện, một kỷ luật, nó là một sự tu tập. Bên dưới nó thì giống nhau, nhưng sự điều kiện hoá sâu dày làm cho nó giữ được một sự quân bình nhất định.

Tâm trí phương Đông thì rất chậm bởi vì không cần gì phải vội vã; cuộc sống đi theo con đường của riêng nó và mọi sự được qui định bởi định mệnh, cho nên cái mà bạn có được, thì bạn không có được bởi tốc độ của bạn, sự vội vàng của bạn. Cái mà bạn có được, bạn có được là bởi vì nó đã được tiền định. Do vậy, không có vấn đề phải vội vàng. Bất cứ khi nào một cái gì đó sắp xảy ra, thì nó sắp xảy ra – không sớm một giây, không muộn một giây.

Điều này đã tạo ra một dòng chảy rất chậm tại phương Đông. Như thể là dòng sông không đang trôi; nó quá chậm, đến nỗi bạn không thể phát hiện ra cái dòng chảy. Vả lại, sự điều kiện hoá của phương Đông là, bạn đã sống hằng triệu kiếp sống, và có hằng triệu kiếp sống đằng trước mặt để sống, cho nên cái khoảng thời gian sống (life span) không chỉ là 70 năm; cái khoảng thời gian sống thì rất bao la và dài vô tận. Không có gì phải vội vã; còn quá nhiều thời gian: Tại sao bạn lại phải vội vàng chứ? Nếu nó không xảy ra trong kiếp sống này, thì nó có thể xảy ra trong một kiếp nào đó.

Tâm trí phương Tây thì rất vội vã, nhanh, bởi vì sự điều kiện hoá chỉ dành cho một kiếp sống – 70 năm – và quá nhiều thứ để làm. 1/3 cuộc đời của bạn đi vào trong giấc ngủ, 1/3 cuộc đời bạn đi vào trong việc học hành, rèn luyện – còn lại cái gì?

Nhiều thời gian đổ vào việc kiếm sống. Nếu bạn đếm mọi thứ, bạn sẽ ngạc nhiên: trong 70 năm, bạn không thể thậm chí có được 7 năm còn lại để làm một cái gì đó mà bạn muốn. Một cách tự nhiên, có sự vội vàng, một sự lao vụt điên cuồng (mad rush), quá điên cuồng đến mức người ta quên là mình đang đi đâu. Tất cả những gì mà bạn nhớ, là bạn có đi nhanh hay không. Phương tiện trở thành cứu cánh.

Một cách tương tự, trong những chiều hướng khác nhau … tâm trí phương Đông đã tự phát triển (cultivate) mình một cách khác biệt với tâm trí phương Tây. 112 phương pháp thiền định đó – được phát

triển tại phương Đông – chưa bao giờ tính đến con người phương Tây; chúng không được triển khai cho con người phương Tây. Thuở đó, "con người phương Tây" chưa xuất hiện (available). Cái thời mà Vigyan Bhairva Tantra được viết ra – trong đó 112 kỹ thuật đó đã đi tới chỗ hoàn thiện – là gần 5 ngàn năm trước chúng ta.

Vào thời đó, không có con người phương Tây, xã hội phương Tây, văn hoá phương Tây. Phương Tây vẫn còn man dã (barbarous), bán khai, không xứng đáng được tính đến. Phương Đông là toàn bộ thế giới, ở đỉnh cao của sự phát triển của nó, sự giàu có của nó, văn minh của nó.

Những phương pháp thiền của tôi đã được phát triển từ một tất yếu tuyệt đối. Tôi muốn sự phân biệt giữa Tây và Đông được giải tan.

Sau Viogyan Bhairva Tantra của Shiva, trong 5 ngàn năm này, không ai đã phát triển một phương pháp nào. Tôi vẫn hằng quan sát những khác biệt giữa Đông và Tây: cùng một phương pháp không thể được áp dụng tức thì cho cả hai. Trước hết, tâm trí phương Đông và tâm trí phương Tây phải được đưa tới cùng một trạng thái. Những kỹ thuật Thiền Động này, Thiền Kundalini, và những loại khác, tất cả đều có tính thanh tẩy; cơ sở của nó là sự thanh tẩy.

Bạn phải ném ra ngoài tất cả cái phế tạp mà đang đầy ắp tâm trí bạn. Trừ khi bạn trút bỏ chúng, bạn không thể ngồi im lặng. Nó y như thể bạn bảo một đứa trẻ ngồi im lặng trong một góc phòng. Thật khó khăn, nó quá đầy năng lượng. Bạn đang đè nén một cái núi lửa! Cách tốt nhất, là trước hết bảo nó, "Hãy ra ngoài, chạy xung quanh nhà mười vòng.; rồi hãy trở lại ngồi xuống trong góc."

Rồi thì việc đó là khả dĩ, bạn đã làm cho việc đó thành khả dĩ. Bây giờ chính nó muốn ngồi xuống, thư giãn. Nó mệt, nó kiệt sức; bây giờ, ngồi ở đó, nó không đang đè nén năng lượng của mình, nó đã

giải tỏa năng lượng của mình bằng cách chạy quanh nhà mười vòng. Bây giờ nó dễ chịu hơn.

Những phương pháp thanh tẩy chỉ đơn giản là ném đi tất cả sự mất kiên nhẫn của bạn, sự vội vã của bạn, sư vụt chạc, những ức chế của bạn.

Phải nhớ thêm một yếu tố nữa, rằng những cái này là tuyệt đối cần thiết cho con người phương Tây trước khi anh ta có thể làm một cái gì đó như vipassana – chỉ đơn giản ngồi im không làm gì cả và "để cỏ tự mọc." Nhưng bạn phải ngồi im lặng, không làm gì cả – đó là điều kiện cơ bản cho cỏ tự mọc. Nếu bạn không thể ngồi im lặng, không làm gì cả, bạn sẽ "quấy rầy" cỏ.

Tôi vẫn luôn yêu những khu vườn, và bất cứ nơi nào tôi sống, tôi đều tạo ra những khu vườn, những bồn cỏ đẹp. Tôi thường nói chuyện với hội chúng đang ngồi trên bồn cỏ của tôi, và tôi trở nên nhận biết rằng tất cả họ đều đang nhổ cỏ … chỉ là biểu hiện của năng lượng cuồng nhiệt (hectic). Tôi đã phải bảo họ, " Nếu bạn cứ tiếp tục làm như vậy, thì bạn sẽ phải ngồi trong phòng. Tôi không thể cho phép bạn hủy hoại bồn cỏ của tôi."

Họ thường tự ngăn mình lại trong một lát, và khi họ bắt đầu lắng nghe tôi, hai bàn tay họ lại bắt đầu bứt cỏ, một cách vô thức. Do vậy, ngồi im lặng không làm gì cả thì không phải thực sự chỉ ngồi im lặng và không làm gì cả. Đó là đang ban cho cỏ một ân huệ lớn! Trừ khi bạn không đang làm gì cả, thì cỏ không thể mọc; bạn sẽ ngăn chận nó, bạn sẽ nhổ nó lên, bạn sẽ quấy rầy nó.

Do vậy, những phương pháp này là tuyệt đối cần thiết cho tâm trí phương Tây. Nhưng một yếu tố mới cũng bước vào: nó cũng đã trở thành cần thiết cho tâm trí phương Đông nữa. Cái (loại) tâm trí - mà dành cho nó Shiva đã viết 112 phương pháp thiền đó - đã không còn tồn tại, thậm chí tại phương Đông bây giờ. Ảnh hưởng của phương

Tây đã hết sức to lớn. Những sự thể đã thay đổi. Trong thời của Shiva, không có nền văn minh phương Tây. Phương Đông đang ở đỉnh điểm vinh quang; nó được gọi là " con chim vàng." Nó đã có mọi xa hoa và tiện nghi: Nó thực sự giàu có (affluent).

Bây giờ tình huống đã bị đảo ngược. Phương Đông đã bị nô lệ trong 2000 năm, bị khai thác bởi hầu hết mọi người (everyone) trên thế giới, bị xâm lăng bởi một tá nước, bị cướp bóc, tước đoạt (looted) một cách liên tục, bị hãm hiếp, bị đốt phá. Bây giờ nó là một kẻ ăn xin.

Và 300 năm dưới ách thống trị của người Anh tại Ấn độ đã hủy diệt hệ thống giáo dục của riêng Ấn độ – một nền giáo dục hoàn toàn khác biệt. Họ cưỡng bách tâm trí phương Đông bị giáo dục theo những tiêu chuẩn phương Tây. Họ đã hầu như biến cái intelligentsia (tầng lớp trí thức) phương Đông thành một intelligentsia hạng hai của phương Tây. Họ đã truyền cho phương Đông căn bệnh của họ: chạy quá tốc độ, sự vội vã, sự mất kiên nhẫn, sự lo âu liên tục.

Nếu bạn thấy những ngôi đền của Khajuraho hay những ngôi đền của Konarak, bạn có thể thấy phương Đông trong những màu sắc thực thụ của nó.

Ngay tại Khajraho, có 100 ngôi đền; chỉ còn sống sót 30; 70 ngôi đền kia đã bị người Hồi giáo phá hủy. Hằng ngàn ngôi đền vô cùng đẹp và những công trình điêu khắc hùng vĩ đã bị hủy diệt bởi người Hồi giáo. Và cũng là ngẫu nhiên, mà 30 ngôi đền này còn sống sót - bởi vì chúng nằm trong một khu rừng. Có lẽ những kẻ xâm lược đã quên về chúng.

Nhưng ảnh hưởng của người Anh trên tâm trí Ấn độ thì quá lớn, đến nỗi ngay cả một người như Mahatma Gandhi cũng muốn 30 ngôi đền này được phủ bùn, để không ai có thể thấy chúng. Hãy đơn giản nghĩ về những người đã tạo ra 100 ngôi đền … mỗi ngôi đền phải

mất hằng thế kỷ để xây nên. Chúng nó quá tinh tế (delicate) trong cấu trúc, quá cân xứng và quá đẹp, đến nỗi trên trái đất không có gì sánh được với chúng.

Và bạn có thể tưởng tượng rằng, những ngôi đền không tồn tại một mình; nếu có 100 ngôi đền, hẳn phải có một thành phố hằng ngàn người; nếu không, thì 100 ngôi đền là vô nghĩa. Những người đó ở đâu? Cùng với những ngôi đền, những người đó đã bị tàn sát.

Và tôi đan cử những ngôi đền đó, như là một thí dụ, là bởi vì điêu khắc của chúng có vẻ như là khiêu dâm đối với tâm trí phương Tây; đối với Mahatma Gandhi, nó cũng nom có vẻ khiêu dâm.

Ấn độ mắc nợ Rabindranath Tagore quá nhiều. Ông là người đã ngăn cản Mahatma Gandhi và những chính trị gia khác, họ muốn "che đậy" (cover) những ngôi đền, sẵn sàng che giấu chúng khỏi đôi mắt mọi người. Rabindranath Tagore nói, " Đây là điều tuyệt đối ngu xuẩn. Chúng nó không khiêu dâm, chúng hoàn toàn đẹp."

Đây là một ranh giới rất tinh tế giữa sự khiêu dâm và cái đẹp.[7] Một người phụ nữ trần truồng thì không nhất thiết là khiêu dâm; một người đàn ông trần truồng thì không nhất thiết là khiêu dâm. Một người đàn ông đẹp, một người đàn bà đẹp, trần truồng, có thể là những thí dụ của cái đẹp, của sức khỏe, của sự cân đối. Họ là những sản phẩm vinh quang nhất của thiên nhiên. Nếu một con nai có thể trần truồng và đẹp – và không ai nghĩ rằng con nai khiêu dâm - vậy thì, tại sao một người đàn ông hay phụ nữ trần truồng lại không được xem là đẹp như vậy?

Có những quý bà ở thời đại Victoria tại Anh quốc, họ phủ chân ghế bằng vải, bởi vì những cái chân không nên để trần – những cái chân ghế! Nhưng bởi vì chúng được gọi là "cẳng chân" (leg), người ta nghĩ rằng, sẽ là thiếu văn minh, thiếu văn hoá, nếu chúng được để trần. Trong thời Victoria, có một phong trào: ai dẫn chó đi dạo, phải

che nó bằng vải. Chúng không nên ở truồng … như thể là sự trần truồng tự nó là khiêu dâm. Chính cái tâm trí của họ mới là dâm ô.

Tôi đã đến Khajuraho hằng trăm lần, và tôi chưa hề thấy một bức điêu khắc nào là có tính khiêu dâm cả. Một bức tranh khỏa thân hay một bức tượng khỏa thân trở thành sự khiêu dâm, nếu nó khêu gợi dục tình. Đó là tiêu chí duy nhất: nếu nó gợi dục, nếu nó là một "khêu gợi" (incentive) cho bản năng tình dục của bạn. Nhưng đó không phải là trường hợp với Khajruraho. Thực ra, những ngôi đền này được xây nên cho mục đích hoàn toàn ngược lại.

Chúng được tạo ra để thiền định (meditate) trên người đàn ông và đàn bà đang làm tình.[8] Và những hòn đá đã sống dậy. Những người đã tạo ra chúng hẳn đã là những nghệ sĩ vĩ đại nhất mà thế giới đã từng biết. Chúng được tạo ra để thiền định, chúng là những đối tượng cho thiền định.

Nó là một ngôi đền, và những thiền giả đang ngồi vòng quanh chỉ nhìn vào những bức điêu khắc, và quan sát bên trong chính mình, xem có một ham muốn dục tình nào khởi lên hay không - nó là một tiêu chí: khi họ thấy không có ham muốn tình dục nào khởi lên, nó là một "chứng nhận" (certificate) cho phép họ bước vào ngôi đền. Tất cả những bức điêu khắc này đều ở ngoài ngôi đền, trên những bức tường bên ngoài; bên trong không có bức tượng khỏa thân nào.

Nhưng cái này là cần thiết cho người ta thiền định, và rồi họ thấy rõ rằng mình không có ham muốn dục tình nào; ngược lại, những bức tượng đó khiến cho ham muốn dục tình của họ rút lui (subside). Rồi họ được phép bước vào trong đền thờ; nếu không, họ không nên bước vào ngôi đền. Cái đó sẽ là một sự phạm thánh – có một ham muốn dục tình bên trong và bước vào ngôi đền. Nó sẽ làm cho ngôi đền dơ bẩn – bạn sẽ đang sỉ nhục ngôi đền.

Những người đã tạo ra những ngôi đền này, cũng đã tạo ra một nền văn học to lớn nữa. Từ khởi thủy, phương Đông thường không bao giờ đè nén tình dục. Trước Đức Phật và Mahavira, phương Đông không bao giờ đè nén tình dục. Chính là với Đức Phật và Mahavira, mà lần đầu tiên sự độc thân trở nên tâm linh. Ngược lại, trước Đức Phật và Mahavira, tất cả những "nhà tiên tri" (seer) của Upanishad, của Vệ đà, đều là những người kết hôn; họ không độc thân, họ có con cái.

Và họ không phải là những người từ bỏ thế gian; tất cả họ đều đã có những thứ xa hoa và tất cả mọi tiện nghi thoải mái. Họ đã sống trong rừng, nhưng họ có mọi thứ, được cúng dường bởi những học trò của họ, những vị vua, những người thân yêu của họ. Và những cái ashram của họ, những trường học của họ, những academy (học viện) của họ trong rừng đều rất tiện nghi.

Với Đức Phật và Mahavira, phương Đông bắt đầu một truyền thống độc thân bệnh hoạn, [9] sự đè nén bệnh hoạn. Và khi Kytô giáo đến Ấn độ, có một xu hướng đè nén rất mạnh mẽ. 300 năm của Kytô giáo này đã làm cho tâm trí phương Đông hầu như bị đè nén như tâm trí phương Tây. Do vậy, bây giờ những phương pháp của tôi có thể áp dụng cho cả hai. Tôi gọi chúng là những phương pháp "sơ khởi." Chúng phải hủy diệt mọi thứ mà có thể ngăn cản, không cho bạn đi vào một thiền định im lặng. Một khi Thiền Động hay Thiền Kundalini thành công, bạn được sạch sẽ. Bạn đã xóa bỏ sự đè nén. Bạn đã xóa bỏ sự vụt chạc, sự vội vã, sự thiếu kiên nhẫn. Bây giờ bạn có thể bước vào ngôi đền.

Chính vì lý do này mà tôi nói về sự chấp nhận sex, bởi vì không chấp nhận sex, bạn không thể diệt trừ được sự ức chế. Và tôi muốn bạn hoàn toàn sạch sẽ, tự nhiên. Tôi muốn bạn ở trong một trạng thái mà ở đó 112 phương pháp đó có thể áp dụng cho bạn.

Đây là lý do tại sao tôi đã chế tác ra những phương pháp này – đây là những phương pháp thuần túy có tính thanh tẩy.

Tôi cũng đã bổ sung thêm những tâm liệu pháp phương Tây, bởi vì tâm trí phương Tây, và dưới ảnh hưởng của nó, tâm trí phương Đông, cả hai đều đã trở nên bệnh hoạn. Ngày nay, tìm thấy một tâm trí lành mạnh là một hiện tượng hiếm hoi. Mọi người đang cảm thấy một loại nôn mửa nào đó, một loại nôn mửa tinh thần (mental), một sự trống rỗng nào đó, nó giống như một vết thương làm đau nhức. Mọi người đang tự biến đời mình biến thành một ác mộng. Mọi người đang lo lắng, quá sợ hãi cái chết; không chỉ sợ cái chết, mà còn sợ sự sống.

Người ta đang sống một cách nửa vời, người ta đang sống một cách nhợt nhạt: không nồng nàn như Zorba người Hy Lạp, không với hương vị mạnh khỏe mà với một tâm trí bệnh hoạn. Người ta phải sống, cho nên họ đang sống. Người ta phải yêu, cho nên họ đang yêu. Người ta phải làm cái này, phải giống cái này, cho nên họ đang rập khuôn theo; nếu không, không có động lực (incentive) nào đến từ bản thể của riêng họ.

Họ không đang trào dâng với năng lượng. Họ không đánh liều bất cứ cái gì để sống một cách toàn bộ. Họ không mạo hiểm – và không mạo hiểm, người ta không khỏe mạnh. Sự mạo hiểm là một tiêu chí, sự thăm dò (inquiry) vào trong cái không biết, là tiêu chí. Người ta không trẻ trung, từ tuổi thơ, họ đã trở nên già cỗi. Tuổi trẻ không bao giờ xảy ra.

Những tâm liệu pháp phương Tây không thể giúp bạn tăng trưởng về tâm linh, nhưng chúng có thể chuẩn bị mảnh đất. Chúng không thể gieo những hạt giống hoa, nhưng chúng có thể chuẩn bị đất – và đây là một sự cần thiết. Đây là một lý do tại sao tôi bổ sung thêm những tâm liệu pháp.

Cũng có một lý do khác: Tôi muốn một sự gặp gỡ của Đông và Tây.

Phương Đông đã phát triển những phương pháp thiền; phương Tây chưa triển khai những phương pháp thiền, phương Tây đã triển khai những tâm liệu pháp. Nếu chúng ta muốn tâm trí phương Tây quan tâm đến những phương pháp thiền định, nếu bạn muốn tâm trí phương Đông đến gần hơn với tâm trí phương Tây, phải có cái gì đó để cho và nhận. Nó không nên chỉ có tính phương Đông – một cái gì đó từ sự tiến hoá của phương Tây nên được bổ sung. Và tôi thấy những liệu pháp đó là vô cùng hữu ích. Chúng không thể đi xa, nhưng với chặng đường mà chúng đã đi, chúug là tốt. Nơi mà chúùng ngừng lại, thiền định có thể đảm trách.

Nhưng trong cuộc gặp gỡ đó, trong cái hợp nhất đó, tâm trí phương Tây nên cảm thấy một cái gì đó từ sự phát triển của riêng nó đã được đưa vào; cái hợp nhất đó không nên một chiều. Và những tâm liệu pháp phương Tây rất có ý nghĩa; chúng không thể tác hại, chúng chỉ có thể giúp ích mà thôi.

Và tôi đã dùng chúng với thành công cực lớn. Chúng đã giúp người ta thanh tẩy "bản thể" (being) của họ, chuẩn bị họ sẵn sàng bước vào đền thờ của thiền định. Nỗ lực của tôi là giải tan sự chia cách giữa phương Đông và phương Tây. Trái đất nên là một, không chỉ về mặt chính trị mà còn về mặt tâm linh nữa.

Và một số người nghĩ rằng đây là một cách "tẩy não" khéo léo. Thật ra, không chỉ có vậy: nó là việc thanh tẩy tâm trí, không phải là tẩy não. Tẩy não thì rất hời hợt. Bộ não là cái cơ chế mà tâm trí sử dụng. Bạn có thể tẩy bộ não một cách rất dễ dàng – bất cứ bộ máy nào cũng đều có thể được thanh tẩy và bôi trơn. Nhưng nếu cái tâm trí đằng sau bộ não bị ô nhiễm, dơ bẩn, thì chẳng bao lâu bộ não sẽ đầy những thứ xấu xa.

Và tôi không thấy có gì sai trái trong nó – việc rửa ráy luôn luôn tốt. Tôi tin vào việc tẩy khô. Tôi không dùng những phương pháp tẩy cổ

lỗ.

Vâng, người ta sẽ cảm thấy bị lừa gạt, rằng tâm trí họ đã bị lấy đi (taken away), và đó là cái quý giá duy nhất mà họ có. Nhưng điều này chỉ xảy ra vào lúc ban đầu. Một khi tâm trí đã được lấy đi, người ta sẽ ngạc nhiên rằng, đằng sau tâm trí là kho báu thực thụ của họ. Và tâm trí chỉ là một tấm gương soi, nó đang phản chiếu cái kho báu, nhưng trong bản thân nó không có kho báu nào. Kho báu ở đằng sau tâm trí – đó là bản thể của bạn.

Nhưng một tấm gương soi có thể lừa dối bạn. Nó có thể cho bạn ý tưởng rằng cái được phản ánh trong nó là một thực tại. Do vậy, khi tâm trí được lấy đi – và đó chính là cái mà thiền định là – thì nó là một trạng thái "vô-trí" (no-mind). Nó đang lấy đi tâm trí và cho bạn một cơ hội để thấy, không phải cái phản ảnh (reflection) của cái kho báu của bản thể bạn, mà là chính cái kho báu đó.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Nhiều "đệ tử" của Freud đã "sửa sai" cho ông. Chẳng hạn, Erich Fromm, trong cuốn " Beyond the Chains of Illusion" – đã ghi nhận công lao của ông và chỉ ra những hạn chế của ông.

[2] Ecstasy : cơn xuất thần. .

[3] Thiền sư Nhất Hạnh, trong cuốn "Trái Tim Mặt Trời" cũng nói rất hay về điều này.

[4] Flow: chảy. Ý nói sự vận hành tự do, không còn bị ràng buộc.

[5] Đây thực là một bài học lịch sử cay đắng! Thế mới biết, người trí thức có thể rất mạnh mẽ, hào khí, nhưng họ cũng rất dễ bị … lừa bịp! Cũng có khi, họ còn trở thành khiếp nhược nữa! Ai cũng biết, nước Đức là nơi đã sản sinh ra những "đầu óc tầm cỡ" – chẳng hạn

như Kant, Hegel, Karl Marx, Freud … Thế mà, họ chịu để cho Hitler "xỏ mũi" lôi đi! Than ôi!

[6] Đây là chỗ mà Osho rất khác với Krishnamurti, và những nhà đạo sư khác. Sự phân biệt của ông giữa truyền thống tâm lý của phương Đông và phương Tây rất đáng lưu ý. Osho muốn "tổng hợp" cả 2 truyền thống này, đó là một hoài bão vô cùng lớn!

[7] Thật khó phân định ranh giới giữa 2 "phạm trù" này. Nếu còn bị lẫn lộn giữa hai cái này, là chỉ vì ta chưa đủ "trình độ" mà thôi. Tagore là một nhà thơ, nên dĩ nhiên ông "tinh tế" hơn Gandhi, một nhà "chính trị" !

[8] Đây cũng là một "phát hiện" khá bất ngờ đối với tôi. Như vậy, phương Đông "thâm trầm" quá – nên người ta dễ hiểu lầm nó. Chưa kể, phương Đông thích "ăn nói" theo kiểu bóng gió "mờ mịt" chứ không "rõ ràng" , khúc chiết như phương Tây.

[9] Đây là một "phát hiện" rất đáng lưu ý. Từ tiền đề này, có thể đi tới những kết luận bất ngờ! Dĩ nhiên, đây cũng là một đề tài cần được thảo luận nghiêm túc.

PHẦN III: CHƯƠNG XIX

PHẬT ZORBA:
HỮU THỂ NGƯỜI TOÀN BỘ
(THE WHOLE HUMAN BEING)

Hãy nhìn đời bằng ánh mắt đùa vui – rồi bạn có thể có cả hai thế giới một lượt. Bạn vừa có cái bánh cake, lại vừa ăn nó. Và đó là một nghệ thuật thực thụ! Thế giới này và thế giới kia, âm thanh và sự im lặng, tình yêu và thiền định, có mặt (being) với mọi người, ở trong tương quan, và ở một mình. Tất cả những điều này phải được sống cùng nhau trong một loại đồng thời; chỉ lúc đó, bạn mới sẽ biết cái chiều sâu nhất của bản thể bạn và chiều cao tận cùng của bản thể bạn.

Một người luật sư đi tới bờ mép của cái hầm mỏ, nơi mà một tốp đang làm việc và gọi tên của Timothy O' Toole.

"Ai đang cần gặp tôi?" một giọng nói ồ ồ dò hỏi.

"Ông Toole ạ," người luật sư hỏi, "có phải ông đến từ Castlebar, quận Mayo?"

"Đúng vậy."

"Và mẹ ông tên là Bridget và cha ông, Michael?"

"Đúng."

"Vậy thì nhiệm vụ của tôi," người luật sư nói, "là thông báo cho ông, O' Toole ạ, rằng bà cô Mary của ông đã mất tại Iowa, để lại cho ông một bất động sản trị giá hai trăm ngàn Mỹ kim."

Có một khoảng im lặng ngắn bên dưới, và rồi một sự rung chuyển náo loạn.

“Ông đến chưa vậy, hả ông O’ Toole ?” người luật sư gọi xuống.

“Đợi một phút,” một giọng trả lời rống lên. “Tôi vừa mới ngừng lại để cho đo ván gã đốc công.”

Chỉ cần sáu tháng ăn chơi phóng đãng, cũng đủ để O’ Toole xài hết hai trăm ngàn Mỹ kim. Nỗ lực chủ yếu của anh ta là, thỏa mãn một cơn khát to lớn, cơn khát thừa kế. Rồi anh ta trở lại công việc của mình. Và ở đó, chẳng bao lâu sau, người luật sư lại tìm kiếm anh ta.

“Lần này là Bác Patric của ông, O’ Toole ạ,” người luật sư giải thích. “Ông ta đã chết tại Texas và để lại cho ông bốn trăm ngàn Mỹ kim.”

O’ Toole tựa một cách nặng nề lên cái cuốc chim của anh ta và lắc đầu một cách chán nản.

“Tôi không nghĩ rằng tôi có thể nhận nó,” anh ta tuyên bố. “Tôi không còn khỏe như trước đây, và tôi không tin rằng tôi có thể xài hết món tiền ấy mà vẫn còn sống.”

Đó là cái đã xảy ra tại phương Tây. Con người tại phương Tây đã thành công trong việc đạt tới tất cả cái sự giàu có mà toàn nhân loại đã từng khao khát qua nhiều nhiều thời đại. Phương Tây đã thành công về mặt vật chất, đã trở nên giàu có và bây giờ nó đang quá chán chường, quá mệt mỏi. Cuộc hành trình đã tước mất tất cả linh hồn nó. Cuộc hành trình đã “kết thúc” (finish) con người phương Tây. Bề ngoài, mọi thứ đều có thể đạt được, nhưng sự tiếp xúc với cái bên trong (the inner) bị đánh mất.[1] Bây giờ mọi thứ mà con người cần đều có thể đạt được, nhưng chính con người thì không còn ở đó. Những vật sở hữu thì ở đó, nhưng con người không đang cảm thấy giàu có chút nào; trái lại, con người đang cảm thấy bị bần cùng hoá, rất nghèo nàn.

Hãy nghĩ về sự nghịch lý này: Khi bạn giàu có bên ngoài, thì chỉ lúc đó bạn mới trở nên nhận biết về sự nghèo nàn bên trong – qua sự tương phản (in contrast). Khi bạn nghèo bên ngoài, bạn không bao giờ trở nên nhận biết về sự nghèo nàn bên trong bởi vì không có sự tương phản nào. Bạn viết với phấn trắng trên bảng đen, không phải trên tấm bảng trắng. Tại sao? Bởi vì chỉ trên bảng đen nó mới hiện ra rõ ràng. Sự tương phải được cần đến.

Khi bạn giàu có bên ngoài, thì bỗng nhiên một sự nhận biết sâu sắc xảy ra, rằng: "Bên trong tôi nghèo, tôi là một kẻ ăn xin." Và bây giờ, một trạng thái vô hy vọng đến như một cái bóng: "Mọi cái mà chúng ta nghĩ về đều đã được đạt tới – mọi tưởng tượng và "mơ tưởng" (fantasies) đều được thực hiện – và không có gì xảy ra từ nó, không có sự hài lòng, không có phúc lạc nào cả."

Phương Tây hoang mang. Từ sự hoang mang này, một ước vọng lớn khởi lên: làm thế nào để một lần nữa tiếp xúc với bản ngã của mình.

Thiền định không là gì khác hơn ngoài việc cắm rễ một lần nữa vào trong đời sống nội tâm, vào trong tính nội tại của bạn. Do vậy, phương Tây đang trở nên rất quan tâm đến thiền định và rất quan tâm đến những kho báu của phương Đông.

Phương Đông cũng quan tâm đến thiền định khi phương Đông giàu có; điều này phải được hiểu. Đó là lý do tại sao tôi không chống lại của cải (riches) và tôi không nghĩ rằng sự nghèo nàn có một chút tính tâm linh nào trong nó. Tôi hoàn toàn chống lại sự nghèo nàn, bởi vì bất cứ khi nào một đất nước trở nên nghèo, nó đánh mất tất cả thiền định, tất cả những nỗ lực tâm linh. Bất cứ khi nào một đất nước trở nên nghèo bên ngoài, nó không thể nhận biết về sự nghèo nàn bên trong.

Đó là lý do tại sao trên những khuôn mặt Ấn độ bạn có thể thấy một loại mãn nguyện mà không được tìm thấy tại phương Tây. Nó không phải là sự mãn nguyện thực thụ; nó chỉ là trạng thái bất thức về sự nghèo nàn nội tâm. Những người Ấn độ nghĩ, "Hãy nhìn vào sự lo âu, sự thống khổ (anguish), và sự căng thẳng trên những khuôn mặt phương Tây. Mặc dù chúng ta nghèo, chúng ta rất mãn nguyện bên trong." Đó là sự ngây ngô, vớ vẩn cực kỳ; thực ra, họ không mãn nguyện. Tôi đã từng quan sát hằng ngàn người – họ không mãn nguyện. Một điều chắc chắn đúng, là họ không nhận biết về sự bất mãn, bởi vì để nhận biết sự bất mãn, thì phải cần đến sự giàu có bên ngoài. Không có sự giàu có bên ngoài, thì không ai trở nên nhận biết sự bất mãn bên trong của họ – và có thừa những chứng cớ về điều đó.

Tất cả những avatar của những người Hindu đều là vua hay là con trai của vua. Tất cả những tirtankara của đạo Jaina, những đạo sư Jaina, đều là vua; Đức Phật cũng vậy. Tất cả ba truyền thống lớn của Ấn độ đã cung cấp đầy đủ chứng cứ. Tại sao Đức Phật trở nên bất mãn, tại sao Ngài bắt đầu một cuộc tìm kiếm thiền định? Bởi vì Ngài giàu có. Ngài sống trong xa hoa; Ngài sống với tất cả mọi tiện nghi vật chất. Bỗng nhiên Ngài trở nên nhận biết. Và Ngài còn khá trẻ khi nó xảy ra; Ngài chỉ mới 29 tuổi khi Ngài trở nên nhận biết rằng có một lỗ hổng đen bên trong. Ánh sáng ở bên ngoài; do vậy, nó cho thấy bóng tối bên trong của bạn. Chỉ một chút bẩn trên một sơ mi trắng, và nó hiện rõ. Đó là cái đã xảy ra. Ngài trốn thoát khỏi cung điện.

Đó là cái đã xảy ra cho Mahavira; Ngài cũng trốn khỏi một cung điện. Nó không đang xảy ra cho một kẻ hành khất. Cũng có những kẻ hành khất trong thời của Đức Phật. Thật ra, theo truyền thuyết, Đức Phật từ bỏ thế gian khi Ngài thấy một kẻ hành khất lần đầu tiên, và một ông già, một tử thi, và một sannyasin. Những người ăn xin có mặt ở đó.

Đức Phật (lúc ấy là thái tử Siddharta. ND) sắp tham dự vào một lễ festival dành cho giới trẻ, chàng phải khánh thành nó. Từ chiếc kim

xa (golden chariot) của mình, chàng thấy một kẻ hành khất – lần đầu tiên, bởi vì phụ vương chàng đã xoay xở (manage) suốt đời ông, sao cho Thái tử sẽ không bao giờ thấy một kẻ hành khất, hay một người bệnh, hay một người chết. Bởi vì khi Ngài đản sanh, những nhà chiêm tinh đã nói với vua cha: "Nếu thái tử thấy những người này, ngay lập tức thái tử sẽ từ bỏ thế gian, cho nên, đừng cho phép thái tử thấy họ." Do vậy, bất cứ nơi nào Thái tử thường đi tới, những kẻ hành khất được di chuyển đi nơi khác. Những người già sẽ bị di chuyển, hay bị buộc phải ở trong nhà họ, không được ra ngoài. Ngay trong khu vườn của Thái tử, không chiếc lá chết nào được cho phép. Mọi lá chết đều được thu dọn trong đêm, do vậy, vào buổi sáng khi Thái tử đi ra vườn, chàng chỉ có thể thấy sự trẻ trung, những chiếc lá non, những bông hoa mơn mởn. Chàng chưa bao giờ thấy một bông hoa héo tàn.

Khi chàng thấy một kẻ hành khất lần đầu tiên … Và câu chuyện ngụ ngôn này thật đẹp; nó nói rằng, chư thiên trở nên lo lắng; "Vua cha đang quá thành công. 29 năm đã trôi qua và Thái tử có năng lực trở nên một trong những kẻ chứng ngộ nhất trên thế gian." Chư thiên trở nên lo lắng: "Phụ vương chàng xoay xở quá thành công, đến mức có thể chàng sẽ không bao giờ gặp một kẻ hành khất hay một người già; chàng có thể bỏ lỡ." Do vậy, một vị thần hoá thành một kẻ hành khất, một vị khác, một ông già, một vị khác, một người chết, và một vị khác, một sannyasin.

Do vậy, trong thời của Đức Phật, những người hành khất có mặt ở đó – nhưng họ không từ bỏ thế gian. Họ không có gì để từ bỏ; họ mãn nguyện. Nhưng Thái tử Siddharta trở nên bất mãn.

Xưa kia, khi Ấn độ giàu có, nhiều người quan tâm đến thiền định; thật vậy, tất cả mọi người đều quan tâm đến thiền định. Chẳng sớm thì muộn, họ buộc phải bắt đầu nghĩ về mặt trăng, về cái "bên kia" (beyond), về cái bên trong. Bây giờ đất nước nghèo, quá nghèo đến mức không có sự tương phản nào giữa cái bên trong và cái bên ngoài. Cái bên trong nghèo, cái bên ngoài cũng nghèo. Cái bên trong

và cái bên ngoài ở trong sự hòa điệu hoàn hảo – cả hai đều nghèo! Đó là lý do tại sao bạn thấy một loại mãn nguyện trên khuôn mặt người Ấn, đó không phải là sự mãn nguyện thực thụ. Và do vậy, người ta đã trở nên quen với việc nghĩ rằng sự nghèo nàn có cái gì tâm linh trong nó.

Sự nghèo nàn được thờ phụng tại Ấn độ. Đó là một trong những lý do tại sao tôi bị kết án một cách liên tục, bởi vì tôi không ủng hộ bất cứ sự nghèo nàn nào. Sự nghèo nàn không phải là tính tâm linh, sự nghèo nàn là nguyên nhân gây ra sự biến mất của tính tâm linh.

Tôi muốn toàn thế giới trở nên giàu có càng nhiều càng tốt. Người ta càng giàu có, họ càng trở nên tâm linh. Họ sẽ phải (trở nên tâm linh), họ sẽ không thể tránh nó. Và chỉ khi đó sự mãn nguyện thực thụ mới có thể khởi lên.

Khi bạn có thể tạo ra sự giàu có bên trong, thì sựï hòa điệu lại xuất hiện – sự giàu có bên ngoài gặp sự giàu có bên trong – rồi, có sự mãn nguyện thực thụ. Khi sự nghèo nàn bên ngoài gặp sự nghèo nàn bên trong, thì có sự mãn nguyện giả dối. Sự hòa điệu là khả dĩ trong hai cách này. Cái bên ngoài và cái bên trong hòa điệu, và người ta cảm thấy mãn nguyện. Ấn độ có vẻ mãn nguyện bởi vì có sự nghèo nàn ở hai phía của hàng rào ((the fence). Có sự hòa điệu hoàn hảo, cái bên trong hòa điệu với cái bên ngoài; nhưng đây là sự mãn nguyện xấu xa, nó thực sự thiếu sự sống, thiếu sinh khí. Đây là một loại mãn nguyện nhạt phèo, chán ngắt.

Phương Tây bắt buộc phải trở nên quan tâm đến thiền định, không có cách nào để tránh nó. Đó là lý do tại sao Kytô giáo đang đánh mất ảnh hưởng của nó trên tâm trí phương Tây, bởi vì Kytô giáo chưa phát triển khoa học thiền định trên bất cứ phương diện nào. Nó vẫn còn là một tôn giáo rất tầm thường (mediocre); Do Thái giáo cũng vậy.

Phương Tây nghèo nàn khi những tôn giáo này được sinh ra, đó là lý do. Cho tới lúc đó, phương Tây đã sống trong nghèo nàn. Khi phương Đông giàu có, thì phương Tây nghèo nàn. Do Thái giáo, Kytô giáo, và Hồi giáo – tất cả ba tôn giáo phi Ấn độ này, đều được sinh ra trong sự nghèo nàn. Chúng không thể phát triển những kỹ thuật thiền định, không có nhu cầu. Chúng vẫn còn là những tôn giáo của người nghèo.

Bây giờ phương Tây đã trở nên giàu và có một chênh lệch, cách biệt (disparity).

Những tôn giáo phương Tây đều được sinh ra trong sự nghèo khó; chúng không có gì để tặng cho những người giàu. Đối với những người giàu, chúng nom có vẻ trẻ con, chúng không mang lại thỏa mãn. Chúng không thể làm thỏa mãn. Những tôn giáo phương Đông được sinh ra trong sự giàu có; đó là lý do tại sao tâm trí phương Tây đang trở nên ngày càng quan tâm đến những tôn giáo phương Đông. Vâng, tôn giáo của Đức Phật đang có ảnh hưởng lớn; Zen đang lan tràn như lửa cháy rừng (wildfire). Tại sao? Nó được sinh ra từ sự giàu có.

Có một sự tương đồng to lớn giữa tâm lý học phương Tây của con người hiện đại và tâm lý học của Phật giáo. Phương Tây ở trong trạng thái tương tự như (của) Đức Phật khi Ngài trở nên quan tâm đến thiền định. Đó là cuộc tìm kiếm của một người giàu. Và cũng là trường hợp của Ấn độ giáo, cũng là trường hợp của Jaina giáo. Ba tôn giáo lớn này của Ấn độ đều được sinh ra từ sự giàu có; do vậy, phương Tây nhất thiết phải bị hấp dẫn bởi những tôn giáo phương Đông này.

Phương Đông đang mất liên hệ với những tôn giáo của chính mình.[2] Ấn độ không thể nào hiểu được Đức Phật – nó là một đất nước nghèo. Thực ra, những người Ấn nghèo đang cải đạo sang Kytô giáo. Những người Mỹ giàu đang cải đạo sang Phật giáo, Ấn độ

giáo, Vedanta – và những người "tiện dân" (untouchable), những người nghèo nhất của Ấn độ, đang trở thành những người Kytô. Bạn có thấy cái điểm then chốt này không? Những tôn giáo này có một hấp dẫn nào đó đối với người nghèo. Nhưng chúng không có tương lai nào cả, bởi vì không sớm thì muộn, toàn thế giới sẽ trở nên giàu có.

Tôi không ca ngợi sự nghèo nàn, tôi không kính trọng sự nghèo nàn. Con người phải được hưởng cả hai loại giàu có. Tại sao không cả hai? Khoa học đã phát triển kỹ thuật làm cho bạn giàu có bên trong: đó là Yoga, Mật tông, Lão giáo, đạo Sufi, đạo Hassidi – có những kỹ thuật về cái bên trong.

Sau đây là một câu chuyện:

Nhân vật trung tâm của câu chuyện này là một trong những người chấp nhận mọi sự xảy ra như là sự biểu hiện của quyền lực thiêng liêng. Ông ta nói, việc tra vấn những hành động của "thiên ý" (divine providence) không phải là việc của ông.

Suốt đời mình, ông gặp toàn bất hạnh, nhưng ông chưa một lần than van. Ông kết hôn, và vợ ông chạy theo người làm mướn. Ông có một con gái, và đứa con gái bị một tên vô lại lường gạt. Ông có một đứa con trai, và nó bị hành hình. Một trận hỏa hoạn thiêu cháy vựa lúa của ông, một trận cuồng phong thổi bay ngôi nhà của ông, một trận bão tuyết hủy hoại mùa màng của ông, và người chủ ngân hàng tịch biên mọi tài sản cầm cố của ông, lấy đi nông trại của ông. Thế nhưng, cứ mỗi cú đánh của bất hạnh, ông quỳ xuống và tạ ơn "Thượng đế Toàn Năng về lòng xót thương vô hạn của Ngài."

Sau một thời gian, không đồng xu dính túi, nhưng vẫn tuân phục những "sắc lệnh" (decree) từ trên cao, ông vào tá túc trong một trại tế bần vùng quê. Một hôm người giám thị (overseer) phái ông ra ngoài để cày một cánh đồng khoai tây. Một cơn bão sấm nổi lên, nhưng khi nó đi ngang qua ông, thì, không báo trước, một lưỡi sét bổ xuống từ bầu trời. Nó làm chảy cái lưỡi cày, lột hết quần áo của ông, làm râu

ông cháy xém, và khắc vào tấm lưng trần của ông với những chữ đầu tên (initials) của một người chăn bò (cowman) vùng lân cận, và ném ông xuyên qua một hàng rào kẽm gai.

Khi ông tỉnh lại, ông từ từ quỳ gối, chắp tay lại và ngước mắt nhìn lên bầu trời. Rồi, lần đầu tiên, ông tự mình khẳng định:

" Lạy Chúa," ông nói, " điều này đang trở nên hoàn toàn lố bịch!"

Đây là tình huống của phương Đông: " Điều này đang đi tới chỗ hoàn toàn lố bịch!" Nhưng phương Đông vẫn tiếp tục cám ơn Thượng đế, tiếp tục cảm thấy biết ơn. Không có gì để cảm thấy biết ơn nữa! Phương Đông đang cực kỳ nghèo nàn, bệnh hoạn, đói khát; không có gì để biết ơn. Nhưng phương Đông đã quên cái cách để đòi hỏi quyền lợi của mình, phương Đông đã quên cái cách để làm bất cứ cái gì để cải thiện tình trạng của nó.

Do vậy, phương Đông không thể thiền định. Phương Đông hầu như đang sống trong một loại "vô ý thức" (unconsciousness). Nó quá đói để mà thiền định, quá nghèo để mà cầu nguyện. Mối quan tâm duy nhất của nó là bánh mì, chỗ ở, y phục; cho nên, khi nhà truyền giáo Kytô đến và mở một bệnh viện hay một trường học, thì những người Ấn độ rất cảm kích – đây là "tính tâm linh." Khi tôi khởi sự dạy về thiền định, họ không quan tâm – không những không quan tâm, mà họ còn chống lại nó: "Đây là loại tâm linh tính gì thế?" Và tôi hiểu – họ cần bánh mì, họ cần chỗ ở, họ cần y phục. Nhưng họ đang khổ bởi vì tâm trí họ. Một mặt, họ cần bánh mì, chỗ ở, y phục, những ngôi nhà tốt hơn, đường sá tốt hơn; và mặt khác, họ tiếp tục thờ phụng sự nghèo nàn. Họ ở trong cái tình trạng "một cổ hai tròng."

Phương Đông chưa thể thiền định.[3] Trước hết, nó cần khoa học kỹ thuật để làm cho nó khá hơn một chút về vật chất. Y như phương Tây cần kỹ thuật về tôn giáo, phương Đông cần kỹ thuật về khoa học.

Và tôi hoàn toàn ủng hộ một thế giới, nơi mà phương Tây có thể thỏa mãn những nhu cầu của phương Đông, và phương Đông có thể thỏa mãn những nhu cầu của phương Tây. Phương Đông và phương Tây đã sống tách biệt khá lâu; không còn cần như vậy nữa. Phương Đông không còn nên là phương Đông, và phương Tây không còn nên là phương Tây nữa. Chúng ta đã đi tới cái khoảnh khắc "sinh tử" (critical) khi mà mà toàn bộ trái đất có thể trở thành một – nên trở thành một – bởi vì nó chỉ có thể sống sót nếu nó trở thành một.

Những tháng ngày khi mà thế giới phân chia ra thành những dân tộc đã qua, những ngày của sự phân chia đã qua, những ngày của những nhà chính trị đã qua. Chúng ta đang di chuyển trong một thế giới hết sức mới, một "pha" (phase) mới của nhân loại – trong cái "pha" mới này, chỉ có một thế giới độc nhất, chỉ có một nhân loại độc nhất. Và rồi, sẽ có một sự phóng thích năng lượng cực kỳ lớn.

Phương Đông có những kho báu, những kỹ thuật tôn giáo, và phương Tây có những kho báu, những kỹ thuật khoa học. Và nếu chúng có thể gặp gỡ, thì chính thế giới này sẽ có thể trở thành một thiên đường. Bây giờ không cần cầu xin một thế giới khác; chúng ta có khả năng tạo ra thiên đường trên trái đất này, lần đầu tiên. Và nếu chúng ta không tạo ra nó, thì ngoài chúng ta, không ai khác chịu trách nhiệm.

Tôi ủng hộ một thế giới độc nhất, một nhân loại độc nhất, và cuối cùng, một khoa học độc nhất mà sẽ chăm sóc cái bên ngoài và cái bên trong, cả hai.[4]

Đó là cái mà tôi đang cố làm ở đây. Nó là một cuộc gặp gỡ giữa Đông và Tây; nó là cái tử cung (the womb) nơi mà một nhân loại mới (new humanity) có thể được thai nghén, được sinh ra đời.

Đây là những "đối cực" (polarities) trong cuộc sống, thiền định và tình yêu – đây là cái "đối cực" tối hậu.

Cái toàn bộ của cuộc sống gồm có những đối cực: cái tích cực và cái tiêu cực, sự ra đời và sự chết, đàn ông và đàn bà, ngày và đêm, mùa hạ và mùa đông. Cái toàn bộ của cuộc sống bao gồm những đối cực. Nhưng những đối cực đó không chỉ là những đối cực, chúng còn là những cái bổ sung cho nhau. Chúng đang giúp nhau, chúng đang hỗ trợ nhau.

Chúng giống như những viên gạch của một cổng vòm cung (arch). Trong một vòm cung, những viên gạch phải được sắp xếp dựa vào nhau. Chúng nom có vẻ chống lại nhau, nhưng nhờ đối nghịch với nhau mà cái vòm cung được xây lên, đứng vững được. Sức mạnh của cái vòm cung tùy thuộc vào cái đối cực của những viên gạch được xếp đối nghịch nhau.

Đây là cái đối cực tối hậu: thiền định có nghĩa là nghệ thuật ở một mình, và tình yêu có nghĩa là nghệ thuật ở cùng nhau. Con người toàn bộ là người có khả năng di chuyển từ cái này sang cái kia càng dễ dàng càng tốt. Nó hệt như việc thở vào và thở ra – không có khó khăn nào. Chúng đối nghịch nhau – khi bạn thở vào có một tiến trình, và khi bạn thở ra, cái tiến trình thì ngược lại. Nhưng việc thở vào và thở ra làm thành một hơi thở hoàn chỉnh.

Trong thiền định, bạn thở vào, trong tình yêu bạn thở ra. Và với tình yêu và thiền định cùng nhau, hơi thở của bạn là hoàn chỉnh, trọn vẹn, toàn bộ.

Trong nhiều thế kỷ, những tôn giáo đã cố đạt tới một cực, loại trừ cực kia. Có những tôn giáo của thiền định, thí dụ, Jaina giáo, Phật giáo – chúng là những tôn giáo thiền định, chúng có gốc rễ trong thiền định. Và có những tôn giáo bhakti, những tôn giáo của sùng kính: đạo Sufi, Hassidi – chúng có gốc rễ trong tình yêu. Một tôn giáo

có gốc rễ trong tình yêu cần Thượng đế như là " tha thể" (the other) để yêu, để cầu nguyện. Không có một Thượng Đế, một tôn giáo của tình yêu không thể tồn tại, nó là không thể quan niệm được – bạn cần một đối tượng của tình yêu. Nhưng một tôn giáo của thiền định thì có thể tồn tại mà không có khái niệm về Thượng đế; cái giả thiết đó có thể được bỏ đi. Do vậy, Phật giáo và Jaina giáo không tin vào bất cứ Thượng đế nào. Không cần một "tha thể". Bạn chỉ cần biết cách ở một mình, biết cách im lặng, tĩnh lặng, hoàn toàn bình thản, và lặng lẽ bên trong chính bạn. "Tha thể" phải hoàn toàn được bỏ đi, quên đi. Do vậy, đây là những tôn giáo không Thượng đế.

Khi lần đầu tiên những nhà thần học phương Tây (tình cờ) gặp văn học Phật giáo và Jaina giáo, họ hết sức thắc mắc: làm thế nào gọi những triết học phi Thượng đế này là những tôn giáo? Chúng có thể được gọi là những triết học, nhưng làm sao gọi chúng là tôn giáo được? Thật khó quan niệm được với họ, bởi vì truyền thống Do Thái giáo và Kytô giáo nghĩ rằng muốn có tính tôn giáo, thì Thượng đế là giả thiết cốt yếu nhất. Con người tôn giáo là người "sợ-Thượng đế," và những người này nói rằng không có Thượng đế, do vậy, không có vấn đề sợ Thượng đế.

Tại phương Tây, trong hằng ngàn năm, người ta vẫn nghĩ rằng, người nào không tin vào Thượng đế, là một kẻ vô thần, y không phải là một người tôn giáo. Nhưng Đức Phật thì vô thần và tôn giáo. Điều đó rất kỳ lạ đối với những người phương Tây, bởi vì họ không hề nhận biết rằng, có những tôn giáo có gốc rễ trong thiền định.

Và điều tương tự cũng đúng về những người theo Phật và Mahavira. Họ cười nhạo sự ngu xuẩn của những tôn giáo khác mà tin vào Thượng đế, bởi vì toàn bộ ý tưởng đó là phi lý. Nó chỉ là sự hão huyền (fantasy), tưởng tượng, không có gì khác; nó là một sự phóng chiếu. Nhưng đối với tôi, cả hai đều cùng đúng.

Sự hiểu biết của tôi thì không có gốc rễ trong một cực; sự hiểu biết của tôi thì lỏng, uyển chuyển (fluid). Tôi đã nếm chân lý từ cả hai phía: tôi đã yêu một cách toàn bộ và tôi đã thiền định một cách toàn bộ. Và đây là kinh nghiệm của tôi: rằng một người chỉ toàn bộ khi y đã biết cả hai. Nếu không thế, y vẫn còn một nửa, một cái gì đó còn thiếu bên trong y.

Đức Phật là một nửa – Jesus cũng vậy.[5] Jesus biết tình yêu là gì, Phật biết thiền định là gì, nhưng nếu họ gặp nhau, họ sẽ không thể nào truyền thông với nhau. Họ sẽ không hiểu ngôn ngữ của nhau. Jesus sẽ nói về vương quốc của Thượng đế, và Đức Phật sẽ bắt đầu cười: " Bạn đang nói về cái vớ vẩn gì thế? Vương quốc của Thượng đế?" Đức Phật sẽ chỉ nói, " Sự chấm dứt của cái tôi, sự biến mất của cái tôi." Và Jesus sẽ nói, " Sự biến mất của cái tôi? Sự chấm dứt của cái tôi? Cái đó là tự vẫn, sự tự vẫn tối hậu. Đây là loại tôn giáo gì vậy? Hãy nói về cái tôi tối cao!"

Họ sẽ không hiểu những lời nói của nhau. Nếu họ từng gặp nhau, họ sẽ cần một người giống như tôi để thông dịch; nếu không thế, không thể có sự truyền thông nào giữa họ. Và tôi sẽ phải thông dịch sao cho tôi sẽ "không trung thực" (untrue) với cả hai! Jesus sẽ nói, "vương quốc của Thượng đế" và tôi sẽ dịch nó như là "niết bàn" – rồi Đức Phật sẽ hiểu. Phật sẽ nói " niết bàn", và tôi sẽ dịch cho Jesus là "vương quốc của Thượng đế" – rồi thì Ngài sẽ hiểu.

Bây giờ nhân loại cần một cái nhìn toàn bộ. Chúng ta đã sống với tầm nhìn một nửa quá lâu. Nó là một sự cần thiết (tất yếu) của quá khứ, nhưng bây giờ con người đã tới tuổi thành niên. Những sannyasin của tôi phải chứng minh rằng, họ có thể thiền định và cầu nguyện cùng một lúc, rằng họ có thể thiền định và yêu cùng một lúc, rằng họ có thể im lặng như có thể và họ có thể nhảy múa và lễ hội (celebrating) nhiều như có thể. Sự im lặng của họ phải trở thành lễ hội của họ, và lễ hội của họ phải trở thành sự im lặng của họ. Tôi đang giao cho họ nhiệm vụ khó khăn nhất đã từng được giao cho bất cứ đệ tử nào, bởi vì đây là cuộc gặp gỡ của những đối nghịch.

Và trong cuộc gặp gỡ đó, tất cả mọi đối nghịch khác sẽ chảy tan và trở thành một: Đông và Tây, đàn ông và đàn bà, vật chất và ý thức, thế giới này và thế giới kia, cuộc sống và cái chết. Mọi đối nghịch sẽ gặp gỡ và hợp nhất (merge) thông qua cuộc gặp gỡ này, bởi vì đây là đối cực tối hậu; nó chứa đựng tất cả mọi đối nghịch.

Cuộc gặp gỡ này sẽ tạo ra một hữu thể người mới – Phật Zorba. Đó là cái tên mà tôi dành cho con người mới. Và mỗi trong số những sannyasin của tôi phải làm mọi nỗ lực có thể được, để trở thành một "chất lỏng" (liquidity) như thế, một sự tuôn chảy, để cho cả hai cực đều thuộc về bạn.

Rồi bạn sẽ phải nếm được "hương vị" (taste) của sự toàn bộ. Và biết sự toàn bộ là cách duy nhất để biết cái gì là "linh thánh" (holy). Không có cách nào khác.

Thông điệp của tôi rất đơn giản. Thông điệp của tôi là một con người mới, Homo Novus.[6] Khái niệm cũ về con người là hoặc là/hoặc là: duy vật hoặc duy tâm, đạo đức hoặc vô đạo đức, kẻ tội lỗi hoặc vị thánh. Nó được đặt nền trên sự chia chẻ, chia cắt. Nó tạo ra một nhân loại phân lập. Toàn bộ quá khứ của nhân loại vẫn bệnh hoạn, không mạnh khỏe, "điên rồ" (insane)… Trong ba ngàn năm, năm ngàn năm, những cuộc chiến tranh đã được tiến hành. Cái này là cực kỳ điên khùng; nó là không thể tin được. Nó ngu xuẩn, phi nhân, không thông minh.

Một khi bạn chia con người thành hai, bạn tạo ra sự khốn khổ và địa ngục cho y. Y không bao giờ có thể mạnh khỏe, và không bao giờ có thể toàn bộ; nửa kia - đã bị phủ nhận - sẽ tiếp tục tìm những cách thức và phương tiện để "vượt lên" (overcome) cái phần mà bạn đã áp đặt lên chính mình. Bạn sẽ trở thành một bãi chiến trường, một nội chiến. Đó là trường hợp đã xảy ra trong quá khứ.

Trong quá khứ, chúng ta đã không có khả năng tạo ra những hữu thể người thực thụ, mà chỉ là những humanoids. Một humanoid là một kẻ trông giống như một hữu thể người, nhưng hoàn toàn tàn phế, tê liệt. Y đã không được phép nở hoa trong tính toàn thể của mình. Y là một nửa, và bởi vì y là một nửa, y luôn ở trong sự thống khổ (anguish), và căng thẳng; y không thể " vui chơi," lễ hội (celebrate). Chỉ một con người toàn bộ mới có thể vui chơi. Sự vui chơi là hương thơm của trạng thái toàn bộ, không bị phân mảnh.

Chỉ cái cây nào mà đã sống toàn bộ thì mới nở hoa. Con người chưa nở hoa.

Quá khứ vẫn luôn tối tăm và ảm đạm. Nó vẫn luôn là một đêm đen của linh hồn. Và bởi vì nó có tính đè nén (repressive), nó buộc phải trở nên gây hấn. Nếu một cái gì đó bị đè nén, thì nó trở nên gây hấn, nó đánh mất tất cả những phẩm chất mềm mại của nó. Cho tới nay, nó vẫn luôn luôn là như vậy. Chúng ta đã tới một điểm mà ở đó cái cũ phải được bỏ đi, và cái mới phải được báo hiệu (heralded).

Con người mới sẽ không hoặc là/hoặc là – y sẽ là vừa… vừa … Con người mới sẽ vừa trần thế vừa "thiêng liêng" (divine), vừa "thế tục" vừa "siêu thế" (otherworldly). Con người mới sẽ chấp nhận tính toàn thể (totality) của mình, và y sẽ sống với nó mà không có bất cứ sự chia chẻ nội tâm nào, y sẽ không bị chia chẻ. Vị Thượng đế của y sẽ không chống đối với quỷ sứ (devil), đạo đức tính của y sẽ không nghịch lại với vô đạo đức tính; y sẽ không biết đến sự chống nghịch nào. Y sẽ siêu việt nhị nguyên tính, y sẽ không bị tâm thần phân lập. Với con người mới, sẽ đến một thế giới mới, bởi vì con người mới sẽ tri giác trong một cách khác, khác về chất lượng. Y sẽ sống một cuộc sống hoàn toàn khác, mà trước đây chưa từng được sống. Y sẽ là một nhà thần bí (mystic), một nhà thơ, một nhà khoa học, tất cả gộp lại. Y sẽ không chọn lựa: Y sẽ là chính mình một cách không chọn lựa.

Đó là cái mà tôi dạy: Homo Novus, một con người mới, không phải là một humanoid. Một humanoid không phải là một hiện tượng tự nhiên. Humanoid được tạo ra bởi xã hội – bởi người tăng sĩ, nhà chính trị, nhà mô phạm (pedagogue). Humanoid được tạo ra, được sản xuất ra. Mỗi đứa trẻ chào đời như một hữu thể người – toàn vẹn, toàn bộ, sống động, không có sự chia chẻ nào. Ngay lập tức, xã hội bắt đầu bóp nghẹt nó, làm nó ngộp thở, cắt nó thành nhiều mảnh vụn. Bảo nó phải làm gì, và không làm gì, phải là gì và không là gì. Tính toàn bộ của nó chẳng bao lâu bị đánh mất. Nó trở nên (cảm thấy) tội lỗi về bản thể toàn bộ của mình. Nó phủ định nhiều cái tự nhiên, và ngay trong sự phủ nhận đó, nó trở nên không sáng tạo. Bây giờ nó sẽ chỉ là một mảnh, và một mảnh không thể nhảy múa, một mảnh không thể ca hát. Và một mảnh thì luôn có tính tự vẫn, bởi vì một mảnh không thể biết cuộc sống là cái gì. Humanoid không thể tự quyết định. Những người khác đã và đang quyết định thay cho y – cha mẹ, thầy cô giáo, những lãnh tụ, giới tăng sĩ; tất cả họ nắm lấy quyền quyết định của y. Họ quyết định, họ ra lệnh; y chỉ đơn giản đi theo. Humanoid là một tên nô lệ.[7]

Tôi dạy sự tự do. Bây giờ, con người phải tiêu diệt mọi loại trói buộc (bondage) và y phải ra khỏi tất cả mọi nhà tù – không còn nô lệ nữa. Con người phải trở nên cá thể. Y phải trở nên nổi loạn (rebellious). Và bất cứ khi nào một người đã trở nên nổi loạn … Thỉnh thoảng một ít người đã thoát khỏi sự độc đoán của quá khứ, nhưng chỉ thỉnh thoảng – một Jesus đó đây, một Đức Phật đó đây. Họ là những ngoại lệ. Và ngay cả những người này, Jesus và Phật, cũng không thể sống một cách toàn bộ. Họ cố, nhưng toàn xã hội chống lại điều đó.

Khái niệm của tôi về con người mới, là y sẽ trở thành Zorba người Hy Lạp và cũng sẽ là Phật Gautama. Con người mới sẽ là Phật Zorba. Người ấy vừa "nhục cảm" (sensuous) vừa tâm linh – nhục cảm, cực kỳ nhục cảm (physical), trong thân thể, trong cảm quan, thưởng thức thân thể và tất cả những gì thân thể làm cho có thể, và

vẫn là một ý thức vĩ đại, một sự chứng kiến vĩ đại sẽ ở đó. Người ấy sẽ là một Christ và Epicurus [8] một cách đồng thời.

Lý tưởng của con người cũ là sự từ bỏ, lý tưởng của con người mới sẽ là vui hưởng. Và con người mới này đang đến hằng ngày, y đang đến hằng ngày. Thế nhưng người ta vẫn cứ chưa trở nên nhận biết y. Thật ra, y đã đã bắt đầu ló dạng (dawned) rồi. Cái cũ đang chết, cái cũ đang nằm trên giường chết của nó. Tôi không than khóc nó, và tôi nói nó chết là tốt, bởi vì từ cái chết của nó, cái mới sẽ tự khẳng định chính mình. Cái chết của cái cũ sẽ là sự khởi đầu của cái mới. Cái mới chỉ có thể đến khi cái cũ đã hoàn toàn chết đi.

Hãy giúp con người cũ chết đi và con người mới ra đời – và hãy nhớ, con người cũ có mọi sự khả kính, và toàn bộ quá khứ sẽ ủng hộ y và con người mới sẽ là một hiện tượng rất kỳ lạ. Con người mới sẽ quá mới, đến nỗi y sẽ không được kính trọng. Mọi nỗ lực sẽ được làm để tiêu diệt con người mới. Con người mới không thể khả kính, nhưng cùng với con người mới là tương lai của toàn bộ nhân loại. Con người mới phải được trình diện.

Công trình của tôi gồm có việc tạo ra một Phật trường, một trường năng lượng, nơi mà cái mới có thể được sinh ra. Tôi chỉ là một bà đỡ giúp cái mới đi vào trong một thế giới mà sẽ không đang chấp nhận nó. Cái mới sẽ cần nhiều hỗ trợ từ những ai có trí tuệ và thức thời, từ những ai muốn cuộc cách mạng nào đó xảy ra. Và thời gian đã chín muồi, và nó chưa bao giờ chín muồi như thế. Đây là thời điểm thích hợp, nó chưa bao giờ thích hợp như thế. Cái mới có thể tự khẳng định mình, sự đột phá đã trở nên có thể được.

Cái cũ (the old) thì quá thối nát, đến mức ngay cả với tất cả sự ủng hộ, nó không thể sống sót; nó phải đến ngày tận số! Chúng ta có thể trì hoãn, chúng ta có thể tiếp tục thờ phụng cái cũ; đó chỉ là trì hoãn cái tiến trình. Cái mới thì đang trên đường đi của nó. Tối đa, chúng ta có thể giúp nó đến sớm hơn, hoặc chúng ta có thể ngăn trở (kìm

hãm) nó và trì hoãn sự xuất hiện của nó. Trợ giúp nó là tốt. Nếu nó đến sớm hơn, thì nhân loại sẽ vẫn còn có một tương lai, một tương lai lớn – một tương lai của tự do, một tương lai của tình yêu, một tương lai của niềm vui.

Tôi dạy một tôn giáo mới. Tôn giáo này sẽ không là Kytô giáo, không là Do thái giáo, và sẽ không là Hindu giáo. Tôn giáo này sẽ không có bất cứ tính từ nào thêm vào nó. "Tôn giáo" này không phải là tôn giáo thông thường, nó chỉ là "tính tôn giáo" - là việc "trở nên toàn bộ." [9]

Người của tôi sẽ phải trở thành những tia nắng đầu tiên mà sắp hiện lên bầu trời. Nó là một nhiệm vụ to lớn, nó là một nhiệm vụ hầu như bất khả, nhưng bởi vì nó là bất khả, nó sẽ khuyến dụ (seduce) tất cả những ai có một chút linh hồn nào còn sót lại trong họ. Nó sắp tạo ra một hoài vọng lớn trong tất cả những người mà có sự mạo hiểm ẩn giấu trong bản thể của họ, người dũng cảm, gan dạ, bởi vì nó thực sự sẽ tạo ra một thế giới dũng cảm mới.

Tôi nói về Đức Phật, tôi nói về Christ, tôi nói về Krishna, tôi nói về Zarathustra, để cho tất cả những gì tốt nhất và tất cả những gì tốt lành trong quá khứ có thể được bảo quản. Nhưng đây chỉ là một ít ngoại lệ. Toàn bộ nhân loại đã sống trong sự nô lệ to lớn, bị xiềng xích, bị chia chẻ, bị điên loạn (insane).

Thông điệp của tôi thì đơn giản nhưng sẽ rất khó khăn, rất gay go để làm cho nó xảy ra. Nhưng nó càng khó khăn, nó càng bất khả, thì thách thức càng lớn. Và thời điểm đã đến, bởi vì tôn giáo đã thất bại, khoa học đã thất bại.[10] Thời điểm đã đến, bởi vì phương Đông đã thất bại, phương Tây đã thất bại. Một cái gì đó của một tổng hợp cao hơn được cần đến, trong đó Đông và Tây có thể có một cuộc gặp gỡ, trong đó tôn giáo và khoa học có thể có một cuộc gặp gỡ.

Tôn giáo thất bại bởi vì nó thuộc về thế giới bên kia, và nó bỏ bê thế giới này. Và bạn không thể bỏ bê thế giới này; bỏ bê thế giới này là bỏ bê chính những gốc rễ của bạn. Khoa học đã thất bại bởi vì nó bỏ bê thế giới kia (the other wold), thế giới bên trong, và bạn không thể bỏ bê những bông hoa. Một khi bạn bỏ bê những bông hoa, cái cốt lõi nội tại nhất của tồn tại, thì cuộc sống mất hết ý nghĩa. Y như cái cây cần những gốc rễ, con người cũng cần gốc rễ, và những gốc rễ chỉ có thể ở trong đất. Cái cây cần một bầu trời rộng mở để phát triển, để đi tới chỗ trổ ra những tán lá (foliage), và có hằng ngàn bông hoa. Lúc đó, và chỉ lúc đó, cái cây mới hoàn thiện, chỉ lúc đó, cái cây mới cảm nhận tầm quan trọng và ý nghĩa (meaning), và sự sống trở nên thiết thân (relevant).

Con người cũng ví như một cái cây. Tôn giáo đã thất bại bởi vì nó chỉ đang nói về những bông hoa. Những bông hoa đó vẫn còn mang tính triết học, trừu tượng; chúng không bao giờ hiện thực hoá (meterialize). Chúng không thể trở thành hiện thực, bởi vì chúng không được hỗ trợ bởi đất. Và khoa học đã thất bại, bởi vì nó chỉ lưu tâm đến những gốc rễ. Những gốc rễ thì xấu xí, và có vẻ như không có sự nở hoa nào.

Phương Tây đang đau khổ vì quá nhiều khoa học; phương Đông đã đau khổ vì quá nhiều tôn giáo. Bây giờ, chúng ta cần một nhân loại mới mà trong đó tôn giáo và khoa học trở thành hai mặt của một hữu thể người. Và cây cầu sẽ là nghệ thuật. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng con người mới sẽ là một nhà thần bí (mystic), một nhà thơ và nhà khoa học.

Giữa khoa học và tôn giáo, chỉ nghệ thuật [11] mới có thể là cây cầu – thi ca, âm nhạc, điêu khắc. Một khi chúng ta đã đưa con người mới này ra đời, thì trái đất có thể, lần đầu tiên, trở thành cái mà nó phải (is meant to) trở thành. Nó có thể trở thành một thiên đường: chính cái thân thể này là Phật, chính trái đất này là thiên đường.

~~000~~

Chú thích của chương

[1] Như Việt Nam chúng ta, vẫn còn nghèo – vẫn đang trên đường "hiện đại hóa – mà ở một số người, sự "tiếp xúc với cái bên trong" đã bị đánh mất rồi. Có dịp đọc Nguyễn Huy Thiệp, và Cơ Hội Của Chúa (Nguyễn Việt Hà), và… vân vân, bạn đọc sẽ thấy thấm thía điều ấy. Có lần, tôi "gồng mình" nói với bạn bè: " Khi Việt Nam mình càng giàu lên, sẽ càng thêm nhiều người BỊ HẤP DẪN BỞI OSHO." Câu nói này, cũng chỉ dựa trên "định đề" của Osho: " Khi người ta giàu có bên ngoài, họ mới dễ nhận ra SỰ NGHÈO NÀN BÊN TRONG." Khi tôi dám nói như vậy, thì không phải là tôi nghĩ rằng Osho không có sai lầm, mà chỉ muốn nói, quả thật Osho có nhiều cái "hấp dẫn" đối với con người hiện đại, thế thôi. Dĩ nhiên, phải "cảnh giác" khi đọc ông, thì mới có lợi; ngược lại, thì có thể là … phản tác dụng!

[2] Hình như khái quát này của Osho cũng rất "có lý" , phải không? Còn ở phương Tây, thì "giới tinh hoa" của họ đang quay mặt về phương Đông. Có thể tham khảo cuốn " Tôn giáo & xã hội hiện đại" của Cao Huy Thuần, NXB Thuận Hóa,2006). Được viết bằng một giọng văn rất tự nhiên và rất … vui!

[3] Dĩ nhiên, Osho chỉ muốn nói về "quần chúng đại trà" mà thôi, chứ ông không "vơ đũa cả nắm" đâu! Bằng chứng, là phương Đông có rất nhiều vị Thiền sư đạt đạo.

[4] Hoài bão của ông cực kỳ lớn! Tiếc rằng, không sống được như Bành Tổ, để chứng kiến "giấc mơ" của Osho trở thành hiện thực!

[5] Đây chỉ là ý kiến riêng của Osho. Chắc chắn là vấn đề này cần được thảo luận nhiều.

[6] Trong quá khứ, đã có nhiều "mô hình về con người mới" được đề xuất. Chẳng hạn, F. Nietzche cũng đã "đề xuất" một mô hình con

người mới, đó là “Siêu Nhân” (Superman). Nhưng lịch sử đã cho thấy, mô hình Siêu Nhân của ông đã thất bại. Ba chặng đường của Siêu Nhân: Lạc đà, Sư tử, Hài nhi. Theo Kim Định, thì “hài nhi” của Nietzche “ có những cú đấm ngàn cân, đập phá như đô vật” ! (Nhân Bản, 1965). Còn “con người mới” của Osho? Có lẽ, vị này sẽ bớt nguy hiểm như “hài nhi” của Nietzche, nhưng dường như … “ hơi bị hoang tưởng” ?

[7] Theo Osho, nhìn chung, “chủng lọai người” mới chỉ là một “Humanoid” – nghĩa là, chưa trở thành “người.” Bi quan quá chăng? Nietzsche và nhiều bậc “tầm cỡ” khác, cũng nghĩ như vậy. Nhưng suy nghĩ kỹ, thì hình như Osho không phải là không có lý. Và, mấy ai dám nghĩ mình đã trở thành “con người” ?

[8] Epicurus (341 – 270, trước cơng nguyên). Triết gia cổ đại Hy Lạp, vốn được xem là người lập ra thuyết “duy khối lạc.” Theo ơng, cứu cánh của cuộc sống là đạt tới “khối lạc.” Tuy nhiên, nhiều người hiểu lầm ơng: cĩ 2 loại khối lạc, thể xác và tinh thần, và Epicurus ưu tiên cho loại “khối lạc tinh thần”. Karl Marx xưa kia cũng rất “thích” Epicurus, nhưng có lẽ chỉ vì Epicurus có nhãn quan “duy vật” và cho rằng “thần thánh” không can thiệp vào cuộc sống con người.

[9] Nguyên tác: “This religion will be purely a religious quality of being whole.” Câu này Osho diễn đạt chưa rõ ý lắm. Tôi chỉ dựa vào văn mạch và bối cảnh tư tưởng của ông để dịch thốt ý..

[10] “Tôn giáo” thất bại ở chỗ nào? Khoa học thất bại ở chỗ nào? Có thể xem thêm “ Cái vô hạn trong lòng bàn tay.” (Trịnh Xuân Thuận, Matthieu Ricard, NXB Trẻ, Phạm văn Thiều, Ngô Vũ dịch. 2005).

[11] Trong cuốn “Dhammapada” (bản dịch, Con đường của Phật, không ghi người dịch), Osho nói, con đường của ông là một tổng hợp của 3 chữ M : Meditation (M1- thiền định) + Music (M2 - Aâm nhạc, Nghệ Thuật) + Math (M3 – Toán học, Khoa học). Ông “chê” Phật

Gautama, Jesus … là chỉ có M1 ((Meditation) mà thiếu 2 “em” (M) kia. Trong mắt ông, thì tôn giáo nào cũng chỉ có một “em” (M), và thiếu mất 2 “em” (M) ! Ông nói: “ … Và chỉ có 3 loại tôn giáo đã tồn tại trên thế giới: tôn giáo của toán học, đại diện bởi Jaina giáo; tôn giáo của âm nhạc, đại diện bởi Hồi giáo, Kytô giáo, Do thái giáo, Hindu giáo; và tôn giáo của thiền định, đại diện bởi Phật giáo, Đạo giáo.” Chỉ có ông – Osho – là có đủ cả 3 “em” (M)! Không rõ ông nói đúng hay sai, nhưng quả thật, Osho có một tầm nhìn bao quát rất … “đáng nể.”

APPENDIX (PHỤ LỤC)

NHỮNG NÉT LỚN VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA OSHO

Tôi là trung tâm của cơn lốc, nên bất cứ cái gì xảy ra xung quanh tôi không tạo ra sự khác biệt nào với tôi. Nó có thể là sự náo động (turmoil), hay nó có thể là âm thanh đẹp của nước đang chảy; tôi chỉ là một nhân chứng của cả hai, và sự chứng kiến ấy vẫn là một. Trong phạm vi liên quan đến cái bản thể sâu thẳm nhất của tôi, thì trong mọi tình huống tôi vẫn chỉ là tôi – không đổi. Đây là giáo huấn toàn bộ của tôi: những sự thể có thể thay đổi, nhưng ý thức của bạn nên giữ nguyên, tuyệt đối không thay đổi.

Những sự thể sẽ thay đổi – đó là bản chất của chúng. Một ngày bạn thành công, một ngày bạn thất bại; một ngày bạn ở trên đỉnh, một ngày khác, bạn ở dưới đáy. Nhưng cái gì đó trong bạn thì luôn y nguyên, và cái đó là thực tại của bạn. Tôi sống trong thực tại của tôi, không phải trong những giấc mơ và những ác mộng vây quanh thực tại.

~~000~~

11.12.1931

Osho chào đời tại Kuchwada, ngôi làng nơi mà ông bà ngoại ông sống, tại bang Madhya Pradesh, Trung Ấn.

1932 – 1939: KUCHWADA

Theo sau cái chết của bà nội ông, việc chăm sóc những đứa con bé nhất của bà, và công việc kinh doanh của gia đình đổ lên vai cha mẹ của Osho, thuở ấy họ cũng chỉ mới là những đứa trẻ. Osho đến sống với ông bà ngoại, họ cung cấp cho ông một bầu khí phi thường của tự do và tôn trọng. Thêm vào những tường thuật của riêng ông, và những tường thuật của những người khác, mà họ biết ông trong thời thơ ấu của ông, thì ông là một đứa "đầu gấu" (táo tợn – daredevil) và "ngỗ nghịch" (mischief – maker), không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để trắc nghiệm những giới hạn thể chất của riêng ông, và thách thức sự tự thị (self – importance) hay đạo đức giả ở bất cứ nơi nào mà ông tìm thấy nó.

1938 – 1951 : GADARWADA

Sau cái chết của ông ngoại, thì Osho và bà ngoại, cả hai dời về Kuchwada, thị trấn nơi mà cha mẹ ông sinh sống. Tại đó, ông được ghi danh vào trường lần đầu tiên. Khi ông không đang bày ra trò nghịch ngợm và thách thức những giáo viên, Osho tiếp tục cách tiếp cận mạo hiểm (và thường là cô độc) với cuộc sống, là nét đặc trưng cho những năm đầu tiên sống với ông bà ngoại. Vào năm 1945, ở tuổi 14, ông tiến hành cuộc thí nghiệm 7 ngày trong việc chờ đợi cái chết, được khơi gợi một phần bởi sự tiên đoán khác thường của một nhà chiêm tinh, ông này được giao nhiệm vụ lấy lá số tử vi cho ông. (Xem trang…)

21.3.1953. CHỨNG NGỘ.

1951 – 1956: SINH VIÊN ĐẠI HỌC

Osho đi chuyên về triết học và đoạt nhiều giải thưởng trong những cuộc thi tranh luận. Ông tốt nghiệp loại ưu (giỏi) từ Jain College và được giáo sư S.S Roy mời đến học chương trình sau đại học tại Đại học Sagar.

1957 1970: GIÁO SƯ ĐẠI HỌC & NHÀ DIỄN THUYẾT

Osho chấp nhận một chức vụ (position) ở Sanskrit College tại Raipur và về sau, ở đại học Jabalpur, nơi mà ông dạy triết học. Sự "phi chính thống" (unorthodox) và phương pháp giảng dạy hết sức táo bạo của ông lôi kéo nhiều sinh viên đến những giờ học của ông, bất kể họ có thực sự ghi danh để lấy tín chỉ (môn triết) hay không. Theo dòng thời gian, ông bắt đầu mỗi lúc một rời xa khỏi những nhiệm vụ giảng dạy của mình và bắt đầu du hành tới những những nơi ông được mời nói trước công chúng, qua suốt đất nước Ấn độ.

1962: NHỮNG TRUNG TÂM THIỀN ĐỊNH ĐẦU TIÊN

Trong những cuộc du hành và nói chuyện trước công chúng, Osho thường hay chủ trì (conduct) những buổi thiền định có hướng dẫn ở cuối những buổi nói chuyện. Xung quanh giáo huấn của ông, mọc lên những trung tâm thiền định đầu tiên, được biết đến như là Jivan Jagruti Kendras (Những trung tâm đánh thức), và phong trào của ông được gọi là Jivan Jagruti Andolan (Phong trào đánh thức sự sống).

Với sự giúp đỡ của những thiền thất và những trung tâm thiền, tôi muốn, trong một phương cách khoa học, giới thiệu con người hiện đại đi vào thiền định – không chỉ trong một thể cách trí thức, mà giới thiệu họ tới thiền định theo cách thể nghiệm (experiential). Có những điều nhất định mà chúng ta chỉ có thể biết bằng cách thực hành chúng.

Những trung tâm thiền là những nơi chốn khoa học (scientific places), ở đó con người hiện đại có thể hiểu thiền định thông qua ngôn ngữ và biểu tượng. Không chỉ chừng đó, mà họ còn có thể thực sự thiền định và được dẫn nhập vào nó. Có 112 phương pháp như thế trên thế giới. Tôi muốn đưa ra một cơ sở chi tiết, có tính

khoa học cho những phương pháp này tại những trung tâm thiền định. Để cho bạn không chỉ hiểu, mà bạn còn có thể thực hành chúng.

1962 – 1974 : NHỮNG TRẠI THIỀN

Thêm vào những buổi nói chuyện trước công chúng, Osho bắt đầu tổ chức những "trại thiền" 3 – 10 ngày tại vùng quê, nơi mà ông nói chuyện hằng ngày và đích thân hướng dẫn thiền định cho những người tham dự.

Tôi thường nói với những đám đông 50 ngàn người, hoặc 100 ngàn người, và tôi biết rằng mọi sự đang vượt quá " cái đầu" (their heads) của họ; họ chỉ đơn giản đang ngồi ở đó. Những người này yêu mến tôi, không phải vì họ hiểu những cái mà tôi đang nói, nhưng chỉ bởi vì cái cách mà tôi đang nói nó. Họ yêu mến sự hiện diện của tôi – nhưng họ không phải là những kẻ tìm kiếm.

Thấy tình huống này, rằng nói với đám đông thì hầu như là vô ích, tôi bắt đầu tập hợp một ít người. Cách duy nhất là từ bỏ việc nói chuyện với những đám đông. Tôi thường đi lên núi và tôi thường thông báo với người ta rằng, bất cứ ai muốn lên núi trong 10 ngày, hoặc 7 ngày, thì họ có thể đến và ở cùng tôi. Đương nhiên, nếu ai đó để ra 10 ngày – rời khỏi công việc của mình – thì anh ta có mối quan tâm nào đó; nó không chỉ là sự tò mò. Nếu anh ta rời bỏ vợ con và công việc trong 10 ngày, thì ít nhất anh ta cho thấy một dấu hiệu rằng, anh ta không chỉ tò mò, mà anh ta thực sự muốn biết. Đó là cách mà những trại thiền bắt đầu.

THÁNG 6. 1964. TRẠI THIỀN RANAKPUR

Trại thiền Ranakpur trở thành một dấu mốc trong sự nghiệp (công việc - work) của Osho, bởi vì lần đầu tiên những bài nói chuyện và những trầm tưởng (meditations) của ông được ghi âm và xuất bản trong một cuốn sách, Con Đường Dẫn Đến Tự Chứng Thực (Path to Self – Realisation), được hoan nghênh rộng rãi tại Ấn. Sau này Osho nói rằng, cuốn sách này chứa đựng toàn bộ giáo huấn (teaching) của ông, mà không bao giờ thay đổi. Cuốn sách này bây giờ được in dưới nhan đề Con Đường Hoàn Hảo (The Perfect Way - Nhà xuất bản Rebel, Ấn độ). Ở lúc bắt đầu của trại thiền, ông đưa ra những nguyên tắc chỉ đạo (guideline) cho việc tham dự:

Châm ngôn đầu tiên là: sống trong hiện tại. Chỉ có hiện tại là thực và sống động (alive). Và nếu chân lý phải được biết, thì nó chỉ có thể được biết thông qua hiện tại.

Châm ngôn thứ hai là: sống một cách tự nhiên. Y như những diễn viên cất bỏ những hoá trang và y phục sân khấu, để nó sang một bên sau khi trình diễn, trong 5 ngày này (của trại thiền Ranakpur), bạn phải cất bỏ những chiếc mặt nạ và đặt chúng sang một bên. Hãy để cho cái nền tảng và tự nhiên trong bạn xuất hiện ra – và sống trong nó.

Châm ngôn thứ ba là: sống đơn độc. Bên trong, đừng để cho những sự việc ùa vào bạn. Và bên ngoài cũng đúng như vậy – hãy sống tự mình, như thể chỉ có một mình bạn tại trại này. Bạn không phải giữ liên hệ với bất cứ ai khác.

THÁNG 6. 1966: TẠP CHÍ JYOTI SIKHA (Đánh thức sự sống)

Một tuần báo bằng tiếng Hindi đượcxuất bản bởi Jivan Jagruti Kendra của Bombay, mà sau này trở thành nhà xuất bản chính thức của những cuốn sách ghi lại những bài nói chuyện của Osho. Vào lúc này, ông được biết đến một cách rộng rãi như là " Acharya Rajneesh."

1968: TỪ SEX ĐẾN SIÊU THỨC.

Osho được mời diễn thuyết một loạt 5 bài nói về "tình yêu" tại Thính đường Bharatiya Vidya Bhava, một thính đường rất có uy tín. Trong bài nói đầu tiên, vào 28/8, Osho giải thích rằng tình yêu và thiền định khởi lên như là một sự chuyển hoá của năng lượng tình dục (sex), và rằng, nếu sex bị kìm nén, nó không thể được chuyển hoá. Nhiều người bị xúc phạm (outraged) về việc ông đã nói về sex, và những chủ nhân (owner) của thính đường này hủy bỏ loạt nói chuyện đó.

Vào 28/9, Osho trở lại Bombay để hoàn tất những buổi nói chuyện với một lượng thính giả rất lớn tại Gwalia Tank Maidan. Loạt bài nói này được xuất bản dưới nhan đề Từ Sex đến Siêu thức, và nó trở thành cuốn sách được đọc nhiều nhất của ông. Giới báo chí Ấn độ bắt đầu nói ám chỉ ông như là " sex guru" (đạo sư sex).

Nếu bạn muốn biết chân lý nguyên thủy (cơ bản – elemental) về tình yêu, điều kiện tiên quyết là chấp nhận sự thiêng liêng của sex, chấp nhận thần tính của sex, tương tự như cách mà bạn chấp nhận sự hiện hữu của Thượng đế – với một trái tim rộng mở.[1] Và (nếu) bạn càng chấp nhận sex với một trái tim và tâm trí rộng mở bao nhiêu, thì bạn càng tự do khỏi nó bấy nhiêu. Nhưng bạn càng kìm nén nó bao nhiêu, thì bạn sẽ càng bị ràng buộc vào nó bấy nhiêu ...

Khi tôi chấm dứt buổi nói chuyện của tôi ngày hôm đó, tôi ngạc nhiên thấy rằng, tất cả những quan chức mà đã có mặt trên khán đài, những người bạn mà đã tổ chức cuộc gặp mặt, đã biến mất vào

trong không trung. Tôi không thấy một người nào trong số họ, khi tôi bước xuống lối đi nhỏ giữa các dãy ghế để ra về…

Thậm chí, người tổ chức cũng không có mặt để cám ơn tôi. Bất cứ những cái mũ lưỡi trai trắng nào (những người theo Gandhi, nhiều người trong số họ vẫn là những ủng hộ viên của Osho cho đến lúc bấy giờ), bất cứ những người mặc khadi nào, đều không có mặt trên khán đài; họ đã tẩu thoát lâu trước khi buổi nói chuyện kết thúc. Những vị lãnh tụ quả thật là một chủng loại rất yếu ớt. Và nhanh chân nữa! Họ tẩu thoát trước khi những đồ đệ của họ tẩu thoát.

1970 – 1974: BOMBAY

Vào 27 /6/1970, một buổi lễ tiễn đưa được tổ chức dành cho Osho tại Jabalpur, nơi mà ông đã từng là giáo sư và sống nhiều năm. Vào 1/7, Osho dời đến Bombay và bắt đầu diễn thuyết – đều đặn, vào buổi chiều tối, với khoảng 50 người, đôi khi kết thúc bằng thiền định hay ca hát, nhảy múa. Ông chỉ du hành để chu toàn những cuộc nói chuyện quan trọng, mà ông đã nhận nói, và khoảng tháng 12, những cuộc nói chuyện này được hoàn tất.

Dần dần, tôi thường tự giam mình trong một căn phòng: Tôi ngừng du hành. Bây giờ tôi thường làm việc trên những người mà họ ở trong tâm trí tôi. Tôi thường chuẩn bị cho họ và tôi phái họ ra ngoài. Việc di chuyển từ nơi này sang nơi nọ, mà tôi không thể tự mình làm, tôi sẽ có thể làm bằng cách phái đi 10 ngàn người.

Đối với tôi, tôn giáo cũng là một quá trình khoa học, nên tôi có trong trí mình một kỹ thuật khoa học hoàn chỉnh dành cho nó. Khi người ta trở nên sẵn sàng, kỹ thuật khoa học đó sẽ được chuyển giao cho họ. Với sự giúp đỡ của kỹ thuật đó, họ sẽ làm việc trên hằng ngàn người. Việc đó không cần có sự hiện diện của tôi. Nhiệm vụ

của tôi là phải phát hiện ra những người mà có khả năng thực hiện mục đích đó.

1970. THIỀN ĐỘNG ĐƯỢC GIỚI THIỆU

Vào tháng 4 năm 1970, Osho giới thiệu một kỹ thuật thiền cách mạng, có tính thanh tẩy, mà ông gọi là Thiền (Năng) Động. Vào tháng 5 tại trại thiền Nargol, ông chủ trì (lead) những cuộc thí nghiệm trong loại thiền này, mà ông tiếp tục điều khiển có hiệu quả qua suốt 3 năm kế tiếp. Thiền Động trở thành "kỹ thuật" thiền nổi tiếng nhất và được thực tập rộng rãi.

Tự Truyện Osho

Biên dịch :
Đỗ Tư Nghĩa

APPENDIX
(PHỤ LỤC)
(Phần 2)

CUỘC MỞ RỘNG TOÀN CẦU

Vào cuối năm 1980 và đầu năm 1981, một trung tâm được thiết lập tại Mỹ để phát hành những cuốn sách, băng ghi âm, băng ghi hình của Osho. Những sannyasin ở hải ngoại được động viên hỗ trợ những trung tâm thiền và công xã địa phương (local). Có những chương trình để huấn luyện những tân trưởng nhóm. Tại London vào mùa xuân năm 1981, một cuộc "thí điểm" (sampling) gồm 2 ngày thiền định và những " nhóm nghiên cứu"(group workshops) gọi là "Biến cố tháng 3", được tổ chức và lôi cuốn khoảng 100 tham dự viên thông qua sự quảng cáo, bao gồm những tấm biển trên những xe buýt và tàu điện ngầm London. Tiếp đó là những "biến cố" tương tự tại những thủ đô khác trên thế giới.

Nỗ lực của tôi không phải chỉ là để tạo ra một Phật trường ở đây, mà là tạo ra những ốc đảo (oases) nhỏ khắp thế giới. Tôi không

muốn chỉ bó hẹp khả tính to lớn này vào trong cái công xã nhỏ bé này. Công xã này sẽ là suối nguồn (source), nhưng nó sẽ có những chi nhánh khắp thế giới. Nó sẽ là cái gốc rễ, nhưng nó sắp trở thành một cây to. Nó sẽ vươn tới mọi đất nước, nó sẽ vươn tới mọi con người tiềm năng. Chúng ta sẽ tạo ra những công xã nhỏ, những trung tâm nhỏ khắp thế giới.

Hãy ở trong thế giới, nhưng đừng thuộc về nó.[9] Hãy sống trong thế giới, nhưng đừng cho phép thế giới sống trong bạn. Đó là thông điệp của tôi.

Có một Thiền ngữ: "Những con ngỗng trời không có ý định ném cái ánh phản chiếu của chúng. Nước không chủ ý muốn nhận hình ảnh của chúng."

Con ngỗng trời không có ước vọng ném cái phản chiếu của nó trên mặt nước, và nước không có ước vọng hay chủ ý muốn nhận hình ảnh của nó – mặc dù điều đó xảy ra! Khi con ngỗng trời bay, nước phản chiếu nó. Sự phản chiếu là ở đó, hình ảnh là ở đó, nhưng nước không chủ ý phản chiếu và con ngỗng trời cũng không ao ước được phản chiếu.

Đây nên là cái phương cách của những sannyasin của tôi. Hãy ở trong thế gian, hãy sống trong thế gian, hãy sống một cách toàn bộ, không tham vọng, không dục vọng – bởi vì mọi ham muốn đều làm bạn xao lãng khỏi việc sống, mọi tham vọng đều hy sinh hiện tại. Đừng tham lam, bởi vì sự tham lam đưa bạn vào tương lai; đừng chiếm hữu, bởi vì sự chiếm hữu luôn khiến bạn níu vào quá khứ. Một người muốn sống trong hiện tại phải thoát khỏi sự tham lam, tính chiếm hữu, tham vọng, dục vọng.

Và đó là cái mà tôi gọi là toàn bộ nghệ thuật của thiền định. Hãy nhận biết (aware), hãy cảnh giác, sao cho mọi tên trộm này không có khả tính nào để bước vào và làm ô nhiễm bạn. Hãy giữ cái tâm

“thiền” (meditative), nhưng hãy ở trong thế gian. Và đây là kinh nghiệm của tôi: thế gian giúp đỡ rất to lớn (immensely) – nó giúp hết sức nhiều, để bạn đạt tới cái tâm “thiền”. Nó cho bạn tất cả cơ hội để bị xao lãng, nhưng nếu bạn không bị xao lãng, thì mỗi thành công trở thành một niềm vui lớn lao. Bạn vẫn “qui trung tâm” (centered), bạn trở thành trung tâm của cơn lốc. Cơn lốc tiếp tục gầm rú xung quanh bạn, nhưng trung tâm của bạn vẫn không bị hề hấn gì.

Đó là cách của một sannyasin thực thụ: ở trong thế gian, nhưng vẫn không bị đụng chạm, không bị ảnh hưởng bởi nó.

---

[9] Đây là một trong những “giáo huấn” căn bản của Osho. Nói thì dễ, nhưng làm thì vô cùng khó!

TRONG IM LẶNG

Vào 10/4/1981,Osho gởi một thông điệp rằng, ông đang bước vào giai đoạn tối hậu của công trình của mình, và rằng, từ nhật kỳ đó, ông sẽ chỉ nói thông qua sự im lặng. Ông tiếp tục gặp gỡ với thư ký riêng của ông, nhưng không xuất hiện cho đến 3 tuần về sau, khi mà những satsang được tiếp tục lại, và Osho xuất hiện trong thiền phòng để ngồi im lặng, với các đệ tử và những khách viếng thăm. Một bài thánh ca (chant) Phật giáo cổ xưa được hát ở đầu của những cuộc họp mặt, và chúng kết thúc với âm nhạc, ca hát, nhảy múa.

Trong khi đó, sức khỏe của Osho đã trở nên ngày càng mỏng manh. Thêm vào bệnh dị ứng (allergies), bây giờ ông bị những cơn đau lưng nghiêm trọng, và những bác sĩ quan ngại rằng, ông có thể cần phẫu thuật ở một thời điểm nào đó. Mối quan ngại của họ gia tăng, khi một bộ phận hình đĩa (prolapsed disk) bị sa xuống, và có nguy cơ tiềm năng gây hư tổn thần kinh nếu nó bị trầm trọng thêm. Người trợ tá cho Ma Anand Sheela, thư ký riêng của Osho, sắp xếp để ông tới Mỹ nơi mà ông có thể được điều trị nếu một khủng hoảng khác nẩy sinh. Vào 1/6/1981, ông bay từ Bombay tới New York với "bộ tham mưu" và ban y tế của ông.

1981 – 1985 : ĐẠI NÔNG TRẠI "BÙN LẦY"

Một vài tuần sau khi Osho tới Mỹ, Sheela hoàn tất việc mua một khu đất mà trước đây là trại đại gia-súc (cattle) – 126 dặm vuông – trong vùng sa mạc cao của phía đông Oregon. Cách Antelope, thị trấn gần nhất, 20 dặm, Đại Nông Trại Bùn Lầy, như nó được gọi, là một khu đất mà cỏ ở đó chỉ còn rất ít, vì đã bị gia súc gặm quá nhiều; nó quay mặt về phía sông John Day River, và nằm dạng ra giữa hai quận của Oregon. Nó chỉ bao gồm một nông trang (farmhouse) nhỏ và vài nhà phụ trong một thung lũng ở cuối một con đường dốc đứng, bụi bặm, chưa trải nhựa. Cuối tháng 8, một số nhà tiền chế đã được dựng lên trên vùng đất đó, bao gồm một cái làm nơi cư trú của Osho. Ông và "bộ tham mưu" (household staff) của ông được đưa tới Đại Nông Trại Bùn Lầy vào 29/8.

Buddha (đức Phật) phạm những sai lầm, Mahavira phạm những sai lầm; và tôi đang ngồi trước các bạn – trong việc đến Oregon, bạn có nghĩ rằng tôi đã không phạm một sai lầm? Tôi là một bằng chứng đủ rằng, việc chứng ngộ không có nghĩa là bạn không thể sai lầm. [10] Bạn có thể rơi vào trong Đại Nông Trại Bùn Lầy! Và bây giờ, thật khó mà ra khỏi nó. Bạn càng cố đi ra khỏi nó, bạn càng đi vào trong bùn lầy.

Điều này quá rõ ràng, đến nỗi tôi không cần phải kể ra những sai lầm nào mà Buddha đã phạm, những sai lầm nào mà Mahavira đã phạm, và tôi tiếp tục phạm phải chúng; nhưng cái đó không tác hại đến sự chứng ngộ của tôi. Nó không dính dáng gì đến sự chứng ngộ.

Tôi tận dụng những sai lầm của tôi một cách tốt nhất có thể. Đó là cái mà chúng ta đang làm tại "Đại Nông Trại Bùn Lầy"– đang cố – đó là lý do tại sao tôi nói, cố gắng, trong một thể cách chứng ngộ, làm một cái gì tốt từ nó. Nếu chúng ta đã rơi vào trong nó, nó có thể là sai lầm của chúng ta – nhưng nó lại may mắn cho Đại Nông Trại Bùn Lầy, cho nên chúng ta hãy tận dụng nó một cách tốt nhất. Và chúng ta đang cố gắng hết sức để tận dụng nó.

Nhưng tất cả những "kẻ nọ" [11] (all these other people) đã và đang tự cho là mình không thể sai lầm. Trên nhiều phương diện, tôi là một "kẻ dở hơi" (crackpot). Lẽ ra, tôi không nên nói những điều như thế, rằng tôi phạm những sai lầm. Cái này không ăn nhịp với "nghề nghiệp" (profession) của tôi; cái này chống lại nó. Đó là lý do tại sao những người thuộc "nghề nghiệp" của tôi ghét tôi, bởi vì họ nói, " Những điều này ông không nên nói. Ngay cả nếu ông đi tới chỗ biết rằng ông đã phạm một sai lầm, hãy cố che giấu nó. Hãy cố làm cho nó xuất hiện như thể nó không phải là một sai lầm." Đó là cái mà họ đã và đang làm trong nhiều thế kỷ. Nhưng tôi không thể làm thế. Tôi chỉ đơn giản không cam tâm, tôi không thể lừa gạt (deceive).

RAJNEESHPURAM, THÀNH PHỐ BẤT HỢP PHÁP

Trong vòng một vài tháng, sự thể trở thành rõ ràng rằng, những sannyasin của Osho đang hy vọng tạo ra một cọng đồng (community) tự túc, với những phương tiện nhằm tạo chỗ ở cho gần năm ngàn cư dân, tổ chức một festival lớn bốn lần một năm, và xuất bản những cuốn sách của Osho. Dân số tăng nhanh chóng qua mùa

xuân và mùa hạ. Trong khi tạm trú trong những lều bạt, những người mới đến tạo ra một nông trại rau xanh [12] và xưởng chế tạo bò sữa (dairy operation) lớn, bắt đầu đặt hệ thống điện nước cho hạ tầng cơ sở, bắt tay vào việc cải thiện đường sá, phục hồi những con lạch, và phủ xanh những sườn đồi trọc. Sự thù địch địa phương đối với công xã nhanh chóng trở thành công khai (vocal) và gây hấn. Những giấy phép xây dựng bị từ chối, những đe dọa bạo động chống lại Osho và những thành viên của cọng đồng được thực hiện, và một khách sạn được mua bởi những sannyasin tại Portland bị đánh bom. Thống đốc của Oregon phát biểu rằng, theo ý ông, nếu những cư dân mới không được hoan nghênh bởi cọng đồng lân cận, thì họ nên rời bỏ.

Vào năm 1982, những cư dân của trang trại bỏ phiếu để tự sáp nhập (incorporate) công xã của họ – mà họ gọi là Thành phố Rajneeshpuram - vào quận Wasco . Sự sáp nhập này được chấp thuận bởi những ủy viên hội đồng của quận (county commissioner), chỉ để bị khiếu kiện trước tòa án bởi một nhóm "chó săn" tự gọi mình là "1000 người bạn của Oregon." Họ cáo buộc công xã về tội vi phạm luật sử dụng đất. Về sau, vị Chưởng Lý (attorney general) của bang này chống lại việc sáp nhập của "thành phố"; ông ta cho rằng, theo hiến pháp, nó vi phạm luật về sự tách bạch giữa nhà thờ và nhà nước. Những vị linh mục của phái Kytô Chính Thống gợi ý rằng, Osho là kẻ chống Christ, và những trại chủ địa phương dùng những tấm biển chỉ đường tới "thành phố Rajneeshpuram" cho mục tiêu tấn công của họ. Những cái mũ baseball và những chiếc áo thể thao vẽ một khẩu súng trường đang nhắm vào Osho, được bán tại những cuộc biểu tình "chống Rajneesh."

Osho nộp đơn xin một giấy phép cư trú với tư cách là một đạo sư, nhưng nó bị từ chối với lý do rằng, ông đang "tịnh khẩu", và do vậy, không thể giảng đạo được – một quyết định mà sau này bị bác bỏ nhờ kháng cáo. Vào năm 1984, ban tư pháp của "thành phố Rajneeshpuram" có hơn 200 người, tham dự vào hằng tá vụ kiện. Những tư liệu thu được dưới Đạo Luật Về Quyền Tự Do Thông Tin (Freedom Information Act) tiết lộ rằng, những cấp cao nhất của chính

phủ Reagan có dính líu vào việc gây áp lực buộc những cơ quan an ninh liên bang và tiểu bang phải tìm ra một cách để giải tán cọng đồng và trục xuất Osho khỏi nước Mỹ.

Họ muốn thành phố này bị phá bỏ, viện cớ là nó vi phạm luật sử dụng đất của họ. Và không ai trong những tên ngu xuẩn đó đã đến để xem là chúng ta đang sử dụng đất ra sao. Họ có thể sử dụng nó một cách sáng tạo hơn chúng ta đang sử dụng nó không? Và trong 50 năm, không ai dùng mảnh đất đó; họ vui sướng, vì đất được sử dụng quá tốt. Bây giờ chúng ta đang sáng tạo từ nó. Chúng ta là một công xã tự túc. Chúng ta đang sản xuất thực phẩm, rau, trái cây của mình; chúng ta đang dốc hết sức mình để làm cho nó tự túc.

Cái sa mạc này… vì lý do nào đó, có vẻ như đây là số phận (destiny) của những người như tôi. Moses đã kết thúc (end up) trong một sa mạc. Tôi đã kết thúc trong một sa mạc, và chúng ta đang cố làm cho nó xanh lên. Nếu bạn đi xung quanh nhà tôi, bạn không thể nghĩ nó là Oregon; bạn sẽ nghĩ nó là Kashmir. Không có một cây nào khi tôi đến. Không có màu xanh cỏ cây. Tôi chỉ đơn giản bị sốc khi Sheela đưa tôi tới đây; cái nhà đang đứng trần trụi. Và tôi đã luôn luôn sống trong những khu vườn đẹp; bất cứ nơi nào tôi đã sống, tôi đều tạo ra một khu vườn đẹp.

Với nỗ lực lớn, chúng ta đã cố biến nơi này thành ra màu mỡ. Những người của chúng ta đang làm việc 12 – 14 giờ một ngày; và họ không đến để xem cái gì đã xảy ra ở đây. Chỉ ngồi trong tòa nhà quốc hội Mỹ, họ quyết định rằng nó chống lại những luật sử dụng đất. Nếu nó chống lại những luật sử dụng đất, thì những luật sử dụng đất của quý vị là "dổm" (bogus) và nên được đốt đi. Nhưng trước hết hãy đến và xem, và hãy chứng minh rằng cái này là chống lại những luật sử dụng đất.[13] Nhưng họ sợ phải đến đây.

Tôi vẫn luôn tôn trọng nước Mỹ như là một đất nước của dân chủ. Tôi vẫn luôn đánh giá cao sự tôn trọng dành cho cá nhân, cho tự do,

tự do ngôn luận. Tôi vẫn luôn yêu Hiến pháp Mỹ. Và bây giờ tôi cảm thấy có lẽ sẽ tốt hơn, nếu tôi đã không đến đây, bởi vì bây giờ tôi đang cảm thấy tuyệt đối thất vọng. Cái Hiến pháp đó là "dổm". Những từ này – cá nhân, tự do, chủ nghĩa tư bản, tự do ngôn luận – tất cả đều chỉ là những từ ngữ. Đằng sau cái bình phong (screen), là chính trị gia tương tự, bộ mặt xấu xa tương tự, tâm trí đê hèn (mean) tương tự – bởi vì, theo ý tôi, chỉ có những người đê hèn nhất trên thế giới mới bị lôi cuốn vào chính trị. Những người đê hèn, thấp kém nhất, bởi vì họ biết họ có thể làm cái gì đó chỉ nếu họ có quyền lực. Bạn cần quyền lực chỉ để làm cái gì đó có hại; nếu không, tình yêu là đủ, lòng từ bi là đủ.

Thành phố của bạn thực sự là độc nhất vô nhị (unique) trong toàn bộ lịch sử nhân loại. Đã từng có những thành phố và đã từng không có những thành phố; nhưng một thành phố bất hợp pháp ư? Chưa bao giờ nghe nói đến trước đây. Nó là một thành phố, nhưng bất hợp pháp. Người ta không công nhận bạn có mặt. Bị phớt lờ đi, tôi không hiện hữu.

Tôi ở đây, và tôi sẽ ở đây. Không có cách trả tôi về Ấn độ - bởi vì tôi có những thu xếp của riêng tôi. Tôi đã thuyết phục chính phủ Ấn độ khước từ tôi, nên người ta sẽ đưa tôi đi đâu chứ ? Người ta có thể trục xuất tôi về Ấn độ. Ấn độ, tôi đã thuyết phục họ trước rồi; họ sẽ không chấp nhận tôi chút nào. Bây giờ tôi kẹt cứng ở đây, tại Đại Nông Trại Bùn Lầy. Không có cách nào, không có cái cần cẩu nào để kéo tôi ra.

Nhưng những gã khùng này thì đang có quyền lực. Họ đã loại bỏ thậm chí cái tên Rajneeshpuram ra khỏi cái bản qui hoạch gốc (master plan) của quận Wasco. Trong những hồ sơ của quận Wasco, "thành phố" Rajneeshpuram không tồn tại. Nếu 5 ngàn người bỗng nhiên biến mất, thì chính quyền Oregon sẽ không thể nói rằng họ đã biến mất, bởi vì rồi thì, người ta sẽ phải trước hết chấp nhận rằng chúng ta (đã) ở đây – và chúng ta lại không ở đây!

Nhưng trên một phương diện, thì cái đó hoàn toàn tốt. Nếu chúng ta không ở Oregon, thì dĩ nhiên chúng ta không ở tại Mỹ. Cái này có vẻ như là một sự ra đời mới của một dân tộc mới. Chẳng bao lâu, chúng ta sẽ phải làm hiến pháp của riêng mình, và tuyên bố sự độc lập của riêng mình. Phải làm gì khác nữa ?

---

[10] Bạn đọc thấy chưa, sự "chứng ngộ" ở một chiều kích khác. Còn lãnh vực hình tướng – thế giới của thực tại tương đối – là một bình diện khác. Osho có một số "sai lầm" trên bình diện hình tướng – chính ông cũng phải công nhận đó thôi!

[11] "Những kẻ nợ": có lẽ ở đây Osho ám chỉ những "đối thủ" nào đó, thường chỉ trích ông.

[12] Truck farm: nông trại rau xanh. (Từ điển Webster : A farm where vegetables are grown to be marketed)

[13] Nguyên tác: " If this is against land – use laws, then your land – use laws are bogus and should be burned…" – có vẻ như câu này của Osho muốn "đối thoại trực tiếp" với quốc hội Mỹ.

GIÁO HỘI & NHÀ NƯỚC

Chỉ mới hôm kia, thông tin nào đó đến với tôi: vị chưởng lý của Oregon đã tuyên bố thành phố Rajneeshpuram là bất hợp pháp. Cái lý do mà ông ta đưa ra, là ở đây, tại Rajneeshpuram, tôn giáo và nhà nước bị trộn lẫn.

Bây giờ, trước hết, tôn giáo của chúng ta không dính líu gì tới bất cứ tôn giáo nào mà đã từng tồn tại trên trái đất. Chỉ do một sự bắt buộc về pháp lý, nên chúng ta phải tuyên bố rằng chúng ta là một tôn giáo; nếu không, bạn không thể tìm thấy một công xã phi tôn giáo như thế trên toàn bộ thế giới. Tôn giáo nào đang ở đó ? Không Thượng đế, không Chúa Thánh Thần, không Jesus Christ, không giáo hoàng, không cầu nguyện. Mọi người quá bị dính líu với cuộc sống, không ai quan tâm chút nào về cái chết. Mọi người quá dính líu với cuộc sống, ai có thời gian chứ?

Thật ra, cho dù Tử thần đến với những người của tôi, Nàng cũng sẽ phải đợi. Những người của tôi thì quá dính líu đến việc sống, đến nỗi ngay cả Tử thần cũng sẽ phải cân nhắc (consider…) Nàng [14] (she) có thể mang đi một cách dễ dàng những ai mà đã chết từ 30, 40, hay 50 năm. Nó không phải là một vấn đề đối với Tử thần, không cần gì phải quan tâm; họ chỉ đơn giản phải bị mang đi. Họ đã "chết" đủ lâu trước khi "chết thực."

Có lẽ, Tử thần quá bận rộn – phải bận rộn. Hành tinh này và 50 ngàn hành tinh khác có sự sống; và không có tôn giáo nào đã từng nói rằng, có thậm chí những cọng sự, những đại biểu của Tử thần. Tử thần hòan tòan cô độc (alone). Tử thần đáng thương cần một bộ máy thư lại (bureaucracy) lớn, thế mà Nàng lại đang làm toàn bộ công việc hoàn toàn một mình. Cho nên, dĩ nhiên nhiều người chết khi họ gần khoảng 30 tuổi, khi con số của họ tới hạn. Tử thần có thể làm gì? Nàng chưa thanh toán dứt điểm những hồ sơ tồn đọng cũ, và bạn tiếp tục chết.

Nhưng với những người của tôi, Tử thần sẽ bị ngạc nhiên.

Đây là những người đang sống, quá dính líu với cuộc sống đến nỗi họ thậm chí chưa bận tâm về sự chết. Nàng sẽ suy nghĩ lần thứ hai trước khi nàng có thể mang bạn đi. Nàng có thể nghĩ, "Tốt hơn, là trước hết nên để cho tôi hoàn tất cái công việc đang tồn đọng, mà nó

là vô tận. Những người này có thể được mang đi về sau; hãy để cho họ sống thêm một ít nữa."

Đây là loại tôn giáo nào vậy? Tôi đã gọi nó là một tôn giáo phi tôn giáo. Tôi đã gọi nó là tính tôn giáo.

Ở đây không có bài giảng đạo nào. Chắc chắn những buổi nói chuyện của tôi không thể được gọi là những bài giảng đạo. Bạn có thể gọi chúng là bài "phản giảng đạo". Họ nghĩ tôn giáo nào đang ở đó, mà nó đang can thiệp vào với nhà nước? Và nhà nước nào vậy ? Trước hết, "tôn giáo" của chúng ta không phải là một tôn giáo được định nghĩa bởi bất cứ cuốn từ điển nào trên toàn bộ thế giới. Chúng ta sẽ phải tạo ra từ điển của riêng mình, những định nghĩa của riêng mình.

Và "nhà nước" gì ở đó? Chỉ là một hội đồng thành phố, mà phải chăm sóc đường sá, vệ sinh môi trường, nhà cửa, bệnh viện. Tôn giáo sẽ can thiệp vào chuyện đường sá như thế nào? Tôi đã cố gắng nhiều, nhưng tôi không thể nghĩ ra: làm thế nào để trộn lẫn tôn giáo với đường sá? Làm thế nào để trộn lẫn tôn giáo với nhà cửa? Làm thế nào để trộn lẫn tôn giáo với bệnh viện, thuốc men, với việc chích thuốc? Người ta phải cho chúng ta một đầu mối nào đó để làm cái đó như thế nào. Bởi vì ở đây, không có một giáo sĩ nào thậm chí đến bệnh viện của chúng ta để "làm chán tai" (bore) những bệnh nhân.

Những người đó viết trên tờ đô la của họ: "Chúng con tin cậy vào Thượng đế." [15] Trên đồng đô la! Ai đang trộn lẫn tôn giáo với nhà nước? Người ta đang trộn lẫn tôn giáo với ngay cả đồng đô la bẩn thỉu! Trước Tòa Án Tối Cao họ viết: " Chúng con trông cậy vào Thượng đế." Nếu một ngày nào đó tôi tình cờ ở trong Tối Cao Pháp Viện – rất có thể được, có thể tôi sẽ xoay xở việc đó – rồi thì tôi sẽ hỏi họ, "Thượng đế ở đâu? Và dựa vào thẩm quyền nào mà quý vị đã viết câu này? Và nếu tại chính cánh cổng đã có một sự lừa dối, thì bạn không thể yêu cầu tôi thề sẽ nói sự thật. Tốt hơn, hãy yêu cầu tôi

thề chỉ nói những lời dối trá và không phải là sự thật" – bởi vì sự dối trá lớn nhất có mặt ở đó, ngay tại cổng của Tòa Aùn Tối Cao. Trên mọi tờ đô la, là sự dối trá lớn nhất: "Chúng con trông cậy vào Thượng đế."

Những người này tiếp tục trộn lẫn tôn giáo trong mọi cách, nhưng họ hợp pháp. Tôi không có bất cứ cách nào để trộn lẫn tôn giáo của tôi với bất cứ cái gì, nó là không thể trộn lẫn được. Đây là thành phố hợp pháp duy nhất trên toàn bộ thế giới . Nếu việc trộn lẫn tôn giáo làm cho một thành phố trở thành bất hợp pháp, thì tất cả mọi thành phố của thế giới đều là bất hợp pháp, bởi vì khắp nơi tôn giáo đều bị trộn lẫn. Đây là nơi duy nhất mà ở đó tôn giáo không bị trộn lẫn chút nào.

Thực ra, tôn giáo không tồn tại ở đây chút nào.

Sau dăm bảy kháng cáo, sau cùng tính hợp pháp của thành phố Rajneeshpuram được chấp thuận bởi Tòa Án Tối Cao vào tháng 5/1988, sau khi Osho đã trở về Ấn gần được 2 năm.

---

[14] Osho dùng "she" (cơ ấy) để chỉ Tử thần. Dĩ nhiên, có thể dịch là "bà ấy", "mụ ấy." Nhưng tôi hy vọng, nếu "Nàng" xinh đẹp một chút, thì khi gặp "Nàng", mình cũng thấy… vui vui!

[15] Trên đồng đô la Mỹ, luôn có dòng chữ: " IN GOD WE TRUST" (chúng con tin cậy vào Thượng đế). Lý luận của Osho thật là sắc bén.

1983. VIỆC XÉT NGHIỆM HIV TOÀN THÀNH PHỐ

Osho vẫn "tịnh khẩu" và biệt cư (seclusion), nhưng khi những bác sĩ của ông thông báo cho ông về sự lan tràn của trận dịch AIDS, ông gợi ý rằng, thành phố Rajneeshpuram khởi đầu (initiate) việc xét nghiệm phổ cập cho mọi cư dân và khách viếng thăm. Ông đề nghị thêm, là người ta nên phòng ngừa để tránh bị nhiễm virus, bao gồm cả việc dùng bao cao su, dùng bao tay cao su trong giai đoạn kích thích tiền giao hợp (foreplay), dính líu đến việc tiếp xúc với những chất lỏng cơ thể, và tránh việc hôn môi. Vào thời điểm đó, những biện pháp này được xem như là cực đoan và thậm chí buồn cười (absurb), và khơi dậy sự chế giễu của giới truyền thông. Những thành viên nào của cọng đồng được phát hiện có virus HIV dương tính, sẽ được cách ly trong một khu vực riêng, và được cung cấp công việc để làm, phương tiện giải trí, và chăm sóc y học.

Có lẽ đây là nơi duy nhất trên thế giới mà ở đó mọi dự phòng đã được thực hiện chống lại AIDS. Sáu ngàn người đã kinh qua xét nghiệm – không có nơi nào khác đủ can đảm để đặt toàn bộ thành phố dưới sự xét nghiệm. Họ sợ rằng, có thể họ sẽ phát hiện ra những người bị nhiễm AIDS. Và những người mà cảm thấy bản thân họ có thể bị nhiễm nó, thì cũng không đang kinh qua sự xét nghiệm, vì lý do đơn giản: nếu họ bị phát hiện có virus dương tính, thì ngay cả vợ, con , bố mẹ họ sẽ từ khước, bỏ rơi họ. Họ sẽ không có nơi nào để nương thân trong ngôi nhà của chính mình. Họ sẽ không được phép vào bất cứ nhà hàng nào. Những bạn bè của chính họ sẽ trở thành những kẻ thù của họ.

Do vậy, họ không muốn được xét nghiệm; chính quyền không muốn điều đó, bệnh viện không muốn điều đó. Và cơn hỏa hoạn đang lan ra; không ai muốn công nhận nó, nhìn thấy nó. Đây không phải là sự thông minh. Chỉ việc nhắm mắt lại không có nghĩa là kẻ thù đã biến mất.

Chúng ta [16] đã phát hiện ra một ít người nhiễm AIDS, 2 người. Chúng ta đã dành một nơi biệt lập đẹp đẽ cho họ; cái nơi tốt nhất mà đã từng được dành cho họ. Họ có tất cả sự tôn trọng và tình yêu thương của chúng ta.

---

[16] Đại từ nhân xưng "we" trong tiếng Anh để chỉ ngôi thứ nhất, số nhiều. Nó có 2 nghĩa chính: 1. Chúng ta. 2. Chúng tôi. Khi Osho nói với "đệ tử" của ông, tôi dịch là "chúng ta." Nếu Osho nói với những người khác, tôi dịch là "chúng tôi." Những văn bản trong TỰ TRUYỆN này được rút ra từ nhiều cuốn sách của Osho, nên có nhiều lúc không rõ là ông đang nói với ai. Tôi chỉ dựa vào suy luận để "phỏng đoán" là ông đang nói với ai. Nếu có chỗ nào bị nhầm, xin bạn đọc điều chỉnh lại giùm. Xin cám ơn.

1984. MỘT CHÚT MÙI VỊ CỦA CHỦ NGHĨA PHÁT XÍT

Vào tháng 10/1984, Osho quyết định chấm dứt một giai đoạn "tịnh khẩu" và cách ly, và tiếp tục lại những buổi nói chuyện hằng ngày của mình. Thật kỳ lạ, thư ký riêng của ông, Sheela, chống lại quyết định này và cố thuyết phục ông đừng nói chuyện, đưa ra những quan ngại về sức khỏe của ông. Sau cùng, người ta dàn xếp rằng, ông sẽ bắt đầu nói chuyện với những nhóm người nhỏ trong phòng khách nhà ông.

Ban đầu, những cuộn băng video ghi lại những buổi nói chuyện của ông được chiếu cho toàn thể cọng đồng vào ngày hôm sau, trong thiền phòng rộng lớn. Khi Sheela đề nghị rằng, những buổi chiếu này sẽ được đình chỉ bởi vì có quá nhiều việc phải làm, cọng đồng phản đối, và sau cùng một thỏa hiệp được dàn xếp, rằng những băng video có thể được chiếu vào lúc khá khuya, sau khi côngviệc của ngày đã hoàn tất.

Sau cùng, vào 14/9/1985, Sheela và một ê-kíp gắn bó gồm những người ủng hộ cô khăn gói ra đi với tất cả vật sở hữu của mình, và họ đi sang Đức. Ngay khi cô ta đi, dồn dập nổi lên một loạt những bằng chứng về những hoạt động tội phạm, mà vài trong số những người theo cô đã từng can dự vào, bao gồm cả việc mưu sát (bằng cách đầu độc) y sĩ và thị giả (caretaker) của Osho, đánh bom một văn phòng kế hoạch của quận, và đặt thiết bị nghe lén căn phòng của Osho, những điện thoại, và văn phòng của Osho bên trong cọng đồng.

Osho công khai hoá mọi thông tin mà ông đã nhận được, và tình nguyện cọng tác đầy đủ với những điều tra viên của bang và liên bang. Những phóng viên lũ lượt kéo đến để phỏng vấn Osho và tra vấn ông làm thế nào mà những biến cố như thế đã có thể xảy ra.

Hỏi: Trong cuộc gặp của tôi với Sheela, người ta có thể thấy sự thông minh của cô ta, ít ra là trong những vấn đề thực tiễn, trong sự khéo léo của cô ta trong cách xử lý tình huống, nhưng cũng có thể thấy cái khía cạnh rất "áp chế", khía cạnh rất hèn hạ nữa. Chắc hẳn ông đã thấy điều đó, khi tiếp xúc với cô ta hằng ngày?

Đáp: Tôi biết! Nhưng cái đó thì được cần đến cho tất cả những chính trị gia hèn hạ (đó) khắp mọi nơi. Tôi không thể đặt công xã vào tay những người ngây thơ – những chính trị gia nọ có lẽ đã hủy diệt nó.

Hỏi: Nhưng ông không thấy cái mà cô ta đang làm trên chính cái trang trại hay sao?

Đáp: Không, bởi vì tôi không bao giờ đi ra ngoài và không bao giờ gặp bất cứ ai …

Hỏi: Nhưng nếu ông đang tạo ra một cuộc thí nghiệm lớn như thế (như công xã tại Oregon), thì lẽ nào ông không nghĩ rằng, việc có ít nhất một người khác đến nói chuyện với ông, có thể là hữu ích?

Đáp: Không. Cuộc thí nghiệm không có ý nghĩa gì so với sự im lặng của tôi. Tôi đang dạy mọi người trở thành một cá thể và nương tựa vào cái thị kiến (insight) của riêng mình. Và nếu anh ta cảm thấy rằng, anh ta đang bị cưỡng bách phải làm cái gì đó mà anh ta không muốn làm, thì anh ta hoàn toàn có khả năng khản kháng chống lại nó. Không cần phải phục tòng (submit) – và nhiều người đã bỏ đi.

Bây giờ sẽ có một bầu khí hoàn toàn khác – nhưng nhìn vào thế giới, bất cứ cái gì xảy ra, mặc dù nó không tốt, thì chỉ có những người xấu mới có thể xoay xở nó thành công (managed it). Những người tốt không thể.

Hỏi: Suốt năm qua, tôi đã nghĩ thầm: " Bao giờ thì ông ta sẽ hoặc "truất phế" (get rid of) Sheela, hoặc xoay ngược tình thế?" Và có cảm giác rằng, có lẽ ông chỉ đang để cho cô ta tự do hành động.

Đáp: Tôi sẽ chỉ làm cái gì đó khi tôi cảm thấy đúng thời điểm. Khi tôi thấy rằng, thời điểm đã đến để làm cái gì đó, thì tôi làm nó.

Hỏi: Làm thế nào ông biết rằng, thời điểm đã đến để làm một cái gì đó?

Đáp: Khi nhóm của cô ta đầu độc y sĩ của tôi. Đó là cái thời điểm khi tôi bắt đầu hỏi y sĩ và thị giả của tôi về những sự việc, và tôi tuyên bố rằng, tôi dự định nói chuyện và gặp gỡ với mọi người. Rồi, chẳng bao lâu, thông tin bắt đầu đến, và tôi khởi sự phanh phui Sheela và nhóm của cô ta. Rồi tôi thông báo với chính phủ, cảnh sát, FBI – tất cả họ đều có mặt ở đây, nhưng hầu như họ không làm gì cả. Chúng tôi đã cho họ mọi chứng cứ – và họ tiếp tục nói, "Chúng tôi không có chứng cứ nào vững chắc cả." Tôi không hiểu họ muốn chứng cứ vững chắc nào – có phải họ muốn bắt hung thủ một cách quả tang?

Hỏi: Tại sao ông đã đợi 9 tháng hay khoảng đó?

Đáp: Điều đó là cần thiết, bởi vì cô ta đang đấu tranh chống lại quá nhiều vụ kiện – tôi không muốn làm khuấy động những sự việc ở giữa chừng. Tôi muốn sự thể đi tới một kết luận, mà từ đó một nhóm mới có thể khởi sự. Và đây là thời điểm, khi nhiều vụ kiện kết thúc và những vụ mới sẽ bắt đầu khoảng 8 tháng sau đó, cho nên những người mới này, trong vòng 8 tháng, sẽ hoàn toàn được chuẩn bị để kế tục. Và họ sẽ có thể tiếp tục tranh đấu (fight) – không có vấn đề nào.

Hỏi: Ông chơi một trò chơi bấp bênh.

Đáp: Chắc chắn rồi! Tôi là một kẻ liều mạng. Và nó là một trò chơi – tôi biết chọn thời điểm thích hợp để thổi còi. Tôi chỉ là một trọng tài, không gì hơn.

• Từ một cuộc phỏng vấn với James Gordon, The New Yorker.

Càng ngày càng có thêm những tiết lộ về những hoạt động tội phạm của nhóm Sheela, tạo ra một trạng thái sốc và hỗn loạn (disarray) trong cộng đồng. Mỗi lúc người ta càng hiểu thêm về cái "

sách lược nền tảng" (underlying) đằng sau những tình huống và biến cố mà trước đây không thể giải thích được. Khi người ta bắt đầu tranh đấu với những vấn đề trách nhiệm cá nhân và qui trách nhiệm, Osho đã phân tích những vấn đề này với sự sắc bén ngày càng tăng trong những bài nói hằng ngày của ông.

Chúng ta đang cố sống một loại cuộc sống khác biệt với (cuộc sống của) thế giới bên ngoài. Cho nên, chỉ có hai cách: hoặc là cách của Sheela, hoặc là cách của tôi. Tôi đã chọn Sheela làm thư ký của tôi để cho bạn nếm một chút "mùi vị" của chủ nghĩa phát xít, để bạn biết nó là như thế nào. Bây giờ, hãy sống theo cách của tôi. Hãy có trách nhiệm, để không cần ai phải ra lệnh cho bạn …

Nếu bạn muốn Sheela trở lại, tôi có thể gọi cô ta và toàn bộ băng đảng của cô ta, và trao công xã cho cô ta. Nếu bạn không muốn bất cứ ai độc tài với bạn, thì hãy nhận lấy trách nhiệm.

Và các bạn là một nhóm những người rất thông minh, nhưng đây là cái rắc rối của những người thông minh. Họ luôn sử dụng tự do một cách sai lầm.

Tôi muốn nhắc nhở bạn rằng, nước Đức là một trong những nước trí thức nhất trên thế giới. Nó đã tặng cho thế giới những người như Kant, Hegel, Feuerbach, Karl Marx, Sigmund Freud, Martin Heidegger – những triết gia vĩ đại, những nhà tâm lý học vĩ đại. Thế nhưng, một tên điên khùng (crackpot) hạng ba, Adolf Hitler, đã xoay xở thành công để lôi kéo giới trí thức của đất nước đi theo ông ta.

Và tôi không nghĩ rằng nhân loại đã học được cái gì từ sự kiện đó. Nếu bạn không học được, thì lịch sử sẽ lặp lại. Nếu bạn học được, thì bạn có thể ngăn chận lịch sử khỏi lặp lại một lần nữa.

Martin Heidegger có lẽ là một trong những triết gia có ý nghĩa nhất của thế kỷ, và ông là một người đồng thời của Adolf Hitler. Ông ủng

hộ Hitler – không thể quan niệm được! Toàn bộ giới trẻ, là cái "tinh hoa" của xã hội, trí tuệ của nó, tất cả những phó viện trưởng, những giáo sư của những đại học – tất cả đều ủng hộ Hitler, một người không được giáo dục, một người bị trượt trường mỹ thuật, bị trượt trường kiến trúc, bởi vì ông ta không có trí thông minh. Người đàn ông này đã trở thành lãnh tụ của đất nước thông minh nhất trên thế giới, và ông ta đã tạo ra cái chế độ phát xít nhất. Ông ta đã giết gần 10 triệu người, và người ta vẫn cứ đang ủng hộ ông ta.

Nó phải được giải thích bằng phân tâm học. Đâu là lý do? Lý do là, nước Đức bị bại trận trong Thế chiến I. Và những trí thức có khuynh hướng "đấu đá" nhau (fight) lẫn nhau. Họ tranh cãi, hợp lý hoá, triết lý hoá (philosophize); họ không phải là những người năng động về mặt thể chất. Và họ là những kẻ "vị ngã" (egoist). Họ nghĩ rằng, họ đã tìm ra bí mật của cuộc đời, mọi người trong số họ.

Sau thất bại trong Thế Chiến I, nước Đức bị rơi vào trong hỗn loạn. Những hỗn loạn đã tạo ra Hitler, bởi vì ông ta hứa, và thực hiện lời hứa, "Tôi có thể làm cho đất nước này phục hồi sự đoàn kết và sức mạnh, quá mạnh đến mức nó có thể thống trị toàn thế giới."

Nó là cái gì đó hết sức được cần đến. Người ta không đang làm việc, họ đã mất đi tính sáng tạo. Cần có một ai đó để làm cho đất nước khôi phục tính sáng tạo, kỷ cương, và Hitler lấp đầy khoảng trống đó. Trong vòng 10 năm, nước Đức lấy lại vị thế của một cường quốc.

Thật kỳ lạ – nếu bạn cho người ta tự do, thì họ trở nên lười biếng, và họ không muốn làm việc. Nhưng nếu bạn cho họ một trật tự phát xít, họ làm việc hết tiềm năng của mình; họ sáng tạo, họ được hiệp nhất, họ trở nên mạnh mẽ. Nước Đức tiếp tục chiến thắng trong 5 năm. Cái đó chứng tỏ rằng những người Đức đã chọn đúng người – toàn thế giới ở một phe, và phe kia, một mình ông ta (Hitler) là đủ.

Ong ta cho giới trí thức cái ego của họ, mà chưa ai từng cho họ trước đây. Ông ta bảo họ rằng, chủng tộc Nordic Đức là chủng tộc Aryan thuần túy nhất, và vận mệnh (destiny) của nó là thống trị thế giới, bởi vì tất cả những chủng tộc khác đều là hạ nhân. Điều đó là hết sức phấn khích (gratifying.) Cái ego trí thức rất được thỏa mãn, và ngay cả một người như Martin Heidegger [17] cũng rơi vào trong cái bẫy.

Chỉ sau khi Hitler bị đánh bại và nước Đức hầu như bị hủy diệt (destroyed), thì người ta mới bắt đầu nhìn vào cái mà họ đã làm, loại người nào mà họ đã và đang ủng hộ: một quái vật, một kẻ sát nhân mà đã giết hằng triệu người – có lẽ là kẻ sát nhân vĩ đại nhất trong toàn bộ lịch sử.

Cho nên, hãy nhớ một điều: tự do không phải là một tấm môn bài (license). Tự do là trách nhiệm. Và nếu bạn không thể tự mình nhận lấy trách nhiệm của bạn, thì ai đó sẽ chịu trách nhiệm thay bạn. Và rồi, bạn bị nô lệ hoá.

Người ta đã và đang hỏi tôi, làm thế nào mà, năm ngàn người, hầu như tất cả đều là những người tốt nghiệp đại học, có chuyên môn tốt nhất từ những trường đại học tốt nhất của thế giới, mà suốt bốn năm lại không thể thấy cái gì đang xảy ra.

Lý do là, Sheela không chỉ đang làm cái gì đó xấu xa và phát xít, mà cô ta còn đang tạo ra công xã. Cô ta cũng đang làm cho sa mạc trở thành một ốc đảo (oasis). Cô ta đang làm cho công xã trở nên tiện nghi trong mọi cách. Mọi đồng xu đều có hai mặt, nhưng bạn chỉ nhìn cái mặt sáng. Và bạn bị vây quanh bởi sự thù nghịch tại Oregon, là cái mà Sheela và nhóm cô ta đã tạo ra. Cái đó là một sách lược chính trị đơn giản.

Adolf Hitler, trong tự truyện của ông, Mein Kampf (cuộc chiến đấu của tơi), nói rằng, nếu bạn muốn cho một dân tộc trở nên mạnh mẽ,

thì hãy tạo ra những kẻ thù khắp xung quanh nó; nếu không, người ta (sẽ) thư giãn. Hãy liên tục giữ họ trong sợ hãi, sợ rằng có nguy hiểm khắp xung quanh. Và Sheela đã tạo ra cái đó. Cô ta đã tạo ra sự thù nghịch của chính quyền Oregon. Cô ta tạo ra sự thù nghịch của những người Mỹ nói chung. Cái đó làm cho bạn đến gần nhau hơn, trở nên mạnh mẽ : "Hãy sẵn sàng, để không ai có thể hãm hại bạn."

Do vậy, nếu bạn không nắm lấy trách nhiệm, cái gì đó như thế bắt buộc phải lại xảy ra. Lịch sử chắc chắn sẽ lặp lại, bởi vì con người không chịu học tập.

---

[17] Có thể đây chỉ là ý kiến của một số người – trong đó có Osho. Hình như đang có nhiều tranh cãi xung quanh vấn đề này. Nhưng, nếu quả thật M.H bị "mắc bẫy", thì thật là đáng buồn – vì ông được xem là một trong những triết gia vĩ đại nhất của thế kỷ 20. Đáng buồn, vì nó chứng minh một "chân lý cay đắng": kẻ thông minh, minh triết nhất, có khi cũng bị một tên điên khùng và ngu dốt "xỏ mũi" !

BẮT GIỮ

Osho đã hứa cọng tác với những viên chức thi hành pháp luật để điều tra một cách đầy đủ những tội phạm của Sheela, nhưng thay vào đó, những điều tra viên lại xoay hướng phần lớn sự chú ý của họ về phía khác: tìm ra những lý do để truy tố Osho và những cư dân

còn lại của “thành phố Rajneeshpuram.” Có những lời đồn đại dai dẳng về một cuộc truy tố lớn sắp tới, cáo buộc Osho và dăm bảy sannyasins về tội vi phạm luật nhập cư. Nhưng những nỗ lực của luật sư của Osho - để thương thảo một sự “đầu hàng” hòa bình (peaceful surrender) – đã bị Chưởng lý Mỹ Charles Turner bác bỏ, với lý do rằng có một cuộc thảo luận như vậy là “quá sớm.”

Trong khi chờ đợi, đội Vệ Binh Quốc Gia (National Guard) được huy động vào vị trí cho một cuộc xâm lăng “thành phố” Rajneeshpuram. Quan ngại rằng họ có ý định tiến hành một cuộc càn quét vũ trang nhắm vào cọng đồng, người của Osho quyết định đưa Osho băng qua nước Mỹ - bằng máy bay - đến Charlotte, North Carolina. Ở đó, người ta lý luận, ông có thể tránh xa khỏi sự hãm hại trong khi những luật sư của ông tiếp tục cố làm sáng tỏ tình huống. Khi Osho và “bộ tham mưu” của ông đáp xuống Charlotte, họ được “chào đón” bởi những nhân viên hải quan và những cảnh sát trưởng liên bang Mỹ (U.S marshals), được vũ trang tận răng, những người này đã được lệnh chờ đợi những kẻ khủng bố nguy hiểm. Không có án lệnh (warrant) nào, những viên chức này chỉ đọc lên một danh sách những kẻ bị tình nghi mà đã được fax cho họ từ Oregon. Không ai trong những người này có mặt trên máy bay; tuy vậy, tất cả đều bị bắt giữ cùng với Osho, và bị đưa tới những xà lim của tòa nhà liên bang tại Charlotte.

Trong một phiên tòa (hearing) [18] bắt đầu ba ngày sau đó, những sannyasin hộ tống Osho được phóng thích, nhưng vị thẩm phán ra lệnh phải đưa Osho trở về Oregon cho một phiên tòa riêng biệt, để nộp tiền bảo lãnh tại ngọai. Nhà chức trách nhấn mạnh rằng, ông sẽ được đưa đi trên một máy bay chở tù nhân, chứ không phải là trên một máy bay thương mại, hay một chiếc phản lực tư nhân. Máy bay chở tù nhân phải mất 6 ngày để hoàn tất chuyến đi băng qua đất nước, và suốt trong những ngày đó, chính quyền từ chối tiết lộ nơi có mặt của Osho, ngay cả với những luật sư của ông. Sau cùng, người ta được biết rằng, trong suốt thời gian này, ông đang bị giữ trong một

nhà tù tại Oklahoma, dưới một cái tên giả, viện cớ là để bảo vệ cho ông.

Sau cùng, Osho được phóng thích sau khi nộp tiền bảo lãnh tại Oregon, bị cáo buộc về tội vi phạm một loạt những luật nhập cư : tham gia vào việc sắp xếp những cuộc hôn nhân giữa những đệ tử của ông, và "man khai" (misstated) ý định của mình trên đơn xin cấp visa du lịch gốc. Sau những cuộc điều đình với những quan chức Oregon, những luật sư của Osho vẫn rất quan ngại cho sự an toàn của ông, nếu vụ kiện cứ tiếp tục. Một cách miễn cưỡng, Osho đồng ý "không tranh tụng" (no contest) trước 2 trong số 34 cáo buộc chống lại ông và (đồng ý) rời nước Mỹ.

Sức khỏe của ông sút giảm một cách kịch tính như là hậu quả của việc bị giam tù, mặc dù hơn 2 năm sau, những bác sĩ của ông mới bắt đầu nghi ngờ rằng, Osho bị đầu độc trong khi ông ở trong nhà tù của chính phủ Mỹ.

Khi họ trục xuất tôi, Chưởng lý Mỹ Charles Turner thừa nhận trong một cuộc họp báo, rằng tôi đã không phạm bất cứ tội danh nào. Cái lý do mà ông đưa ra cho việc trục xuất tôi, là: "Chúng tôi muốn hủy diệt cái công xã. Đó là quyền ưu tiên của chúng tôi." Và nếu không trục xuất tôi, thì không thể nào hủy diệt được cái công xã.

Họ bắt giam tôi mà không có lệnh bắt giữ nào và không cho tôi thấy lý do tại sao bắt giữ tôi. Chỉ có một mảnh giấy mà trên đó có một ít cái tên – " Chúng tôi được lệnh phải bắt giữ những người này ngay lập tức."

Tôi nói, " Nhưng mà các ông nên nhìn vào passport của tôi! Tên của tôi không có trên tờ giấy này; 6 người đi cùng tôi cũng không có tên trên tờ giấy này. Các ông hoàn toàn vô lý. Hãy nhìn vào passport của chúng tôi và so sánh với những cái tên của các ông; các ông đang bắt giữ nhầm người." Thế nhưng, chúng tôi đều bị bắt giữ.

Thực ra, họ đã không có bằng chứng nào để bắt giữ tôi. Nhưng trong 12 ngày, họ không cho tôi được bảo lãnh tại ngoại. Họ bắt giữ tôi tại North Carolina, và chuyến bay từ North Carolina tới Oregon, nơi mà công xã tọa lạc, chỉ mất 5 tiếng đồng hồ. Nhưng phải mất 12 ngày tôi mới đến được Portland, và họ lôi xệch tôi từ nhà tù này sang nhà tù khác; trong 12 ngày, tôi bị lôi tới 6 nhà tù.

Chỉ về sau tôi mới biết chuyện đó, khi những chuyên gia về hiện tượng đầu độc của Anh quốc xem xét kỹ những triệu chứng và đưa ra nhận định, rằng tôi đã được cho uống một loại độc dược nào đó, thallium. Nó không được phát hiện hoặc từ máu hay nước tiểu; nó chỉ đơn giản biến mất. Tôi đã có tất cả mọi triệu chứng – khi chất độc biến đi, nó để lại những loại bệnh nhất định nơi cơ thể. Loại độc dược này đã được dùng chống lại những tù nhân chính trị. Nhưng nếu bạn cho đương sự uống một liều lượng lớn, thì y sẽ chết ngay lập tức. Đó là lý do tại sao họ muốn 12 ngày, để mỗi ngày cho tôi uống một liều lượng nhỏ, để tôi sẽ không chết trong nhà tù của họ – nếu tôi chết, họ sẽ bị toàn thế giới lên án.

Và khi họ phóng thích tôi, tôi được ra lệnh rời nước Mỹ ngay lập tức, trong vòng 15 phút. Xe hơi của tôi đậu sẵn trước tòa án, và phi cơ phản lực của tôi đã nổ máy sẵn sàng tại phi trường; tôi phải rời ngay lập tức. Họ sợ rằng, nếu tôi lưu lại thêm một ngày nữa, tôi có thể kháng cáo lên Tòa Án Tối Cao. Và có mọi lý do cho tôi thắng kiện, bởi vì tôi không phạm bất cứ tội danh nào trong số những cáo buộc của họ… 34 tội danh chống lại một người đàn ông "tịnh khẩu", chưa bao giờ ra khỏi ngôi nhà của mình. Làm thế nào anh ta có thể phạm 34 tội danh chứ? Và họ không có chứng cớ nào về bất cứ tội danh nào.

Khi tôi thấy dân chủ kiểu Mỹ vận hành …[19] thật là hoàn toàn vớ vẩn để nói về dân chủ. Hiến pháp của họ chỉ là một màn trình diễn

cho thế giới. Đất nước (đó) gồm có những tên tội phạm đang nói về tự do.

---

[18] Hearing: Phiên tòa để nghe các nhân chứng.

[19] Chúng ta thấy, Osho cũng "đả kích" Mỹ không kém ai! Osho vậy, ông không theo "phe phái" nào cả. Cái gì "phi nhân bản", là ông chống! Tính "nhân bản" của ông nằm ở chỗ đó.

1985 – 1986: CHUYẾN DU HÀNH VÒNG QUANH THẾ GIỚI.

KULU MANALI

Vào 14/11/1985, ngay sau phiên tòa của ông, Osho bay từ sân bay Portland tới Delhi – đi qua Cyprus. Ông đáp xuống vào 17 /11 và được chào đón bởi hằng ngàn những sannyasin Ấn độ. Tại đó, ông mở một cuộc họp báo, và đi tiếp tới Kulu Manali, nơi ông xếp thời biểu cho những buổi phỏng vấn đều đặn với báo giới bắt đầu từ 19/11. Những sannyasin của ông, trong khi chờ đợi, bắt đầu tìm kiếm một nơi để ông có thể tái định cư và tiếp tục công trình của mình. Chính phủ Ấn từ chối gia hạn visa cho thị giả của Osho, y sĩ của ông, và "bộ tham mưu" của ông, đe doạ tịch thu passport của ông, trừ khi ông ngừng mở những cuộc phỏng vấn cho báo giới và gặp gỡ với những đệ tử của mình. Vào tháng 1/1986, ông bay tới Kathmandu tại Nepal.

Vua của Nepal sẵn sàng cho tôi và công xã của tôi cư trú ở đó, nhưng với điều kiện là, tôi không nên nói chống lại Hindu giáo. Nepal là một vương quốc Hindu giáo, vương quốc Hindu giáo duy nhất trên thế giới.

Tôi từ chối. Tôi nói, "Tôi không bao giờ lập kế hoạch là phải nói gì và không nói gì. Tôi không thể hứa. Và nếu tôi thấy bất cứ cái gì sai trái, thì tôi nói chống lại nó, bất kể nó thuộc về Hindu giáo, Kytô giáo, hay Hồi giáo."

Vào 21/1, Osho thông báo:

Tôi sắp làm một chuyến du hành vòng quanh thế giới – bởi vì tôi không tin vào những biên giới chính trị, và tôi quan niệm toàn bộ trái đất như là của tôi. Và tôi có người của tôi khắp thế giới, nhiều người trong số họ tôi chưa gặp trong nhiều năm – những người của tôi mà đã đi bước đi thứ nhất; họ đã tự chia cách mình khỏi đám đông. Họ không còn là những người Kytô giáo, không còn là những người Do thái (giáo), không còn là những người Hindu giáo. Họ đã làm một công trình vĩ đại, một cái gì đó hiếm hoi, một cái gì đó độc nhất vô nhị mà trước đó chưa bao giờ được làm bởi một số lượng người to lớn như thế.

Bây giờ, chỉ có hai cách: hoặc là họ sẽ đến với tôi, hoặc là tôi sẽ đến với họ. Cách thứ hai ngày càng khó khăn do lãi suất đầu tư. Thêm vào đó, người ta muốn cô lập tôi khỏi những người của tôi – họ đã bắt đầu làm cái đó. Nhưng tôi có cách của riêng tôi để ứng phó với cái sách lược phát xít của họ. Thay vì kêu gọi người đến với tôi, tôi sẽ đi tới những người của mình.

Ba chính phủ đã mời tôi, mặc dù họ biết một rất rõ rằng, nước Mỹ chống lại tôi và gây áp lực không cho tôi vào bất cứ nước nào. Ba chính phủ đã đủ dũng cảm – và những nước đó không giàu, đó là

những nước nghèo, những nước Nam Mỹ. Nhưng họ muốn cho nước Mỹ thấy, “Quý vị không có độc quyền thống trị thế giới.”

Do vậy, việc đi vòng quanh thế giới sẽ giúp chúng tôi tìm thấy ai là một người bạn và ai không phải bạn. Và kinh nghiệm của riêng tôi là, một người bạn của chúng tôi thì tương đương với (equal to) 100 kẻ thù … bởi vì họ (những kẻ thù) không có bất cứ cái gì ngoài những ý tưởng cũ kỹ, rã nát, lỗi thời. Chỉ cần một cú đẩy nhẹ thôi, là họ sẽ rã từng mảnh.

Họ đang chiến đấu cho những cái đã chết (the dead).

Chúng ta đang chiến đấu cho những cái chưa ra đời (the unborn).

Và cái quyết định của sự tồn tại (existence) luôn luôn đứng về phía sự sống.

CRETE

Vào 16/1, Osho bay tới Hy Lạp với một visa du lịch 4 tuần và lưu lại trong một villa trên đảo Crete. Ba ngày sau đó, ông bắt đầu tổ chức những buổi nói chuyện ngoài trời trong khuông viên của villa, dưới một cây to, cành lá sum suê. Trong nhiều ngày, nhiều trong số những sannyasin của ông bắt đầu đến từ những nước Âu châu kế cận. Vị giám mục Chính Thống Hy Lạp địa phương, trong những bài giảng trước công đồng của ông, phê phán Osho; ông ta phân phát một cuốn sách nhỏ, cáo buộc Osho về tội làm suy đồi đạo đức của giới trẻ, và đe doạ tổ chức một cuộc diễu hành tới villa để phản đối. Vào 5/3, cảnh sát đến trong khi Osho đang ngủ trưa, bắt giữ ông và trục xuất ông. Khi bí thư pháp lý (legal secretary) của Osho yêu cầu họ cho xem trát đòi (warrant), thì cảnh sát bắt giữ cô và tiến hành phá sập những cửa lớn và cửa sổ để xâm nhập vào nhà và bắt Osho giam tù.

TRÊN ĐƯỜNG TỚI URUGUAY, THỤY SĨ, THỤY ĐIỂN, LONDON, IRELAND,

TÂY BAN NHA, SENEGAL.

Từ Hy Lạp, chúng tôi di chuyển tới Geneva, chỉ để nghỉ ngơi qua đêm, và ngay khi họ biết tên tôi, họ nói, “Đừng hòng ! Chúng tôi không thể cho phép ông ta vào nước chúng tôi.”

Tôi không được phép thậm chí ra khỏi máy bay.

Chúng tôi di chuyển tới Thụy điển, nghĩ rằng (như thiên hạ đồn đại) Thụy điển thì cấp tiến hơn nhiều, so với bất cứ nước nào tại châu Âu hay trên thế giới; rằng Thụy điển đã và đang cung cấp nơi tỵ nạn cho nhiều tên khủng bố, những nhà cách mạng, những chính trị gia bị trục xuất, rằng nó rất hào phóng.

Chúng tôi đến Thụy điển. Chúng tôi muốn lưu lại qua đêm bởi vì những phi công đã hết thời hạn bay. Họ không còn có thể tiếp tục nữa; nếu bay tiếp, thì sẽ trở nên bất hợp pháp. Và chúng tôi vui sướng bởi vì chúng tôi chỉ xin lưu lại qua đêm, nhưng mà người đàn ông tại phi trường cấp những visa 7 ngày cho mọi người. Nhưng ngay lập tức cảnh sát đến và hủy bỏ những visa đó và bảo chúng tôi rời. “Người đàn ông này, chúng tôi không thể cho phép vào nước tôi.”

Họ có thể cho phép những tên khủng bố, họ có thể cho phép những tên sát nhân, họ có thể cho phép bọn Mafia và họ có thể cho chúng tỵ nạn – nhưng họ không thể cho phép tôi. Và tôi thì không đang xin tỵ nạn hay cư trú vĩnh viễn, chỉ xin lưu lại qua đêm.

Chúng tôi xoay hướng sang London, bởi vì đơn giản đó là cái quyền cơ bản của chúng tôi. Và chúng tôi làm cho sự việc hợp pháp

tới hai lần – chúng tôi đã mua những tấm vé hạng nhất cho ngày hôm sau. Phi cơ phản lực của chúng tôi đã ở đó, nhưng chúng tôi vẫn mua vé trong trường hợp họ nói : “Quý vị không có vé cho ngày mai, nên chúng tôi sẽ không cho phép quý vị lưu lại trong cái phòng đợi hạng nhất.”

Chúng tôi đã mua những vé hạng nhất cho mọi người chỉ để có thể lưu lại trong phòng đợi, và chúng tôi bảo họ : “Chúng tôi có máy bay riêng, và chúng tôi cũng có những tấm vé.” Nhưng họ áp dụng một luật địa phương (bylaw) của phi trường, mà không ai có thể can thiệp vào : “Đó là cái quyền tự do riêng của chúng tôi – và người đàn ông này, chúng tôi sẽ không cho phép ông ta vào trong phòng đợi.”

Tôi tự hỏi, “Làm thế nào tôi có thể phá hủy cái nền đạo đức (morality) của họ, tôn giáo của họ, bằng cách chỉ lưu lại trong phòng đợi? Trước hết, tôi sẽ ngủ, và vào buổi sáng, chúng tôi sẽ đi khỏi đó.” Nhưng không, những nước mệnh danh là văn minh này thì cực kỳ bán khai và man rợ (barbarous). Họ nói, “Tất cả những gì mà chúng tôi có thể làm, là, chúng tôi có thể đưa quý vị vào trong tù để qua đêm.”

Tại Ireland, chúng tôi chỉ đơn giản muốn lưu lại một ngày để cho các phi công nghỉ ngơi – nhưng người đàn ông tại phi trường đã cho chúng tôi 7 ngày. Ông không bận tâm chúng tôi là ai, và mục đích là gì. Chắc hẳn là ông ta đã say xỉn rồi ! Chúng tôi đến một khách sạn, và vào buổi sáng, cảnh sát đến, yêu cầu cho xem passport, và hủy bỏ 7 ngày này.

Chúng tôi nói, “Các ông đã cho chúng tôi 7 ngày và bây giờ các ông hủy bỏ chúng mà không đưa ra lý do nào. Không ai trong số người của chúng tôi ra khỏi khách sạn; họ chưa phạm một tội danh nào. Các ông không thể làm như thế.”

Họ bị kẹt trong một tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Họ đã cho chúng tôi 7 ngày; bây giờ họ đã hủy bỏ chúng mà không thể đưa ra lý do tại sao. Cho nên họ nói, "Các ông có thể lưu lại bao lâu tùy ý, nhưng đừng ra khỏi khách sạn."

Chúng tôi đã lưu lại ở đó 15 ngày bởi vì chúng tôi cần một ít thời gian. Những người của chúng tôi đang làm việc tại Tây Ban Nha, và chính phủ Tây Ban Nha sẵn lòng cho chúng tôi cư trú vĩnh viễn. Cho nên chúng tôi chỉ cần thời gian: nếu Tây Ban Nha sẵn sàng, chúng tôi có thể di chuyển từ Ireland đến Tây Ban Nha. Chúng tôi lưu lại Ireland 15 ngày mà không có visa nào cả.

Và cái ngày chúng tôi rời Ireland, một bộ trưởng (minister) thông báo với những dân biểu quốc hội, rằng chúng tôi chưa bao giờ có mặt tại Ireland. Những người có văn hoá, những người được giáo dục – thế mà họ nói dối một cách trắng trợn, nói rằng tôi chưa bao giờ có mặt tại Ireland! Và ông ta biết, chính phủ ông ta biết, ông cảnh sát trưởng (chief of police) biết.

Tôi đang nghĩ rằng, một khi tôi đã ổn định tại một nơi nào đó, thì tôi sẽ khởi sự… lần lượt, mỗi nước phải được lôi xệch vào tòa án về những lời dối trá của họ, về việc họ gọi tôi là "nguy hiểm," về việc nói "vâng" và rồi từ chối sau một tiếng đồng hồ. Tôi định sẽ phanh phui nó trước thế giới, để mọi người hiểu một điều đơn giản, rằng không có dân chủ ở bất cứ nơi đâu.

Vào 14/3, Osho và đoàn tùy tùng của ông được hứa cấp visa tới Tây Ban Nha, nhưng 3 ngày sau, họ bị từ chối, dựa trên những hồ sơ được cung cấp bởi chính phủ Mỹ và chính phủ Đức. Vào 18/3, phi cơ riêng của Osho đáp xuống Madrid, và được vây quanh bởi Đội Phòng Vệ Dân Sự (Guardia Civil) trong khi tòa lãnh sự Uruguay đóng dấu những visa nhập cảnh Uruguay trong những passport của Osho và những tùy tùng của ông. Chỗ dừng kế tiếp là tại Dacca, Senegal, để lưu lại qua đêm trong một khách sạn trước khi tiếp tục bay tới

Uruguay. Vào cùng ngày, nghị viện Âu châu thảo luận một nghị quyết để ngăn cản không cho Osho vào bất cứ nước nào trong khối Thịnh Vượng Chung Châu Âu.

Bạn sẽ ngạc nhiên : tôi đang được đưa ra thảo luận trong những nghị viện của những nước mà tôi chưa bao giờ đến, ngay cả trong những nước mà tại đó không có một sannyasin riêng lẻ nào tồn tại, như thể tôi là vấn đề thế giới lớn nhất với họ. Họ đang đối mặt với một cuộc chiếc tranh hạt nhân thứ ba, nhưng mối lo lắng của họ là về tôi!

Thật có ý nghĩa, là họ đã nhận thức rằng, nếu tôi được phép tiếp tục rao giảng, thì những xã hội thối nát của họ sẽ bắt đầu sụp đổ. Và tôi dự định tiếp tục, bất kể cái gì xảy ra; họ không thể ngăn cản tôi. Tôi sẽ tìm ra những cách của mình. Và bây giờ hơn bao giờ cả, tôi sắp mài sắc luận cứ của tôi chống lại họ và phanh phui mọi chính phủ mà đã và đang ngăn cản tôi tới được những người của riêng tôi.

URUGUAY

Vào 12/4, Osho định cư trong một ngôi nhà rộng gần biển tại Punta del Este, Uruguay. Ông tiếp tục lại những cuộc nói chuyện hằng ngày của mình trong một bối cảnh (setting) thâm tình, cho một nhóm 20 – 30 người. Vào thời gian này, ông bắt đầu nói về cái "thị kiến" của ông về cái giai đoạn kế tiếp của công trình của ông.

Cái giai đoạn mới của tôi là (mở) một trường học (school) huyền bí. Bạn có thể làm việc trong thế gian, nơi mà những con đường đã có ở đó, những ngôi nhà đã có mặt ở đó, bạn không cần phải làm ra chúng. Những nhà máy đã có mặt ở đó … trong hằng ngàn năm, thế giới đã tạo ra mọi cái đó. Cho nên bạn có thể xoay xở – 5 giờ một ngày, 5 ngày một tuần là đủ. Vào kỳ nghỉ cuối tuần, bạn có thể thiền định, bạn có thể đi vào trong sự im lặng, hay bạn có thể đi tới một địa điểm biệt lập nào đó và chỉ thư giãn. Và trong một năm, bạn có khả năng kiếm quá nhiều tiền, để dành quá nhiều tiền, đến mức bạn có

thể đến đây 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng… lưu lại bao lâu, là tùy khả năng xoay xở của bạn.

Rồi thì việc ở cùng tôi, tôi không dính líu gì tới công việc. Rồi thì có mặt với tôi chỉ đơn giản là niềm vui, lễ hội, thiền định, ca hát, nhảy múa. Ba tháng đó chỉ đơn thuần là một kỳ nghỉ. Trong ba tháng, bạn quên đi thế giới. Ba tháng đó thuần túy là cuộc tìm kiếm chân lý. Và sau ba tháng, bất cứ cái gì mà bạn học được, hãy tiếp tục nó tại nhà; ở đó bạn có thời gian. 5 giờ bạn làm việc – bạn có đủ thời gian; bạn có thể dành riêng ít nhất 2 giờ cho chính bạn.

Do vậy, mỗi năm bạn sẽ đến, lưu lại đây lâu hay mau tùy điều kiện cụ thể của bạn, rồi đi. Bạn sẽ không là một gánh nặng cho bất cứ ai, và không cần ai thống trị bạn; không cần bất cứ kỷ luật nghiêm ngặt nào – công việc mới cần cái đó. Không cần những "người điều phối" (coordinator), cho nên chúng ta có thể tránh một " cái ngáng quyền lực" (power trip.)

Nhưng cả hai công xã của chúng ta đã giúp mang chúng ta tới cái điểm nơi mà chúng ta có thể khởi đầu một trường học huyền bí. Nếu không có hai công xã đó, thì cái này sẽ là bất khả. Đây là cách mà tôi nhìn những sự việc. Ngay cả những thất bại cũng sẽ mang bạn tới gần thành công hơn, bởi vì mỗi thất bại cho bạn thị kiến (insight) về cái gì là sai đường, nó đi sai như thế nào. Cho nên cả hai cuộc thí nghiệm của chúng ta đều vô cùng có ý nghĩa.

Bây giờ chúng ta đang ở trong một "tư thế" (position) có thể tạo ra một loại nơi chốn hoàn toàn khác, một nơi thuần túy là một lễ hội quanh năm. Người ta sẽ đến và đi. Họ sẽ nhận lấy bất cứ cái gì mà họ học được và họ sẽ thực tập nó trong thế giới, và họ sẽ lại đến để làm mới lại, để làm tươi mát lại (refresh) chính mình, để đi xa hơn, sâu hơn. Chỉ một nhóm "tác viên nòng cốt" (skeleton crew) sẽ có mặt ở đó để chăm sóc bạn.

Ban đầu, chính phủ Uruguay đã cấp một giấy phép cư trú 1 năm cho Osho, với ý định sẽ gia hạn nó tới 3 năm và sau cùng cấp cho ông quốc tịch. Vào đầu tháng 6, tuy nhiên, chính phủ bị áp lực từ người Mỹ, không cho phép Osho định cư. Vào giữa tháng 6, chính phủ Mỹ gởi một tối hậu thư đến tổng thống Uruguay: trục xuất Osho khỏi nước, hoặc có nguy cơ bị mất viện trợ hằng tỷ đô la Mỹ. Một cách miễn cưỡng, ông ta tuân phục.

Vào 19/6, 1986, Osho bay từ Uruguay tới Jamaica, nơi mà ông có một visa hai tuần, nhưng sáng hôm sau cảnh sát ra lệnh buộc ông phải rời vào chiều tối hôm đó. Vào 20/6, ông bay tới Lisbon, Bồ đào nha, nơi mà ông âm thầm lưu lại trong một villa thuê, trong vài tuần. Cảnh sát bao vây villa của ông, và ngày 30/7, ông bay tới Bombay.

Tổng thống của Uruguay nói : " Thật không may là tôi phải làm điều đó. Tôi đang làm điều đó trái với lương tâm của riêng tôi."

Những người Mỹ [20] thì thậm chí không chịu để cho tôi rời Uruguay một cách bình thường. Họ muốn có một lệnh trục xuất. Phi cơ của tôi đang chờ tại phi trường … Tôi nói, "Không có vấn đề gì. Tôi có thể rời đất nước này. Tôi sẽ không đặt nước ông vào trong một nguy cơ như thế."

Ông nói, " Tổng thống Mỹ cương quyết rằng ông phải bị trục xuất; ông phải rời Uruguay trong diện bị trục xuất. Tôi bị cưỡng bách phải phạm những tội danh : trước hết, bảo ông rời đất nước mà không có lý do nào; ông đã không làm gì cả. Thứ hai, trục xuất ông. Nhưng tôi hoàn toàn bất lực. Tuy nhiên, tôi muốn một điều: (rằng) trên passport của ông sẽ không có những con dấu của việc trục xuất từ Uruguay. Chúng tôi có một phi trường nhỏ – do vậy, hãy di chuyển máy bay của ông tới phi trường đó, và vào buổi chiều tối hãy rời bỏ mà không thông báo cho chúng tôi, để chúng tôi có thể nói, 'Ông ta đi mà không thông báo cho chúng tôi. Không có thời gian để trục xuất ông ta.'"

Nhưng ông ta đã nhầm. Khi phi cơ của chúng tôi di chuyển tới cái phi trường nhỏ, một đại điện người Mỹ đã có mặt ở đó với tất cả những con dấu và một viên chức mà công việc của ông ta là trục xuất … Tôi bị trì hõan ở đó, bởi vì họ phải điền vào tất cả những biểu mẫu, và khi tôi rời đất nước, tôi nói, : "Không có vấn đề gì. Thật ra, passport của tôi đã trở thành một văn kiện lịch sử! Tôi đã bị trục xuất từ quá nhiều nước mà không có lý do nào cả."

Khi tôi rời Uruguay, vị tổng thống của Uruguay được mời đến Mỹ ngay lập tức, và Ronald Reagan cho ông ta 36 triệu đô la Mỹ như là "một cử chỉ của tình hữu nghị." Cái đó là một phần thưởng bởi vì tôi bị ném ra ngoài trong vòng 36 tiếng đồng hồ: đúng chính xác 36 triệu đô la Mỹ, một triệu đô la mỗi giờ. Đúng ra, tôi nên khởi sự đòi những chính phủ này trả phần trăm tiền huê hồng! Quý vị đang kiếm được hằng tỷ đô la Mỹ nhờ tôi – quý vị nên trả cho tôi ít nhất là 2% mới phải !

---

[20] Bạn đọc đã biết, không phải "Mỹ" lúc nào cũng … "đẹp" ! Phải công nhận, "Mỹ" có nhiều cái "rất xấu"!

Nhưng, nói như vậy, không có nghĩa là họ không có nhiều cái … thực sự "đẹp" ! "Tuyệt vời" là đằng khác ! Cái gì của họ "đẹp", thì ta phải "học" thôi, không thể … "chày cối" được!

1987: " PUNE 2 "

Sau khi trải qua 5 tháng tại Bombay và tái tục thời biểu cho các cuộc nói chuyện của ông trong nhà của một trong số những đệ tử của mình, vào 30/12/1986, Osho trở lại công xã tại Pune, mà đã được duy trì bởi những sannyasin Ấn độ trong thời gian 5 năm ông vắng mặt. Khi lần đầu tiên ông đến, những quan chức chính phủ địa phương và một tổ chức cầm đầu bởi nhà Chính thống giáo Hindu, Vilas Tupe, (xem âm mưu vụ mưu sát ở trang …) dàn dựng (stage) một số những hành động thù địch chống lại Osho và công xã. Sau một vài tháng, tuy nhiên – với sự ủng hộ của Dhole Patil, vị Thị trưởng của Pune, và với sự giúp đỡ của những người bạn trong chính phủ và cơ quan tư pháp (judiciary) Ấn – công xã được phép hoạt động ít nhiều bình thường, tương đối có ít những vụ can thiệp và sách nhiễu lộ liễu.

Chỉ mới hôm qua, tôi nhận được một lá thư khác từ thị trưởng của Pune:

Với lòng yêu mến và niềm hân hoan (pleasure) sâu xa nhất, tôi mong ước được phát biểu rằng, Osho, hiện đang cư trú tại 17, Koregaon Park, Pune, trong khu vực bầu cử của tôi (my home constituency), không nghi ngờ gì nữa, là một người chứng ngộ. Những quan điểm đầy thẩm quyền của ông về tôn giáo, là hết sức cần thiết trong thời buổi hỗn loạn này. Ông là một trong những nhà huyền môn uyên thâm, vĩ đại nhất, và là một đạo sư tâm linh của thời đại chúng ta. Phẩm hạnh (conduct) của ông và cách cư xử đầy yêu thương (loving behavior) của ông không thể và chưa bao giờ tạo ra bất cứ vấn đề pháp lý nào, ông cũng chưa bị phát hiện là có tội trong bất cứ điều khoản nào của luật hình sự. Thật vậy, những lời dạy của ông góp phần tạo ra một bầu khí rất hòa bình và thanh thản (tranquill) trong hoàn cảnh hiện tại, khi mà nhìn chung, đất nước đang trải qua một tình trạng rất hỗn loạn.

Vào cuối năm 1987, ngày nào cũng có hằng ngàn sannyasin và khách viếng thăm kéo đến công xã. Osho tiếp tục chịu đựng (suffer) những giai đoạn bệnh hoạn, bị hành hạ bởi những cơn đau trong

xương và khớp; thị lực có vấn đề, nhạy cảm với ánh sáng; ăn không ngon; và bệnh nhiễm trùng tai tái phát. Thường khi, suốt nhiều ngày và nhiều tuần liên tục, ông không thể xuất hiện cho những cuộc nói chuyện hằng ngày của mình. Và trong những bài nói của mình, ông thường hay nói đến sự kiện rằng ông sẽ không thể tồn tại vĩnh viễn về mặt thể xác, và thúc giục thính giả của ông đưa thiền định lên thành ưu tiên hàng đầu. Vào tháng 3, ông bắt đầu "bài-tập ngừng" (stop exercise) khi ông bước vào và rời thiền phòng, nơi mà ông chỉ đạo hội chúng nhảy múa với âm nhạc cuồng loạn và rồi đột nhiên ngừng lại một vài khoảnh khắc trước khi tiếp tục nhảy múa.

Tôi đang cố đưa bạn trở về nhà. Bạn đã đi quá xa, lang thang chạy theo những cái phù du, lang thang chạy theo những giấc mơ. Và tôi muốn bạn trở lại nhà – bởi vì cái mà có thể cho bạn sự hài lòng, cái mà có thể cho bạn sự mãn nguyện, thì không phải ở ngoài đó, nó ở đây; nó không có mặt tại bất cứ thời gian nào, mà nó có mặt ngay khoảnh khắc này. Và cảm giác về một sự ngừng lại – một sự ngừng hoàn toàn – không là gì ngoài một kinh nghiệm về cái bây giờ, ở đây.

Tôi chỉ có thể cho bạn nếm một chút mùi vị, và một khi bạn nếm được, thì bạn sẽ tìm kiếm nó. Rồi thì không có cách nào ngăn cản bạn. Cái nền tảng nhất là nếm một chút.

Bạn đã nghe những lời nói, những lời đẹp đẽ, nhưng chúng chưa thúc đẩy bạn vào trong một cuộc tìm kiếm say mê. Tôi muốn tặng cho bạn không phải là những lời nói, mà là một nội dung nào đó. Và cái đó chỉ có thể được bằng cách cho bạn nếm thử một chút.

Và thời gian đã chín muồi. Đối với quá nhiều trong số những sannyasin của tôi, thì những bông hoa đầu tiên của mùa xuân đã bắt đầu hiển lộ. Ngày càng có nhiều thêm những bông hoa đang nở. Và bạn phải rất kiên nhẫn một cách lặng lẽ – với một hoài vọng sâu xa, nhưng không có yêu sách nào. Bởi vì tôi không thể ở đây vĩnh viễn. Và tôi đã đợi đủ lâu rồi; bây giờ là thời điểm mà tôi nên bắt đầu ïcho

bạn nếm thử. Những lời lẽ, tôi đã cho bạn quá nhiều – đó là sự chuẩn bị. Những hạt giống mà tôi đã gieo thì quá nhiều, và bây giờ mùa xuân đã rất gần kề, bạn phải dũng cảm, và toàn bộ (total), và nồng nhiệt (intensely) với tôi – trong sự im lặng của tôi, trong niềm vui của tôi.

Đã đến lúc cái "nhị nguyên" (duality) giữa bạn và tôi được cất bỏ.

Những ai thông minh, nên bỏ nó đi ngay lập tức. Những ai ít thông minh hơn một chút, sẽ phải mất một chút thời gian. Tôi có thêm một chút thời gian để nán lại (linger) trên bờ của bạn … nhưng nó không thể kéo dài quá lâu.

Tôi không thể luôn luôn ở cùng bạn. Tôi rất muốn, nhưng sự hiện hữu không cho phép điều đó. Sự hiện hữu chỉ cho phép chừng đó, [21] và điều đó tốt; nếu không, bạn sẽ bắt đầu xem (sự có mặt của) tôi là chuyện hiển nhiên.

Một ngày nào đó, tôi sẽ không có mặt ở giữa các bạn. Thật tốt, là thỉnh thoảng tôi vắng mặt, để cho bạn có thể bắt đầu học được rằng, cái xảy ra trong sự vắng mặt của tôi là thực tại của bạn. Khi tôi ở cùng bạn, bạn trở nên bị tràn ngập bởi sự có mặt của tôi. Bạn quên đi chính mình.

Và bạn không được (phép) quên chính mình! Bạn phải nhớ đến (remember) chính bạn, bởi vì chỉ như vậy, bạn mới có thể chuyển hoá chính mình.

Bạn sẽ cảm thấy "nhớ" (miss) sự có mặt của tôi – đó là điều rất tự nhiên; do vậy, tôi không kết tội cái tình cảm "nhớ nhung" đó. Nhưng bạn đang tìm kiếm cái gì đó "siêu việt" (beyond) – vượt quá cái bình thường, cái tự nhiên – cái gì đó siêu việt. Bạn phải học (cách tìm ra) con đường, và con đường đó phải được du hành một mình.

Tôi không thể đi cùng bạn. Tôi có thể chỉ cho bạn lối đi, tôi có thể chỉ cho bạn mặt trăng. Nhưng những ngón tay của tôi không phải là mặt trăng, tôi không thể tiếp tục chỉ cho bạn mặt trăng. Không sớm thì muộn, bạn phải quên đi những ngón tay của tôi và chính bạn phải nhìn vào mặt trăng. Con đường ấy, bạn phải đi một mình.

Một cách tự nhiên, khi tôi không đến hằng ngày, sáng và chiều tối, để ở cùng với bạn, thì bạn sẽ bắt đầu cảm thấy một loại suy sụp nào đó. Thật ra, nó không phải là một suy sụp; nó chỉ đơn giản là, cái thực tại của bạn đang trồi lên bề mặt (surfacing). Trước đây nó đã không có cơ hội để trồi lên. Tôi đã ở cùng bạn quá nhiều, đến nỗi, bạn đã chìm vào trong bóng tối, vào trong cái hậu cảnh (background). Tôi đã trở nên thực với bạn hơn chính bạn.

Khi tôi không đến, trong sự vắng mặt của tôi, thực tại của bạn sẽ được phơi bày ra với bạn. Điều đó tốt, bởi vì, trừ phi bạn biết bạn là cái gì, bạn đang ở đâu, thì cuộc hành hương của bạn không thể bắt đầu. Cho nên, những ngày đó có tầm quan trọng rất lớn.

Hãy nhớ: bất kể cái gì mà bạn tìm thấy bên trong chính bạn, bất kể nó có thể là "tào lao" (rác rưởi – rubbish) ra sao, nó là thực tại của bạn. Nó có thể được thanh tẩy, nó có thể được cất bỏ; bạn có thể di chuyển rời khỏi nó. Nhưng trước khi có thể làm bất cứ cái gì để xử lý nó, bạn phải biết nó. Cái đó là điều trước tiên và có ý nghĩa nhất.

Để giúp bạn tăng trưởng, phương pháp của tôi, về cơ bản, là làm cho bạn độc lập khỏi tôi. Bất cứ loại lệ thuộc nào đều là một sự nô lệ, và sự nô lệ tâm linh là sự nô lệ tồi tệ nhất trong tất cả.

Tôi đã và đang dốc hết mọi nỗ lực để làm cho bạn nhận biết tính cá thể của bạn, tự do của bạn, năng lực tăng trưởng tuyệt đối của bạn (your absolute capacity to grow) mà không có sự trợ giúp nào từ bất cứ ai. Sự tăng trưởng của bạn là cái gì đó nội tại trong bản thể bạn.

Nó không đến từ bên ngoài; nó không phải là một sự áp đặt, nó là một "phơi mở" (unfolding) từ bên trong.

Tất cả những kỹ thuật thiền định mà tôi đã cho bạn đều không lệ thuộc vào tôi – sự có mặt hay vắng mặt của tôi sẽ không tạo ra sự khác biệt nào – chúng tùy thuộc vào bạn. Không phải sự có mặt của tôi, mà là sự có mặt của bạn, là cái được cần đến để cho chúng vận hành tốt (work).

Không phải sự có mặt của tôi ở đây, mà là việc bạn có mặt ở đây, việc bạn có mặt trong hiện tại, việc bạn tỉnh táo và nhận biết, cái đó sẽ trợ giúp.

---

[21] Nguyên tác: Existence gives only so much rope. (To give sb rope: cho ai tự do hành động). Tôi dịch thoát ý, để câu được rõ nghĩa hơn

BỊ ĐẦU ĐỘC TẠI NƯỚC MỸ CỦA RONALD REAGAN [22]

Sau một thời kỳ 7 tuần – suốt thời gian đó những bác sĩ không thể chữa cho Osho khỏi bệnh nhiễm trùng tai, và ông rất bệnh – Osho xuất hiện vào 6/11/1987, để loan báo rằng: những bác sĩ của ông tin rằng ông bị đầu độc bằng thallium trong thời gian ông bị giam tù tại Mỹ.

Y sĩ riêng của tôi, bác sĩ Amrito, ngay lập tức thông báo cho những sannyasin - bác sĩ khắp thế giới, và yêu cầu họ liên hệ với

những chuyên gia giỏi nhất về độc được, bởi vì theo sự phân tích của riêng ông, là trừ khi tôi đã bị đầu độc ở đó, thì không thể nào giải thích tại sao cơ thể tôi đã mất hết mọi đề kháng. Và khi ý tưởng này trở nên mạnh mẽ trong trí ông, từng bước một, ông bắt đầu đi sâu vào vấn đề này, và ông phát hiện ra tất cả những triệu chứng mà có thể xảy ra nếu một loại độc dược nào đó đã được cho tôi uống.

Kể từ 12 ngày này, trong nhà tù Mỹ, mọi giấc ngủ đã biến mất. Nhiều cái bắt đầu xảy ra trong cơ thể mà trước đó không xảy ra: sự thèm ăn hoàn toàn biến mất, thực phẩm dường như hoàn toàn không có mùi vị, một cảm giác cuồn cuộn (churning) trong bao tử, nôn mửa, buồn nôn … không cảm thấy khát, nhưng có một cảm thức như thể mọi sự đã bị nhổ rễ. Cái gì đó trong hệ thần kinh cũng có vẻ như bị chấn thương (affected). Đôi khi, có một cảm giác rần rần chạy khắp cơ thể, rất mạnh mẽ – nhất là trong cả trong hai bàn tay tôi – và mi mắt giật giật.

Ngày tôi bước vào tù, tôi cân nặng 150 pound (68 kg) ; hôm nay tôi chỉ còn 130 pound (59 kg). Và cách đây đúng 3 tháng, cái xương trong bàn tay phải của tôi bắt đầu nhức dữ dội. Tất cả đều là những triệu chứng của những chất độc nào đó. Bác sĩ Amrito ngay lập tức thông báo cho tất cả những sannyasin - bác sĩ của tôi, để họ tiếp cận tất cả những chuyên gia giỏi nhất về độc dược trên thế giới. Và một trong những bác sĩ, bác sĩ Dhyan Yogi, ngay lập tức lấy mẫu máu, mẫu nước tiểu, mẫu tóc của tôi, và đi sang nước Anh, sang nước Đức, tới những chuyên gia giỏi nhất. Những chuyên gia châu Âu gợi ý rằng, sau 2 năm, không có độc dược nào có thể được phát hiện trong cơ thể, nhưng tất cả mọi triệu chứng cho thấy một chất độc nào đó đã được sử dụng.

Những chuyên gia châu Âu tại Anh và Đức đã gợi ý đó là thallium, một chất độc thuộc hệ “kim loại nặng” (heavy metals). Nó biến mất khỏi cơ thể trong vòng 8 tuần lễ, nhưng để lại những hậu quả (effect) của nó và hủy diệt sức đề kháng của cơ thể chống lại những bệnh

tật. Và tất cả những triệu chứng mà tôi đã kể với bạn, là một phần của việc đầu độc bằng thallium.

Bảy tuần này bạn đã không nhận biết … bạn chỉ đơn giản nghĩ rằng tôi bệnh. Bác sĩ Premda, nhà phẫu thuật mắt của tôi, đã cấp tốc đến từ Đức với những loại thuốc tốt nhất, nhưng không có gì giúp chống lại những chất độc trừ ra những buổi thiền định của tôi – thứ thuốc duy nhất mà có thể vượt lên mọi thứ thuộc về vật chất. Trong bảy tuần này, tôi đã nằm trong bóng tối gần như suốt ngày và đêm, im lặng chứng kiến cơ thể và giữ cho ý thức của tôi không bị phủ bóng tối bởi bất cứ cái gì. Tôi đang vùng vẫy đấu tranh với cái chết, nó là một cuộc chiến giữa cái chết và tình yêu của các bạn. Và các bạn nên ca hát mừng vui, vì tình yêu của các bạn đã chiến thắng.

Có lẽ sẽ rất đau đớn cho tôi nếu phải xa lìa các bạn trong tình trạng đẹp đẽ này, khi các bạn đã bắt đầu tăng trưởng đi lên. Tôi muốn người của tôi tự chuyển hoá chính mình, và thông qua họ, tôi muốn mang sự văn minh và nhân tính đích thực đến cho hành tinh đẹp đẽ này.

Chỉ có duy nhất một tôn giáo, và đó là tôn giáo của tình yêu. Chỉ có một Thượng đế, và đó là Thượng đế của lễ hội, của sự sống, của hoan ca (rejoicing). Toàn bộ trái đất này là một và nhân loại là một. Chúng ta là những thành phần của nhau.

Tôi không có than phiền nào chống lại những ai mà đã đầu độc tôi. Tôi có thể tha thứ cho họ một cách dễ dàng. Họ chắc chắn không biết cái mà họ đang tiếp tục làm.

Người ta nói rằng lịch sử lặp lại chính mình. Không phải lịch sử lặp lại chính mình; đó chính là sự vô ý thức của con người, sự mù quáng của con người mới lặp lại chính mình. Cái ngày mà con người sẽ có ý thức, tỉnh táo, và nhận biết, thì sẽ không có bất cứ sự lặp lại nào nữa. Socrates sẽ không bị đầu độc, Jesus sẽ không bị đóng đinh, Al

– Hillaj Mansoor sẽ không bị ám sát và bị giết mổ (butchered). Và đây là những bông hoa đẹp nhất của chúng ta, họ là những đỉnh cao nhất. Họ là vận mệnh (destiny) của chúng ta, họ là tương lai của chúng ta. Họ là cái tiềm năng nội tại của chúng ta mà đã trở thành hiện thực.

Tôi chắc rằng, bạn sẽ không có bất cứ thoáng giận dữ nào trong trái tim bạn, hay bất cứ sự thù hận nào đối với bất cứ ai, mà chỉ có sự hiểu biết và sự tha thứ đầy yêu thương. Đó là sự cầu nguyện đích thực duy nhất. Và chỉ có loại cầu nguyện này mới có thể nâng nhân loại lên một tầng ý thức cao hơn.

Tôi có một xác tín nội tại tuyệt đối: Họ đã có thể đầu độc cơ thể tôi, hệ thần kinh tôi, nhưng họ không thể hủy diệt ý thức của tôi, họ không thể hủy diệt bản thể của tôi. Và thật tốt là họ đã cho tôi một cơ hội để thấy chính tôi vượt lên thân xác mình, vượt lên tâm trí mình.

Bảy tuần lễ này đã là một cuộc thử lửa. Bạn không biết, bạn luôn luôn, mỗi khoảnh khắc của bảy tuần lễ này, đã là một trợ giúp vô cùng lớn cho tôi. Không có tình yêu của bạn, có lẽ tôi đã không thể vượt qua chất độc, bởi vì nếu không có tình yêu của bạn, tôi sẽ thậm chí không cần phải tranh đấu. Tôi đã thành tựu viên mãn và tuyệt đối toại nguyện; tôi đã về đến nhà. Nhưng tôi thấy bạn đang còn vấp ngã, quờ quạng, và tôi sẽ là rất vô tâm và không từ bi, nếu rời bỏ bạn trong tình huống này. Trong mỗi cuộc đời của các bạn, tôi muốn thấy một bình minh, những con chim đang hót và những bông hoa đang nở. Ngoài cái đó ra, tôi không có bất cứ lý do nào khác để có mặt ở đây.

Hãy nhớ: tôi có mặt ở đây là vì bạn. Cái ký ức đó sẽ giúp bạn không đi lạc đường. Cái ký ức đó sẽ giúp bạn nhận biết cái thế giới thiếu văn minh mà trong đó chúng ta đang sống, trong cái ngôi nhà điên này mà chúng ta gọi là nhân loại. Nó sẽ tiếp tục nhắc nhở bạn,

rằng chúng ta phải khai sinh ra một con người mới và một nhân loại mới.

Đây là một thách thức vô cùng lớn. Những ai mà có đảm lược (guts) và trí thông minh, và một ước vọng và hoài bão muốn chạm tới những ngôi sao xa nhất … chỉ có những con người ít ỏi này mới có thể hiểu tôi, mới từng có thể trở thành những bạn đồng hành của tôi. Tôi không có bất cứ đệ tử nào cả – tôi chỉ có những người yêu và những người bạn và những bạn đồng hành.

Tôi muốn tất cả các bạn có thể đạt tới cái diễm phúc (beatitude) tương tự, sự phúc lạc tương tự, và cơn xuất thần tương tự mà đã trở thành chính nhịp đập của trái tim tôi. Nó cũng là nhịp đập trái tim của toàn vũ trụ.

---

[22] Không biết có đúng thực như vậy không. Nếu đúng, thì quả chính phủ Mỹ rất sợ Osho. Mà, ông cũng "đáng sợ" thật!

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC THẾ GIỚI DÀNH CHO TÍNH SÁNG TẠO [23]

Vào 17/1/1988, Osho nói về một " thị kiến" (vision) cho cái công xã, nhằm tạo ra một nơi gặp gỡ, mà ở đó mà người ta có thể khám phá cả khoa học bên ngoài về vật chất lẫn khoa học thiền định bên trong. Nó là một đề xuất mà trong quá khứ ông vẫn thường xuyên nói về, nhưng bây giờ ông hoàn thiện (refine) nó càng nhiều hơn.

Tôi muốn cái ashram này dần phát triển thành một Viện Hàn Lâm Khoa Học Thế Giới dành cho sự sáng tạo. Đây có lẽ là cái tổng hợp lớn nhất đã từng có. Cuộc tìm kiếm những chân lý tôn giáo của bạn không hề ngăn trở cuộc tìm kiếm thực tại khách quan, bởi vì những lãnh vực này tuyệt đối tách rời nhau; chúng không chồng chéo lên nhau.

Bạn có thể vừa là một nhà khoa học, vừa là một thiền giả. Thật ra, bạn càng đi sâu vào thiền định, bạn càng phát hiện rằng, thêm nhiều sự sáng tỏ, nhiều thông minh, nhiều năng lực phát minh sẽ nở hoa bên trong bạn, mà có thể sáng tạo ra một khoa học hoàn toàn mới.

Khoa học cũ được tạo ra như là một phản ứng chống lại tôn giáo. Khoa học mới, mà tôi đang nói về, không phải là một phản ứng chống lại cái gì cả, mà là một năng lượng trào dâng, sự thông minh, tính sáng tạo. Chính trị đã làm hư hỏng khoa học bởi vì mối quan tâm của riêng nó chỉ là chiến tranh. Những tôn giáo đã không thể chấp nhận khoa học, bởi vì tất cả chúng đều mê tín, và khoa học dự định phá hủy mọi thần linh của chúng, và tất cả những mê tín của chúng. Khoa học đã trải qua 300 năm trong một tình huống rất khó khăn, một mặt nó phải chiến đấu chống lại tôn giáo, và mặt khác, nó đã một cách vô ý thức trở thành một kẻ nô lệ cho nhà chính trị.

Tôi muốn nơi này phát triển, và tôi đang làm những thu xếp cho một viện hàn lâm khoa học và nghệ thuật thế giới, hoàn toàn hiến dâng cho những mục tiêu khẳng định sự sống.

Cái khoa học mà có thể tạo ra Hiroshima và Nagasaki và hủy diệt hằng ngàn người, chim chóc, cây cối – không có lý do nào, chỉ bởi vì những nhà chính trị muốn xem thử là năng lượng nguyên tử có phát huy hiệu năng hay không – cũng chính nó có thể tạo ra nhiều thực phẩm hơn, nhiều sự sống hơn, sức khỏe tốt hơn, nhiều thông minh hơn, trong tất cả mọi lãnh vực của cuộc sống. Nhưng nó nên được

lấy ra khỏi bàn tay của những nhà chính trị và nó không nên bận tâm về những tôn giáo.

Những người đoạt giải Nobel, những nhà khoa học kiệt xuất, những nghệ sĩ của những chiều kích khác nhau, sẽ cấu thành viện hàn lâm, và họ sẽ làm những nỗ lực để thay đổi toàn bộ cái khuynh hướng có tính hủy diệt của khoa học.

Những sannyasin của chúng ta – trong số họ có nhiều người là nhà khoa học, nghệ sĩ, y bác sĩ – sẽ giúp hàn lâm viện. Chúng ta sẽ cấp những học bổng, và người từ khắp thế giới có thể đến và nghiên cứu một con đường khoa học mới, một con đường nghệ thuật mới mà khẳng định sự sống, mà tạo ra nhiều tình yêu hơn trong nhân loại, và chuẩn bị cho cuộc cách mạng tối hậu.

Cuộc cách mạng tối hậu là (tiến tới) một chính phủ quốc tế duy nhất – bởi vì chừng nào mà thế giới chưa có một chính phủ độc nhất, bạn không thể chận đứng chiến tranh.[24] Từ xưa tới nay, mỗi dân tộc phải có quân đội (military) của riêng nó, những phòng vệ của riêng nó, những vũ khí của riêng nó, và có một cuộc cạnh tranh về việc ai có sức mạnh hủy diệt nhiều hơn. Nhưng một khi có một chính phủ quốc tế duy nhất, thì không cần có quân đội, không lực, hải quân; tất cả những cái này có thể được chuyển hoá thành những dịch vụ hiến dâng cho sự sống, cho toàn thể nhân loại.

Và Hàn Lâm Viện Khoa Học Thế Giới sẽ là bước đầu tiên, bởi vì nếu chúng ta có thể đưa những nhà khoa học khắp thế giới dần dần ra khỏi cái vòng kìm kẹp (grip) của những nhà chính trị, thì mọi quyền lực của những nhà chính trị sẽ bị kết liễu (finished). Họ không hùng mạnh; nhà khoa học là sức mạnh đằng sau họ. Và nhà khoa học đang ở trong khó khăn, bởi vì không có học viện nào trên thế giới mà sẽ cung cấp cho nhà khoa học đủ phương tiện mà anh ta cần để làm việc.

Cái thời khi mà Galileo có thể làm một phòng thí nghiệm nhỏ trong nhà của riêng mình, và những nhà khoa học có thể làm việc một cách độc lập mà không có sự hỗ trợ nào từ bên ngoài, cái thời đó đã qua lâu rồi. Bây giờ khoa học đã trở nên quá phức tạp, và đã phát triển quá nhiều ngành – và mỗi ngành chính nó đã trở thành một khoa học – đến nỗi, trừ khi anh ta được hỗ trợ bởi chính phủ hay một tổ chức (institution) rất có thế lực, có tiền, có trí thông minh, có những nhà nghiên cứu (students) tận tụy, thì nhà khoa học không thể làm việc.

Dường như sự hiện hữu đang sắp xếp cho vấn đề tiền bạc mà chúng ta sẽ cần để tạo ra cái viện hàn lâm. Một nhân vật khác rất quan trọng tại Nhật bản, người nắm giữ (hold) nhiều tổ chức (foundation) cho những dịch vụ nhân đạo, sắp đến để xem liệu có thể mang tiền bạc từ những tổ chức đó để tạo ra cái viện quốc tế này hay không. Và nó sẽ có sự hỗ trợ từ khắp thế giới, từ mọi nhà khoa học không có ngoại lệ, bởi vì hiện nay mọi người đang thấy rằng họ đang phục vụ sự chết, chứ không phải sự sống.

Chúng ta có thể có thư viện lớn nhất dành cho nghiên cứu khoa học, và chúng ta có thể có những sannyasin làm việc, nghiên cứu. Cái tổng hợp sẽ là, mọi người đang làm việc trong viện cũng sẽ thiền định, bởi vì trừ khi thiền định đi sâu vào trong bạn, thì những nguồn suối tình yêu của bạn sẽ vẫn còn yên ngủ. Sự phúc lạc của bạn, niềm vui của bạn, sẽ vẫn còn chưa nở hoa.

Con người không phục vụ khoa học, khoa học là để phục vụ con người.

Nhưng những nhà khoa học đang ở trong khó khăn. Họ không thể làm việc một cách cá nhân; họ phải làm việc dưới một chính phủ. Mối quan tâm của chính phủ là chiến tranh, và không có tôn giáo nào sẽ ủng hộ họ, bởi vì những phát kiến của họ tiếp tục hủy diệt những mê tín tôn giáo.

Có một khoảng chân không (vacuum) khổng lồ mà tôi muốn lấp đầy bằng cách tạo ra một viện hàn lâm thế giới hoàn toàn dâng hiến cho sự sống, tình yêu, tiếng cười – hoàn toàn dâng hiến cho việc tạo ra một nhân loại tốt hơn, một bầu không khí tốt hơn, trong sạch và mạnh khỏe hơn, và phục hồi môi trường sinh thái (ecology) đã bị khuấy động.

Chúng ta đang tìm kiếm những nguồn tài chánh để mua toàn bộ Koregaon Park. Và có một điều tốt về Ấn độ: vật giá thì rẻ hơn, và người ta có thể đến từ mọi nước, có mặt ở đây 3 - 4 tháng, và rồi về nước; trong 8 tháng ở trong nước, họ có thể kiếm đủ tiền và trở lại. Họ không cần phải làm việc ở đây. Ở đây là cái thất cho việc thiền định của họ. Và tôi muốn tất cả mọi chiều kích – những nhạc sĩ tài ba nhất để dạy bạn âm nhạc, những họa sĩ ưu tú nhất dạy bạn hội họa, những nhà thơ giỏi kiệt xuất nhất dạy bạn kinh nghiệm về thi ca và sự biểu hiện nó.

Tôi là một người mơ mộng vô phương cứu chữa.

Nhưng tôi có thể nói với bạn rằng, bất kể tôi mơ cái gì trong đời tôi, tôi đã xoay xở nó thành công, mà không làm gì cả. Chỉ là một đề xuất ra cho sự hiện hữu …

---

[23] Đây là một sáng kiến rất đáng ca ngợi. Không rõ, hiện nay nó ra sao? Nhưng, cho dù nó chưa trở thành hiện thực & phát huy tác dụng, thì một Hàn Lâm Viện Quốc Tế như thế này, cũng là một cái mà nhân loại rất nên tiến đến.

[24] Đây là một ý tưởng rất hấp dẫn, nhưng có khả thi không, hay nó cũng chỉ là "hoang tưởng" ? Nhưng, phải công nhận rằng, từ khi còn người xuất hiện trên hành tinh này, thì hầu như chiến tranh là "bạn đồng hành" của hắn. Biết bao nhiêu vũ khí giết người đã ra đời!

Biết bao nhiêu học thuyết giết người đã ra đời ! Đến bao giờ “con người” mới ra khỏi “cơn điên” và sự “ngu dốt” của mình?

YAHHOO! BÔNG HỒNG HUYỀN BÍ

Vào 19/8/1988, Osho khởi đầu một loạt những buổi nói chuyện, mà sẽ là lọat cuối cùng, dành riêng cho việc trả lời những câu hỏi. Trong suốt những buổi nói chuyện này, ông bắt đầu phát triển một loại thiền định “buông bỏ” (let go), mà ông đích thân hướng dẫn. Ông cũng giới thiệu cái mà ông gọi là một “chào mật chú” (mantra salute) – dựa trên một câu chuyện đùa mà ông đã kể ở một trong những buổi nói chuyện của mình ; đó là việc giơ cả hai cánh tay vào không khí và hô to “Yaa – hoo!”

Vào 30/4, Osho loan báo rằng, ông đã phát triển một tiến trình mới, mà ông gọi là “liệu pháp thiền định.” Sau những thí nghiệm đầu tiên, tiến trình này được cải thiện : nó diễn ra 3 giờ một ngày qua một giai đoạn 3 tuần - một tuần của tiếng cười, một tuần của nước mắt, và một tuần của việc chứng kiến im lặng. Không có sự tương tác nào giữa những tham dự viên và không có nhà trị liệu nào, mà chỉ có một “kẻ trợ giúp” (facilitator), đã được huấn luyện trong việc hướng dẫn tiến trình. Nó được gọi là “Bông Hồng Huyền Bí.”

Không có lọai thiền định nào hiến tặng cho bạn nhiều bằng “thủ thuật” nhỏ bé này. Đây là kinh nghiệm của tôi về nhiều buổi thiền định, rằng cái phải được làm, là phá vỡ 2 “ tầng” (layer) trong bạn. Tiếng cười của bạn bị đè nén; bạn đã được bảo, “ Đừng cười to, nó là một vấn đề nghiêm túc.” Bạn không được phép cười to trong nhà thờ, hay trong một giờ học ở trường đại học…

Do vậy, cái "tầng" đầu tiên là tiếng cười, nhưng một khi tiếng cười đã kết thúc, bỗng nhiên bạn thấy mình bị ngập lụt bởi những giọt nước mắt, thống khổ. Nhưng cái đó, nữa, cũng sẽ là một hiện tượng "trút gánh" to lớn. Nhiều cuộc đời đau đớn và khổ sở sẽ biến đi. Nếu bạn có thể loại trừ được hai "tầng" này, thì bạn đã tìm thấy chính mình.

Tôi đã phát minh ra nhiều loại thiền định, nhưng có lẽ cái này là cái cốt yếu và nền tảng nhất.

Trong những tuần sau đó, Osho thêm vào hai liệu pháp thiền định, đó là thiền "Vô- Trí" (No – Mind), và thiền "Tái – Sinh" (Born Again). Thiền "Vô – Trí" bắt đầu với việc "nói lắp bắp" (gibberish), và sau đó là sự quan sát im lặng. Thiền " Tái – Sinh" cho phép tham dự viên tự do chơi đùa như thể họ là trẻ con. Ông cũng gợi ý rằng, những nhà liệu pháp nào thành thạo trong những loại thiền định và thôi miên có hướng dẫn, nên làm sống lại một kỹ thuật Tây tạng cổ xưa - một kỹ thuật chữa trị thân- tâm, mà ông gọi là " Tự nhắc nhở chính bạn về ngôn ngữ bị lãng quên, bằng cách nói chuyện với cơ thể."

NHỮNG BÀI NÓI VỀ ZEN

Sau khi hoàn tất loạt bài về Bông Hồng Huyền Bí, Osho bắt đầu nói về những câu chuyện về Zen và haiku. Như là thành phần của những buổi nói chuyện về Zen, ông trả lời những câu hỏi từ biên tập viên (editor) của ông, về ý nghĩa của những câu chuyện và những bài haiku, và thường hay bình luận về những vụ việc (affair) hiện hành trên thế giới, và những mối quan tâm có tính xã hội. Nhưng ông không bao giờ, một lần nào nữa, trả lời những câu hỏi về những mối quan hệ giữa những con người, và những vấn đề cá nhân khác. Những buổi nói chuyện của mình, ông thường dành riêng cho cây cỏ bao quanh thiền phòng, về những con chim, những đám mây, hay những hạt mưa, hay những yếu tố khác của thiên nhiên.

Một trong những điều cơ bản nhất mà tất cả các bạn cần phải nhớ, là một tôn giáo chỉ sống động khi nào không có học thuyết (doctrine) được tổ chức, không có những hệ thống tin tưởng, không giáo điều, không thần học. Khi chỉ có sự im lặng này, và cỏ cây đang thưởng thức (enjoy) vũ điệu trong cơn gió nhẹ, thì trong trái tim bạn, một cái gì đó tăng trưởng. Nó là của riêng bạn, nó không đến từ bất cứ kinh điển nào; không ai có thể trao nó cho bạn bởi vì nó không phải là kiến thức.

Đó là sự khác biệt lớn nhất giữa tất cả mọi tôn giáo ở một phía, và Zen, ở phía bên kia. Mọi tôn giáo trừ Zen ra, đều chết cứng. [25] Chúng đã trở thành những thần học, những hệ thống triết học, những học thuyết, hoá thạch, nhưng chúng đã quên mất ngôn ngữ của cây cỏ. Chúng đã quên mất sự im lặng mà trong đó ngay cả cây cỏ cũng có thể được nghe và được hiểu. Chúng đã quên mất niềm vui – niềm vui đó phải hồn nhiên và tự phát - khởi lên từ trái tim của mọi sinh linh.

Cái khoảnh khắc mà kinh nghiệm trở thành một lời giải thích, một sự diễn đạt, thì nó không còn thở nữa; nó chết – và khắp thế giới, người ta đang khiêng (carry) những học thuyết chết.

Tôi gọi Zen là tôn giáo duy nhất đang sống, bởi vì nó không phải là một tôn giáo, nó chỉ là tính tôn giáo. Nó không có giáo điều, nó không lệ thuộc vào bất cứ kẻ sáng lập nào. Nó không có quá khứ; thật ra, nó không có gì để dạy bạn. Nó là điều kỳ lạ nhất mà đã từng xảy ra trong toàn bộ lịch sử của nhân loại – kỳ lạ nhất bởi vì nó tận hưởng trong sự trống rỗng, nó nở hoa trong hư vô (tánh không - nothingness). Nó được thành tựu viên mãn trong sự hồn nhiên, ngây thơ, không phải trong "sự biết." Nó không phân biệt giữa cái "trần tục" và cái thiêng liêng. Đối với Zen, tất cả những gì hiện hữu đều thiêng liêng.

Những buổi thiền định có hướng dẫn ở cuối những bài nói về Zen trở nên dài hơn, và Osho thêm vào một giai đoạn "nói lắp bắp" (gibberish). Kế đó, là tọa thiền im lặng, rồi đến "buông bỏ" (thư giãn cơ thể và té xuống sàn), rồi trở lại tư thế ngồi để bước vào sự im lặng sâu hơn, và sau cùng, lễ hội, khi Osho rời thiền phòng. Osho hướng dẫn hội chúng qua những giai đoạn im lặng, và mỗi giai đoạn được loan báo bằng tiếng đập trống.

Hãy im lặng. Hãy nhắm mắt, hãy cảm nhận rằng cơ thể bạn đang hoàn toàn đông cứng.

Bây giờ hãy nhìn vào bên trong, thu góp tất cả ý thức của bạn – hầu như một mũi tên, bay (forcing) về phía trung tâm.

Tại trung tâm bạn là vị Phật. Ở ngoại vi, bạn có thể là bất cứ ai đó, Tom, Dick, Harry; ở chu vi, tất cả các bạn đều khác nhau, nhưng tại trung tâm, cái bản tính cốt yếu của bạn là bản tính của một vị Phật, con người của Đạo.

Mỗi lúc càng sâu hơn – bởi vì bạn càng đi sâu, kinh nghiệm của bạn về thực tại vĩnh cửu càng nhiều hơn. Những bông hoa sẽ bắt đầu mưa xuống bạn, toàn bộ vũ trụ sẽ mừng vui (rejoice) vì sự im lặng của bạn.

Hãy chỉ là một nhân chứng, từ trung tâm, và bạn đã về tới nhà.

Để làm rõ… (To make it clear)

(Tiếng đập trống)

Hãy thư giãn. Hãy đơn giản nhớ rằng bạn chỉ là một nhân chứng. Cơ thể không phải là bạn, tâm trí không phải là bạn. Bạn chỉ là một tấm gương. Và khi bạn ổn định vào trong một sự chứng kiến (hồn

nhiên) như tấm gương, thì toàn bộ vũ trụ mặc lấy một hình thức vô cùng đẹp. Mọi sự trở nên thiêng liêng, có thần tính (divine.) Buổi chiều tối này thì tự nó đã đẹp rồi, nhưng tiếng gầm sư tử của Joshu đã làm cho nó trở nên đẹp tuyệt vời.

Chính trong khoảnh khắc này bạn là một vị Phật.

Khi bạn trở lại (cuộc sống bình thường), hãy mang vị Phật theo với bạn. Bạn phải sống như một vị Phật, đưa vị Phật vào trong cuộc sống thường nhật của bạn. Tôi chống lại việc từ bỏ thế gian – tôi ủng hộ việc sáng tạo lại thế gian. Càng có thêm nhiều vị Phật, thế gian sẽ có thêm những bầu trời mới, những chiều kích mới, những cánh cửa mới mở ra … những huyền nhiệm mới, những phép lạ mới.

Hãy thu góp càng nhiều hương thơm và bông hoa như bạn có thể.

(Tiếng đập trống).

Hãy trở lại, nhưng hãy trở lại như là một vị Phật – bình an, duyên dáng (graceful). Hãy ngồi trong vài khoảnh khắc chỉ để hồi tưởng lại kinh nghiệm của bạn về cái không gian mà bạn đã viếng thăm và cái huy hoàng (splendor) mà bạn đã trải nghiệm.

Mọi ngày bạn phải đi mỗi lúc một sâu hơn. Do vậy, hãy luôn nhớ bạn đã đi bao xa: Ngày mai bạn phải đi xa hơn một chút. Có thể phải mất 2, hoặc 5, hoặc 20, hoặc 30 năm – nhưng bạn phải trở thành một vị Phật. Đối với riêng tôi, ngay bây giờ bạn là một vị Phật, bạn chỉ phải có lòng dũng cảm. Trong 30 năm đó, bạn sẽ không trở thành một vị Phật – bạn đã là một vị Phật rồi. 30 năm đó chỉ là để vứt bỏ sự nghi ngờ, nghi ngờ rằng, làm thế nào bạn lại có thể là một vị Phật được? Cho dù tất cả những vị Phật cố thuyết phục bạn, thì ở dưới sâu (vẫn) là sự nghi ngờ: " Trời đất, tôi? Và là một vị Phật ư?" Nhưng một ngày nào đó, bạn sẽ bị thuyết phục bởi kinh nghiệm của chính bạn. Không

có sự “chuyển hoá” (conversion) thực thụ nào mà không có kinh nghiệm của riêng bạn.

---

[25] Ý kiến này cần được thảo luận thêm.

KẾT CỤC CỦA “ BHAGWAN”

Vào tháng 12/1988, Osho lại đổ bệnh trầm trọng, đòi hỏi sự túc trực của y sĩ riêng 24 giờ một ngày. Khi ông trở lại thiền phòng sau 3 tuần vắng mặt, ông đưa ra một thông báo gây sửng sốt. Một nữ tiên tri (seeress) Nhật bản đã gởi một thông điệp, rằng cô ta tin rằng Phật Gautama đang dùng Osho như là một “kênh chuyển tải”. Ông xác nhận rằng điều này là đúng và loan báo rằng ông đang bỏ cái tên Bhagwan. Ông cũng cởi bỏ cặp kính râm mà ông đã mang trong dăm bảy tháng bởi vì ánh sáng video đã quấy rầy đôi mắt ông, và trao nó cho một trong số những đệ tử của ông. Cái tên mới của ông đi qua dăm bảy “biến thể” (variation) qua vài ngày kế tiếp, và một cái tên khác xuất hiện để trả lời cho một câu hỏi từ một phóng viên UPI.

Phật Gautama đã trú ẩn (take shelter) trong tôi.[26] Tôi là chủ nhà, Ngài là vị khách. Không có vấn đề về bất cứ sự cải đạo (sang đạo Phật) nào. Tôi là một vị Phật, trong tư cách của riêng mình (in my own right), và đó là lý do tại sao Ngài đã muốn dùng tôi như là cái “kênh chuyển tải” (vehicle) cho công trình còn lại của Ngài. Ngài đã từng chờ đợi, một đám mây lang thang trong 25 thế kỷ, để tìm một “kênh” thích hợp.

Tôi không phải là một "Phật tử." Và Phật Gautama cũng không có ý định tạo ra những Phật tử, hoặc tạo ra một tôn giáo có tổ chức (định chế). Thậm chí, 25 thế kỷ về trước, Ngài chưa bao giờ tạo ra một tôn giáo có tổ chức. Cái khoảnh khắc mà chân lý được tổ chức, nó trở thành một sự dối trá. Một tôn giáo có tổ chức không là gì khác hơn một thứ chính trị được che giấu, một sự bóc lột tàn tệ bởi giới tăng lữ. Họ có thể là những shankara, imam, rabbi, hay giáo hoàng – nó không tạo ra sự khác biệt nào.

Phật Gautama không để lại đằng sau Ngài bất cứ kẻ thừa kế nào. Những lời cuối cùng của Ngài là, "Đừng làm tượng ta, đừng sưu tập (collect) những lời nói của ta. Ta không muốn trở thành một biểu tượng phải được thờ phụng. Hoài bão sâu xa nhất của ta, là các ngươi sẽ không là những kẻ bắt chước. Các ngươi không cần phải là những Phật tử, bởi vì cái tiềm năng của chính ngươi là trở thành một vị Phật."

Tôi muốn nói: Vì lý do nêu trên, tôi không dạy đạo Phật, hay bất cứ cái "ism" (chủ nghĩa) nào. Tôi dạy bạn trở thành chính vị Phật. Những người mà ở cùng tôi, không là thành phần của một tôn giáo có tổ chức nào. Họ là những kẻ tìm kiếm độc lập, cá nhân. Mối quan hệ của tôi với họ là mối quan hệ của một bạn đồng hành.

Nhân thể tôi phải nhắc bạn nhớ đến lời tiên tri của Phật Gautama cách đây 25 thế kỷ: "Khi ta trở lại một lần nữa, ta sẽ không thể được tái sinh xuyên qua tử cung của một người phụ nữ. Ta sẽ phải lưu trú trong một người có "tâm thức" (consciousness) tương tự và chiều cao tương tự và bầu trời mở rộng tương tự. Ta sẽ được gọi là 'Người bạn'."

Một tự do lớn lao được hàm ẩn trong cái từ đó. Ngài không muốn là guru của bất cứ ai, Ngài chỉ đơn giản muốn là một người bạn. Ngài có cái gì đó để chia sẻ, không có điều kiện nào gắn kết với sự chia sẻ đó.

Điều này cũng sẽ giúp bạn, bởi vì một số ít sannyasin bị bối rối về việc làm thế nào họ phân biệt được cổ Phật Gautama và tôi. Lời tiên tri của Phật Gautama giúp để làm sáng tỏ cho sự bối rối, lẫn lộn này.

Mặc dù Ngài đã trú ngụ trong tôi, tôi sẽ không được gọi là Phật Gautama. Tôi thích được gọi theo lời tiên tri của Ngài: Phật Maitreya (Di Lặc). Maitreya có nghĩa là " người bạn." Cái đó sẽ giữ cho sự phân biệt được rõ ràng. Sẽ không có sự lẫn lộn nào.

Vào đêm thứ 5 của cuộc "viếng thăm bất thường" [27], Osho đến thiền phòng với một loan báo khác. Phật Gautama đã bỏ đi, bởi vì những bất tương thích nào đó trong phong cách sống của vị khách và chủ nhà.

Bốn ngày này đã vô cùng khó khăn đối với tôi. Tôi đã nghĩ rằng, Phật Gautama sẽ hiểu biết về sự đổi thay của thời đại, nhưng mà không thể được. Tôi đã cố gắng hết sức, nhưng mà Ngài quá khuôn định (disciplined) trong cái cách của riêng Ngài – cách đây 25 thế kỷ – Ngài đã trở thành một "cục xương cứng" (hard bone).

Những điều bé nhỏ lại trở thành khó khăn.

Ngài có thói quen chỉ ngủ quay phía bên phải. Ngài không dùng một cái gối; Ngài thường dùng bàn tay mình để làm gối. Cái gối, đối với Ngài, là một xa xỉ phẩm.

Tôi nói với Ngài, " Cái gối đáng thương (poor) không phải là một thứ xa xỉ, và đặt bàn tay Ngài suốt đêm dưới đầu là hoàn toàn một sự tra tấn. Và, phải chăng Ngài nghĩ rằng, nằm quay mặt về bên phải là đúng, và bên trái là sai? Riêng phần tôi, đây là cái nền tảng căn bản của tôi, rằng tôi tổng hợp cả hai phía."

Ngài chỉ ăn một lần mỗi ngày, và (dù) không nói một lời, Ngài muốn rằng tôi cũng nên làm như vậy. Ngài có thói quen khất thực. Ngài hỏi tôi, " Cái bình bát của ta đâu!"

Chiều tối này, vào đúng 6 giờ, khi tôi đang dùng cái bồn tắm của mình, Ngài trở nên rất khó chịu (disturbed) – Bồn tắm? Tắm 2 lần một ngày, cũng là một sự xa xỉ.

Tôi nói, "Ngài đã thành tựu lời tiên tri của Ngài rằng Ngài sẽ trở lại. Bốn ngày là đủ – Tôi chào tạm biệt Ngài! Và bây giờ Ngài không cần phải lang thang vòng quanh trái đất nữa; Ngài chỉ đơn giản biến mất vào trong bầu trời xanh tối hậu.

"Trong 4 ngày, Ngài đã thấy, tôi đang làm công việc mà Ngài muốn làm, và tôi đang làm nó theo nhu cầu của thời đại. Tôi không sẵn sàng – trong bất cứ cách nào – tuân theo mệnh lệnh. Tôi là một cá nhân tự do. Vì tự do và tình yêu của tôi, tôi đã tiếp Ngài như một vị khách, nhưng xin đừng cố trở nên một chủ nhà."

Bốn ngày này tôi đã bị nhức đầu. Trong 30 năm, tôi đã không bị nhức đầu, tôi đã hoàn toàn quên thế nào là nhức đầu. Mọi sự đều bất khả. Ngài đã quá quen với cái cách của mình, và cái cách đó ngày nay không còn thích hợp (relevant) nữa.

Do vậy, bây giờ tôi đưa ra một phát biểu lịch sử lớn hơn nhiều, rằng tôi chỉ là chính mình.

Bạn có thể tiếp tục gọi tôi là Phật, nhưng nó không có dính dáng gì tới Phật Gautama hay Phật Di Lặc. Tôi là một vị Phật trong cái tư cách riêng của mình (in my own right). Từ " Phật" chỉ đơn giản có nghĩa là "kẻ tỉnh thức" (the awakened one). Bây giờ tôi tuyên bố rằng, tên của tôi nên là Shree Rajneesh Phật Zorba.

Shree Rajneesh Phật Zorba chẳng bao lâu bỏ tất cả những cái tên của ông, và nói rằng, ông chỉ đơn giản vẫn là vô danh. Tuy nhiên,

những sannyasin của ông đều bối rối vì không có cái tên nào để gọi ông. Họ gợi ý muốn gọi ông là “Osho” – từ này đã xuất hiện trong những câu chuyện Thiền, như là một từ để biểu lộ sự kính trọng và vinh danh. Osho đồng ý và thêm vào từ đó cái nghĩa của riêng ông, liên hệ nó với cái từ oceani [28] của William James. Sau này, ông nói rằng, nó không phải là tên ông chút nào, mà chỉ là một “âm thanh có tính trị liệu” (healing sound).

---

[26] Ý nói, Phật Gautama “mượn tạm” thân xác của Osho – như kiểu “ nhập đồng” vậy.

[27] Osho cho biết, đây là “cuộc viếng thăm” của Phật Gautama.

[28] Oceani: Đại dương. Như vậy, “Osho”cũng có nghĩa là “đại dương”.

CƯƠNG LĨNH THIỀN: THOÁT KHỎI CHÍNH MÌNH.

Trong tuần lễ theo sau “cuộc viếng thăm” (visitation) của Phật Gautama, Osho có vẻ như được tiếp thêm sức mạnh và năng lượng từ những nguồn dự trữ mới. Những buổi nói chuyện của ông trở nên lâu hơn – trong một hai dịp, ông nói gần 4 tiếng đồng hồ không nghỉ – và giọng nói của ông rõ ràng là bốc lửa hơn và đầy khí lực hơn. Trong những loạt nói chuyện khác nhau, ông liên hệ Zen với F. Nietzsche và Walt Whitman, so sánh nó với Kytô giáo, và đề nghị nó cho Gorbachev như là một con đường để làm dễ dàng sự chuyển tiếp từ cọng sản sang tư bản. Nhưng vào tháng 1/1989, hai ngày sau khi bắt đầu một loạt bài nói chuyện với nhan đề “ Cương Lĩnh Thiền”,

Osho bị đổ bệnh trở lại, và không xuất hiện trong thiền phòng cho tới đầu tháng 4. “Cương Lĩnh Thiền” sẽ chứng tỏ là loạt nói chuyện sau cùng của ông.

Cương Lĩnh Thiền là tuyệt đối cần thiết, bởi vì tất cả những tôn giáo cũ đang rã ra từng mảnh (falling apart). Và trước khi chúng tan rã, và nhân loại hoàn toàn trở nên điên khùng, Zen phải được quảng bá rộng khắp trái đất. Trước khi căn nhà cũ sụp xuống, bạn phải tạo ra một căn nhà mới.

Và lần này, đừng phạm phải sai lầm tương tự. Bạn đã và đang sống trong một ngôi nhà (mà nó) không có thực; do vậy, bạn đang chịu đựng mưa gió, lạnh lẽo, nắng gắt, bởi vì ngôi nhà đó chỉ là một tưởng tượng. Lần này hãy thực sự bước vào trong ngôi nhà nguyên thủy (original) của bạn, không phải vào trong một ngôi đền nhân tạo, một tôn giáo nhân tạo nào. Hãy đi vào trong sự hiện hữu của riêng bạn. Tại sao lại là một bản sao, một cách liên tục như thế?

Lần này thì rất quý giá. Bạn được sinh ra trong một khoảnh khắc rất may mắn, khi mà ngôi nhà cũ đã mất tính hiệu lực (validity) của nó, sức chịu đựng thử thách (proof) của nó, khi mà cái cũ đơn giản đang treo lủng lẳng xung quanh bạn bởi vì bạn không đủ dũng cảm để ra khỏi nhà tù. Nếu không thế, thì những cánh cửa đang rộng mở – thật ra, chưa bao giờ có cánh cửa nào, bởi vì ngôi nhà mà bạn đang sống là hoàn toàn tưởng tượng. Những vị thần của bạn là tưởng tượng, những giáo sĩ của bạn là tưởng tượng, những thánh kinh của bạn đều là tưởng tượng.

Lần này hãy đừng phạm phải sai lầm tương tự. Lần này nhân loại phải làm một bước nhảy lượng tử từ những lừa dối cũ kỹ, rã nát, đến chân lý tươi mới, tươi mới một cách vĩnh cửu.

Đây là cương lĩnh của Zen.

Những lời cuối cùng của Osho được nói trước công chúng diễn ra ở cuối buổi thiền định cho buổi chiều tối ngày 10/4/1989:

Khoảnh khắc này bạn là những người diễm phúc nhất trên trái đất. Việc nhớ rằng chính bạn là một vị Phật, là kinh nghiệm quý giá nhất, bởi vì nó là vĩnh cửu của bạn, nó là bất tử tính của bạn.

Nó không phải là bạn, nó chính là sự hiện hữu của bạn. Bạn là một với những ngôi sao và cỏ cây và bầu trời và đại dương. Bạn không còn bị tách rời.

Lời nói cuối cùng của Phật là sammasati.

Hãy nhớ rằng bạn là một vị Phật – sammasati.

"NHÓM NÒNG CỐT" (THE INNER CIRCLE)

Vào tháng 6/4, Osho thành lập cái mà ông gọi là "Nhóm Nòng Cốt", gồm 21 đệ tử, họ sẽ trông coi việc quản trị (administration) thực tế của công xã. Ông không thảo luận nó trong hội chúng, nhưng về sau, ông làm rõ trong những "đường lối" (guideline) mà ông hoạch định cho nhóm đó, rằng, mục đích của họ không phải là cung cấp cái chiều hướng tâm linh, mà chỉ là trông coi những khía cạnh thực tiễn, để cho công trình của ông có thể tiến hành. Nếu những thành viên nào của Nhóm Nòng Cốt bị chết, hoặc quyết định rời bỏ vì lý do nào đó, họ sẽ được thay thế bởi quyết định nhất trí của những thành viên còn lại, và tất cả mọi quyết định của nhóm đều sẽ phải được biểu quyết để đi tới sự nhất trí chung (consensus).

Bạn không thể tránh một truyền thống; nó nằm ngoài sự kiểm soát. Một khi bạn qua đời, bạn không thể ngăn cản những gì mà hậu thế sẽ làm. [29] Thay vì để nó rơi vào tay kẻ ngu dốt, tốt hơn bạn nên đưa ra đường lối đúng.

---

[29] Hình như Osho đã học được bài học đau đớn của các vị giáo chủ và các vị thầy. Mọi chân lý, khi vào tay hàng "đệ tử", đều có nguy cơ trở thành tà thuyết. Than ôi! Và, chắc chắn Osho cũng không phải là ngoại lệ!

CHUẨN BỊ CHO CHUYẾN KHỞI HÀNH

10/4/1989: Osho bảo thư ký của ông rằng, khi ông hoàn tất bài nói chuyện, thì năng lượng của ông sẽ hoàn toàn thay đổi. Ông giải thích rằng, người ta bước vào thế gian thông qua 9 tháng trong tử cung, thì cũng tương tự, 9 tháng trước khi chết, năng lượng một lần nữa bước vào trong một giai đoạn "ấp ủ" (incubatory) của sự chết. Bài nói vào chiều tối này, hoá ra là sự khởi đầu của một loạt bài mới có nhan đề "Sự Giác Ngộ Của Đức Phật." (Awakening of the Buddha).

19/5: Trong một cuộc họp mặt khoáng đại tại thiền phòng, hội chúng được thông báo rằng, Osho sẽ không nói trước công chúng một lần nào nữa.

23/5: Hội chúng được thông báo, rằng Osho sẽ đến thiền phòng (meditation hall) trong những buổi chiều tối. Khi ông đến, nhạc sẽ được tấu lên, để cho mọi người có thể "lễ hội" (celebrate) cùng với ông, và tiếp đó, sẽ là một giai đoạn của thiền định im lặng, sau đó, Osho sẽ rời. Một video của một trong số những bài nói của ông sẽ được trình chiếu sau khi ông rời thiền phòng.

Tháng 6 – 7

Trường Đại Học Đa Khoa Osho (Multiversity) được thành lập, với những "phân khoa" (faculties) khác nhau để trông coi những "nhóm nghiên cứu" (workshops) và những chương trình khác nhau đề ra bởi công xã. Những cái này bao gồm Trung Tâm Chuyển Hoá, Trường Huyền Bí, Trường Nghệ Thuật Sáng Tạo (School of Creative Arts) và Trường Nghệ Thuật Quân Sự.

Hội chúng được yêu cầu mặc áo thụng (robe) trắng cho những buổi họp mặt lúc chiều tối, và sự thay đổi này được áp dụng trong suốt thời gian diễn ra một festival truyền thống của Ấn độ - từ lâu đã được cử hành bởi công xã - vào tuần trăng tròn của tháng 7, nhằm tôn vinh những vị đạo sư chứng ngộ.

25/8: Osho gợi ý, rằng nên sắp xếp sao cho áo thụng màu mận tía được mặc trong suốt những sinh hoạt ban ngày bên trong công xã.

31/8: Một phòng ngủ mới cho Osho được hoàn tất tại nơi mà trước đây là Thính đường Trang Tử, tiếp giáp với thất của ông. Ông đã và đang trực tiếp tham dự vào việc thiết kế căn phòng mới này, được lát đá cẩm thạch và thắp sáng bởi những đèn chùm lớn, với những cửa sổ từ sàn tới trần nhà, nhìn ra khu vườn um tùm vây quanh.

14/9: Osho dời về lại phòng ngủ trước đây của ông, và căn phòng mới thì được dùng cho Bông Hồng Huyền Bí và những liệu pháp thiền "vô trí" (No – mind). Một con đường đi bộ (walkway) mới, được vây kín bằng kiếng, có điều hòa không khí - trước đây nó được xây để cho Osho đi dạo trong vườn - sẽ được dùng cho việc thực hành thiền vipassana, thiền tọa, và những nhóm thiền im lặng khác.

17 /10: Osho ra huấn thị về việc cái gì sẽ xảy ra khi ông rời bỏ thân thể. Ông cũng yêu cầu thành lập một nhóm để dịch những cuốn sách bằng tiếng Hindi của ông sang tiếng Anh, và ra huấn thị thêm về việc Nhóm Nòng Cốt sẽ hoạt động ra sao.

24/12: Tờ The Sunday Mail, UK, đăng một bài báo, nói rằng Vatican chịu trách nhiệm một phần về việc Osho bị trục xuất khỏi nước Mỹ.

17/1/1990: Y sĩ của Osho loan báo rằng, từ nay về sau, Osho sẽ không thể ngồi trong thiền phòng trong suốt buổi thiền định lúc chiều tối nữa, nhưng sẽ xuất hiện một cách ngắn ngủi để chào hội chúng và rời ngay sau đó. Khi Osho xuất hiện trong thiền phòng, hiển nhiên là ông rất mỏng manh (fragile), đứng không vững.

19/1/1990: Osho rời bỏ thân thể vào lúc 5 giờ chiều, từ chối việc chữa trị bất thường - được gợi ý bởi bác sĩ của ông - với những lời: " Sự hiện hữu quyết định cái thời điểm của nó", và bình an nhắm hai mắt lại, ra đi. Bác sĩ của ông báo tin buồn vào lúc 7 giờ tối, khi mọi người tụ tập trong thiền phòng cho cuộc gặp gỡ thường lệ vào buổi tối. Sau một khoảng cách thời gian (interval) ngắn ngủi để cho phép những người bạn thông báo với những ai không có mặt trong thiền phòng, nhưng muốn đến viếng, thi hài của Osho được đưa vào thiền phòng để hành lễ trong 10 phút, rồi được tang chúng rước tới địa điểm hỏa táng gần đó, nơi mà lễ "tiễn biệt" (send off) dành cho ông tiếp tục suốt đêm.

Hai ngày sau, tro của Osho được mang đến Thính đường Trang Tử – căn phòng mà đã được tân trang như là một "phòng ngủ" mới – nơi mà ông đã có những buổi nói chuyện và gặp gỡ với những sannyasin và những kẻ tìm kiếm trong nhiều năm. Tro được đặt, theo di huấn của Osho, "dưới giường" – một phiến (slab) cẩm thạch ở trung tâm một phía của căn phòng mà quả thực đã được thiết kế như là một cái "bục giường" (bed platform) - và được bao phủ bằng một tấm thẻ nhôm (plaque,) trên đó được khắc những lời mà vài tháng trước đó ông đã đọc để ghi lại:

OSHO
CHƯA BAO GIỜ SINH RA
CHƯA BAO GIỜ CHẾT ĐI

CHỈ VIỄNG THĂM HÀNH TINH NÀY GIỮA

1931 – 1990

~~000~~

trang đỗ tư nghĩa

chân trần

art2all.net

 Converted with the trial version of Word Cleaner
To remove this message click here to buy the full version now.